

Đà Lạt ngày tháng cũ



Soạn giả:
NGÔ TĂNG GIAO
Luật sư Đà Lạt



Đà Lạt
ngày tháng cũ

Soạn Giả:
Ngô Tăng Giao
Luật Sư Đà Lạt

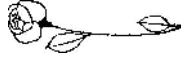
TÀI BẢN 2016

“Đà Lạt Ngày Tháng Cũ”

Xuất bản tháng 9 năm 2010, Virginia, USA

Tái bản tháng 3 năm 2016, Virginia, USA

Thay lời nói đầu



Hôm nay ngoài trời mưa rả rích suốt cả buổi. Mây giăng u ám. Thật giống cái thành phố cao nguyên xưa kia tại quê nhà. Trong căn phòng hơi lạnh bao trùm. Lòng người xa xứ đã lạnh lại càng thêm lạnh. Lò sưởi được bật lên. Hai khúc củi già trong lò tuy mang lại hơi ấm nhưng thiếu mùi gỗ thông, thiếu làn khói toả ra, thiếu cả tiếng nổ lách tách nữa. Thật quả khó mà có thể quên được biết bao nhiêu kỷ niệm với cái thành phố mang tên Đà Lạt của những ngày tháng cũ. Kể từ 1975 tính tới nay thế mà đã 40 năm trôi qua rồi! Nhanh thật là nhanh! Nhớ ời là nhớ!

Cái thùng sách để dưới tủ sách được kéo lại gần phía lò sưởi. Trong thùng này chứa đựng khá nhiều tài liệu về Đà Lạt: sách báo, tạp chí, đặc san, thư từ, hình ảnh cùng các bài vở v.v... Thôi thì đủ cả. Được lưu trữ mấy chục năm rồi chứ có sớm sửa gì! Đi đâu hể cứ kiếm được tài liệu nào về Đà Lạt là lại cất giữ. Bạn bè thân quen khắp nơi biết ý nên thấy có tài liệu gì hấp dẫn là lại gửi cho. Bây giờ không ngờ mà đã đầy cả thùng. Đây là không kể đến các băng nhạc, các băng hình, các CD về Đà Lạt sau khi nghe và coi nhiều lần được gom lại và cất giữ trong một thùng khác. Lại còn cả chục tấm ảnh đen trắng về phong cảnh Đà Lạt xưa chụp rất nghệ thuật được phóng lớn treo trên tường nữa đấy!

Người xa xứ luôn nhớ về chốn cũ. Nhớ cảnh. Nhớ người. Làm sao quên được cái thành phố đó, có người gọi là thành phố hoa đào, hoặc thành phố sương mù hay thành phố buồn, thành phố mộng mơ v.v... Và còn nhiều tên gọi khác nữa, nghe đều hay, đều gọi cảm. Đưa tay bật chiếc máy hát. Giọng hát vang lên, thật ấm áp: *"Ai lên xứ hoa đào đừng chân bên hồ nghe chiều rơi. Nghe hơi gió len vào hồn người chiều xuân mây êm trời..."*

Mở thùng sách ra, nhẹ nhàng lật từng tài liệu, từng trang sách. Chao ời sao mà nhiều thế! Biết bao người cũng đã trải nỗi lòng nhưng nhớ về Đà Lạt như mình. Thật đồng điệu! Thật thú vị! Đây là nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ và ca sĩ. Rồi đến các nhiếp ảnh gia, họa sĩ, nhà báo và nhà giáo v.v... Thôi thì đủ mặt. Có các dòng chữ được ghi xuống từ hơn nửa thế kỷ trước. Mấy bài mới nhất ghi năm 2015. Đếm ra có đến khoảng hơn 150 người góp mặt. Phần lớn là những người xa quê hương. Có người đã khuất bóng. Đa số còn lại vẫn hiện diện trên cõi trần gian này. Tâm tư tình cảm bỗng bình như bóng mây, tuôn trào như thác nước...

Mạn phép chuyển lại những hồi ký, những dòng chữ, những ý nhạc mang nặng nỗi lòng này cho mọi người cùng rung cảm. Cứ việc trích dẫn ra những phần chính yếu hợp với chủ đề “*Đà Lạt ngày tháng cũ*.” Sắp xếp lại vào từng mục. Thêm thắt đôi lời. Thế là có một món quà thật thú vị để gửi đến tặng những ai nặng lòng yêu thương và nhung nhớ Đà Lạt, những “người Đà Lạt”!

Hình ảnh Đà Lạt dưới ống kính của các nhiếp ảnh gia thời rất nhiều và rất đẹp. Nhưng vì lý do kỹ thuật in ấn nên xin để dành cho một dịp khác. Trong cuốn này chỉ trích lại một vài hình ảnh chủ yếu mà thôi. Tất nhiên còn vô số tài liệu quý hóa về Đà Lạt khác nữa chứ nhưng chưa có được trong tay. Thôi đành chờ dịp khác vậy. Lại còn tài liệu nói về Đà Lạt sau năm 1975 nữa đây. Chỉ trích vài đoạn thật đặc biệt còn cũng xin tạm gác qua một bên vì không hợp với chủ đề.

Hai chữ “*Đà Lạt*” đôi khi lại viết khác nhau (Dalat, Đàlạt v.v...). Tôn trọng người viết nên khi trích dẫn vẫn để nguyên. Tài liệu trích dẫn giả dụ nếu có chỗ nào không đồng nhất hoặc thiếu chính xác thiết nghĩ điều đó không quan trọng lắm vì sách không có mục đích biên khảo về sử địa. Sách chỉ muốn ghi lại những cảm xúc về Đà Lạt của những ngày tháng cũ với bao niềm thương nỗi nhớ. Cái tình này thời luôn đậm đà, mãi chân thật và xác thực.

Sách xuất bản lần đầu vào năm 2010. Nay có được thêm nhiều tài liệu nữa nên được tái bản vào năm 2016. Hơn 40 năm xa xứ! Hơn 40 năm xa Đà Lạt thân yêu!

Giọng hát vẫn vang lên nhịp nhàng khiến căn phòng nhỏ thêm ấm áp và lòng người bớt cô quạnh: “*Người về từ hôm nao mà lòng còn thương vẫn thương. Bao nhiêu năm tháng cũ mà hồn nào tôi vẫn vương. Giờ này nhìn sương khói mà thắm mơ màu hoa trên má ai...*” Xin thân ái mời những ai yêu Đà Lạt, mời những “người Đà Lạt” cùng lắng nghe bản “*Ai lên xứ hoa đào*” của nhạc sĩ Hoàng Nguyên để cùng mở đầu cuộc hành trình quay về thăm viếng lại miền đất cao nguyên thương yêu cũ của chúng ta...

LS. Ngô Tăng Giao

Bút hiệu: Tâm Minh

Tháng 9 năm 2010
và tháng 3 năm 2016
Virginia, USA

Ai lên xứ hoa đào



Đà Lạt trước 1975 và bác sĩ Yersin

Đà Lạt là một thành phố trẻ, sớm hấp thụ nền văn minh Âu châu và mới được khám phá trong vòng hơn một trăm năm nay. Trước năm 1975, Đà Lạt là một nơi để du lịch và để nghỉ ngơi dưỡng sức lý tưởng, với diện tích 417km², trải mình trên những ngọn đồi uốn lượn chập chùng với một vẻ quyến rũ độc đáo riêng.

Thành phố Đà Lạt nằm trong cao nguyên Lang Biang, phía Bắc tỉnh Lâm Đồng, giáp ranh với huyện Đức Trọng và Đơn Dương; Bốn phía Đà Lạt là núi đồi xanh tươi, rừng rậm bao la. Đà Lạt ở giữa những ngọn núi cao như núi Lang Biang (2.167m), phía Tây Nam là núi Voi (1.800m), phía Bắc là đỉnh Lapbe Bắc (1.732m), án ngữ phía Tây Nam là đỉnh Lapbe Nam (1.707m).

Vĩ độ 10,57. Kinh độ 108,20. Cao trung bình so với mặt biển là 1.500m. Nơi cao nhất trong trung tâm thành phố là Nhà Bảo Tàng (1.532m), và nơi thấp nhất là thung lũng Nguyễn Tri Phương (1.398m). Đà Lạt cách biển Thuận Hải theo đường chim bay là 90km, nhưng theo quốc lộ 11 đến Phan Rang là 108km, cách Sài Gòn 250km theo đường chim bay và theo quốc lộ 20 là 305km.

Đất thành phố này được phủ bằng một lớp đá huyền vũ, lâu ngày bị mủn ra thành đất đỏ pha cát và đất sét. Sông chính chảy qua Đà Lạt là Cam Ly, phát nguồn từ đỉnh núi You Boggey, chảy xuống hồ Than Thở rồi chảy ra sông Đa Dung. Đà Lạt có hồ Xuân Hương và một số hồ khác như Mê Linh, Vạn Kiếp, Ankoet...

Khí hậu Đà Lạt mát mẻ với hai mùa mưa nắng: mùa nắng từ tháng Mười Một đến tháng Tư và mùa mưa, thường là mưa phùn, từ tháng Năm đến cuối tháng Mười.

Đà Lạt có nhiều con đường bộ nối với nhiều tỉnh phía Bắc và phía Nam. Phi trường chính của thành phố ở Cam Ly.

Trước đây, Đà Lạt có những cơ quan chuyên môn và viện đại học như Trung Tâm Thực Nghiệm Lâm Sản, Trung Tâm Nguyên Tử Lực Cuộc, Khu Thủy Lâm, Nha Quản Đốc Thủy Điện Đa Nhim, Nha Địa Dư, Viện Pasteur, Viện Đại Học Đà Lạt, Trường Võ Bị Quốc Gia, Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị...

Về dân cư thời đã số đồng bào sinh sống tại Đà Lạt là người Kinh, còn lại là người Thượng sắc tộc Lạch (M'Lates, Lat, Lạt) và Chill. Dân chúng theo đạo Phật, Thiên Chúa, Tin Lành và Cao Đài.

Năm 1905, Đà Lạt chỉ có khoảng 60 người Kinh. Tới thời điểm trước năm 1975 thành phố Đà Lạt, gồm có khoảng 116.000 dân, được chia làm 12 phường và 3 xã.

Về mặt kinh tế, được thiên nhiên ưu đãi, khí hậu trong lành, đất đai phì nhiêu nên phần đông dân Đà Lạt sống bằng nghề trồng rau và hoa quả. Đất của thành phố này không dùng vào việc trồng lúa. Một số làm tiểu thủ công nghiệp. Sau đó, thương mại và dịch vụ du lịch cũng phát triển. Ngoài ra, dân Đà Lạt còn làm nghề khai thác lâm sản và khoáng sản quý (khai thác vàng ở Tà In) đất sét trắng, cát núi, đá quý...

Về những vùng đồng bào dân tộc ít người quanh thành phố đã đi vào định canh định cư, đời sống tương đối ổn định. Ngoài việc khai thác lâm sản, săn bắn, họ đã biết đầu tư cho việc sản xuất cây công nghiệp, làm kinh tế vườn: cà phê, dâu tằm, xen kẽ việc trồng lúa, hoa màu.

Về nông nghiệp trước hết phải kể đến là rau. Đà Lạt nhiệt độ ôn hoà, lượng mưa vừa phải với ánh nắng mặt trời rục rịch quanh năm, đất đai giàu có, màu mỡ là những điều kiện thuận lợi thích hợp cho các loại rau miền ôn đới. Đà Lạt cung cấp nguồn rau cho Sài Gòn và các tỉnh phía Nam. Rau Đà Lạt rất phong phú về chủng loại gồm có: cà rốt, xà lách, xà lách son, su su, su hào, cải bông, khoai tây, hành tây, tỏi, cải bắp thảo, artichaut, bó xôi, cải xoong...

Kể đến là các loại hoa được trồng nhiều để sản xuất như hoa hồng, uất kim cương, huệ tây, lay ơn... Rừng Đà Lạt có nhiều loại lan rất nổi tiếng. Rồi đến các thứ quả. Đáng kể nhất có lẽ là trái hồng, có thể chế biến được thành trái hồng khô và rượu. Ngoài ra còn có mận Trại Hàm thơm ngon, trái dâu tây, táo tây, đào lông, trái bơ, chuối...

Về mặt dược liệu thời Đà Lạt có nhiều cây dược liệu quý như artichaut, các loại sâm, trầm hương, kỳ nam... Đà Lạt có công nghệ chế biến artichaut xuất khẩu.

Về các cây công nghiệp thời đất Đà Lạt cũng phù hợp với những loại cây công nghiệp như trà, cà phê, dâu tằm... Đồn điền Trà Cầu Đất có diện tích khá lớn. Hàng chục loại thảo mộc đặc biệt như tùng, bách, trắc bá diệp, bạch đàn, dẻ, sồi, canh ky na, ca cao... Chỉ riêng thông đã có đến 5 loại thông khác nhau.

Về mặt chăn nuôi thời Đà Lạt có nhiều điều kiện thích hợp với việc chăn nuôi. Việc chăn nuôi bò sữa đã phát triển. Trước kia tại Đà Lạt có những trại chăn nuôi lớn như: trại Dankia, trại Faraut, Grillet ở Suối Tía, trại gà Scala... Tuy là một vùng đất có nhiều hồ nước, nhưng việc nuôi cá nước ngọt chưa được quan tâm để

phát triển đúng mức.

Khoáng sản chỉ có các hầm đá dùng để xây đường xá và cao lanh dùng làm đồ gốm.

Về lâm sản thời lâm sản chủ yếu của Đà Lạt là nhựa thông và gỗ thông. Đây là nguồn tài nguyên khá phong phú, có giá trị xuất khẩu cao.

Về tiểu thủ công nghiệp thời chủ yếu chỉ phát triển ở một số nghề đan, móc, thêu xuất khẩu, tranh cửa lộng, tranh bút lửa. Hàng thêu, đan len của Đà Lạt được các du khách trong và ngoài nước rất ưa chuộng.

Chợ Đà Lạt là một trong những chợ đẹp nhất Việt Nam. Chợ do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ thiết kế. Chợ Đà Lạt nằm ở trung tâm thành phố nhìn ra hồ Xuân Hương.

Chợ Đà Lạt giới thiệu với du khách những mặt hàng tiểu thủ công do những bàn tay “tài hoa” của người dân Đà Lạt hội tụ từ mọi miền Tổ quốc làm ra như áo, mũ bằng lông thú, hộp bằng mây, làn xách tay bằng tre ngà. Các loại hoa ép, các khúc gỗ, mẫu cây để lấy lan rừng. Và đặc biệt những bức chạm vẽ vào gỗ thông bằng bút lửa.

Thuở xa xưa Đà Lạt chỉ là một vùng đồi núi hoang vu thuộc dãy núi Lang Biang, chỉ có vài con đường nhỏ và lác đác vài căn nhà sàn của đồng bào Thượng. Thời gian thực dân Pháp mới xâm chiếm nước ta, vùng đất Đà Lạt thuộc quyền cai trị của một tù trưởng người Thượng tên là YAGUT đã từng nổi tiếng chống lại thực dân. Sau này, dân chúng trong vùng nhớ công ơn này và đặt một con đường mang tên ông.

Trong cuộc mở mang đất đai về phía Nam của tổ tiên ta vùng Đà Lạt được sát nhập vào tỉnh Khánh Hòa, nhưng việc khai thác miền sơn cước chưa được các triều đình lưu ý đến. Cho đến khi thực dân Pháp đô hộ nước ta, họ cử phái đoàn YERSIN lên nghiên cứu vùng này vào năm 1897.

Đà Lạt đã được khám phá ra trong giai đoạn đất nước mất chủ quyền vào tay người Pháp. Vì muốn mở rộng vùng đất bảo hộ nên người Pháp đã tìm cách mở rộng lãnh thổ Việt Nam. Đà Lạt là một phần đất được mở rộng đó.

Bác sĩ ALEXANDRE JOHN-EMILE YERSIN khi đặt chân lên cao nguyên Lang Biang đã tạo ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử phát triển Đà Lạt, góp phần biến Đà Lạt từ một vùng đất hoang sơ của người Lạch thành một thành phố nổi tiếng đến bây giờ. Nhưng dựa theo những văn kiện hành chính thời tính tới năm

1999 Đà Lạt có tuổi đời vừa đúng một trăm năm. Năm 1899 toàn quyền Paul Doumer ban hành nghị định thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng, một khu vực hành chính mới trực thuộc Trung Kỳ, bao gồm một vùng đất rộng lớn từ thượng lưu sông Đồng Nai đến ranh giới các lãnh thổ Nam Kỳ và Nam Lào. Tòa công sứ tỉnh đặt tại Di Linh và hai trạm hành chính phụ thuộc, một tại Tánh Linh và một tại Lang Biang là tiền thân của thành phố Đà Lạt sau này.

Lúc đó thời người Pháp phân vân giữa việc chọn làng Dankia (cạnh đập Ankroet, Suối Vàng) và làng K'Mlây (Cam Ly, vị trí Đà Lạt ngày nay) để xây một trung tâm nghỉ dưỡng tại Đông Dương. Cả hai nơi này đều nằm trong cao nguyên Lang Biang và chỉ cách nhau 15km. Vào năm 1906 Đà Lạt được chọn làm địa điểm xây dựng chính thức dựa vào ba ý kiến sau:

- Thứ nhất là báo cáo của giám đốc nông nghiệp và thương mại Đông Dương khởi xướng thành lập một trung tâm thí nghiệm trồng hoa quả ôn đới mà thành quả là các giống bắp cải, khoai tây, cà rốt và mận đào được gieo trồng khắp Đà Lạt.

- Thứ nhì là của thiếu tướng trưởng ban khảo sát xây dựng một đồn lính canh để bảo vệ các công trình xây dựng thành phố.

- Thứ ba là của một nhà trắc địa và là thị trưởng Đà Lạt. Ông đã phác thảo một đồ án thiết kế được nhiều kiến trúc sư dựa theo để quy hoạch thành phố Đà Lạt sau này.

Thế là từ một làng thổ dân hẻo lánh Đà Lạt đã biến thành một đô thị tân tiến, một trung tâm du lịch, một thành phố văn hóa, một tài sản quý. Đà Lạt trước kia được ví như một mỹ nhân:

*“Như là thiếu nữ mỹ miều
Khoác ngoài chiếc áo diêm kiều phương Tây
Nép mình quý phái bên cây
Yên bình đọc sách, tóc mây buông dài.”*
(Tâm Minh)

Công lao lớn nhất vẫn thuộc về bác sĩ Yersin là người khám phá ra cao nguyên Lang Biang và chính ông đã vận động chọn nơi này làm trạm nghỉ dưỡng tại Đông Dương.

Yersin là một vĩ nhân. Tiểu sử ông có trong các tự điển danh nhân thế giới. Ông sinh năm 1863 tại Thụy Sĩ. Sau một thời gian theo học tại các trường đại học ở Thụy Sĩ và Đức, Yersin sang Pháp học tiếp ngành y khoa, tốt nghiệp bác sĩ năm 1888 và làm việc tại phòng thí nghiệm do bác sĩ Louis Pasteur sáng lập cùng với bác sĩ Emile Roux. Năm 1894 Yersin khám phá ra vi trùng

bệnh dịch hạch và trở nên nổi tiếng.

Vì có óc mạo hiểm, Yersin quyết định nhập quốc tịch Pháp năm 1888 để có cơ hội phiêu lưu. Năm 1890 cơ hội đến, Yersin xin làm việc tại hãng tàu biển Messageries Maritimes ở Marseille và được cử sang Đông Dương phục vụ trên các chuyến tàu Sài Gòn - Manila và Sài Gòn - Hải Phòng, lúc đó ông tròn 27 tuổi.

Trên đường từ Sài Gòn ra Hải Phòng tàu của ông thường cập bến Nha Trang nghỉ vài ngày. Năm 1891 khi tàu vừa bỏ neo ông xin thuyền trưởng cho xuống tàu để tổ chức một cuộc thám hiểm lên cao nguyên, với dự định băng rừng đi từ Nha Trang vào Sài Gòn trong vòng 10 ngày, nhưng không thành công. Phái đoàn của Yersin gồm sáu người đi gần đến Di Linh thì phải trở lui vì tới ngày tàu của ông nhổ neo ra Hải Phòng. Cuối năm 1891 Yersin xin nghỉ việc để có thì giờ thực hiện các cuộc thám hiểm riêng.

Năm 1892 Yersin thực hiện cuộc thám hiểm lần thứ hai. Yersin đi từ Nha Trang sang Stung Treng, băng qua cao nguyên Darlac. Sau chuyến thám hiểm này, Yersin về lại Paris và được bộ giáo dục Pháp cấp kinh phí để thực hiện công tác khảo sát khoa học trên cao nguyên Đông Dương.

Trở lại Sài Gòn năm 1893 Yersin được toàn quyền Lanessan giao nhiệm vụ khảo sát, mở một tuyến đường bộ đi từ Sài Gòn ra Phan Thiết xuyên cao nguyên. Sau chuyến đi này Yersin nắm vững một phần địa hình và dân cư trên cao nguyên. Tháng 4 năm 1893 ông quyết định tổ chức một cuộc thám hiểm thứ ba từ Phan Rí và Tánh Linh, băng qua những vùng đất lạ phía Đông Bắc. Lần này đoàn thám hiểm được trang bị rất hùng hậu: 80 phu khuân vác, 6 ngựa và một voi. Kết quả cuộc khảo sát này không làm ông hài lòng vì không thể thiết lập một con đường xuyên qua vùng này, các thung lũng thường xuyên bị ngập nước vào mùa mưa, vả lại dân cư bản địa không đồng ý để có thể chiêu mộ làm đường.

Yersin liền tổ chức một chuyến thám hiểm khác từ Tánh Linh đi Phan Rang xuyên lên cao nguyên phía Bắc. Lần này phái đoàn đi dọc tả ngạn sông La Ngà, tới làng Droum, băng qua sông La Ngà rồi đi dọc hữu ngạn con sông lên phía Bắc, vượt qua sông Đa Riam và Đa Dung (thượng nguồn sông Đồng Nai) tới núi Tadoung (1.974m), rồi quay về làng Riong nghỉ chân.

Từ Riong, Yersin cùng bốn phu khuân vác đi ngược sông Da Tam (một chi lưu sông Đa Nhim) về phía Đông đến các làng Kréan (sau này là Fimnom), Brenne (làng Thiên Sa, gần thác Prenn), rồi tiến lên dãy núi phía Tây Bắc. Sau gần một giờ leo núi, phái đoàn trèo qua thác Datanla (thác Mây) đến một thung lũng nhỏ có một dòng nước chảy qua. Khi đi dọc theo con suối nhỏ

trong thung lũng, phái đoàn Yersin tiếp xúc với người Lạch (một sắc dân K'Ho) và được biết con suối nhỏ đó tên là Dak K'Mlây (Cam Ly). Đi thêm độ hơn chục cây số và vừa ra khỏi rừng thông 3 lá phái đoàn nhìn thấy hiện ngay ra trước mắt là cao nguyên Lang Biang! Lúc đó là 15 giờ 30 ngày 21 tháng 6 năm 1893.

Trong sổ hành trình Yersin viết: “3 giờ 30, cao nguyên rộng lớn trơ trụi lồ lõm”. Trong hồi ký Yersin mô tả cao nguyên: “...Khoảng 15 đến 20 cây số trước khi đến chân núi, chúng tôi ra khỏi rừng và đứng trước một vùng đất hoàn toàn trơ trụi, phủ đầy cỏ. Mặt đất dọn lên những lượn sóng dài làm cho chúng tôi có cảm tưởng như đang trên một vùng biển đầy sóng lớn. Núi Lang Biang đứng sừng sững trước mắt như một hòn đảo và dường như càng lùi xa khi chúng tôi tiến tới. Trước những cánh đồng rộng lớn này, thật khó tính được cự ly chính xác. Đáy thung lũng là đất bùn đen. Nhiều đàn nai để chúng tôi đến gần độ trăm mét rồi vụt chạy, thỉnh thoảng chúng còn ngoái đầu nhìn lại chúng tôi một cách tò mò...”

Yersin đã đứng ngẩn ngơ trước khung cảnh hoang sơ tuyệt đẹp của cao nguyên Lang Biang. Ông thấy đồi núi cũng có những ngọn sóng thần kỳ ảo hơn cả biển khơi. Hướng Tây Bắc đỉnh núi Lang Biang sừng sững ở chân trời, làm cho khung cảnh tươi đẹp thêm hùng tráng. Như lạc vào một mảnh đất thần tiên, quên hết bao mệt nhọc. Độ 15 phút sau, phái đoàn lội qua suối Cam Ly tiến về phía Tây Bắc đến làng Deung, sau đó vượt sông Đa Dung (thượng nguồn sông Đồng Nai) đến làng Dankia.

Trong hồi ký, Yersin viết: “Vùng đất này dân cư thưa thớt, một vài làng người M'Lates sống tập trung dưới chân núi, những ruộng lúa nước rất đẹp. (...) Người M'Lates nói thạo tiếng Chăm cũng như tiếng Mạ. Phụ nữ có vành tai thật rộng để xỏ vào đó những vành tròn hay treo vào đó những ống thiếc hình xoắn ốc rất nặng. Dân chúng tiếp tôi trong căn nhà làng. Mỗi già làng mang tới vô rượu cần của mình. Có đến sáu vô rượu xếp hàng dài trước mặt tôi, cũng may là người ta không bắt tôi phải thưởng thức hết.

Tôi chỉ ngủ lại đêm ở Dankia, rồi trở về Riong dưới một cơn mưa tầm tã. Trời mưa khiến cho sườn dốc rất trơn trượt và biến những dòng suối nhỏ thành những dòng sông thật sự, rất nguy hiểm khi vượt qua. Trong thời gian tôi đi vắng, một con cọp cổ vồ lấy một trong những con ngựa của tôi đứng ngay trong hàng rào của trại. Anh thợ săn người Việt mà tôi để lại ở Riong tổ chức chiến đấu. Anh ta chỉ bắn bị thương con cọp. Con thú dữ này trong khi chạy trốn đã vồ hai người Thượng bị thương nặng...”

Yersin đã gặp bộ tộc M'Lates (tức là Lạch) trên một dòng suối nhỏ của một thung lũng xanh biếc nên có lẽ tên DALAT có từ đây. (Da: Dak, theo tiếng Thượng có nghĩa là nước, suối, sông. Lat: M'Lates, Lạch. DALAT: suối của người Lat).

Có một sự trùng hợp khá thú vị. Người ta kể rằng Yersin thông thạo tiếng Latin, đã cho DALAT là một nơi:

“Dat Aliis Laetitiam Aliis Temperiem”
(Cho người này niềm vui, cho người kia sự mát dịu)

Kỳ diệu sao khi ông phát hiện những chữ đầu của câu đó lại ghép thành tên mảnh đất thần tiên này: D.A.L.A.T. Sau năm 1954 người Việt thêm dấu phiên âm nên đọc và viết thành ĐÀ LẠT.

Vì thời gian quá cấp bách và nguồn lương thực cạn dần, Yersin chỉ lưu lại cao nguyên Lang Biang một ngày một đêm rồi trở lại làng Riong tìm đường rừng xuống Phan Rang.

Trên đường về, khi phái đoàn băng qua thung lũng sông Đa Nhim thì bị một nhóm người võ trang tấn công. Nhóm này gồm khoảng 30 người chia làm 5 tốp do một người tên là Thước cầm đầu. Đây là những tù nhân chính trị đã phá nhà tù Phan Rí, giết quan án sát và tổ chức nổi dậy nhưng không thành công, họ tấn công kho đạn và lấy đi nhiều súng ống rồi rút lên cao nguyên. Vốn là những người đồng bằng, không nắm rõ địa hình khu vực rừng núi, và tình cờ biết có một đoàn thám hiểm trên cao nguyên, nhóm kháng chiến quân liền đi theo dấu để tìm đường xuống Phan Rang đánh phá các đồn bót Pháp. Trong cuộc chạm chán này cả Yersin lẫn toán kháng chiến quân đều bị thiệt hại nặng. Yersin bị thương, được đưa về Phan Rang để chữa trị. Nhóm kháng chiến quân cũng về lại đồng bằng tổ chức các cuộc đánh phá nhưng vì thể cô, sức yếu, thủ lĩnh tên Thước bị bắt tại Nha Trang và bị chém đầu. Yersin có đến dự buổi hành quyết và trong thư gửi cho mẹ, ông tỏ ý than phục con người can đảm không sợ chết này.

Trở lại cao nguyên Lang Biang. Kết quả cuộc khám phá này được Yersin công bố trên báo cuối năm 1893 và được chính quyền thuộc địa Pháp chú ý một cách đặc biệt.

Tháng 12-1893 Hội Đồng Thuộc Địa cấp cho Yersin một kinh phí mới để thực hiện một cuộc thám hiểm khác từ Nha Trang băng qua cao nguyên tìm đường xuống Đà Nẵng. Đoàn thám hiểm đi từ Nha Trang đến Dankia bằng một lộ trình mới dọc theo chân núi, băng qua thung lũng các phụ lưu sông Cái, men theo

các khe suối lên tới làng Diom thuộc cao nguyên Dran (Đông Dương). Từ Diom, Yersin theo đường mòn Prenn đến Dankia lần thứ hai. Từ Dankia, ông tìm đường lên cao nguyên Darlac và Kontum để đến Attopeu (Hạ Lào) rồi băng rừng tìm đường về Đà Nẵng. Cuộc thám hiểm này bắt đầu vào tháng 2 và kết thúc vào tháng 5-1894.

Hai lần tiếp xúc với cao nguyên Lang Biang đã để lại trong lòng Yersin nhiều ấn tượng đẹp. Nhận thấy cao nguyên phong cảnh đẹp để lại có khí hậu mát mẻ nên trong suốt thời gian sau Yersin đã tích cực vận động với các cấp chính quyền thuộc địa để xây dựng lập một thành phố dưỡng bệnh và nghỉ mát tại đây.

Cố gắng này trùng hợp với ước muốn của toàn quyền PAUL DOUMER lúc đó cũng vừa tới Đông Dương nhậm chức. Năm 1897 trên đường sang Đông Dương, Doumer đã có dịp ghé thăm Ấn Độ và Indonésia. Tại hai nơi này ông thấy người Anh và người Hòa Lan đã thành lập nhiều khu nghỉ dưỡng có khí hậu mát mẻ gần giống châu Âu, nên ông có ý định thành lập những khu tương tự tại Đông Dương để cư dân Pháp lên nghỉ dưỡng sức thay vì về lại mẫu quốc, quá tốn kém.

Doumer gửi thư cho thống sứ Bắc Kỳ và khâm sứ Trung Kỳ yêu cầu tìm địa điểm thiết lập những khu nghỉ dưỡng cho kiều dân Pháp tại Đông Dương: *“Có độ cao tối thiểu 1.200m, dồi dào nguồn nước, có thể canh tác rau quả và thiết lập đường giao thông dễ dàng”*. Tháng 8-1897, theo lời đề nghị của Yersin, cao nguyên Lang Biang được Paul Doumer chọn làm thí điểm xây dựng. Paul Doumer cho khởi công xây sở khí tượng và trạm thí nghiệm trồng trọt, đồng thời mở một con đường từ duyên hải lên tận cao nguyên. Thành phố Đà Lạt bắt đầu có mặt từ đó.

Sau này, khi hay tin dịch hạch đang hoành hành ở Trung Hoa nên Yersin thân hành đi Quảng Đông rồi Hồng Kông. Kết quả nghiên cứu cho thấy vi trùng gây dịch hạch ở người và cũng là vi trùng gây bệnh ở chuột. Mẫu vật được gửi về viện Pasteur ở Paris để kiểm chứng, và từ đó vi trùng dịch hạch mang tên Yersin.

Năm 1895, Yersin lập viện Pasteur ở Nha Trang, rồi về Pháp hợp tác với hai bác sĩ Calmette và Roux tìm ra thuốc chủng ngừa dịch hạch, năm sau ông trở lại viện Viễn Đông mang theo thuốc chủng ngừa mới tìm ra. Tháng 6 năm 1896, dịch hạch tái phát ở Quảng Châu và Hạ Môn. Yersin đến tận nơi dùng thuốc cứu sống nhiều người. Sau đó, ông trở lại Việt Nam và làm việc ở viện Pasteur Nha Trang cho đến ngày qua đời.

Trong khoảng thời gian này, từ 1902 đến 1904, Yersin được Toàn Quyền Đông Dương Paul Doumer mời ra Hà Nội để đảm trách việc sáng lập và điều khiển trường Cao Đẳng Y Khoa mà ta quen gọi là Trường Thuốc. Ngoài lĩnh vực y khoa và thám hiểm Yersin còn là một nhà nông học tài giỏi. Ông đã trồng thí nghiệm và thành công với nhiều loại cây nhiệt đới.



Yersin sống giản dị, thường chỉ mặc quần áo bằng vải kaki vàng, cưỡi xe đạp đi làm từ nhà đến sở. Ông lại có lòng nhân ái, thương người bình dân, ít học, nghèo khó, thương cả muông thú. Người dân Việt thân mật gọi ông là Ông Năm.

Ngày 28 tháng 6 năm 1935 Yersin được vinh dự mời đến chủ tọa lễ khánh thành một ngôi trường ở Đà Lạt mang tên Yersin, gồm hai trường Le Petit Lycée và Le Grand Lycée trước đó nhập lại. Yersin đã đọc đáp từ sau:

“Tôi rất cảm động về cảm tình các em dành cho tôi. Các em hãy tin chắc rằng tôi rất quý mến các em. Các em tập hợp quanh tôi làm cho tôi trẻ lại và gọi nhớ đến thời xa xưa. Ngày ấy, là một học sinh trẻ tuổi, tôi thường táo bạo mơ mộng đến một tương lai đầy mạo hiểm mà hoàn cảnh cho phép tôi thực hiện.

Các em khiến tôi hồi tưởng lại sự phát hiện cao nguyên Lang Biang vào tháng 6 năm 1893 trong một chuyến đi khảo sát với mục đích thám hiểm vùng rừng núi Nam Trung Kỳ lúc bấy giờ hoàn toàn chưa ai biết đến.

Ấn tượng của tôi thật sống động khi vừa ra khỏi rừng thông, tôi đứng trên bờ của một cao nguyên mênh mông, trơ trụi và mấp mô có ba đỉnh núi Lang Biang chế ngự. Mặt đất nhấp nhô khiến tôi

liên tưởng đến biển cả xao động vì một ngọn sóng khổng lồ như thường thấy trên bờ biển miền Trung vào lúc trời sắp giông bão.

Không khí mát mẻ làm cho tôi quên đi nỗi mệt nhọc và tôi nhớ lại niềm vui được chạy lên chạy xuống hết tốc lực trên những ngọn đồi xanh tươi như một cậu học trò nhỏ...”

Bác sĩ Yersin mất ngày 1 tháng 3 năm 1943 tại Nha Trang, hưởng thọ 80 tuổi. Ngôi mộ của ông đặt tại Suối Dầu Nha Trang theo đúng di chúc của ông.

Người đời tỏ lòng ngưỡng mộ Yersin nên từng viết rằng: “*À la mémoire du docteur Yersin: Il repose comme il a aimé vivre seul absolument seul.*” Tạm dịch là: “*Tưởng niệm bác sĩ Yersin: người an giấc như người đã thiết tha sống cô đơn rất đỗi cô đơn.*”

Thế chiến thứ hai đã đưa Đà Lạt đến thời kỳ cực thịnh. Chiến tranh làm cho người Pháp không có phương tiện về chính quốc nghĩ mát nên họ tập trung lên Đà Lạt. Hàng hóa, mọi nhu cầu cung cấp cho họ không thể mang từ Pháp sang. Chính quyền Pháp tại Đông Dương quyết định chính sách tự túc. Hơn nữa, những giống rau, hoa, quả mang từ Pháp trồng rất tốt trên đất Đà Lạt. Lúc bấy giờ Đà Lạt là một “Tiểu Paris” (Petit Paris), là “Hoàng Triều Cương Thổ” (Domaine de la Couronne) - một mảnh đất dành riêng cho người Pháp và dòng dõi hoàng tộc, cũng như quan lại cao cấp triều đình Huế; một vương quốc biệt lập, ai muốn đến đều phải có sổ thông hành như đi ngoại quốc vậy.

Thực chất, người Pháp lập Hoàng Triều Cương Thổ chỉ là một lối trá hình để biến vùng cao nguyên thành thuộc địa trực tiếp của Pháp. Vùng cao nguyên này có một tầm quan trọng đặc biệt về chiến lược và kinh tế. Về chiến lược, nó nằm giữa ba quốc gia Việt, Cam Bốt, Lào nên là một ưu thế hiểm cố. Về mặt kinh tế, có nhiều tài nguyên, khoáng sản chưa được khai phá và khai thác.

Sau hiệp định Genève, Pháp rời khỏi Đông Dương. Dân số Đà Lạt tăng nhanh với lượng người di cư từ Bắc vào Nam. Khu thương mại trung tâm thành phố được xây cất khang trang hơn. Một số địa danh, đường phố được đổi tên từ Pháp sang Việt. Đà Lạt chuyển sang một giai đoạn mới.

Đối với Đà Lạt, theo nhiều tài liệu cũ và mới, thì ngoài các bộ tộc thiểu số đã cư ngụ trước đó tại địa phương, bác sĩ Yersin từ lâu được công luận xem là người đầu tiên tìm ra Đà Lạt nói riêng và cao nguyên Lang Biang nói chung. Nhưng sau này có nhiều ý

kiến mới. Có người cho rằng NGUYỄN THÔNG (1826-1894) trong thời gian làm chức điền sứ ở Bình Thuận đã có lần thám hiểm vùng cao nguyên Lang Biang và tìm ra vị trí Đà Lạt 25 năm trước khi bác sĩ Yersin đặt chân đến đây. Ý kiến này nghe có vẻ hữu lý và thỏa mãn tự ái của nhiều người Việt, tuy nhiên thiếu bằng cứ xác thực, cần thêm chứng minh khoa học và cụ thể hơn.

Phải công nhận rằng nếu không có nhu cầu điều dưỡng của thực dân Pháp tại Đông Dương thuở đó thì dù Nguyễn Thông có phát hiện ra địa điểm, Đà Lạt cũng chẳng có mặt như hiện nay.

Thứ đến, chuyến thám hiểm năm 1893 của bác sĩ Yersin có liên quan đến việc tìm ra cao nguyên Lang Biang, lần đầu tiên được công bố có đoạn viết rằng: *“Vùng đất nằm giữa bờ biển Trung Kỳ và sông Đồng Nai còn ít được biết đến. Hai nhà du hành, bác sĩ Néis và thiếu tá Humann đã đến vùng này trước ông Yersin”*. Trong hồi ký *“Sept mois chez les Moïs.”* (Bảy tháng nơi xứ Mỏi) bác sĩ Yersin cũng đã nhiều lần nhắc đến hai nhà thám hiểm này.

Bác sĩ Néis, y sĩ hạng nhất của hải quân Pháp, là một trong những người đầu tiên thám hiểm vùng núi rừng này năm 1880 và 1881 và đã mô tả tỉ mỉ cao nguyên Lang Biang và núi Delmann (thường được gọi là núi Voi) 12 năm trước bác sĩ Yersin. Sau đó mở đường cho nhiều chuyến thám hiểm khác trong vùng. Đặc biệt nhất là chuyến thám hiểm của thiếu tá Humann đến khu vực nguồn sông La Ngà vào năm 1884.



Cao nguyên Lang Biang và huyền thoại

Vừa đến cửa ngõ vào thành phố Đà Lạt, du khách sẽ thấy nổi bật trước mắt về phía chân trời hướng Bắc là dãy núi Lang Biang (Lâm Viên). Hai đỉnh núi cao sừng sững hiện ra, tạo hậu cảnh cho thành phố với đường nét vừa sắc sảo vừa hài hòa cân đối. Những ngày mà trời quang mây tạnh, người ta có thể nhìn thấy hai đỉnh núi cao này từ cách xa hàng trăm cây số. Dưới chân núi là xã Lát và huyện lỵ huyện Lạc Dương.

Hai ngọn Lang Biang như bộ ngực tràn căng sức sống của một cô thiếu nữ xinh đẹp khỏa thân nằm ngửa hướng lên trời xanh trong những ngày nắng hanh vàng. Nhìn từ Đà Lạt, du khách ngỡ rằng hai đỉnh núi liền nhau và có thể đi từ đỉnh này sang đỉnh kia. Nhưng sự thật hai đỉnh núi được đi tới bằng hai con đường khác nhau: một theo hướng Lạc Dương, một theo ngã Thái Phiến. Hồi trước, nối liền hai đỉnh núi này có một con đường mòn quanh co qua một thung lũng, nhưng về sau này cây rừng đã che mất.

Năm 1899 bác sĩ ÉTIENNE TARDIF đã lên Đà Lạt và mô tả thành phố này với Lang Biang lúc bấy giờ:

“Đà Lạt nằm trên cao nguyên Lang Biang trên độ cao ít nhất là 1.500m. Đồn lính nằm trên lưng chừng đồi của một thung lũng rộng, nhìn xuống một vùng đất dốc thoải ven bờ rừng thông. Một dòng suối có lưu lượng rất cao chảy dưới thung lũng. Nước suối trong mát, dễ uống và không có mùi vị. Đồn lính Đà Lạt còn rất thô sơ. Trong đồn chỉ có vài người lính và thợ mộc.

...Đặng Kia ở phía bắc Đà Lạt nằm trên độ cao 1.400m có 2 người Âu, khoảng 50 người Kinh và Thượng. Cách đó không xa là buôn Thượng với 40-50 gia đình. Ông Canivey và Missigbrott mỗi người ở trong một túp lều tranh cách nhau 800m. Họ lấy nước từ một con suối chảy vào sông Đồng Nai ở chân đồi.”

“Về phương diện thẩm mỹ, Đà Lạt nằm ở một vị trí rất tuyệt diệu, chân trời lui về phía xa, tận dãy núi Lang Biang.”

Sau đó bác sĩ này đã leo lên dãy núi Lang Biang rồi tả cảnh đồi núi trùng điệp với vẻ hoang sơ:

“Cao nguyên Lang Biang là một vùng rộng lớn trải ra xung quanh giao điểm của 106 o kinh đông và 12 o vĩ bắc, có hình dáng một hình en-líp mà đường trục lớn Bắc-Nam dài 18km và

đường trục nhỏ Đông-Tây dài từ 10km đến 12km. Độ cao thay đổi từ 1.300m đến 1.550m và 1.600m.

Đỉnh núi cao nhất của dãy Lang Biang có độ cao 2.200m án ngữ cao nguyên Lang Biang về hướng Bắc. Về các hướng khác, những chòm núi dài và cao bao bọc cao nguyên Lang Biang.

Khi nhìn thấy cao nguyên Lang Biang, điều đập mạnh vào mắt tôi trước tiên là địa hình. Cả một vùng rộng lớn gồm nhiều ngọn đồi nằm kề bên nhau, nối tiếp nhau, chế ngự lẫn nhau, sườn đồi này dốc thẳng đứng, sườn đồi kia nằm thoải thoải trên mặt đất. Những thung lũng rộng và sâu nhiều hay ít chia cắt núi đồi dọc sóng, len vào giữa là con đường nối liền Đăng Kìa (Dankia) với Đà Lạt. Cả vùng đồi núi này đều phủ một lớp cỏ ngắn vào mùa khô, cao và dày vào mùa mưa. Trong thung lũng mọc nhiều loại thực vật khác nhau, lau sậy và trên vài sườn đồi có những đám thông và tùng.

Dòng nước chảy theo nhiều lối, có khi là những dòng suối nước chảy xiết, có khi là những ao hồ sâu ẩn mình dưới một lớp thảo mộc rậm rạp.

Hình dáng mập mạp của cao nguyên thật là lạ lùng! Tôi leo lên một trong năm đỉnh núi. Một quang cảnh kỳ diệu hiện ra trước mắt tôi. 150 đồi núi xanh rờn giống như một thùng cam khổng lồ. Trong vùng núi đồi trùng điệp có vài làng mạc ở phía Nam Đà Lạt; hơi chéch về hướng Tây là Đăng Kìa và Ân Krô ét (Ankroet) ở dưới chân núi Bờ Nơ (Beneur). Xa xa, về hướng Đông là dãy núi Nha Trang; về phía Nam, hoành sơn của thung lũng sông Đồng Nai; về phía Tây và Tây Nam, những đỉnh núi cao của Căm-pu-chia và Lào”.

... “Tôi nhận thấy gió trên cao nguyên thổi vào tháng 6 từ Bắc sang Đông và thổi dữ dội từ Đông sang Tây vào tháng 11, trong mùa lạnh.

Cuối cùng, không thể nào quên một nét đẹp thật mê hồn trên cao nguyên bao la này là Ân Krô ét với rừng thông mênh mông và thác nước kỳ lạ cao 15m, nước tuôn xối xả. Rất tiếc, vị trí nơi đây quá hẹp không cho phép xây dựng những công trình quan trọng...”

Vào những năm đầu thế kỷ 20, Đà Lạt vẫn còn rất hoang vắng. Năm 1905, trong một dịp lên cao nguyên Lang Biang để thay đổi không khí, bà GABRIELLE M. VASSAL đã viết lại những nhận xét của mình:

“Vào khoảng giữa trưa, tôi thấy cao nguyên lần đầu tiên. Thật là một sự phát hiện bất ngờ, khác với những gì trước đây tôi đã từng nghĩ! Trên một vùng đất rộng là những ngọn đồi tròn, nhỏ, trơ

trụi, mọc đầy cỏ thấp, cùng hình dáng và độ cao, quang cảnh giống như một vùng biển gợn sóng xanh. Ở giữa, những đỉnh núi Lang Biang cao vòi vọi như hòn đảo đá. Đẳng Kía (Dankia) nằm ở dưới chân núi Lang Biang, ở phía bên kia cao nguyên. Cao nguyên bình yên và êm dịu quá! Chỉ có thông mọc trong những thung lũng giữa các ngọn đồi. Xa xa, những mái nhà gỗ ở Đà Lạt nằm cách xa nhau trên đỉnh hay lưng chừng đồi lấp lánh dưới ánh mặt trời.”

Năm 1908, P. DUCLAUX đi ngựa từ Hà Nội vào Sài Gòn. Trên đường đi, ông rẽ từ Phan Rang lên Đà Lạt và đưa ra nhận xét:

“Đà Lạt! Tám hay mười mái nhà tranh của người Việt, một nhà sàn bằng ván thô sơ dành cho lữ khách, một vòi nước, quảng trường chợ, một nhà bưu điện đơn sơ. Trên một ngọn đồi, sau hàng rào và giữa rừng thông xanh, vài căn nhà gạch của trung tâm hành chính Đà Lạt, vì chế độ cai trị ở đây thật đặc biệt: có một hội đồng và cả một viên thị trưởng. Ông Champoudry - Thị trưởng Đà Lạt - nguyên Cố vấn Hội đồng thành phố Paris bị thất cử được Doumer đem sang đây và coi như người sáng lập Đà Lạt.

Còn cư dân? Vài chục người Việt bị đày, vài khách người Âu đi công tác hay trốn đày, những người thợ săn hay lữ khách hiếm hoi cùng đoàn tùy tùng. Tài nguyên? Gần như không có gì hết; không có một khoản ngân sách đáng kể, không có một sự trợ giúp nào cả. Vốn là dược sĩ chuyên trách về vấn đề vệ sinh thành phố Paris, ông thích thú thiết kế hệ thống thoát nước trong thành phố tương lai dựng lên trên sa mạc này và chờ đợi...

Trung tâm hành chính của Đà Lạt không được nói rộng thêm chút nào, vẫn thuộc về tỉnh Phan Rang. Để tránh những sự tranh chấp về quyền hạn, ông Canivey - đại diện của Công sứ - sống với gia đình và thuộc hạ cách xa 3km, ngoài phạm vi của Champoudry. Nơi đây, ông đích thực là chủ nhân, cai quản một vùng Thượng rộng lớn, để lại cho đối thủ bất hạnh của ông vài chục người Việt thường ra vào trong một làng nhỏ.

Tôi mang đến cho ông Canivey một lá thư gửi từ Phan Rang và ông giữ tôi lại ăn cơm tối. Không những là một người am hiểu miền Thượng, ông còn là một tay thiện xạ có lẽ một phần vì ham thích nhưng chắc chắn vì hoàn cảnh bắt buộc. Ở đây không có thị nào khác ngoài thị rừng; về rau, chỉ có vài loại rau do người Thượng mang đến hay những người lính tự trồng trọt.”

... “Tất nhiên, Đà Lạt thiếu những trò giải trí quyến rũ. Ở trong nhà gỗ và ngủ trên giường gỗ không hấp dẫn du khách chút nào! Không có cỏ cho ngựa và cắm bán với giá cắt cổ.”

Từ năm 1915, đã có du khách lái xe từ Sài Gòn lên Đà Lạt. Hãng ô tô Lang Biang - chi nhánh của Công quản đường sắt miền Nam - tổ chức những chuyến viếng thăm Đà Lạt.

LE CHEMINEAU có dịp lên Đà Lạt vào năm 1916 bằng xe hơi đã ghi lại chuyến đi:

"Xe men theo sườn đồi, chúng tôi lúc nhìn về hướng Nam, lúc nhìn về hướng Bắc. Một đoạn đèo hiện ra, chúng tôi tưởng là đoạn đèo cuối cùng, nhưng sau đó xe lại tiếp tục lên dốc.

Mọi người reo lên khi từ trên đỉnh đồi nhìn thấy những căn nhà gỗ nằm rải rác trên cao nguyên. Dưới thung lũng là căn nhà gỗ trước đây nhân viên của các phái đoàn nghiên cứu đã trú ngụ hiện dùng làm khách sạn. Xa xa, toà công sứ nằm chơ vơ trên đỉnh đồi cao nhất, bên cạnh đó và thấp hơn là căn nhà gỗ của viên chưởng lý theo đúng tôn ti trật tự. Bên phải chúng tôi là căn nhà của công chánh và bên trái là toà thị chính.

Trừ hướng Tây Bắc, cao nguyên Lang Biang ở độ cao trung bình 1.500m trải dài hàng trăm cây số vuông, dân cư rất thưa thớt chỉ sống ven hai bờ suối Cam Ly. Một làng người Việt được xây dựng sát bờ suối. Dân làng là những người thợ và người đi buôn, phần lớn là nhân viên địa chính cũ của các phái đoàn nghiên cứu.

Người Âu sống trong 8 căn nhà gỗ thông mà tên gọi gợi nhớ đến những tham vọng đầu tiên của những người xây dựng Đà Lạt, thủ phủ mùa hè của Đông Dương: toà thị chính, trường Viễn Đông, sở công chánh, bưu điện, cảnh binh, khách sạn, toà công sứ và chưởng lý.



Về mùa Đông, trời hơi lạnh và mặc dầu tường có hai lớp ván vẫn không ngăn nổi tiếng động thỉnh thoảng gây khó chịu. Chín phòng của khách sạn đã có sẵn đồ gỗ dành cho du khách. Trường Viễn Đông, tòa thị chính và sở công chánh sẽ được tạm thời dùng làm chi nhánh cho khách sạn. Sau khi hai căn nhà gỗ được xây dựng xong, Đà Lạt sẽ có 26 phòng ngủ vào cuối năm.

Mãi đến năm 1915, Đà Lạt chỉ có 3 người Âu: một viên cảnh binh kiêm luôn cả xây dựng đường sá, một chủ khách sạn không có khách và một viên hành chánh giữ nhiệm vụ thị trưởng của số dân đồng đúc này!”

Theo các nhà địa chất, núi Lang Biang hình thành do vận động tạo sơn nhưng theo truyền thuyết của người Lạch có một truyện cổ về sự thành lập núi Lang Biang như sau:

“Ngày xưa, đất trên cao nguyên và vùng đồng bằng đều bằng phẳng, chưa có núi cao như bây giờ. Khi mùa lũ đến, nước biển và nước sông tràn ngập cả đất đai, cây xanh không mọc, đất đai bạc màu. Người Lạch tin vào thần linh. Vị thần cao nhất là Nữu. Thần này thấy vậy đã làm phép nâng đất cao thành cao nguyên. Nước biển vẫn tràn lên, thần liền tạo ra nhiều ngọn núi cao thấp nằm gần nhau làm bờ ngăn cản nước, trong đó có hai ngọn núi Lang Biang. Ngăn chặn được nước sông và nước biển, cây cỏ xanh tươi, đất đai màu mỡ, thần Nữu giao cho thần rừng tạo ra loài vật để cho cuộc sống thêm vui.”

Cao Nguyên Lang Biang cũng mang một huyền thoại nghe thật tinh tú. Có lẽ vì thế mà về sau này thành phố núi đồi này được coi như nơi dành riêng cho các tuần trăng mật. Người ta kể lại rằng:

“Xưa mảnh đất này là lãnh thổ của bộ tộc M'Lat và Chill. Tuy hai bộ lạc này chỉ ở cách nhau dặm con suối, năm bảy ngọn đồi, nhưng giữa họ có một mối hiềm khích lâu đời. Chưa bao giờ có bóng dáng thanh bình thật sự trên vùng đất vô cùng lạnh lẽo này.

Lapbe, người con trai bộ tộc Chill, là một chàng dũng sĩ có một sức mạnh và một thân hình tráng kiện phi thường. Bên chàng luôn có một con voi trắng hầu cận. Một hôm Lapbe đi săn và gặp một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt vời - nàng Lang Biang, con gái của tù trưởng Liêng Hók Kiut, trị vì bộ tộc M'Lat.

Khác với những người ở vùng sơn cước có nước da nâu dòn, làn da nàng Lang Biang trắng nõn với đôi má ửng hồng, thân hình thon cao cân đối, mang vóc dáng người con gái của Yàng (thần thánh), của chốn cao vời. Thật tự nhiên như những hấp lực âm dương của đất trời, chàng dũng sĩ và cô gái xinh đẹp yêu nhau.

Lang Biang đưa Lapbe về buôn làng để xin cha được “bắt” chàng làm chồng. Vì đã hứa sẽ “bắt” K'Moat, phù thủy của bộ tộc, làm chồng cho Lang Biang, và hơn nữa Lapbe là con trai của một bộ tộc thù nghịch, nên tù trưởng Liêng Hók Kiut ra sức ngăn cản mối tình nồng thắm này.

Con voi trắng đã đưa Lang Biang và Lapbe trốn vào rừng sâu. Sau những lần vây bắt vô cùng vất vả nhưng vẫn hoài công, phù thủy K'Moat ra lệnh đốt rừng. Cả một biển lửa hừng hực bao vây và nuốt chửng lấy ốc đảo càng lúc càng bé nhỏ của đôi uyên ương. Từ bên ngoài, K'Moat giương cung rút một mũi tên tẩm độc nhắm vào Lapbe. Nhìn thấy cái chết đang lao đến người yêu quá nhanh, Lang Biang chỉ biết lấy thân mình che chở cho chàng.

Nàng Lang Biang đã ngã xuống trên mảnh đất đang quần quai trong khói lửa. Lapbe đau đớn ôm chầm lấy người yêu. Con voi trắng cũng phủ phục dưới chân nàng. Nước mắt của họ chảy thành dòng suối Đa Nhim (tiếng K'Ho có nghĩa là Nước Mắt). Tiếng rống bi thương của con voi trắng làm cho đất trời bỗng tối sầm. Giông tố, sấm sét nổi lên dữ dội biến họ thành những ngọn núi trường tồn vĩnh cửu.

Riêng thân hình tuyệt mỹ với làn da tươi mát của nàng Lang Biang bỗng lớn rộng vô cùng, bao phủ những đồi núi cháy nám khói lửa và hóa thân thành một vùng đất thần tiên. Sắc đẹp của nàng lan tỏa cả đất trời. Má nàng ửng hồng hoa đào thắm. Hồng tóc thông xanh vi vu. Mắt lóng lánh hồ biếc. Gió thổi ngát hương hoa. Ngực nàng vươn cao là đỉnh núi Lang Biang.

Từ đó hai bộ tộc Chill và M'Lat ý thức được tình yêu của cuộc sống và đến sau này hầu như đã hòa đồng làm một.”

Một huyền thoại khác về cao nguyên Lang Biang lại được kể một cách lãng mạn như sau bởi NGỌC GIAO:

“Đã từ lâu, ở vùng La Ngự Thượng có hai bộ tộc mạnh vào hồi đó là Lát và Sre. Bộ tộc Lát có người tù trưởng trẻ tên là Lang. Lang đẹp như thân cây rừng, sừng sững mọc trên đỉnh núi, oai phong dũng cảm trước phong ba, nhân hậu cả với loài thảo mộc. Còn bộ tộc Sre lại có con gái của tù trưởng Jrenh tên là Biang. Nàng xinh đẹp và dịu dàng, thông minh mà khiêm tốn. Đôi mắt lóng lánh như vì sao với hàng mi cong vút. Thân hình tròn trịa với bộ ngực nở nang rắn chắc. Những ngày Biang vào rừng hái hoa, lượm quả, cỏ cây như cũng cùng thắm thiết và vui tươi hơn khi nàng bước qua.

Sau lần đứng sĩ Lang giết con rắn hổ tinh để cứu nàng Biang bên bờ suối Datania, đôi trai gái bắt đầu thấy thương mến nhau.

Họ hẹn hò, gặp gỡ nhau trong những đêm trăng thơ mộng bên rừng suối. Họ dắt tay nhau đi dọc dài qua núi đồi vùng La Ngự Thượng. Khi tình yêu đã cháy bỏng, nàng Biang quyết định “bắt” Lang làm chồng. Cỏ cây và muông thú nghe tin vui đã chuẩn bị lễ cưới cho cặp trai tài gái sắc đó.

Nhưng đám cưới không thành bởi tù trưởng Jrenh không cho họ được phép vượt qua những tập tục và oán cừu truyền kiếp giữa hai bộ tộc. Họ vượt qua bao nỗi khổ đau, vượt qua bao trở ngại với nhiều nước mắt đau thương, họ quyết tâm tìm đến cái chết bên nhau cho vẹn mối tình đầu của họ.

Lang và nàng Biang ngồi bên nhau lặng yên trên đỉnh núi từ ngày này qua ngày khác. Họ ngồi sát bên nhau từ lúc trăng lên như lưỡi liềm tới lúc trăng tròn dần khuất sau chân núi. Thế rồi trong một đêm mưa rừng tầm tã, bão tố nổi lên rung chuyển cả vùng cao nguyên thì cũng là lúc hai kẻ yêu nhau đã trút hơi thở cuối cùng. Sương trắng mờ phủ lấp cả vùng đồi núi và khuất luôn hình bóng của cặp tình nhân. Cả cao nguyên như khoác trùm một bộ áo tang âm đạm. Muông thú, đất trời và con người của nhiều bộ tộc cùng tới tiễn đưa linh hồn của họ. Những tiếng công buồn bã, những điệu khèn ai oán vang vang khắp vùng đồi núi chập chùng. Đau thương đã xóa đi thù hận truyền kiếp.

Những bộ tộc cùng ngồi tụ bên nhau, cùng làm lễ mai táng hai kẻ yêu nhau và chôn xác họ bên ngọn núi K'Bùng. Ngồi mộ ấy cứ mỗi ngày mỗi lớn và cao hẳn lên.

Câu chuyện tình đau thương đó đã bay bổng vào bầu trời cô tịch và cũng đã là câu chuyện kể chung cho các bộ tộc người vùng cao nguyên mỗi lúc rừng khuya họ ngồi bên bếp lửa. Ngồi mộ đó đã hóa thành nỗi niềm xúc động của trẻ già trong mọi bộ tộc. Vì vậy Lang Biang đã trở thành tên ngọn núi và kết tinh những tinh túy của người thượng cao nguyên như bộ tộc K'Ho, M'Nông, Mạ, Chill ngàn đời bất khuất, và cũng là đỉnh núi của một thời gian ghi lại nhiều mối tình nước mắt của Lang Biang.

Trên đỉnh núi, không biết có phải do nàng Biang xa xưa gieo hạt hay không, nay ta sẽ thấy một rừng hoa Đỗ Quyên với màu sắc hồng, trắng, tím mà người Lát đã đặt tên là hoa Lang Biang. Bên cạnh hoa Đỗ Quyên là có muôn loài thảo mộc, trong đó chúng ta sẽ gặp rất nhiều loại “phong lan”, nữ chúa của các loài hoa ở đây.

Rừng Lang Biang rất phong phú về chủng loại, trong đó rừng lá rộng, rừng thông, và các loại tre thân nhỏ và những bụi trúc xum xuê. Đặc biệt, trong không gian ấy ta lại được nghe những âm thanh của các loài chim rừng hót vang trên đồi núi. Theo tài

liệu sưu khảo người ta ước đoán có trên một trăm loài chim, trong đó có một số loài chim rừng tên gọi được lấy từ tên đỉnh núi Lang Biang, núi của huyện thoại, núi của tỉnh yêu bao đời nay vẫn tồn tại như một giá trị truyền thống của quê hương. Lang Biang còn là biểu tượng ngàn đời của vùng cao La Ngự Thượng.”

Về huyền thoại vừa kể trên có tài liệu ghi thêm một số chi tiết về cuộc chiến giữa chàng Lang và voi dữ:

“Chàng Lang là người vừa khoẻ mạnh, đẹp trai lại giàu lòng thương người và có tài chinh phục thú rừng. Một hôm trong bản làng có hai con voi rất hung dữ đi lạc tới. Hàng chục người Lat vây hãm nhưng không hạ nổi voi. Khi Lang từ rẫy về thấy vậy vội ra hiệu cho họ nghỉ tay, một mình chàng tìm cách chinh phục voi. Sau một hồi giao đấu Lang nắm được đuôi hai con voi liền cột chặt vào nhau làm chúng không còn đủ sức kháng cự nữa mà phải quỳ xuống hàng phục. Lang tha chết cho voi và khuyên voi trở về làng cũ. Hai voi cảm động rơi nước mắt, lặng lẽ bước đi. Từ đó Lang nổi tiếng là người nhân ái được cả cảm thú và bộ tộc thương yêu kính trọng.”

Có tài liệu kể rõ hơn về chuyện chàng Lang cứu nàng Biang trong một cuộc chiến chống lại rắn tinh và dã thú:

“Nàng Biang xinh đẹp, thông minh và khiêm tốn. Những ngày nàng vào rừng hái trái, kết hoa thì thiên nhiên, cây cỏ dường như vui tươi hơn lên. Muôn chim xôn xao hót líu lo. Những con thú hiền lành quây quần bên nàng. Nhưng cũng chính vì vẻ đẹp của nàng mà có hai con rắn hổ tinh ghen ghét và tìm cách mưu hại nàng. Một hôm nàng Biang cùng một số người làng đi hái trái. Khi đến thác Đa Tan La là nơi các tiên nữ thường hay xuống tắm thì hai rắn hổ tinh trên có thêm sự giúp sức của hai con cáo già và bảy con chó sói cùng xúm lại tấn công làm hại. May thay dũng sĩ Lang xuất hiện kịp thời, nhảy vào vòng chiến. Trong cuộc chiến đấu ác liệt, cuồng phong nổi lên dữ dội, cây rừng gãy đổ ào ào, Lang dùng xà gạt phớt nhanh vào lưỡi hai con rắn tinh, dùng cung tên bắn vào bảy dã thú khiến chúng phải bỏ chạy. Từ đó nàng Biang cảm mến chàng Lang. Chàng và nàng thường hẹn hò nhau và sánh vai đi dạo trên đồi trong những đêm trăng sáng.”

Tài liệu cũng kể thêm huyền thoại về Núi Voi và thác Voi:

“Khi hay tin nàng Biang sắp “bắt chồng” là chàng Lang thời voi rừng mừng lắm, kéo nhau hối hả về dự đám cưới. Ngờ đâu khi đến ngọn thác này thì nhận được tin dữ là cả Biang và Lang đều đã cùng chết bên nhau. Đàn voi rừng gào thét suốt mấy ngày đêm

rồi lăn ra chết và hóa đá. Riêng hai con voi trước kia được chàng Lang tha mạng thò đi lạc và khi hay tin dữ cũng ngã quỵ rồi chết và hoá thành hai ngọn núi, đầu hướng về đỉnh Lang Biang. Đó chính là rặng Núi Voi sau này.”

Huyền thoại về núi Lang Biang gây cảm hứng cho nhiều người viết văn, làm thơ và sáng tác nhạc. Nhà thơ HOÀNG ANH TUẤN khi viết bài “*Thơ về Đà Lạt*” cũng đã nhắc đến chuyện tình này:

*“Mây đi lạc xuống ven hồ cẩm thạch
Là hoang vu tà áo gọi băng khuâng
Em mong manh tay cầm nhánh hoa hồng
Bước hờ hững dưới pha lê mưa bụi.
Vuông cửa kính lạnh hoen mờ tiếc nuôi
Bàn tay lau nghe giá buốt tâm hao
Nhưng thấy em, ta hái đóa chiêm bao
Bỗng nghe tiếng ta gọi em: Đà Lạt!
Có những buổi trắng về từ suối bạc
Đem phong lan trang điểm một trời hương
Đà Lạt của ta trong thần thoại hoang đường
Lang tình tứ đã gặp Biang e ấp.
Anh đã gặp em một lần duy nhất
Đà Lạt em, Đà Lạt vẫn của anh
Tình yêu đẹp như bức tranh thủy mặc.”*



Bộ tộc Lạch và Chill

Trước kia vùng thung lũng mà nay là Hồ Xuân Hương, là nơi cư trú của người Lạch, vùng gần Cam Ly là địa bàn của bộ tộc Chill. Sau những người dân thiểu số này lui dần ra ngoại vi thành phố. Người Lạch rút về ở xã Lát, dưới chân núi Lang Biang. Người Chill ở rải rác quanh Đà Lạt, Tà Nung, Đức Trọng. Chill có tập quán du canh, du cư, phát rừng, làm rẫy. Lạch có nghĩa là đồi cỏ, là rừng thưa hay trảng cỏ.

Hai bộ tộc Lạch, Chill thuộc dân tộc K'Ho có quan hệ gần gũi về chủng tộc và văn hóa nên có những tập tục giống nhau:

- Về lịch sử, họ có một vị anh hùng là tù trưởng Yagut đã từng lãnh đạo các bộ tộc chống ngoại xâm.

- “Bon” (buôn làng) là đơn vị cư trú của người Chill, Lạch. Mỗi bon gồm khoảng bốn hay năm nhà dài. Mỗi nhà dài là một đại gia đình huyết tộc gồm có nhiều “bếp”. Mỗi gia đình có một bếp để nấu nướng sinh hoạt quanh ánh lửa. Dưới sàn nhà, họ nuôi trâu, heo, gà... Ngựa được nhốt trong chuồng kín để tránh cọp thỉnh thoảng đi kiếm mồi. Mái nhà lợp một lớp tranh dày. Trên trần nhà, người Lạch cất thóc, bắp, dây mây, thịt trâu, heo, nai xông khói. Hạt giống được cất giữ trong những chiếc giỏ bằng mây.

- Buôn làng là đơn vị hành chính quan trọng nhất. Người có quyền lực cao nhất trong buôn là trưởng buôn hay chủ làng. Ngoài ra còn có một hội đồng già làng gồm chủ nhà và tộc trưởng họp với sự tham gia của trưởng buôn để giải quyết những trường hợp nghiêm trọng.

- Người Chill và Lạch theo chế độ mẫu hệ và một vợ, một chồng. Họ cũng được phép đa thê nhưng rất hiếm, chỉ xảy ra trong các gia đình giàu có hay trưởng buôn. Hôn nhân giữa các thành viên trong cùng một dòng họ bị coi là loạn luân và cấm triệt để. Con gái lớn lên phải đi cưới chồng. Trong lễ cưới, nhà gái phải nộp một số tài sản cho nhà trai để “bắt” chồng. Sau đó, chú rể ở lại lao động trong nhà cô dâu.

- Đại gia đình người Lạch rất thương yêu, chăm sóc trẻ em. Con gái được chuộng hơn con trai vì nhờ con gái về sau sẽ có thêm chàng rể, tăng thêm người lao động trong gia đình. Trẻ em được giáo dục về sự đối xử với cha mẹ, các thành viên trong gia đình và phong tục buôn làng, chuẩn bị cho các em trở thành người lớn. Con trai được dạy về nghề nông, săn bắn, bắt cá,

trong khi con gái học những công việc hằng ngày của người phụ nữ như nấu ăn, dệt thổ cẩm và chăm sóc các em nhỏ.

- Về y phục, trước kia đàn ông đóng khố, phụ nữ chỉ mặc độc nhất chiếc “sa rông” là một loại váy làm bằng một mảnh vải quấn ngang thắt lưng. Thân thể họ nâu sạm, đầy sinh lực vì thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với nắng gió, với thiên nhiên. Chỉ những lúc trời thật lạnh họ mới cần đến một tấm chăn khoác.

- Cà răng, căng tai: dùng vật cứng để cà răng cho mòn đi. Họ không dùng dũa nhưng ăn bốc và hay hút thuốc lá trong ống điếu. Họ căng trái tai thật to ra. Lỗ tai người phụ nữ đeo vòng bằng ngà voi hay thiếc lớn dần theo năm tháng, có khi nặng đến 500 gam. Đến khi nào răng mòn hay tai đứt, họ làm lễ ăn mừng. Họ cho đó là vẻ đẹp của người dân tộc trước kia, nay chỉ còn lại ở những người già. Trang sức gồm những vòng đồng, chuỗi cườm, móng vuốt dã thú.

- Chiêng, ché, cườm... là những tài sản quý giá, biểu hiện cho sự giàu có và hùng mạnh. Dụng cụ lao động gồm có: chiếc xà gạc, một nông cụ hữu hiệu để phát rẫy, luôn đeo bên mình, chiếc gậy này dùng để chọc lỗ gieo hạt; cung nỏ để săn bắn; và chiếc gùi ở sau lưng.

- Người Lạch rất trung thực, chất phác, giữ lời hứa, dũng cảm và hiếu khách. Khi khách đến làng, họ mang chuối, cơm, gà, trứng... đãi khách. Trường buôn đem ra một ché rượu, cắm một chiếc cần và mời khách uống. Chiếc cần được chuyển cho từ người này đến người khác. Trường buôn đôi lúc đổ thêm nước vào ché rượu, rượu ngày càng nhạt dần.

- Tuy y học còn thô sơ nhưng người Lạch biết sử dụng cây thuốc để chữa bệnh. Trong một số trường hợp, họ phải cúng bái. Họ đối xử tàn tệ với những người bị nghi là “ó ma lai”. Người dân thiếu số tin rằng ó ma lai là người có thể rút đầu ra khỏi mình bay đi ăn phân người vào ban đêm. Người nào bị ó ma lai ăn phân sẽ bị rút mất ruột mà chết. Thầy phù thủy, thầy cúng chuyên việc cúng bái lên đồng, phù chú chữa bệnh, đoán xem vận mạng. Họ được tham gia các vụ phân xử và tranh chấp trong bon.

- Già làng: một số người trên 60 tuổi có uy tín, đức độ, và hiểu biết được bon gọi là già làng. Họ là lớp người tinh hoa bộ tộc bởi tích lũy được nhiều kinh nghiệm sống, sản xuất. Già làng thường được mời đóng góp ý kiến về mọi việc quan trọng của buôn làng.

- Họ thờ nhiều thần, nhất là thần lúa. Lễ đâm trâu được tổ chức linh đình để cúng thần khi khởi công mùa cấy và thu hoạch lúa, hoa mầu. Vào ngày lễ, dân bản tụ tập đông đủ ở sân làng. Một cây nêu chạm trở tinh vi, treo nhiều nhạc cụ, được dựng lên.

Mỗi khi gió thoảng qua, các nhạc cụ va vào nhau vang lên âm thanh rất lạ tai. Một con trâu được cột dưới gốc cây nêu. Buổi lễ bắt đầu khi ngọn lửa được đốt lên. Thầy phù thủy cầm một cây thương dài, miệng ngậm con dao khá lớn, bên hông lại đeo một con dao to nữa, múa may quay cuồng trong tiếng chiêng cồng rền vang, rồi thỉnh linh đâm vào con trâu. Đầu trâu được chặt treo lên cây nêu để làm vật tế lễ. Sau đó mọi người cùng múa hát và lăn xả vào xẻ thịt con trâu ăn mừng lễ cúng Yàng, bên những chén rượu cần cong vút.

Theo tài liệu của NGUYỄN HỮU TRANH thì bác sĩ ÉTIENNE TARDIF được dân làng mời đến thăm một người dân bị bệnh nặng ở trên cao nguyên Lang Biang và bác sĩ này sau đó kể lại:

“Khi đến nhà, tôi thấy trên chòi đầu và chân một con trâu vừa mới bị giết. Người ta cho tôi biết đây là con trâu thứ ba cúng thần linh từ khi bệnh bắt đầu. Vào trong nhà, khói lửa cúng thần linh xông lên khó chịu. Quanh ngọn lửa, dân làng ăn và uống rượu. Thỉnh thoảng, một người kéo một sợi dây cột vào mái nhà làm cho những chiếc bùa và lục lạc vang lên. Cùng lúc trống chiêng đánh lên và người trong nhà la hét để xua đuổi ma quỷ đang nhập vào xác người bệnh. Bệnh nhân bị sốt rét nặng nằm cạnh đống lửa. Khi một người trong làng chết trong một thời gian ngắn do một căn bệnh không rõ, dân làng dời buôn sang nơi khác.”



Người Lạch chia trường hợp chết thành hai loại: chết tự nhiên và chết vì tai ương do thần linh gây ra. Người Lạch sợ phải chết xa buôn làng. Người chết được tắm rửa và mặc y phục đẹp nhất. Nếu chết vào buổi tối, một con trâu, một con heo và một con gà được hiến tế. Nếu chết vào sáng sớm, lễ hiến tế được tổ chức ngay. Nếu chết vào ban ngày, lễ được tổ chức vào lúc hoàng hôn.

Trong dịp ma chay, bạn bè và người thân đến viếng thăm, mang theo trâu, heo, gà và những ché rượu để dân làng cùng hưởng.

Lễ an táng được cử hành vào ngày thứ ba hay thứ tư sau ngày chết. Các ché rượu, ly chén được đập vỡ, bỏ vào một cái giỏ cùng với lễ vật và đặt gần mộ. Thân nhân người chết cũng đặt lên mộ một con gà, không giết gà nhưng để cho nó chết dần. Thân nhân tiếp tục mang thức ăn đến cho người chết trong vòng một năm, sau đó mới bỏ mã. Một số gia đình dựng nhà mồ trên mộ người thân. Vợ chồng phải chịu tang trong một năm.

Lễ hội quan trọng nhất là lễ đón năm mới, thường vào mùa xuân. Buổi sáng ngày đầu tiên, dân làng uống rượu rồi đâm trâu. Đầu trâu và 4 chân được đặt trên chòi để cúng thần linh. Sau khi cạo lông trâu, dân làng xẻ thân trâu ra thành nhiều miếng và nướng trên đống lửa. Lễ hội diễn ra trong tiếng trống chiêng vang rền. Những ngày hôm sau cũng tiếp tục như ngày đầu tiên. Dân làng cũng không quên người chết, mang ra mộ thức ăn và rượu.



Thú rừng Đà Lạt

Du khách đi dạo thành thơi giữa thành phố Đà Lạt trong những ngày tháng trước năm 1975 vì đây là một nơi du lịch lý tưởng, bình an. Có ngờ đâu từ thuở xa xưa cao nguyên Lang Biang là một vùng ma thiêng nước độc, người Kinh không dám định cư bên kia sông Krong Pha, chỉ dừng lại ở Xóm Gòn, vì cộp beo, rắn rết và nhất là bệnh sốt rét rừng.

Thuở trước người ta kể rằng vùng quanh Đà Lạt là một trong những vùng đất săn bắn tuyệt vời nhất ở châu Á và là vùng săn bắn có đường giao thông thuận tiện nhất ở Đông Dương. Nơi đây là thiên đường cho những tay thợ săn.

YERSIN đã từng viết trong hồi ký về cuộc thám hiểm của ông:

“...Cánh đồng Tánh Linh đầy thú rừng: nai, hươu, trâu, heo rừng. Đêm đêm chúng tôi nghe tiếng voi hú quanh trại...”

...Ở La-ra, trong đêm tối, một con cộp lên vào trong trại cố mang đi một người. Nhờ báo động kịp thời, người Thượng thoát nạn nhưng sợ quá nên bị câm trong vài tiếng đồng hồ...

...Một ngày trước khi tôi đến, vào giữa trưa, cộp đã vồ mắt hai người đang trên đường đi làm rẫy. Cộp ăn thịt và mang một tử thi vào rừng xé xác...

...Trong thời gian tôi đi vắng, một con cộp cố vồ lấy một trong những con ngựa của tôi đứng ngay trong hàng rào của trại. Anh thợ săn người Việt mà tôi để lại ở Ri-ông tổ chức chiến đấu. Anh ta chỉ bắn bị thương con cộp. Con thú dữ này trong khi chạy trốn đã vồ hai người Thượng bị thương nặng...”

NGUYỄN HỮU TRANH kể về “Đà Lạt thuở ban đầu” là vào năm 1901, kỹ sư A. D’ANDRÉ báo cáo mang cừu từ Phan Rang lên Đà Lạt, có tất cả 19 con: “Rất tiếc một con cộp đã lên vào chuồng trong đêm tối và vồ mất 14 con.”

Năm 1905, một người Pháp sống trên cao nguyên Lang Biang để thu thuế, đã kể lại câu chuyện về cộp xảy ra 4 năm trước:

“Hôm ấy, cách nhà không xa, vợ chồng ông Canivey thấy một con cộp ở bìa rừng. Ông Canivey giơ súng lên bắn. Con cộp bị thương gám thét chạy vào rừng. Một người lính Việt xách súng cùng ông đuổi theo. Xuyên qua cánh cây, bà Canivey thấy con cộp dùng hai chân trước vồ vào vai của chồng bà và ngậm khẩu súng. Người lính tiến gần lại và nổ súng vào đầu con cộp. Con vật

rống lên và ngã quy xuống đất. Bà Canivey chạy đến, thấy chồng bà máu me đầy mình. Ông đi bộ về nhà, nhưng lúc bấy giờ không có bác sĩ, ông phải nằm mê man mấy ngày liền. Bà vẫn còn hãi hùng khi nghe cọp gầm về đêm.”

Năm 1908, P. DUCLAUX trên đường đi rẽ từ Phan Rang lên Đà Lạt đã có nhận xét về tình hình thú rừng nơi thành phố này:

“Phải thường xuyên chống lại cọp và beo rất nhiều trong khắp vùng. Chuyện cọp là chuyện thường ngày, không phải là chuyện vui đùa bịa đặt mà là một thực tế đáng lo ngại. Chó, ngựa, nhiều người giúp việc, nhiều người bưu trạm đã bị cọp vồ; nhiều người Âu cũng cùng chung số phận.

Sau khi ăn tối ở đồn cảnh binh, ông Canivey cho bốn người cầm đuốc đưa tôi về vì đường đi rất nguy hiểm từ khi mặt trời lặn. Ông nói với tôi rằng tôi đã lắm khi đến đây một mình.

Những con chó rừng còn nguy hiểm hơn nữa. Đây là một loại chó cao gần bằng cái bàn, ốm nhom nhưng cực kỳ hung dữ. Chúng kéo đi hàng đàn và đuổi theo con mồi không biết mệt. Chúng tấn công cả cọp và thường chiến đấu đến cùng, dù phải bỏ thầy vãi mạng.

Một lần, con chó của đại úy Lavit - một người thợ săn dũng cảm - bị một đàn chó rừng đuổi theo đến tận trại. Chúng chỉ chịu bỏ đi khi tất cả mọi người trong trại vội vàng chạy ra xua đuổi chúng. Tôi đã từng nghe nói về những con chó rừng ở Quy Nhơn, nhưng những con chó rừng ở đây còn dữ sợ hơn.”



Nhà đồng bào Thượng

Những tem thư đầu tiên mang hình ảnh về Đà Lạt là tem thư thác nước Pongour (1951). Sau đó là 6 tem thư mang nội dung Đà Lạt trong đó có tem “*Một kiểu nhà*” (1957).

NGUYỄN VĂN BA nhân dịp giới thiệu các tem thư có hình ảnh Đà Lạt đã nói về tem thư “*Một Kiểu Nhà*” của đồng bào Thượng:

“Kiểu nhà này được gặp ở nhiều buôn, làng, bản Thượng, chung quanh Đà Lạt, trong tỉnh Tuyên Đức và các tỉnh miền Tây Nguyên. Các sắc tộc người Thượng ở Đà Lạt và vùng phụ cận gọi nó bằng nhiều tên khác nhau: nhà rông, cốt, quyết, pút, gon...”

Nếu ở miền xuôi có đình làng để làm nơi sinh hoạt cho dân chúng thì ở Đà Lạt miền sơn cước đồng bào Thượng có “nhà rông”. Nhà rông có thể là một kiến trúc độc lập, nhà sàn có mái cao đứng thẳng giữa làng, cũng có thể chỉ là gian chính giữa trong căn nhà dài mà cả làng chung sống.

Nhà rông tượng trưng cho sức mạnh, cho sự thịnh vượng của buôn làng nên được dân làng xây cất rất cẩn thận, săn sóc chu đáo. Nhà rông thường cao 15m-20m, dài đến năm gian. Chiều cao, nếu tính từ dưới đất lên đến sàn nhà phải đủ cao để đàn voi đi qua được, từ sàn lên mái nhà cũng cao đủ để thanh niên trong buôn múa “rông chiêng”, quay tít vũ khí như những ngọn giáo dài, trong dịp có hội họp hay tế lễ.

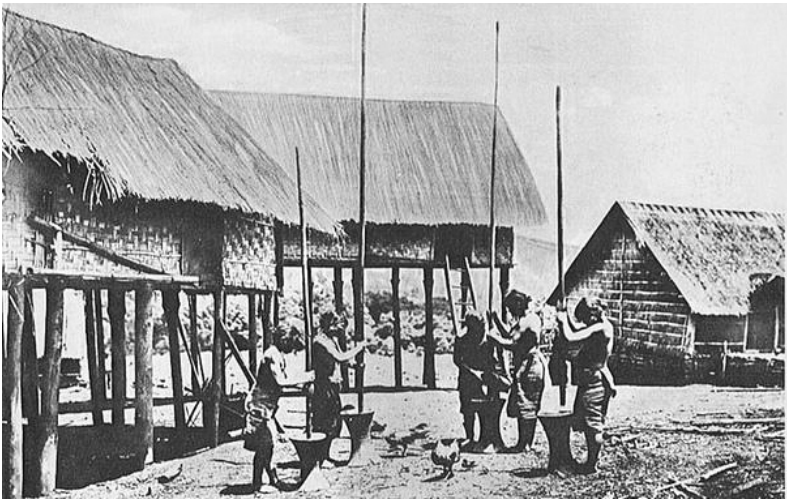
Nhà rông bền vững, chắc chắn do được làm bằng các loại gỗ quý như lim, gỗ, gụ, sến, thao lao... Theo cổ lệ nếu một buôn làng mới được thành lập hay dời đi nơi khác trong dịp đầu năm thì cuối năm phải cất xong nhà rông. Có nhà rông thì mới có sinh hoạt của buôn làng.

Nhà rông được sắp xếp có ngăn nắp và trưng bày mỹ thuật. Đường lên nhà rông thường là một căn gỗ có gác lên sàn hiên đặt ngay cửa chính của gian nhà. Gian đầu là nơi thờ thần bảo trợ, che chở buôn làng, trên vách có treo một giỏ mây trong đựng một hòn đá mà người tù trưởng của buôn làng nhặt lấy khi quyết định chọn khu đất nào đó làm nơi dựng buôn làng. Hòn đá tượng trưng cho thần đất. Vì thế mỗi lần cúng lễ, bao giờ người ta cũng bôi máu của con vật hiến tế và đổ rượu lên hòn đá này coi như thần đất đã nhận lễ vật. Quanh hòn đá có treo những dụng cụ, nông cụ, vũ khí do ông cha lưu truyền từ đời này sang đời khác và các nhạc cụ như chiêng, trống, cồng, phèng la... được dùng khi cúng tế.

Gian giữa là trung tâm nhà rông với bếp lửa. Nơi đây tù trưởng và những người có trách nhiệm trong buôn làng thường hội họp để quyết định những công việc quan trọng của buôn làng, để tiếp khách gần xa và buôn bán. Mỗi buổi tối, khi công việc hàng ngày đã xong, dân làng thường họp mặt nơi đây để chuyện trò. Gian giữa được trang trí một cách mỹ thuật với các bức hình chạm thú rừng trên cột, hàng dây sọ trâu được xếp trên xà dọc đánh dấu những lần nhà rông làm lễ đâm trâu theo tục lệ cổ truyền. Một chiếc trống lênh to được treo ở xà ngang gian giữa. Tiếng trống hùng dũng vang lên mỗi khi cần tập trung dân của buôn làng hay khi hành lễ.

Từ gian thứ ba tới gian cuối cùng là chỗ ngủ của thanh niên chưa vợ. Một vách treo vũ khí các loại để sẵn sàng chiến đấu khi hữu sự, vách còn lại treo các nhạc khí ưa thích của mỗi người như khèn, đàn tơ rưng, đàn dinh. Theo tập quán của nhiều bộ tộc Thượng, thanh niên trai trong các buôn làng từ 16 tuổi đến khi lấy vợ, ban đêm đều ngủ ở nhà rông.

Nhà rông gắn bó với tuổi trẻ, tuổi trẻ gắn bó với nhau và với thế hệ cha anh qua những sinh hoạt ở nhà rông. Đêm đêm, bên ánh lửa, họ trò chuyện, trao đổi những kinh nghiệm sống, họ cùng nhau đàn hát, nhảy múa. Hết thời vụ mùa màng trong năm, các chàng trai lại rủ nhau làm nỏ, vót tên, đan lát các vật dụng bằng tre, mây... Nhà rông chủ yếu là nơi sinh hoạt của thanh niên. Phụ nữ ít khi tới đó ngoại trừ những dịp lễ lạc, hội hè hay những khi có việc thật cần thiết."



Bóng dáng người Thượng

Sau khi Đà Lạt đã phát triển thành một nơi du lịch, du khách lên đây vẫn còn thường hay gặp một số người Thượng ngay giữa trung tâm thành phố. Họ đi từ các buôn làng xa xôi ra đây để bán một số sản phẩm và đồng thời mua về một số thực phẩm và vật dụng khác. Hồi xa xưa người ta quen gọi những người sống ở miền cao nguyên này là “mọi”, ý rằng kém văn minh. Về sau từ ngữ này hầu như đã không còn được dùng nữa mà thay vào đó là những từ ngữ khác nghe thân thương hơn như “đồng bào thiểu số” hay “đồng bào sắc tộc”.

Khi hãy còn nhỏ tuổi NGỰ THUYẾT có cái thú là chạy theo ngắm những người Thượng với hình ảnh khó quên để rồi kể lại:

“Nhưng coi voi đâu thú bằng coi “mọi” về. Lâu lâu, nó không nhớ rằng trong bao lâu, người Thượng không biết từ ngọn núi nào kéo nhau về rần rần. Một đoàn người thật dài đi tình bơ ngay trên đường cái chứ khỏi cần phải đi trên lề đường để tránh xe kéo, xe ngựa, hoặc xe hơi. Hồi đó ít xe hơi lắm.

Đoàn người (...) già trẻ lớn bé đều có đủ, đúng là mọi “cà răng cẳng tai”, răng cà sún sát nướu, trái tai đàn bà con gái cẳng to đeo lủng lẳng miếng gỗ dẹp tròn to bằng miếng ly uống nước. Lại có cá heo, chó, gà mang theo, ốm nhom. Đàn ông chỉ đóng chiếc khố, da của họ trông dày cộm và đen thui, lưng mang gùi, tay cầm roi mây, xà gạc. Tụi nhỏ kháo nhau rằng trong rừng cây cối rậm rạp không thể nào đi được một bước nếu không có xà gạc để dọn đường, còn roi mây dùng để đánh cạp. Cạp không biết đau nhưng sợ tiếng gió phát ra từ cái roi...

Đàn bà thì ở trần, mặc váy đen vân trắng, cũng mang gùi hoặc mang em bé sau lưng. Oai hơn cả vẫn là những người lè kê trên vai chiếc nỏ, để ló ra sau gùi ống tre đựng tên nhọn...

Tụi nhỏ trở mắt nhìn đoàn “mọi” đi qua cho hết rồi đi theo xem thử họ sẽ đi đâu. Thì ra “mọi” đi chợ. Họ bán heo, gà, bắp, kê, móng cạp, nanh heo rừng v.v... và mua gạo, muối. Họ biết xài tiền nhưng không biết đếm. Chẳng hạn họ bán ba cắc một con gà thì họ nói con gà này giá một cắc, một cắc, một cắc, vừa nói vừa chia một ngón tay thôi, chia ra làm ba lần. Họ không chịu bán chó. Xong họ ngồi chiếm hết những bậc tam cấp của chợ, mỗi người lấy từ trong gùi một cái đũa làm bằng lát cuốn tròn đựng cơm nguội và mắm, lắc lắc đổ ra bàn tay vốc lại thành cục cho vào miếng ăn ngon lành. Ăn xong, họ đến những vòi nước máy công

cộng kê miệng uống, rồi lấy ống điều cần thật dài mỗi lứa hút thuốc. Có người mua chai nước ngọt uống vài ngụm, rồi tới với nước máy châm thêm cho đầy đưa cho người khác uống, người đó uống một ít lại đi lấy nước máy châm thêm, cứ thế uống mãi không hết một chai. Không đầy một tiếng sau đó họ đã lục tục kéo nhau đi cùng những con chó ốm nhom.”

Bóng dáng những người Thượng khi xuất hiện trong thành phố cũng được VI SAO tả lại như sau:

“Khi ánh dương ló dạng, những tia nắng đầu ngày chiếu xuyên làn sương mù trông như những hào quang của phép lạ, làm lóng lánh những hạt sương đêm còn đọng trên búp hoa, trên tàu lá và trên những thảm cỏ nhung xanh biếc... thì lác đác trên các nẻo đường từ buôn làng dẫn vào thành phố, vài nhóm người Thượng thuộc chủng tộc K’Ho đi hàng một, thành từng nhóm nhỏ. Người nào cũng đen đúa, phần đông đi chân đất, có người còn đóng khố, vai vác chà gạc, lưng đeo gùi đựng đầy những khúc củi ngo dùng để nhóm bếp hay những giỏ lan rừng đem ra chợ để đổi lấy gạo, muối.”

Du khách tới Đà Lạt thường hay dừng chân để tò mò và thích thú nhìn theo bóng dáng những người dân thiểu số họp nhau thành từng đoàn đi vào trong thành phố Đà Lạt khi trời hửng sáng. Những hình ảnh “bắt mắt” này được mô tả thật kỹ dưới cái nhìn của PHAN NGHỀ:

“Từng nhóm những cô gái Thượng mặc xà rông, lưng đeo những chiếc gùi đựng những giỏ lan rừng đủ màu sắc chạy lúp xúp nhịp nhàng với những đôi chân màu bánh mật đều đặn đá những tia nắng ban mai, chạy về hướng Chợ Đà Lạt cho kịp buổi chợ hoa sáng.

Những người đàn ông Thượng, tay cầm xà gạc, miệng lập bập khói thuốc từ những chiếc ống điều gốc cây trúc được đeo gọt cầu kỳ, lưng thưng đi theo. Sau họ những người đàn bà Thượng, lưng đeo những chiếc gùi nặng trĩu đựng những quả xoài rừng hoặc nõi khoai. Trước bụng, họ bọc những đứa nhỏ còn say ngủ trong những chiếc chăn cũ kỹ, những đôi chân nhỏ, tím ngắt vì lạnh đông đưa theo nhịp chân bước của người mẹ. Họ vừa đi vừa nói chuyện bi bô.

Một vài con chó ốm nhom lộ cả xương sườn, mặt mũi lấm lem, chạy lảng xăng lục lợi từng bụi cây để tìm kiếm thức ăn cùng nhập đoàn với họ. Họ như từ trong những chùm tia sáng đục ban mai, sau con đường đất đá ngoằn ngoèo, giữa những rặng thông, đi ra

chợ và bóng họ nhạt nhòa trong làn sương phủ.”

Du khách cũng thường vội vã ghi lại hình ảnh những người dân thiểu số của miền cao nguyên vào máy ảnh. Qua ống kính của mình nhiếp ảnh gia TRẦN CAO LĨNH nhìn những sinh hoạt của người Thượng với cặp mắt đầy tình cách nghệ thuật:

“Trong đôi thông, dưới chân những thân thông thẳng tắp thường gặp những đường mòn len lỏi. Thỉnh thoảng thấp thoáng một bóng ngựa thồ, một bóng áo chàm trên sườn đất đỏ...”

Đường mòn đất đỏ ở Cao Nguyên thật là một hình ảnh kỳ thú, cứ trườn mình mãi, đi tới trước như không biết mỏi.

Nếu người lữ hành có mỗi vì vượt núi băng đèo, thì xin cứ tự nhiên ngã lưng trên thảm cỏ mịn, êm êm và rất chào đón.

Những đường mòn ấy dẫn mãi vào những thôn, sóc xa tít mù đi hàng mấy ngày đường bộ. Ở trong đó là cuộc đời riêng của người Thượng, cổ sơ chất phác, sống tự nhiên với thiên nhiên, săn thú, gieo lúa, coi như chung quanh chưa từng có một guồng máy cơ giới văn minh chuyển mình cuồng loạn. Mỗi năm vài lần cần đi đổi muối, chỉ lúc ấy họ mới thấy được mặt mũi những người thị dân má hồng môi đỏ...”

ALAN PHAN viết lại những kỷ niệm dĩ vãng của mình:

“Năm 1955, tôi vừa 10 tuổi, cha tôi gọi cả gia đình lên Dalat. Ông nói môi trường sống ở Saigon quá xô bồ, ô nhiễm và thiếu văn hóa (...) Mẹ tôi mua một căn nhà ở 60 dốc Duy Tân, buôn áo quần trẻ em, và 4 anh chị em bắt đầu khám phá một thiên đường mới thật nhiều cây xanh hoa lạ.

Dalat 1955: Lúc đó, Dalat lạnh thấu buốt tận lòng. Ngày nào, chúng tôi cũng co ro trong chăn, mơ thấy các bí hiểm về rừng sâu qua những huyền thoại, cười giỡn khúc khích khi dọa hù ma quỷ, và miên man với một thiên nhiên dù hoang dã nhưng rất trong lành.

Hồi đó người Thượng (giờ gọi là người dân tộc) dù sống trong thôn bản của họ vẫn lui tới giao lưu với người Kinh khắp nơi, nhất là quanh khu chợ Hòa Bình. Họ hiền lành trong những sắc phục cổ truyền nhiều màu sắc, bập bẹ tiếng Việt và tạo một cảnh quan sống động hài hòa. Trong ký ức của tôi, ấn tượng nhất là những người phụ nữ, ở trần khoe bộ ngực thường lớn và cứng cáp như các cô gái Âu Mỹ trong phim rạp hay sách vở. Với tiềm thức “khát sữa” của tôi, đây là hình ảnh tuyệt vời của người tình trong mộng. Tôi mơ làm một chàng trai Thượng vạm vỡ, có vài bạn gái, uống rượu cần mỗi đêm và cùng nhau nhẩy nhót cạnh bờ suối trắng.

Một lần, khi đi chơi thật sâu vào rừng, tôi và mấy đứa bạn đến một giòng suối có mấy cô gái Thượng đang tắm. Ngược với thái độ của mấy cô gái Kinh là thét thát thanh, các cô Thượng vẫy chào chúng tôi như những người bạn lâu ngày vừa gặp. Lúc lên lau người, một cô thấy tôi trần trối nhìn vào bộ ngực cao bông của mình, lấy tay tôi đặt nhẹ lên ngực mình, cười vang, rồi cùng bạn biến mất sau những tàng cây um tùm. Tôi nghĩ mình vừa được ban phước Thánh.”

ALAN PHAN ngậm ngùi sau khi phải dọn về ở Sài Gòn:

“Tôi rưng rưng nước mắt giã từ rặng núi Lang Biang, thác Cam Ly, hồ Than Thở và những ngọn đồi quanh hồ Xuân Hương. Cả những căn villa nhiều hoa hồng, tiệm ăn Eau Vive, nhà Thủy Tạ, ngôi thánh đường trên dốc cao và những đứa bạn đã cùng nhau thám hiểm các khu rừng lân cận theo đúng tinh thần của Robinson Crusoe. Tôi cũng nhớ tha thiết những người Thượng hiền lành và những người tình trong mộng.

Dalat 1969: Tôi gặp lại Dalat lần thứ hai khi ở Mỹ về và lên dạy học tại Trường Võ Bị. Những người Thượng vẫn còn lui tới và thành phố vẫn đầy dây đặc sương mù mỗi đêm. Những con đường dốc vẫn đầy hoa bất tử (immortel) trước những căn villa buồn lặng và đồi má các thiếu nữ vẫn ửng hồng trong ánh nắng đầu ngày.”



Có dịp tạm ngừng bước hành quân và được ở lại ăn Tết với người K'Ho dưới chân đèo Ngoạn Mục quân nhân ĐINH VĂN CỬ hào hứng thuật lại cái kỷ niệm hi hữu này:

“Cao nguyên Lâm Viên tiết trời chạm Tết nên gió lạnh căm căm. Chúng tôi hầu hết là dân miền Nam nên chịu sao thấu với nổi rét buốt miền cao qua manh áo trận mỏng manh trong đêm đầu tiên tạm trú tại Tiểu khu Tuyên Đức, chờ sáng về đơn vị. Đà Lạt rục hoa mùa giáp Tết. Đà Lạt kiêu sa trong muôn màu áo ngự hàn. Đà Lạt nồng nàn lời âu yếm của những người yêu nhau, diu nhau qua con phố nhỏ, dưới dốc hoa Đào. Nhưng với người lính mới đáo nhậm đơn vị, thì đây là trò con tạo trên người!

Sáng hôm sau tôi về đơn vị mới, TĐ 1/43, đang đồn trú tại đèo Ngoạn Mục và nhờ vậy mà năm đó tôi đã được hưởng một cái Tết vui nhộn với người Ko Ho (Tuyên Đức) quanh bếp lửa hồng. Được vui Tết với người Ko Ho là một thích thú tột cùng vì ngoài việc được ăn uống tự do, ta còn cảm nhận cái tình người đậm đà, chân thật trong cử chỉ, trong lời nói, trong ánh mắt, nụ cười.

Tết của người Ko Ho sau Tết Nguyên Đán của ta, tùy theo mùa lúa chín - khi việc đồng áng xong, đồng bào Ko Ho liền tổ chức ăn Tết gọi là ăn mừng lúa mới. Tết được tổ chức giữa sân nhà hội đồng, mọi người quây góp chung từ củi đốt, trâu bò đến rượu cần.

Củi được chất thành đống lớn đủ dùng suốt đêm; quanh đống củi là những ché rượu ngon, vài con trâu, bò, heo đã được cột sẵn nơi hàng cột chạm trở trước nhà hội. Những cây nêu, phướn lừng lờ phát phơ trước gió tăng thêm vẻ trang nghiêm của ngày lễ Tết.

Và rồi, khi vầng thái dương vừa khuất dạng sau dãy núi đen thì chiêm trống nơi nhà hội đồng cũng đồng loạt khua vang, dồn dập như tiếng trống trận xung phong. Mọi người trong buôn tề tựu đông đủ quanh đống củi khô vừa phát cháy. Tiếng nổ lách tách vui tai, xen lẫn với tiếng chuyện trò huyền ảo; đúng là một cái Tết vui vẻ bình dị.

Tay trong tay, người Ko Ho nhảy múa vòng quanh sân lễ, theo tiếng khèn, chiêng. Háo hức mời nhau từng miếng thịt nướng trên lửa hồng từ các súc vật được hy sinh để tế thần linh. Hàng tá ché rượu cần được chuyền quanh mọi người. Rượu cạn, thì nước được thêm vào. Cứ như vậy, tiệc tiếp tục... cho đến khi rượu thấm, bụng căng, lửa sắp tàn và sương lớp lớp đổ rơi rơi, người người mệt mỏi nằm lẫn ra ngủ.

Vào lúc đó thì chúng tôi, những người lính miền cao, đã ra đi tự bao giờ, không như đồng bào Ko Ho sung sướng tiếp tục cuộc vui Tết quanh các gia đình cho đến hết tháng giêng.”

Con người Đà Lạt

Đà Lạt quả là một “tiểu hợp chủng quốc” của nước Việt Nam. Chỉ có người Lạch, người Chill mới thật sự có nguồn gốc Đà Lạt. Còn hầu hết là những người từ bốn phương trời hội tụ về đây qua những làn mộ phu, di cư... Nhiều nhất là người Huế, người Bắc, và người Quảng. Họ nhận mảnh đất này làm quê hương.

Năm 1907, bác sĩ J.J.VASSAL cho biết:

“Người Kinh chưa định cư trên những vùng cao của dãy Trường Sơn. Ở Đà Lạt có một nhóm 60 đến 80 người Kinh, hầu hết là những người đi buôn chuyến. Họ sống trong những điều kiện rất khổ cực, mặc ít áo quần như ở vùng đồng bằng, bị lạnh, thiếu dinh dưỡng và không có gia đình. Từ Phan Rang hay Phan Thiết lên cao nguyên, với những gánh hàng hóa, họ đi ngang qua những làng mạc đầy nước đọng, những vùng rất nguy hiểm và mắc phải bệnh sốt rét, không khí lạnh càng khiến cho bệnh sốt rét trầm trọng thêm.”

KHÁNH GIANG trong một bài phóng sự đã đưa ra nhận xét về cách ăn mặc của người Đà Lạt vào cuối những năm 1950:

“Có một điều khi đặt chân đến Đà Lạt là bạn để ý ngay: cách phục sức của người dân Đà thành. Cái khí hậu lạnh tạo cho họ một cách phục sức đường hoàng, trang nhã. Tôi không muốn nói là họ đã “tìm kiếm” sự trang nhã ấy nhưng phần nhiều chỉ mặc để chống lại cái lạnh buốt cóng về đêm hay của những ngày gió rét khi còn sương mờ buổi sáng. Từ những người phu xe, những chị buôn gánh bán bưng, những người lao động đến các cậu học sinh, các công chức, tất cả đều phục sức rất đặc biệt theo từng mức sống. Bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy một chị bán đậu hủ với gánh hàng nhỏ bé nhưng vẫn tươm tất trong chiếc áo dài trắng thanh cảnh, khoác ngoài chiếc áo len. Bộ “com-lê” mà bạn rất “sợ” khi phải mặc ở Sài Gòn và đã giấu kỹ trong đáy tủ, sẽ rất hợp cho bạn khi ở Đà Lạt. Cái nhu cầu chung diện đã thành thói quen trong giới trung lưu và thượng lưu. Ít khi bạn gặp một người mặc áo chemise trần hở cổ, nếu không thấy một chiếc cà vạt thì cũng choàng một “phu la” nỉ, ngoài khoác áo “vét tông”. Đặc biệt nhất là lối trang phục đầy màu sắc tươi trẻ của giới sinh viên và học sinh. Nếu có dịp ghé vào một trường trung học Pháp vào mùa lạnh, bạn sẽ có cảm tưởng mình hiện đang ở một trường học bên Âu, Mỹ.

Những chiếc áo “Canadienne” bằng da, áo “pullover” đủ màu, đủ kiểu, những chiếc “vét tông” nỉ ca rô tuy những một nhập cảng từ phương Tây nhưng nhờ áp dụng nhằm nơi nhằm lúc nên không có vẻ lố lăng mà lại tô điểm thêm màu sắc trẻ trung ưa nhìn.

...Về nữ sinh, cái áo muôn thuờ của các cô là cái áo len màu đen. Vào những buổi tan học, các cô đua nhau rẽ khắp ngã đường, phát phơ tà áo lụa trắng, nổi bật chiếc áo len đen với chiếc nón bài thơ xinh xinh xứ Huế...”

Dân số của Đà Lạt năm 1954 là 52.000 người. Sau hiệp định Genève 1954 người Pháp bỏ về nước rất đông nên dân số giảm xuống còn 23.744 người năm 1956. Theo NGUYỄN VĂN HUY:

“Nhiều đợt di dân từ miền Bắc (Thái Bình, Phát Diệm) và miền Trung (Huế và Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định) lên Đà Lạt lập nghiệp. Những gia đình di cư miền Bắc về các xã quận Tùng Lâm, Tùng Nghĩa, Lạc Thiện canh tác nông nghiệp, những gia đình nghèo miền Trung về các ấp gần Đà Lạt (Cô Giang, Cô Bắc, Hồng Lạc, Thái Phiên, Số 4, Đa Thiện, Trại Mát, Sào Nam) canh tác hoa màu. Những gia đình giàu có miền Trung mở tiệm buôn tại trung tâm thành phố, một số đầu tư vào ngành tiểu thủ công và dịch vụ. Nhiều gia đình giàu có tại Sài Gòn cũng lên mua đất xây nhà nghỉ mát. Dân số Đà Lạt tăng lên 60,960 người năm 1957.”

Người Đà Lạt còn có những vẻ đặc biệt về phong cách. Sống trong một thành phố văn hóa với những ảnh hưởng xã hội và thổ nhưỡng, đã tạo nên một con người Đà Lạt hiền hòa, khoan thai, lịch sự, kín đáo, nhưng lại thân tình và hiếu khách. Tính chất này không riêng cho những con người trí thức, mà ăn sâu rộng cả trong thành phần người dân lao động nữa. Trong một gặp gỡ tình cờ ở đâu đó với một chị bán hàng, người lái xe ô-m, anh thợ chụp hình, chú sửa xe... có khi ta bất chợt thấy họ có thể nói ra một ngoại ngữ Pháp hay Anh. Và ta sẽ ngạc nhiên khi tìm hiểu về lai lịch của một con người, mỗi người mang một số phận đã in hằn bao biến cố của đất nước!

Tiếng nói của người Đà Lạt có giọng đặc biệt, nhẹ nhàng, trong trẻo, rất tương xứng với cung cách Đà Lạt. Đây là sự kết tinh âm sắc pha trộn của các miền Bắc Trung Nam. Phong tục tập quán cũng đa dạng vô cùng. Một số gia đình Tây học có nếp sống ảnh hưởng Tây phương và hầu hết đều giữ lại một ít phong tục của quê quán xưa cũ. Có một cái gì đó hòa nhập giữa Âu với Á. Đến những nơi khác, một người chỉ cần mang danh là “người Đà Lạt”, thì sẽ nhận được một sự ưu ái đặc biệt. Hình như con người ấy

mang theo quanh mình cả một bầu không khí tươi mát lạ lùng của một vùng đất thần tiên.

Nhận xét về người dân Đà Lạt TRẦN CAO LĨNH viết:

“Thị dân từ miền xuôi dưới thấp lên đây đã mang đến cho Đà Lạt không những cái không khí vắng mình mà thêm cả những màu sắc tươi vui do những luống hoa rực rỡ, những thành tường trắng, những mái ngói đỏ. Lại thêm những tà áo muôn màu như cánh bướm. Đó chính là những điểm nghỉ mắt quý báu cho nhãn quan của du khách những khi đã quen với màu xanh, màu nâu nguyên chất Cao Nguyên.

Đã có người lâu lâu phải lên Đà Lạt, không phải chỉ để nghỉ mát, mà còn để nghỉ mắt. Họ thấy nhớ những dáng đi mau mau với hai bàn tay cuộn ủ trong vạt áo trước vừa ấm vừa giữ cho gió khỏi bay. Hình bóng nhỏ, xinh, thoăn thoắt trên con đường thẳng tắp, hai bên lè rực màu hồng hoa đào nở là những hình ảnh không thể quên, gợi nhớ lại cả một mùa Xuân, mùa Tết đất Bắc...”

Và đây là lời nhận xét của NGUYỄN ANH TUẤN:

“Đó là sự hòa hợp giữa hai nền văn hóa Đông Tây như một hòa điệu lạ lùng của Đà Lạt. Rất có thể nó không đưa đến một niềm quyết định nhưng dù sao thì Đà Lạt cũng là một biểu tượng chói sáng nhất. Phải chăng chính cái hoang vu, hoang dại của Đà Lạt mà tất cả những con người cả Đông lẫn Tây đều nhìn như một thứ thiên đường hoang vu dưới mặt đất (paradis sauvage sur terre) đang ẩn khuất một hạt nhân?”

Lạy Chúa! Đây là một câu hỏi vừa lóe lên đầu đó có những giọt nước mắt mong manh mừng tủi trên đỉnh ngọn núi Lâm Viên, và đầu đó còn có cả những tiếng reo vui Đà Lạt, Đà Lạt, Đà Lạt ơi, người chính là nơi đã đưa con người lại với con người, đưa con người trở lại với cái bao la sâu thẳm của thiên nhiên, của vũ trụ, đưa những hận thù nhỏ nhen về lại với lòng từ ái, đưa những khuôn mặt Tây phương xa lạ đến với những u trầm uyên mặc của Đông Phương.”

Còn KIÊM THÊM thời nhận xét rằng:

“Thực ra con người Đà Lạt không ôm nặng cái nỗi niềm hoài cổ, thê lương, quuyền luyến quá khứ, như trí thức kinh thành Thăng Long; cũng không hệ lụy những thứ kiểu cách khép kín, cổ tục, như các nàng thiếu nữ ẩn mình trong kinh thành Huế; lại càng không có những lối sống ồn ào, náo nhiệt, lan vào mưa gió cuộc đời, như con người Sài Gòn; hay chan hòa sức sống khô khoắn,

tươi vui của miền Thùy dương cát trắng; hay nói cho đúng ra, Đà Lạt là sự tổng hợp thật khéo léo tài ba, nhuần nhuyễn của bao nhiêu là chất liệu, trên khắp nẻo đường đất nước thân thương.”

Du khách đến Đà Lạt không tiếc lời ca ngợi nước da của các thiếu nữ tại đây và thích thú ngắm nhìn những gò má ửng hồng, đôi môi đỏ mọng tự nhiên như những trái hồng chín mọng, ngọt ngào và thanh khiết hương sắc thiên nhiên.

Ca sĩ KHÁNH LY ghi lại những kỷ niệm thân thương của chính mình về Đà Lạt trong khoảng thời gian 1964:

“Thuở đó, Dalat đẹp lắm. Người ta bảo Dalat đẹp bởi có 4 mùa như Hà Nội nên con gái Dalat tuy ít người xuất sắc nhưng ai nấy đều xinh xắn với nước da trắng hồng, mái tóc đen dày óng mượt. Tất cả đều vô tư, hồn nhiên và hiền lành. Các bà bán hàng trong chợ, dù là bán mắm cá, cũng mặc áo dài, bán đậu hũ rong cũng áo dài, bán ngô nướng lúc nửa khuya, bán mì Quảng, xôi gà cũng áo dài, hai má cứ hồng lên bên cạnh bếp lửa.

Dalat có 4 mùa nhưng mùa nào cũng mát ban ngày, lạnh về đêm, chính thế, người ta mới thú vị khi cầm cái ngô nướng thoa mỡ hành còn nóng hổi, người ta mới cảm thấy cái nhẹ nhõm khi bước ra từ những phòng tắm nước nóng, xé xé rạp ciné Ngọc Hiệp. Bước qua bên kia đường, người ta có thể ghé vào tiệm cháo vịt, tiết canh vịt, gỏi vịt và ngay bên hông tiệm thịt vịt, cái quán mì Quảng nhỏ xíu, mái che là một vài tấm ván ép ghép với 4 cái ghế. Hai vợ chồng người bán mì Quảng tay thoăn thoắt đơm bún, chan nước hay dọn dẹp cái mặt bàn cũng chỉ là một tấm gỗ dài. Người bán vui cười nhìn khách xuýt xoa ăn trong cái nóng của bún, cái lạnh của con phở về khuya, vắng người.

Điều chắc chắn phải nói là người Dalat hiền. Hiền như nước mưa, nước suối. Hiền như cây trái tốt tươi. Hiền như hoa như gió. Như tiếng chuông reo bốn mùa. Hiền như bãi xe lam dăm ba chiếc im lìm nơi bến đậu. Hiền như những cơn mưa bất ngờ bay nghiêng qua thành phố, không hề làm rối chân khách bộ hành.

Những con đường vắng lặng. Những ngôi biệt thự nằm xa nhau, không tường che bao bọc, chỉ có hoa và hoa dưới những cây thông rải rác, tưởng như mọc vô tình không người săn sóc. Ấy thế mà trong cái vô tình gần như hoang dã ấy, luôn có những lúc rộ lên tiếng cười rộn ràng ngây thơ. Đời sống đẹp và đáng sống biết bao nhiêu!”

Còn nhà thơ VIỆT TRANG (Phạm Gia Triếp) chất chứa biết bao nhiêu là kỷ niệm êm đềm với Đà Lạt nên tha thiết phát biểu:

“Dalat ơi! Ta lại mời người cùng ta tung tăng lên phố Hòa Bình, con tim của Dalat, nơi gặp gỡ tình người.

Những con đường huyết mạch quy tụ về đây, bao giờ cũng uốn mình quanh co dưới bóng thông xanh, bao giờ cũng lên xuống nhịp nhàng giữa dãy nhà kiến trúc muôn vẻ, muôn màu, bao giờ cũng yếu điệu như tà áo lụa nét na của người em gái ngày xưa.

Dừng chân bên lề đường, dấu lệ rơi trước dòng nhân thế ngược xuôi, tha nhân cũng thấy lòng ấm lại, rung cảm một niềm quyến luyến vô hạn với tấm lòng hiếu khách của người Dalat...

*“Thành phố mình đang ở
Còn có ai đâu mà ngỡ
Quanh một vòng ta gặp gỡ nhau
Môi điểm nụ chào
Tay bắt thật chặt
Chân tình như nhạc như hoa
Hoa thơm quyện lòng đất
Hoa thắm ngát tình người
Nhạc xây dựng đời
Nhạc gieo hy vọng
Nhạc gọi tương lai
Thành phố mình sao mãi dễ thương
Thôi thúc tình người
Không ngừng nhả nị vươn lên
Đình cao Hòa Bình vẫy đợi
Mà những con đường như đưa máu dội về tim.
Vạn kỷ không quên thành phố của mình.”*



1970

Đà Lạt bốn mùa

Mang khí hậu ôn đới, Đà Lạt có nhiệt độ trung bình hàng năm là 18°C, ngay cả ngày nóng nhất trong năm, vào lúc cao điểm nhiệt độ cũng chỉ khoảng 31°C. Còn nhiệt độ thấp nhất trong năm là khoảng 5°C. Ở đây mùa nắng kéo dài từ tháng Mười Một đến tháng Tư năm sau và mùa mưa từ tháng Năm đến cuối tháng Mười. Tuy quanh năm chỉ có hai mùa mưa và nắng nhưng điểm đặc biệt là ở Đà Lạt ta có thể cảm nhận được thời tiết đủ bốn mùa trong cùng một ngày, đó là lý do khơi nguồn “thi hứng” cho biết bao văn nhân, thi sĩ.

VIỆT TRANG (Phạm Gia Triếp) rời xứ Huế vào sinh sống tại Đà Lạt, cảm tác ra những vần “Đường thi” phảng phất hương xưa, ghi lại đủ bốn mùa của một ngày Đà Lạt kể từ lúc trời còn tờ mờ sáng cho tới đêm khuya khi màn đêm bao phủ. Lời thơ thật đẹp.

Buổi sáng sớm trời lạnh, nhiệt độ hãy còn thấp, sương mù giăng mắc khắp các núi đồi, thung lũng và bao phủ mặt hồ. Cỏ cây hoa lá đầm đìa sương mai và bắt đầu mọc mạnh, đó có khác chi là mùa Xuân rục rờ phố sắc. Nhà thơ cảm tác:

ĐÀ LẠT VÀO XUÂN

*“Chim hoàng anh phổ nhạc trên cành
Đà Lạt vào xuân, xuân rất xanh
Thấp thoáng hoa đào non điểm ngọc
Long lanh nước bạc thác đan màn
Mây hồng tha thướt bay êm ả
Nắng mới xôn xao đến ngọt lành
Cảnh trí nên thơ còn giục giã
Tiếng thơ hòa điệu, nét đan thanh.”*

Tới buổi trưa, mặt trời lên cao tỏa ánh sáng ra khắp nơi. Thời tiết có chút nóng ẩm của mùa Hạ óng ả. Nắng Đà Lạt quả thật là tuyệt đẹp. Màu nắng e ấp, từng làm ứng hồng thêm đôi má người tình. VIỆT TRANG cảm tác:

ĐÀ LẠT VÀO HA

*“Vào hạ mà không một tiếng ve
Và không phượng nở điểm sơn khê
Sáng gieo giọt nắng mù sương đọng
Chiều phủ làn mưa gió lạnh về*

*Đồi vắng thì thăm thông ngọc bích
Hồ xa mơ mộng sóng pha lê
Người ơi! Từ mấy phương trời lại
Thành phố ngàn hoa chẳng biết hè.”*

Buổi chiều vào mùa khô, khi nắng không còn gắt lắm, mảng cỏ xanh trên đồi đang được dát vàng bằng những sợi nắng vàng óng, lung linh, mượt mà. Màu nắng thủy tinh ấy chỉ có được ở những nơi không khí trong suốt, cộng với một hậu cảnh xanh tươi cây lá như Đà Lạt. Khi mặt trời “đi ngủ sớm”, đồi núi se sắt với từng cơn gió hiu hắt. Những cơn gió nhẹ mát rượi làm cho không khí thêm phần thoáng đãng, trong lành, đó là hình tượng của mùa Thu lãng đãng. VIỆT TRANG cảm tác:

ĐÀ LẠT VÀO THU
*“Mới đó mà thu trở lại rồi
Gió băng khuâng trái nắng thăm rơi
Mây vương núi biếc lưng chừng nhạn
Lá rụng song thưa vắng vẻ người
Sương sớm mong manh lan muện nở
Mưa chiều lạnh lạnh cúc chưa cười
Thu mênh mộng lắm đâu hò hẹn
Một chút buồn vơ đỏi ít vui.”*

Chiều Đà Lạt vào mùa khô thời vừa rực rỡ lại vừa dịu dàng với màu nắng đẹp và những áng mây trắng nõn bồng bênh trên nền trời xanh thơ mộng. Nhưng buổi tối, vào lúc nửa khuya, nhiệt độ xuống thấp nhất, vạn vật dường như chìm đắm trong trời Đông buốt giá u buồn với màn sương giăng phủ. VIỆT TRANG cảm tác:

ĐÀ LẠT VÀO ĐÔNG
*“Thu muộn vừa đi đông lại sang
Trời pha thêm nắng, gió thêm vàng
Cành đào lá rụng đang vơm nụ
Khóm liễu đêm dài đứng gọi sương
Vài sợi mây lam rừng bát ngát
Đôi bờ lối mộng cỏ mơ màng
Nao nao đọi một mùa xuân mới
Chợt thoáng hương ngàn viếng thảo trang.”*

Bốn mùa Đà Lạt còn được tả bởi một nhà thơ trong bộ áo nâu sồng, đó là sư VIỄN THỨC trụ trì một ngôi chùa thanh tịnh trên

con đường mang tên Hoa Hồng. Với “hoa tay” sẵn có, ngoài tài về “thư họa” với đường nét bay bướm sư còn nhìn bốn mùa Đà Lạt với con mắt rất thiền trong một thi tập của sư có tựa đề là “Zen Poetry” (Thơ Thiền). Với tâm tĩnh lặng, với lòng ung dung tự tại, xin hãy nhìn cảnh vật xoay vần theo quy luật “vô thường”.

Mùa Xuân, sư VIÊN THỨC ngắm cảnh vật rồi cảm tác:

*“Spring flowers, fragrance Dharma and the Zen clouds.
And pine forests
And the crunch of needles beneath bare feet
Green forest in the clear mind of rivers and mountains
Deep breaths of clean air...”*

TÂM MINH đồng cảm nên phỏng dịch sang tiếng Việt:

*“Hoa Xuân, hương Pháp, mây Thiền
Và rừng thông phủ khắp miền xanh tươi
Chân trần dạo bước thánh thời
Xạc xào lá dưới gót người vụn tan
Rừng xanh hiển lộ rõ ràng
Soi dòng sông mát, pho hàng núi cao
Với tâm tĩnh lặng thanh tao
Khí trời trong sạch thổi vào thật sâu...”*

Mùa Xuân qua, Hạ về, rồi Thu tới, sư VIÊN THỨC hạ bút:

*“The summer follows the spring
And autumn will arrive with yellow leaves.
Who may go back to the previous autumn
And pick up for me a few yellow leaves?
Or wait for the seasons to revolve
To catch them in the next fall.”*

Cảm nhận được sự chuyển mùa, TÂM MINH phỏng dịch:

*“Hạ về tiếp nối mùa Xuân
Thu qua lá rụng vàng sân gió lùa
Ai quay gót lại Thu xưa
Nhặt cho tôi vài lá như năm rồi?
Sang mùa người phải đợi thời
Chờ Thu sau đón lá rơi bên thềm.”*

Mùa Thu, sự VIÊN THỨC ngấm lá vàng rơi và lại hạ bút:

*“Autumn, beautiful season in Dalat
Beautiful autumn, but there are not yellow leaves
Somewhere along the path you will find them
In the words and the mind and the white clouds
When you know its inside, you can find it anywhere.”*

Cảm nhận được lời Phật dạy rằng cái “tâm” con người là quan trọng, TÂM MINH phỏng dịch ý thơ của sư:

*“Mùa Thu Đà Lạt tuyệt vời
Đẹp tuy nào thấy lá rơi úa vàng
Đường trần phố núi thênh thang
Bạn tìm ra lá dễ dàng khắp nơi
Hiện trong ý, tỏ trong lời
Trong làn mây trắng trên trời nhẹ bay
Khi tâm tỏ ngộ lá này
Kiếm tìm đâu cũng thấy ngay lá vàng.”*

Mùa thu Đà Lạt cũng từng làm rung động lòng người nhạc sĩ. Hình ảnh mùa thu xứ sương mù cứ mãi in sâu vào tâm tưởng, làm rung lên những nhạc điệu. Nhớ hoài! Khó quên!

Hai nhạc sĩ VĂN TRÍ và HOÀNG LANG trải lòng nhưng nhớ mùa thu Đà Lạt trong bản “Hoài thu”:

*“Mùa thu năm ấy. Trên đường đến miền Cao nguyên. Đà Lạt
núi rừng thâm xuyên. Thác ngàn nước bạc thiên nhiên.*

*Chạnh lòng tôi thấy. Lá vàng rơi nhẹ say mơ. Trong rừng thu
đẹp nên thơ. Lưng trời đàn chim bỡ ngỡ.*

*Mùa thu năm nay. Tôi lại thấy lòng lâng lâng. Khi nhịp bước
nhẹ đôi chân. Trong rừng vắng lặng băng khuâng.*

*Bầy nai ngờ ngác. Lá vàng rơi đầy miền man. Trên bờ cỏ rộng
thênh thang. Nghe mùa thu dĩ ngỡ ngàng.*

*Đóa hoa phù dung trắng xóa. Ngàn cây hiu hắt tiếng nhạc.
Mảnh linh hồn tôi thu nay. Là linh hồn tôi thu nào.*

*Nắng đây vẫn là nắng ấm. Mùa thu thương nhớ mơ màng. Gió
thu về đây mỏng man. Hồ thu xanh biếc tràn lan.*

*Đồi thông vi vút. Nghe chùng lá động muôn phương. Đà Lạt
những chiều mây vương. Có mùa thu vàng dâng hương.*

*Nhịp chân ai đấy. Hay là gió thoảng xa xôi. Gió nào rung động
tìm tôi. Hay là dư âm thu rồi...”*

Lên Đà Lạt bằng đường sắt

Trước kia nếu muốn thưởng thức vẻ huyền bí của núi rừng cao nguyên người ta có thể lên Đà Lạt bằng xe lửa. Du khách sẽ có một cảm giác rất độc đáo khi ở trên một con tàu dài ngoằn ngoèo đang hi hục leo lên những triền dốc cao. Núi rừng hùng vĩ lướt chậm chậm qua mắt người trong một cuộc gặp gỡ đầy lưu luyến. Thịnh thoảng con tàu phải chui qua một đoạn hầm tối tăm bí hiểm.

Đoạn đường xe lửa từ Phan Rang đi Đà Lạt được khởi công xây dựng từ 1915, dài 84km, do người Thụy Điển thiết kế. Thụy Điển là một nước có nhiều đường dốc, giàu kinh nghiệm về đường sắt có răng cưa (crémaillère). Chuyến tàu lửa đầu tiên lên Đà Lạt được khởi hành vào năm 1933. Đây là một đường xe lửa đặc biệt vì đoạn qua khỏi ga Sông Pha đường dốc rất cao, nên xe hỏa phải có thêm một đường rầy ở chính giữa có răng móc như lưỡi cưa, ăn khớp với bánh xe của đầu tàu kéo cũng có răng, được chế tạo đặc biệt không có ở các đầu tàu xe lửa loại thường, để kéo đoàn tàu lên dốc và để giữ cho đoàn tàu không bị tuột nhanh khi xuống dốc.

Điều đáng buồn là cả một công trình vĩ đại và thơ mộng này trong thời chiến tranh trước 1975 vì có một đoạn đường thiếu an ninh nên tuyến giao thông đường sắt không thể sử dụng được và đã trở nên hoang phế từ đó. Ga Đà Lạt trước kia là một trong những ga xinh đẹp và độc đáo của Việt Nam, nay hầu như tất cả đều chìm vào quên lãng! Nhưng trong lòng người xa xứ, nhất là các nhà văn, nhà thơ thời những kỷ niệm về chuyến du lịch Đà Lạt năm nào bằng tàu hỏa chẳng bao giờ có thể bị lãng quên!

NGUYỄN NGỌC CHÍNH ghi lại những hình ảnh cũ:

...“Khi vào lập nghiệp tại Đà Lạt năm 1953, gia đình tôi mua một căn biệt thự mặt chính nhìn ra đường Phạm Hồng Thái, phía sau lưng là đường Lê Thái Tổ. Từ nhà nhìn qua Phạm Hồng Thái, ở phía bên kia thung lũng, là đường rầy xe lửa. Ngày hai buổi sáng-chiều có chuyến Đà Lạt-Tháp Chàm chạy qua.

Bọn trẻ chúng tôi vẫn thường băng qua thung lũng, chơi đùa trên đường sắt vì biết rõ lịch tàu chạy mỗi ngày chỉ có 2 chuyến đi và về. Chúng tôi có thói quen vẫy tay chào khách trên tàu và đôi khi cũng có người vẫy lại.

Vì đây là đoạn cuối của cuộc hành trình nên chiều chiều vào khoảng 4g chuyển xe lửa từ Tháp Chàm về luôn hú những hồi còi dài trước khi vào ga Đà Lạt. Hình như tàu cũng biết mệt sau khi từ đồng bằng leo dốc lên cao nguyên.

Tuyến đường sắt từ Đà Lạt đi Tháp Chàm (Phan Rang) là tuyến đường sắt răng cưa duy nhất của Việt Nam từ trước đến nay. Rất tiếc là hệ thống răng cưa này đã bị tháo dỡ bán sắt vụn gần hết sau năm 1975. Cây cầu sắt dành cho tuyến đường sắt bắc qua sông Đa Nhim tại địa phận thị xã Dran cũng đã bị tháo dỡ vào năm 2004.

Ga Đà Lạt hiện nay chỉ còn một chiếc đầu máy xe lửa hơi nước chạy bằng than củi, hai chiếc khác đã được Bảo tàng Xe lửa Thụy Điển mua lại. Ga Đà Lạt hiện nay là chỉ là một địa điểm du lịch, hằng ngày có các chuyến tàu chở du khách đi đến Trại Mát, cách ga 5km.”



MINH VŨ HỒ VĂN CHÂM kể chuyện có dịp cùng với các bạn sinh viên Quân y đồng khóa đáp chuyến xe lửa “crémaillère” từ Tháp Chàm lên Đà Lạt vào năm 1955:

“Chúng tôi đáp xe lửa bắc - nam, lên tàu tại Sài Gòn từ sáng sớm, khoảng 2 giờ chiều thì đến ga Tháp Chàm. Chúng tôi được chuyển qua chuyến xe Tháp Chàm - Đà Lạt. Các toa tàu trông gọn nhẹ hơn toa tàu bình thường. Đoàn tàu cũng ít toa hơn nên rất ngắn. Tàu chạy bình thường từ ga Tháp Chàm đến ga Tân Mỹ.

Tại đây, đoàn tàu đổi đầu máy, thay vì đầu máy thường thì đổi sang đầu máy có bánh răng cưa, thay vì chỉ một đầu máy kéo thì sử dụng đến 3 đầu máy, 2 đầu máy kéo đi đầu và một đầu máy

đẩy chạy phía cuối. Đoàn tàu chạy về hướng Krongpha và bắt đầu lên cao, từ độ cao 32 mét trên mực nước biển tại Tháp Chàm đã lên tới 186 mét tại Krongpha. Từ đây, xe lửa bắt đầu chạy trên đường rầy "crémaillère" là một thanh rầy bằng thép rất cứng có đục những lỗ nhỏ cách khoảng đều đặn. Thanh rầy này được bắt chặt vào tà vẹt và chạy song song chính giữa hai thanh rầy đường sắt bình thường. Đầu máy kéo có bánh răng cưa ở chính giữa dưới bụng. Khi chuyển động trên đường rầy "crémaillère", các răng cưa của đầu máy sẽ ăn khớp với các lỗ của đường rầy, ngăn không cho đầu máy tàu tụt trở lại khi leo đèo cũng như ngăn không cho tuột quá trơn khi đổ đèo. Đoàn tàu chạy chậm chậm men theo sườn núi, theo những cung đường quanh co, ngoằn ngoèo, chênh vênh, một bên là dốc núi cao, một bên là bờ vực sâu thẳm.

Đoàn tàu ì ạch lên cao dần, chạy rất chậm, có lúc vận tốc chỉ bằng thân thủ di động của một người đi bộ. (...) Đoàn tàu vượt qua một khúc quanh, dưới ánh sáng chiều tà, trong khoảng không mênh mang một màu tím ngát bên phải chúng tôi xuất hiện một trái núi hình tháp bốn cạnh mà cư dân miền nam Trung Việt quen gọi là núi "chóp chài", (...) Qua một khúc quanh khác, núi chóp chài khuất dạng, và đoàn tàu ngừng lại ở ga K'Beu (Cờ Bơ), có độ cao 663 mét.

Ga này ở chính giữa cung đường đèo Bellevue, chung quanh toàn là rừng rậm núi cao, không có bản làng, nên không phải là trạm lấy khách mà chỉ là nơi đoàn tàu dừng lại để nhân viên Hỏa xa kiểm tra tình trạng kỹ thuật của đoàn tàu trước khi tiếp tục leo đèo. Đoàn tàu lại ì ạch chạy trên đường rầy "crémaillère" đến ga Eo Gió (Bellevue) có độ cao 991 mét. Đoạn đường Krongpha - Eo Gió chỉ dài có 10 kilômét nhưng phải xuyên qua 2 đường hầm và leo lên cao theo sườn dốc 120%.

Ga Eo Gió là điểm bắt đầu phía đông thung lũng Dran, đoàn tàu chạy trên đường sắt bình thường giữa rừng thưa đồi thấp, không khí mát dịu, cuối cùng vượt qua một cây cầu sắt bắc qua sông Đa Nhim để đến ga Dran có độ cao 1.016 mét. Rời Dran, đoàn tàu lại bắt đầu leo cao, chạy trên đường "crémaillère" theo sườn dốc 115% để đến Trạm Hành (Arbre Broyé) có độ cao 1.514 mét. Từ Trạm Hành qua Cầu Đất (Entrerays) có độ cao 1.466 mét đến Đa Thọ (Bosquet) có độ cao 1.402 mét, tàu chạy trên đường sắt bình thường nhưng phải qua 3 đoạn hầm xuyên sơn. Ra khỏi Đa Thọ, tàu lại chạy trên đường rầy "crémaillère" với sườn dốc 60% đến Trại Mát ở độ cao 1.550 mét. Trại Mát là điểm bắt đầu từ

phía đông của địa phận Đà Lạt. Nhà ga chính của thị xã có độ cao 1.488 mét. (...)

Chúng tôi đến ga Đà Lạt vào khoảng 8 giờ tối...”

Kỷ niệm ngày khai giảng Khóa I Trường Chính Trị Kinh Doanh Viện Đại Học Đà Lạt, một cựu sinh viên lấy tên QUANG (GIÀ CỎ) tường thuật khi trở lại trường Đại Học xưa mình từng theo học:

“Tôi trở lại Đà Lạt không bằng máy bay. Tôi đáp chuyến xe đò đến Nha Trang, rồi từ Nha Trang, tôi lên Đà Lạt bằng xe lửa. Đoàn tàu ị ạch leo đèo bằng những bánh xe răng cưa. Tôi nghe thân sinh tôi nói về con đường xe lửa Tháp Chàm – Đà Lạt. Ông nói: Đây là kỳ công của người Pháp. Kỳ công vì đoạn đường xe lửa Tháp Chàm – Đà Lạt chỉ có 84 kilomet mà phải mất ba mươi năm mới hoàn thành. Bốn mươi ba cây số cuối cùng từ Sông Pha lên Đà Lạt mới có hệ thống đường rầy răng cưa. Kỳ công vì trên thế giới chỉ có hai nước có đường xe lửa có bánh răng cưa. Để hoàn thành con đường xe lửa Sông Pha - Đà Lạt, người Pháp phải sử dụng kỹ thuật và vật liệu đặc biệt: đầu máy là đầu máy hơi nước có bánh xe răng cưa, đường rầy, ốc vít làm bằng loại thép đặc biệt, có ba đường ray, đường ray ở giữa là đường ray răng cưa.

Đường đèo Bellevue chạy vòng vèo quanh một vùng toàn đồi núi và rừng thông. Đèo Bellevue dài hơn đèo Hải Vân và đèo Cả. Tôi không cảm thấy đèo Bellevue cao hơn đèo Hải Vân, mặc dù tàu chạy qua những vực sâu thăm thẳm. Đèo Bellevue cũng có hầm nhưng không có nhiều hầm bằng đèo Hải Vân và không có hầm nào dài bằng hầm Sen (hầm số 1) của đèo Hải Vân. Đèo Hải Vân và đèo Cả có biển, có núi, có đá, có cỏ cây hoa lá. Đèo Bellevue chỉ có rừng, có núi, có cây lá và không biển, không hoa. Tôi không hiểu tại sao đèo này có tên là Đèo Ngoạn Mục. So với đèo Hải Vân và đèo Cả thì đèo Bellevue không đẹp bằng...”

“Bốn giờ chiều, tàu tới ga Bellevue ở quận Đơn Dương. Tới nơi đây, tôi bỗng sững sờ và ngẩn ngơ. Tôi bước vô thế giới khác hẳn. Tôi cảm thấy nhẹ nhàng khoan khoái. Những phiền muộn lo âu biến mất trong tôi. Nhìn lại đoạn đường đi qua là một màu xanh của rừng thông tới tận chân trời. Mùi thơm của núi rừng, của thông xanh và khí hậu lành lạnh thật nhẹ nhàng dễ chịu... Đèo Hải Vân đẹp và đèo Bellevue cũng đẹp. Mỗi đèo có vẻ đẹp riêng. Trước đây tôi chưa nhận ra cái đẹp của đèo Bellevue vì tình cảm tôi dành cho đèo Hải Vân quá lớn. Tôi tới ga Đà Lạt đã hơn năm giờ chiều. Tôi vội vàng gọi taxi để tới Viện Đại Học Đà Lạt...”

Hãy đi theo tuyến đường sắt từ Sài Gòn lên Đà Lạt dưới ngòi bút hồi ký của HỒNG THỦY, cô nữ sinh Trưng Vương thời đó:

“Chúng tôi đi Đà Lạt bằng tàu hỏa. Tôi còn nhớ tàu khởi hành khoảng chập tối khi thành phố mới bắt đầu lên đèn. Tàu rời ga Phạm Ngũ Lão, gần chợ Bến Thành và khoảng trưa hôm sau thì đến Đà Lạt (nếu tôi nhớ không lầm).

Tôi thích đi du lịch bằng tàu hỏa nhất vì tôi có thể ngắm phong cảnh hai bên đường một cách khoáng khoáng không bị vướng víu bởi những ô kính nhỏ của xe hơi, hay cái “lỗ tò vò” kính của máy bay.

Đường bộ Sài Gòn - Đà Lạt đẹp vô cùng. Ngoài những ga nhỏ tàu chỉ ngừng vài phút rồi đi, ga Mường Mán là nơi tôi nhớ rõ nhất vì tàu ngừng lại lâu hơn. Các người bán quà rong bước hẳn lên tàu đi dài dài mời khách. Khi tàu rục rịch chuyển bánh, họ mới vội vàng nhẩy xuống, đứng ở sân ga tiếc rỏ nhìn con tàu phóng vút đi bỏ lại tiếng còi tàu tan loãng trong không gian.”

Nhà văn NGUYỄN XUÂN THIẾP cũng từng ghi lại cảm tưởng đi bằng tàu hỏa từ Sài Gòn lên Đà Lạt với một người bạn:

“Từ Sài Gòn, chúng tôi lên xe lửa vào buổi chiều nắng đã tắt. Xe chạy suốt đêm qua những triền cát ven biển, những cánh đồng, đồi núi. Ánh sáng từ các khung cửa sổ những toa tàu hắt xuống hai ven đường ray, vun vút lướt đi, như những niềm vui, hết đợt này tới đợt khác. Làm sáng thêm những vệt sáng có vẻ phù hư đó, từ ống khói đầu máy không ngớt tuôn ra những làn lửa bay múa trong đêm. Khi lên vùng cao, bánh xe lăn chậm chạp trên đường rail có răng cưa để níu tàu khỏi tuột dốc. Không khí đã thoảng mùi nhựa thông trong gió. Hùng sáng, tàu đến ga Đà Lạt.

Mãi tới sau này, tôi vẫn thấy cái nhà ga miền núi này là đẹp nhất nước, không chừng đẹp nhất thế giới, xin lỗi. Hai đứa chúng tôi ngụ tại khách sạn Kinh Đô ba ngày, đêm Noel đi xem lễ nhà thờ con gà, ngày đi suối đi thác đi hồ đi rừng. Những chiếc xe ngựa ngày ấy bây giờ chắc đã biến vào trong mơ.”

Đường bộ từ Phan Rang lên Đà Lạt là quốc lộ 11 dài 110km, nhưng đường xe lửa chỉ dài có 84km thôi. Khởi hành từ Tháp Chàm đến K'rong Pha. Ga K'rong Pha là ga đặt theo tên gọi của đồng bào Thượng, người Việt phiên âm là Sông Pha. Xe lửa chạy trên đường bằng là 46km, còn lại là xuyên núi và leo dốc lên tới cao độ 1.500m cách mặt biển. Xe sẽ leo lên đèo Ngoạn Mục, một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, đường lên quanh co uốn khúc giữa núi rừng trùng điệp nối nhau, tầng tầng lớp lớp giữa mây trời.

Vào năm 1991, từ nước ngoài, nhà thơ TRẦN VĂN LỆ kể lại cuộc hành trình của mình bằng tàu hỏa từ Phan Rang lên Đà Lạt mấy chục năm về trước một cách hào hứng, lúc đó chàng còn trẻ tuổi, mới 17:

“Tết này tôi năm mươi tuổi. Tấm lòng tôi vẫn trai trẻ như bao giờ. Như hồi tôi mười bảy tuổi ta, mười sáu tuổi tây. Chuyến xe lửa từ Phan Rang dừng lại thật lâu ở ga K’rong Pha để ta thấy đầu máy đi vào hệ thống đường rầy có răng cưa. K’rong Pha nắng chang chang, chỉ có gió biển bay qua những cánh đồng uá nắng, đập vào vách đèo Ngoạn Mục, rồi dội ra tủa lưa những khu rừng dầu xác xơ èo uột. Ga K’rong Pha nhỏ, nhưng lớn hơn nhiều những ga xép dọc đường như Đồng Mé, Lương Sơn, Long Thạnh... bởi vì nó có một cơ xưởng đặc biệt: trang bị và sửa chữa đầu máy leo núi...

“Ga K’rong Pha là ga đặt theo tên gọi của đồng bào Thượng, người Việt phiên âm là Sông Pha. Khi xe lửa rột rẹt vào đường răng cưa đặt giữa hai thanh đường rầy, người ta nói: xe bắt đầu leo lên đèo Ngoạn Mục. Cái tên Ngoạn Mục thật hay. Tôi hiểu nghĩa là: nhìn đâu cũng đẹp. Người Pháp đặt tên là Belle Vue. Có nghĩa là Cảnh Trí Đẹp. Quả thật vậy, xe chạy triền triền theo dốc núi. Rừng nhiều loại cây, cao vút, xanh um. Thông tử thưa thớt đến dày kịt rồi mịt mùng. Thông toàn thông. Đà Lạt hiện ra sau những cửa hầm đục xuyên lòng núi. Thông xanh. Cỏ biếc. Hoa vàng. Mây trắng. Đà Lạt ôi mênh mông.

Tôi lên Đà Lạt trong tuổi chớm Tình yêu. Tình yêu đầu đời của tôi là Sông Núi và đó là Tình yêu mãi mãi thủy chung. Khi xe lửa rầm rầm qua những cầu Eiffel, những cầu toàn bằng sắt thép, nhìn xuống lòng suối, nước chảy xiết, sóng tung những ghềnh đá, đẹp không bút mực nào tả được, tôi tưởng trái tim mình vỡ ra như một đóa hoa... tả tơi mà vẫn còn nguyên vẹn! Xe lửa uốn mình như rắn lượn qua các sườn núi phát phơ cỏ lau. Cầu Đất xanh um trà. Eo gió tiếng thông reo vi vút. Cà-beu lạnh ngắt mù sương. Trạm Hành long lanh giọt nắng. Dran ầm ì tiếng sóng của con sông Đa Nhim. Trong rừng, những con chim đủ màu sắc, không biết gọi chim gì, chuyển cảnh riu rít. Những con vượn đen muốt một tay vin cành, một tay ngoắc ngoắc thỉnh không, răng trắng, môi hồng, tiếng kêu chí cha chí chết. Bắt đầu nghe lạnh từ khi xe lửa rột rẹt vào hàng răng cưa. Lạnh vì nghe é răng. Lạnh vì có cảm tưởng mình đã qua cái cổng chào của Đà Lạt yêu thương, tân kỳ mà trùng trùng cổ kính...

Xe lửa rít những hồi còi lạnh lạnh sau ga cuối cùng là Trại Mát, còn cách Đà Lạt 7km. Đà Lạt không chỉ toàn là núi đồi với lác đác

một vài ngôi nhà dưới hông sâu, trên đỉnh đồi hay những thị trấn như bàn tay nó tạo dựng đây đó trên lối vào thành phố. Đà Lạt hiện nguyên hình một nàng Tiên diễm ảo. Những ngôi biệt thự khác kiểu nhau, nằm kê hay tách riêng, không chìm xuống mà trồi lên sừng sờ trong ánh mắt. Hoa và hoa. Chỗ nào cũng hoa. Hoa trong sân nhà. Hoa trên thảm cỏ. Hoa của trời đất. Hoa của người ta. Những chòm thông tỏa bóng trên những mái ngói đỏ, ngói vàng. Rừng thông ngay trong thành phố, có lúc thấy như cao hơn đỉnh tháp chuông nhà thờ con gà, có lúc thấy san sát với mái trường Võ Bị quốc gia dãy ngang dãy dọc...

Thông long lanh rớt với tiếng chuông chùa Linh Sơn thánh thót, ngọt ngào như tiếng lạc ngựa leng keng. Đà Lạt làm nhớ cà rem cây. Thương quá. Đà Lạt tuổi thơ hồng hồng má thắm. Tuổi mười bảy của tôi hai bàn tay ngát hương...

Tôi ôm chầm lạnh ngắt từng cây trụ đúc của hành lang nơi ga Đà Lạt. Ô! Một nhà ga đẹp hơn bất cứ nhà ga nào tôi đã đi qua. Hơn cả Sài Gòn, Hà Nội, Huế, Nha Trang...

Nắng vàng chây như nước mắt của tôi bây giờ. Đà Lạt hồi đó dễ thương biết bao. Đà Lạt bây giờ cũng dễ thương biết bao, nếu tôi được ôm chầm lạnh ngắt từng cây trụ điện trồng dọc theo những con đường! Xe lửa tới nơi và đậu lại. Không lên Ban Mê Thuột. Không lên Pleiku, Kontum. Không cả xuống Di Linh, Blao, Da Huoi... Xe lửa tới nơi và tôi tới Đà Lạt muôn đời yêu quý!"



1970

Lên Đà Lạt bằng đường bộ

Để phục vụ cho trung tâm nghỉ mát Đà Lạt, để du khách dễ dàng lên nghỉ ngơi nên trước kia các phương tiện giao thông đã được khai thác tới mức tối đa, bất chấp những trở ngại về địa thế.

Con đường đầu tiên phải kể đến là con đường mòn của thổ dân đã đưa bác sĩ Yersin đi từ Nha Trang ngược lên núi theo thung lũng sông Đa Nhim đến Đơn Dương (Dran) qua Fimnom, lên đèo Prenn rồi đến Đà Lạt. Lúc đó Yersin chỉ là nhà thám hiểm.

Tháng 10-1897, Toàn quyền Paul Doumer cử phái đoàn do đại úy pháo binh Thonard và ông Cunbac tìm hiểu Đà Lạt. Đến 1899, con đường đất từ Phan Rang lên Đà Lạt hoàn tất. Đó là con đường có 20km đèo dốc quanh co trong một khung cảnh non nước hữu tình được gọi là đèo Ngoạn Mục (Belle Vue) và đèo Dran dài 10km (con đường ấy sau mở rộng thành quốc lộ 11 - Đà Lạt - Phan Rang 108km; Đà Lạt - Nha Trang 219km).

Đường đèo rất dốc, quanh co, nguy hiểm, vòng lên vòng xuống, lượn đi lượn lại nhiều lần. Lên đến đỉnh đèo ở độ cao khoảng 1.000m, khí hậu á nhiệt đới mát mẻ có tác dụng phục hồi sức khỏe một cách nhanh chóng. Giữa đèo cao lộng gió du khách có cảm giác chơi vơi, say sưa ngây ngất đất trời. Tinh thần sảng khoái. Cơ thể dễ chịu. Dưới chân đèo là nhà máy thủy điện Đa Nhim, với hai ống nước khổng lồ, từ độ cao 1.000m nước đổ vào tuốc-bin nhà máy.

Cũng giống như đèo Bảo Lộc chỉ có lên mà không có xuống, nghĩa là du khách đi từ Phan Rang lên Đà Lạt cứ lên, lên mãi cho tới khi đặt chân đến đỉnh đèo. Từ đỉnh đèo nhìn trở lại đoạn đường vừa qua, tầm mắt mở rộng trải dài đến tận vùng biển xanh bao la. Trước mắt một thang màu xanh phối hợp một cách hài hòa, tạo nên một cảnh đẹp thanh bình, êm ả. Rừng cây xanh đậm trên vách đá cheo leo. Xa xa là đồng lúa xanh ánh vàng rập rờn như sóng nước. Xa hơn nữa là mặt biển xanh màu ngọc bích trải dài vô tận.

Xe đưa du khách tiến vào Đà Lạt theo những con đường lượn sóng, khi lên, lúc xuống nhẹ nhàng. Rồi xe đi qua một quãng đường dài bằng phẳng của vùng Đơn Dương - Đức Trọng. Trước khi vào cửa ngõ thành phố Đà Lạt du khách phải vượt đèo Prenn uốn lượn. Đang từ quang cảnh đồng bằng, đến đèo, du khách sẽ có cảm giác nao nao khó tả. Xe vượt lên những con dốc, một bên là đèo cao, một bên là thung lũng sâu. Xa xa đồi núi chập chùng,

những rặng thông ngút ngàn lao xao trong gió như vẫy chào.

Mãi đến năm 1932, đường Sài Gòn qua ngã ba Dầu Giây lên Định Quán, Bảo Lộc rồi qua Di Linh tới Đà Lạt mới được hoàn tất, hồi đó gọi là quốc lộ 20. Đến tháng 2-1943, đoạn đường từ thác Prenn lên Đà Lạt được cải tiến, bỏ đoạn đường cũ thay đường mới, theo một sườn núi khác. Đoạn đường mới này có lợi điểm rút ngắn chỉ còn 8,6km thay vì 14km như trước kia. Đến 1970, quốc lộ 20 và đoạn 21b nối liền quốc lộ 20 từ ngã ba Funbin đến Dran được sửa thành xa lộ.

Đi bằng xe hơi từ Sài Gòn lên Đà Lạt hết khoảng năm hay sáu tiếng đồng hồ và đó cũng là thời gian du lịch thật thú vị. Xe đưa du khách lần lượt qua xa lộ Biên Hòa, chạy xuyên qua những đồng lúa, những cánh rừng cao su ở Đồng Nai, những vườn dâu, vườn chè, cà phê ở Bảo Lộc, Di Linh, nông trường ở Đức Trọng và tiếp đến là những rừng thông xanh ngút ngàn, Đà Lạt hiện ra trước mắt du khách như một đóa hoa rực rỡ giữa núi rừng Lang Biang. Cái oi bức nóng nực và xô bồ của Sài Gòn đã biến mất đi tự lúc nào, giờ đây thân thời cảm thấy mát mẻ dễ chịu, tâm thời an lạc.

HỨA HOÀNH kể lại một chuyện trò ngại xảy ra trong khi tập trung dân Thượng làm phu đắp đường trong khu vực Di Linh đi Đà Lạt:

“Khi phát quang khu rừng dọc theo đường lộ, dân phu Thượng phát giác một thân cây to lớn nhiều người ôm không xuể mà họ gọi là “cây rắn thần”, bởi vì trong hang bọng cây có vô số rắn lớn nhỏ lúc nhúc đủ màu sắc. Viên kỹ sư làm đường yêu cầu triệt hạ cây ấy nhưng người Thượng từ chối, viện lẽ đó là một cây thiêng...”

Viên công sứ theo lời kỹ sư làm đường ra lệnh đốn. Các kỹ sư Pháp lấy cớ khô phủ quanh gốc cây rồi tẩm xăng đốt. Hàng trăm con rắn bò ra lổn ngổn khiến mọi người chạy tán loạn. Khi ngọn lửa bốc cao, rắn tập trung lên ngọn, huýt gió nghe rợn người. Từ các cành cao, rắn vượn mình đau đớn, phun ra những giọt nước như phòng-tên. Dân Thượng giải thích đó là hiện tượng rắn thần Naga rời khỏi cây thiêng. Rồi họ bỏ làng đi sâu vào rừng, từ chối làm đường dù bị người Pháp hăm dọa bỏ tù. Cuối cùng viên công sứ Pháp đành phải cho làm con đường tránh sang bên. Mãi đến năm 1972, khi công binh Mỹ tân trang quốc lộ 20, họ đã dùng xe ủi san bằng gốc cây thành một đống lớn bên vệ đường.”

HẢI VÂN tả lại đường từ Sài Gòn lên Đà Lạt với nhiều chi tiết:
“Ai cũng biết, từ Sài Gòn lên Đà Lạt theo quốc lộ 20, phải đi

ngang đèo Bảo Lộc (B'laô) và núi Lu Bu, nơi có đèo Chuối. Đường đi khúc khuỷu quanh co, nếu tài xế không cẩn thận rất dễ xảy ra tai nạn.(...) Đi được nửa đường đèo uốn lượn khúc khuỷu hình chữ U sẽ gặp Miếu Ba Cô, một thắng cảnh đầy thần khí, đầy phong vị tâm linh u nhã.

Các chuyến xe từ Đà Lạt về Sài Gòn, hay từ Sài Gòn lên Đà Lạt đi gần đến nơi đây đều chạy rất chậm, và thường dừng lại để vào miếu thắp hương chú nguyện cho người quá cố. Điện thờ Ba Cô thiết kế theo kiểu miếu cổ có rồng châu uốn khúc, khói trầm hương luôn nghi ngút. Ở đây không có thác đổ ào ào. Chỉ có giòng suối thỉnh thoảng lững lờ trôi bên dưới và hàng thông xanh thẳm đứng sừng sững trên cao, như thì thầm kể cho đời nghe cái chết thương tâm của ba cô gái trẻ. Đã rất xa xôi kể từ thời Pháp thuộc, trong chiều mù sương mưa như giông bão, một chiếc xe lạc tay lái lao xuống vực. Tai nạn khủng khiếp này cướp đi sinh mạng của ba người con gái rất trẻ. Oan hồn lẫn khuất, vật vờ phiêu hốt giữa đồi núi chập chùng. Những hôm sương mù phủ trùm mặt đất mưa nghẽn đường về, tương truyền rằng xe đồ đi ngang thường thấy ba cô gái nắm tay nhau, dẫn đường chỉ lối an toàn cho từng xe đi lên đi xuống ở khúc quanh ngặt nghèo này. Chính vì thế, cư dân quanh vùng và khách thập phương đã lập ra miếu thờ.”

Ngoài Miếu Ba Cô, HẢI VÂN kể thêm về “Ngôi Nhà Ma”:

“Đà Lạt còn dư đầy âm hưởng liêu trai vì có ngôi nhà ma ở lưng chừng đèo Prenn, ẩn hiện giữa rừng thông lộng gió. Ngôi biệt thự đẹp một thời vang bóng này giờ đây gần như hoang phế, trống trải, các khung cửa đều bị long bật, gãy đổ. Nghe nói, chủ nhân là một quan ba người Pháp. Ông này ăn chơi trác táng, từng mời một vũ nữ trẻ đến nhà uống rượu rồi cưỡng bức, khiến cô gái uất hận nhảy lầu tự tử. Kể từ đó, ngôi biệt thự trở thành cõi u minh, đầy oan hồn trú ngụ. Những năm đầu của thập niên 60, một cô gái trẻ khác không hiểu vì lý do gì cũng đã đến đây thất cổ chết. Rồi người ta lại phát giác ra hai cái xác, nằm co quắp trên tầng lầu. Trên ngọn đồi, đằng sau ngôi biệt thự có mồ mả của ba sinh linh bé bỏng vừa mới chào đời. Và còn nhiều cái chết bí ẩn khác ở trong ngôi nhà, nhưng vì thời gian xảy ra quá lâu, bây giờ chẳng còn mấy ai nhớ đầu đuôi tự sự.”

TỪ KÉ TƯỞNG cũng ghi lại “Kỷ niệm về một con đường”:

“Ngày xưa mỗi lần đi Đà Lạt ngồi trên xe đò, tôi luôn chọn chỗ sát bên cửa để ngắm cảnh dọc đường. Từ ngã ba Dầu Giây (chính xác là ngã tư vì QL20 ở đoạn khởi đầu này kéo dài qua

QL1 bằng con đường nhỏ, và vì quá nhỏ nên người ta không quan tâm, gọi chệch thành ngã ba Dầu Giây) ngược về hướng Đà Lạt là một cung đường đèo lúc lên lúc xuống, theo hướng cao dần. Cung đường hoang sơ nhưng rất đẹp, rừng cao su bạt ngàn hai bên giăng giăng sương mù, gió bắt đầu lạnh.

Qua Định Quán đã thấy núi, núi cứ mờ xa trong mây, rồi Di Linh phủ một màu xanh của những đồi trà, hoa cà phê nở trắng. Sắc hoa trắng long lanh trong sương. Tới đèo Bảo Lộc, bên phải là thung lũng sâu hun hút, bên trái vách núi dựng đứng, có những đoạn nước mạch tuôn xuống như nước mắt của đá, và sau màn nước mắt ấy là một trời hoa thạch thảo tím lịm hồn người. Ra khỏi Bảo Lộc hướng về Đà Lạt thì thấy miên man màu vàng của dã quỳ, một bức tranh chỉ có hai màu xanh và vàng: xanh của cây lá, của những vạt rừng; vàng của dã quỳ nối tiếp nhau như tấm thảm thần tiên.

Đoạn đường đèo cuối cùng trước khi vào Đà Lạt: đèo Prenn với ngọn thác đổ nước trắng xóa, hùng vĩ, trùn xuống những ngọn cây xòe tán lá rộng, như muốn phủ cả thung lũng sâu phía dưới.”

Lên Đà Lạt bằng đường bộ chúng ta cũng có thể theo chân cô nữ sinh Trưng Vương NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG (Virginia):

“Chúng tôi đi bằng xe đò nhỏ qua Biên Hòa. Tới Định Quán, nơi những tảng đá lớn chồng chất như thành lũy đồ sộ kiên cố hoặc nằm ngổn ngang hai bên đường, xe ngừng độ nửa giờ cho mọi người xuống giải lao.

Sau Định Quán, đường dần dần lên cao, lác đác dân Thượng đây đó. Xe qua những đồi trà bát ngát của Bảo Lộc. Khí hậu bắt đầu se lạnh. Dân bản thượng vẫn mình trần đội thổ sản cao nguyên đi ra, đi vào những con đường mòn mát hút trong rừng. Một cô gái ngực trần căng bóng như tượng đồng nâu, eo thon uyển chuyển, đội thúng đi bên đường. Tôi đang trầm tư, mặt tường cũng phải mỉm cười vì các hành khách trên xe trầm trồ khen ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, man dã.

Mưa rừng xuống, khói núi lên, mây mù trùng điệp...”

Nhà thơ cao niên TRÚC TIÊN ghi lại chuyến đi du lịch từ Nha Trang lên Đà Lạt bằng đường bộ vào năm 1962, khi bà 72 tuổi:

“Gia đình Kính và tôi từ Tân Sơn Nhất lên máy bay ra Nha Trang ở một bữa, sáng hôm sau đi xe hơi lên Đà Lạt. Từ Nha Trang tới bãi biển Ba Ngòi không có gì lạ. Qua khỏi Ba Ngòi, lên đèo Ngoạn Mục là không khí đã đổi thay. Mây xám thấp, gió lùa hơi mát dịu, đường đèo quanh co cao thấp, xe lượn theo uốn éo như

theo một con rắn khổng lồ, trông xuống thung lũng cây rậm bằng phẳng như tấm thảm nhung xanh màu lá mạ. Thành thoảng có giòng suối trong veo chảy, lướt qua những ngàn thông thiên trùng vạn điệp của Tạo hóa mà sắp theo hàng lối như có bàn tay khéo léo sửa sang...

Xe len qua nhiều rừng rậm, lại thấy từng bụi trúc non mướt xanh tươi, uyển chuyển theo chiều gió ngả nghiêng, rải rác giữa rừng có những thứ cây lạ, không biết được tên, hoa trắng toát như bạch lan, còn điểm vào hoa vàng rực như hoàng cúc, cảnh thiên nhiên thanh tú đẹp lạ lùng! Nhìn hai bên giải Trường Sơn thăm thẳm liền chân mây trắng lững lờ trôi. Từng đôi thông cao thấp, từng đám cây rậm âm u, nơi nào cũng có nương chè lớp lớp, xếp hàng như tam cấp xanh um. Từng khoảnh rau xanh đậm xanh non vuông vức, ngoạn mục vô cùng.”

Ngược lại nếu rời Đà Lạt bằng đường bộ để về Sài Gòn thì chúng ta hãy theo chân cô giáo Trâm của NGUYỄN THỊ HOÀNG. Trong giai đoạn 60 - 70 ở Đà Lạt người ta thường được nghe đến tên của nhà văn nhà thơ này, với cuốn truyện đầu tay đã từng gây sôi nổi một thời đó là cuốn “Vòng tay học trò”. Tác phẩm đã từng gieo vào lòng các thiếu nữ Đà Lạt ngày đó những mộng mơ, bâng khuâng xao xuyến của tuổi còn cắp sách đến trường. Truyện ghi về mối tình giữa cô giáo và một chàng học trò như sau:

“Xe lên đến đèo Prenn, Trâm đọc hết bức thư bốn trang dài của Minh để lẫn vào hộp kẹo nhỏ. Nàng đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần đoạn cuối cùng không ngờ: “Mai cô đi rồi để lại em những lo lắng không nguôi, đầu óc trống rỗng, ý nghĩ khô khan, chữ nghĩa thiếu hụt. Biết lấy gì viết để cô hiểu và tin em yêu cô, yêu cuồng dại, yêu tha thiết, yêu với niềm lo sợ mất cô yêu bất chấp cả mấy thằng giáo sư trừ mạt, yêu say mê, yêu liều lĩnh đến cùng. Mai cô đi rồi, để lại em với bao điều hối hận dầy vò, tự trách đã si mê cuồng dại, đặt tình yêu không đúng chỗ, trót đã trèo cao. Vì dù sao, dù sao cô còn trẻ đẹp quý phái biết bao người âm thầm hay bộc lộ tình cảm đối với cô. Tỉ phú, giáo sư đại học, phi công, bạn đồng nghiệp hiện tại và còn nhiều, nhiều lắm... Còn em chỉ là một đứa học trò, mà tàn ác nhất lại là học trò trường cô dạy, hai bàn tay trắng không biết đếm tiền, chỉ biết đánh lộn, đánh vỡ hết những gì làm mình thất vọng khổ đau, với vòng tay học trò không bao giờ ôm giữ nổi đời cô.”

Và đây là tâm trạng của cô giáo Trâm lúc đó:

“Người hành khách ngồi cạnh tò mò nhìn sang. Trâm xếp thư bỏ vào ví, thần thờ nhìn xuống thung lũng vàng úa dưới chân đèo.

Lá cây ngàn biếc lục rạng rỡ chiếu lên nền da trời xanh thoảng nhạt mơ hồ. Nỗi buồn dịu nhẹ âm thầm bỗng trào lên hai mắt Trâm, những giọt nước ấm chảy dài xuống má môi như có ai đang âm thầm cúi xuống khóc trên mặt nàng. Lưng sâu như quay tít dưới con đường xe chạy. Một khắc Trâm bỗng điên cuồng muốn lao mình xuống đó, chạy như bay biển về thành phố tìm lại Minh. Và ôm Minh trong tay. Cho nụ cười nước mắt mái tóc hương hơi quyện lẫn vào nhau. Cho đời sống chấm dứt bình yên giây phút. Rồi sau đó, mọi điều xảy ra sao, không cần nữa. Cho Minh hiểu lòng một người đàn bà cô đơn, tình yêu còn mãnh liệt gấp trăm nghìn lần tình yêu của một người con trai vừa mới lớn. Nhưng chuyến xe vượt đèo vun vút lao đi và Trâm ngồi bất động như tượng đá, trong những cảm giác dạt dào nung nấu, cho Đà Lạt lùi dần, mắt hút phía sau, lẫn vào màu xanh trùng điệp của núi đồi ký ức mê thiếp.”

NGUYỄN NGỌC CHÍNH trong “Hồi ức một đời người” (2012) đã ghi lại như sau:

“Vòng tay học trò là câu chuyện có thật tại trường Trần Hưng Đạo Đà Lạt giữa cô giáo đệ nhất cấp Nguyễn Thị Hoàng và cậu học sinh đệ nhị cấp Mai Tiến Thành. Tôi vốn là bạn học rất thân với Thành từ năm Đệ Ngũ trên Ban Mê Thuật nên biết rõ chuyện tình của Thành. Tuy nhiên, những gì xảy ra ngoài đời thực có phần nào khác với Vòng tay học trò, đó là kỹ thuật ‘thêm mắm thêm muối’ của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng. Nói khác đi, phần hư cấu trong tiểu thuyết được giữ ở mức vừa phải, có thể chấp nhận được.”



Lên Đà Lạt bằng máy bay

Đà Lạt có các đường bay nối liền với các nơi khác qua hai phi trường Cam Ly và Liên Khương:

- Phi trường Cam Ly cách Đà Lạt 5km về hướng Tây. Trước kia nơi đây là phi trường quân sự. Trong thời gian chiến tranh leo thang, nơi đây máy bay lên xuống liên tục để cung cấp những nhu cầu về mặt quân sự và là một thương cảng rau.

- Phi trường Liên Khương cách Đà Lạt khoảng 30km. Sau ba năm xây dựng, vào năm 1933 phi trường Liên Khương bắt đầu hoạt động. Lúc đó phi đạo dài 700m được đắp bằng đất, chỉ đáp ứng cho loại phi cơ có trọng tải dưới hai tấn.

1945 Nhật mở mặt trận ở Đông Nam Á, do nhu cầu chiến tranh Nhật đã tu bổ phi trường Liên Khương. Phi đạo lúc đó được cán đá để dùng cho các loại phi cơ chiến đấu của Nhật thời bấy giờ.

1960 - 1975, vì chiến tranh, phương tiện giao thông đường bộ bị gián đoạn, mất an ninh. Hành khách sử dụng đường hàng không tăng nhanh chóng. Để đáp ứng nhu cầu đó, phi trường đã mở rộng. Phi đạo được trải nhựa dài 1.480m, rộng 40m, có thể sử dụng cho các phi cơ từ 35 tấn trở xuống. Diện tích bãi đậu rộng 1.000m², có thể đậu một lúc năm chiếc máy bay. So với phi trường Tân Sơn Nhất hay Đà Nẵng, phi trường Liên Khương chỉ ở vào vị trí rất khiêm tốn: phi trường hạng hai. Trong những năm 70, sân bay này khá nhộn nhịp. Người có tuổi và am hiểu thì mô tả hoạt động của nơi này như một bến xe liên tỉnh, ngày nào cũng có chuyến bay và hành khách đợi chờ.

Có thể đến Đà Lạt nhanh nhất bằng phi cơ dân sự của hãng hàng không Việt Nam, còn gọi là Air Con Rồng. Đoạn đường Sài Gòn - Đà Lạt dài khoảng 300km, đi phi cơ chỉ mất khoảng chừng 30 phút, nghĩa là người tiếp viên phi hành vừa mới dọn xong bữa ăn nhẹ cho hành khách thì đã sắp đến phi trường Liên Khương. Từ phi trường sẽ có xe hơi của hãng hàng không chở hành khách về tới trạm đến của hàng không Việt Nam tại Đà Lạt. Sau đó du khách có thể đáp xe lam ba bánh hay xe taxi về khách sạn.

Giáo sư HOÀNG XUÂN HẪN năm 1946 đi dự một hội nghị cao cấp ở Đà Lạt sau này đã viết lại về chuyến bay của mình:

"Một giờ chiều máy bay lại cất cánh, rồi tiến thẳng hướng Đông Nam, cũng một Junker, nhưng nghe nói tàu này chỉ bay được 165 cây số mỗi giờ. Trông xuống đất, chỉ thấy mênh mông rừng thẳm

xám xanh, thỉnh thoảng có vạch đường cong queo sắc bạc bởi dòng nước của sông ngòi. Một lúc gặp bức tường mây trắng xóa. Tàu lắc lư gắng vượt lên cao. Trong tàu ai cũng nôn nao. Muốn nói chuyện phải ghé miệng vào tai mà nói lớn. Hết rừng rậm đến rừng khô, rồi đến cao nguyên cỏ bụi. Máy bay bắt mỗi được một ngọn sông chảy từ Bắc xuống Nam. Rồi thấy có hồ dài, có đường quanh co. Tàu đâm đầu xuống một quả núi cây, rồi trượt trên bãi cỏ dốc. Đó là sân bay Liên Khang gần phía Nam Đà Lạt. Đồng hồ chỉ bốn giờ mười lăm. "... Ô tô nhà binh Pháp đưa về Đà Lạt cách sân bay ba mươi cây số. Dọc đường nhận thấy đường và các cầu không bị hư hỏng. Phái đoàn được đưa về khách sạn Lang Biang, dựng trên đồi cao ngoằn ngoèo mặt xuống hồ..."

NGŨ THUYẾT cảm khái kể lại chuyến đi bằng máy bay, rồi từ phi trường về lại Đà Lạt, nơi mình từng sống những ngày tuổi thơ:

"Chiếc máy bay Bristol hai động cơ đáp xuống phi trường Liên Khương vào buổi trưa có nắng và gió lạnh. Tôi bối hồi xúc động. Tôi thấy ngay rằng Đà Lạt của muôn vàn thương nhớ bây giờ vẫn giữ được một cách rất kín đáo những nét hoang sơ của ngày xưa và đồng thời đang tỏa ra biết bao nhiêu hương sắc, âm thanh, hình dáng mới. Tôi lại nhận thấy ý nghĩ vừa rồi của tôi cũng đã lệch lạc mất rồi. Thật ra tôi của những năm tháng ngu ngơ, thơ dại làm sao nhận ra được khuôn mặt lung linh, huyền ảo của thành phố cao nguyên này. Chiếc xe hơi của hãng Hàng Không đưa tôi từ phi trường về trung tâm thành phố vượt qua những cánh rừng thông ngút ngàn, những thung lũng cũng thông xanh trùng trùng điệp điệp, vượt qua con đèo dài ngoằn ngoèo cũng thông và thông tràn ngập.

Tôi đi xuyên qua màu xanh phơn phớt của những đợt thông non chia tay vẫy vẫy mời gọi, màu xanh thắm của những hàng thông mọc hai bên đường hân hoan đón mừng, màu xanh thắm dần của những lớp thông chen chúc đằng sau nõ nức chờ đợi, hết lớp này đến lớp khác, những màu xanh đậm nhạt khác nhau chồng lên nhau, dàn trải ra tận cuối tầm mắt.

Tôi cảm thấy tôi biến thành hư không hòa tan vào hương thơm của hoa rừng cỏ nội, của những lớp vỏ thông khô, phấn thông vàng. Tôi chìm trong tiếng thông reo. Hàng vạn, hàng triệu cây thông vừa mới chạy dồn về đây chen nhau đứng sẵn trước cửa ngõ Đà Lạt nghênh tiếp người trở về.

Tôi đi dưới những ngọn nắng êm êm, những ngọn gió mát rười rượi, những vạt sương phủ mờ mờ trên nhiều chặng đường. Tôi đi sâu vào bầu không gian càng lên cao càng tinh khiết hơn, càng

tỏa ra cái lạnh se se, xao xuyến, đến bụi ngùi. Nước mắt rung rung. Nếu không có hành khách đi cùng xe tôi khóc. Đi hết con đường đèo, thông thưa dần. Qua khỏi một ngọn dốc nữa, kia, thành phố của tuổi thơ đây rồi, quen thuộc như đã thấy trong nhiều giấc mơ, những mái ngói đỏ tươi, những mái ngói nâu sẫm, những hàng cây xanh mượt, những cụm thông lác đác nằm ba góc chụm vào nhau thủ thỉ chuyện trò, những hàng rào làm bằng nẹp gỗ mỏng sơn trắng thật thấp, thật dài và thật sơ sài chạy tung tăng lượn vòng ven theo mép mấy trái đồi cỏ chập chùng, những con dốc thoai thoải đỡ êm đềm xuống các khu vườn trồng khoai tây, cà chua, xà lách, bắp sù. Và kia kia, soi bóng cây trên đồi, soi mây trời buổi xế chiều, soi cái tháp chuông của ngôi nhà thờ trên cao có hình con gà, là mặt hồ nước trong xanh, sóng lăn tăn...”

MINH VŨ HỒ VĂN CHÂM với bài “Đà Lạt trong ký ức tôi” đã thuật lại một chuyến bay năm 1954:

“Phi cơ của hãng AirVietnam chờ khoảng bốn mươi sinh viên Quân y từ Hà Nội vào Đà Lạt dự khóa huấn luyện quân sự năm tuần lễ đáp xuống phi trường Liên Khàng vào xế trưa một ngày tạnh ráo đầu tháng 7 năm 1954. Ra khỏi khoang máy bay, không khí mát dịu khác hẳn cái nóng bức dưới đồng bằng khiến mọi người cảm thấy khoan khoái.(...) Chúng tôi được đưa lên ba chiếc GMC chở về thị xã Đà Lạt ở cách phi trường non 40 kilômét.

Ra khỏi địa phận phi trường là gặp ngay quốc lộ 20. Xe chúng tôi rẽ trái, hướng về Đà Lạt. Xa xa phía bên phải và song hành với đường xe chạy là một giòng nước trắng xóa chảy giữa những cụm đá nhỏ. Chúng tôi được cho biết đó là thác Liên Khàng. Rừng cây hai bên đường tàn lá thưa thớt, thân cây thấp nhỏ và không có dây leo chằng chịt như cảnh cây cao bóng cả của rừng già nhiệt đới. Qua khỏi Liên Khàng, đường đi tiếp tục bằng phẳng khi vào địa phận thung lũng Finom là vùng có nhiều trại trồng hoa hồng để chiết xuất tinh chất sử dụng trong kỹ nghệ nước hoa.

Finom và Liên Khàng ở cao độ 1.000 mét so với mặt biển. Đi chùng khoảng 20 kilômét nữa, xe bắt đầu lên đèo Prenn, chạy quanh co ven những ngọn đồi thông, lúc đầu còn lác đác, về sau đường càng lên cao thì rừng thông càng dày đặc, bạt ngàn. Đoạn đường này rất đẹp, mặt đường phẳng lì, độ dốc vừa phải, cung uốn mềm mại, phía chân núi nhiều chỗ được chắn đá tránh sạt lở, phía bờ vực thì ven đường có cả dãy dài cọc gỗ sơn trắng dọc thân và sơn đỏ trên đầu, trông rất đẹp mắt. Xe chạy ngang một tấm biển lớn cắm bên đường đề chữ “Chute Prenn” nhưng chúng tôi không trông thấy thác.(...)

Hết đèo Prenn, bên đường lát đá xuất hiện một vài biệt thự lẻ loi giữa rừng thông, báo hiệu đã sắp sửa đến thị xã Đà Lạt. Thế rồi xe chúng tôi chạy vào một con đường tương đối thẳng và lồi lõm giảm độ cao, giữa những biệt thự đầy hoa, và cuối cùng đến một khúc quanh men theo bờ một cái hồ nhân tạo xinh xắn có nhà thủy tạ với mấy chiếc thuyền pedalo đang thả neo...



1968

Sau đây là những dòng hồi ký “hồi hộp” của TÂM ĐẤT, một nữ tiếp viên phi hành Hàng Không Việt Nam trong bài “Tôi đi bay”:

“Một ngày thật đẹp, trời trong gió lặng; tôi chỉ bay có một chuyến thật ngắn: Saigon - Đà Lạt. Tôi sẽ có hoa hồng, hoa mimosa thật đẹp, thật tươi để cắm ở nhà. Máy bay đang xuống thì bỗng nhiên tôi nghe tiếng động cơ “rú lên” và máy bay như có “ngóc đầu” lên. Vội gần mười hai ngàn giờ bay nên tôi quen thuộc và kinh nghiệm với những tiếng động cơ khi cất cánh cũng như khi hạ cánh hay khi máy bị trục trặc. Tôi kinh hoàng, lo sợ và chờ cái chết. Tôi biết máy bay không thể nào lên được. Hành khách không ai biết gì cả. Tiếng động cơ càng lúc càng “rú” lớn. Máy bay nghiêng đến một độ giống như máy bay chiến đấu. Tôi tin chắc máy bay sẽ lật ngửa và đâm vào núi.

Nhưng số tôi còn nặng nợ, nên máy bay đã lấy lại được vị thế “bình phi”, rồi quay trở lại đáp. Tôi nghe một tiếng “rầm”, có lẽ chưa hoàn hồn nên phi công đã đáp xuống ruộng bắp trước khi vào phi đạo. Sau khi phi cơ tắt máy, tôi mở cửa ra thì tất cả mọi

người ở phi trường Đà Lạt (Liên Khương) chạy ủa đến phi cơ vỡ tay và nhiều người đã khóc (chắc đi đón gia đình hoặc bạn bè) vì mọi người đều tin là máy bay phải đâm vào núi. Đây là lỗi của chiếc L19 (loại máy bay quân đội nhỏ xíu dùng để thám thính). Đài kiểm soát cho phép chiếc Air Việt Nam đáp, nhưng chiếc L19 lại chui phía dưới “bụng” của chiếc Air Việt Nam để đáp xuống trước.”

HUY PHƯƠNG ở trong một thành phố với buổi sáng sương mù đã chợt nhớ nhưng đến Đà Lạt nên “Tạp ghi”:

“Tôi vẫn nhớ đến tháp chuông Nhà Thờ Con Gà nổi lên trong sương mù Đà Lạt. Tôi vẫn nhớ tiếng chuông leng keng của những chiếc xe ngựa quanh bờ hồ Xuân Hương. Tôi vẫn nhớ đến đôi má ửng đỏ của những thiếu nữ Đà Lạt cũng như Đà Lạt với những vườn hoa hồng, hoa mận, hoa đào và những chùm hoa mimosa bên đường. Tôi vẫn nhớ đến Đà Lạt với mùa phấn thông vàng. Đà Lạt tĩnh mịch, êm ả như chốn thiên đường. Đà Lạt đồi cao, đường thấp một tiếng xe qua cũng làm phá vỡ sự yên lặng của một buổi chiều.

Tôi yêu sự náo nhiệt nồng cháy của Sài Gòn nhưng mỗi khi bước xuống phi trường Liên Khương, bỗng dưng thấy mình như bước qua một thế giới khác. Sự yên lặng, thoáng khí và một chút hơi lạnh cùng với mùi của cỏ cây khiến cho lòng tôi như dịu lại.

Đà Lạt là một thành phố giàu có. Tiểu tư sản và Đà Lạt quá Đà Lạt như một cô tiểu thư sang trọng sống trong ngôi biệt thự phủ đầy hoa hồng. Phải chăng nếu Đà Lạt nghèo đói, tồi tàn thì Đà Lạt không còn gì là thơ mộng, không còn đẹp để nữa...”



Cảnh buồn vui nơi phi trường Đà Lạt cũng mãi mãi được ghi lại trong hồi ký của KHÁNH LY:

“Yêu nhiều quá những cơn mưa phùn Đà Lạt, những cơn dốc nhấp nhô, mái nhà ngói đỏ phơi mình giữa màu xanh của lá. Chưa

lạnh lắm nhưng đủ để thu mình ở một góc nhỏ café Tùng. Hơi nóng từ ly café chuyển qua ấm dần hai tay giá lạnh. Thú vị lắm. Ngồi ở nhà Thủy Tạ, một mình nhìn mưa bay trên hồ Xuân Hương. Mưa bay dịu dàng. Nỗi buồn cũng dịu dàng. Trong cơn diên dịu dàng. Muốn Taxi chạy xuống phi trường Liên Khương. Không đón đưa ai. Đến để nhìn mọi người đưa đón nhau. Xem vui buồn đến đâu. Chạy lên phi trường Cam Ly, cũng chẳng đến đưa ai. Phi trường vắng lặng. Phi đạo nằm soái im lìm chờ đợi. Như một người chờ một người. Người không đến thì ta đi. Phi đạo nằm lại. Tiếp tục chờ đợi. Nắng. Mưa. Ngày. Đêm. Phi đạo Cam Ly vẫn còn đó.”

Để đáp máy bay quân sự C130 tới phi trường Cam Ly có thể theo chân LÊ NGỌC TRÙNG DƯƠNG được ghi lại trong hồi ký “Chút tình Đà Lạt”:

“Từ trên trời cao, Vũ đã nhìn thấy rừng thông xanh mượt, những hàng Mimosa hoa vàng tươi thắm trong ánh nắng ban mai của bầu trời Đà Lạt. Chiếc phi cơ vận tải C 130 bay quanh vòng cuối rồi hạ cánh xuống phi trường Cam Ly. Mọi người lục tục rời phi cơ đi đến nhà vắng lại. Chiếc xe Dodge quân sự đã chờ sẵn từ sân bay, đưa Vũ và các bạn từ phi trường về trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị, nơi Vũ và các bạn chàng: Tuấn, Sơn, Tâm, những Sĩ Quan Hải Quân sẽ thụ huấn khóa 9 Trung Cấp CTCT. Sau gần ba năm liên tiếp phục vụ trên hai chiến hạm thuộc hạm đội với những tháng ngày chỉ thấy trời, mây, nước; giờ đây Vũ thấy lòng hân hoan khi trở lại đất liền.

Đã từ lâu chàng vẫn thường ao ước sẽ có dịp thăm viếng Đà Lạt, thành phố du lịch nổi tiếng. Xe chạy qua những đoạn đường quanh co khúc khuỷu, với thác nước dọc hai bên đèo. Những con dốc quá cao, giữa hai hàng cây thẳng tắp. Xe đi qua thác Liên Khương, thác Prenn. Đôi khi đi qua những vùng đất phẳng mà hai bên đường là những luống cải xanh, những rẫy hoa hồng, hay hoa lay ơn đỏ thắm. Khỏi đèo, xe đỗ dốc vào thị xã Đà Lạt. Hồ Xuân Hương hiện ra với những hàng thông cao vút mọc ven hồ. Giữa hồ là nhà Thủy Tạ. Con đường vào thị xã hai bên đường có những ngôi nhà sàn bằng gỗ, nhiều biệt thự có vườn hoa trước sân. Đó đây, hoa phong lan, hoa ty gôn, những cánh hoa tím màu hồng nhạt như tô điểm cho thành phố thêm xinh đẹp. Có lẽ chuyến bay xa từ Sài Gòn làm mọi người mệt mỏi, nên không ai buồn trò chuyện...”

Dạo quanh Đà Lạt một vòng

Du khách đến Đà Lạt vì khí hậu mát mẻ. Từ đồng bằng lên cao nguyên và miền núi, cao độ càng tăng thời nhiệt độ giảm theo. Đà Lạt với độ cao hơn 1.500m so với mặt biển, là khu vực có khí hậu ôn đới quanh năm cho nên vào bất cứ thời điểm nào trong năm, du khách đều có cảm giác dễ chịu do điều kiện thời tiết.

MINH NGỘ NGUYỄN THÁI HAI điểm lại một số tiệm buôn xưa:

“Các tiệm xung quanh chợ bán đủ loại hàng Á Âu, Nam Bắc Việt Nam, như thực phẩm (Vĩnh Chấn, Vĩnh Hòa), đồ phụ tùng, đồ sắt nhỏ (Lưu Hội Ký), tiệm thuốc Tây (Homard, Le Barb, Võ đình Dân), thuốc Bắc (Thế An Đường với tên mà ai cũng biết “Con Cua”, Đức Xương Long) tạp hóa (Nouveautés Hanoi, tiệm của thân sinh tôi, Phúc thái Lai chuyên bán sản phẩm Bắc, xuất thân buôn bán gương lược, cho mượn truyện như Tê Thiên Đại Thánh, Phạm Công Cúc Hoa), nhà hàng ăn bình dân (Dân Sinh sau là Mékong) cao cấp (Chic Shanghai), tiệm vàng (Alfana Bijoux), chụp hình (Nam Ký, Lý Photo), may Âu phục nam nữ (Paris Mode, Lê thành Đôn, Mừng), đồ móp (Mỹ Nga Ameublement, Thiện Nghĩa...

Sau dãy tiệm phía Bắc là bến xe đồ liên tỉnh (xe Minh Trung) và một cây xăng nhỏ, phía tay trái đường Annam (Hàm Nghi...) là bến xe ngựa, và một phong ten (fontaine) nước công cộng. Các bạn hàng bán rau, đi chân đất quần xắn cao, tà áo dài dắt lưng quần, gánh sản phẩm từ các ấp ra dừng lại đây lấy nước phun vào rau cho tươi thêm và để rửa bùn nơi chân trước khi mang guốc vào chợ. Đó là ngôi chợ Hòa Bình thân yêu mà người Dalat thờ xưa biết. Trên đường Annam có 2 tiệm khá đặc biệt bán sỉ nước mắm và rượu chất...

Năm 1950 hai bên đường Annam từ chợ đến khách sạn Võ quang Tiềm, gần nhà thờ Tin Lành đều là phố bán buôn. Thương gia người Hoa khoảng 30%, người Việt 60% đa số là người miền Trung. Tiệm người Pháp 10% nằm rải rác trên nhiều nơi bên khu vực Pháp Kiều và tại chợ Hòa Bình...”

Du khách muốn dạo quanh thành phố một vòng không gì bằng xin mời theo sự hướng dẫn của TRẦN NGỌC TOÀN, một người sinh ra tại Đà Lạt vào năm 1940, một nhà văn quân đội sau này:

“Lúc bấy giờ người Pháp đã xây đập chặn nước của dòng suối lớn Đà Lạt chảy từ hướng Bắc về, qua các ghềnh thác lớn nhỏ rồi

đổ xuống tận sông Đà Rằng ở vùng Bảo Lộc, Định Quán. Trong khi đó, họ cũng ngăn đập ở thượng nguồn làm hồ nước Suối Vàng với đập Thủy Điện Đan Kia bên dãy núi Bà ở phía Bắc thành phố, họ đã chặn nước tạo nên hồ Than Thở và hồ Saint Benoit, sau này được đổi tên là Chi Lăng. Xa hơn, về hướng chính Bắc là hồ nước nhân tạo ở ấp Đa Thiện với dòng nước chảy về thác Cam Ly. Riêng với Hồ lớn, họ đã phải dùng cốt mìn để khoét sâu thêm trước khi làm đập ngăn dòng nước trên đoạn đường từ hướng Nhà Thờ Con Gà qua dốc lên phố chính thương mại được mang tên là Khu Hòa Bình. Chiếc cầu trên đập nước được gọi là cầu Ông Đạo...

Dòng suối từ cầu Ông Đạo chảy xuôi theo thung lũng bên ấp Ánh Sáng mới được dựng lên sau năm 1955, mở rộng như một dòng sông nhỏ qua cầu Bá Hộ Chúc bằng gỗ, đến ấp nhỏ với vườn rau cải xanh mượt quanh năm rồi qua cầu Nhà Đền, khu “Abattoire” chuyên mổ lợn giết bò, qua xóm Lò Gạch rồi đổ về Thác Cam Ly với một ấp người Thượng gốc sắc tộc Kơ Ho với nhà sàn tập thể ở đầu nguồn. Với trợ cấp của một chủ nông trại người Pháp tên Farraut, còn chìm trong cánh núi rừng hoang dã và nguồn nước chảy rất mạnh qua ghềnh đá nhấp nhô. Từ đây, người ta còn nghe tiếng nai bép xép và tiếng hổ gầm. Từ Thác đi về hướng Tây chừng hai trăm thước dẫn lên ngọn núi cao với rừng thông dày đặc xanh thẫm là lăng mộ của ông Nguyễn Hữu Hào, cha ruột của Nam Phương Hoàng Hậu, chánh phi của Hoàng Đế Bảo Đại, cuối đời nhà Nguyễn...

Ngược lên hướng Tây Bắc từ Thác nước là phi trường Cam Ly, với đồi núi trùng điệp vây quanh, nhưng phi trường rất ít được sử dụng vì thời tiết mây mù và núi cao vây quanh. Từ đây đi ngược về thành phố, trên một ngọn núi lớn với rừng thông già là khu trường nổi tiếng của các bà Sơ là “Couvent des Oiseaux” với các nữ sinh xinh đẹp như mộng, trong bộ đồng phục váy đầm xếp nếp màu xanh đại dương từ những gia đình khá giả ở khắp miền Nam gửi đến nội trú.”

TRẦN NGỌC TOÀN cho biết ở về phía Nam là ấp Du Sinh gồm những người Bắc di cư và hướng dẫn tiếp:

“Qua một núi thấp với những ngôi biệt thự sang trọng nhìn về hướng thung lũng xóm Lò Gạch sẽ đến khu trường nội trú Tiểu học “Petit Lycée” với cơ sở khang trang nằm ẩn khuất trong rừng cây thơ mộng. Về hướng Đông, qua nhà máy điện thường được dân chúng gọi là Nhà Đền, qua Cầu Đúc rồi leo dốc Duy Tân gần như thẳng đứng dẫn lên phố Hòa Bình. Nếu tiếp tục đi về hướng

Đông Nam sẽ qua những ngôi biệt thự lộng lẫy, kiêu kỳ hơn nữa trên con đường mang tên bác sĩ Yersin với khu Tòa Án, rẽ vào Trung Tâm Thí Nghiệm Chủng Ngừa của cố bác sĩ Yersin, vào Biệt Điện số 1 của Vua Bảo Đại, gần bên rừng Ái Ân với cảnh trí thật thơ mộng vắng vẻ...

Ở ngã ba rẽ vào Biệt Điện số 1 là cơ sở hành chánh của chính quyền, sau này có khi được lấy làm Tiểu Khu cho đến lúc dời lên cơ sở của Đại Biểu Cao Nguyên Trung Phần do các ông Tôn Thất Hối và Nguyễn Văn Đãi đảm trách đến ngày cuối cùng.

Ngay sau lưng đường Yersin là thung lũng sâu hẹp của Ấp Xuân An, Dốc Nhà Bò, Suối Cát dẫn về Suối Tía xuống tận Núi Voi dưới chân đèo Prenn. Một bên là trường Nazareth, một bên là sân vận động nhỏ rồi đến ngôi Nhà thờ Con Gà với tháp chuông cao có hình con gà trên cùng. Kế đến là khách sạn Du Parc với tháp cao làm Đài Phát Thanh, Ngân Khố, Bưu Điện và khách sạn Palace nằm trên đồi nhìn xuống hồ nước Xuân Hương với đường bậc cấp thoải, rộng lớn đưa xuống đường vòng quanh hồ với Nhà Thủy Tạ sơn trắng đứng trên doi đất chồm ra mặt nước. Một bên đường là Câu Lạc Bộ Thể Thao với sân quần vợt. Ở lưng đồi, có một khu biệt thự trước năm 1959 dành làm trường Quốc Gia Hành Chánh với khóa học đầu tiên.

Tòa Đại Biểu Chính Phủ Cao Nguyên Trung Phần là một dinh thự bề thế nằm ngay trên đỉnh đồi nhìn về phía hồ nước với đường



1970

trải nhựa vòng cung và hàng rào sơn trắng uy nghi. Về hướng Đông là ngã tư đầu dốc Prenn đổ dốc vào thành phố. Bên kia là ngọn núi dành cho Biệt Điện số 2 của Vua Bảo Đại. Khoảng năm 1959, mới có cây xăng Kim Cúc được xây dựng ngay góc ngã tư này. Từ đây, đổ xuống dốc là hai dãy biệt thự đối mặt kéo dài xuống tận cuối dốc với khách sạn và nhà hàng Pháp tên "Au Sans Soucis". Khi ngược lên là mấy ngôi biệt thự nằm lẻ trong rừng thuộc tài sản của một người Pháp ở Đà Lạt lâu đời tên là Farraut. Ngay tại đây, từ trước năm 1975, chính quyền đã phá núi làm bến xe cho các loại xe đò, xe chở hàng để giảm bớt lưu lượng trong thành phố. Quen thuộc nhất là nghiệp đoàn xe đò Minh Trung với loại xe hiệu Peugeot của Pháp được biến cải để chở cả 9, 10 người khách."

Thoạt tiên khi người Pháp mở đường lên Đà Lạt họ đã mở một đường đèo ngắn. Nhưng đoạn đường đèo này nguy hiểm nên sau đó bị bỏ hoang. TRẦN NGỌC TOÀN kể tiếp về lối lên Đà Lạt theo ngã đường bộ mới từ đèo Prenn lên:

"Từ ngã ba đầu dốc Prenn mới, qua Biệt Điện sẽ đến khúc đèo lộ Trần Hưng Đạo rộng gấp ba bốn lần những con đường trên Đà Lạt, với những ngôi biệt thự hai bên đường sang trọng dẫn đến khu Villa Alliance của các nhà Truyền Đạo Tin Lành ở ngay đầu dốc Prenn cũ, liền với ấp trại Hàm nổi tiếng với những khu vườn mận ngọt lịm chớm vàng ươm hoặc màu tím sẫm đen. Từ đây dẫn xuống Biệt Điện số 3 nằm khuất trong rừng núi sâu là nơi Vua Bảo Đại làm chỗ đi săn bắn.

Đầu dốc đường vào trại Hàm, có một biệt thự làm Night Club, mãi đến thập niên 60 mới dẹp bỏ. Từ đây đi về hướng Đông là đường đi Phan Rang với đèo qua Trại Mát, Trại Hành, Đồn Dương, đèo Ngoạn Mục, Sông Pha. Bên trái, trước khi đến khúc quanh nhìn xuống hồ Than Thở là một biệt thự lúc xưa làm chỗ "mãi dâm" công khai cho lính viễn chinh Pháp (borden militaire). Bên phải là hai trụ sở của hướng đạo Pháp để lại.

Trại Mát là một làng nhỏ bên đường với ngôi Nhà Thờ Cao Đài khá lớn và vườn cây cà phê, rau cải. Bên trong xa có ghènh và thác nước nhỏ rất ngoạn mục nhưng chưa được khai thác thương mại và xóm dân gần đa số di cư từ Quảng Nam, Quảng Ngãi vào. Từ Trại Hành phải đổ con dốc 4, 5 cây số mới đến Đồn Dương với hồ nước Đập Đa Nhim do người Nhật xây dựng thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Song song với đường đi Trại Mát, nối dài đường vòng hồ Xuân Hương là con đường nằm ngang dưới chân biệt thự và phòng

mạch của bác sĩ Sohier, đã sống gần trọn đời tại nơi này, đưa vào Nha Địa Dư Quốc Gia và Trường Trung Học “Grand Lycée Yersin”. Trường sở bề thế chiếm hẳn một chòm núi rộng cả ngàn mét vuông với các dãy nhà hai tầng làm phòng ốc cho lớp học, nhà nội trú, phòng thể dục với sân rộng lớn hơn một sân bóng đá và một tháp chuông vươn lên khỏi chòm rừng thông, ở hướng Đông, nhìn xuống hồ nước...

Từ ngã ba vào Nha Địa Dư, đường vòng qua Ga Xe Lửa tọa lạc trên một mảnh đất khá rộng san bằng một chòm núi với áp Hồng Lạc nằm dọc theo khe nước. Áp này mới thành hình từ năm 1951 với khu trại gia binh dành cho Ngự Lâm Quân đồn trú bảo vệ Hoàng Triều Cương Thổ. Đường xe lửa chạy song song với đường bộ đi về Trại Mát đến Đơn Dương. Ở những chặng đường đèo, xe lửa được giữ lại bằng móc sắt ở giữa đường với thêm một đầu máy đẩy lúc lên dốc và hãm lại lúc xuống dốc. Sau này đường xe lửa ngưng chạy vì an ninh đã trở thành trụ sở của Hàng Không Air Việt Nam để lập thủ tục đưa hành khách bằng xe ca về tận Phi trường Liên Khương (cách 20 cây số về Nam).

Từ Ga xe lửa qua áp Cô Giang, Cô Bắc là nơi có một biệt thự nghỉ mát cho Không Quân trước năm 75. Với nhiều biệt thự theo kiểu của Anh, Ý đến tận ngã rẽ vào trường Võ Bị Đà Lạt, trước khi vào khu phố Chi Lăng và hồ Than Thở ở phía Đông”...



1970

Sau khi hướng dẫn du khách đi thêm nhiều quãng đường nữa qua một số cơ sở tại Đà Lạt TRẦN NGỌC TOÀN không quên nói tới một số nơi ăn uống:

“Đến năm 54, những tiệm phở Bắc nổi lên với Phở Bằng ở đường Hàm Nghi, Phở Tín bên hông chợ và cà phê Tùng với cà phê Ban Mê Thuột và nhạc trào lưu mới quyện trong khói thuốc lá mịn mù. Vài năm sau có gia đình lưu lạc từ Nam Vang lên đây mở tiệm hủ tiếu Nam Vang lòng danh. Gần rạp chiếu bóng Ngọc Hiệp, đầu hẻm từ Phan Đình Phùng đi qua đường Hai Bà Trưng là quán Mì Quảng với hương vị đặc biệt nổi danh lại do một ông người Bắc vào Nam từ những năm 1940 đứng nấu. Ngay góc đường đầu dốc Duy Tân có tiệm làm bánh mì Vĩnh Chấn nóng giòn từ sáng sớm cho đến khuya” ... “Về khuya, khi các tiệm tạp hóa đóng cửa, quanh khu chợ Hoà Bình và đường nhỏ trước mặt khách sạn Thủy Tiên đã mở ra các gánh bấp nướng, cháo gà, bún riêu, bún bò... cho khách đi chơi về đêm.”

Du khách cũng có thể theo chân nhà văn, nhà thơ VI KHUẾ, một người từng lập nghiệp tại Đà Lạt lâu năm, để được hướng dẫn viếng thăm thành phố một vòng với thật nhiều chỉ dẫn, thật nhiều chi tiết, tương đối là đầy đủ về mọi mặt.

Tại nước ngoài, vào năm 1985 VI KHUẾ viết:

“Những ai đã ra đi từ Đà-Lạt, hôm nay xin hãy làm du khách trở về thăm viếng thành phố xưa! Trước tiên, tôi xin giới thiệu các khách sạn lịch sử: Đà-Lạt Palace trông ra Hồ Xuân Hương, Mimosa đường Phan Đình Phùng, Thủy Tiên số 7 Duy Tân, Duy Tân 83 Duy Tân, Mộng Đẹp khu Chợ Mới, Sans Souci đường Nguyễn Trường Tộ, Cẩm Đô đường Phan Đình Phùng, quán Bồng Lai trên đường Đà-Lạt - Đơn Dương, và các khách sạn bình dân: Phú Hòa, Vinh Quang, Hòa Bình, Nam Việt, Tịnh Tâm, Cao Nguyên, Thanh Ngọc, Thanh Tùng, Lữ Quán Sài Gòn, Văn Huệ và Lam Sơn sau lưng trường Văn Học...

Sau các khách sạn, hẳn quý vị cần biết đến các nhà hàng, các tiệm ăn. Đây là các nhà hàng sang trọng nhất: Dalat Palace, Chic Shanghai, Mé Kông, Nam Sơn và Thiên Nga, Mỹ Quang, Như Ý, Kim Linh. Bình dân hơn trên những con đường khác. Nhà hàng lịch sự, đặc biệt về món ăn Pháp là Dalat Palace, L'Eau Vive. Đặc biệt về các món ăn Việt, xin mời quý vị đến quán nem Ninh Hòa, số 7 đường Cường Để, có thịt bò bảy món. Nhà hàng bình dân, đặc biệt về các món ăn Việt Hoa là Đông Hải ở khu Hòa Bình với các món bánh bao rất được ưa thích. Tiệm ăn đặc biệt về món Bắc, có Mỹ Hương và Bắc Hương khu Hòa Bình; về các món Huế

là các tiệm ở đường Hàm Nghi và Thành Thái. Ngoài ra còn rất nhiều quán bình dân nữa, đáng kể là quán Thanh Phương ở đường Võ Tánh, giá cả rất thích hợp với những thực khách không nặng túi tiền.

Ngoài các nhà cơm sang trọng hay bình dân, chúng ta còn vô số món ăn “dân tộc” rất được tán thưởng. Xin được nhắc lại một lần các tiệm bán các món đặc biệt và hấp dẫn ấy, và mong rằng quý vị, các bạn - nhất là các cô hay ưon mình không thích xơi cơm đưng quá nhớ nhung! Tiệm phở Bằng, đường Hàm Nghi, Tùng, Đắc Tin khu Hòa Bình, Ngọc Lan bến xe Đà-Lạt - Sài Gòn, Như Ý đường Nhà Chung, Bắc Huỳnh và Phi Thuyền trước ga Đà-Lạt, hủ tiếu Nam Vang đường Minh Mạng. Mì vịt Thạch Ký đường Phan Đình Phùng. Mì Quảng: quán cạnh rạp chiếu bóng Ngọc Hiệp, các quán tầng dưới Chợ Mới và một quán nằm khuất trong hẻm đường Hoàng Diệu, trước trường Văn Học. Bún riêu, bún ốc ở tiệm Thành Công, đường Nhà Chung. Bún bò giò heo: các tiệm ăn Huế hầu hết đều có món này, nhưng khi nói đến bún bò, người ta thường nghĩ đến quán cây số 4, góc đường Hai Bà Trưng và La Sơn Phu Tử. Món Nai Đồng Quê -tên gọi thanh nhã của món thịt cây- được tìm thấy ở quán Lá Mơ đường Thành Thái; món thịt dê ở quán Ngọc Dung, hồ Than Thở, gần bến xe Chi Lăng.

Ngoài ra còn rất nhiều quán bình dân nữa, lưu ký niệm nhiều nhất phải kể hàng đầu là dãy quán trước trường Đoàn Thị Điểm, đường Trương Vĩnh Ký, với hàng xôi gà, cháo gà “ngon nhất nước” của ông bà Hà Đức Bản, xe mì bánh tôm “ngon hết xẩy a” của chú Tàu nhẩn nại cần cù, xe chè 6 món thơm phức của hai cô nữ sinh trường Tân Sanh, quán cháo lòng nóng hổi và ngọt lịm của mẹ con cô Tí đơn đã chào mời...

Về phần các cô cậu thuộc lứa tuổi ô mai thích khoác áo lạnh đi tìm gặp các bạn bè để sưởi ấm lòng nhau, thì quán chè, tiệm kem và quán cà phê là những nơi thích hợp nhất, quán chè Tuổi Ngọc, tiệm kem Việt Hưng, các quán cà phê Tùng, Trúc, Tinh Nhỏ, Trắng Cao Nguyên, Yêu, Thủy Tạ, Shangai và Mê Kông là nơi thuận tiện nhất để họ và cả lớp người lớn tuổi hơn thường ngồi lặng hàng giờ nhìn ra khu phố chính của thành phố ngắm các tà áo bay... hay luận đàm thế sự?

Khách sạn và nhà hàng ăn là những nơi du khách cần phải biết trước tiên, khi đặt chân đến một thành phố. Nhưng hẳn là còn vô số điều quý vị cần được hướng dẫn và giới thiệu thêm nữa, trên bước nhàn du đến cõi... Bông Lai này, bởi vì nhu cầu của con người sau khi no cơm ấm áo còn nhiều lắm, mà thành phố của chúng ta thì lại chứng tỏ có khả năng đáp ứng... mọi nhu cầu của

kiếp nhân sinh! Thiết tưởng còn gì thực tế hơn -về phần chúng tôi- là xin gửi đến quý vị nguyên bản kê khai tất cả các địa điểm quý vị cần dùng tới. (Xin quý vị cứ tìm tên trong niên giám điện thoại sẽ có địa chỉ rõ ràng)."

VI KHUÊ giới thiệu tiếp:

"Các phòng tắm nước nóng: Ninh Thuận, Việt Trang, Minh Tâm, phòng uốn tóc Mô Đéc, Hoàng Cung, Mỹ Dung, Tường Lan, Isana, Cô Sương, Cô Tiên... Các tiệm chụp hình Hồng Thủy, Đại Việt, Mỹ Dung, Văn Khánh, Người Ảnh.

Phòng khám bệnh bác sĩ Phan Lạc Giản, bs Hoàng Khiêm, bs Nguyễn Văn Thạnh, bs Nguyễn Đình Thiệu, nữ bs Nguyễn Ngọc Diệp, bs Đào Huy Hách, bs Mai Trung Kiên, bs Nguyễn Văn Liễn. Tiệm thuốc Tây: Đà-Lạt, Hoàng Hy Tuần, Nguyễn Văn An, Hàm Nghi, Duy Tân, Diên Hương, Nguyễn Duy Quang, Lâm Viên... Phòng chữa răng: nha sĩ Võ Thị Sâm, ns Minh Đa, ns Trần Tú, ns Nguyễn Văn Trình. Văn phòng luật sư: Ls Ngô Tăng Giao, Ls Hoàng Huân Long, Ls Phùng Văn Tuệ, Ls Nguyễn Văn Trương.

Các rạp chiếu bóng Hòa Bình, Ngọc Lan, Ngọc Hiệp. Vũ trường La Tulipe Rouge, Đào Nguyễn."

CAO HỮU ĐẠT nói về "Đà Lạt trong ký ức tuổi thơ" của mình:

"Một nơi chốn khác của Đà Lạt mà luôn gắn liền với những ngày thơ ấu của tôi đó là Khu Hòa Bình, thuở đó cứ mỗi lần được



1970

ba tôi cho lên xe hơi chờ ra phố là tôi thích lắm, từ phố ở đây là để chỉ Khu Hòa Bình, nơi nhộn nhịp và tấp nập nhất của Đà Lạt, những cái bảng hiệu mang tên: Việt Hoa, Đức Xương Long, Cao Nguyên, Bích Đào, Tân Việt, Liên Thanh, Bùi Thị Hiếu... nó đã ăn sâu vào tâm khảm tôi đến tận bây giờ. Được đi phố là đồng nghĩa với việc được ăn một cái bánh choux à la cream của hiệu bánh Thanh Nhân, một khúc bánh mì baguette giòn tan của lò bánh mì Vĩnh Chấn, ngắm nhìn những cuốn truyện tranh trong nhà sách Hòa Bình, được dán mắt vào những món đồ chơi hấp dẫn bày trong tủ kính của mấy hiệu buôn người Ấn Độ, hay ở tiệm Hoàng Ngọc Bửu và biết đâu lại còn được mua một món đồ chơi mang về, thích quá đi chứ. Khi ấy, Khu Hòa bình còn là tâm điểm của người Đà Lạt và cả du khách, cứ mỗi lần ra đây là ba mẹ tôi có thể gặp được các bạn bè và người quen, hễ cứ hôm nào gặp bác Đó, bạn dạy cùng Trần Hưng Đạo với ba tôi là y như rằng hôm ấy bác Đó phải kéo cho được ba tôi vào nhà hàng Mekong mà ngồi uống trà Lipton hoặc cà phê để hàn huyên, còn phần tôi thế nào cũng được một chai Coca hoặc một cái bánh và tha hồ ngồi ngắm dòng xe cộ và người qua lại tấp nập trên phố qua khung cửa kính của nhà hàng.

Còn nếu đi phố để vào phòng răng của bà nha sĩ Sâm mà chữa răng, cái bà nha sĩ hay lái cái xe Hoa kỳ to tướng màu xanh lá cây thì ôi thôi sợ phát khiếp. Nhưng cũng có những hôm ở phòng răng bà Sâm ra tôi lại được thưởng bằng một châu xem phim ở rạp Hòa Bình hay Ngọc Lan, tới rạp xem phim cũng là một thú giải trí không thể thiếu được của gia đình tôi và người Đà Lạt thời ấy. (...) khi ra khỏi rạp Hòa Bình thì trời Đà Lạt cũng mưa tầm tã và thế là cả nhà tôi lại lúp xúp che chung một cái ô băng qua đường đến ăn tối ở cái dãy hàng ăn uống đối diện với khách sạn Thủy Tiên, kéo dài đến trước trường Đoàn Thị Điểm. Ở khu này có rất nhiều món ăn ngon và bình dân như bánh cuốn nóng chả lụa, xôi gà, mì xào giòn, cháo vịt... món nào cũng hấp dẫn, trong cái tiết trời mưa lạnh của Đà Lạt, bụng đang đói cồn cào mà được ngồi trước một đĩa bánh cuốn bốc hơi nghi ngút, ôi thật tuyệt.”

CAO HỮU ĐẠT cũng không quên ghi lại những nơi ăn uống:

“Nói về ăn uống thì lúc đó Đà Lạt có nhiều nhà hàng và quán ăn ngon nhưng để lại trong ký ức của tôi nhiều nhất vẫn là Nam Sơn và Cẩm Đô”. “Ở Nam Sơn tôi rất thích “món bò câu quay” (...) Còn ở nhà hàng Cẩm Đô “món nai nướng cuốn và bánh xếp” và lại thêm “món kem dâu thom lừng mùi dâu tươi” của Việt Hưng. Buổi sáng Chủ Nhật sau khi đi Lễ ở nhà thờ Con Gà, thỉnh thoảng ba

mẹ tôi đưa hai anh em vào đây ăn kem. Tiệm kem nằm trên một dãy kiosque ở đường Thành Thái cũ, tiệm này của gia đình cô Phương Thu bạn thân của mẹ tôi, cô Phương Thu cũng dạy Anh văn ở Bùi Thị Xuân, đến năm 1974 thì cô làm hiệu trưởng....”

Trong cuộc hành trình viếng thăm Đà Lạt một vòng, du khách cũng có thể theo chân nhà thơ VIỆT TRANG để được hướng dẫn đi từ trung tâm thành phố tới một số địa điểm khác với lời giới thiệu đầy thơ, đầy mộng:

“Giờ đây, cùng ta nhẹ gót dạo một vòng thành phố nhé. Xuôi Dốc Làng và băng qua đại lộ Phan Đình Phùng -con đường Cầu Queo cũ, giờ đây nhà cửa sầm uất- ta hỏi tường chiếc cầu gỗ Cửu Hồn mảnh mai vắt qua con lạch nhỏ, nước từ hồ Vạn Kiếp đổ về mà nhớ lại những ngày thơ ấu.

Cho ta đến xóm Lò Gạch, thăm lần cuối người bạn vong niên thân kính. Ngôi nhà nằm bên một con đường hẻm cụt, sỏi đá gồ ghề, cỏ dại len mặt đất, tĩnh lặng như một sơn am mà:

“Vài đóa thân thương vài bạn đến
Hàn huyền quên cả chuyện hàn vi.”

Rời đường quê đưa chân ta về Huyện Mọi. Thác Cam Ly cận kề, dòng nước đổ bên đường. Lặng đứng nghe thác tí té cùng đá lạnh rêu xanh. Lưng chừng sườn núi còn thấp thoáng vài túp nhà sàn cũ kỹ hun khói của đồng bào Thượng chưa muốn trở lại rừng sâu:

“Vài cánh chim chiều chao cổ biếc
Một làn gió muốn động cành dương
Đầy vui thác có cùng mưa nắng
Mà biết đâu rồi khách viễn phương.”

Vòng qua cầu Bá Hộ Chúc ta đến Dốc Nhà Bò. Đâu còn nghe tiếng gặm gừ của đàn bò xa xưa nhai cỏ, đâu còn âm thanh khô khan của những vành sắt xe bò đổ rác siết trên đường đá chông chênh.

Trại Hàm nằm âm thầm cuối sâu một thung lũng đồi núi quanh quanh. Vẫn ngôi chùa Linh Phong thanh tịnh, ẩn hiện cảnh tĩnh. Vẫn còn sót lại vài gốc mận già cỗi đã từng cho ta những chùm trái mộng chín lườm, hương vị ngọt thơm làm tê lịm bờ môi của tuổi học trò.

Ta trèo lên đỉnh Gió Hú, sẽ kiểng chân nhìn về hồ Than Thở. Một chấm làn nước cạn đục. Đâu còn nữa tiếng thở than của lau

lách vọng lại. Giò đây đã lặng câm bên Đồi Thông Hai Mộ, một nửa vùng đồi bên kia biến thành những vườn rau xanh tươi, xón xang.

Ta xin thành chim bay ngược lên hướng Bắc, thăm qua những địa danh phát nguyên từ dân gian: như cây số 4, số 6, như cây số 9, số 12 và mãi tận Tùng Lâm, Kim Thạch, Mang Linh, Suối Vàng. Một vùng đồi núi chập chờn, tròn trĩnh tựa những viên ngọc bích, phủ nhẹ cỏ biếc nhưng tơ, điểm xuyên những cụm nhà sơn thôn êm ả, muôn thuở thanh bình dưới chân Núi Bà hiền hậu.

Phong cảnh thiên nhiên như thủy mặc sao mà đẹp xinh, thanh tú, những địa danh sao mà bình dị, hồn nhiên như tình người Dalat vậy”

Tình của VIỆT TRANG với Đà Lạt thật thiết tha, thật cảm động, hãy nghe nhà thơ phát biểu nỗi lòng thủy chung của mình:

“Dalat ơi! Ta muốn in dấu chân khắp cùng Dalat, song chân ta quá mỏng. Ta muốn ôm trọn Dalat trong vòng tay, song tay ta lại quá ngắn. Ta muốn nhìn từng ngọn cỏ lá cây, nhưng núi rừng bạt ngàn đã ngăn che tầm mắt của ta rồi.

Dấu mai này, như cánh gió ngàn phương, như bóng mây vạn lối, mảnh hồn ta xin nguyện chung thủy ở bên cạnh bạn hữu thiết thân và với Dalat mến thương, mà một thời đã dành cho ta biết bao nghĩa tình thâm sâu quý trọng.

Thôi chào Dalat nhé!”



Theo bước chân rong rêu

Du khách tới Đà Lạt có thể theo bước chân “rong rêu” của KHÁNH LY, người ca sĩ khá ái của thành phố sương mù thuở nào. Đây là con đường đi từ phía Hồ Than Thở, khu Chi Lăng dẫn qua nhà ga xe lửa vào trung tâm thành phố:

“Trong suốt năm năm ở Đà Lạt, tôi thuộc từng gốc cây bụi cỏ, con đường Chi Lăng đưa tôi qua nhà ga, men theo Hồ Xuân Hương, qua hai cây cầu nhỏ, qua sân vận động, qua bến xe Minh Trung, leo lên một con dốc tới khu Hòa Bình. Từ con dốc đi bọc tay phải, theo đường Phan Bội Châu, tôi nhìn xuống chợ, đi tới nữa là khám lớn, rồi rẽ ra, hướng đi bờ hồ, hướng vào con đường tình yêu, lên dinh Tỉnh Trưởng. Vòng tròn theo khu thương xá Hòa Bình. Tôi hay ngồi nhất là café Tùng. Trên lầu hoặc dưới chân cầu thang, ngồi một mình. Sau này cùng ngồi với tôi là Trịnh Công Sơn và các bạn. Từ café Tùng bước ra rẽ tay trái là tiệm cơm Bắc Hương nằm gần bến xe đò. Đi thẳng Hàm Nghi tôi thường ghé Lữ Quán Thanh Niên thăm Đình Ngọc Mô, Cầu và Thạch. Có lúc tôi dọn lại ăn ké tụi nó mấy tháng, ăn cơm Cantine 7 đồng một bữa mà có khi không đủ tiền. Ra khỏi Lữ Quán, tay phải đường Võ Tấn đưa ra bờ hồ, phía tay trái, tôi lang thang đi qua trường Bùi Thị Xuân. Ngày nào tôi cũng đón xe lam, xe đò từ Chi Lăng ra phố chơi. Hết café Tùng, tôi qua Mékong ăn cơm hoặc Shanghai. Có lúc lội bộ xuống con dốc Phan Đình Phùng ăn hủ tíu Nam Vang, xa tí nữa là quán mì Quảng bên cạnh ciné Ngọc Hiệp, đối diện với mấy nhà tắm nước nóng và khách sạn Cẩm Đô.

Ở Đà Lạt, đi tắm nước nóng là một cái thú. Mỗi người ôm cái khăn tắm xà bông, tha hồ kỳ cọ, tắm gội, trả có mấy chục bạc, bước ra khỏi phòng tắm, mát mẻ thơm phức. Chính tôi cũng là một trong những người khách thường xuyên của nhà tắm này. Một cái thú chắc chắn chỉ có thể có ở Đà Lạt. Ngay cả ở Huế, mùa đông giá lạnh là thế, tôi cũng không nghe thấy ai nói đến phòng tắm nước nóng bao giờ. Đó cũng là trong những điều giữ chân người Đà Lạt, quyến luyến người khách lạ ghé thăm cái thành phố có vẻ hơi “Tây” này.”

KHÁNH LY kể tiếp, từ nơi từng đem vang tiếng hát của mình:

“Dancing night Club nằm trên đường Lý Thái Tổ, từ nhà thờ Chánh Tòa, tôi rẽ trái là đến trường Trung Học La San, qua dốc nhà Bò cứ thẳng mãi, tôi đi ngang qua Thung Lũng Hồng của nhạc sĩ Phạm Mạnh Cường, dần tí nữa là thác Cam Ly, vui chân

bước tới đã thấy phi trường quân sự Cam Ly. Không muốn về Sài Gòn dù máy bay đậu sẵn đó, tôi quay ngược lại, chạy một đỗi, qua những dinh thự, biệt thự lộng lẫy hoa cỏ bao quanh, đến một con đường rẽ nhỏ nơi đây toàn là quán rượu với các bóng hồng, người Đà Lạt, người Sài Gòn gọi đây là xóm “bà Thái” nghe quen quen, những quán rượu ở ngay vệ đường đá này có thể đưa tới Đôn Dương nhưng đường này rất ít người đi. Nếu không rẽ vào xóm “bà Thái” mà đi thẳng, Night Club nằm ngang trước mắt tôi, bên cạnh là đường đi Trại Hàm. Tôi khoái tới đây mua mận hay đào lông, mua từng cần xé mang về Sài Gòn làm quà cho bà con. Còn một thứ nữa tôi rất thích là chuối La Ba, trái chuối vàng tươi, lấm tẩm đen như người bị tàn nhang. Lúc vừa chín tới, chuối dẻo và ngọt, tôi thường ăn chuối trừ cơm.

Có lẽ khí hậu Đà Lạt mát lạnh kể cả mùa hè, nên tôi thấy cái gì của Đà Lạt cũng đáng yêu, thức ăn nào cũng khoái khẩu. Xách một giỏ đồ ăn lên đồi Cù nằm dài cả ngày nhìn trời nhìn mây, để thấy rằng mình chẳng dính líu chi đến cái đời sống dưới chân. Từ những ngày ở Đà Lạt, tôi bắt đầu yêu chữ “Nhàn” hưởng nhàn được ngày nào là hưởng tới đờ. Không lo âu, không bận rộn, chuyện gì dưới mắt tôi cũng nhỏ. Chỉ 5 năm mà thôi, Đà Lạt ảnh hưởng đến tôi tận xương tủy cho đến bây giờ. Cứ nằm trên đồi Cù hay ngồi nhâm nhi ly café ở Tùng, ở nhà Thủy Tạ là quên hết sự đời không được bằng chiếc lá... đờ.”

KHÁNH LY nói thêm về chuyện la cà rong rêu của mình trong bài “Chuyện kể sau 40 năm”:

“Vũ trường đóng cửa, ai muốn đi ăn đêm thì thường chạy tới tiệm xôi gà trước mặt khách sạn Thủy Tiên, sau lưng tiệm bánh mì Xương Ký đầu con dốc Hàm Nghi. Chủ quán là cặp vợ chồng trẻ, con ông bà Bắc Hương cơm tấm, giò chả nằm gần café Tùng... Nhiều đêm, vừa thấy mặt tôi, cô vợ da trắng, má hồng cười như hoa nở, hét toáng lên... Đùi Khánh Ly... Phao câu Khánh Ly... câu rao ngắn gọn làm ai cũng quay lại nhìn tôi cười. Và tôi không hề cảm thấy ngượng ngùng, sà ngay vào hàng cầm chiếc đùi gà, miếng phao câu béo ngậy, đĩa xôi trắng dẻo thơm phức mỡ hành. Ở một thành phố nhỏ như Đà Lạt, ai cũng biết mặt nhau.”

KHÁNH LY tâm sự, kể lại một quãng đời sống xa xưa quá hồn nhiên và thoải mái của mình tại thành phố hoa đào:

“Bốn mùa buồn. Bốn mùa chờ đợi. Một chờ đợi cũng dịu dàng. Nhớ Sài Gòn. Chạy ra chợ Hòa Bình rinh một sọt chuối Laba.

Nhảy lên xe đò Minh Trung. Đi ghé Định Quán ăn cơm thịt heo quay. Xe ghé Định Quán cũng lại cơm. Tới Sài Gòn chỉ ở lại một ngày. Làm một vòng Sài Gòn - Chợ Lớn. Phân phát hết sọt chuối. Lại nhảy lên Minh Trung về lại Hồ Than Thở. Nhưng không thở than.

Một thời 20 rất bụi đời, rất vỉa hè. Đến như gió. Đi như gió. Từ đâu tới. Đi về đâu. Không biết. Không cần biết. Đáng yêu biết bao những ngày tháng mây trời, biển khơi. Phà khói thuốc vào sương mù Đà Lạt. Buổi sáng thức dậy, ngửi mùi thơm của thông. Nghe thông hát reo nhẹ nhẹ. Mặc áo len cổ tròn, quần cò, quần jean, thế là... xuống phố. Có lúc đi giữa mưa vẫn nghe tiếng chân mình rộn rã reo vui trên mặt đường loang nước. Từ ngã tư. Xe đò, xe lam từ hướng Chi Lăng chạy ra. Bước lên xe ngồi xuống. Bao giờ tôi cũng nhìn ngoái lại trường tiểu học Phan Chu Trinh nằm bên kia đường. Tôi đã học ở đây năm 1956.

Xe qua nhà vắng lại dành cho các sĩ quan Không Quân nghỉ mát. Qua ga xe lửa. Tiệm phở ở ga ăn cũng khá. Đổ một con dốc. Rồi một con dốc nhỏ nữa, qua nhà thương Soyser. Trường Yersin. Xe cứ chạy. Tay trái là sân vận động, sân tennis. Khách sạn Palace. Đường rẽ lên nhà thờ chánh tòa Đà Lạt. Bên phải là Hồ Xuân Hương. Vòng theo một bùng binh. Ngang qua Quán Vụ Thị Trấn, xe đò lên dốc. Vào bến đậu ngay cạnh café Tùng. Vào làm một ly đá. Mọi chuyện tính sau. Ngày nào cũng thế, năm năm như thế. Không thay đổi."



1970

Du khách cũng có thể đi dạo một vòng theo chân VI SAO, một người sinh ra tại Đà Lạt và trưởng thành tại thành phố này:

“Nói đến Đà Lạt chắc hẳn mọi người đều biết, hoặc nghe tên hoặc đã có lần đặt chân đến miền đất cao nguyên sương mù này.

Đà Lạt là quê hương nhỏ bé của riêng tôi, nơi tôi được sinh ra và lớn lên, nơi vẫn được mệnh danh là trung tâm du lịch của Việt Nam mà một số du khách ngoại quốc gọi là “Petit Paris”...

Đêm Đà Lạt với màn sương giăng giăng một màu lam tím nhạt, ánh đèn đường vàng vọt yếu ớt chiếu không lọt qua màn sương tạo thành một thứ ánh sáng mờ ảo huyền hoặc như từ một thế giới nào không thực. Những cơn gió từ mặt hồ Xuân Hương gập gập lạnh khiến ta thèm không khí ẩm cúng và giọng nhạc trữ tình của cà-phê Tùng với hương vị cà phê thật đặc biệt, đậm đà ấm áp, uống một lần là nhớ mãi. Người ta đồn cà phê Tùng có pha hạt cau nên hương vị khác những cà phê quán khác. Điều này không biết thực hư thế nào nhưng tất cả dân Đà Lạt đều kháo nhau như thế. Nếu thích không khí bập bùng quyến rũ với ly cà phê pha rhum thì bạn nên đến cà phê Vui của mình tinh màn bạc Kim Vui. Sau đó nếu còn hứng, bạn cùng tôi từng bước từng bước thăm, tay trong túi manteau, nhàn nhạ dạo phố.

Đi một lúc mỗi chân khát nước thì đây, mời bạn ghé lẻ đường Minh Mạng uống một ly sữa đậu nành nóng hổi thơm phức mùi lá dứa mà bạn đã ngửi thấy từ xa trên đầu ngọn gió. Bạn cũng nên mua trái bắp nướng nóng hổi của người bán rong trên vỉa hè, vừa đi vừa lấy từng hạt bỏ vào miệng, vị ngọt ngào và dẻo quánh của từng hạt bắp mới hái ngon mộc mạc mà đậm thắm như tình quê hương.

Bạn cũng đừng quên ông già bán đậu phụng rang của Đà Lạt. Ông này có biệt tài rang đậu phụng thật khéo, thật giòn, thật nóng mà lớp vỏ nâu nâu vẫn còn nguyên. Một đặc điểm khác là trông ông rất nghệ sĩ, điển trai kiểu tài tử gánh xiếc, lúc nào cũng đóng bộ quần áo của ông bầu đoàn xiếc, chiếc nơ không khi nào thiếu trên cổ và nụ cười không khi nào vắng trên môi. Ông thường đeo thùng đậu phụng rang trước bụng bán trong các rạp hát Ngọc Lan, Ngọc Hiệp và Hòa Bình, sau đó ông đeo thùng đậu phụng đằng sau xe đạp, rảo quanh khắp các phố chính, nơi nhiều du khách qua lại với tiếng rao khàn khàn đục đục: “Đậu phụng don don, đậu phụng don don đây!”...

Đêm đã khuya, bụng đã đói, mời bạn ghé đường Trương Vĩnh Ký, sau lưng nhà hàng khách sạn Thủy Tiên. Nơi đây bạn tha hồ chọn món ăn: một tô cháo lòng hay phở xào Bà Béo, miến gà Thủy Tiên hay mì hoành thánh chú Ba, một bát chè trứng vịt hay

chè chế-mà-phủ, chè kê... của cô Tàu trẻ dễ thương ngọt ngào không kém chi chè của cô ta... Những thức ăn bình dân ở đây cam đoan với bạn nấu không thua gì nhà hàng Chic Shanghai hoặc Sơn Nam, Nam Kinh.”

Mô tả lại khúc nhạc đời trong sinh hoạt của Đà Lạt kéo dài từ khuya cho tới sáng VI SAO ghi nhớ:

“Sinh hoạt Đà Lạt bắt đầu từ tờ mờ sáng. Khi màn đêm còn bao phủ, người người còn nồng say giấc điệp thì tiếng chuông công phu chùa Linh Sơn đã ngân vang, thức tỉnh thế gian. Đây là ngôi chùa lớn nhất Đà Lạt, tọa lạc trên một ngọn đồi ở đường Phan Đình Phùng. Sau chùa là đồi chè bát ngát xanh um, kế tháp chuông là trường trung học Bồ Đề. Giờ này, trên khắp các nẻo đường từ thành phố, những người sống bằng nghề trồng rau đang lũ lượt kéo nhau về sau phiên chợ khuya. Ai nấy gánh những quang gánh nhẹ tênh vì rau cải, bắp súp, cà rốt, mận, dâu... đã được bán cho bạn hàng tiểu thương đóng rau chở về các tỉnh. Vài chiếc xe ngựa nặng nhọc thò những kiện rau cải lớn về chợ Đà Lạt. Tiếng móng ngựa gõ trên đường khuya hòa lẫn tiếng nói cười của những cô gái quê đi chợ sớm tạo thành một âm thanh ma quái trong sương khuya. Chợ đêm, một sinh hoạt rất đặc biệt của Đà Lạt, họp từ 1 giờ khuya kéo dài đến khoảng 5 giờ sáng thì tan chợ.”

VI SAO cũng vẫn còn nhớ mãi những tiếng hát, những vần thơ tiêu biểu của Đà Lạt vào thời đó nên viết:

“Lắng nghe chiều xuống thành phố mộng mơ, màu lam tím Đà Lạt sương phủ mờ, từng đôi đi trên phố vắng, bước chân em giữa không gian hoàng hôn thua màn đêm...”. Bản nhạc gợi nhớ không người đến Thanh Tuyền, người ca sĩ nổi tiếng của Đà Lạt mà tiếng hát vẫn còn réo rắt từ hải ngoại đến quốc nội. Rồi Lệ Khánh với thi phẩm “Em là gái trời bắt xấu” giờ đang lưu lạc nơi đâu?”

ALAN PHAN lại nhớ tới một nhà hàng rất đặc biệt nơi từng ghi dấu tình cảm lãng mạn thời trai trẻ của mình:

“Tuy nhiên, hình như chỉ có duy nhất một nhà hàng vượt hẳn mọi không gian và thời gian, khiến ký ức của một gã trai viễn xứ luôn diết da day dứt.

Năm 15 tuổi, tôi đem lòng yêu thương một cô bạn học. Trong cái không khí mát lạnh đầy hoa thơm cỏ lạ của núi rừng Đà Lạt, với tôi, dường như thế gian này chỉ tồn tại một mình nàng. Sau 7 tháng quen nhau, nàng đồng ý trốn cha mẹ đi ăn trưa với tôi.

Nhà hàng tôi chọn có cái tên là *Eau Vive* (Nước Sống), tọa lạc trong một tu viện nhỏ do các bà sơ trông coi. Nhà hàng chỉ có khoảng 10 bàn, nằm thoải thoải trên sườn đồi thông, sau Đốc đường Duy Tân, nhìn xuống hồ Xuân Hương xa xa của một Đà Lạt mộng mơ và lãng mạn.

Mùi thơm của vườn hoa dạ lý bên cạnh hòa với mùi nhựa thông, những cánh hồng mỏng manh trong gió quyện với những bài thánh ca vọng lại từ thánh đường, mái tóc đen nhánh xõa ngang vai và đôi mắt to tròn, ngơ ngác của người con gái tôi yêu là tất cả những gì đẹp đẽ nhất, trong trẻo nhất mà tôi luôn giữ trong lòng suốt hơn nửa đời người bên ba nơi đất khách.

Chưa bao giờ tôi được ăn món thịt bò ragout nếm ngon như vậy. Những lát bánh mì nướng bơ tỏi phô-mai và trái ô-liu ngon hơn bất cứ nơi nào sau 65 năm ăn nhậu. Sau này, khi đã nếm đủ những cao lương mỹ vị trên đời và trải nghiệm nhiều cung bậc cảm xúc với rất nhiều mối tình xuyên đại dương, dường như với tôi, gương mặt dịu hiền, thánh thiện của người con gái mới lớn trong không gian lãng mạn của nhà hàng giản dị chốn quê nhà vào buổi trưa đầy nắng đó vẫn khiến trái tim tôi thôn thứ.

Mối tình đầu của tôi chấm dứt vài tuần sau đó vì gia đình nàng chuyển xuống Nha Trang, còn ông bố người Pháp của nàng chuyển sang Lào làm việc. Cái nắm tay từ biệt của nàng cho tôi hiểu rằng, đó cũng là lần duy nhất tôi được chạm vào da thịt người con gái đó. *Eau Vive* là tất cả những gì tôi có và gìn giữ.

Theo sắp xếp trước đó, tôi phải quay lại tu viện dọn rửa suốt 2 tuần sau giờ học để trả tiền cho bữa ăn trưa với nàng. Một cái giá quá rẻ cho một bữa ăn ngon nhất, ý nghĩa nhất tại một nhà hàng để thương nhất thế gian này.

Vào năm 1995, sau 25 năm chôn chân mỗi góc nơi xứ người, tôi quay trở lại Đà Lạt và tìm lại chốn xưa. *Eau Vive* vẫn còn đó, dù rêu xanh đã phủ mờ lối cũ. Tu viện đóng cửa im lìm, những bà sơ không còn cặm cụi bên ngôi vườn hồng cạnh thánh đường. Cảnh cũ vẫn còn đây, nhưng bóng người xưa đâu? Tôi đứng ngáy người trước cửa tu viện rồi quay gót. *Dư hương của một thời ngây ngô, đại khờ đã cuốn theo chiều gió.*”

Du khách cũng có thể theo chân NGUYỄN XUÂN THIỆP đến một số tiệm phở như trong bài “Mùa thu, và... thịt chó, và... phở”:

“Ở Đà Lạt cũng có mấy tiệm phở ngon. Trước hết là phở Ga Xe Lửa, nơi mỗi sáng các giáo sư Võ Bị - những Hứa Hoàn, Nguyễn Thạc, Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Minh Diễm... thường ghé ăn cho ấm bụng trước khi vào lớp giảng bài. Rồi phở Bằng đường

Hàm Nghi, sau này có thêm tiệm phở Cao Nguyên ở Khu Hòa Bình. Còn nữa, phở Ngọc Lan ở bến xe. Ở đây, đặc biệt miếng thịt chín gân thái rất to, và tô phở lúc nào cũng đầy áp, hậu hĩnh. Nói tới phở Đà Lạt mà quên tiệm phở của ông Chín dưới chân Đài Phát Thanh là cả một thiếu sót lớn. Không biết Uyên và Phương mỗi tuần lên thâu chương trình Mây Cao Nguyên có ghé ăn tô phở ông Chín không. Chứ còn như Yến và Ngọc Hân thì ăn thường xuyên, chính mắt kẻ này trông thấy. Ăn sáng, ăn trưa và có khi ăn chiều. Phở không ngon lắm, nhưng lúc bụng đói, làm một tô cũng thỏa dạ. Rồi nhìn chim én lượn bay dưới mái Hotel du Parc...”

Nhà giáo TRẦN ĐẠI BẢN cũng hào hứng ghi lại:

“Nói về các món ăn Dalat yêu chuộng nhất có lẽ phải kể là phở - tiệm phở Bằng, phở Đắc Tín, phở Ga Xe Lửa, phở xe đẩy của ông Thắng tại ngã tư Hoàng Diệu – Trần Nhật Duật, và phở xe đẩy ở sát cây cầu Cẩm Đỏ. Buổi sáng trời lạnh lạnh hay buổi tối sương mù lạnh lẽo, là những lúc khách vào tiệm phở, kêu một tô bốc khói, khách vừa thổi vừa húp, rồi sáng khoái ấm bụng ra về.

Về đêm, người ta thích ăn phở ở những xe phở đặt tại các vỉa hè hay tại các ngã tư ít xe cộ qua lại. Càng về khuya, phở càng đậm đà và ngọt ngào. Nhiều người thích mua những cục xương đã nấu nhừ còn dính thịt và còn tủy trong ống xương, người ta gọi là xí quách theo tiếng Tàu.



1968

TRẦN ĐẠI BÀN nói thêm:

“Ngoài những thức ăn trên còn có mì Quảng rất đặc biệt của bà chín Rua, ở sau lưng nhà tôi số 9 Hoàng Diệu; mì vịt tiềm và cháo gà Văn Tĩnh, hoành thánh mì ở rạp Ngọc Hiệp, xôi gà, mì xào dòn sau lưng khách sạn Thủy Tiên, đường Tăng Bạt Hổ; và mì vịt ở phía sau chợ Mới Dalat...”

“Cà phê nổi tiếng thì có cà phê Tùng, phòng ốc rộng rãi, cà phê hương vị thơm ngon và có nhạc mờ nhẹ vừa đủ nghe, những bản nhạc tình lãng mạn, hay nhạc quê hương nhẹ nhàng êm dịu, đã cuốn hút được nhiều người sành điệu hay những lãng tử si tình cô độc sau cuộc tình lỡ làng; những cặp tình nhân đến đó để hàn huyên tâm sự; hoặc một đôi khi những doanh nhân gặp gỡ làm ăn phe.

Ngoài ra cũng có nhiều tiệm vừa bán cá phê, vừa bán thức uống khác như bia, rượu. Như quán Hoài, quán Trúc, cà phê Thu ở trước rạp Ngọc Hiệp. Quán Trúc của trung úy Lê Thế Chương trước đây thỉnh thoảng cũng có ca nhạc sống để thu hút khách. Tôi và Lê Uyên Phương có đến đó trình diễn hai lần. Lê Uyên Phương là biệt hiệu ghép của hai người Uyên và Phương, ở nhà chúng tôi gọi anh bằng tên thật là Lộc. Phương ở số nhà 22 Võ Tánh Dalat, thỉnh thoảng chúng tôi họp nhau trên căn gác nhỏ hình chữ A, ngồi trên chiếu uống trà hoặc cà phê và hát cho nhau nghe. Sau này Lê Uyên Phương có mở quán Lục Huyền Cầm tại nhà cũng thu hút được nhiều giới yêu thích văn nghệ, nhất là lớp sinh viên, học sinh. Nhà Phương ở gần viện Đại Học Dalat, trường Bùi Thị Xuân, trường Bồ Đề, đối diện lữ quán thanh niên, vì vậy có một số học sinh thuê nhà quanh đó để đi học cho gần...”

Trời Đà Lạt lạnh lạnh. Cái lạnh mơn man da thịt. Nhấp một ngụm cà phê nóng thơm phức thời thật tuyệt vời. THỦY TRÚC ghi lại cái thú uống cà phê ở thành phố cao nguyên này:

“Buổi tối, ta lang thang tìm một quán cà phê yêu thích. Đà Lạt có nhiều quán cà phê, cũng như Sài Gòn, cũng như nhiều nơi khác trong nước. Nhưng quán cà phê Đà Lạt thì không cần cái hơi hướm giả tạo của chiếc máy lạnh, lại khiến ta thấy cà phê ấm quá, nhạc tình phiêu lãng quá, và vai người sao bóng gần gũi thân quen...”

Ở đây, quán này, ta bước vào một khung cảnh sang trọng, một mái ấm phương tây mùa đông với lò sưởi lửa reo tí tách. Đằng kia, quán nọ, ta lạc vào một cảnh trí khác, với những khúc gỗ xù xì giả một cảnh núi rừng buồn làng. Cũng đã có những quán bar, cafeteria trang trí như những quán bar phương Tây, song vẫn

không khoác được cái lãng mạn hào hoa mang phong vị phương Tây của một “trời buốt ra đi... hẹn em quán nhỏ... rượu rưng rưng ly đổ tràn trề...”, dù là trời cũng buốt, và ta cũng hẹn hò. Không, tôi thấy những quán Đà Lạt vẫn có cái gì hiền lành, gần gũi, chân tình.

Cũng đôi khi ta đi xa khỏi phố và gặp những quán cà phê nhỏ bé, mộc mạc. Như một quán cà phê bên đường đi đèo Prenn chẳng hạn. Chỉ là một mái lá đơn sơ. Song bước vào, ta sẽ đi xuống những bậc thang khắc vào vách đèo để đi dần xuống dưới. Bàn ghế đặt ở chênh vênh lưng đèo. Ta ngồi giữa ngàn thông và dưới ngàn sao. Đắt trời bao la và ta nhỏ bé. Đêm thắm u và ta hoang mang. Vọng từ phía trên xuống một tiếng nhạc buồn. Gợi nhớ một cõi tình ta tưởng đã chìm vào quên lãng...

Đường như ở Việt Nam này, chỉ có ngồi uống cà phê trên Đà Lạt mới đem lại cho tôi nhiều rung động và nhã hứng đến thế. Vẫn những giọt nâu sánh ấy nhưng nồng nàn hơn biết bao. Vẫn cung nhạc tình ấy nhưng khơi dậy cả một trời kỷ niệm. Thành phố đủ tiện nghi như những thành phố lớn khác, mà vẫn dịu dàng êm ả. Chỉ những ngày đông du khách mới làm hư Đà Lạt một chút thôi. Khi du khách đi rồi thành phố trở lại là chính mình. Và một du khách ích kỷ là tôi còn nán lại, lúc ấy, mới thường thức Đà Lạt.”

NGUYỄN NGỌC CHÍNH cũng nói về cà phê Tùng xưa và nay:

“Cà phê Tùng là một phần không thể thiếu của Đà Lạt. Hồi mới từ Hà Nội vào Đà Lạt tôi còn nhớ quán cà phê đã ở đó không biết từ bao giờ. Chú Tùng (chúng tôi thường gọi một cách thân mật) là người Bắc di cư, nhưng có lẽ cũng giống như gia đình tôi đã di cư sớm, trước đợt di cư vĩ đại của gần 1 triệu người vào năm 1954.

Tính cho đến ngày nay, cà phê Tùng đã hiện diện ở Đà Lạt hơn một nửa thế kỷ. Chú Tùng nay đã qua đời nhưng những người trong gia đình vẫn còn giữ truyền thống của một tiệm cà phê cổ. Những chiếc bàn cũ kỹ, những bức tranh bạc màu, những miếng gỗ ốp tường và cả chiếc cửa ra vào lúc nào cũng mở hé là tất cả những gì Tùng xưa bắt đầu và Tùng nay gìn giữ.

Gữa cái rét căm căm của Đà Lạt về đêm, ngồi trong cà phê Tùng nhìn qua lớp cửa kính mới thấy được nét đặc biệt của Đà Lạt trong sương mù. Những ngọn đèn đường mờ mờ, ảo ảo trong sương đêm tạo nên một Đà Lạt hoàn toàn khác với Đà Lạt của ban ngày.

Có người chê cà phê ở Tùng không có gì xuất sắc lắm, có người than nhạc ở Tùng buồn quá, có người lại nói không gian ở Tùng chật chội nhưng không ai phủ nhận sự hiện diện hơn nửa

thế kỷ của cà phê Tùng tại thành phố sương mù. Sự hiện diện mang tính cách lịch sử gắn liền với thành phố Đà Lạt.

Phong cách, kiểu dáng của quán thuở ấy tới bây giờ, lúc nào cũng vẫn vậy. Vẫn những bàn ghế trang trọng mà đơn giản giữ mãi một vẻ không cũ không mới trong tiếng nhạc vừa đủ nghe và cũng vừa đủ để chuyện trò.

Ngày xa xưa, cà phê Tùng dành trọn ngày Thứ Năm cho khách thưởng thức nhạc Pháp. Người ta có thể nghe Francois Hardy trầm buồn qua *Tous les garçons et les filles, Ton meilleur ami*; Sylvie Vartan nhí nhảnh với *La plus belle pour aller danser, En écoutant la pluie, Quand le film est triste*; Dalida với giọng ca lão luyện qua *Bambino, Histoire d'un amour, Besame Mucho* rồi Christophe cất tiếng hát *Mal, Aline, Main dans la main* hay Charles Aznavour với *Et Moi Dans Mon Coin*...

Không gian của Tùng được ngăn cách với thế giới bên ngoài bằng lớp kính. Ngồi trong Tùng ta có thể thấy cảnh sinh hoạt, người qua lại trên khu Hòa Bình hay ngắm các cô nữ sinh áo len xanh Bùi Thị Xuân vào những giờ tan trường. Vào những đêm sương lạnh xuống nhiều, Tùng là cái lò sưởi ấm nhưng đối với tôi, sẽ thú vị hơn khi ngồi trên balcon (chỉ có một bàn duy nhất) để nhìn xuống đường trong cái giá lạnh về đêm của thành phố sương mù.

Chiếm khoảng lớn trên bức tường chú Tùng treo họa phẩm Người đàn ghi-ta của Vị Ý. Bức tranh có màu tối sẫm, người đàn guitar một mình một bóng vươn dài rồi gãy gục. Đầu người và đầu phím đàn chúc xuống bọc gỗ màu nâu khô.

Trên vách bên trái là bức Thiếu nữ xanh của Đinh Cường, màu xanh nhưng nhàn nhạt một lớp bụi thời gian. Ở gian trong là họa phẩm của Cù Nguyễn, Thiếu nữ mơ màng một hạnh phúc nào với chiếc bandeau màu hồng nhạt cột trên tóc... Hình như những bức tranh muốn nói dù khách có phiêu bạt bất cứ nơi đâu, khi trở lại Đà Lạt vẫn muôn đời là chốn cũ.

Nếu tình ý, khi bước vào Tùng có thể nhận ra ngay màu nâu chủ đạo của quán từ lớp simili bọc nệm ghế ngồi, những mảnh gỗ ốp trên tường cho đến những bức tranh trang trí, nước sơn tường đều đưa khách về màu nâu sẫm của cà phê rang chín."

NGUYỄN NGỌC CHÍNH viết tiếp về hình ảnh người xưa:

"Tại cà phê Tùng ngày nào, Trịnh Công Sơn đã gặp Khánh Ly, Từ Công Phụng và đám bạn của tôi trong ban nhạc trường Trần Hưng Đạo đã từng mài đũa quần trên ghế cà phê Tùng.

Thi sĩ Bùi Giáng cũng đã ngồi nơi đây. Có lẽ ông nhìn bầu trời

Đà Lạt âm u qua cửa kính cà phê Tùng để viết hai câu thơ lục bát phá cách trên miếng giấy bạc của bao thuốc lá:

Quán ngồi mỗi. Nắng chưa lên.
Chợt vui tràn. Thấy còn nguyên sơ đầu.”

Riêng NGUYỄN ĐẠT thời muốn “*Tim lại cà phê Đô-Mi-Nô Đà Lạt*” của những tháng ngày trước 1975:

“...cà phê Đô-mi-nô là nơi không thể thiếu trong đời sống hàng ngày của dân ghiền cà phê Đà Lạt. Khách lưu trú, khách vắng lai tới thành phố xứ hoa đào cũng không quên tìm tới cà phê Đô-mi-nô.

Cà phê Đô-mi-nô là tên gọi chung dãy quán cóc chạy dọc dài suốt phía trước mặt bến xe Đà Lạt đi Tùng Nghĩa, huyện Đức Trọng vì Đô-mi-nô là tên gọi quán đầu tiên của dãy quán cóc ấy. Khu vực này sát cạnh trung tâm thành phố là Khu Hòa Bình, và ở phía trên chợ Đà Lạt, lối có bậc cấp dẫn lên khoảng diện tích rộng rãi kề bên Khu Hòa Bình (...)

Cà phê Đô-mi-nô thuở trước là một dáng vẻ đặc thù phố núi se lạnh, thấy được sự thân mật đầm ấm và giản dị. Khách uống cà phê ngồi sát bên nhau trên những chiếc ghế gỗ dài, chuyện trò vui vẻ. Tùy theo ý thích, có lẽ chủ yếu do hợp với chủ quán, mà khách chọn quán này hay quán kia để uống cà phê, trong những quán cóc bày biện đều đặn và khá giống nhau; những quán diện tích nhỏ hẹp, mái lợp tựa vào tường sau của dãy nhà phố cửa mở ra Khu Hòa Bình.

Thuở đó tôi thường uống cà phê tại quán chị Năm Huệ, ở khoảng giữa của dãy quán cóc cà phê Đô-mi-nô. Khách ngồi uống cà phê thường xuyên ở quán chị Năm Huệ là những sinh viên có “máu văn nghệ”; có chàng làm thơ viết văn đã được chọn đăng báo văn nghệ ở Sài Gòn.

Phạm Công Thiện, thuở đó dạy Anh ngữ tại trường Việt Anh, một trường trung học tư thục của Đà Lạt; khi nào không đủ tiền uống cà phê ở quán cà phê Tùng, ông ngồi quán cóc của chị Năm Huệ.

Nhiều sinh viên trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, trường Chiến Tranh Chính Trị, vào ngày nghỉ mỗi cuối tuần, rất thích ngồi chen chúc uống cà phê ở quán cóc chị Năm Huệ. Các anh phải cất công thay bộ lễ phục của sinh viên sĩ quan, phục sức như mọi thường dân để ngồi quán cóc; vì quy định về quân phong quân cách của hai quân trường này không cho phép sinh viên sĩ quan ngồi quán bình dân.

Mỗi lần nhớ tới quán cóc chị Năm Huệ, tôi lại nao lòng trước hình ảnh Phạm Công Thiện hiện lên: ông đã ứa nước mắt vì không kịp đưa tiền cho cha mua vé xe đò về Sài Gòn. Tôi nhớ như in trong trí ngày hôm ấy: Phạm Công Thiện đang ngồi ở quán cóc cà phê chị Năm Huệ, thì thân phụ ông tìm ông để lấy tiền mua vé xe. Trong túi Phạm Công Thiện không có đủ số tiền, ông tất tả đi mượn. Chờ lâu quá Phạm Công Thiện chưa trở lại, cha ông tự đi mượn tiền ở đâu đó; lúc Phạm Công Thiện mượn được tiền, trở lại quán chị Năm Huệ thì không thấy cha đâu. Chuyện này, sau đó nhiều năm, Phạm Công Thiện đã kể lại trong quyển sách ông viết về Henry Miller.”

Theo bước chân rong rêu trong việc ẩm thực có lẽ phải nhắc tới những món ăn mà THIÊN HƯƠNG kể lại thật hào hứng. Dù xa quê hương nhưng vẫn nhớ “nước mắm chanh ớt”:

“Chén nước mắm pha ở Đà Lạt cũng có hương vị nổi bật nhờ cái vị chanh cốm và ớt hiểm của Đà Lạt rất thơm và rất đậm đà làm tăng thêm hương vị của các món ăn lên nhiều. Chanh cốm, loại chanh chắc chỉ có ở Đà Lạt. Vô xanh và dày, sần sùi hơn những quả lime bên Úc và Mỹ, không mềm mại và nhẵn như loại chanh giầy của miền Tây hay Sài Gòn. Lượng nước chanh không nhiều hơn, nhưng mùi thơm thì khỏi nói, cái hương chanh thơm lừng, cắt ra ngan ngát cả gian phòng hay còn làm mát lòng, mát cổ hơn khi đi đâu về, cầm ly đá chanh thơm dịu. Những cọng lá của cây chanh cốm thái thật mịn cũng làm tăng thêm mùi vị của những đĩa gà luộc vàng ngậy, thơm nức mà chỉ gà nuôi ở Việt Nam mới có.”... “Những trái ớt chỉ thiên thon nhọn, nhuộm màu nâu đen hoặc xanh hoặc đỏ được dầm nhỏ, chỉ bỏ vào một chút thôi cũng mang vị cay xé lưỡi.”

Rồi đến “tô mì Quảng” nghe tả thật hấp dẫn:

“...Cái vị su su cắt nhỏ ngọt lự, cái vị hành tím thiết tha, thêm những cọng rau cô ron thái nhỏ, trộn lẫn với bắp cải hột thái mỏng tang và lát phất những cọng húng cây, tíu tồ thơm nhức mũi, thêm chút giọt chanh cốm mới hái, vài lát ớt hiểm. Tô mì quảng Đà Lạt đủ để ăn một lần, nhớ hoài hoài.”... “Ngày xưa, ở cái chợ nhỏ gần nhà, còn gọi là Chợ Vườn Thông vì nằm trong khu vực rất nhiều thông, có bà Ba bán mì quảng. Nồi nước mì quảng be bé đồ au, gồm những miếng cà rốt, su su cắt vuông thật nhỏ, loáng thoáng chút tôm thịt. Một chút rau thái mịn như chỉ ở dưới, một vài cọng giá trụng, những sợi mì vàng óng còn nghi ngút hơi nước sôi phủ bên trên, tưới lên một chút xiú nước mì, xanh xanh chút su su, đồ đồ chút cà rốt, một chút tôm giã nhỏ, một vài miếng thịt ba rọi cắt

nhỏ tí ti, một chút nước mắm, một chút đậu phụng rang giã vụn, một chút ớt xào. Tất cả thành một tô mì tuyệt vời, mấy chục năm còn hoài trong ký ức.”

Rồi đến “ly sữa đậu nành” nghe tả mà thấy... ảm lòng:

“Còn một món mà ai lên Đà Lạt một lần, sẽ luôn nhớ mãi, đó là sữa đậu nành. Ly sữa đậu nành của Đà Lạt hơi đặc quánh chứ không lỏng lẻo như những ly sữa đậu ở nơi khác. Mùi lá dứa thơm phức lẫn vào mùi đậu nành tỏa theo hơi nóng làm ấm cả những buổi tối ẩm ướt hay buổi sáng mù sương. Bụng ly sữa nóng hổi trong tay, mùi thơm và hơi nóng phủ vào mặt, làm những hơi sương đọng lại long lanh trên mắt, trên môi, làm những nét nhăn trên mặt của người uống dần ra, trở nên thuần khiết bất ngờ.”

Nhà giáo NGUYỄN QUANG TUYẾN cũng sành ăn nên tả lại với thật nhiều chi tiết hấp dẫn trong bài “Nhớ Mì Quảng Đà Lạt”:

“Lạ thật, lắm người từng sống ở Đà Lạt, khi đi xa thì trong bao nỗi nhớ về Đà Lạt, có nỗi nhớ về mì Quảng Đà Lạt. Việc ăn uống lại chen chân vào khu vực tình cảm, nó cụ thể hóa lắm cảm xúc quá trừu tượng: “nhớ mì Quảng Đà Lạt”, có lẽ dễ tiếp cận và mau cảm thông với người khác hơn là nhớ sương mù băng lạnh!...

Vậy thì mì Quảng Đà Lạt ra sao mà người Đà Lạt nào đi xa phải nhớ ?

Dân Đà Lạt là dân tứ xứ, thành hình làng xóm, thành phố trong vòng hơn trăm năm trở lại đây. Dân Quảng đến đây lập nghiệp khá đông, thế là với tiêu chí là xâm nhập vào bản địa và xử dụng nguyên liệu địa phương, món mì Quảng đến Đà Lạt là lấy ngay rau cải, củ và tôm khô làm chủ đạo. Mì Quảng Đà Lạt từ trước 75, theo một bà cụ ở ấp Ánh Sáng, gồm các yếu tố cá biệt, không giống bất cứ nơi nào là:

- Nước lèo của tô mì được nấu bằng củ quả gồm: củ sắn, su su, cà rốt, củ cải trắng, củ hành tây cắt hạt lựu nấu nhừ, tạo vị ngọt thiên nhiên. Tôm khô ngâm và giã tơi ra tạo hành, cà chua... nấu chung với nước lèo (có nơi nấu nước dùng xương heo) có thể dùng sườn heo non rán vừa trong dầu hạt điều bỏ vào nấu chung với nước lèo. Tô mì Quảng Đà Lạt chan nhiều nước lèo để ăn kèm được nhiều rau ghém tươi.

- Dĩa rau ghém tươi xanh, trộn ít bắp chuối, rau thơm. Rồi bánh tráng nướng, rồi đậu phụng rang thơm, rồi ớt xanh...

- Bánh tráng nướng đã bẻ sẵn, nước lèo màu củ quả với tôm khô tán nhuyễn tạo mỡ hành, một miếng sườn heo non... thêm một chút lạnh lạnh bên ngoài trời, một chút ẩm ướt bởi gió quạt từng làn mưa bụi, thêm một chút ẩm ẩm tỏa ra từ nồi nước

lèo, một chút cay xuyết xoa của quả ớt xanh, và rau tươi roi rói người ăn cứ thỏa thuê thêm vào, thêm vào, nước lèo sền sệt ngọt lịm rau củ.

Ồi chao, thơm thịt thà, thơm rau củ, thơm cả gió lạnh và mây trời... Trời ơi chung quanh ta chỉ là những âm xoàn xoạt, xoàn xoạt, thi thoảng tiếng rôm rốp khe khẽ của bánh tráng nướng... mê mẩn không nguôi! Đấy, mì Quảng Đà Lạt đấy, bản hợp tấu hoàn hảo, thế bảo làm sao không ngất đi vì nhớ!

Ngày xưa ấy, cái thời trước 75, Đà Lạt có mì Quảng áp Ánh Sáng, mì quảng đường Hoàng-Diệu, ở con hẻm nơi cây mít trước trường Văn-Học, mì Quảng Thủy-Tiên cạnh trường Đoàn-thị-Điểm, mì Quảng Thanh-Bình ở con hẻm bên cạnh cây xăng rạp xi-nê Ngọc -Hiệp.

Nhớ xưa, để đến ăn mì Quảng áp Ánh Sáng, ta từ bến xe gần cầu Ông Đạo, đi qua quán phở Bắc của ông Hạp, tô phở ứ hự bốc khói, luôn có đĩa hành tím và đu đủ ngâm chua, thịt nạm ông xắt lát không chịu mỏng mà dày, luôn đe dọa và cám dỗ thị giác, và tẩy bóng mỡ lên: "làm một tô phở là lòng dạ bốc khói". Ăn mì Quảng Ánh Sáng thì ghé đầu, ngồi quanh, bà chủ quán ngồi trên sạp, bên trái thúng rau ghém, bên phải nồi nước lèo bốc khói, thơm lừng. Khi bà nhẹ nhàng, thuần thực gắp, múc, xúc, chan... ta nhìn như có bà tiên già đang làm phép ban cho cái ân huệ là cho ta xì xà, xì xụp, thú vô song!

Tô mì Quảng ngày ấy ngon ngọt mà giản đơn, ngon nhờ rau và nước lèo. Cùng nhau lúp xúp ngồi quanh một nồi nước lèo nghi ngút khói thơm hương rau củ, thân thương và đầm ấm quá..."

Còn PHAM MAI HU'ONG thì lại mê mẩn với món "Bắp nướng quẹt hành Đà Lạt":

"Ở Đà Lạt tại đầu đường Trần Nhật Duật giáp ranh với đường Hoàng Diệu có một ngôi chợ xỏm. Chợ nằm hai bên lề đường kéo dài hơn chục mét và chỉ họp vào buổi chiều nên có tên "Chợ Chiều."

Người ta bày thịt cá, rau dưa, trái cây... trên chiếc sạp cố định, tiếng là sạp cho oai nhưng chỉ là vài miếng ván ghép lại, bốn thân cây cong queo chống đỡ một miếng tôn rách. Đa phần là người quẩy gánh từ nơi khác đến bán rong. Người buôn kẻ bán ngồi chồm hổm quanh cái mẹt hay quang gánh. Đôi khi có người chết tên cùng loại mặt hàng mình bán như chị Cầu bán lòng, bà Năm trái cây....

Vào mùa thu hoạch bắp, em thích nhất quán hàng của chị Chín rang vàng. Chị Chín người Quảng Nam trên dưới bốn chục tuổi.

Khi cười, chị để lộ một hàm răng bằng vàng choé, có lẽ chị nghĩ chẳng chỗ nào giấu tài sản chắc ăn bằng để trong miệng mình.

Nói là quán hàng cho sang chứ thực ra chỉ có vài cục than hồng đặt trong một cái thau bằng nhôm móp méo, cũ xi. Phía trên thau có tám vỉ sắt và một chiếc giỏ cà xé đựng đầy bắp tươi để sau lưng. Đặc biệt nhất là một nồi hành tươi phi với mỡ trông bắt mắt.

Chị Chín lật vỏ nhanh thoăn thoắt, tuốt sạch râu, đặt bắp lên vỉ sắt nướng. Lửa không quá to để bắp không cháy đen bên ngoài mà trong chưa chín. Chị trở đều trái bắp từ trái sang phải, trên xuống dưới. Mùi bắp thơm cùng lúc các hạt bắp vàng. Công đoạn cuối cùng, chị lấy muống múc hành phi mỡ rưới lên trái bắp rồi giao cho khách.

Bắp đầu mùa ngọt, thêm cái béo của mỡ, cộng cái thơm của hành phi làm tăng khẩu vị của người ăn, nhất là vào những ngày trời giá lạnh, nhai nha nhai từng hạt bắp một mới thấy hết được cái ngon.

Các anh chị của em rất khoái món bắp nướng quẹt hành này.”

Còn nhà thơ QUÁCH TẤN sau một chuyến cùng HÀN MẠC TỬ đi thăm thác Cam Ly trở về đã chỉ kể lại một kỷ niệm khi cả hai người rủ nhau ghé lên khách sạn Palace:

“Về đến nhà, trời còn sớm, Tử rủ đi đến nhà hàng Palace để đứng ngắm cảnh hồ. Lúc ấy hồng mai ở hai bên đường Yersin nở thạnh. Mùi tỏa mờ mờ. Những cô đầm son trẻ, nơi đây một vài cô choàng tay nhau đi lững thững trên đường, nơi kia năm ba cô nằm ngựa nghiêng trên đôi cò. Tử và tôi đều tưởng rằng mình là Lưu, Nguyễn đang lạc bước vào Thiên Thai. Tử nhìn tôi cười:

- Sao họ không đến rước mình vào động?

Tôi cười đáp lại:

- Chắc còn đợi lệnh của động chủ truyền ra.

Chợt nghe tiếng chó sủa trong một biệt thự. Tử nói:

- Nếu có tiếng gà và bóng trắng nữa thì chúng ta hoàn toàn sống trong cảnh Thiên Thai của Tào Đường:

“Văng vẳng kê minh nham hạ nguyệt

Thời thời khuyến phệ động trung xuân.”

Tiếng chó nghe mỗi lúc mỗi gấp. Tôi cười ngâm:

“Nguyệt đắc hoa gian hữu nhân xuất

Miền linh tiên khuyến phệ Lưu Lang.”

Vừa dứt lời thì con berger to tướng nhảy xổ ra, nhưng vì bị hàng rào ngăn lại, tức mình nhảy dựng lên song sắt, sủa inh ỏi.

Tử có ý sợ chạy lại nắm chặt tay tôi và nói:

- Chó nơi động Thiên Thai chắc không hung tợn như thế!
 Rồi Tử cười nói tiếp:
 - Nghĩ cũng tức cười! Hai anh chàng Lưu, Nguyễn đã vào được
 cõi tiên mà còn trở về trần thế! Thật là dại!
 - Xe trước đã lật đổ rồi, thế mà chàng Tử Thức nhà ta vẫn còn
 dẫm vào dấu một lần nữa!
 - Chuyện này nếu hai anh em mình có gặp thần tiên chớ đòi về
 nhé.
 - Anh thì được, chớ tôi e nhớ vợ con không chịu nổi.
 Tử cười lớn:
 - Thế thì những anh đã có vợ con rồi không nên mơ tiên là phải
 chịu cảnh khổ tâm của Lưu, Nguyễn và Tử Thức.
 - Có vợ có con rồi thì ma cũng chẳng thèm ngó nữa là tiên.
 Lên đến Palace, tôi đưa Tử đi dạo xem các giống hoa hường
 ngoại quốc. Hương thơm, sắc đẹp, ai nấy đều ham mê. Nhưng Tử
 không lấy làm thích, chỉ xem qua loa, rồi dắt tôi đến ngồi nơi chiếc
 ghế đá trông xuống hồ.”

Riêng nhà thơ TRU VŨ trong khi nhàn tản trong thành phố
 sương mù của thời xa xưa chỉ ghi nhận lại một hình ảnh thân
 thương của người dân thiếu số trong bài thơ “Người Thượng”:

“Một người thượng cần cối
 Như cây già trên núi
 Một sớm lần về kinh
 Trên vai mang buồng chuối

Nặng reo trên buồng chuối
 Lưng đen không mặt trời
 Người thượng lần về kinh
 Áo và hôn rách rưới

Buồng chuối nằm giữa chợ
 Buồng chuối rùng khò queo
 Người thượng ngồi giữa chợ
 Người thượng già đói meo

Suốt ngày không ai mua
 Buồng chuối nằm lẫn lóc
 Lối núi sương mịt mờ
 Người thượng ôm mặt khóc.”

Bức tranh thủy mặc

Đà Lạt có khí hậu và phong cảnh giống như bên châu Âu. Những căn nhà, những biệt thự từ xưa hầu như đều được xây dựng theo kiến trúc Pháp với mái ngói đỏ, trong nhà có lò sưởi, trên nóc có ống khói. Thế nhưng những ngôi biệt thự ở Đà Lạt không có cái nào giống nhau cả. Vì thế thành phố mới đẹp! Nhưng còn hơn thế nữa, nhà ở Đà Lạt được xây dựng trên những sườn đồi với vị trí cao thấp khác nhau, những căn biệt thự nằm rải rác, cái cao, cái thấp, cái lớn, cái nhỏ đã hình thành một bức tranh ngoạn mục vừa sinh động, vừa độc đáo.

Nhà thơ QUÁCH TẤN khoảng trước năm 1940 đã đặt bút viết những vần thơ tả “*Phong cảnh Dalat*”:

*“Thị thành pha lẫn thú lâm tuyền,
Dấu chẳng bông lai thể cũng tiên.
Hoa cỏ vẽ vờ tranh thủy mặc,
Lâu đài tô điểm cảnh thiên nhiên.
Ngày vui non gió thơ đầy túi,
Đêm thưởng hồ trăng rượu nặng thuyền.
Qua lại bốn mùa xuân cả bốn,
Người đây cảnh ấy hẳn nhân duyên.”*

KHÁNH GIANG, đóng vai một du khách đến Đà Lạt vào năm 1959 đã ghi lại một số nhận xét của mình:

“Thành phố hình tròn nằm nghiêng cả về phía Tây hồ Lớn (hồ Xuân Hương). Đường sá phân nhiều đồ dốc ngoằn ngoèo, hai bên các biệt thự nằm rời rạc, im lìm, khuất tận trong xa. Vào những buổi chiều gió lạnh, bạn tha thẩn trên đường, sẽ có cảm tưởng rằng mình đang ở giữa một thành phố ma. Đà Lạt chỉ hợp với những tâm hồn nghệ sĩ. Bạn tìm vẻ của muôn ngàn mây nước, cỏ hoa, ý nhạc trong tiếng vi vu của gió ngàn, tiếng rợn rợn của thác đổ, bài thơ trong vẻ thi vị của núi rừng bao la, hay vẻ vắng lặng trầm ngâm của cảnh vật. Bạn có nhiều dịp để mặc cho tâm hồn rung cảm triền miên...”

... Đà Lạt hoạt động hơn về phía chợ, con tim của thành phố, nằm trên ngọn đồi cao, ngôi chợ là nơi tổng hợp một số cư dân từ bốn phương đổ về: các nhà trồng rau cải ngoại thành, các nhà lái buôn từ những vùng xa đem hàng đến, cả những người Thượng từ núi rừng đem thổ cẩm ra bán. Hai bên chợ san sát phố buôn

bán của Hoa kiều, Pháp, Việt. Cạnh đấy một vùng đất thấp hơn ngôi chợ mới đồ sộ đang được hoàn thành. Chợ cất hai tầng, mặt tiền hình vòng cung hướng ra hồ Lớn. Người ta trừ định ngân khoản xây cất lên đến 30 triệu đồng. Nếu việc tiến triển đều hòa thì năm 1960 dân Đà thành sẽ ăn tết với một ngôi chợ mới. Lúc này chợ cũ sẽ được dùng làm hí viện"... "Ồ ào nhất là những dịp lễ, du khách từ bốn phương đổ đến mang một không khí náo nức nhộn nhịp cho Đà Lạt, hai bên phố các tà áo màu rực rỡ khoe tươi, như ganh đua với mấy nụ hoa tươi bán trên vỉa hè..."

Nhà thơ TRÚC TIẾN ghi lại cảm tưởng của mình khi ghé thăm Đà Lạt vào năm 1962:

"Tới thành phố Đà Lạt, lâu đài trang nhã ẩn hiện, những biệt thự cổ kính trang nghiêm sừng sững giữa trái núi bao quanh, nơi nơi đầy cả kỳ hoa dị thảo, thật là non Bồng lẫn với nhân gian. Bóng đã chiều, nền trời đục mây tím, màn sương mỏng xa mờ, không gió mà mát dịu, cảnh thanh tao có vẻ âm đạm u buồn, giục lòng du khách băng khuâng, không biết nhớ thương ai mà ngỡ ngác, cũng không biết mình đang sống ở nơi nào đây! Một cảm khái thể nhiên khó tả."

Lần lượt đi qua những nơi mà ai cũng ca tụng nữ sĩ viết lại đôi dòng thơ. Suối Cam Ly, không đẹp lắm nhưng buồn:

"Suối reo như tiếng thở dài
Sầu ai dòng lệ lãng lai không ngừng!"

Hồ Than Thở, tên đã buồn, cảnh lại đẹp quá càng buồn:

"Hồ thủy như hà trường thán tức
Phong sương thiên tải vị tiêu sầu"
"Bóng ai lỗi hẹn hồ Than Thở
Dưới bóng tà huy nước ghen ngào!"

Mặt nước lặng như tờ, hàng cây soi bóng, lớp hoàng hôn phủ xuống, gió chiều thổi lạnh buốt cả tâm hồn. Bức tranh thủy mặc thiên thanh đầy thơ mộng, khiến cho du khách bàng hoàng giữa không gian u tịch, không muốn trở về.

Sáng hôm sau là ngày 10 tháng 6, đi Suối Vàng. Đường vào Suối Vàng đặc biệt đẹp, đường quanh queo khó đi. Du khách tưởng tượng như theo lối đi tới huỳnh tuyến và có cái cảm giác lạ kỳ, tưởng chừng như đi tới đó sẽ gặp người mà ta mong nhớ từ lâu. Tới đây chúng tôi xuống xe, đi bộ để dạo quanh đồi để lịch

quan phong cảnh của thiên nhiên. Rừng này tên gọi Tùng Lâm, nhưng chỉ rải rác đôi khóm cây trên chót núi bơ phờ, vẻ đượm buồn như người sương phụ cô đơn... Lúc này vào khoảng mười giờ sáng, mưa phùn rắc bụi, êm dịu như buổi chiều thu. Bên chân trời lại hiện lên một áng mây hồng rất đẹp...

Mang danh là Suối Vàng nên du khách đã lầm tưởng tới đó chắc gặp được người xưa, thì ra thất vọng, vẫn là nhân gian trần thế. (Tìm đâu cho thấy cổ nhân!). Gần đây chỉ có một túp lều tranh xiêu vẹo ven chân núi, có hai mẹ con ở đó bán hàng hoa sơ sài ít ỏi, cảnh sinh nhai đạm bạc thật đáng thương! Từ giả nơi u tịch ra về, du khách mang theo một mối buồn man mác."

Nữ sĩ cảm tác, viết xuống ít vần thơ:

"Đà Lạt đi chơi khắp cảnh xinh
Núi đèo chông chất cỏ hoa tình,
Những màn sương bụi rơi xa tít
Mấy lớp thông già đứng lặng thinh.
Tiếng thác Cam Ly sâu bát ngát
Mặt hồ Than Thở lệ lung linh.
Suối Vàng ngỡ tới tìm thăm bạn
Ngảnh lại trần gian chỉ thấy mình."

Sau đó nữ sĩ lại sáng tác tiếp một bài thơ tả cảnh Đà Lạt bằng chữ Hán và được chính nữ sĩ dịch ra như sau:

"Lầu các nguy nga giữa núi rừng
Hoa thơm cỏ lạ đẹp màu xuân.
Gió qua trúc chuyển chim kêu rộn
Mây thấp thông reo vượn hú rân.
Đá rui ngồi trơ nhìn mấy kỷ,
Suối buồn đổ lệ đã bao lần!
Trái xem Đà Lạt thần tiên cảnh
Muôn trượng trông vời khói cổ nhân."

Có dịp ngồi trên một ngọn đồi ngắm nhìn phong cảnh Đà Lạt nhạc sĩ LÊ UYÊN PHƯƠNG nhớ lại hình ảnh bức tranh này:

"... chúng tôi đang ngồi trên một ngọn đồi thấp gần ngôi trường tiểu học nằm giữa Thị Xã, trước mặt là con đường dốc dẫn xuống Hồ Xuân Hương, dọc theo hai bên đường những cây mai hồng nở rộ, trông như những khóm bông gòn màu hồng nhạt, lúc nào cũng tưởng chừng như sắp rời ra từng mảnh nhỏ dưới cơn gió chiều hiu

hiu của Đà Lạt. Mặt hồ phẳng lặng như mặt gương, xa xa ngọn tháp nhọn của Lycée Yersin nổi bật lên trên nền trời đầy những ráng vàng của buổi hoàng hôn... Cái tuyệt vời nhất của Đà Lạt là có thể nhìn cảnh vật chung quanh ta ở nhiều cao độ khác nhau. Những ngôi nhà, những con đường dọc theo sườn đồi, những con đường xuyên qua thung lũng, những con dốc. Đó là đặc điểm thú vị nhất của Đà Lạt.

Trên sườn của một ngọn đồi giữa đường Hàm Nghi - đường nhà tôi ở - mọc lên một ngôi nhà thờ Tin Lành, ngôi nhà thờ ở một vị trí cao tuyệt đẹp, từ đó ta có thể nhìn thấy những căn nhà nằm san sát dưới thung lũng trên con đường Phan Đình Phùng, phía xa hơn là những căn nhà nằm dọc theo sườn đồi của đường Hai Bà Trưng, xa hơn nữa, ở chỗ cao nhất là nhà tu của các Soeur áo trắng - Domaine De Marie - và cách một thung lũng xa bên phía tay trái của Domaine De Marie là nghĩa trang thành phố."

Nhà thơ PHAN THÁI, người sống lâu năm tại thành phố Đà Lạt thời luôn cảm thấy thân tâm an lạc, coi cảnh Đà Lạt như một bức tranh tuyệt đẹp và tả bằng những vần thơ nhẹ nhàng thanh thoát:



*“Bức tranh thủy mặc vốn lưng danh
Phổ thị lưng trời ẩn núi xanh
Nắng sớm đôi cao sương ướp mộng
Trắng khuya lũng thấp gió ru tình
Hoa tươi điểm thắm màu thông biếc
Thác bạc hòa vui tiếng suối thanh
Hồ cũ sóng vang lòng lữ khách
Hằng đêm vỗ giấc mộng an lành.”*

Nhà văn, nhà thơ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG (Virginia) khi ghé thăm Đà Lạt lần đầu lại có những nhận xét rất lãng mạn nên nảy ra tứ thơ và đặt bút viết xuống những cảm nghĩ riêng tư:

“Đà Lạt vào mùa hè dịu mát, sáng chiều một chút lạnh ngọt ngào, chỉ cần khoác thêm cái áo len là đủ ấm. Mùi phân hóa học pha lẫn mùi gỗ thông đốt lò sưởi tạo thành một hương nhớ rất đặc biệt Đà Lạt. Mấy cô gái Sài Gòn mới lên vùng cao nguyên vài hôm đã có má đỏ hây hây. Nàng thơ trong tôi tâm sự:

*“Mưa rừng, khói núi, anh buồn không,
Có nhớ người em má vẫn hồng?
Dan díu môi chưa hôn nụ nhỏ,
Tóc còn xanh biếc mãi chờ trông.”
(Mãi chờ trông, Tình Thơ học trò, 1957)*

Đồi dốc thông xanh khắp ngã đường. Thung lũng rau tươi khắp mọi nẻo. Đồi chân miên man đi như không chạm đất. Tâm hồn lãng đãng theo mây. Đây là lần đầu tiên đi chơi Đà Lạt, chúng tôi sững sờ trước những biệt thự xinh đẹp với hoa tầm xuân, hoa ớt leo quán quít. Chúng tôi ngẩn ngơ mê mãi ngắm hoa hồng, hoa cúc, thực được đua nhau khoe màu sắc trong mọi vườn. Thời tiết ấm áp như mùa xuân Hà Nội một thuở trẻ thơ, vô tư, chưa biết buồn và chưa trông ngóng một hình bóng xa xôi nào.

Chợ Hoà Bình sầm uất ba tầng lầu. Mơ, mạn, đào và trăm thứ trái cây khác bày cao ngất. Vòng đồng, xuyên bạc, vải áo thượng, mít khoai trong dẻo của Đà Lạt được xếp đầy một va-li. Hoa bát diệp đủ màu, hoa mimosa vàng lá bạc, mùi hắc đến nhức đầu cũng đem về đầy giỏ tặng người Sài Gòn. Từ chợ Đà Lạt xuống mấy chục thang sâu đi sang Hồ Xuân Hương êm đềm, thơ mộng, thông dong vài du thuyền nhàn hạ. Suối vàng êm đềm, bình lặng. Thác Prenn, Camly, Pongour hùng vĩ, dăm ba con nai vàng ngơ ngác bờ rừng. Ngọn Lang Bian xanh biếc như cồn ngực thiếu nữ thêm thiếp mơ màng, mây lụa vờn bay...”

còn đi ô tô trong thành phố du khách có cảm giác như đi dạo trong công viên vì đường phố quanh co, vòng lên lộn xuống. Từ hồ Xuân Hương có thể coi là đáy thung lũng chạy dài vào trung tâm thành phố, các đường phố, các dãy nhà, các tòa biệt thự cứ xa dần, cao dần, càng xa càng cao. Du khách muốn chuyển đường nhanh từ dãy phố nọ sang dãy phố kia ở tầng cao chỉ có cách đi bộ và leo những bậc thang xây bằng đá, leo những con dốc. Những con dốc, những khúc quanh đón gót thi nhân lên xuống biết bao lần, quá thân thuộc, khiến nhà thơ CAM LĨNH (Thái Em) khó quên mà phải đặt bút viết bài “Ai lên Hoàng Diệu”:

*“Ai lên Hoàng Diệu nhấn nhe cùng
Đường ấy và ta quá mặn nồng
Đã lấm đi về trong nắng hạ
Lại nhiều lặn lội giữa mưa đông
Những con dốc ngược đều quen bước
Mấy khúc quanh co vẫn thuộc lòng
Xa vắng lâu rồi không ghé tới
Nhớ người, nhớ cảnh, nhớ tình chung.”*

Những con dốc thơ mộng từng đưa đón bước chân những kẻ yêu nhau quấn quít trong men tình nồng ấm giữa trời giá lạnh. Dốc đưa lên khu chợ Hòa Bình tại trung tâm thành phố, dốc đưa lên qua Đồi Cù dẫn tới Viện Đại Học Đà Lạt, dốc đưa lên rạp chiếu bóng Ngọc Lan và biết bao con dốc không tên khác... Một trong những con dốc bất ngờ được nhiều người nhắc tới là con dốc “Nhà Làng” đưa người đi tắt từ khu Hòa Bình xuống phía khách sạn Cẩm Đô đường Phan Đình Phùng. Nơi đây đã hội tụ một số người yêu văn thơ tự xưng là nhóm Trà Sơn, ngay nơi quán “Ngọc Trâm”, một quán nhỏ cất ven đường dốc bên vườn hoa lan thơm ngát vị Thiền. Cảnh vườn hoa là hiên “Duyệt Ứng” chất chứa bao sách vở văn chương, thi phú.

Hãy nghe nhà thơ VIỆT TRANG giới thiệu đôi nét về chốn này:
*“Giờ đây, Dalat cùng ta vui chân xuôi về một con đường quê
huyền sử, nép bình yên bên lòng thành phố. Con đường thoai
thoải đi lên, nghiêng nghiêng chảy xuống, có đá ngủ triệu năm, có
hoa Trạng Nguyên hồng lên chào đón. Con đường còn mang tên
một danh nhân ái quốc Việt Nam - Nguyễn Biểu - dài sâu hun hút,
chưa tròn trăm thước rộng vừa sải tay người mà thế nhân lại chưa
đi trọn cuộc đời đạo hạnh. Con đường còn mang tên Dốc Nhà
Làng, không vương gió bụi, không có ngựa xe qua mà bỗng bênh
sương khói. Con đường đưa dân ta vào huyền thoại, ngược lên*

4.000 năm lịch sử vinh quang để bắt gặp hình dáng quê hương nguyên thủy. Mai chiều, bốn mùa qua lại, thân thuộc với đường xưa, ta bồi hồi, hơn một lần gọi gắm ít nhiều tâm sự.”

Thư sinh LAN HINH (Nguyễn Ngọc Dĩnh), chủ nhân quán “Ngọc Trâm” và hiên “Duyệt Ưng”, với tâm hồn lãng mạn, với tình cảm tha thiết, khó quên những buổi họp mặt của mình cùng các thi hữu vong niên lai rai bên chén rượu đưa cay gợi hứng nên cũng hạ bút viết bài thơ “Đốc Nhà Làng”:

“Cái tên gần gũi - Đốc Nhà Làng
Nói tiếp xưa nay những bậc thang
Ngõ sâu âm thấp đong dậu bể
Thành dựng rêu phong dải nắng sương
Nhịp đời chồng chất trong bình dị
Mạch sống khơi trào giữa luyến thương
Trăm hướng nằm trong lòng phố nhỏ
Rộn ràng nhịp gót gỗ trên đường.”

Thi hữu cao niên CAM LĨNH cũng nhiều dịp tản bộ lên xuống những bậc đá của con dốc, đi ngang qua quán “Ngọc Trâm”, ghé vườn hoa lan và hiên thơ “Duyệt Ưng” nên cũng cảm hứng viết bài thơ mang tên “Đốc Nhà Làng” để gửi gắm ít nhiều tâm sự:

“Mỗi bước cho hay mỗi ý dè
Thị thành mà cũng có đường quê
Sáng chiều không ngớt người qua lại
Hôm sớm nào in dấu ngựa xe.
Nắng khó hong khô lòng sỏi đá
Mưa nào ngập được lối đi về
Từ lâu chân chửa mòn con dốc
Tiện ngõ ngang qua ghé bạn bè.”

Thư sinh LAN HINH lòng luôn tràn thi hứng bèn xin phép “họa vận” bài thơ theo cung cách xướng họa của Đường thi (1989):

“Lối đá đường quanh há dặt dè
Nhà Làng thân thiết ủ lòng quê
Kìa nơi ngun ngút hồn lau cỏ
Đâu cảnh xô bồ bóng ngựa xe
Ngõ cũ chứa chan niềm hẹn ước
Tình xưa ấm ấp lối đi về

*Dốc ơi! Xin gửi lời đa tạ
Đưa đón giùm ta những bạn bè.”*

Nhà thơ TÂM MINH ghé thăm vườn hoa lan, cùng chủ quán gặt gù nhấp chén “mai quế lộ”. Hơi men nồng nàn. Thi hứng tuôn trào. Thăm nghĩ trước khi phải rời xa Đà Lạt quá đổi thân thương này và phải rời xa quê hương yêu dấu để dần bước vào con đường viễn du biển sóng chấp chùng vô định có lẽ phải viết “tặng lại ít vần thơ” chứ! Giấy bút sẵn đó. Bài thơ làm để tặng quán. Bài thơ cuối cùng làm tại Đà Lạt. Mà nghe sao như những lời ngậm ngùi nhỏ lệ từ biệt thành phố cao nguyên yêu dấu! Bài thơ mang tên “*Dùng chân quán nhỏ*” (1-1988):

*“Ngọc Trâm quán nhỏ xinh xinh
Cỏ cây hoa lá điểm tình điểm trang
Ẩn mình bên dốc Nhà Làng
Lặng nhìn nhân thế rộn ràng ngược xuôi
Dòng đời trôi nổi buồn vui
Đá mòn in dấu đầy vơi nỗi niềm
Sang mùa mưa nắng vương thêm
Lao xao gió thổi, êm đềm sương bay.
Lãng du ghé quán một ngày
Khách thơ lưu tặng tỉnh say đôi vần
Rời mai tiếp bước chân trần
Đường đời vạn nẻo trắng ngần bóng mây
Cười pha lê vỡ phút giây
Tình thơ bằng bạc, hao gầy nhớ nhung.”*

Nhưng rồi cũng đến một ngày thơ sinh chủ nhân phải rời con dốc “Nhà Làng”, rời xa Đà Lạt. Một khách thơ cao niên ghé quán, cảnh cũ còn đây, nào thấy người xưa, ngậm ngùi viết tặng lại ít vần thơ bằng chữ Hán. Nhà thơ TRẦN VĂN LỆ cảm khái phỏng dịch thành bài thơ mang tên “*Cảm xúc khi đi qua dốc Nhà Làng*”:

*“Chiều xuống. Hoàng hôn. Ngang Duyệt Ứng
Hiên xưa, chủ cũ, những năm nào...
Ai thăm từng để niềm vui lại
Ta ghé bây giờ thương nhớ sao!
Lá rụng đầy sân che hết đất
Then cài kín cửa nắng đi đâu?
Trước thêm, vẫn đó: hòn Non Bộ
Rời rạc mây trời, thấy muốn đau!”*

Hình ảnh bức tranh thủy mặc của thành phố sương mù cũng phẳng phất trên những dòng “hồi ký” của nhà văn TÚY HỒNG ghi lại cuộc hò hẹn tình cảm của mình nhân khi lên Đà Lạt chấm thi:

Tối hôm trước: “Chúng tôi đi đêm dưới trăng mờ Dalat. Vườn nhà ai, những búp hoa Quỳnh màu bạch ngọc đã uốn cong cánh từ chiều muộn để sẽ nở bung cánh ra khi màn đêm dần xuống. Mỗi bước đi của chúng tôi là mỗi nhịp đời nhẹ êm, mỗi hé nở âm thầm của quỳnh hoa, mỗi hơi thở dài sâu của cảm lặng tình cảm. Bóng tối chụp lên cảnh vật, nhưng ánh trăng cũng sáng soi chiếu xuống vòm cây cành lá. Đêm nhẹ êm, thế giới về khuya tĩnh lặng, hương quỳnh-tương thơm dịu trôi mây. Trong thời gian và không gian này, quỳnh hoa sẽ bung nở với trăng, với khoảng không bao la và với bóng tối lan tràn để khi đêm hết, quỳnh hoa sẽ tàn vì mặt trời chói sáng, quỳnh hoa sẽ chết đúng vào ngày mai với ánh thái dương nóng cay...”

Sáng hôm sau: “Dalat hôm ấy thật đẹp. Sau mấy ngày âm u, hôm nay nắng hồi sinh. Trời bao la nắng hanh vàng, tôi hôn nắng, tôi hôn ánh sáng... Lên tới đỉnh cao trên lưng đồi thông, chúng tôi yên lặng ngồi xuống. Chiều tắt nắng. Thời tiết lười biếng. Gió thổi từng hơi dài mát dịu. Trời đất hòa đồng với ngàn hoa muôn lá. Trời trên cao và đồi thông Dalat dưới thấp hiểu lòng nhau, xích lại gần nhau hơn. Hoa lilac màu tím biếc bông cà. Hoa đưng-quên-em màu hồng sẫm. Tình yêu đột xuất trong xác thịt tôi...”



1970

Bóng chiếc xe lam

Đạo quanh Đà Lạt không ai có thể quên một hình ảnh rất thân thương, đó là chiếc xe lam ba bánh chuyên chở khách chạy ngược xuôi trong thành phố. Du khách ngồi chen lẫn với các bạn hàng và thả tầm mắt ngắm nhìn phong cảnh bên đường. Mỗi người một tâm sự. Riêng hình ảnh tại bến xe lam ngay ngã tư Ấp Cô Giang, xé trường tiểu học Phan Chu Trinh, gợi lên nỗi nhớ nhung của xa lìa chia cách. Nhà thơ NAM GIAO cảm tác viết bài thơ “Chiếc xe lam” và đề tặng Tâm Minh, người hàng xóm:

“Chiếc xe lam có chi là lạ (!)

Đối với tôi - nó là tất cả:

vui-buồn; sướng-khổ; đắng cay

nó là tình chờ chất men say

Chiếc xe lam nhỏ nhỏ

khách đi xe nhìn nhau bỡ ngỡ

tâm tư riêng - chung một chuyến đi

Chiếc xe lam

là một khối không gian

là trung tâm xã hội

bình minh chờ nắng đi

hoàng hôn chờ về bóng tối

Chiếc xe chờ em

và chờ anh

chờ nụ cười và nước mắt long lanh.

Hỏi tưởng lại:

một chiều năm ngoái

anh tiễn em trong nắng nhạt chiều vàng

rời lặng lẽ nhìn cô cúi bóng xe lam

xe xuôi dốc đưa em về phố nhỏ

rời biệt em đi từ dạo đó

bến Ngã Tư mòn mỏi ngắm trông...

xe đến - niềm vui

xe đi - nỗi nhớ

Tình yêu là muôn thuở rất nồng nàn

đồng nghĩa với khổ đau

Ôi! chuyến xe chiều đưa em về đâu?

Xe về bến cũ trong đêm

Đường khuya một bóng nhẹ tênh không người.”

Tiếng xe thồ m^o

Ở Đà Lạt những chiếc xe ngựa đã có từ lâu đời khi mà Đà Lạt còn chưa được phát triển và những con đường dốc chạy quanh co trong thành phố còn đầy sỏi đá và hoang sơ. Người dân đi lại khó khăn nên ngựa cũng đã giúp người dân di chuyển hoặc gánh vác, chuyên chở hàng hóa giúp con người từ nơi này tới nơi khác, nhất là từ ngoại ô thành phố vào trung tâm chợ để buôn bán. Chiếc xe ngựa đã gắn bó với người Đà Lạt như một phương tiện lao động không thể thiếu và trở thành nét độc đáo của thành phố. Một thành phố núi, đồi dốc uốn lượn lên xuống muôn vẻ, dĩ nhiên giao thông ở thành phố này phải mang một linh hồn riêng. Với Đà Lạt, xe ngựa không đơn giản là phương tiện đi lại mà còn là “văn hóa”, là một phần linh hồn của thành phố cao nguyên.

Dưới mắt nhiều du khách đã từng ghé thăm Đà Lạt, một trong những nét đặc trưng ở thành phố núi này là những chiếc xe thồ m^o chở khách theo nhịp vó câu lóc cóc qua những con đường đầy thông thơ mộng.

Có người cho rằng “xe ngựa tham gia giao thông sẽ rải phân ngựa ra đường phố và gây trở ngại giao thông”. Thực tế các chủ xe ngựa hoàn toàn có thể không để phân ngựa rải xuống đường với kinh nghiệm của họ là luôn treo một cái giỏ nhỏ sau đuôi ngựa để hứng phân. Để không làm hư mặt đường xe ngựa bắt buộc phải dùng bánh xe hơi. Xe có hai hàng ghế nhỏ hai bên để khách ngồi, quang gánh treo hai bên hông hoặc để trên mui.

Âm thanh những chuyến xe thồ m^o gập ghềnh gõ nhịp vẫn còn vang vọng mãi trong lòng người. Đà Lạt chắc sẽ giữ mãi những chiếc xe ngựa cổ kính với tiếng vó ngựa gõ nhịp trên mặt đường vắng, du khách như đang sống trong thế giới cổ xưa. Ngồi xe ngựa ở Đà Lạt không bị che kín mui như xứ lạnh khác, nên du khách cảm nhận được hết cái thú vị được phóng rộng tầm mắt ngắm nhìn phong cảnh bốn bề.

LẠI VĂN LONG ghi lại hình ảnh xe thồ m^o trong bài “Đà Lạt, tuổi thơ không quên” :

“Thành phố Đà Lạt vừa lên đèn, những ngọn đèn tròn trong sương đục tỏa màu buồn buồn. Mưa lưa thưa, đường sũng nước vắng khách. Những chiếc xe ngựa lóc cộc chở rau vào chợ. Con ngựa thồ phi rừng mình hất nước. Ngựa Đà Lạt có lẽ xuất xứ nhập cảnh làm ngựa huấn luyện kỵ binh ở trường Võ bị thời Pháp nên

thường cao to đẹp mã.

Xe ngựa - nét đặc thù của du lịch Đà Lạt. Có lẽ cũng chưa ai xác định được ngựa có mặt trên cao nguyên Lâm Viên từ bao giờ. Khi người Pháp và người Kinh đến đây lập nghiệp, xây dựng thành phố thì buổi đầu ngựa, xe ngựa là thứ phương tiện không thể thiếu. Cho đến hôm nay khi trên đường phố đầy dẫy những loại phương tiện hiện đại thì những cỗ xe ngựa vẫn chưa lạc hậu, ngựa - xe ngựa đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng cho thành phố du lịch Đà Lạt... thế nhưng ngựa - nghề ngựa cũng có lắm thăng trầm."

Cưỡi ngựa trên cao nguyên Đà Lạt cũng là một trong những thú vui. Với khí hậu phù hợp và những đồi cỏ mượt mà, giống ngựa ở đây có điều kiện phát triển tốt. Ngựa chở khách đi thăm thành phố, đi ngắm cảnh. Tiếng vó ngựa lộc cộc trên đường vắng gọi ngay đến hình ảnh một thành phố châu Âu thời xa xưa. Xa xa trên lưng đồi nhấp nhô, điểm chấm nâu, chấm đen, chấm trắng đó là màu sắc của mấy bầy ngựa thả rong đi lang thang, tự do, nhõn nhờ tùy hứng đến những nơi có cỏ non và nước suối...

Du khách cũng thường chụp hình với các chú ngựa để mang về miền xuôi giữ làm kỷ niệm.

QUÁCH TẤN kể lại chuyện vui về thời gian HÀN MẶC TỬ tập đi ngựa tại Đà Lạt:

"Vi cả ngày đi mỗi, nên sau buổi cơm tối, Tử đi nằm liền và rồi đánh một giấc ngon lành cho đến sáng. Qua hôm sau, tôi tổ chức đi chơi Tour des Points de vue - thường gọi là Tour de chasse - bằng ngựa. Đoàn du ngoạn khá đông. Và mặt trời vừa ló, đoàn ngựa đã sẵn sàng yên cương. Nhưng vì Tử chưa biết đi ngựa, nên phải tập trước khi lên đường.

Hai ông bạn ra sức tập. Một ông nắm mao ngựa. Một ông đỡ Tử lên yên rồi đi kèm một bên Tử. Cho ngựa đi được mười vòng, rồi buông cho Tử cỡi một mình. Đã lựa cho Tử một con ngựa nhỏ thó và hiền lành nhất, nhưng ngựa vừa bước đi mấy bước, Tử sợ té la "oai oái" làm cho các cô gái đứng xem cười ngả nghiêng. Tập ngót một giờ đồng hồ, Tử mới ngồi vững...

Thấy Tử hiền hòa, vui vẻ, các bạn rất thích chuyện trò. Một ông hỏi Tử:

- Hết sợ té rồi chứ?

- Cưỡi ngựa kiểu này, dù muốn té chơi cho vui cũng khó té nổi.

Để trên Tử, ông bạn liền quát ngựa chạy thật nhanh. Đoàn ngựa đua nhau chạy theo. Cương về chưa vững, Tử suýt ngã, thất

*kinh nằm xuống ôm lấy cổ ngựa, la thất thanh. Từ ngòi dầy chữa
thẹn:*

*- Đi ngựa mà nằm thì mất vệ sinh, nên phải kêu cứu, chứ
không phải sợ.*

Đoàn ngựa vui vẻ tiến..."

CAM LĨNH quá quen mắt với cảnh xe ngựa qua lại, lòng thanh
thản, ngồi bên cầu đặt bút viết bài thơ: "*Bên cầu Ông Đạo*".

*"Bên cầu Ông Đạo một chiều xuân
Phơn phớt làn mây lướt cuối rừng
Xanh mướt vườn rau đàn bướm lượn
Trong veo hồ nước cánh diều giăng
Về đâu dòng nước - nghèo - lơ lửng
Đổ bến con thuyền - lạnh - đứng đưng
Xe ngựa lại qua lòng chẳng bận
Nhớ ai bờ liễu lá rừng rung."*



Đồi cao lưng thấp thông ngàn

Đứng trên đỉnh núi Lang Biang mà ngắm Đà Lạt thì thật tuyệt! Theo cảm giác đầu tiên của rất nhiều người thì đây là một thành phố đang treo mình giữa một thung lũng nhưng, bởi sau những ngôi biệt thự lộng lẫy là những cánh rừng thông ngút ngàn trải thảm, uốn lượn theo các triền núi mấp mô xa tít tận chân trời. Đồi thông xanh hay thung lũng tình là nơi những cặp tình nhân ngồi kề nhau dựa lưng vào gốc thông xanh để thoát lời tình tự.

P. MUNIER viết trong tạp chí Đông Dương (Indochine), số 28, năm 1941, chuyên đề về Đà Lạt:

“Đà Lạt cũng là xứ sở của thông. Thật là kỳ diệu khi đi dạo trong rừng thông, hít thở mùi hương thơm ngát và trong lành! Không có bụi cây, không có dây leo, không có nhà tranh: một thảm cỏ lý tưởng với những cánh hoa màu vàng, xanh, tím, hoa cà... Qua rặng thông, du khách có thể nhìn thấy chân trời - chân trời xanh của rừng xa. Đà Lạt không phải là một thành phố, Đà Lạt là một bãi cỏ rộng sóng trên đó cây thông là loại cỏ khổng lồ được điểm bằng những cánh hoa màu đỏ như son - những mái nhà.”

Giáo sư HOÀNG XUÂN HẪN vào năm 1946 khi tham gia trong một phái đoàn đi dự hội nghị với thực dân Pháp diễn ra tại Đà Lạt đã viết lại như sau:

“Mà cảnh đô thị Đà Lạt thì đẹp thật, đối với những người quen với cảnh đồng bằng thán thán, thì cảnh tượng bày ra trước mắt, khi ngồi trong phòng cao khách sạn trông ra, thật vừa xinh, vừa êm, vừa biến thái. Trông gần thì hồ bày bên đồi cỏ, nhà cửa ẩn nấp trong những lùm cây; trông xa thì những dãy núi cao thấp kéo vòng quanh, thỉnh thoảng màu lục lại xen rừng thông xanh thẳm. Lối đi đất đỏ quanh hồ rồi ngoắt nghéo trườn lên đồi cỏ lục chung quanh. Tôi lăm lăm ngồi lâu, thu hình ảnh nước non vào ảo mộng.”

Trong một đoạn khác ông viết bài thơ bày tỏ nỗi lòng của mình về tình trạng đất nước vào hồi đó:

*“Núi Đà Lạt xa quanh mình uốn éo
Lưng lưng đồi, ai khéo vẽ rừng thông*

*Mặt hồ xanh, mây bạc bóng gương lồng
Trên cỏ lục, lối hồng đang uốn khúc
Ngắm cảnh tay người, thêm tấm tức
Gấm mình việc nước vẫn đeo đai!"...*

Đà Lạt là thành phố rừng thông và đồi cao. Thông suốt bốn mùa hát vang lên khúc tình ca gửi vào năm tháng. Vầng bóng cây thông Đà Lạt sẽ như một cơ thể mất linh hồn. Hình ảnh ngọn núi cao Lapbe Bắc (Lapbe Nord) đã được nhà thơ NHẤT TUẦN nhắc tới trong bài *"Đêm cuối cùng Đà Lạt"*: *"Tiếng hát ngày xưa. Bài hát ngày xưa... Đã kể lại một chuyện tình dang dở"*:

*...“Rồi kỷ niệm về dần trong trí nhớ
Đêm cuối cùng hai đưa đi ciné
Những con đường Đà Lạt lúc vào khuya
Hoa lá tả rơi vàng đôi mái tóc*

*Gió buốt từ “Lap Be Nord” xa tắp
Anh vội vàng cởi áo... khoác cho em
Tiếng thở dài chen tiếng bước đi êm
Minh yên lặng diu nhau cho đến sáng.*

*Và anh nhớ em hát bài Hoài Cảm
Giọng ngân buồn, môi gọi... cổ nhân ơi
Đêm hôm qua trong tiệc cưới đông người
Lời hát cũ làm anh xao xuyên mãi.*

*Ôi ngày xưa sao giờ không trở lại?
Để em là riêng của một mình anh
Để anh nghe hoài giọng hát thanh thanh
Nhưng câu chuyện chúng mình không kết cuộc*

Vì hai đưa... tại vì... ai biết được?!
*Nên giờ này anh phải sống xa em
Rời tình cờ nghe giọng hát quen quen
Bài Hoài Cảm, đêm cuối cùng Đà Lạt!”*

Từ chốn cao thành phố Đà Lạt nhạc sĩ VŨ ĐỨC NGHIÊM cũng cảm hứng viết một bản nhạc có tên là *"Trên đồi cao"*, hình ảnh đôi tình nhân lãng mạn bên nhau trong khung cảnh núi đồi Đà Lạt để rồi lại đưa đến chia ly và nhung nhớ:

"Khi em thướt tha trên đồi cao. Long lanh mắt huyền ngời ánh

sao. Hàng mi cong chớp nhẹ như cánh hoa anh đào rung làn gió
xuân rì rào. Run run nét môi trẻ thơ.

Mong manh dáng mềm liễu tơ. Hàng mi cong thần thờ như
cánh bướm ngu ngơ phân vân ngại tiếng động hồ.

Trời cao xanh như mơ. Tình xuân êm như tơ.

Làn mây trắng bay lững lờ. Gió hiền hòa nhẹ nhàng.

Nắng vàng đẹp dịu dàng. Bên ngàn suối reo cung đàn.

Nhưng thôi phút vui xưa còn đâu. Rung rung mắt ghen lời
nhớ nhau. Gửi về em tiếng lòng ta chất ngất ưu phiền trên đồi cao
gió trời miền.”

Đà Lạt từng được mệnh danh là “thành phố ngàn thông” vì nơi
đây được bao quanh bằng những đồi núi chập chùng phủ thông
xanh bạt ngàn tươi mát quanh năm suốt tháng. Thông Đà Lạt hầu
hết là loại thông ba lá và phần lớn là do mọc tự nhiên. Chẳng biết
cây thông ba lá của Đà Lạt xuất xứ từ đâu, chỉ biết rằng Đà Lạt là
quê hương của thông. Ngoài giá trị kinh tế, thông còn làm cho Đà
Lạt trở nên tươi mát, không khí thêm trong lành, quang cảnh thêm
thơ mộng. Những cây thông mà người ở các nơi khác chỉ được
nhìn thấy mỗi năm một lần trong những nhà hàng sang trọng vào
dịp Noel, với những cành lá được kết đầy kim tuyến treo đèn nhấp
nháy huyền ảo, thì ở Đà Lạt có cả một rừng thông đường như vô
tận, quanh năm, suốt tháng.



Rừng thông chập chùng cùng với gió núi, hương rừng, đường hoa và dốc đá cũng là nơi để gọi niềm nhung nhớ cảnh đời hợp tan chia lìa, như lời thơ trong bài “Đường hoa” của TÂM MINH:

*“Ngàn thông cùng tấu khúc hoan ca
Vui đón người em ở chốn xa
Gió núi mơn man vờn gót ngọc
Hương rừng ngan ngát ướp chân ngài
Đường hoa xao động câu tình tứ
Dốc đá ngân vang điệu thiết tha
Từ buổi em xuôi về phố cũ
Đá mòn tâm sự lặng kê hoa.”*

Núi đồi trùng điệp, đồng cỏ xanh mơn mớn hữu tình, rừng Ái Ân, hồ Than Thở, thung lũng Tình Yêu... là nơi hò hẹn của những kẻ yêu nhau. Nhớ về rừng thông Đà Lạt với cái tên cũ thời xa xưa là Bois d'Amour, nhà thơ HẠ BÌNH TRUNG viết bài “Rừng Ái Ân”:

*“Rừng Ái Ân nào chẳng ái ân?
Hồ Than Thở khóc đã bao lần!
Chẳng ai tiếc nuối cho tình đẹp,
Để một người đi tiếc một thân.*

*Vắng bóng cố nhân từ dạo đó,
Dáng nào thay được dáng em yêu?
Mắt nào ru mộng, môi nào nhớ
Buổi hẹn gần nhau lúc xế chiều?*

*Ngày nay em trở lại tìm ta,
Đời họa chẳng còn tóc điểm hoa!
Tình cũ thơ ngây dù lỡ dở
Vẫn còn mang nặng chuyện ngày qua...*

*Ta gọi tên em giữa đất trời,
Chỉ còn nghe tiếng vọng vang thoi,
Chỉ nghe tiếng suối hòa trong gió
Nhặt nắng, chiều buông, vắng một người!*

*Ôi! Những ngày qua, sao vẫn nhớ?
Nhớ ai? Ai nhớ đã bao lần?
Nhớ ai như nhớ hồ Than Thở
Và nhớ cây rừng nặng ái ân!”*

Sáng sớm, nếu ta không ngại trời lạnh, trèo lên đỉnh đồi, đón ánh mặt trời vừa nhô khỏi đỉnh núi. Trong sương mờ, lá thông xanh rờn được phủ những chấm sương li ti long lanh nắng sớm. Ta sẽ không biết mình sống thực hay mơ. Tất cả đều chập chờn ẩn hiện trong lớp sương mờ hồ được chiếu sáng bằng những tia nắng vừa mong manh nhưng cũng thật rực rỡ. Không gian tinh khiết và thơm lừng hương thông...

Đà Lạt như thấp hơn, trời cao như gần lại và ta như một loài sâu nhỏ bé. Dựa cội thông già ta lắng nghe lá cành đùa sương gió, vang vọng mãi tinh ca bất tận.

Hãy nghe lời tả cảnh của TRẦN CAO LĨNH:

“...hạt thông theo gió bay rơi xuống đâu là nẩy mầm xanh tốt đến đó. Chẳng thế mà đã từng thấy từ khe hốc khô cạn cũng nẩy lên được một mầm thông non xoè lá vươn lên trời bé bỏng và ngỡ ngác. Đà Lạt đâu cũng thấy thông và thông với những thân cao thẳng, vỏ nứt già dạn, nõn hoe vàng, lá xanh biếc. Thịnh thoảng gặp những lão thông cằn cõi vượn uốn những thế ngoạn mục hết như trong tranh thủy mặc của Trung Hoa cổ xưa.

Có nơi thông đứng chơ vơ một mình reo gió. Có nơi đồng đảo hợp nhau lại thành rừng. Gặp hồ nước đọng mặt lặng như gương, thông lập tức xúm xít bao quanh, vươn mãi lên cao - chắc là để để soi mình vào bóng nước. Ở những chỗ như vậy chỉ cần một làn gió hiu hiu là ta đã nghe tiếng rì rào, như một câu chuyện thì thầm bên hồ than thở.

Trên lưng đồi cong, thông cũng ưa tụ hội, xếp hàng thẳng tắp. Mỗi lần mặt trời soi trái sáng, ngọn thông bắt ánh dương lại loé ngời lên, làm cho từng lưng đồi xa, gần, trùng điệp đều như viền chỉ bạc, nhìn vào ta thấy như nơi ấy thường trực những “cây sinh nhật” vĩnh cửu. Kể cũng không ngoa, hàng năm biết bao nhiêu gốc thông đã lìa rừng về xuôi gây không khí ẩm cúng cho biết bao nhiêu gia đình đang hướng lòng hân hoan về một Ngày Sinh Nhật.”

Chúng ta cũng hãy theo chân QUÁCH TẤN và HÀN MẶC TỬ. Cuộc du ngoạn được QUÁCH TẤN hào hứng kể lại:

“Khi đoàn ngựa lên đường thì mặt trời đã lên cao, sương mù đã tan hết. Trời ngập màu xanh, đất tràn màu xanh. Nhưng không phải chỉ một màu thanh thiên, một màu lục thảo, mà cả hàng nghìn sắc xanh, từ xanh nhạt lá non đến xanh đen mực đậm, và luôn luôn thay đổi theo thời gian và không gian. Về màu xanh, tưởng không đâu giàu hơn Đà Lạt.

Đoàn ngựa đi nước kiệu nhỏ. Tử vui thích lộ ra nét mặt. Thấy những nắm đũa xanh tròn trịa mươn mướt xanh non, Tử bảo:

- Thật giống in những bộ ngực của các cô gái mới dậy thì. Trông rõ ngon mắt.

Một ông bạn tiếp:

- Tôi lại thấy giống những vỏ dừa xanh chẻ đôi và úp sấp, làm cho tôi nhớ các cô gái Tam Quan!

Một ông bạn khác nhăn mặt:

- Còn tôi thì mỗi lần nhìn chúng, trí nghĩ ngay đến chỗ nằm nghĩ cuối cùng của tôi. Tôi tự nhủ: "Khi mình nằm ở dưới đó, tình cờ tỉnh dậy, muốn trở về dương gian cho vui thì làm sao cựa quậy cho nổi."

Cả đoàn đều cười. Một ông bạn mắng:

- Mũi còn thò lò mà lo nghĩ đến nắm xương mục.

- Lo nghĩ lần thì vừa, kéo khi chết nghĩ không kịp.

Tử vừa cười vừa hỏi tôi:

- Còn anh thì thấy giống thứ gì?

- Những nửa cam úp trên đĩa. Nguyên lúc còn nhỏ, có một lần tôi đầu nặng, miệng đắng nên thêm cam. Nhưng ở làng Trường Định tôi không nhà nào có cam, nên đành nhịn thêm chớ không dám ngỏ ý cùng mẹ. Nhưng bà thân tôi đoán biết, cho người lên nhà bác tôi ở làng Thuận Nghĩa, cách Trường Định chừng 5 cây số, xin đem về cho tôi một quả vừa chín tới, phụng phức mùi hương. Tôi mừng quá sức, vội ôm riết quả cam vào lòng. Bà thân tôi âu yếm vuốt mái tóc tôi và nói: "Để má gọt cho con ăn". Nửa muốn ăn, nửa tiếc quả cam đẹp, tôi trao cam cho bà thân tôi với vẻ ngậm ngừ. Bà hiểu ý, mỉm cười, xẻ quả cam làm hai, một nửa gọt cho tôi ăn, một nửa úp trên chiếc đĩa con để bên giường tôi, tôi sung sướng ứa lệ... Những quả đồi kia luôn luôn gợi hình ảnh mẹ tôi với nửa quả cam úp trên đĩa."

MANH ĐANG ghi lại kỷ niệm khi theo mẹ về Đà Lạt, nơi bà mẹ chuyển về làm việc, khoảng hơn 40 năm trước:

"Tôi còn nhớ về thanh âm làm thức giấc hai mẹ con chúng tôi trong buổi sáng sớm đầu tiên ở Dalat, đó là tiếng mưa rì rào, tiếng mưa lúc khoan lúc nhặt, lúc như kể lể hờn giận, lúc như lặng thẳm xa vắng... Sợ cơn mưa, ngại cái lạnh đất cao nguyên, mẹ tôi người vừa rời nơi sống ở vùng đồng bằng ẩm áp đã không dám mở tung cánh cửa sổ như thường nhật... Khi tiếng mưa có vẻ đã ngớt, mẹ tôi mở cửa sổ trông ra ngoài thì hóa ra lại không thấy một giọt mưa nào cả, ngoài những giọt sương mai long lanh còn vương vẩn trên hoa lá, thì lối đi trên vườn vẫn còn nguyên khô

ráo, nhưng tiếng mưa lại vẫn từ đâu đó vọng về chưa dứt... Sau đó, nhìn những ngọn thông chao nghiêng, ngã ngón vào nhau theo từng cơn gió thì mẹ tôi mới chợt đoán hiểu về nguồn gốc của âm thanh nghe như tiếng mưa này và rồi theo người Dalat, chúng tôi gọi nó là: “tiếng thông reo”...

“Hình như tiếng thông reo nghe rào rạt nhất vào giắc sáng sớm thì phải, hay có lẽ là do đây là khoáng khắc tĩnh lặng nhất trong ngày, nên tiếng thông reo nghe càng rõ nét hơn? Rồi thỉnh thoảng đâu đó trong ngày, mọi người lại nghe tiếng thông reo như nhắc nhở về sự hiện diện của niềm hoan lạc giữa đất trời Dalat... Thế nên, tiếng thông reo ở Dalat có lẽ đã trở thành một tài sản phi vật thể mà mỗi người dân Dalat xa xứ phải nhớ nhung, phải luyện tiết... Là một trải nghiệm lạ lẫm cho du khách đến Dalat, để khi họ về nhà họ có món quà là câu chuyện kỳ thú kể cho người thân.

Không chỉ âm thanh của thông, mà chính mùi hương tự nhiên tỏa ra từ những vệt nhựa thông óng ánh vàng thơm trên thân cây thông mới là mùi hương vương vấn suốt một phần tuổi ấu thơ của tôi ở Dalat. Ngày ấy, tôi và vài đứa bạn cùng trang lứa tha thần dùng gậy chọc lấy nhựa thông quệt vào đầu gây làm đuốc... trò chơi tinh nghịch của trẻ con khi ấy may đã không gây hậu quả xấu gì! Ngoạ trừ hậu quả làm tôi vương vấn mùi hương ấy mỗi khi nhớ về Dalat.”...

“Lần khác, trong giờ ra chơi, tôi cùng đứa bạn học thơ thần đi về phía một một bờ đất cao, đến nơi, chúng tôi rất thích thú khi phát hiện nơi mình đang đứng như là đỉnh đồi, nhìn xuống phía chân đồi có con đường nhỏ uốn lượn theo bờ hồ Xuân Hương, khung cảnh thật ngoạn mục, chúng tôi đã ngồi ở đấy để đua nhau ném quả thông xuống phía dưới xem của ai ném được xa nhất... cho đến khi nghe tiếng chuông gọi vào học. Đó đã từng là một sự kiện mang tính “phát hiện” đầy kỳ thú đối với lứa tuổi chúng tôi khi đó.”

Từ đồi núi trên tầng cao với thông xanh ngút ngàn xin mời du khách thả bộ xuống lưng thấp. Những thung lũng của Đà Lạt cũng thông xanh nước biếc, phong cảnh cũng rất hữu tình.

Nghe kể rằng nhạc sĩ PHAM MẠNH CƯỜNG vì có một căn nhà sơn màu hồng và ở dưới một thung lũng tại Đà Lạt nên mới từ đó có cảm hứng mà sáng tác ra bản nhạc “Thung lũng Hồng”:

“Gọi gió lên thung lũng hồng, mây trôi bênh bồng. Hạt nắng lung linh tím dẫu, mộng mênh thu vàng. Còn đó em yêu đối hờn, long lanh lệ buồn. Còn đó sương vẩy kín đây, cho tình ngắt ngày.

*Tình xa trên thung lũng hồng. Tình nhớ trên thung lũng hồng.
Ngàn sau rồi sẽ khóc thầm. Tình yêu vụt theo lời gió.*

*Tình xa trên thung lũng hồng. Tình nhớ trên thung lũng hồng.
Ngàn sau tình cũng lỡ rồi. Tình yêu vỗ cánh mà đi.*

*Còn nhớ trên thung lũng này, ru em tình mềm. Gọi nắng cho
mây trắng về, cho trời câu thể. Tìm mãi trên thung lũng hồng,
hương yêu ngọt ngào. Người hỏi cho ta suốt đời, một mình lẻ loi.”*

PHAM MẠNH CƯỜNG tâm sự với nhà báo TRUỜNG KỶ:

“Mỗi nhạc phẩm là một bức tranh. Thí dụ như bài “Thung lũng Hồng” tả thung lũng của Đà Lạt, buổi sáng mặt trời lên đẹp lắm, sương và ánh nắng hồng chiếu. Rồi từ Thung Lũng Hồng đó tôi nghĩ tới Đà Lạt có thung lũng gọi là Thung Lũng Tình Yêu... Thường thường một nhạc sĩ nói về tình cảm dành cho một mối tình chẳng hạn thì làm một bài thôi. Một bài có dính líu đến mối tình đó. Còn đa số nghệ sĩ khi nào cũng có cái tưởng tượng phong phú. Nhiều người cô đọc nhưng vẫn viết được nhạc tình yêu rất hay...”

THUNG LŨNG TÌNH YÊU (Valée d'Amour) ở cách trung tâm thành phố chừng 5 cây số về phía Bắc, chìm sâu bên sườn đồi với những rặng thông quanh năm xanh biếc, một nơi lý tưởng cho những đôi trai gái bày tỏ tình yêu nhưng nhiều khi cũng là nơi cho con người tìm tới để than thở, quàn quai vì tình dang dở.

Nhà thơ CAM LĨNH từng ghé qua đây và viết bài thơ “Thăm chơi thung lũng Tình Yêu”. Cảnh lúc này thật du dương tình ái:

*“Thung lũng Tình Yêu khách dập dìu
Gốc cây ngồi mát mắt đắm chiều
Vài con thuyền nhỏ trôi trong nắng
Mấy bác nhà nông thoảng dưới đèo
Trời cũng già chằng, mây trắng xoá
Hồ đang mộng nhĩ, nước trong veo
Từng đôi nam nữ cùng vai sánh
Thắm thĩ trao lòng giải chữ yêu.”*

LỆ HẰNG trong tác phẩm “Thung lũng Tình Yêu” cũng kể lại một chuyện tình. Thoạt tiên rất lãng mạn:

“Những giờ rảnh chàng mang giá vẽ, dắt tôi xuống Thung Lũng Tình Yêu say mê ghi lại dáng tôi trên lụa bạch. Tôi nhìn con suối nhỏ reo vui, tôi nghe chim hót trong rừng thông vi vu. Tóc chàng

bay dạt về một phía, đôi mắt tình tứ cười chao nắng. Rừng im ngái ngủ trong gió hạ miên man”...

Để rồi cuộc tình đó lại buồn tủi xót xa cho đến giai đoạn cuối cùng của tập truyện dưới ngòi bút của LỆ HẰNG:

“Tôi nằm co ro dưới ba lớp chăn hồng. Hai hàm răng cắn xiết lấy nhau. Mắt tôi mở lớn nhìn lên trần nhà trắng xóa, chú thạch sùng chắc lưỡi tiếc thương tôi đang nuối tiếc người tình đầu tiên của mình đến quất quay đau đớn.

Đêm Đà Lạt hút sâu với những âm thanh vi vu của rừng thông dưới xa kia. Hai con chó của cha Viện trưởng nuôi để canh giữ nữ sinh viên nội trú rú lên từng hồi. Tôi trườn người, tôi trở mình, giường của Bích Lan im lìm. Tôi lẩn về bên trái, bức tường câm nín mĩa mai tôi, đưa con gái bị tình phụ nằm cắn lưỡi nghiến răng một mình. Tôi lật gối, lấy tờ báo ngày, lem nhem mực in đen vướng bản trên drap trắng. Trang cuối cùng của tờ báo trên đôi tay run. Tôi căng mắt mà nhìn, tôi chảy máu tim mà ngó, tôi nghẹt thở mà coi tin người ta mừng Phương cưới vợ. Gió rít từng hồi trên những ngọn trúc bách diệp ngoài kia. Tôi muốn gào lên như gió đêm ma quái gào thét trên đỉnh đồi nghĩa trang hiu lạnh.

Tôi ứa nước mắt. Tôi tiếc Phương vô cùng. Tôi hận mẹ Phương đã cướp Phương của tôi, đem dâng cho chàng một người đàn bà ghép tên chung đôi với Phương trong khung báo tin vui.

Tôi để hai tay giữa đôi chân dài. Môi tôi lạnh, ngực tôi lạnh, chân tôi lạnh. Phương bỏ tôi một mình giữa đêm Đà Lạt lạnh cắt da. Nghĩ đến cảnh đêm nay Phương quần lấy vợ, tim tôi thắt lại, máu ứ lên đầu tôi choáng váng, ruột co lại nên bụng tôi quặn quại! Còn thân xác này Phương phải tay đứng lên, chàng đá tôi lăn lóc như trái banh tennis cũ đen, lăn vào góc nhà buồn thiu, buồn chầy, tựa cô gái già se sắt nhìn thiên hạ riu rít lừa dối.

Người nằm trong vòng ôm cuồng bạo của đêm tân hôn này đáng lẽ là tôi. Tôi yêu Phương bốn năm nay rồi. Kỷ niệm lớp lớp rêu phong như toà lâu đài cổ im lìm thương dĩ vãng.”...

“Tôi xiêu đổ mà đi, tôi lằng lằng từng bước. Núi chập chùng ơi, núi Lang Biang mù sương ơi. Anh về trên đỉnh núi, anh về trên mây xanh. Núi còn ghi lời anh trên vách đá. Thông còn xanh vì lòng yêu anh chan chứa yêu thương. Con suối nhỏ vẫn reo vang tình khúc mùa hạ, để mang anh về, để giữ anh mãi hoài nơi đây, cho em.”

Suối trong hồ lặng

Đà Lạt có bao nhiêu đồi núi là có bấy nhiêu con suối. Suối chảy quanh co lững lờ rồi chắt chứa thành hồ. Những mặt hồ gương trong ngần thơ mộng. Suối reo vang thành thác, với những dải lụa trắng ngàn ca hát mãi trong rừng vắng hoang vu. Suối len lỏi dưới cỏ mềm, chồm qua đá tảng, quanh co, uốn khúc ép một bề theo sườn núi rần, tìm tới thung lũng tụ lại thành hồ. Rồi suối hẹn hò họp lại cùng nhau ven bờ vực thẳm để thi nhau đổ xuống thành thác với sức mạnh vũ bão, hơi bay mù mịt. Nước cứ vậy mà tràn trề vào lòng đất, pha trộn với khoáng chất thành chất bổ dưỡng, sẵn sàng cung ứng màu mỡ cho loài thảo mộc. Vì vậy ở đâu cũng thấy rộn ràng một màu xanh nẩy lộc.

Nói đến suối trong cũng cần nhắc đến một cô gái gốc Đà Lạt, đó là nữ ca sĩ THANH TUYẾN. Vì “thanh tuyền” có nghĩa là “suối trong”. Người ta kể rằng nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông khi đang là giám đốc hãng đĩa Continental, có lần ông mở đài phát thanh Đà Lạt tình cờ nghe được tiếng hát của một cô bé tên Phạm Thị Như Mai. Ông thấy giọng hát rất hay và có nhiều triển vọng. Thế là ông nhờ nhạc sĩ Mạnh Phát lên Đà Lạt tìm cô bé. Mạnh Phát đã tìm được cô bé tại buổi lễ phát thưởng của trường Bùi Thị Xuân. Mùa hè 1964 Mạnh Phát dẫn cô bé Như Mai về đến Sài Gòn.



Hãng đĩa mời “cô bé” ký giao kèo độc quyền ngay. Cô bé lo lắng lắm vì còn nhỏ mà phải sống xa gia đình. May cho cô là cô được nhạc sĩ Mạnh Phát nhận làm con nuôi với sự đồng ý của cha mẹ ruột đang sống ở Đà Lạt. Thế rồi chỉ vài tháng sau, cô bé nổi tiếng. Đầu năm 1965, người dân miền Nam từ thành thị đến thôn quê ai cũng biết đến ca sĩ Thanh Tuyền. Thanh Tuyền tuy là ca sĩ nổi tiếng vẫn giản dị trong tà áo lụa màu trắng, vẫn cắp sách đến trường Lê Văn Duyệt ở Gia Định cho đến khi xong Trung Học.

Sau này THANH TUYỀN tâm sự với ký giả TRƯỜNG KỶ về giai đoạn đó trong cuộc đời mình:

“Khi về ký độc quyền với hãng đĩa Continental, lúc chọn tên thì thầy Mạnh Phát và chú Nguyễn Văn Đông không thích tên Mai vì muốn thay đổi, hơn nữa đã có một số nghệ sĩ lúc đó có tên này. Tên Thanh Tuyền chính là do hai thầy đặt... tại vì mình gốc ở Đà Lạt là nơi có nhiều thác, nhiều suối nên lấy tên Thanh Tuyền nghĩa là suối nước trong... mấy thầy thường nói là đã khám phá một dòng suối trong ở Đà Lạt”.

Hoàng hôn Đà Lạt có nhiều vẻ. Bóng núi mờ xa và hương đêm trĩu dầy. Giờ của tự tình. Đà Lạt đích thực là thành phố của tình yêu. Tiếng hát Thanh Tuyền như mãi còn vang vọng trong lòng người với bản “Đà Lạt hoàng hôn” của MINH KỶ và DẠ CẨM:

“Lắng nghe chiều xuống thành phố mộng mơ. Màu lam tím Đà Lạt sương phủ mờ. Từng đôi đi trên phố vắng. Bước chân em giữa không gian, hoàng hôn thua màn đêm.

Đứng trên triền dốc nhìn xuống đồi thông. Hàng cây thắm màu đèn lên phố phường. Giờ đây hơi sương giá buốt. Biết ai thương bước cô liêu. Người đi trong sương rơi.

Đà Lạt ơi, có nghe chăng Cam Ly khóc tình đầu dang dở. Đêm xuống Than Thờ vang cung hờn, thêm sắt se tâm hồn. Người đi trong bóng cô đơn.

Khách du tìm đến thành phố ngàn thơ. Nhật hoa tháy lòng buồn không bến bờ. Gần nhau, xa nhau mấy nỗi. Hỡi quế hương xứ sương rơi. Đà Lạt ơi, Đà Lạt ơi!”

Lúc nào bản đàn diu dặt của núi rừng Đà Lạt cũng vẫn đều đều mà quyến rũ, tấu lên bằng nhạc cụ thiên nhiên: nguồn nước chảy và gió trời reo... Nước lúc nào cũng dững mảnh âm âm đập vào sườn đá nhọn, rồi dạt dào tuôn chảy, đôi khi lại trôi lững lờ, âm thanh như thì thào, phải nghe bằng tưởng tượng. Có lúc gần gũi sát bên tai, khi lại vắng xa từ dưới sâu nơi miền thung lũng.

Tùy nơi, tùy chốn nước phải vì nguồn mà đi xa. Gió rộng rãi hơn, đi lang thang lùa vào khắp nẻo, phát phơ mấy ngọn lau bạc, chuyển cho tre trúc cựa mình, và nhất là giục cho ngàn thông reo vi vu... Gặp mùa hoa thông nở, gió lan phấn thông vàng vào không gian và cho cảm tưởng có thể ném trong gió thoảng hương thơm và vị ngọt...

KHÁNH LY từng ghi lại kỷ niệm của Trịnh Công Sơn về một con suối nhỏ ở Đà Lạt:

"Năm 67 tôi gặp lại ông ở Sài Gòn, ông đưa cho tôi bài Như Cánh Vạc Bay, ông kể lại một kỷ niệm đẹp đã xảy ra trong khoảng thời gian ông ghé thăm Đà Lạt. Đó là một buổi chiều ông và một người con gái, không biết là ai, đi dạo chơi ở trong rừng, và ngừng chân ở bên một con suối nhỏ, ông ngồi nghỉ ở gốc cây và nhìn theo người con gái đó với đôi chân trần đã bước đi qua con suối nhỏ, nắng... vàng rực rỡ trên mái tóc, và trên toàn thân của người cô gái đó, gió thổi tung bay tà áo và mái tóc của cô. Ông giữ cái hình ảnh đẹp của người con gái đó và viết tình khúc Như Cánh Vạc Bay:

*"Suối đón từng bàn chân em qua
Lá hát từ bàn tay thơm tho
Lá khô vì đợi chờ
Cũng như đời người mãi âm u
Nơi em về ngày vui không em
Nơi em về trời xanh không em
Ta nghe từng giọt lệ
Rớt xuống thành hồ nước long lanh."*

Gần thành phố nhất có hồ Xuân Hương, xa hơn có hồ Than Thở, hồ Mê Linh, hồ Tuyên Lâm...

Hồ XUÂN HƯƠNG nằm ngay trung tâm thành phố, ở độ cao 1.477m. Hồ nguyên là thung lũng có dòng suối Cam Ly chảy qua, nơi quy tụ của các cư dân Lạch buổi ban đầu. Du khách có thể thả bộ ra hóng gió và ngắm cảnh hồ. Với con đường 5km bao quanh hồ, du khách có thể ngồi xe thong thả chạy quanh hồ để ngắm hết mọi góc độ của hồ.

Năm 1919, từ sáng kiến của viên Công sứ Counhac, kỹ sư công chánh Labbe đã tiến hành việc ngăn dòng suối làm thành hồ. Đến năm 1923 lại xây thêm một đập nữa ở phía dưới tạo thành hai hồ. Do ảnh hưởng của cơn bão tháng 3 năm 1932, cả hai đập đều bị vỡ. Mãi đến năm 1934-1935 một đập lớn bằng đá

mới được kỹ sư Trần Đăng Khoa thiết kế xây dựng phía dưới hai đập cũ tạo thành một hồ lớn - người Pháp gọi là Grand Lac. Đập này nằm trước dinh Quân Đạo mà vị Quân Đạo lúc này là Phạm Khắc Hoè vẫn được dân địa phương gọi là “Ông Đạo”, nên khi đập cũng là cầu xây xong, người dân quen gọi là cầu Ông Đạo.

Hồ Xuân Hương ngày xưa có tên Grand Lac (Hồ Lớn), năm 1953, Nguyễn Vỹ, chủ tịch hội đồng thị xã, đề nghị đổi tên Grand Lac thành Hồ Xuân Hương. Mấy chục năm qua, Hồ Xuân Hương là tấm gương tự nhiên của thành phố đã làm tăng thêm vẻ yêu kiều, duyên dáng cho Đà Lạt bên cạnh sự đơn điệu, cô quạnh của những cánh rừng thông bạt ngàn. Hồ được mang tên Xuân Hương như muốn làm sống mãi hình ảnh lãng mạn của nữ sĩ thơ Nôm nổi tiếng Việt Nam thế kỷ thứ 19 có tên là “Hồ Xuân Hương”.

Hồ có hình dáng như mảnh trăng lưỡi liềm. Quanh hồ là những con đường vòng uốn lượn trong bóng mát của các dãy bạch tùng đều tăm tắp. Mặt hồ phẳng lặng trong xanh như tấm gương soi bóng những tán tùng già cổ, những hàng liễu rủ thướt tha và đẹp hơn lên khi mùa xuân về, lúc những cánh anh đào nở rộ một màu hồng rực rỡ khiến mặt hồ bừng lên như đôi má cô gái Đà Lạt tuổi xuân thì. Nước hồ luôn luôn thay đổi nên lúc nào cũng trong sạch. Trong hồ những con thuyền buồm trắng lướt êm trên sóng nước. Viền quanh hồ là những vườn hoa muôn sắc. Mùa mưa, nước hồ Xuân Hương dâng đầy, gợn sóng uốn mình theo mép chân đồi Cù tạo thành vẻ đẹp kỳ diệu.



Hồ XUÂN HƯƠNG 1971

Nhà thơ QUÁCH TẤN kể lại một kỷ niệm với HÀN MẶC TỬ tại Đà Lạt. Sau khi thăm thác Cam Ly về cả hai lên phía khách sạn Palace và ngồi ngắm hồ Xuân Hương:

“Hồ lặng như gương. Hoa cỏ ở quanh bờ, lầu đài ở trên những đồi cao, in bóng xuống hồ, lung linh phiêu diêu. Thành thoảng một làn mây bay là đà trên mặt nước. Xa xa một bầy ngỗng, lông trắng như bông, cổ cao mỏ vàng, lướt nhẹ trên sóng như những bóng mơ. Sương xuống mỗi lúc mỗi thêm nhiều, khiến cảnh vật luôn luôn biến thái, trông nửa thực nửa hư.

Chúng tôi lắng lòng nghe cảnh. Bỗng Tử chép miệng than:

- Không bút nào tả nổi! Cảnh thật huyền mơ!

Đèn điện bật đỏ. Chúng tôi ra về...”

Sau này QUÁCH TẤN kể tiếp về chuyến đi chơi đêm đó:

“Đến bờ hồ, nhìn xuống mặt nước, chúng tôi mới nhớ là đêm trăng! Mặt hồ lóng lánh. Và vàng trắng dưới nước trông sáng gấp mấy lần vàng trắng ở trên mây. Tử nói:

- Cứ xem bóng trăng cũng biết hồ Đà Lạt trong đến ngần nào.

Tôi tiếp:

- Theo tôi chỉ có nước hồ Đà Lạt và nước sông Hương mới đáng gọi là nước. Nước ở các sông các hồ, dù trong đến đâu, dù sâu đến đâu, sắc xanh cũng có phần lợt lạt. Duy có nước hồ Đà Lạt và nước sông Hương là đượm đà màu nước biển. Ai đã từng nhìn đôi mắt của người đẹp Ấn Độ - đôi mắt xanh như ngọc và xa thăm thẳm như vòm trời ngày thu - thì mới tin lời nói của tôi không huyền hoặc. Và muốn thấy rõ cái đẹp của nước hồ Đà Lạt thì phải đến ngắm lúc ban trưa tạnh trời.

Tử trầm ngâm hồi lâu rồi nói:

- Không có cảnh thì khó có thơ, mà đứng trước cảnh đẹp quá, thơ nghĩ cũng không ra được.”

Tuy thế cảnh đẹp của hồ vẫn khiến nhà thơ CAM LĨNH gọi cảm và viết bài *“Hồ Xuân Hương Đà Lạt”* (1960):

*“Hồ dẫu rằng quen tự thuở giờ
Càng nhìn càng đắm ngắm càng ưa
Sáng mai mù tỏa vàng hồng nhạt
Chiều tối sương gieo ánh điện mờ
Bờ nước con thuyền neo bến mộng
Lê đường hàng liễu ngóng trời mơ
Bích Câu ai xóa lời hò hẹn
Để một duyên em phải hững hờ.”*

Và rồi nhà thơ PHONG VŨ (Lê Xuân Lợi) cũng lên tiếng phụ họa sáng tác bài “Xuân Hương hồ mộng”:

*“Mây nước lênh đênh chảy lững lờ
Xuân Hương hồ mộng - mối duyên thơ
Đôi xưa in dấu thời hoa bướm
Lối cũ vương sầu thuở nắng mưa
Thông nổi lưng chừng xanh mấy dải
Sương buông mù mịt trắng đôi bờ
Người đi, kẻ ở, tình giăng lối
Mộng thực đêm, ngày nhớ ngẩn ngơ!”*

Còn VIỆT TRANG thả hồn thi nhân với nước hồ vào mùa thu:
“*Dalat ơi!*

*Có những chiều thu, khi nắng vàng nhưng nhớ hiu hắt tan vỡ
đó đây trên hồ Xuân Hương sóng sánh, xinh như làn thu thủy của
cô Kiều Tố Như - gió thu mơn man ru nhẹ thông ngàn, ngân lên
một điệu đàn thu tha thiết, thấm đậm vào hồn ta khi màn đêm
chập chờn rủ xuống.*

*Ta đang mơ hóa thành chiếc bướm, và dù đôi cánh mỏng có
ướt dầm sương thu lạnh, cũng muốn bay ngút ngàn tìm lại một
ngày thu rực óng, hay biến mình qua rừng thu xào xạc, giúp chiếc
lá xa cành thực hiện một cuộc viễn trình về nguồn cội.*

*Có những đêm thu trên Thủy Tạ, ta mãi ngồi lặng im, nương
theo làn sóng vô thanh luân vũ mặt hồ, nhìn sương sa mờ ảo đỉnh
tháp Hùng Vương, quyện giăng nhạt nhòa cầu Ông Đạo, trầm
mặc bên ly cà phê đậm nóng, hoặc ly rượu thơm nồng, ta bất chợt
búng lên tàn thuốc cháy vẽ vòng vào đêm khuya vắng tựa hồ một
vì sao đổi ngôi giữa vòm trời hiu lạnh.”*

TRÚC CHI cũng cảm hứng viết bài “Vịnh hồ Xuân Hương”:

*“Sơn thủy khen ai vạch lối đường,
Đa thành nức tiếng cảnh Xuân Hương.
Nước xanh ngọc chiếu vàng thu nguyệt,
Nhà trắng vàng pha ánh tịch dương.
Nhàn nhã thuyền trôi buồm quyện gió
La đà mây giải bóng vờn gương
Cỏ non đôi phủ chân đôi tiếp,
Tao khách về đây gửi nhớ thương.”*

TRÚC TIẾN tỏ tình đồng điệu “họa vận” bài thơ trên (5-1963):

*“Trùng sơn một giải khấp bên đường,
Đâu đó hoa rừng gió thoảng hương.
Giòng suối trắng phau ngồi thủy ngọc,
Ngàn thông xanh đậm ánh tà dương.
Đồi cao hung cỏ mây đùn khói,
Hồ lặng hàng cây nước dọn gương.
Đà Lạt thân tiên tô cảnh trí,
Trông vời đôi ngả chạnh tình thương.”*



Hồ XUÂN HƯƠNG 1968

Hồ THAN THỜ nằm ở vị trí gần khóm Thái Phiên, cách Đà Lạt khoảng 6 cây số về phía Đông, nằm giữa những đồi thông cao vút, rừng thông bao la tĩnh mịch. Hồ là một trong những thắng cảnh nổi tiếng ở Đà Lạt do tên gọi khá hấp dẫn và do cảnh quanh hồ. Vào lúc bình minh, sương mù bao phủ mặt hồ, tạo nên một bức tranh thủy mặc tuyệt đẹp. Hồ có dáng hẹp, uốn cong theo những triền đồi xung quanh. Phía bên kia con đường dẫn vào hồ là “Đồi thông Hai Mộ”. Hồ Than Thờ thường được nhắc đến với cái tên và câu chuyện truyền thuyết thâm sâu về tình yêu.

Trước đây vùng hồ Than Thờ có một cái ao gọi là Tônô Pang Đòng. Vào năm 1920, người Pháp đắp đập xây dựng hồ chứa nước cung cấp nước sinh hoạt cho một phần thành phố Đà Lạt. Nhận thấy vùng này rất hoang vu, chỉ nghe thấy tiếng gió thì ào

qua kẽ lá tạo thành một khúc nhạc buồn, người Pháp mới đặt tên là “Lac des Soupirs”. Soupir có hai nghĩa: một là tiếng thở than, tiếng thở dài, hai là tiếng rì rào, tiếng gió thổi trong rừng. Người Pháp đặt tên “Lac des Soupirs” với nghĩa thứ hai, nhưng khi dịch sang tiếng Việt lại theo nghĩa thứ nhất là hồ “Than Thở”, hay hơn.

Nhà thơ TÔ GIANG TỬ (Nguyễn Quang Nhạ) ghé thăm Đà Lạt năm 1955 viết bài “Vịnh hồ Than Thở”:

*“Tha thiết sầu than chốn núi đồi,
Trải bao tuế nguyệt vẫn chưa nguôi!
Thông reo réo rắt, trao tâm sự,
Sóng vỗ rì rào, kể khúc nhôi.
Ngán ngẫm rừng cây chim cướp trái,
Buồn trông mặt nước cá tranh mồi!
Nhàn du lặng vắng hồ hoang vắng,
Quạnh quẽ, âm u, dạ ngậm ngùi!”*

Hồ Than Thở gắn liền với bao truyền thuyết tình sử thật buồn đã như có ma lực hấp dẫn biết bao du khách đến đây ngắm nhìn mặt hồ phẳng lặng trầm ngâm, để nghe tiếng lá thông rì rào trong gió, và để thả hồn đồng cảm mộng du cùng huyền sử xa xăm. Cảnh vật quanh hồ nên thơ. Nước hồ luôn phẳng lặng. Xưa kia cảnh sắc ở đây dường như chỉ còn nghe vì vu tiếng gió nhẹ, tiếng thông reo như thở than nức nở. Và vì thế đã có bao nhiêu truyền thuyết về những cuộc tình duyên oan trái xưa mượn nước hồ để giữ mãi mối tình chung thủy.

Nếu có dịp ra ngồi dưới gốc thông cạnh hồ, lắng nghe tiếng nước sóng sánh trên mặt hồ như ai đó đang thăm thì cùng đất trời? Hay tiếng thở than của cô Thủy phát ra từ ngôi mộ chên chếp trên triền đồi, than tiếc cho kiếp hồng nhan bạc mệnh, lòng du khách không tránh khỏi bồi ngùi xúc động khi nhớ đến một chuyện tình.

Nhà thơ QUÁCH TẤN từng với HÀN MẠC TỬ ghé thăm hồ Than Thở và viết lại kỷ niệm về chốn này:

“Rồi chúng tôi lên ngựa đi thẳng đến Hồ Than Thở (Lac des Soupirs). Hồ này không đẹp bằng hồ Đà Lạt và cũng không có gì đặc sắc. Nhưng vì nghe tên thấy hay, nên ai cũng ưng đến.

Tử hỏi:

- Vì sao lại gọi là Hồ Than Thở?

Không ai biết rõ vì sao. Một ông bạn nói:

- Nghe đâu ngày xưa có người con gái bị tình phụ, đến thăm mình nơi đây. Rồi những đêm trăng, hồn oan hiện lên ngồi nơi bờ hồ than thở, tiếng nghe náo nùng.

Một ông bạn khác cười:

- Đã có ai trông thấy hồn cô ấy hiện lên chưa?

Tử thật thà đáp:

- Chắc có, người ta mới nói chứ.

Tôi cười:

- Nơi đây thỉnh thoảng có dấu chân cọp ra uống nước. Vậy ban đêm ai dám đến mà thấy được. Nhưng thử hỏi ai đã thấy chị Hằng Nga, nàng Chức Nữ, thế mà cũng có cung Quảng, bến Ngân.

Chúng tôi lấy bánh trái ra ăn, rồi nằm lãn trên cỏ, dưới bóng thông mà nghĩ. Trời không mây. Nắng trong và dịu. Nhựa thông bay phảng phất trong gió trưa. Bốn bề im phăng phắc. Tử nằm ngửa mặt lên trời, lim dim đôi mắt... Không mấy chốc tiếng ngáy nghe khoan khoái và đều đều. Tôi nói cùng một ông bạn:

- Ai mới đến Đà Lạt cũng ăn no ngủ khoẻ. Tôi có đưa ở tên thằng Tắc, tôi đem từ Phú Phong lên. Khi mới tới, một buổi trưa, tôi sai nó quét phòng khách. Phòng khách không rộng, nhưng ngót cả giờ đồng hồ vẫn không thấy nó trở lui, tôi bèn ra xem, thì eo ơi! Nó nằm sái dưới nền nhà, đầu gối lên chỗi ngủ ngon lành...!

Tử đương ngủ, vùng bật cười:

- Tôi không gối chỗi mà ngủ cũng rất ngon lành, và đang nằm mộng thấy cô gái hồ Than Thở...

- Cô ấy có nói gì không?

- Chưa kịp nói gì thì ông làm tôi tỉnh mộng. Anh tệ quá!

Các bạn nghe chúng tôi nói chuyện cười đùa, đều trở dậy hết. Rồi mỗi người mỗi câu, mỗi chuyện, cười cợt cho đến xế bóng mới lên ngựa ra về."

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG (Virginia) có dịp từ Sài Gòn lên Đà Lạt ghé thăm hồ cũng cảm khái tả cảnh hồ với bài "Bên hồ Than Thở":

"Bên hồ in bóng ánh mây tan
Lặng lẽ tâm tư vọng ngút ngàn
Đồi vắng bờ vờ bia mộ đá
Rừng hoang lạc lõng cánh hoa lan
Vi vu gió lạnh lòng than thở
Xao xác thu vàng dạ thổ than
Người có dừng đây cho nhẩn nhũ
Nổi niềm cảm nín vẫn miên man."

Sư HUYỀN KHÔNG của Chùa Linh Sơn Đà Lạt thuở nào cũng kể lại chuyện tích về hồ Than Thở:

“Bên trên triền đồi của hồ Than Thở có ngôi mộ của cô Thủy. Nghe đâu người ta bảo, Cô là con gái của ông bà Giám đốc hãng Savon Việt Nam ở Sài Gòn. Cô Thủy yêu cậu Tâm, một Trung Úy vì nhà nghèo nên cha mẹ cô không cho phép cô Thủy thành hôn với cậu Tâm và vì vậy, cô Thủy đã đến thác Gougah tự tử. Tuyệt mệnh thư của cô yêu cầu cha mẹ chôn cô tại hồ Than Thở và dựng cho cô tấm bia có hai câu thơ:

*“Non xanh nước biếc dù thay đổi
Nghìn năm Thủy mãi sống trong Tâm.”*

Ngôi mộ này dần dà trở nên linh thiêng. Tuần nào cũng có người mang hoa tươi đến để cầu nguyện. Nghe người ta nói hoa tươi này không phải của cậu Tâm mà là của những đôi trai gái yêu nhau mà không được cha mẹ cho phép cưới nên đến cầu cô phù hộ. Thế rồi thời gian trôi qua, tôi đi du học Tokyo trở về ghé lại hồ Than Thở thì cái bia với hai câu thơ trên không còn nữa! Những đôi nam thanh nữ tử nào mà không đau khổ, họ thường dẫn nhau đến rừng Á Ân (Forêt de l'Amour) ngồi tâm sự.”

Có người lại kể rằng có hai nấm mộ trên đồi thông. Một truyền tình có thực, đẹp và lãng mạn. Truyện kể rằng: “Có một chàng trai sinh viên trường võ bị tại Đà Lạt. Chàng yêu một cô gái rất xinh đẹp, cũng người Đà Lạt, nàng tên Thảo. Chàng và nàng thề thốt yêu nhau trọn đời. Chàng dự định trong tương lai khi tốt nghiệp rồi sẽ cưới nàng. Nhưng khi ra trường và chọn xong binh chủng thì chàng sĩ quan trẻ tuổi này chẳng may tử trận trên chiến trường. Nhận được hung tin thì nàng, người vợ chưa cưới của chàng, tự cuốn một vảnh khăn tang trong lòng, hàng ngày vẫn thường đến bên đồi thông nằm gần trường võ bị để tìm lại dấu vết tình xưa và hình ảnh cũ của người mình yêu. Nơi đây là nơi hai người thường hẹn hò nhau thuở trước. Một hôm có lẽ vì quá thương nhớ, nỗi tuyệt vọng dâng trào đến tột cùng, nàng gieo mình xuống hồ tự tử cho trọn tình và vẹn thề với người mình yêu. Cảm động trước mối tình chung thủy này người ta để hai nấm mộ bên nhau trên một đồi thông vắng vẻ.”

Một số tư liệu viết về hồ Than Thở cũng thường nhắc đến câu chuyện “Hoàng Tùng và Mai Nương”: “Hoàng Tùng chia tay Mai Nương bên bờ hồ Than Thở, ra đi theo nghĩa quân Tây Sơn.

Nghe tin Hoàng Tùng tử trận, Mai Nương nhảy xuống hồ tự vẫn. Mấy tháng sau, Hoàng Tùng trở về nhưng Mai Nương không còn nữa. Khi nghe tin triều đại Tây Sơn sụp đổ, Hoàng Tùng buồn bã nhảy xuống hồ chết theo Mai Nương. Từ đó mỗi sáng, mỗi chiều ngàn thông bên hồ lại nổi lên khúc nhạc bi ai than thở cho đôi trai tài gái sắc vì nước trọn tình yêu, do đó hồ này về sau gọi là hồ Than Thở.”

Nhưng có người phê bình rằng đây là sự tưởng tượng vì vào thời Tây Sơn, người Việt chưa định cư trên cao nguyên Lang Biang và ở vị trí của hồ Than Thở hiện nay chỉ có một cái ao nhỏ. Mãi đến năm 1920, người Pháp mới cho đắp đập chặn nước lại tạo thành hồ cung cấp nước sinh hoạt cho thành phố Đà Lạt.

Khi nghe người ta kể lại những truyền thuyết trên về cái hồ đẹp đẽ và thơ mộng này, nhà thơ CAM LÍNH cũng cảm hứng viết bài thơ “Chiều thu qua hồ Than Thở”:

*“Vàng gieo ngấn nước ánh dương chiều
In đậm hồ thu bóng liễu xiêu
Du khách lên xe đời quanh quẽ
Mục đồng về xóm bãi điều hiu
Khóc người trinh nữ cảnh sương dẫm
Gọi cảnh hoàng hôn chiếc lá vèo
Đâu tiếng Thở Than - làn sóng vỗ
Qua cầu ghé nón lạnh bay theo.”*

Xúc động vì truyện mối tình tại hồ Than Thở nên nhạc sĩ HỒNG VÂN mới sáng tác ra bài hát “Đôi thông hai mộ”:

*“Một chiều rừng gió lộng một chiều rừng. Nhớ chuyện bên đôi
thông. Nàng năm ấy khi tuổi vừa đôi chín. Tâm hồn đang trắng
trong. Như chim non khi ăn còn chưa no. Khi co còn chưa ấm.
Tuổi thơ ngày bao nhiêu chuyện mưa nắng. Nắng mưa lo một
mình.*

*Rồi nàng buồn thơ thẩn chẳng còn ngời trang điếm qua màu
phấn. Để phai úa đến tàn cả hương sắc tháng ngày luôn héo hon.
Hoa không tươi khi hay nàng ít nói. Chim muông ngừng tiếng hót.
Trời không thương nên đêm đổ giông tố. Cuộc đời nàng.*

*Sao người về đây để tìm nhưng. Thời đã mất còn đâu. Ôi!
Buồn làm sao, đôi thông xưa. Nay vắng bóng người yêu. Ôi! đời
hợp tan, hợp rồi tan. Như mây kia gặp gió. Chàng tương tư bao
năm về bên ấy. Vắng đi từ đây!*

Rồi mộ chàng đã được ở cạnh nàng. Như lời xưa thề ước. Nằm

hiu hắt đến ngàn thu an giấc dưới mộ sâu đất khô. Qua bao năm rêu xanh phủ che kín. Âm u chẳng nhang khói. Trời xui chỉ trên cây còn lá úa. Lá xanh kia rụng rồi...”

VIỆT TRANG cũng cảm khái viết vãn thơ vịnh “Hồ Than Thở”:

“Than thở tên hồ nào thế gian
Hay dư âm gió vọng lau ngàn
Một làn bích thủy trong như ngọc
Vài phiến hoàng vân óng tựa vàng
Đạ thảo hương đưa về lối quạnh
Thùy dương bóng ngả giữa rừng hoang
Xót xa ân ái chưa tròn mộng
Mộ đá bên đường lặng thở than.”



HỒ THAN THỞ

LÊ UYÊN PHƯƠNG cũng rung cảm trước cảnh hồ và sáng tác bản nhạc “Bên hồ Than Thở”:

“Chờ em đến đây đem ngàn phấn hương. Mây môi vẫn tươi trong nắng chiều. Vòng tay âu yếm muôn ngàn mến thương. Đàn ơi hãy quên đi ngày gió sương.

Yêu trong lời ca đôi chim bay xa. Lướt cánh tung mây nắng ấm đem vui. Đền yêu thương này. Những năm lìa chốn kinh kỳ. Vẫn

mơ tìm đến nơi này. Áo em màu trắng yêu kiều. Tóc xanh cuộn mây.

Yêu trong cuồng si. Yêu đôi bờ vai. Mắt biếc thơ ngây áo trắng tung bay. Nắng hôn chân mày. Biết trong màu nắng tươi này. Biết trên hồ mến yêu này. Biết em ngại những mong chờ. Khóc trên bờ vai... La la la la la la. Nắm tay cùng đến nơi này cùng hát bài ca sum vầy. Mà quên đau thương. Sầu không vẫn vương.

Yêu trong tình say. Em ơi từ đây. Mãi mãi yêu em. Mãi mãi thương em tóc xanh vai gầy. Hái hoa nhật bướm nơi này. Hát chung bài hát sum vầy. Ánh môi ngời sáng ân tình. Nắng yêu bờ vai...”

Còn NGUYỄN NGỌC CHÍNH thời nói tới một cái hồ khác, đó là hồ TUYỀN LÂM:

“Hồ Tuyền Lâm cũng là một hồ nước thuộc thành phố Đà Lạt. Đây là hồ nước ngọt rộng nhất Đà Lạt, với diện tích khoảng 320ha, nằm cách trung tâm thành phố khoảng 7km và cách thác Đatanla 2km. Hồ nằm gần núi Phụng Hoàng, đây được xem là khu phức hợp tập trung nhiều cảnh quan đẹp và dịch vụ du lịch phong phú. Hồ Tuyền Lâm có nhiều ốc đảo nhỏ và được bao bọc bởi khu rừng thông. Một đập nước được xây dựng tại đây với chức năng điều tiết nước. Hiện đang có dự án xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng, sân golf và khu sân bắn bên hồ.

Các hồ thơ mộng của thành phố Đà Lạt được nhắc đến nhiều và thường được chọn làm bối cảnh cho những cuộc tình lãng mạn. LỆ HẰNG trong một tác phẩm đã tả cảnh hồ Đà Lạt trong sương phủ khi đang “say ái ân”:

“Thành phố chìm trong biển sương mù, đèn vàng vọt hắt hiu trong gió lạnh. Mặt hồ lảng vảng bóng sương mơ, có khói sương nào dật dờ như tôi không tình yêu mến, không nơi nhớ thương. Tôi khoanh hai tay trước ngực, ngó mông ra cánh hồ không bờ không bến ngút mù sương, những hàng cây thì gục đầu buồn bã không nói chuyện với nhau, những ngọn đèn đường thì trầm ngâm như triết gia suy nghĩ chuyện đời.

Có loài hoa dại nào run trong gió lạnh ven đường phố, có ngôi nhà trắng tên Thiên Nga ủ trong rừng hoa mimosa lá rụng cánh bạc, hoa rụng áo hoàng phái xưa. Đà Lạt đang chìm trong mộng, đang say ái ân...”

Thác gieo nước bạc

Đà Lạt có nhiều thác nước. Thác CAM LY nằm gần thành phố nhất, chỉ cách khoảng 2 cây số, nên được nhiều khách lui tới. Thác được tạo thành từ dòng nước hẹp chảy chậm chạp từ hồ Xuân Hương lượn lờ uốn khúc qua nhiều khu dân cư như một dải lụa xanh mềm mại, hướng về phía Tây, dòng nước đột ngột bị chặn ngang lại bởi những tảng đá hoa cương lớn và tạo ra suối, tô điểm cho Đà Lạt thêm vẻ yêu kiều, duyên dáng.

HỨA HOÀNH viết:

“Lúc đó thác Cam Ly (ở cuối đường Yersin trước năm 1975) là một dòng suối nhỏ, mùa mưa nước chảy khá mạnh. Tên Cam Ly ngày nay bắt nguồn từ tên người tù trưởng bộ lạc Koho. Ông ta tên là K'mly, sau khi chết, bộ lạc này dùng tên ông mà đặt tên cho con suối đó mà họ xem như là quê hương của người Koho ở cao nguyên Lâm Viên. Về sau, người Việt đọc trại thành Cam Ly. Trong một tấm bưu ảnh hồi thập niên 1950 chụp thác Cam Ly, phía dưới có hai câu thơ:

*“Cam Ly nước chảy về đâu?
Cho ta nhắn gửi mối sầu cố hương.”*

Thác Cam Ly trở thành một thắng cảnh để du khách thăm viếng bắt đầu từ năm 1912. Nằm trên một ngọn đồi lộng gió gần đó là lăng ông bà Nguyễn Hữu Hào, tức ông bà quận công Long Mỹ, nhạc phụ hoàng đế Bảo Đại. Ông Hào là một người theo đạo Công Giáo, có quốc tịch Pháp, người quê ở Gò Công, có nhiều đồn điền ở Đà Lạt, Cầu Đất. Ông Hào là rể của ông Huyện Sĩ, thân phụ bà Nam Phương hoàng hậu, mất năm 1939.”

Nhà thơ QUÁCH TẤN cũng từng ghi lại những kỷ niệm của mình với HÀN MẶC TỬ nơi thác Cam Ly:

“Mùa Xuân 1933, nhân được nghỉ phép, Tử đi cùng gia đình bà Bùi Xuân Lang lên Đà Lạt thăm tôi. Vui mừng khôn xiết tả. Tôi xin phép nghỉ mấy hôm để đưa Tử đi xem thắng cảnh. Trước hết đi xem các cảnh gần. Cảnh nào cũng làm cho Tử triu mến.

Đến Cam Ly, Tử nhất định ở lại suốt ngày. Khách du quan lúc nào cũng có. Phân đồng đều dọn nơi thác, và nơi các tiểu đình. Tử thích đứng trên những chiếc cầu cong cong làm bằng những

khúc thông để nguyên vỏ và bắc ngang qua những dòng khe đá chảy quanh co.

Gió thổi mát lạnh và mùi hoa rừng thoang thoảng đưa. Vì cảnh mênh mông, không thể đứng một chỗ để ngắm. Theo những con đường khuất khúc và rợp bóng thông, nhưng rất sạch sẽ vì có người coi sóc. Tôi đưa Tử vào rừng sâu. Bóng nắng lọt qua kẽ lá trông trong dịu như bóng trăng và tiếng thông cuộn gió nghe ào ào như tiếng sóng.

Đứng trên đồi cao trông xuống cánh rừng Ái Ân (Bois d'Amour) thật chẳng khác đứng nhìn mặt biển lộng gió nồm. Chợt nhớ câu hát trong tuồng Hộ Sanh của Đào Tấn, tôi buột miệng hát:

“Lao xao sóng bủa ngọn tùng,
 Gian nan là nợ anh hùng phải vay.”

Tử vỗ tay khen:

- Thật tân kỳ!

Tôi tiếp:

- Ai có lên đây mới thấy chữ “tùng đào” của cổ nhân là đúng và câu hát của Đào Công là tuyệt diệu! Rõ ràng là cảnh chạy giặc trên núi cao! Song vì nông nổi, có người đã cả gan chê rằng “sóng gì lại bủa trên ngọn tùng được” và sửa lại là “lao xao sóng vỗ cội tùng!”. Thật mất hết cả nhân nhĩ!

Tử cười:

- Éch nằm trong lòng giếng, bao giờ biết được niềm bao la của biển đông.

Đến chiều, khi ra về, Tử quay lại nhìn cảnh một lần nữa và nói: Câu “Gành đá nước tuôn màu bạc ánh. Rừng thông ác rọi chỉ vàng thêu.” thật đã vẽ được “cái đáng vẽ” của Cam Ly. Tấn Đà khen là phải.”

CAM LĨNH cũng cùng hòa điệu. Tuy đã thăm thác nhiều lần nhưng nay, khi lại đứng chân bên thác, lắng nghe tiếng chuông chùa, lòng cảm thấy thanh thân, viết bài thơ “Thác Cam Ly”:

“Cam Ly lui tới đã bao lần
 Cảnh vẫn tư mùa một nét xuân
Ồ ạt thác tuôn dòng cuộn cuộn
 Âm u rừng rậm lá rưng rưng
Chùa bên chuông dóng hồi thông thả
Lối đá vàng rơi bước ngập ngừng
Nhìn mãi nước non non nước ấy
Lòng trần âu cũng nhẹ vài phân.”



Thác CAM LY 1970

VIỆT TRANG ghé thăm thác Cam Ly cũng cảm hứng với cái mộng mơ của thác và làm thơ lưu niệm, bài “*Bên thác Cam Ly*”:

*“Mãi bước nhàn du lạc phấn hương
Rừng mơ lối mộng thác bên đường
Đá nằm vạ kỷ lòng thanh tịnh
Nước rải ngàn hoa nhạc rộn ràng
Vài cánh chim chiều chao cỏ biếc
Một làn gió muộn động cành dương
Đầy vui thác có cùng mưa nắng
Mà biết đâu rồi khách viễn phương.”*

Thác PRENN khung cảnh rất nên thơ, nằm trên quốc lộ 20, cách thành phố Đà Lạt khoảng 12 cây số về phía Nam. Đến thác Prenn, con người tự nhiên hòa vào với thiên nhiên trở nên “thoát tục”. Từ trên độ cao 15m màn nước đổ ào ạt xuống một cái hồ xinh xắn phía dưới như một bức rèm trắng che phía ngoài một cái hầm ếch lớn, bên trong hầm ếch có bắc chiếc cầu nho nhỏ cho du khách dạo chơi luồn trong dòng thác chảy. Một bên là vách đá, một bên là màn nước mát lạnh.

Đứng trên cầu du khách sẽ được nhìn phong cảnh qua lăng kính bằng nước rực sáng và lấp lánh. Vào thời điểm thuận tiện hình thể cầu vòng móng trời với bảy màu đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím hiện ra rất đẹp mắt. Qua cầu các thanh niên nam nữ

thường giơ tay hứng bụi nước, trao tặng nhau những cánh hoa bay hoặc tranh nhau đuổi theo những cánh bướm nhòn nhơ trên các đồi thông thơ mộng, rồi dắt nhau dạo chơi dưới chân thác hoặc say sưa ngắm cảnh non nước hữu tình. Bức tranh toàn cảnh ở đây là sự kết hợp đẹp đẽ giữa trời mây, non nước mà ngọn thác Prenn là một nét chấm phá vô cùng sống động. Xung quanh thác Prenn là thung lũng ngàn hoa, là đồi thông xanh thăm thẳm.

Dòng thác Prenn trong như một bức rèm trắng muốt che cửa ra vào của thành phố Đà Lạt. Khu rừng ở quanh thác Prenn có thời còn được chọn làm nơi nuôi dưỡng các loại thú vật hoang dại như công, trĩ, voi, hươu, nai...

Có du khách lo xa, sợ rằng đứng trong lòng thác sẽ nguy hiểm vì đá trên đầu có thể đổ xuống. NGUYỄN VĂN BA kể lại rằng:

“Nhân khi chúng tôi đứng dưới chân thác Prenn, bên trong màn nước, một du khách đặt câu hỏi: “Có khi nào chúng ta đang đứng đây thì khối đá trên đầu sụp xuống không?”. Theo nguyên lý thông thường, thác sẽ lùi dần về phía thượng lưu một khoảng cách nhất định mỗi năm như trường hợp thác Niagara ở Bắc Mỹ hay thác Victoria ở Bắc Phi. Thác Prenn có dòng nước chảy yếu, nên thác lại cấu tạo bằng huyệt vũ nham cứng rắn, nên vận tốc đi lùi về thượng lưu rất chậm, chuyện khối đá trên đầu đổ xuống có thể xảy ra khoảng một hai trăm năm một lần.”



Thác PRENN 1958



Thác GOUGAH 1951

Thác GOUGAH cách Đà Lạt 37 cây số. Nơi đây phong cảnh thật thanh nhã, cây cối mọc um tùm xanh tươi, cùng với khối nước bạc khổng lồ từ trên cao trút xuống gây tiếng động ầm ầm suốt cả ngày đêm, ngừng xe từ ngoài đường đã nghe thấy. Thác Gougah còn có tên là thác Ô Gà. Thác Gougah là một thác đẹp hùng vĩ, với khối lượng nước đổ xuống từ độ cao khoảng 17m phản chiếu ánh mặt trời tạo thành nhiều sắc màu rực rỡ. Nước nơi đây được phân đôi thành hai nhánh theo chiều dọc, một bên là dòng thác đậm màu đất đỏ, hơi vàng đục, im lìm chảy, một bên là bọt nước trắng xóa như tuyết, bắn tung toé.

Thác DATANLA ẩn mình trong rừng núi trùng điệp, nằm sâu dưới thung lũng nhưng lại thoải thoải chứ thác không dựng đứng, dòng nước chảy rất mạnh. Cách thác không xa là hồ Tuyền Lâm. Từ quốc lộ 20 rẽ xuống dốc khoảng 300m là tới một thung lũng nhỏ, du khách sẽ gặp thác Datanla với cảnh trí đầy hấp dẫn và đậm nét hoang sơ. Thác đổ xuống từ ghềnh cao 20m, len lỏi qua nhiều tầng nấc trong các khe đá rồi lẫn khuất đầu đó trong rừng sâu tạo thành một dòng suối, lúc ẩn lúc hiện. Nơi đây có những tảng đá nhẵn bóng thật đẹp, tương truyền xưa kia các tiên nữ trên thượng giới thường ghé lại nô đùa tắm suối nên khu vực này còn được gọi là Suối Tiên.

Cũng có truyền thuyết nói rằng, thác Datanla là nơi dừng nghỉ Lang của bộ tộc Lat đã đánh thắng hai con rắn tinh, bẫy con chó sói để cứu nàng Bian và lũ làng người Sré thoát nạn. Từ đó, Bian

đem lòng yêu thương Lang, mặc dù khác bộ tộc. Vào những đêm trăng sáng, hai người thường hẹn hò gặp nhau tại dòng thác này.

Đà Lạt còn có nhiều thác nữa như thác LIỄN KHƯƠNG, thác SUỐI VÀNG, thác ANKROET v.v... Đặc biệt là thác PONGOUR.

Thác PONGOUR nằm trên quốc lộ 20, cách thành phố Đà Lạt 50 cây số. Thác có vẻ huyền bí lồng bên trong cảnh hoang dã của núi rừng. Đây là ngọn thác hùng vĩ nhất tỉnh Lâm Đồng. Ngọn nước từ độ cao 40m ầm ầm đổ xuống một hồ nước lớn với chiều rộng của thác khoảng 200m. Thác tung bụi nước tỏa ra chung quanh làm ẩm ướt cả một vùng. Bụi nước như làn mưa bay, như màn sương phủ mặt người, như những giọt mưa xuân thấm vào da thịt. Du khách như được đắm vẻ đẹp thiên nhiên ở đây. Cây cối mọc xung quanh thác được liên tục tắm sương bằng hơi ẩm nên luôn luôn xanh tốt, khoác trên mình một tấm áo nhung rêu xanh mịn màng. Các vách đá ẩm là môi trường thuận lợi cho các loại phong lan phát triển.

Theo truyền thuyết thì xưa kia thác nước chảy trên những phiến đá có thể rung động tạo ra âm thanh thật huyền diệu. Nhưng từ khi có một xác người chết làm mất sự linh thiêng, âm thanh ấy không còn nữa. Vào mùa mưa, nước từ thượng lưu dồn dập đổ xuống, cảnh thác càng thêm dữ dội, hùng vĩ. Thác Pongour như gầm thét, âm thanh vang xa nhiều cây số. Thác Pongour là một trong những thác đẹp nhất Đông Dương.



Thác PONGOUR

NGUYỄN QUÍ NHƠN viết lại hồi ký khi đi thăm các thác nước ở quanh Đà Lạt những ngày xa xưa:

“Mỗi lần theo dì về Đà Lạt, chúng tôi lại được dì cho ghé thăm các thác nước dọc theo quốc lộ chính hay đi sâu một chút, rải rác từ Bảo Lộc đến Di Linh trước khi leo đèo quanh co hơn 10 cây số để vào thị xã Đà Lạt. Có lúc dì lại trở ngược xuống Định Quán ăn uống tại đó, nhìn sông La Ngà chảy như thác lũ bên cạnh, rồi lại qua đèo Bảo Lộc nối tiếp đoạn đường dài còn lại. Nào thác Pongour cách Di Linh cả chục cây đi sâu về phía trái. Đây là thác mà phong cảnh rất ngoạn mục, tuy không cao cho mấy nhưng chiều dài tỏa rộng ra, chung quanh rất âm u vì rừng cây chẳng chịt nối tiếp làm tăng thêm phần hoang vu của núi rừng.

Những sắc dân Cil, Mạ, Mnong, Koho lưng mang cùi đầy củi dầu, tay xách lưng lủng những con thú mới bẫy được, từng đoàn người nối đuôi nhau đi ngang qua suối và chỉ trong chốc lát tất cả đều biến mất sau những lùm cây dày đặc. Tiếp đến không xa là thác Gougah hùng vĩ hơn với tiếng thác đổ ầm ầm nghe vang dội cả núi rừng.

Rồi xe lại tiếp tục chạy ven lộ chính, lên xuống những con dốc dài và khá cao giữa hai cụm rừng âm u tưởng chừng như càng ngày càng xiết lại đoàn người đi ở giữa. Lại có tiếng thác đổ ầm ỉ bên tai. Từ phía tay mặt trái dài cả cây số là thác Liên Khương mà theo huyền thoại sắc tộc Koho kể lại xưa kia vùng này có cả ngàn con kiến đổ đến phá rừng rẫy. Người dân sắc tộc phải đốt rừng nhưng rồi chúng lại trở lại. Họ phải khấn vái các vị thần linh của núi rừng. Thế rồi một đêm, sông Đa Nhim nổi sóng cuộn cuộn như thác vỡ bờ cuốn trôi đàn kiến khổng lồ, rồi từ đó mới có thác Liên Khương!

Trên đường đèo vòng 10 cây số để vào Đà Lạt, dì lại ghé thác Prenn nghỉ. Thác ở đây nhỏ nhưng chung quanh có nhà thủy tạ, vườn với những cây cầu nhỏ bắc qua, lên xuống thác bằng những bậc thang, lại có cả một sở thú nhỏ với chuồng cọp và trăn, kỳ đà bên cạnh. Du khách lên Đà Lạt thường hay ghé đây chụp ảnh và giải khát tại một quán nhỏ dưới chân thác. Chỉ còn vài cây số nữa là đến Đà Lạt, dì lại vòng qua một bên để xuống thác Datanla nằm tuốt ở dưới cụm rừng thông, muốn đến thác phải đi tuốt xuống con đường mòn nhỏ tĩnh mịch như vào giang sơn của rừng thiêng. Thác không đẹp cho lắm, nhưng ở đây dì thường hay nhặt những cánh hoa rừng trắng điểm màu hồng nhạt rơi rải rác dưới chân suối. Dì bảo cuộc đời như cánh hoa rơi tan tác và không mấy ai màng nhặt đến. Tội nghiệp! Hay ta hãy để giòng suối chuyên chở lại về nguồn.”

Mưa giăng sương phủ

Do ảnh hưởng của cao độ và rừng thông bao bọc nên tuy ở phương Nam của vùng nhiệt đới châu Á, Đà Lạt mang nhiều đặc tính của miền ôn đới. Không khí trong lành mát mẻ quanh năm, thật dễ chịu. Ánh sáng phong phú và điều hòa, dù là ngày mưa vẫn có mặt trời.

Đà Lạt có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa nắng từ tháng 11 đến tháng 4. Mùa hè thường có mưa vào buổi chiều, đôi khi có mưa đá. Những tháng cuối năm là lúc phong cảnh tươi đẹp nhất. Tuy sáng có sương mù nhưng khi nắng lên trời trong ngần, lồng nắng gió. Đó là một mùa lý tưởng cho du ngoạn và cắm trại. Lượng mưa trung bình hàng năm là 1.562mm và độ ẩm 82%. Đà Lạt không bao giờ có bão, chỉ có gió lớn do ảnh hưởng bão từ biển thổi vào vì sườn Đông không có núi che.

VI KHUÊ ngắm mưa rơi, những giọt mưa như gợi hứng, nhà thơ đặt bút viết “*Đà Lạt trong đêm mưa rơi*” (1969):

*“Tôi không hiểu nổi sự lặng câm này
sự lặng câm chết người từ bao chục năm nay
chao ôi băng giá, ôi băng giá
đêm dài Đà Lạt như đêm nay*

*cho tôi nâng niu trong hai bàn tay
tấm lòng của em, nỗi đau quần quại
tấm lòng của mẹ, ray rứt tương lai
tấm lòng của anh, bản khoán rã rời*

*không làm gì hết cho cuộc đời này
chúng ta đã khóc nhiều lắm em ơi
những giọt nước mắt mặn tình biển cả
chúng mình có nhau trong đêm mưa rơi...”*

QUÁCH TẤN đưa ra nhận xét về những cơn mưa của Đà Lạt nhân khi ghi lại những kỷ niệm của mình với HÀN MẠC TỬ lúc cùng ngồi bên cửa sổ:

“Ở Đà Lạt thường thường, nhất là về mùa xuân, hễ mưa thì ào xuống như xối, đến khi tạnh thì tạnh hẳn chứ không kéo lại rai. Và sau cơn mưa, quang cảnh trở nên trong sáng và đẹp để bội phần.

Hôm ấy cơn mưa tạnh thì trời còn sớm lắm. Ánh mặt trời như được rửa sạch bụi bặm, trông rực rỡ phi thường. Những đám mây trắng lồng trong sắc thông xanh murót, nằm yên lặng như đã thành băng. Những đoá hoa hường vàng leo nơi vách tường nhà, đọng nước mưa, long lanh lóng lánh như khảm kim cương...

*Choàng vai tôi, tựa cửa sổ trông ra, Tử âu yếm nói:
- Nhà anh không treo tranh thật phải quá!”*

Trưa chưa về, nắng chưa phai đi, thì trên biển trời đã xuất hiện vài mảng mây trắng đục giăng ngang thành phố. Cơn mưa giao mùa như những đường tơ cài thêu lên hoa lá, lên cây cỏ, thì thầm trên mái nhà, nhẹ vang dưới mặt đất, tựa như một khúc nhạc mưa rơi trên phố thị, buôn làng, giăng giăng khắp núi đồi cô tịch.

Tiếng mưa trên thành phố cao nguyên đã gợi hứng cho VIỆT TRANG viết những vần thơ “Mưa hoài Đà Lạt”:

*“Đà Lạt mưa hoài em chẳng hay
Tiếng mưa sũng lạnh có cây gày
Mặt trời chưa bao giờ chịu nắng
Bài thơ tình chết lặng trên tay.*

*Mưa vẫn bay qua rừng qua núi
Mưa vẫn rơi xuống phố xuống phường
Không gian sắp tan thành lệ đá
Gỗ vào hồn giọt nhớ, giọt thương.*

*Trong khoảnh khắc. Em chợt tới: muộn màng!
Trong khoảnh khắc. Em vội xa: phiền muộn!
Anh hụt hẫng trong niềm tin vô vọng
Rất ngậm ngùi thành ốc đảo cô đơn.”*

Những hạt mưa rơi nhẹ nhẹ giăng phủ núi đồi Đà Lạt một thời khiến nhạc sĩ ĐỨC HUY khi ghé thăm thành phố này vào năm 1969 đã dâng trào ý nhạc để sáng tác “bản nhạc đầu tay” của mình, đó là bản “Cơn mưa phùn” mà mấy chục năm sau vẫn còn được ghi âm và phổ biến rộng rãi. Hình ảnh cơn mưa phùn Đà Lạt lúc nào cũng như chập chùng thoáng hiện qua lời ca tiếng nhạc.

ĐỨC HUY thổ lộ rằng mặc dù sau đó mình có nhiều bản nhạc thành công nhưng bản “Cơn mưa phùn” vẫn là một trong những bản mà nhạc sĩ ưa thích nhất vì nó phản ánh được phần nào cái quan niệm triết lý của tác giả và mở đường cho tác giả vào lãnh vực sáng tác nhạc sau này.

Nội dung bản nhạc “*Con mưa phùn*”:

“Con mưa phùn bay qua thành phố nhỏ. Hàng cây dật dờ rụng hoa tàn úa. Buồn chìm vào mắt đen người con gái hát một mình. Bài hát buồn như cuộc tình.

Một sớm mai thức dậy. Tình yêu rời chân gối bay theo những cơn mưa phùn. Làm cánh chim bé nhỏ. Chiều nay nhiều mây xám. Bay theo những cơn mưa phùn lạnh lùng.

Con mưa phùn bay qua thành phố nhỏ. Đèn đêm lặng lờ gục trên đường phố. Một ngày buồn đã qua. Người con gái khóc một mình. Đời úa tàn theo cuộc tình.

Buồn chìm vào mắt đen. Người con gái hát một mình. Bài hát buồn như cuộc tình. Con mưa phùn bay qua thành phố nhỏ...”

Nhạc phẩm “*Con Mưa Phùn*” là một trong những nhạc phẩm nổi tiếng, khi được phổ biến thường chỉ ghi tác giả là nhạc sĩ Đức Huy. Có người cho rằng điều đó chỉ đúng một nửa. Nhạc là của Đức Huy nhưng lời xuất phát từ một bài thơ.

Căn cứ vào các tin tức trong website trung học Kiến Tường và tác giả Lê Hữu Uy trong bài viết “*Cô Láng Giếng Năm Xưa*” đăng trên tạp chí Viet LifeStyles do ông làm Chủ Nhiệm phát hành tại Phoenix, Arizona, Hoa Kỳ tháng 11, 2010, thời tác giả của bài thơ *Con Mưa Phùn* tên là La Thị Sinh.

Nhà thơ La Thị Sinh trước 1975 là sinh viên Văn Khoa Đại Học Cần Thơ. Sau 1975 dạy học tại Trung Học Châu Văn Liêm, Cần Thơ. Bà La Thị Sinh qua đời vào năm 2009 tại bệnh viện Chợ Rẫy, Sài Gòn, thọ 61 tuổi.



NGUYỄN XUÂN THIỆP cũng lưu giữ nhiều kỷ niệm về thành phố cao nguyên nên viết về “*Những cơn mưa phùn*” của Đà Lạt:

“Từ giã mưa phùn Huế, Nguyễn vô Sài Gòn. Ở đây không có mưa phùn. Chỉ khi lên Đà Lạt, Nguyễn mới gặp lại những cơn mưa phùn. Những cơn mưa phùn Đà Lạt. Ôi, bao giờ quên được. Mà nhiều người, rất nhiều người cũng không quên. Có thể kể ra đây một vài tên tuổi: Đinh Cường, Khánh Ly, Lê Uyên, Diễm Liên... Còn Bích Hường, cô gái Sài Gòn, từng viết trong blog của mình: Em yêu Sài Gòn, yêu cả màu nắng và tiếng rao hàng trong đêm. Vậy mà khi lên Đà Lạt, gặp cơn mưa phùn ở đây, là em mê. Mưa phùn, hương cà phê và lửa ấm...”

Đúng như Bích Hường viết, những cơn mưa phùn ở Đà Lạt mang hơi ấm của những ngọn lửa cà phê.”

Viết thêm bài “*Trời mưa, có hai người che chung một chiếc dù*”:

“Lần đầu tiên ấy, ở Đà Lạt. Đà Lạt, cũng như Seattle, là xứ nhiều mưa, nhất là vào mùa hè. Năm ấy, đang tu nghiệp khóa trung cấp ở Đại Học Chiến Tranh Chính Trị, những trưa những chiều cùng nắng của tôi che chung một chiếc dù xuống phố khiến anh chàng Thái Tú Hạp cùng khóa trông thấy mà thèm, cứ khen nức khen nở. A, thì ra được che dù cho vợ đi trong mưa cũng là một hạnh phúc đó chứ...”

...Đến đây, bỗng nhớ tới một cái phim xem hồi ở Đà Lạt. Les Parapluies de Cherbourg - Những Chiếc Dù Ở Cherbourg.”

PHẠM TÍN AN NINH cũng ghi lại kỷ niệm của mình về mưa cao nguyên trong bài “*Đà Lạt Trời Mưa*”:

“Tôi đến Đà Lạt đúng vào một ngày mưa. Mưa tầm tã. Ngồi trong nhà Thủy Tạ, nhìn những hạt mưa bay giăng kín rừng thông, phủ mờ khu phố Hoà Bình, và rơi lả tả xuống mặt hồ Xuân Hương, tôi mơ hồ như những giọt nước mắt của người góa phụ đã từng một thời nhan sắc...”

“Tôi đã đến thành phố này nhiều lần. Lần cuối cùng vào mùa Giáng Sinh năm 1970, khi đơn vị tôi may mắn được lệnh về đây phối hợp hành quân giữ an ninh cho một khóa Võ Bị làm lễ ra trường. Bao nhiêu năm trong rừng núi tây nguyên gió lạnh mưa mùa, rồi xuống bờ biển Phan Thiết với những động cát trời trời nóng như lửa đốt, bất ngờ được về Đà Lạt, cho dù chỉ sau một ngày ở thành phố, đơn vị tôi lại được đổ xuống những rừng thông xa tít, nhưng đám lính tráng bọn tôi vẫn có cái cảm giác như được đi nghỉ mát. Người ta nói đúng, Đà Lạt dễ thương như những cô gái với gò má trắng hồng và đôi môi mộng đỏ để ai một lần lên xứ

Hoa Đào mà lòng không vấn vương. Đà Lạt cũng là nơi có nhiều huyền thoại về những mối tình đẹp và buồn của các cô sinh viên với những chàng trai mang alpha đỏ theo nghiệp kiếm cung, mà tôi đã đọc được trong những bài thơ thật buồn của Lệ Khánh từng vang tiếng một thời.

Nhưng đó là Đà Lạt của ngày xưa. Còn hôm nay tôi đến Đà Lạt, với ngồn ngang những nỗi buồn nặng trĩu trong lòng, và Đà Lạt bây giờ chỉ là một thành phố chết.”

Ở Đà Lạt có cái thú là đi chơi dưới mưa, từng cặp, từng lứa đôi kè nhau đi trong làn mưa nhẹ dưới những chiếc dù xinh xinh đủ màu sắc. Vòng tay quấn quýt quanh thân mình như truyền hơi ấm tinh cảm khiến trái tim thêm rung động. Tiếng mưa mãi vang vọng trong lòng người, giọt mưa chuyển mùa mơn man trên da thịt, thấm lạnh vào tâm hồn khiến TÂM MINH cảm hứng viết bài “Sang mùa” như để riêng tặng những kẻ phải biệt ly sầu muộn:

*“Day dứt u hoài khúc nhạc mưa
Như người rơi lệ dẫm trên tơ
Gió về trút lá vương hè cũ
Mưa đến tuôn sầu ngập phố xưa
Lê bước, dội vang niềm quạnh quẽ
Dừng chân, thấm lặng nỗi bơ vơ
Hồn hoang nghiêng lạnh chiều Đà Lạt
Trời đất sang mùa gợi ý thơ.”*

TUYÊN SƠN ở nước ngoài cũng thả hồn về chốn cũ Đà Lạt, không quên những cơn mưa nên viết bài thơ “Nhớ mưa Đà Lạt”:

*“Mới đó mười năm qua thật nhanh
Ngày đi mái tóc hãy còn xanh
Nhớ thương ray rút đầu pha bạc
Vết theo tha hương biết có lành?”*

*Mưa chiều Đà Lạt tận trời xa
Thấm lạnh tâm tư nỗi nhớ nhà
San thành nắng hạn, thêm mưa lũ
Sương đọng nâng niu từng giọt sa*

*Rời bỏ đời cao vượt biển sâu
Bèo trôi theo ngọn sóng dâng trào*

Bão nổi chân trời mờ bến cũ
Đèn chong ai có đợi chờ nhau?

Tháng năm Đà Lạt chiều mưa lạnh
Hơi ẩm cà phê ngọt giọng ai
Hết cơn mưa đổ trời quang tạnh
Tươi tốt thông rừng đẹp nắng mai

Mưa chiều Đà Lạt gây thêm nhớ
Nhớ thác nước đầy, nhớ cỏ xanh
Nhớ cả từng người đi kẻ ở
Mưa chiều Đà Lạt ướt hồn anh.”

Mưa Xuân giăng phủ trên thành phố gợi hứng cho HUỆ THU
đặt bút viết những vần thơ trong bài “*Thương hoài*”:

“Đà Lạt mùa Xuân
những cơn mưa nhẹ
muôn lần về sau
trăm năm một chút dạt dào
rời muôn cái chút còn xao xuyến hoài!
Trời Đà Lạt
nắng mong manh
khi mưa bắt chợt
tung mảnh gió qua
chiều về hái trộm cành hoa
xếp đôi guốc lại trước nhà có thơ!”

Mùa Hè Đà Lạt đó, ấm áp như mùa Xuân, dịu hiền như mùa Thu và đôn hậu như mùa Đông. Nhạc mưa mùa hạ như gợi chia lỵ thôi thúc VIỆT TRANG viết bài “*Nhớ thương ngày tháng Hạ*”:

“Và phút chia tay,
Chưa kịp lời từ giã.
Xuân vừa tàn, nắng rơi về phía đó
Chiều tháng tư, mưa rót lại nơi này.
Mưa lên đênh, ngậm ngùi thành phố nhỏ
Mưa nhạt nhòa, che khuất dáng chim bay
Nhạc mưa buồn sóng hồ chao thác đổ
Núi rừng sương, xanh một nhánh thông gầy.
Ở xứ lạnh, chỉ có mưa và gió
Gió thật mềm, mưa thật nhẹ như mây

Và có nắng, nắng mịn màng tơ lụa
Chẳng vàng đâu, một chiếc lá trên cây.
Nghe quạnh quẽ, con dốc mòn sỏi đá
Bước tha nhân, còn in lại dấu giày
Lòng bất chợt nhớ thương ngày tháng hạ
Mưa vô thường, tím lạnh cả vòng tay.
Và phút chia tay
Chưa kịp lời từ giã
Xuân vừa tàn, nắng rơi về phía đó
Chiều tháng tư, mưa rớt lại nơi đây.”

Mưa Đà Lạt giăng mắc trên thành phố cũng khiến cho các nhà thơ ngâm ngùi nhớ lại biết bao hình ảnh cũ chất chồng, đôi khi đầy ngang trái và nát tan.

Kể lại “Truyện chúng mình” NHẤT TUẤN dâng đầy sầu cảm viết bài “Mưa trong kỷ niệm”:

“Chiều mưa đó tưởng không còn gặp lại
Lần cuối cùng hai đứa lặng nhìn nhau
Có bao giờ em hiểu được anh đâu
Tình ngang trái và những lời gian dối.

Trong tay nhau nhiều lần anh tự hỏi
- Ái Khanh ơi! Em còn nhớ chẳng em
Bình minh hồng... và những buổi chiều êm
Truyện Chúng Mình... với bao nhiêu kỷ niệm.

Hoa không đợi mà tình cờ bướm đến
Mình yêu như chưa từng có bao giờ
Em về rồi anh ở lại bơ vơ
Và bỗng thấy muốn giận hờn mãi mãi.

Chiều mưa đó tưởng không còn gặp lại
Nào ngờ đâu trên thành phố Cao Nguyên
Đang âm thầm đếm bước dưới trời đêm
Anh bỗng thấy đáng người xưa thấp thoáng.

Mái tóc mây bồng bênh che vầng trán
Nụ cười buồn vương ánh mắt nai tơ
Anh tưởng mình như đang sống trong mơ
Rồi thâm nghĩ đó chỉ là... hư ảnh

*Ai thoát gặp... đã vội vàng... lẩn tránh
Trong mưa bay anh thờ thần quay về
Mimosa... tràn ngập lối chân đi
Hoa hay chính tình ta... đang tan nát.*

*Tết tha hương nhớ mùa xuân Đà Lạt
Lòng băng khuâng... thương người cũ... năm nào
Tình tưởng phai theo ngàn cánh anh đào
Bỗng giây phút lại... thăm hồng nổi nhớ.*

*Tiếng mưa như
giọng ai hoài nức nở...
Lần cuối cùng
Rồi mãi mãi
Và mãi... mãi... chia xa
Cho hồn anh nổi bão táp phong ba
Thương từng hạt... mưa buồn... trong kỷ niệm.”*

Từ thành Phố Hoa Hồng Oregon, Hoa Kỳ, trong dịp vui đón mùa Xuân mới, nhà thơ TUỆ NGA cũng chợt nhớ lại âm thanh màn mưa của thành phố miền cao xa xưa trong một mùa Xuân cũ và đặt bút viết bài thơ “*Tiếng mưa Đà Lạt*”:

*“Tôi muốn quên, muốn quên tiếng mưa
Mưa mùa Xuân ấy, tiếng mưa thưa
Tiếng mưa trầm lắng vào tâm thức
Đà Lạt mưa buồn... sương khói mơ...”*

*Dặm dài thế kỷ Trăng đầu núi
Soi cõi nhân hoàn lấm biển dâu
Ai ở đầu Non, ai cuối Biển,
Trăng soi u uẩn... thế nhân sâu!*

*Tiếng mưa rỉ rả mưa tiềm thức
Lặng lẽ Thời Không sương tuyết pha
Còn lại chút gì trong đáy tách
Hương Trà mùa cũ, giọt Mưa Hoa...”*

Ngoài màn mưa giăng mắc, đất trời Đà Lạt còn bồng bênh trong sương phủ. Đà Lạt từng được gọi là “thành phố sương mù.” QUÁCH TẤN ghi lại kỷ niệm với HÀN MẠC TỬ về cảnh sương mù ở Đà Lạt thuở xa xưa:

“Chúng tôi đang nói chuyện thì dường như có một luồng sáng từ trong hồ bay ra và thoáng nhẹ ở trước mắt. Chúng tôi chú mục: Một đám sương lớn bằng chiếc chiếu chõng, nổi lên bên trên mặt hồ. Sương mỗi lúc một vượn cao và lan rộng, phản chiếu ánh trăng sáng hực cả bốn bên. Trong phút chốc mặt hồ bị khuất hẳn, và trước mặt chúng tôi, nổi lên một ngọn “núi bông gòn” trắng phau và sáng ánh. Rồi một ngọn gió thổi nhẹ, sương ùn ùn toả ra khắp nơi... cuốn cả trời đất muôn vật. Chúng tôi không còn thấy gì, ngoài ánh nắng. Đến nỗi đứng sát bên nhau mà chúng tôi cũng không thấy rõ được nhau!

Chúng tôi có cảm giác trời đất đã tan thành thủy tinh và chúng tôi đang đứng giữa hư vô... Sương bay thấm má và một luồng hơi ẩm tỏa khắp châu thân, gây một khoái cảm dịu dịu... Tôi nói khẽ cùng Tử:

- Mình dường như chìm vào mộng, hay mộng đang lắng vào mình?

- Hư thực, phân biệt làm sao được! Nhưng chớ nói nhiều... Hãy lắng nghe... Dường như có tiếng thì thầm từ đáy hồ vọng đến. Tôi không mơ đâu nhé! Hãy lắng nghe... Đừng tựa lan can cầu trước dinh Quán Đạo, chúng tôi nắm chặt tay nhau... Rồi sương tan dần, và dần dần mặt trăng sáng trở lại. Tử nói:

- Cảnh thật huyền mơ! Tiếng lòng lẫn cùng tiếng tạo vật! Con người hòa hẳn vào Thiên nhiên!

Trời đã khuya, nhưng còn tiếc cảnh, chúng tôi đứng tựa lan can cầu. Sương thấm ướt cả áo, nhưng chúng tôi không thấy lạnh. Bỗng một ngọn gió thổi, chúng tôi rùng mình ớn lạnh... Chúng tôi bèn dắt nhau đi nhanh về nhà.”

Sương Đà Lạt giăng phủ khắp núi đồi trùng điệp, vương vấn trên ngọn cây, đầm ướt dưới thảm cỏ. QUÁCH TÂN viết về lý do đã khơi nguồn và gợi hứng cho mình khi viết những vần thơ trong bài “Đà Lạt đêm sương”:

“Nhân nhớ lại cảnh cùng Tử thưởng sương trên bờ hồ Đà Lạt một đêm trăng năm 1933, tôi làm bài “Đà Lạt đêm sương”, gởi ra tặng Tử:

“Bóng trắng lóng lánh mặt hồ im,
Thời khắc theo nhau lái rỏi chìm.
Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,
Hồn say dịu dịu, mộng êm êm.

Một luồng sương bạc bỗng từ mô
Lên cuốn vừng trắng cuốn mặt hồ,

*Cuốn cả non sao bờ suối ngọc:
Người lơ lửng đứng giữa hư vô.*

*Trời đất tan ra thành thủy tinh.
Một bàn tay ngọc đắm hương trinh.
Âm thầm môn trốn bên đôi má
Hơi mát đê mê chạy khắp mình.”*

Tử khen và cho là một bài thơ thoát hẳn lối thơ Đường cả nếp nghĩ lẫn dáng thơ. Tử bảo rằng Đà Lạt Đêm Sương đã mở lối cho tôi bước vào đường tương lai huy hoàng và nhiều lần viết thơ thúc dục tôi làm thơ mới.”

Bài thơ “Đà Lạt đêm sương” đi sâu vào lòng người. Tâm và cảnh hòa nhịp với nhau, đưa tâm hồn thi sĩ lên cao, hầu như tan biến vào hư vô, không còn cảm giác thời gian không gian nữa.

LÊ TRIỀU PHƯƠNG (là học trò của nhà thơ Quách Tấn) đã bình bài thơ này của thầy mình như sau:

“Với ba khổ thơ thi nhân đưa người đọc vào quá trình biến chuyển của không gian, thời gian và xúc cảm của kẻ thường ngoạn cảnh hồ dưới ánh trăng trong đêm sương. Thi nhân dẫn người đọc đi từ cảnh thực đầy màu sắc vào cõi mộng say say (khổ 1) rồi tiến vào thế giới mờ ảo mênh mang không còn gì để bám tựa, mộng cũng tan mà thực cũng tan, chỉ còn một bóng người giữa hư vô (khổ 2); Cuối cùng thi nhân kéo ta qua thế giới mộng - một màu trong suốt: con người thực, tận hưởng hạnh phúc của cõi thiên thai (khổ 3).

Mạch tứ về không gian, thời gian và cảm giác vận chuyển trong mạng lưới tương quan tương sinh, thực thực hư hư. Trong đó kẻ thường cảnh không một giây phút nào tan lẫn vào cái hư hư thực thực - nghĩa là thần trí luôn luôn tỉnh táo và thực tại.

Khách thường cảnh đã đi theo thời gian từng giây từng phút, từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, để hưởng thụ vẻ đẹp và mọi hiện tượng kỳ ảo của thiên nhiên. Giữa hư vô vẫn trụ được, vẫn nhận thức rằng mình “đứng”. Khi đất Trời tan ra thành một khối trong suốt vẫn cảm nhận được tác động của hơi mát từ ngoài lên đôi má và khắp cơ thể.

*Âm thầm môn trốn bên đôi má
Hơi mát đê mê chạy khắp mình.*

Toàn bài thơ toát ra vẻ đẹp diễm lệ, kỳ ảo và sự thưởng thức say mê tuyệt vời tới tâm trạng ngạc nhiên không có dấu vết cò

đơn, lạnh lẽo. Khổ thơ đầu dựng lên một không gian thanh tịnh tráng lệ: hồ và trăng đã trang điểm và làm tăng vẻ đẹp cho nhau:

Bóng trăng lóng lánh mặt hồ im

Chất trong và yên tĩnh của hồ đã quyến rũ trăng đến soi mình và xuống tắm. Ánh sáng làm cho khuôn trăng dưới nước và trên trời càng long lanh. Ngược lại ánh trăng long lanh đã làm cho mặt thoáng của hồ rõ sáng, thơ mộng. Nhà thơ tận hưởng từng giây từng phút cảnh sắc kỳ diệu, mênh mông, thơ mộng ấy với cảm quan và tình thức của mình. Vì vậy nhà thơ thấy được từng đơn vị thời gian đi qua. Nhà thơ đã níu thời gian chậm bước để mong kéo dài thời khắc hưởng thụ vẻ đẹp huyền ảo của thiên nhiên.

Và trong khung cảnh huyền ảo ấy, thời gian đã chiều theo ước muốn của thi nhân nên dừng lại và hiện thành một hữu thể có mặt có tình. Thời khắc cũng không những chiều lòng thi nhân mà thôi, mà đã trở thành một “kê ngắm cảnh” để cùng thi nhân ngắm cảnh, trong cảnh ấy chính thi nhân lại trở thành một bóng hình thâm lặng đứng “tựa non sao” bên “bờ suối ngọc” say sưa chìm đắm trong “bóng trăng lóng lánh mặt hồ im.”

Thơ mộng làm sao! Sao trời như rơi xuống biến thành núi non cho thi nhân thoải mái tựa mình. Sông Ngân đã rời bỏ vũ trụ, tuôn thành dòng suối ngọc rung rinh ru mơ cho thi nhân.”

LÊ TRIỀU PHƯƠNG như cảm thụ trọn vẹn bài thơ của Quách Tấn nên tiếp tục bình thơ:

“Vẻ đẹp của đất trời tụ về quây quần chung quanh thi nhân, hoá hiện thành một cõi lung linh diễm huyền.

Đứng tựa non sao bờ suối ngọc

Từng thời lượng dừng lại không trôi nữa và đưa mình hòa vào cảnh sắc siêu ảo. Trời đất, con người hòa nhập vào nhau thành một cõi thơ mộng: xúc cảm, tâm tư đều chìm trong ngất ngáy.

Thời khắc theo nhau lái rải chìm.

Trong cơn ngáy ngất ấy bỗng hiện ra một làn sương bạc.

Một làn sương bạc bỗng từ mờ...

Làn sương đến đột ngột trong lúc hồn say diu diu mộng êm êm: chưa kịp tỉnh, chưa kịp định hướng, chưa kịp nghĩ ngợi thì làn sương đã kín đáo cuốn cả đất trời một cách nhanh chóng - Cuốn vàng trắng, cuốn mặt hồ, cuốn cả non sao, cuốn bờ suối ngọc.

Vừa mới nhìn vào một đối tượng... thì chớp nhoáng đối tượng ấy đã bị cuốn đi mất! Khi mọi đối tượng (ngoại cảnh) mất sạch hết không còn gì để nhìn để thấy, nhà thơ chợt thấy lại con người bằng cái nhìn tự nó (khổ 2).

Trạng từ “bỗng” (câu 1) và động từ “đứng” (câu 4)

Một làn sương bạc bồng từ mô...

Người lơ lửng đứng giữa hư vô

tác động lẫn nhau cho thấy một hữu thể vừa thức tỉnh vừa trụ vững trước mọi biến dịch.

Sự tỉnh thức ấy đã giúp thi nhân cảm nhận ngay một cách trọn vẹn những hiện tượng đột biến của đất trời.

Trời đất tan ra thành thủy tinh

Ôi mọi vẻ đẹp mệnh mông lai láng... Trăng long lanh, mặt hồ im, non sao, suối ngọc đã hòa tan thành một chất liệu nhất thể trong suốt yên nguyên.

Nó như một làn tơ nhẹ dăng hiển tặng cho mình, hoàn toàn riêng cho mình...

Thần tiên thú vị đến lịm người.

Hơi mát đê mê chạy khắp mình.

Thi nhân đứng một mình trước vũ trụ mệnh mông song không thấy cô đơn, chơi vui. Thi nhân đã để cho giác quan của mình chan hòa vào các hiện tượng đang chuyển đổi của đất trời, đồng thời giữ nguyên vẹn sự tỉnh thức của con người đang thưởng ngoạn.

Vẫn “đứng” tựa non sao, vẫn “đứng” giữa hư vô mà theo dõi cảm giác lan truyền lên “đôi má” và “chạy khắp mình”.

Thật tuyệt vời! Con người thường mong được hòa nhập, trầm lắng vào thiên nhiên và suối nguồn của vạn vật. Ở Quách Tấn trong “Đà Lạt Đêm Sương”, tất cả những vẻ đẹp diễm ảo lung linh trong suốt đã hội tụ vây quanh thi nhân.

Hai bên cùng nhìn ngắm nhau trong ánh mắt, con tim và tình thức. Vậy còn gì đâu để đặt vấn đề hòa điệu hay hòa nhập, đâu còn vấn đề tri thức “nhất nguyên” hay “nhị nguyên”.

Một cây viết khác là TRẦN UYÊN THI trước hết nói đến cảm nghĩ của mình về Đà Lạt rồi mới bình bài thơ của Quách Tấn:

“Đà Lạt, thành phố sương mù, thành phố mộng mơ, nguồn thi hứng của bao đời... Làm sao vẽ lại Đà Lạt, với tất cả các đường nét của nó: mây trắng giăng giăng đầu núi, muôn ngàn thung lũng xanh non, những con suối ngoằn ngoèo, những rừng thông vi vu, những căn nhà xinh xinh nằm rải rác trên sườn đồi, những vườn rau xanh mơn mớn, những cuộc tình thơ mộng, những bước chân chia ly... Đà Lạt, với những con dốc thoải thoải, cái này chồng lên cái kia, buổi chiều mặt trời đỏ ối phía sau dốc, người đi lên dốc tưởng như từng bước chân đưa mình gần hơn đến thượng giới.

Đà Lạt, với những con thác sủi bọt trắng xoá, với chiếc cầu bắc ngang làm bằng thân của một cây thông già để nguyên vỏ, nước

liếm vào thân cây phủ đầy rêu xanh, bước lên không khéo trượt chân, thấy mình chơi voi giữa bờ sinh-tử: nhìn về phía đầu ghềnh, dòng nước chảy xiết dữ dội đập vào những tảng đá bạc đầu, nhìn về phía cuối ghềnh, nước êm ả nhẹ trôi, những thân củi mục từ thượng nguồn xa xôi trôi về, lênh đênh như thân phận con người. Làm sao có thể mang tất cả những thứ đó vào trong một bức tranh, hay một bài thơ?”

Sau phần dẫn nhập nói trên TRẦN UYÊN THI mới phát biểu về bài thơ “Đà Lạt đêm sương” của Quách Tấn:

“Bốn câu đầu, đã có thể sánh vai với một bài Đường thi, và có phần tân kỳ. Hay nhất là câu “thời khắc theo nhau lái rài chìm”. Ta đã từng nghe âm thanh rơi: “Tiếng vàng rơi xuống giếng / Trăng vàng rơi bờ ao” (Hàn Mặc Tử), nhưng thời gian - một phạm trù phi hình thể - cũng theo bóng trăng rơi chậm chậm xuống mặt hồ, thì thực là độc đáo! Trong giây phút này chứa đựng cái thiên thu.

Nhưng bài thơ sẽ không có gì đặc biệt hơn nữa, nếu không có sương mù. Khi luồng sương bạc xuất hiện, ở đoạn thứ hai, như cánh tay áo của một tiên nga, cuốn cả vùng trăng, mặt hồ, non sao, bờ suối ngọc, và cả thi nhân, cuốn lên giữa hư không, thì đó cũng là lúc bài thơ chấp cánh bay cao, là lúc cảnh vật và con người hòa thành một, là lúc trời và đất hòa vào nhau và tan ra thành thủy tinh.

Hiện hữu hay là không hiện hữu? Thực hay là mộng? Nếu nói là thực, thì sao không thấy tầm dạng đâu? Còn nếu nói là mộng, thì sao có bàn tay của tiên nga mon trón lên má, khiến cho khắp mình một nỗi đê mê chạy rần rật?”

Nhiếp ảnh gia TRẦN CAO LĨNH qua ống kính nghệ thuật của mình đã mô tả sương mù Đà Lạt dưới một khía cạnh khá khác lạ, bằng một cái nhìn thật độc đáo của người nghệ sĩ:

“Tất cả những cảnh tượng màu sắc ấy lại gặp được một ngày sương mù thì thật là huyền ảo. Đồi núi như trôi lững lờ vì mây trắng thấp vắt ngang chân. Sự ẩn hiện tới mức cho ta thấy như đi trong giấc mộng. Rồi khi mặt trời cố nhoi lên cao, thỉnh linh rọi mạnh xuống những tia sáng xẹt vào thung lũng làm cho mây trắng, sương bạc cuồn quít thi nhau chạy trốn; cảnh tượng những màn mỏng vô tri đó thoát bỗng biết quẩn quại, chen lán ẩn nấp, vương vít, vấn vương thật là kỳ diệu.

Tiệc thay hình ảnh này chỉ để dành cho một số du khách biết tìm đến những thung lũng từ năm sáu giờ sáng - giờ Đà Lạt đang ngủ ngon.”

Khi màn sương đêm mộng ảo vừa tan thì mặt trời ban mai cũng vừa e ấp ló dạng choàng một lớp ánh sáng mỏng manh lên đồi núi và cỏ cây hoa lá, trải từng nhung lụa lên khắp các nẻo đường, lóng lánh trên mặt suối hồ, trong suốt như thủy tinh. Trong trái tim người xa xứ hình ảnh này khó có thể quên. Từ phương trời xa nhớ về thành phố cao nguyên cũ NGÔ XUÂN HẬU viết bài thơ “Đà Lạt trong sương” (1985):

*“Trời đất khách mấy độ rày trở lạnh
chiều buồn thơ nhớ tóc ai bay
mùa vào hanh Đà Lạt có nhiều mây
nắng còn trải trên sân Cù lộng gió*

*Hồn Đà Lạt có còn thơm hoa cỏ
má còn hồng như đào chín ban mai
sương có còn nhỏ giọt phơi thai
trên tóc mẹ mỗi mù khuya Võ Tánh*

*Này Cam Ly, con trăng này có lạnh
như hồn thơ lữ thứ mỗi chiều đông
mắt môi tươi mà hồn lạnh như đồng
như suối vẫn reo vui giờ tiễn biệt*

*Thơ nhớ quá những mùa mưa diễm tuyệt
hồn rưng rưng trên từng nhánh thông gày
mù sương về xóa mái tóc mây
Trên phố thị xôn xao chiều nắng quái...*

*Đà Lạt ơi nhớ ngày thơ bỏ lại
một cao nguyên thần thoại muôn đời
một chiều mưa như mắt lệ ai rơi
trên lưng thấp, đồi cao...
bâng khuâng sương khói*

*Đà Lạt ơi!
thơ mãi yêu em không bằng tiếng nói
bằng lời thông, tiếng suối, gió ven hồ...
bằng một hồn thơ rất mực là thơ
mà ngôn ngữ, âm thanh... đều vô dụng!”*

Sương mù Đà Lạt cũng từng gợi ra muôn ý nhạc tình tứ nên MINH KỶ và DẠ CẨM viết bản nhạc “Đà Lạt hoàng hôn”. Từ lâu

bài ca này nổi tiếng với tiếng hát Thanh Tuyền. Trong lời ca ta thấy hình ảnh chiều xuống thành phố mộng mơ và “*màu lam tím Đà Lạt sương phủ mờ.*” Ấn hiện “*Từng đôi đi trên phố vắng*” khoác tay nhau dạo trên các ngã đường thơ! Nhưng rồi trong “*hơi sương giá buốt*” vẫn xen lẫn hình ảnh của chia cách, của “*tình đầu dang dở*” nên vẫn có bước chân cô liêu của “*người đi trong sương rơi*”.

Hình ảnh sương mù Đà Lạt cũng gợi hứng cho VŨ THÀNH AN viết bản nhạc “*Bài không tên số 14*” (Đà Lạt Xanh). Bản nhạc ca tụng tình yêu đôi lứa, cũng nhưng nhớ giăng đầy:

“Đà Lạt xanh trong... in dấu chân em hồng. Đà Lạt nắng say... điếm tô thời con gái. Đà Lạt mù sương... mộng mơ sóng cuộn cuộn. Tình yêu mới chớm... mở nguồn đôi mắt sáng.

Nụ cười em tươi... mơ có nhau trong đời. Kỷ niệm ngất ngây... bao nhiêu điều vui mới. Sài Gòn mù khơi... tình vui có anh đợi. Đợi trong nỗi khắc khoải... của tình anh chơi vui.

Em có biết... đẹp nhất một đóa hoa. Là tình yêu... tình yêu của chúng ta. Em đã đến... trong khi anh không ngờ. Và như thế... chẳng lẽ một giấc mơ.

Tình hồng anh trao... như máu anh đang hồng. Nhịp đập trái tim... vẫn chia đều sự sống. Mặn nồng dòng sông... trải ra đến vô cùng. Tặng em tất cả... nhiệm mầu trong không trung...”



Trăng sao đăm đúi

Ánh trăng Đà Lạt lung linh huyền ảo ngự trị trên trời. Trăng đậu giữa cành thông. Trăng treo lơ lửng tận đỉnh Lâm Viên. Trăng mênh mông soi thung lũng cô liêu. Trăng vỡ mơ màng trên suối ngọc. Đà Lạt tắm trong biển trăng. Thành phố trôi theo dòng trăng man mác, ngọt ngào như sữa mẹ. Dòng trăng tràn ngập cả hồn người. Xin mời trăng ngồi lại với thi nhân. Ta cùng trăng kể lại cuộc phong trần. Và trăng đã gọi thơ về cho sơn khách tình tự.

QUÁCH TẤN kể lại chuyện một chuyến đi chơi về ban đêm tại Đà Lạt với HÀN MẶC TỬ:

“Tôi đến, tôi đưa Tử đi dạo. Dạo cảnh Đà Lạt lúc ban đêm cũng là một kỳ thú. Những con đường quanh co, khi lên cao, khi xuống thấp, nhiều khi đường chồng lên nhau. Lắm nơi, đứng xa mà trông thấy như những cuộn vải đen giăng lơ lửng trên đọt cây... Đèn điện lẫn lộn cùng sao, trên cao có, dưới thấp có, chỗ thì chói lọi giữa không, chỗ thì khấp nép trong cành lá... Mùi nhựa thông ban đêm bay ngát cả không khí. Thỉnh thoảng mùi hoa Mimosa, mùi hoa Viollet trộn lẫn vào tạo thành một hương vị đặc biệt, hít vào thấy nhẹ cả châu thân.”

QUÁCH TẤN kể tiếp là HÀN MẶC TỬ rung động trước khung cảnh nên thơ của Đà Lạt trong đêm trăng nên về sau này đã sáng tác bài thơ “Đà Lạt trăng mờ”:

“Và tuy Tử sống với Đà Lạt không được nhiều ngày, song vẻ đẹp huyền diệu của non sông ánh hưởng vào thơ Tử sau này không ít. Tiêu biểu nhất, Tử có bài Đà Lạt Trăng Mờ. Bài này tuy mãi về sau Tử mới làm, song nguồn cảm hứng đã khơi từ những ngày đến Đà Lạt:

*“Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu:
Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ!
Trăng sao đăm đúi trong sương nhạt
Như đón từ xa một ý thơ.*

*Ai hãy làm thình chớ nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để xem trời giải nghĩa yêu.*

Hàng thông lấp loáng đứng trong im
Cành lá in như đã lặng chìm.
Hư thực làm sao phân biệt được!
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm.

Cả trời say nhuộm một màu trắng,
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng,
Không một tiếng gì nghe động chạm
Đấu là tiếng vỡ của sao băng.”

Bài thơ “Đà Lạt trắng mờ” đã được HÀ XUÂN TẾ dịch sang tiếng Pháp, đăng trên tạp chí Đông Dương (Indochine) số 25, năm 1941, và HẢI LINH phổ thơ thành nhạc hợp xướng:

“DALAT, UNE NUIT DE LUNE VOILE”:

Déjà, la minute divine a commencé,
Le ciel semblait rêver dans un tableau plein de rêves...
La lune et les étoiles étaient noyées dans une brume blafarde.
Au loin, un poème s’annonçait, s’ébauchait...

Silence! je vous prie, ne parlez pas!
Écoutons l’eau qui murmure au fond du lac...
Écoutons les feuilles de saule tremblantes dans le vent,
Écoutons le Ciel qui nous explique le sens profond de l’amour.

Obscurement, les pins se tenaient debout dans le silence,
Leurs branches et leurs feuilles semblaient toutes noyées.
On ne pouvait les distinguer du noir qui les enveloppait.
Sur le rideau de la nuit, le Fleuve d’Argent (voie lactée)
surnageait.

Toute la voute céleste était enivrée d’une uniforme teinte de lune,
Et tout mon coeur était sans paroles.
Rien, aucun bruit ne troublait le silence,
Pas même l’éclat lointain d’une étoile filante qui se brisait.”

TRẦN UYÊN THI bình bài thơ “Đà Lạt trắng mờ” như sau:
“Cũng như bài thơ của Quách Tấn, chất liệu làm cho cảnh vật mờ nhạt đi trong bài thơ này là sương. Sương làm cho muôn ngàn tinh tú trở nên lung linh huyền ảo, làm cho những rặng thông xanh chìm đắm trong mơ màng, trầm lắng và mộng mênh. Và, chính

ngay lúc đó, là giây phút mỗi giao cảm thiêng liêng giữa con người và tạo vật bắt đầu nảy nở.

Tôi thích nhất là tiếng “suyt!” thắm thì dễ thương của thi sĩ họ Hàn: “Ai hãy làm thính, chớ nói nhiều! Để nghe dưới đáy nước hồ reo / Để nghe tơ liễu run trong gió...” Nói chỉ cho nhiều! Cái đẹp và chân lý luôn vượt thoát mọi ngôn từ (dù là ngôn từ của thi nhân). Hãy lắng lòng lại, hãy buông bỏ hết những định kiến, những ý niệm, những đám mây mù trong tâm hồn để còn trơ lại một bầu trời xanh trong vắt, lúc đó mới có thể ôm trọn và phản chiếu được thực tại một cách trọn vẹn và chính xác nhất, như nó là (as it is).

“Cả trời say nhuộm một màu trắng.” Chữ say ở đây là một “nhấn tự”, nó làm cho con rồng được điểm xong mắt và muốn rùng mình bay ra khỏi bức tranh. Đây là tiếng tơ liễu run run trong gió? Đây là tiếng nước thắm thì dưới khe? Tất cả bây giờ bỗng im bật. Cả trời đất ngất ngư, mơ màng. Vi say! Say trắng! “Không một tiếng gì nghe động chạm” nữa hết. Ánh trắng nuốt hết mọi âm thanh, thấu tóm hết mọi sự xao động. Ở vào khoảnh khắc thiêng liêng kỳ diệu này, dù cho cả tầng sao băng có vỡ tung thành từng mảnh đi nữa, thì tiếng vỡ của nó cũng sẽ tan ngay vào trong luồng ánh sáng đang bàng bạc mênh mông trải khắp nhân gian mà thôi!

Tôi ngờ rằng nếu hai bài thơ trên đây không có nét mờ nhạt do sương mù mang lại, thì sẽ không có cái thần hồn đó.”

Phong vị của Đà Lạt, ánh trăng Đà Lạt còn phảng phất trong nhiều bài thơ của HÀN MẶC TỬ như một bài viết và đề tặng Xuân Diệu, để ghi lấy một đêm trăng gặp gỡ ở đất Trảng An. Đó là bài thơ “Huyền ảo”:

“Mới lớn lên trăng đã thẹn thò,
Thơm như tình ái của ni cô.
Gió say lướt lướt trong màu sáng,
Hoa với tôi đều cảm động sơ.

Đang khi mầu nhiệm phủ ban đêm,
Có thứ gì rơi giữa khoảng im
Rơi tự thượng tầng không khí xuống
Tiếng vang nhẹ nhẹ dội vào tim.

Tôi với hồn hoa vẫn nín thính,
Ngắm ngẫm trao đổi những ân tình,
Để thêm ấm áp nguồn tơ tưởng,
Để bóng trời khuya bớt giạt mình.

Từ đầu canh một đến canh tư,
Tôi thấy trăng mơ biến hóa như
Hương khói ở đâu ngoài xứ mộng
Cứ là mỗi phút mỗi nên thơ.

Ánh trăng mỏng quá không che nổi
Những vè xanh xao của mặt hồ,
Những nét buồn buồn tơ liễu rủ
Những lời năn nỉ của hư vô.

Không gian dày đặc toàn trăng cả!
Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng.
Mỗi ảnh mỗi hình thêm phiêu diêu,
Nàng xa tôi quá nói nghe chẳng?”

Trăng Đà Lạt gợi hứng cho Hàn Mặc Tử sáng tác “Đà Lạt trăng mờ” cũng khơi nguồn cho Quách Tấn viết “Đà Lạt đêm sương”. QUÁCH GIAO, con trai nhà thơ Quách Tấn, cũng kể lại rằng:

“Ba tôi và Hàn Mặc Tử quen nhau từ năm 1931. Khi đó ba tôi làm việc tại tòa công sứ Đà Lạt, Hàn Mặc Tử sống với mẫu thân tại Qui Nhơn”... “Năm 1932, Hàn Mặc Tử làm ở sở đạc điền Qui Nhơn. Mùa xuân năm Kỷ Dậu (1933), Hàn Mặc Tử nhân được nghỉ phép lên Đà Lạt thăm ba tôi. Hai nhà thơ đi thường ngoạn các thắng cảnh, từ thác Cam Ly đến rừng Ân Ái,”... “Sau đêm ngắm trăng trên mặt hồ Đà Lạt, Hàn Mặc Tử và ba tôi đều bị cảm lạnh. Một tuần sau hai người chia tay. Vẻ đẹp huyền diệu của non sông Đà Lạt đã là nguồn cảm hứng cho hai bài thơ “Đà Lạt đêm sương” và “Đà Lạt trăng mờ” của ba tôi và Hàn Mặc Tử.”



Thành phố ngàn hoa

Đà Lạt nổi danh là vương quốc của hoa với hàng ngàn loại, muôn hồng nghìn tía trang điểm cho thành phố, cho cuộc sống hàng ngày thêm tươi đẹp và hấp dẫn du khách suốt bốn mùa. Hoa ở khắp nơi, khắp chốn. Hoa trong vườn, hoa trong công viên. Hoa trên cây cao như anh đào, mimosa, phượng tím... Hoa dưới lũng thấp như hồng, lili, loa kèn, lay ơn, thược dược, cúc, pensée... Hoa leo lên tận hàng rào, leo lên mái nhà như hoa xác pháo, tầm xuân... Rồi còn trà mi, lồng đèn, đỗ quyên, cúc, các loại hồng, và đặc biệt là các loại lan như phong lan, địa lan, hoàng phi hạc, nhất điểm hồng, nhất điểm vàng, hồng lan, thanh lan, hoàng lan v.v... Đà Lạt quả thực đáng được mệnh danh là “thành phố ngàn hoa”.

Nguồn gốc mỹ danh “Thành phố ngàn hoa” bắt đầu từ một bài báo của P. MUNIER trên Tạp chí Đông Dương (1941):

“Ở bên phải tôi một lọ lớn cắm hoa Glay-on tuyệt đẹp. Ở bên trái tôi là những đóa hoa Cẩm chương xinh tươi như ở Pháp. Trong một lọ hoa khác là vài nhánh Địa lan màu vàng tôi vừa hái trong rừng. Trước cửa sổ sáu cành hoa Mimosa đang đưa trong gió. Ba đóa hoa Cẩm tú cầu như ba khối tròn mà xanh biếc đặt trên lò sưởi chờ cắm vào bình. Đà Lạt là như vậy đó! Trước hết Đà Lạt là xứ sở của hoa...”

Tình yêu chung thủy với Đà Lạt và hoa của bốn mùa thoáng hiện trong thơ HOÀNG ANH TUẤN với bài “*Thơ về Đà Lạt*”:

*“Mùa xuân dẹt hoa anh đào hồng nhạt
Mùa hạ vàng kỷ niệm mimosa
Mưa mùa thu óng chuốt cúc lụa là
Và rục rở màu trạng nguyên mùa cuối.
Yêu em một lần, yêu em đắm đuối
Bờ bến nào cũng không phải bến em
Bèo giạt trôi trong xa lạ không quen
Tìm giòng suối để trở về Đà Lạt.
Thời gian, thời gian, thời gian bội bạc
Ta thủy chung cùng Đà Lạt của ta.”*

Riêng cây hồng mai của thành phố đặc biệt được QUÁCH TẤN coi như một loài hoa hiếm quý nên viết thành bài thơ “*Vịnh cây Hồng Mai ở Đà Lạt*”:

*“Đứng giữa Non Tùng giải gió sương
Hồng Mai nầy vốn khác mai thường.
Sum sê nắng hạ phơi cành biếc,
Xao xác mưa thu trút lá vàng.
Đông tới chồi non ra lấm tấm,
Xuân về hoa thắm nở xuê xoang.
Cúc vàng sen trắng đừng khoe nhụy
Hồng ửng trời mây thấy phải nhường.”*

TÂM MINH cảm hứng viết bài thơ “Lan Giã Hạc”, thương cho loài hoa theo truyền thuyết bị đày từ thiên cung xuống trần thế:

*“Tay ngọc nữ thanh tao
Ve vuốt trên vườn đào
Lạc trần lan Giã Hạc
U hoài nhớ trăng sao.
Vườn hoa lan thơm ngát
Hương lan tỏa ngạt ngào
Chơi vui ngàn cánh hạc
Tình theo gió dăng cao.”*

Hoa hướng dương, còn gọi là hoa quỳ, nở vàng rực trời nói rằng mùa nắng đã đến. Hoa huệ đất màu hồng dịu ngọt, bao phủ đồi thông, cho ta biết đã bắt đầu mùa mưa. Mùa Thu có dạ lý hương sức nức trời đêm, hoa đuôi cáo, mỹ dung, tuyết nhung, bò cạp, cẩm báo... Và những loại hoa khác như hoa cúc Nhật, nhất chi mai, géranium... thì nở liên tục bất tận vì cho rằng Đà Lạt là mùa xuân vĩnh cửu. Hoa nhiều không sao kể xiết. Mỗi hoa lại có một hương sắc, một dáng vẻ khác nhau, thật phong phú đa dạng. Hoa souci đơn cánh dịu vàng. Hoa súng với các màu đẹp lạ như mỡ gà, phớt hồng, tím thắm. Hoa forget me not như những cánh bướm màu sắc được ép trong vở học trò. Có loài hoa mang dáng dấp của giọt nắng, đẹp, đài các, quý phái như hoa mimosa.

Nhà thơ HUỆ THU ngắm nhìn hoa đất khách nhớ lại hoa Đà Lạt và cảm hứng viết bài thơ “Nhìn hoa Mimosa nở ở Mỹ”:

*“Xe tôi chạy suốt đường hoa
Mimosa nở nhớ Đà Lạt ôi
ở đây xứ lạ quê người
Mimosa nở nụ cười vẫn quen*

*Ngắm hoa bỗng tự nhiên thèm
muốn đưa tay vuốt cánh mềm lá sương
xe không đứng lại bên đường
hoa in trong kính tưởng buồn bay theo*

*Gọi thăm Đà Lạt thương yêu
gọi ai đâu nữa những chiều cao nguyên
nhớ về cũng muốn làm duyên
mà đường xa lộ chẳng riêng của mình*

*Chìm chìm trong rừng cây xanh
hình như có tiếng hoàng oanh hát thăm
hoa vàng nhớ buổi xưa thăm
Mimosa... nói trắng rằm của em."*

Hoa tượng hình của gió như hoa coquelicot hay còn gọi là mỹ nhân thảo, mong manh đa sắc. Hoa có vẻ đẹp bạc mệnh chỉ hiện diện trong một ngày như phù dung, thậm chí chỉ trong vài giờ như hoa tí ngọc. Trái lại cũng có loài hoa đang vươn mình đến sắc đẹp trường cửu như hoa lan, có loài lan nở đến hơn một tháng mới tàn. Có loài hoa tượng trưng cho sự trinh trắng thơ ngây như hoa lys, hoa marguerite.

Có loài hoa biểu tượng cho tình yêu như hoa hồng, nào là hồng phấn, hồng vàng, hồng nhung v.v... làm cho người được tặng hoa đôi khi thắm rướm máu trong trái tim vì... "hồng nào mà chẳng có gai". TRẦN MỘNG TÚ cảm tác bài "Đường cũ" (1990):

*"Con đường Trần Quý Cáp
Con đường Hồng Thập Tự
Anh còn nhớ không
Một thời yêu đương cũ
Hàng me già ướt đẫm trong mưa
Những nụ hôn vĩa hè
Tình yêu, luân vũ
Cây cầu nào qua sông Thị Nghè
Ngõ vào nhà em trời mưa loáng nước
Những bông hồng Đà Lạt
Những chiếc gai, đến bây giờ vẫn làm tim em rướm máu.
Ồi anh, còn nhớ
Những ngày Sài Gòn có nắng, có mưa
Mưa tháng Năm, nắng tháng Tư*

Tình yêu hai ta không ngày tháng
Ôi biết đến bao giờ
Em lại được đi
Trên những con đường yêu đương cũ
Con đường Trần Quý Cáp
Con đường Hồng Thập Tự
Không biết lá me còn rơi trong ngày mưa
Và anh còn trên tay những bông hồng Đà Lạt
Những chiếc gai,
đến bây giờ vẫn còn làm tim em rướm máu.”

Ở Đà Lạt khó có thể nói hoa nào đẹp nhất vì yêu hoa cũng thể như yêu người vậy! Hoa nào cũng tràn hương sắc, cũng chan chứa tình. Hoa là ngôn ngữ của thiên nhiên, là tín hiệu của đất trời, của tình yêu. Hoa gợi cảm ra văn thơ, ra nhạc. Hoa Đà Lạt gợi hứng cho nhà thơ TUỆ NGA trải lòng mình thành những vần thơ lai láng trong bài “*Bâng khuâng những sắc hoa đời*”:

“Hàng tường vi đứng u sầu
Như trắng xanh mãi một màu trong xanh
Như ai viết lại chuyện tình
Dù rằng chuyện ấy đã thành thiên thu

Như Đà Lạt sớm sương mù
Như mùa thu gió vi vu đỉnh trời
Như Hoa Đào bên hồ tươi
Hồ Xuân Hương ấy một thời đã xa

Ơi Đà Lạt những mùa hoa
Hoa vàng gợi nhớ thiết tha lòng người
Mimosa ơi, thương hoài
Bài thơ viết vội thành bài tình ca

Thời gian vút cánh mây qua
Soi gương tóc trắng mai hoa, trắng người
Bâng khuâng những sắc hoa đời
Thả ra biển gió ta cười với ta

Phấn hương bay, bụi phấn nhòa
Chơi vui khói sóng màu hoa ai tìm
Lạnh lùng đáy biển sâu miên
Trăng treo lơ lửng một miền tịnh không

*Trái vàng biển đêm mênh mông
Có vì sao lạ lạc vùng đất ai
Mơ hồ tiếng gió thổi dài
Phải là tâm sự u hoài thế nhân
Mộng đời trắng Cánh Phù Vân...”*

Vườn BÍCH CẦU là một công viên hoa của thành phố Đà Lạt nằm trong một thung lũng được bao quanh bởi Đồi Cù, trường Đại Học và Viện Nghiên Cứu Hạt Nhân. Mặt nhìn ra thượng nguồn hồ Xuân Hương. Một ngày ghé thăm công viên, ngắm hoa, tâm hồn dâng tràn thi hứng, PHONG VŨ viết bài thơ “*Đà Lạt tình ca*”, có lẽ muốn để ngầm tặng riêng cho người yêu quý sống cạnh mình:

*“Đà Lạt quê hương ta
“thành phố tình yêu và hoa bướm”
tôi đã nghe đôi tình nhân thì thầm như thế
giữa lòng thành phố mùa hoa
hoa ửng hồng lên dưới nắng sớm chan hòa
hoa đượm sắc trong màu xanh tươi thắm
hoa nở rộ giữa những ngày xuân ấm
cành ngả nghiêng nghiêng bên hồ biếc rập rình
hoa vẫy chào đôi lứa đẹp xinh
hoa hứa hẹn những mùa xuân
đẹp trăm lần hơn thế
ôi một mùa hoa!
nói với ta nhiều điều mới mẻ
về quê hương - đất nước - con người
từ góc độ cuộc đời
ta nhìn hoa nghĩa tình thắm thiết
đất trời có hoa
đời người có nghĩa
anh diu em đi bát ngát trời hoa
em ngăn nhìn những cánh mimosa
óng vàng nhưng gấm
những đóa hồng sương đọng
những cánh hoa “xin đừng có quên em”
những cánh hoa hoang dại không tên
có cánh bướm non tơ
chập chờn theo sóng mắt
nhưng em ơi!
có một loài hoa mà anh yêu quý nhất
loài hoa nào em có biết không em?”*

Trong cuộc sống tha hương, NGUYỄN BÁ TRẠC ghi lại cảm nghĩ của mình khi bất chợt đứng trước một vườn hoa nơi xứ lạ khiến mình nhớ tới Đà Lạt quê nhà, lòng dạt dào tình hoài hương nên đặt bút viết:

“Có lần tôi đứng thờ người trước một vườn hoa. Toàn hoa pensée, ở đây tiếng Anh gọi là pansy. Ở Việt Nam, hình như chỉ Đà Lạt xứ lạnh mới có thứ hoa Tây phương ấy, người ta quen gọi nó bằng tiếng Pháp. Đà Lạt, những đồi thông xanh mượt. Học trò con gái áo trắng, đi học về nói chuyện như ong vỡ tổ. Những ngày ở đấy, tôi thấy người ta hay ép khô hoa pensée, dán trên trọng vào những tấm bưu thiếp. Bọn đàn bà con gái hay mua gửi đi các tỉnh làm quà cho bạn bè một cách thơ mộng.

Đi uống cá phê Tùng là thơ mộng. Nửa đêm sương mù trắng xóa, dắt tay nhau ra đường Đoàn Thị Điểm ăn cháo là thơ mộng. Cái gì thơ mộng là đẹp để, dù là chiến tranh kề cận ngay đấy, cuộc đời vẫn đẹp để thơ mộng. Bây giờ đây, cũng đi ăn phở ăn cháo ăn chè. Ăn thực no mà vẫn không thơ mộng.

Nhìn một thảm hoa pensée tôi ngẫm nghĩ: Tại sao trước kia nó đẹp như vậy, bây giờ nó tôi tàn ú ế như vậy? Những cánh hoa xơ xác. Thân, lá vàng-vọt phạc-phờ.

Dạo ở Đà Lạt, tôi có xin được đầu đó ba, bốn cây pensée. Tôi chăm sóc kỹ lưỡng, trồng mỗi cây trong một chậu. Ban đêm phải mang vào phòng để cạnh giường vì sợ nó lạnh. Buổi sáng dậy sớm đưa ra ngoài hứng sương. Khi nụ hoa bắt đầu nở, tôi ngồi một mình nhìn mỗi cánh hoa rung động với tất cả cảm giác chờ đợi thiêng liêng, cho đến khi đóa hoa nở ra những cánh tím vàng óng ả.

Bây giờ tôi vẫn tự cho mình là mạnh, không nhớ nhà, mỗi lần nhớ đến thì gạt đi. Nhưng tôi có lần vẫn nhớ cái hoa pensée, nhớ tiếng chim cu gáy lười lỉnh gọi nhau ngoài đồng trống.

Những đóa hoa pensée lúc ấy nở ra những cánh nhung tuyệt đẹp. Chúng nó mịn như những ngọn đồi xanh mượt gần hồ Xuân Hương, thác Prenn, thác Gougah ở Đà Lạt.”

NHẤT TUẦN viết bài “Cánh Immortel cuối cùng”, lời thơ cũng đầy những buồn tủi, oán trách về một chuyện tình buồn bã:

*“Hôm xưa đi chơi hồ Than Thở
Em ngắt bên đường một đóa hoa
Rồi chạy đến anh cười hớn hở
Đây hoa bắt tử như tình ta.*

Hoa ấy màu vàng chen sắc máu
(Màu vàng tâm sự kẻ yêu nhau
Là âu yếm với tình đôn hậu)
Êm đẹp bao nhiêu giấc mộng đầu.

Quả thực cũng như tên bắt từ
Bông hoa nhỏ nhỏ của người thơ
Anh đem về để trong phòng ngủ
Tươi mãi không tàn, có lạ chưa.

Từ dạo sân nhà em đổ pháo
Em cùng người ấy sống yên bình
Đêm đêm úp mặt vào tay bảo
Nào có ra chi... truyện chúng mình.

Trái với tên hoa là bắt từ
Hoa dần héo rũ sắc tàn phai
Cánh rơi tan nát như tâm sự
Như tiếng lòng anh khẽ thở dài .

Rồi đến chiều nay cánh cuối cùng
Trời dâng lệ xuống khóc rưng-rưng
Hoa ơi đừng giống tình ta nhé
Ta vẫn cầu mong được thủy-chung.

Anh quên màu đỏ trong hoa đỏ
Màu đỏ là màu của biệt-ly
Và của bao nhiêu sầu hận tủi
Giờ đây còn biết nói năng chi.

Cánh hoa bắt từ rơi lần chót
Tàn nhẫn như người rũ áo đi.”

Ngàn hoa của Đà Lạt với muôn màu thắm sắc cũng được QUẢN THỤY HOÀI nhắc đến khi viết “Bài thơ hoa cho Em”:

“Đây em,
Những cụm hoa cẩm chương
Hoa mào gà đỏ chót
Em có nhớ, những cây hoa Pied Alouette,
chân chim phơn phớt tím
Màu tím Lavende

Những cây hoa Cocorico đủ màu như bướm
Mong manh đong đưa trước gió
Những khóm hoa Pensée tương tư ai
Những cánh hoa Pensée ta đã ép vào sách học
Gửi cho em khi em mới mười ba
Những cây hoa sói để ướp trà
Những cây hoa tóc tiên
Hoa lưu ly, hoa mười giờ quấn quít trong nhau
Em có nhớ đóa hoa Quỳnh màu trắng
Thơm ngát hương đêm khi em học bài khuya...”

Và cuối cùng phải ghi lại nơi đây nỗi thiết tha nhưng nhớ của THIÊN HƯƠNG với ngàn hoa của thành phố Đà Lạt xa xưa:

“Tôi lớn lên từ Đà Lạt, lớn lên giữa những hàng cây dâm bụt, dưới những rặng thông. Mùi phấn thông, mùi ngọc lan, mùi hoa sói vẫn còn hoài trong luống phổi nên mỗi lần thở, cái không khí Đà Lạt như vẫn còn vương vương đâu đó.” ...

“Nhắc đến Đà Lạt, chắc lại phải nhắc đến hoa, thứ đặc sản đáng yêu của Đà Lạt. Thành phố hoa Đà Lạt không ngập đầy hoa. Mà dù có trồng ngập hoa cũng khó mang về rục rở như những thành phố hoa nổi tiếng trên thế giới. Hoa hồng Đà Lạt, so về vóc dáng, không thể bì được với những cành hồng dài cả thước, bông to tướng của Pháp Mỹ. Nhưng có lẽ không ở đâu hương hoa hồng lại ngào ngạt như hoa ở Đà Lạt. Hương hoa không những tỏa ra từ những cánh hoa mà tỏa ra từ toàn cây, từ cành, từ nụ, từ lá và càng thêm ngào ngạt khi bông hoa bắt đầu hé nở. Những bông tỉ muội trắng hay hồng của Đà Lạt cũng vậy. Nhìn cây hoa thấy thật khiêm nhường, nhưng cái mùi thơm hoa tỉ muội tỏa rất xa. Cái mùi hương dịu dịu làm nhẹ lòng người, nồng nàn đấy nhưng không gay gắt. Những bông hoa nhỏ nhắn, dịu dàng nhưng rất duyên dáng như những cô con gái má đỏ môi hồng của vùng cao nguyên lừng lẫy hơi sương.

Một loài hoa xinh xắn và thơm ngát khác của Đà Lạt mà về vẻ đẹp thương của nó khó kiếm được ở các nước khác. Đó là violettes (đồng thảo). Ở Đà Lạt, lá của hoa violettes rất xanh, hoa rất tím, nhỏ nhỏ thôi nhưng mang một vẻ nữ tính, e ấp rất nữ tính. Những bông hoa nhỏ hoặc lấp ló dưới lá, hoặc khép nép vươn lên, vừa kiêu hãnh, vừa nhỏ bé, vừa dịu dàng vừa bí hiểm, đi sâu vào trí nhớ mỗi người. Tôi đã gặp một số hoa violettes ở Úc, ở Mỹ nhưng chưa tìm thấy được những bông hoa violettes như của Đà Lạt. Màu hoa không tím đậm đà bằng, cánh hoa không duyên dáng bằng, và cái mùi thì, trời ơi, hắc hắc thế nào ấy.

Mimosa cũng vậy, Mimosa Đà Lạt cũng nở không nhiều và vàng đậm như ở Úc, Mỹ. Những đốm bông nhỏ màu vàng nhạt, cái màu vàng phơn phớt với rất nhiều lông tơ nhỏ mịn. Hoa cũng thưa thớt hơn. Lá tròn, phủ nhiều phấn nên khi sương xuống, những hạt sương long lanh lấp lánh như bạc trên lớp nhung phấn mịn màng. Cũng có một số cây lá dài xanh mượt.

Mimosa Đà Lạt, khi nở hướng lên trời, trong khi mimosa ở Úc vì nở nhiều nên thường kéo trĩu cành xuống, những bông hoa vàng tỏa ra tứ phía, cái màu vàng không mơ màng như màu hoa vàng mơ của Đà Lạt. Nhìn thì rực rỡ nhưng hoa nhiều quá, làm mất đi cái vẻ mảnh mai yếu đuối nên không thể thay thế những cây mimosa với lá nhuốm chút sáng bạc của phấn và những bông hoa chỉ phơn phớt một màu vàng mơ, long lanh nở như những ánh nắng xinh xắn vương vướng trong đám lá.

Mimosa, đã có rất nhiều những bài hát ca tụng màu hoa này của núi đồi Đà Lạt. Cũng có rất nhiều những bài thơ về đóa hoa vàng dịu dàng này. Cũng có rất nhiều những câu truyện, những bài viết về loài hoa dễ thương đó. Cũng có rất nhiều người đã dùng tên hoa như một tên hiệu của mình. Vì màu hoa đẹp, hay vì những kỷ niệm đẹp của một thời đã qua...

Đà Lạt lại có rất nhiều những loại hoa khác, không rực rỡ, không nở đầy cây, chỉ thi thoảng vài chiếc trên cành. Ngũ sắc, bím bíp, dâm bụt đỏ, dâm bụt tím, marguerittes trắng hay những đám lục bình hiền hòa trên mặt hồ Xuân Hương bập bênh những chùm hoa xinh xắn. Những bông hoa dịu dàng tô điểm thêm vẻ đẹp của những ngôi nhà xinh xắn, những ngõ nhỏ hiền hòa, những buổi chiều êm ả chứ không phô trương lộ liễu. Và mùi hương lúc nào cũng nồng nàn tha thiết. Hương phấn thông của Đà Lạt, hương lá cây khuynh diệp cũng thế, luôn dịu dàng dễ chịu, không hề nồng hắc.”

Lá hoa, cây cỏ của thành phố Đà Lạt thật quả đã thấm đượm lâu dài khiến THIÊN HƯƠNG phải thốt lời tâm sự:

“Và mùi nắng Đà Lạt. Có lẽ chỉ ở Đà Lạt những chăn nệm khi đem phơi nắng vào mới có cái mùi nắng thơm sực, lẫn chút hương phấn thông, chút hương cây cỏ làm giấc ngủ thêm sâu, làm giấc mơ thêm ngọt. Ui chao, những mùi hương của Đà Lạt, làm sao tôi có thể quên. Làm sao tôi có thể vứt bỏ khỏi tiềm thức những buổi chiều đi lang thang dưới hai hàng khuynh diệp của mái trường ngôi đồ ngày xưa, nghe lá reo, nghe gió thổi, thờ với những sợi tóc dài phát phơ thả hương hoa cỏ, cây lá vào hồn.”

Hoa đào Đà Lạt

Hoa anh đào, một loài hoa đặc trưng của Đà Lạt, nó có mặt khắp nơi trong thành phố mộng mơ này và nở rộ vào những ngày người ta chuẩn bị đón năm mới. Anh đào Đà Lạt cũng giống như đào Nhật Tân Hà Nội khoe sắc vào những ngày mùa Đông. Đến Đà Lạt vào dịp cuối năm, du khách tưởng chừng như mình đang ở Nhật, với những cây hoa anh đào phủ một màu hồng tươi thắm.

VI KHUÊ diễn tả một khung cảnh Đà Lạt thật êm ả và đầy thơ mộng, thật là trí thức với bài thơ “*Hoa đào*”:

*“Đưa con gái có mái tóc Sylvie Vartan
ngồi đọc thơ Thôi Hộ
một buổi sớm mai vàng
dưới chân
hoa đào nở.”*

Để đón năm mới những cành đào thướt tha đã vội thấp thoáng ẩn hiện trong sân xa, khắp mọi nơi, duyên dáng lộng ngọc thôn bản hoang sơ, điểm xuyết phố thị phồn hoa, thấp lên muôn triệu nển hồng kỳ diệu, hồng lên bao điều hẹn ước, ấm mãi lòng người. Từng cánh hoa, từng cánh hoa lay bay trước gió. Tất cả dịu dàng chào đón ánh dương quang. Hoa đào Đà Lạt gọi hứng cho bao tâm hồn văn sĩ, thi sĩ và nhạc sĩ. Hoa trở thành hình ảnh quen thuộc, tiêu biểu, gợi tình, gợi nhớ cho phố núi mù sương, thơ mộng và vang vọng khắp bốn mùa.

Giữa cảnh núi rừng Đà Lạt, với sương, với nắng, với gió, với mây, du khách thường ngẩn ngơ trước những cây hoa đào thắm sắc như TÂM MINH ghi lại trong bài thơ “*Lắng đọng*”:

*“Thiên nhiên phô sắc vẽ thanh tao
Phố núi lừng danh tự thuở nào
Sương sớm bông bành vờn lũng thấp
Nắng chiều e ấp phủ đồi cao
Gió ru thác bạc dòng êm chảy
Mây lượn hồ xanh sóng nhẹ chao
Lắng đọng lòng trần trong suối ngọc
Khách du vui ngắm cánh hoa đào.”*

Hình ảnh hoa anh đào Đà Lạt cũng xuất hiện trong thơ của NGUYỄN THUYẾT, bài thơ “Anh đào vỡ”:

*“Tôi sẽ đi, thôi Đà Lạt nhé!
Dấu chân son, mắt biếc, nhớ thương.
Môi hồng héo nụ em hôn dối
Tà áo tím tôi trong gió ngoan.
Tôi nghe xôn xao trời mênh mông
Trưa cao nguyên vẫn lạnh như đồng
Lững xa mây tím sâu thăm thẳm
Cùng gió qua đèo tôi ruổi rong.
Tôi rời Đà Lạt anh đào vỡ
Quay quắt hồ xưa khua sóng trôi
Ngàn thông ngơ ngác rừng nghiêng ngã
Ghênh thác đổi non chôn tuổi tôi.”*

QUỲNH ANH cũng rất yêu hoa đào Đà Lạt và trải nỗi lòng thiếu nữ của mình trong tùy bút “Giấc mơ hoa”:

“Từ thuở nhỏ, tôi đã yêu thích hoa đào... Vì thế, tôi rất vui mừng khi được tin người yêu, sau khi đi tu nghiệp từ nước ngoài trở về, sẽ được giữ một chức vụ chỉ huy tại một trường quân sự quốc gia trên Đà Lạt. Tôi chứa chan hy vọng, sau khi thành hôn tôi



sẽ có cơ hội gần gũi với loài hoa tôi ưa thích, sẽ được cùng người bạn trăm năm yêu dấu sống kề cận bên những vườn đào u nhã ngay tại cõi trần gian nhiều hệ lụy. Mơ mộng bao giờ cũng chỉ là mơ mộng và khi mộng đã tàn rồi thì thật buồn, thật xót xa. Lần đầu tiên đến thăm xứ hoa đào cũng là lúc tôi được biết tin người cùng tôi hứa hẹn đi chung suốt cả đường đời đã đổi thay. Những cây đào mà tôi đã nhớ thương ngày xưa trở thành héo hắt, bẽ bàng. Ngọn Lâm Viên hùng vĩ nhưng lạnh lùng xa lạ...

Trong những năm trường lữ thứ, biết bao lần tôi điên rồ mơ ước được trở về Đà Lạt để được một lần gặp lại người xưa. Để một lần nữa được dạo bước quanh hồ Xuân Hương dưới rặng hoa đào ướt đẫm sương khuya. Những giọt sương đêm cũng âm thầm như dòng nước mắt chan hòa trên đôi má tôi đêm xuân năm nào. Biết bao mùa xuân qua, tôi vẫn ước mong được về thăm những núi đồi Đà Lạt để nghiền ngẫm những đau thương tan nát của đời mình. Nhưng đường về chốn cũ đã quá xa xôi cách trở, và đường về miền Bắc của tuổi ấu thơ đã quá mệt mỏi. Mơ ước được cùng người yêu dấu sánh bước trên con đường đất đỏ rợp bóng hoa đào cũng chỉ còn là một kỉ niệm... Tôi vẫn thương mãi hồng của sắc hoa tựa màu xác pháo trong một đêm cưới mùa xuân và giấc mơ thần tiên đầu đời mà dù đã trải qua bao chua xót đắng cay, bao năm tháng mỗi mòn, vẫn còn nguyên vẹn trong trái tim tôi thổn thức."

Hoa đào Đà Lạt trở thành một tặng phẩm quý giá đầy ý nghĩa. NGUYỄN TƯỜNG GIANG trong tinh thần đó, từ nơi đất khách quê người, viết bài thơ "Dưới trăng, cuối năm bẻ trộm đào":

*"Theo dõi bóng trăng soi
Chân dẫm trên lối tuyết
Cô độc giữa rừng cây
Những nụ hoa ngủ thiếp*

*Hoa dẫu mình trong nụ
Chờ chút nắng Xuân tươi
Ta ẩn mình xứ tuyết
Mong chờ gì nơi đây*

*Ngậm ngùi gờ tay bẻ
Trong tim một nhánh gầy
Mai kia hoa nở cánh
Mong chút tình thơ ngày*

*Hoa nở trên đất khách
Thêm một năm xứ người
Cúi đầu đôi giong lệ
Buồn như cánh hoa rơi*

*Bạn ta người cùng tỉnh
Theo trắng bề nhánh đào
Tặng ta một cành nhỏ
Dẫn hồn vào chiêm bao*

*Đầu Xuân ta tỉnh giấc
Đà Lạt giờ ra sao?
Những người xưa đi hết
Còn ai hái hoa đào..."*

PHONG VŨ lập nghiệp và cư ngụ tại thành phố sương mù đã bao năm nên cũng hồi tưởng lại những kỷ niệm đầu yêu cũ khi có dịp trở lại thành phố này và ghé lại bên gốc cây đào Đà Lạt, viết bài thơ nhớ về người em yêu thuở xa xưa.

Bài thơ bằng tiếng Pháp. Tâm Minh chuyển ngữ. PHONG VŨ với cõi lòng thổn thức như muốn gửi gắm tâm sự của riêng mình trong bài thơ "Poème à toi":

*"Ô Chemin d'antan
Perdu dans les grands bois,
Pourquoi ce silence
Pèse-t-il sur l'homme
Qui pense à toi.
Ô lac! ô chalet aux feux éteints
Où tout ce qui se passait
N'y laisse qu'un souvenir lointain
Ô cerisier jadis fleuri
Pourquoi restes-tu là
Frémi!
Sais-tu qu'à ton pied
Un homme vient
Désespéré!
Est-ce bien toi Chérie
Dont la voix m'appelle
Et dans le murmure du vent
J'ai trouvé ton âme
Immortelle..."*

TÂM MINH cùng chung nhịp đập con tim trong giai điệu nhưng nhớ về Đà Lạt nên cảm hứng chuyển dịch những câu thơ sang tiếng Việt với tiêu đề là “*Bài thơ gửi Em*”. Hình ảnh hoa đào của thành phố Đà Lạt vẫn phảng phất mãi trong tâm hồn người :

*“Ôi con đường thuở xa xưa
Uốn mình khuất bóng rừng mơ ngút ngàn,
Giờ sao tĩnh lặng vô vàn
Ru hồn người đứng mơ màng dáng Em.
Hồ ơi sóng nước im lìm!
Thảo trang tàn lửa, lặng yên ngậm ngùi
Chỉ còn kỷ niệm tuyệt vời
Dư âm dĩ vãng một thời vắng xa
Đào xưa khoe thắm muôn hoa
Nay run theo gió dáng nhòa trong sương!
Nào hay dưới góc yêu thương
Một người tuyệt vọng bên đường dừng chân!
Phải chăng Em chợt hiện thân
Tên ta Em khẽ gọi thắm thiết tha
Thoảng trong lời gió vờn hoa
Hồn Em bắt từ chan hòa tim ta...”*



Ai lên xứ hoa đào

Hoa đào e lệ “*như môi hồng người mình yêu*” trong bản nhạc “*Ai lên xứ Hoa Đào*” của Hoàng Nguyên mà ngày giã từ Đà Lạt có du khách nào lại vô tình không đem theo một cành hoa làm kỷ niệm. Hoàng Nguyên có nhiều lưu luyến với Đà Lạt vì dạy Anh văn và âm nhạc tại một trường trung học ở đó một thời gian.

VƯƠNG TRÙNG DƯƠNG ghi lại về cuộc đời Hoàng Nguyên, người nhạc sĩ với “*dòng nhạc yêu thương, dòng đời ngang trái!*” đó như sau:

“*Đà Lạt mệnh danh thành phố ngàn hoa, nơi đó, có nhiều loài hoa chỉ thích hợp với khí hậu lành lạnh cao nguyên. Giữa khung trời ngàn hoa, có loài hoa được viết thành ca khúc -Hoa Anh Đào- trở thành hình ảnh quen thuộc, tiêu biểu, gợi tình, gợi nhớ cho phố núi mù sương, thơ mộng được vang vọng cho cả bốn mùa nhờ dòng nhạc của nhạc sĩ Hoàng Nguyên.*

Nói đến Hoàng Nguyên, mọi người đều liên tưởng đến hai nhạc phẩm một thời yêu thương, vang bóng: “*Ai lên xứ Hoa Đào*” và “*Bài thơ Hoa Đào*”. Và, ngược lại, nói đến Đà Lạt cùng hoa Anh Đào, chúng ta gợi nhớ Hoàng Nguyên. Lãng đãng, mờ ảo với khói sương, với màu hoa, với mây trời... giữa chốn trần tục được thăng hoa qua lời ca tiếng nhạc, như lạc bước vào chốn bồng lai.”...

“*Chàng lữ khách đó sinh trưởng và lớn lên ở Quảng Trị và Huế. Cũng như nhiều chàng trai trẻ khác, trót nghe theo “tiếng gọi” tham gia kháng chiến chống Pháp vào đầu thập niên 1950, đụng chạm thực tế phũ phàng, ngán ngẫm, chàng giã từ núi rừng miền Trung, chu du vào thành phố mù sương. Mang tâm hồn nghệ sĩ, Hoàng Nguyên (nhà giáo Cao Cự Phúc) có năng khiếu về hội họa và âm nhạc như Văn Cao.”...*

“*Dáng người dong dỏng cao, mái tóc chải bồng bênh, nhà giáo, nhạc sĩ bước vào tuổi đôi mươi, tay ôm cây đàn guitare, giọng hát trầm buồn, điểm chút phong trần, lãng tử trông tựa bức tranh The Guitarist của Picasco, trở thành thần tượng cho bao kiều nữ yêu văn nghệ... Hoàng Nguyên dạy học tại trường tư thục Tuệ Quang, thuộc chùa Linh Quang, khu số 4 Đà Lạt, Thượng tọa Thích Thiện Tấn (anh ruột thầy Nhất Hạnh) làm Hiệu trưởng. Nhà giáo Cao Cự Phúc dạy Việt văn lớp đệ lục, thầy Nhất Hạnh dạy Việt văn lớp đệ thất. Tên tuổi hai nhà giáo như một hấp lực, lôi cuốn học sinh đến trường Tuệ Quang.*

“Chẳng được bao lâu, sóng gió cuộc đời nổi dậy, năm 1956, trong một trận lũng bắt ở Đà Lạt, trường Tuệ Quang có nhiều nhà giáo bị bắt... Hoàng Nguyên bị bắt và đày ra Côn Đảo khoảng năm 1957.”

VƯƠNG TRÙNG DƯƠNG cho biết là lúc tại Côn Đảo Hoàng Nguyên nầy nở một mối tình với con gái vị Chỉ Huy Trường tại đây. Khi được trả tự do Hoàng Nguyên về Sài Gòn:

“Ở Sài Gòn, Hoàng Nguyên vừa tiếp tục con đường văn nghệ vừa dạy học ở trường tư thục Quốc Anh, vừa tìm cách tiến thân trên con đường học vấn. Năm 1961, Hoàng Nguyên theo học tại Đại học Sư Phạm Sài Gòn, ban Anh văn. Thời gian theo học đại học, Hoàng Nguyên được sự bảo bọc của ÔB Thị trưởng Phan Thiết, tư thất ở Sài Gòn.”

Hoàng Nguyên yêu đắm đuối cô con gái của ông bà này:
...“và cuối cùng trở thành rể của gia đình ân nhân trên.”

“Năm 1965, Hoàng Nguyên bị động viên vào Khóa 19 Trường Bộ Binh Thủ Đức. Ra trường được chuyển về Cục Quân Cự, dưới quyền của Đại tá nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn Trọng. Ban nhạc Hương Thời Gian của Anh Việt giao cho Hoàng Nguyên làm trưởng ban, phần kỹ thuật và hòa âm do Nguyễn Hậu (em ruột của Nguyễn Hiền) đảm nhận.”

Thế rồi một ngày tang tóc xảy ra: *“Trong một chuyến công tác bằng xe Jeep ở miền Đông, Hoàng Nguyên qua đời tại dốc 47 Vũng Tàu bằng tai nạn xe hơi năm 1972.”*

VƯƠNG TRÙNG DƯƠNG ngậm ngùi kết luận:

“Hoàng Nguyên vĩnh viễn ra đi vào cõi miền viễn lúc vừa 40, được chôn cất ở nghĩa trang đô thành, để lại vợ và 3 con... Mong một ngày nào đó, có muôn ngàn cánh Hoa Anh Đào phủ lên mộ anh, tưởng nhớ người nhạc sĩ tài hoa trong nghệ thuật nhưng gặp bao ngang trái trong cuộc đời.”

Bài *“Ai lên xứ hoa đào”* của HOÀNG NGUYỄN (Cao Cự Phúc) mãi vang vọng trong lòng “người Đà Lạt” những ngày tháng cũ:

“Ai lên xứ Hoa Đào đừng chân bên hồ nghe chiều rơi. Nghe hơi giá len vào hồn người chiều xuân mây êm trôi. Thông reo bên suối vắng, lời diu dặt như tiếng tơ. Xuân đi trong mắt biếc lòng dạt dào nên ý thơ. Nghe tâm tư mơ ước Mộng Đào Nguyễn đẹp như chuyện ngày xưa.

Ai lên xứ Hoa Đào đừng quên bước lần theo đường hoa. Hoa bay đến muôn người ngại ngần rồi hoa theo chân ai. Đường trần

nhìn hoa bướm rồi lòng trần mơ bướm hoa. Lâng lâng trong sương khói rồi bàng hoàng theo khói sương. Lạc dần vào quên lãng rồi đường hoa lặng bước trong lãng quên.

Ôi! màu hoa đào, màu hoa đào chiều xuân nào.

Ôi! màu hoa đào như môi hồng người mình yêu.

Ôi! màu hoa đào đã bao lần vì màu hoa mà lữ khách lắng hồn thơ dừng chân lãng du.

Ai lên xứ hoa đào đừng quên mang về một cành hoa. Cho tôi bớt mơ màng chiều chiều nhìn mây trời xa xa.

Người về từ hôm nao mà lòng còn thương vẫn thương.

Bao nhiêu năm tháng cũ mà hồn nào tôi vẫn vương.

Giờ này nhìn sương khói mà thầm mơ màu hoa trên má ai.”

Một bản nhạc khác của HOÀNG NGUYỄN là bản “*Bài thơ hoa đào*”. Nhạc sĩ viết mấy câu thơ trước khi viết bản nhạc:

“Ngày mai em đi khỏi
Hoa đào ghen với ai!
Ngày mai em đi khỏi
Hoa nắng, nắng nhạt phai...”

Bóng dáng giai nhân mãi như tơ vương, như mây trời giăng mắc trong bản nhạc “*Bài thơ Hoa Đào*” của HOÀNG NGUYỄN. Bản nhạc ghi lại hình ảnh mơ mộng của người ghé Đà Lạt để rồi lại ra đi trong lưu luyến, nhớ hoa, khó quên người:

“Ngày nào... dừng chân phiêu lãng. Khách tới đây khi hoa đào vương lối đi. Màu hoa in dáng trời. Tình hoa lưu luyến người. Bồi hồi lòng lữ khách thấy chơi vơi.

Ngày nào... đường xuân phơi phới. Khách ngất ngây thấy hoa nở trên má ai. Rồi yêu hoa trên má. Mà ghi câu luyến nhớ thành bài thơ.

Ôi!... Đà Lạt là thơ... Bài thơ mến yêu reo muôn đời. Dệt bằng tiếng gió ngàn reo. Qua đồi thông hay bên... bờ suối.

Ôi!... Đà Lạt là mơ... Giấc mơ tiên nữ giáng xuống trần. Tóc mây buông rơi tha thướt bên hồ. Đợi tình quân đến trong giấc mơ.

Nhưng... rồi mùa hoa tàn. Người hoa... sao vắng mãi. Bao chiều lòng mong chờ. Đường hoa... sao hững hờ.

Để lòng... lữ khách tê tái. Cất bước đi nhớ hoa đào trên má ai. Màu hoa in trên má. Làm khách lưu luyến mãi Đà Lạt ơi!”

Bài hát “*Ai lên xứ Hoa Đào*” và “*Bài thơ Hoa Đào*” là hai ca khúc bất hủ mãi gắn chặt tên tuổi của Hoàng Nguyên với Đà Lạt.

Nhạc sĩ NGUYỄN ÁNH 9 trong bài “Hoàng Nguyên, cung đàn tài hoa bạc mệnh” đã viết lại một số kỷ niệm với Hoàng Nguyên:

“Hoàng Nguyên vĩnh viễn ra đi... gửi lại cho đời không ít những tác phẩm đáng trân trọng, bởi nét nhạc tài hoa và ca từ thấm đậm, buồn man mác. Có lẽ trong lòng những người yêu nhạc sẽ mãi mãi vang vọng những giai điệu đầy kỷ niệm của thời kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp... “Nếu hiểu rằng anh đi vì lũ giặc tham tàn, thì em ơi, em chớ sầu thương chi! Em thấy chẳng khó súng của giặc thù còn mịt mù và còn che khuất mờ...”. Nhạc sĩ Hoàng Nguyên đã viết ca khúc “Anh đi mai về” này ở tuổi 20 tràn đầy nhiệt huyết trong bối cảnh cả dân tộc đang trường kỳ kháng chiến. Bài hát tức khắc được đón nhận nồng nhiệt và phổ biến rộng khắp. Hiếm có những nhạc sĩ trẻ xưa nay tìm được thành công dứt khoát ngay tác phẩm đầu tay của mình và nhanh chóng thành danh như anh.

Với tôi, Hoàng Nguyên như vẫn còn ở đâu đó quanh đây và những kỷ niệm với anh còn như mới hôm qua... Anh Hoàng Nguyên - Cao Cự Phúc của tôi. Tôi gặp anh lần đầu tiên cách hơn 40 năm, khi đang học Trường Yersin ở Đà Lạt, thành phố thơ mộng sau này đã đi vào các tác phẩm vượt thời gian của anh. Đạo đó, biết tôi là một chú học trò mê âm nhạc có chút năng khiếu, Hoàng Nguyên đã để tâm chăm sóc. Chủ Nhật hàng tuần, anh vào trường nội trú đón tôi ra “nhà” anh chơi và ân cần truyền đạt cho tôi những kiến thức ban đầu về âm nhạc. “Nhà” anh ở thật ra chỉ là một căn phòng đơn sơ, trong khuôn viên Trường Bồ Đề Đà Lạt, nơi anh đang dạy Anh văn cho các lớp trung học. Một chiếc giường đơn, một bàn viết bằng gỗ thông và một cây đàn guitar treo trên vách. Thời gian đó, Hoàng Nguyên còn phụ trách các buổi phát thanh của Hội Phật giáo trên làn sóng Đà Lạt. Một hôm, tôi rất bất ngờ và hạnh phúc được anh “mời” tham gia ban nhạc phát thanh của anh. Đó là lần đầu tiên tôi bước vào “nghề ca nhạc”, năm 1956.”

NGUYỄN ÁNH 9 viết tiếp là năm đó, Hoàng Nguyên đang phác thảo ca khúc “Bài thơ Hoa Đào”:

“Tôi hân hạnh là người ái mộ đầu tiên được anh đàn và hát cho “nghe thử” những âm điệu lời ca lãng đãng sương khói núi đồi của “Bài thơ Hoa Đào”. Tôi vẫn nhớ như vừa ra khỏi giấc mơ còn tươi rói: chúng tôi ngồi co ro trong căn phòng nhỏ của anh; bên ngoài trời cao nguyên xám xám và mưa nhỏ. Đằng kia, những cánh hoa đào vừa lìa cành theo cơn gió bất chợt... Hối “Chắc anh đã chọn Đà Lạt làm quê hương?”. Đôi mắt u hoài sau cặp kính trắng của

anh hình như chột xa khuấy hơn: “Không, anh chỉ ghé chân để tạm mưu sinh và tìm cảm hứng”...

Vâng, Hoàng Nguyên chỉ “ghé chân” - như anh viết “dùng chân phiêu lãng” nơi phố núi mù sương này một quãng thời gian ngắn nhưng cũng đủ để anh viết nên hai ca khúc tiêu biểu về một vùng đất thơ mộng dễ yêu: “Bài thơ Hoa Đào” và “Ai lên xứ Hoa Đào”, hai ca khúc bất hủ đã làm rung động trái tim nhiều thế hệ người yêu nhạc, mãi mãi gắn chặt nghệ danh của anh với địa danh nổi tiếng này...”

NGUYỄN ÁNH 9 kể lại là bằng đi một thời gian hai người mới gặp lại nhau ở Sài Gòn khoảng đầu thập niên 70. Lúc ấy Hoàng Nguyên đã bị động viên:

“Nghe nói dạo đó tình cảm gia đình anh gặp chuyện không vui. Anh trở nên u uất hẳn và có lẽ vì thế anh đã rất thích bài hát Summertime có âm sắc blues-jazz trầm mặc đang thịnh hành... Tác phẩm “Cho người tình lỡ” của anh ra đời khoảng thời gian đó, chịu phần nào âm hưởng khắc khoải của Summertime.

*Nhớ mà chi, đau thương qua rồi
Thương mà chi, xót xa cũng đáng cay...”*

NGUYỄN ÁNH 9 kể lại là:

“Năm 70, bài “Không” của tôi được Khánh Ly thu vào đĩa 45 vòng do Hãng đĩa Tình Ca Quê Hương sản xuất, mặt sau có bài “Cho người tình lỡ” do Thanh Lan hát. Ngày hãng đĩa trao tặng đĩa hát nói trên cho chúng tôi, Hoàng Nguyên thân mật vỗ vai tôi, thì thầm: “Mau quá Ánh hỉ ? Mới ngày nào ở Đà Lạt, anh em mình nói chuyện âm nhạc nhập môn, bây giờ Ánh đã có bài thu đĩa với anh...”. Vẫn là ngôn phong của một người anh ân cần, triu mến!

Hoàng Nguyên còn để lại một tác phẩm khác, được yêu mến không kém các ca khúc đã có của anh, mà anh viết về xứ Huế, quê anh: “Tà áo tím”. “Một chiều lang thang bên dòng Hương Giang. Tôi đã gặp một tà áo tím, nhẹ thấp thoáng trong nắng vương. Mầu áo tím sao luyến thương...”

Hoàng Nguyên đột ngột chia tay với không gian âm nhạc của chúng ta một buổi sáng năm 1973 trong một tai nạn giao thông khi anh từ Vũng Tàu trở về Sài Gòn. Ở độ tuổi 50 chín muồi rung động và từng trải cuộc đời. Tôi thầm nghĩ, nếu Hoàng Nguyên chưa vội ra đi chắc chắn ca mục của anh sẽ còn nối tiếp bằng những ca khúc dịu dàng, thanh thoát trong đó nổi u hoài được nâng lên thành những vần thơ trong vắt.”

Em là gái Trời bắt xấu

Hình như Đà Lạt là nơi hội tụ của mọi thương nhớ trong cuộc đời và dang dở trong cuộc tình, của chia ly và ngăn cách kể từ lúc tóc hãy còn xanh cho đến khi đã ngả màu. Kể sao cho hết. Chỉ tạm nêu ra ở đây tâm sự của một cựu nữ sinh Bùi Thị Xuân, đó là LỆ KHÁNH (Dương Thị Khánh). Đà Lạt một thời ấp ủ những vần thơ của KHÁNH, cho đến năm 1966 đã có bảy tập thơ được in ra, mà năm tập đầu đều mang tên là “*Em là gái Trời bắt xấu*”.

LỆ KHÁNH yêu và bi lụy vì tình. Trong bài “*Hòn dổi*” những vần thơ của “*cô bé cao nguyên*” nghe dễ thương nhưng thật buồn:

*“Đã ba ngày em đợi thư anh đó
Thứ năm buồn úp mặt khóc biết không?
Em giận anh, tức quá muốn lấy chồng
Cho xong chuyện để đừng thương với nhớ*

*Anh kiêu lắm cứ tưởng mình mũ đỏ
Đại úy “to” rồi quên con bé Cao Nguyên
Đang chờ thư anh, viết mãi một tên
Tên anh đó, người chi lười rứa đó”...*

*“Em nhất định mai không thèm trông ngóng
Đại úy... gì lười hơn hủi nữa cơ
Ba ngày rồi con bé chả làm thơ
Tức rứa đó, để bi chừ em lại khóc.”*

Hồn thơ của LỆ KHÁNH đắm chìm trong sương mù Đà Lạt và dâng tràn thành kỷ niệm với bài: “*Hai mùa Thu Đà Lạt*”:

*“Bây giờ trời vào thu
nên em buồn thương nhớ
Đà Lạt sáng sương mù
Mimosa vàng nở.*

*Thôi anh đừng giận nữa
nhớ về thăm em nhé
lá ngập tràn đại lộ
chờ anh về. Em kể*

*Hai mùa thu Đà Lạt
trời mưa rưng rưng hoài
ân tình em mát mát
nhưng nào đâu trách ai*

*Bây giờ trời vào thu
cho em nhiều kỷ niệm
mình quen nhau ngày xưa
chừ xa rồi lưu luyến.”*

LỆ KHÁNH viết “Chiến y làm đẹp phố phường”, một bài thơ đẹp, gợi nhớ tới cảnh dạo phố ngày cuối tuần nơi xứ sương mù:

*“Trời hôm nay nắng buồn hong gió thổi
Chiến y về làm đẹp phố cao nguyên
Em lặng nhìn, mang chua xót làm riêng
Rưng rức nhớ... em gương cười quên cả?
Chiến y đó nhưng chỉ toàn xa lạ
Em cúi đầu nước mắt nhẹ vương mi
Áo cưới ngày nào... bạn cũ vu quy
Nên áo chiến người yêu xa vắng phố
Vui hạnh phúc họ quên em gái nhỏ?
Hay đổi hờn, hay khóc giận vu vơ
Tình đơn phương cô bé sớm làm thơ
Và khôn lớn khi tuổi đời chưa lớn
Trời hôm nay bướm buồn bay lờn vờn
Bướm đùa hoa, hoa cợt bướm... vui chưa?
Em nghĩ mình, em thẹn với hồn thơ
Thơ vẫn đẹp, sao hồn em chẳng đẹp
Áo muôn sắc giữa phố phường khép nép
Chiến y về làm hồng má hây hây
Mắt đa tình gợn suối tóc bay bay
Alpha đồ đẹp màu môi con gái
Em kỷ niệm với mía đường tình ái
Nên độc hành tìm áo chiến ngày xưa
Để đem về ướp trọn mấy vần thơ
Thơ nhẹ nhẹ gửi người trai lính chiến
Đêm dưng quân có bao giờ anh biết
Có một người em gái nhỏ thương anh
Luôn nguyện cầu đất nước thôi chiến tranh
Ngày trở lại, có tình em đón đợi
Hôm nay gió, hoa anh đào phát phới*

Có một người “thi sĩ nhỏ” cô đơn
Gọi tên anh... một tiếng gọi rất buồn:
“Người biên ải có thương người hậu tuyến?”
Trời Đà Lạt hôm nay nhiều áo chiến
Áo chiến mùa đông pha màu đỏ alpha
Em nhớ anh nên nước mắt em nhòa
Song gạt vội: “Bụi đường bay ác quá!”

Nhà văn NGUYỄN MẠNH TRINH ghi lại lời thi sĩ Đinh Hùng nói về Lệ Khánh:

“Khi những người tuổi trẻ yêu, đừng bắt họ nhân danh Nghệ Thuật hay Chân Lý để làm thơ! Chính Lệ Khánh chẳng đã từng thú nhận: Lệ Khánh làm thơ, in thơ bán thơ, nhưng Lệ Khánh không “bán tim”... và hẳn Lệ Khánh không hề có tham vọng làm một nữ sĩ “chuyên nghiệp” chiếm riêng một chỗ ngồi trong Văn Học Sử ngày mai. Lệ Khánh chỉ muốn làm một người tình nhân bé nhỏ, ngày hôm nay, có riêng một chỗ ẩn náu kín đáo ở... trong trái tim người yêu cho tiếng thơ thành khẩn của mình được một tấm lòng mến thương đón nhận, cho linh hồn bé bỏng của mình được một vòng tay khẳng khít bao dung. Mà như vậy thì, dù muốn dù không, Lệ Khánh cũng đã tự nhiên là một thi sĩ! Một thi sĩ của tình yêu, hòa đồng chính đời sống cùng số phận mình vào Thơ, cũng như đem tất cả hoa hương mộng ảo của thơ dâng hiến cho Tình.”

NGUYỄN MẠNH TRINH cho biết thêm ít điều về Lệ Khánh:

“Lệ Khánh đã in tập thơ đầu tiên “Em là gái trời bắt xấu” lúc vừa 20 tuổi. Và sau đó từ năm 1964 đến 1966 nhà xuất bản Khai Trí đã in liên tục từ tập 1 đến tập 5 và thơ của bà đã được đọc giả đón nhận nồng nhiệt. Nhà văn Thế Phong đã nhận xét: có thể nói Lệ Khánh được nhiều độc giả đọc nhiều, thuộc nhiều, nhắc nhớ nhiều chẳng kém gì Nguyễn Bình thời tiền chiến. Tập thơ “Em là gái trời bắt xấu” cả 5 tập có thể nói bán chạy nhất, hơn cả thi sĩ Nhất Tuấn thời ấy được coi là tác giả lục bát có thơ bán chạy”

“Thơ của Lệ Khánh có nét riêng biệt ra sao và lý do gì mà thơ của bà được yêu thích nhất là đối với những chàng sinh viên sĩ quan Võ bị Đà Lạt thời gian ấy? Lệ Khánh làm thơ về những mối tình ngang trái về tâm tư đau buồn đầy nước mắt đầy bi lụy. Tình yêu của bà là những mối tình không thành tựu của những nhớ nhung luôn dẫn vật đời sống. Với tâm sự như thế, thơ của bà là những biểu hiện của nỗi đau có thực của tâm tư luôn đau khổ vì yêu. Trong cuộc đời thực, đã có lỡ làng, đã có chia phôi và kỷ niệm lúc nào cũng vẫn là những nỗi đau của vết thương tâm

không liền da, liền thịt. Thơ của Lê Khánh ngôn ngữ bình dị đời thường, hình ảnh biểu tượng thi ca cũng không có gì đặc biệt nhưng chính vì những nét đơn sơ bình dị của một người làm thơ nữ đã tạo ra được không gian thi ca tuy có nét hiện thực gần gũi cuộc sống nhưng lại có nét mong manh sương khói của những người có trái tim luôn đập nhịp dồn dập khôn nguôi để tạo thành một biển trời cảm giác.”

HÀNG NGỌC HÂN một người bạn thân học cùng trường cũng ghi lại những kỷ niệm với Lê Khánh tại Đà Lạt một thời:

“Lê Khánh hơn tôi hai tuổi và học trên lớp tôi. Tuy không cùng chung lớp, nhưng chúng tôi thành bạn thân vì thường gặp nhau trong những sinh hoạt văn nghệ, xã hội của trường. Thuở đó, Khánh đã có nhiều bài thơ đăng trên các báo và được nhiều người biết tên. Trước mắt tôi, Khánh mang tâm vóc khác hẳn bạn bè, dù hàng ngày Khánh vẫn xuất hiện bên cạnh chúng tôi trong bộ đồng phục khi xanh, lúc trắng. Nhưng, tôi cũng như các bạn khác đều mang chung cảm giác thương cảm Khánh vì cái điều mà Khánh luôn nhắc đến: Khánh không có dung nhan bình thường như các bạn. Dù tất cả chúng tôi đều thấy Khánh có đôi mắt đẹp tuyệt vời, nhưng Khánh không coi đó là một ưu điểm trong dung nhan của mình, vì cái hình dạng bất thường của chiếc mũi. Mặc cảm này về sau đã đem lại một tai họa khi Khánh quyết định tới một thẩm mỹ viện sửa mũi. Hy vọng của Khánh đặt vào bàn tay tài hoa của vị bác sĩ thẩm mỹ đã không được đáp ứng mà còn khiến cái mũi của Khánh trở nên dị dạng hơn. Nhưng trước đó, đôi mắt đẹp tuyệt vời của Khánh luôn nặng trĩu ánh nhìn u uất, tủi hờn. Chát u uất này cũng thấm đượm hơn trong thơ Khánh và càng làm nặng thêm mặc cảm thua kém về nhan sắc của Khánh. Một bìa thơ rời một tập thơ của Khánh xuất bản đã được Khánh đặt cho cái tựa đề: “Em là con gái trời bắt xấu!”

NGUYỄN THỊ HÀM ANH cũng ghi lại một số kỷ niệm tại Đà Lạt với Lê Khánh:

“Lê Khánh được số phận ưu đãi khi bắt đầu sự nghiệp thơ. Có năng khiếu làm thơ lưu loát, từ năm mười sáu, mười bảy tuổi, thơ của chị đã được đăng trên Văn Nghệ Tiền Phong rồi sau đó là Chính Luận. Sau khi luật sư Bùi Chánh Thời phụ trách trang thơ đăng liền một lúc sáu bài thơ Em Là Con Gái Trời Bắt Xấu đầu tay thì Lê Khánh nổi tiếng ngay lập tức. Ngày ấy, tên Lê Khánh đã trở nên quen thuộc với tôi khi nhỏ bạn học ngồi bên cạnh nắn nót chép thơ chị vào quyển sổ tay nhỏ bé xinh xinh hay vào lưu bút

ngày xanh, vào những tờ giấy sơ-lụa màu xanh nhạt, hồng nhạt, bài nào chép xong tôi cũng được đọc qua. Thậm chí trong một đợt theo khăn tay, gửi thư cho chiến sĩ ngoài tiền tuyến, nhờ bạn còn cả gan chép cả một bài thơ dài của chị nhét vào giữa xấp thư của cả lớp gởi đi...

Thuở ấy cuộc sống của Lê Khánh thật hoa mộng, cha coi về cảnh sát đặc biệt Đà Lạt, chị làm việc ở tòa hành chánh Đà Lạt rồi hành chánh Gia Định, thơ đăng khắp báo, danh vọng đến sớm và dễ dàng, mỗi ngày Lê Khánh nhận cả trăm thư của độc giả, vũ trường nào cũng đi, party nào cũng có mặt, quân đoàn nào cũng mời, chiến trường nào cũng ra. Thế rồi cuộc tình diễn ra giữa chị với nhạc sĩ Thục Vũ tức trung tá Vũ Văn Sâm... Cuộc tình của Lê Khánh đẹp bao nhiêu thì cũng thật chua chát bấy nhiêu:

“Lo yêu người có vợ con
Thì đừng nói chuyện sắt son mà buồn”

Tình yêu nam nữ đã có từ muôn vạn kiếp và luôn là một đề tài bất diệt trong vườn hoa văn học nghệ thuật của bất cứ quốc gia nào. Riêng trong lãnh vực thi ca thì từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, tình yêu luôn là nguồn gợi hứng cho các nhà thơ. Hình như tình yêu không có tuổi tác, chừng nào trái tim con người còn đập thì con người còn yêu.

Có người cho rằng nhà thơ là kẻ vì phạm tội mà bị “phát vãng” từ thiên cung xuống dưới trần thế này. Hơn nữa họ còn nói rằng: “Thơ trữ tình có thể coi như tổng hợp, như tuyệt đỉnh của thơ, mà chính thơ là tuyệt đỉnh của tiếng nói loài người!” Họ còn mạnh miệng nói thêm nữa: “Thi ca sẽ là tôn giáo cuối cùng trên mặt địa cầu này khi mà tất cả nhân loại không còn giữ lại được cho họ một niềm tin nào ở nơi tôn giáo mà chúng ta đang có.”

Thật ra nói thế là quá đáng. Nhà thơ cũng chỉ là một con người bình thường và đối tượng của thơ, chất liệu tạo ra thơ chính là cuộc sống trên cõi nhân gian vương mắc hệ lụy này mà thôi. Tràn đầy tình cảm, có quên có nhớ, có thương có ghét, có vui có buồn, có xum họp có chia ly, đôi khi lại trắc trở đến độ đáng ngậm ngùi... Thơ Lê Khánh có lẽ đã nói lên điều đó.

VŨ CHƯƠNG nhắc lại tiểu sử của Thục Vũ như sau:

“Nhạc sĩ Thục Vũ, tên thật là Vũ Văn Sâm, sinh năm 1932. Tốt nghiệp khóa 4 phụ Đà Lạt năm 1954, đứng vào năm ký kết hiệp định đình chiến Geneva chia đôi đất nước. Do đó, Thục Vũ kẹt lại ở miền Nam VN, bỏ lại phía bên kia bờ Bến Hải người vợ chưa cưới mà khi anh còn học ở Chu Văn An, anh đã sáng tác bản

nhạc đầu tiên có tên là “Duyên em” để tặng nàng. Nhưng may thay năm sau (1955) người yêu của thiếu úy Vũ Văn Sâm đã vào được miền Nam và lễ cưới được cử hành vào năm 1956.”

“Bước đầu của việc binh nghiệp. Cấp bậc cuối cùng của Thục Vũ là Trung Tá.”...

VŨ CHUÔNG viết tiếp là Thục Vũ:

...“đã phải bỏ mình nơi chốn rừng thiêng nước độc chỉ sau hơn 1 năm cải tạo”... “đến giữa năm 1976, anh được đưa ra Sơn La và bỏ mình nơi sương lam chướng khí này vào ngày 15/11/1976. Ngày nay, một tấm mộ bia đơn sơ với đôi hàng nguệch ngoạc “Vũ Văn Sâm, 1932”, được anh em tù cải tạo ghi lại, ngoằn ngoèo nơi chốn rừng thiêng nước độc Sơn La.”...

“Là nghệ sĩ, vốn giàu cảm lụy, cho nên cuộc đời tình cảm của nhạc sĩ Thục Vũ cũng không thoát khỏi vòng “tình ái giăng tơ” nhưng với trường hợp của Thục Vũ, đây mới là chuyện tình thật sự vì nó đi ra ngoài những cái thông thường. Người ta bảo “trai tài gái sắc”, nếu Thục Vũ yêu một cô gái đẹp, chúng ta chẳng nói làm chi vì họ mến nhau vì tài, cảm nhau vì sắc như trăm ngàn những chuyện tình tầm thường trên đời. Nhưng người yêu của Thục Vũ lại là “một cô gái trời bắt xấu”. Nàng là Dương Thị Khánh, tức thi sĩ Lệ Khánh, tác giả những tập thơ “Em là gái trời bắt xấu”, một công chức ở tòa tỉnh trưởng Đà Lạt. Chúng ta còn nhớ những vần thơ diễm tình của Lệ Khánh... mà Thục Vũ đã phổ nhạc với tựa đề “Tình người hậu tuyến”, một bản nhạc đã làm xôn xao trong giới nhạc một thời.

Tình yêu giữa họ xảy ra khi Lệ Khánh tròn 20 tuổi cho đến 1975, ngày mà Thục Vũ phải đi “cải tạo” và bỏ mình hơn 1 năm sau đó. Lệ Khánh đã sanh được một đứa con trai mang họ mẹ (Dương) và chữ lót là tên của mẹ (Khánh) với tên chữ đầu là Thục. Bà Thục Vũ, tuy đã biết về mối tình này, nhưng tuyệt nhiên không làm to chuyện mà trái lại ngày con của Lệ Khánh ra đời bà đã đến chăm nom và giúp đỡ... Thục Vũ là người rất hiền lành, hồn nhiên và vui vẻ với bạn bè, mất đi, để lại một người vợ cao thượng (với 5 đứa con), một người tình nhỏ bé, một đứa con kết hợp qua dòng thơ nhạc và một số tác phẩm vẫn còn in sâu trong lòng của những người mến mộ anh.”

THỤC VŨ (Vũ Văn Sâm, 1932-1976) phổ nhạc thơ Lệ Khánh. Bài “*Tình người hậu tuyến*”. Bài thơ và bản nhạc này được bao người mến mộ. Hình ảnh thành phố Đà Lạt đã làm bối cảnh cho biết bao cuộc tình, thường là chua xót, ngang trái và đáng cay:

*“Hôm nay trời vào thu,
Đà Lạt lấm sương mù,
Cây khô buồn trút lá,
Gió ven hồ bay xa.*

*Mây thu lơ lững trôi,
Lông lộng gió lưng đôi.
Xin anh đừng giận đối,
Viết thư về thăm em,
Viết thư về thăm em.*

*Thương anh, thương màu áo hoa rừng,
Và thương con đường đầy gió sương,
Chiến tuyến chiều xuống mưa rừng bay,
Thương anh, thương khung trời hoang sơ.*

*Hôm nay dành tặng anh
Vài giọt nắng thơm lành.
Mai kia tàn chinh chiến,
Áo em màu “Mosa”
Đón anh về hoan ca.”*



1970

Truyện chúng mình

Đà Lạt luôn ở trong trái tim nhà thơ NHẤT TUẤN (Phạm Hậu). Trước 1975 nhà thơ là quân nhân, gia nhập trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, năm 1955, Khóa XII. Nhà thơ được biết đến nhiều qua những tập thơ “*Truyện chúng mình*” và tập truyện “*Đời lính*”. Thơ NHẤT TUẤN thuở xa xưa đầy những hình ảnh thân thương về thành phố Đà Lạt.

Thoạt tiên tình yêu thấp thoáng trong bài thơ “*Truyện chúng mình*”, chỉ gọi lên nỗi nhớ mong của người ở Đà Lạt bị xa cách với người ở Sài Gòn:

*“Còn nhớ những thư người trước gửi
Sài Gòn – Đà Lạt mới năm nào
Từng chiều thứ bảy anh mong đợi
Màu chữ xanh, yêu đến ngọt ngào*

*Hồn có nguyên trinh màu trắng cũ
Môi hồng vẫn thắm thuở ban đầu
Không dựng lòng rộn niềm ao-ước
Nhưng biết ai còn nhớ đến nhau.”*

Trong đời lính, phải rời xa Đà Lạt, từ nơi tiền đồn biên giới nhà thơ gửi lòng nhớ về thành phố này nhân mùa Giáng Sinh khi viết bài “*Niềm tin*” cũng đầy mong nhớ:

*“Lại một Noel nữa
Mấy mùa Giáng Sinh rồi
Anh ở đồn biên giới
Thương về một khung trời.*

*Chắc Đà Lạt vui lắm
Mimosa nở vàng
Anh đào khoe sắc thắm
Hương ngào ngọt không gian.”*

Sau khi tình yêu nơi giáo đường xuất hiện, trong hồi tưởng, nhà thơ chỉ nguyện cầu, ước mong “*thấy*” được người yêu nơi bài thơ “*Cầu nguyện*” (chứ không phải mong “*lấy*” được người yêu như bản nhạc đã đổi lời):

*“Con quỳ lạy chúa trên trời
Để cho con thấy được người con yêu
Đời con đau khổ đã nhiều
Kể từ thơ dại đủ điều đắng cay*

...

*Bây giờ con đã gặp nàng
Không giàu, không đẹp, không màng lợi danh.
Chúng con hai mái đầu xanh
Chấp tay khấn nguyện trung thành với nhau.
Thề rằng sóng gió biển dâu,
Đã yêu... trước cũng như sau... giữ lời*

*Người ta lại bỏ con rồi,
Con quỳ lạy Chúa trên trời thương con.”*

Mùa Giáng Sinh thường là thời điểm kỳ diệu nhất trong suốt cả một năm với tiếng chuông nhà thờ ngân nga trong đêm vắng, với ánh nến lung linh huyền ảo và giọng thánh ca trầm bổng gọi lên những cảm xúc thanh thoát, êm đềm và thánh thiện trong lòng người. Bên giáo đường hoa mimosa Đà Lạt khoe sắc vàng tươi thắm, nhưng trong lòng nhà thơ lại chỉ nổi lên kỷ niệm buồn bã với bài *“Mimosa thời nở”*:

*“Noël xưa anh nhớ
Khi hãy còn yêu nhau
Nhà thờ nơi cuối phố
Thấp thoáng sau ngàn dâu
Anh chờ em đi lễ
Chung dâng lời nguyện cầu
Mimosa... bùng nổ
Đẹp như tình ban đầu
Đà Lạt mờ trắng lạnh
Đường về ta bước mau.*

*Rồi anh hỏi khế em
Đã xin gì với Chúa
Trong đêm lễ Noël
Em lắc đầu chẳng nhớ
Nhưng hồng lên đôi má
Nắm tay anh đợi chờ
Trông em sao xinh quá
Và ngoan như nàng thơ.*

Mới bốn mùa thu qua
Mimosa vẫn nở
Sao mỗi tình đôi ta
Ai làm cho dang dở
Đêm nay Noël đây
Chuông nhà thờ khắc khoải
Gió thổi lang thang bay
Mưa buồn giăng ngõ tối.

Anh quỳ bên tượng Chúa
Cúi đầu chấp hai tay
Lạy Chúa con chờ đợi
Người ngày xưa về đây
Nhưng em không về nữa
Đường khuya mưa bay bay
Mimosa thôi nở
Trong hồn anh đêm nay.”

Trong bài thơ “Truyện cây hoa Mimosa” (1964), lại cũng vẫn thoáng lộ ra vẻ giận hờn, trách móc vì tình phụ:

“Một đi vĩnh biệt cao nguyên
Mimosa trả... cho miền núi non
Làm gì có chuyện sắt son
Thì thôi đừng dại mỗi mòn mắt trông.”

Trước từng cùng “người xưa dịu hiền” kề vai nhau tình tự ngời bên hồ Than Thở. Nay sao lại đã xa nhau, chỉ còn lại lời thở than tiếc nhớ dĩ vãng kỷ niệm trong “Bài hát đôi Sim”:

“Đà Lạt đây sương khói
Một mình anh lặng yên
Nghe hồn mình nức nở
Nghe buồn len trong tim
Nếu mình đừng gặp nhau
Trên núi đồi Đà Lạt
Vì tình yêu ban đầu
Đã tan theo sóng nhạc.
Người xưa... người xưa đâu?
Để... lòng anh tan nát
Đời bãi bể nương dâu
Cũng buồn như tiếng hát.”

Đà Lạt rất thích hợp để làm bối cảnh cho những truyện tình. Cũng vẫn hồ Than Thở Đà Lạt là nơi đôi lứa từng vui chơi với hoa “bắt tử” là sứ giả của tình yêu. Nhưng nay sao chỉ còn là một kỷ niệm “tàn nhẫn” trong bài “Cánh Immortel cuối cùng” (1964):

*“Hôm xưa đi chơi hồ Than Thở
Em ngắt bên đường một đóa hoa
Rồi chạy đến anh cười hờn hờ
Đây hoa bắt tử như tình ta.*

...
*Từ dạo sân nhà em đổ pháo
Em cùng người ấy sống yên bình
Đêm đêm úp mặt vào tay bảo
Nào có ra chi... truyện chúng mình.*

...
*Anh quên màu đỏ trong hoa đỏ
Màu đỏ là màu của biệt-ly
Và của bao nhiêu sầu hận tủi
Giờ đây còn biết nói năng chi.
Cánh hoa bắt tử rơi lần chót
Tàn nhẫn như người rũ áo đi.”*

Một ngày nào đó khi hồi tưởng về thành phố cao nguyên với tình yêu đẹp để tràn đầy mộng ước lúc mình còn là sinh viên võ bị, NHẤT TUẦN viết bài “Nhớ về Đà Lạt” (1964):

*“Nhớ tám năm về trước
Khi còn là sinh viên
Học trong trường Võ bị
Nơi núi rừng cao nguyên*

*Dạo ấy em mười tám
Xinh đẹp hơn tiên nga
Tóc mây bồng vương trán
Môi cười tươi như hoa”*

Đôi lứa đắm mình trong phong cảnh hữu tình của Đà Lạt:

*“Còn nhớ không ngày xưa
Đà Lạt buồn trắng mờ
Gió vàng trên nước biếc
Chim chiều bay bơ vơ”*

Thời gian trôi qua. Cảnh vẫn còn đó. Người xưa đã cách xa.
Để rồi lại cũng vẫn đầy hình ảnh dang dở chia ly vào giai đoạn
cuối của khúc nhạc tình:

*“Rừng ái ân vẫn đó
Hồ Than thở còn đây
Thống im buồn đợi gió
Mây đôi xa còn bay*

*Cũng vẫn một khung trời
Còn nguyên hình ảnh cũ
Em bây giờ xa rồi
Tìm đâu người viễn xứ*

*Tình nào không dang dở
Mâu nào mà không phai
Cho nên anh không nở
Làm thơ để trách ai*

*Riêng chiều nay nhớ lại
Truyện chúng mình ngày xưa
Nhìn khung trời Đà Lạt
Mà tưởng mình đang mơ.”*

Và còn nhiều cuộc tình dang dở với bóng dáng Đà Lạt khác
nữa trong thơ NHẤT TUẤN. Khi mưa Đà Lạt giăng mắc trên thành
phố thời nhà thơ ngậm ngùi nhớ lại hình ảnh cũ, đầy ngang trái và
nát tan, nhà thơ viết bài *“Mưa trong kỷ niệm”* (trang 139). Một ngôi
giáo đường nhỏ bé của Đà Lạt cũng gợi nhớ một mùa Giáng Sinh
với hoa anh đào khoe sắc thắm, nhà thơ viết bài *“Nhà thờ đường
Cô Giang”* (trang 204). Một tiếng hát, một bài hát ngày xưa cũng
lại nhắc nhở tới kỷ niệm chia ly cũ, nhà thơ viết bài *“Đêm cuối
cùng Đà Lạt”* (trang 105).

Người yêu thơ có lẽ phải nhận ra rằng NHẤT TUẤN, với những
vần thơ lai láng trữ tình trong *“Truyện chúng mình”* không phải chỉ
là truyện riêng tư “thì thắm bên gối” giữa hai người nữa mà đã
hóa thành “truyện chúng mình” của bao nhiêu là đôi tình nhân
thanh niên nam nữ khác. Nhà thơ đã viết hộ xuống những trang
nhật ký về tình yêu của bao người trẻ tuổi. Khi thì đắm thắm thiết
tha. Nhiều lúc lại dang dở não sâu, phải cần đến thời gian như là
một loại linh dược để dần dần hàn gắn các vết thương lòng trong

quá khứ. Có thể coi đây là tâm sự chung của một thế hệ thanh niên thời đó, đồng một lứa tuổi với tác giả.

Trong cuộc sống tha hương, khi mùa Xuân tới biết bao là hình ảnh Đà Lạt lại chập chờn hiện về trong ký ức. Tình yêu đã mở rộng ngoài tầm “đôi lứa”. Tuy vẫn buồn nhưng hình ảnh ngôi trường xưa yêu quý hiện hiện như một vì sao sáng trong bài “*Lại một xuân buồn*” (1985):

*“Nhớ Bích Câu Đà Lạt thoáng mưa bay
Hồ Than Thở cùng lòng ai hòa nhịp
Rừng Ái Ân với ngàn thông xanh biếc
Thác Gougah, cây gọi gió than van
Đồi 15 đầu đó cụm mai vàng
Giáng Sinh tới Anh đào khoe sắc thắm
Mimosa sương long lanh đọng nắng
Chiều Lâm Viên, bản Thượng khói dăng cao
Những kỷ niệm xưa thân ái biết bao...
Ghi lại thờ bên nhau nơi Trường Mẹ!”*

Trong cuộc sống tại nước ngoài, khi cảm tác “Truyện chúng mình hải ngoại” NHẬT TUẦN viết: “*Thời trang đời đã khép*”:

*“Và những chiều Đà Lạt
Một mình trên đồi thông
Mưa nhạt nhoà trong mắt
Gửi sầu... vào mênh mông.”*

Bài “*Áo ảnh*” cũng vẫn khắc ghi lại kỷ niệm ướ sầu khôn nguôi:

*“Xin giữ mãi kỷ niệm buồn Đà Lạt
Giữa đồi thông rừng cỏ non xanh ngắt
Nhớ điên cuồng trong một phút băng khuâng.”*

Phải chăng có lẽ để tưởng vọng về thành phố Đà Lạt mưa giăng, sương phủ với núi đồi thông xanh đầy ấp những kỷ niệm ngày xa xưa một phần đời của mình còn gửi lại nơi chốn ấy vì thế mà trong chuỗi ngày ly hương và khi mái tóc chớm điểm bạc nhà thơ đã chọn về định cư ở một thành phố cũng giăng mưa với ngàn thông xanh hoài ngàn năm giữa một miền đồi núi chập chùng ở vùng trời tây bắc Hoa Kỳ, đó là Seattle?

Thành phố văn hóa

Thành phố Đà Lạt có một trình độ văn hóa cao. Do là một vùng khí hậu tốt lành, trước đây phần lớn gia đình khá giả ở Sài Gòn và các tỉnh đã gửi con em lên Đà Lạt học hành nên nơi đây đã trở thành một thành phố văn hóa tập trung nhiều trường học với các sinh viên học sinh trí thức đông đảo.

VI KHUÊ kể rõ về các trường trung học Việt Nam và các nhà sách có tại Đà Lạt trong những ngày xa xưa trước năm 1975:

“Ở đây chúng tôi chỉ xin nhắc lại các trường trung học, mỗi trường một màu sắc đồng phục cho học sinh, nói lên đặc điểm riêng như tên trường đã chọn: trường Trần Hưng Đạo, trường Bùi Thị Xuân, trường Quang Trung, trường Bồ Đề, Trí Đức, Văn Học, Văn Khoa, trường Việt Anh, trường Adran, trung tâm giáo dục Hùng Vương, trường Tân Sanh, trường Minh Đức, trường Kỹ Thuật Lasan, trường Domaine de Marie, trường Thương Mại, trường Phổ Minh, trường Nông Lâm Súc, trường Chi Lăng...”

Và còn các hiệu sách nữa chứ! Không có sách lấy gì đáp ứng nhu cầu tinh cảm và tư tưởng của Đà-Lạt hiền hậu, ưa thu mình trong chần ảm nghe tiếng nói của nội tâm? Cho đến năm 1975, Đà-Lạt có những nhà sách nổi tiếng như: Liên Thanh, Thiên Nhiên, Nhân Văn, Hòa Bình, Thiên Hương, Tuyên Đức, Hồng, Khải Minh, Minh Thu, Khai Trí...”

TỪ KÉ TƯỞNG nhớ đến hình ảnh nữ sinh Đà Lạt, thật đẹp:

“Vào thành phố, khi xe qua cây cầu ngắn giữa hồ Xuân Hương, buổi chiều đang xuống với nắng nhạt lẩn trong màn sương, nước hồ trong vắt như gương. Ngược con dốc khu Hòa Bình tới chân cầu là một rừng áo dài trắng được phủ ngoài bằng áo len xanh của nữ sinh Đà Lạt.

Những cô gái ôm cặp đi học về, đi bộ qua cầu, ánh mắt đen lúng liếng như có nước, có khói sương, hai má ửng hồng, môi đỏ chúm chím, tóc dài thả tung trong gió, dưới những tán mai anh đào đơm hoa chỉ chít. Giữa khung cảnh thần tiên của Đà Lạt, nếu đó không phải những nàng tiên thì còn gọi là gì?”

VIỆT TRANG nhìn các học sinh cắp sách đến trường với bước chân rộn rã trên các nẻo đường nên cảm hứng viết mấy vần thơ:

“Các em
Mai chiều hai buổi
Những bước chân của tuổi học trò
Những bước chân ngầy thơ bướm hoa thành phố
Theo giữa dòng đời xa lạ
Ươm một niềm tin
Từng lớp, từng hàng
sách vở là hành trang
Gió mây là bạn đồng hành
Khi vòng quanh nghĩa địa
Lúc lên xuống núi đồi
Ngỡ trường xa xôi hơn cả bên kia thế giới
Đi hoài không mỏi
Đi tìm tiếng gọi tương lai...”

NGUYỄN MINH TÂM cho biết sơ lược về trường Bùi Thị Xuân từ hồi thành lập:

“Các phụ huynh học sinh: Trần Văn Khắc (người hướng đạo sinh đầu tiên của Việt Nam), Nguyễn Thúc Quýnh và các Giáo sư Nguyễn Trọng, bà Nguyễn Văn Đãi... chính là những người đầu tiên đã đứng ra vận động thành lập trường trung học công lập Việt Nam đầu tiên ở Đà Lạt: đó là trường trung học Phương Mai (tên công chúa con vua Bảo Đại) ra đời năm 1951 và năm sau thì thêm trường nội trú Bảo Long (hoàng tử con vua Bảo Đại).



Cuối năm 1955, khi vua Bảo Đại không còn tại vị nữa và nền Đệ Nhất Cộng Hòa được thành lập thì trường Bảo Long thành trường Trần Hưng Đạo và trường Phương Mai đổi tên thành trường Quang Trung.

Trường chỉ mang tên Quang Trung có hai niên khóa (1955-1957) rồi đổi tên thành trường trung học Bùi Thị Xuân. Vị hiệu trưởng lúc bấy giờ là Giáo sư Phạm Văn Nam và hiệu đoàn trưởng là Giáo sư Nguyễn Trọng.

Cuối năm 1957-1958, khi thầy Phạm Văn Nam về hưu, thầy Tiến được đề cử xử lý thường vụ trong thời gian ngắn chờ Bộ Quốc Gia Giáo Dục gởi thầy An lên nhậm chức hiệu trưởng trường Bùi thị Xuân. Không được bao lâu thì có biến cố của trường nên nam sinh qua Trần Hưng Đạo, nữ sinh ở lại để khởi đầu là trường Nữ Trung Học Bùi Thị Xuân, nữ sinh trường Trần Hưng Đạo thì qua trường Bùi Thị Xuân. Vị hiệu trưởng đầu tiên của trường nữ này là cô Đỗ Hoàng Hoa, rồi tiếp đến là bà Nguyễn Văn Đãi tức là cô Nguyễn Khoa Diệu Liễu, sau đó là cô Đinh Thị Lệ Minh, rồi cô Thân Thị Hồng. Vị hiệu trưởng cuối cùng là cô Trần Thị Phương Thu (con của cụ Trần Văn Khắc).

Qua bao đổi thay trường Nữ Trung Học Bùi Thị Xuân vẫn còn tên nhưng tiếc thay không còn là trường Nữ của các nàng Tiên Áo Xanh nữa mà đã trở thành trường Trung Học Phổ Thông Bùi Thị Xuân hỗn hợp cả nam và nữ...!”

HUỆ THU khi nhớ lại hình ảnh thành phố cũ chẳng bao giờ lại quên trong đó có ngôi trường Bùi Thị Xuân thân yêu của mình:

“Hoàng Triều Cương Thổ nhớ quê ta
Thị Xã giờ đây vạn dặm xa
Thấy mạn Trại Hàm mừng tíu tíu
Tưởng hồ Than Thở rộng bao la
Đồi Cù năm cũ tình thân ái,
Con dốc Hàm Nghi áo thướt tha.
Bùi Thị Xuân ơi! Oi tuổi trẻ,
Soi gương đã thấy tuyết sương pha.”

MIỀN DU ĐÀ LẠT cũng nhớ về Đà Lạt những ngày tháng cũ, trong đó hình ảnh những tà áo học trò và ngôi trường xưa khó có thể phai nhòa. Nỗi lòng được bộc lộ trong bài “Đà Lạt buồn ơi!”:

“Bao giờ được trở về Đà Lạt
Thở hít khí trời một sáng sương

Để được lang thang trên đồi vắng
Để soi bóng nước hồ Xuân Hương

Đà Lạt còn gì để nhớ thương?
Thương tà áo trắng quện sân trường
Thương em cái thuở ngây thơ quá
Tóc bím em cài hoa Hướng Dương

Đà Lạt bây giờ có khác xưa?
Người em Bùi Thị... có ai đưa?
Con đường Đại Học thông vi vút
Những buổi chiều về lội vũng mưa

Đà Lạt bao giờ hết nhớ nhung
Bao giờ nghe lại tiếng suối rừng
Bao giờ ừ nhỉ bao giờ nhỉ
Đà Lạt buồn ơi chợt rung rung.”

Sau đó MIÊN DU ĐÀ LẠT viết bài thơ: “Người em Bùi Thị ...” (1998) thoát tiên với những hình ảnh ngôi trường Bùi Thị Xuân thuở xưa với hương Xuân lai láng:

“ta nhớ em
người em Bùi Thị ...
nhớ má em hồng
môi đỏ mọng chiều Xuân
nhớ tà áo trắng vờn trong gió
nhớ dáng em hiền
nghiêng nón buổi sớm mai

ta nhớ em
người em Bùi Thị ...
nhớ buổi thanh Xuân
ta mơ ước một ngày
nhặt chiếc hài xinh xắn
để được đi tìm em
như chàng Hoàng Tử
tìm nàng Công Chúa Lọ Lem”...

Để rồi lời thơ trầm lắng xuống đầy tiếc nuối với muôn ngàn nỗi
ngậm ngùi của người phiêu bạt phương xa gửi về ngôi trường cũ:

“ta nhớ em
người em Bùi Thị ...
đã qua rồi một giấc mơ Xuân
ta ra đi
và em cũng không ở lại
mái trường xưa
ngói đỏ nhạt màu
cổng trường xanh
hoen màu Bùi Thị ...
thôi hết rồi buổi thanh Xuân ấy
ta và em
chẳng bao giờ tái hợp

ta nhớ em
người em Bùi Thị ...
ta yêu em
thuở ấy tuổi Xuân thì...!”

Nhà giáo, nhà thơ TRẦN VĂN LỆ cũng nhớ ngôi trường xưa khi mình còn đứng trên bục giảng nên viết bài thơ “Bùi Thị Xuân ơi trường rất nhớ”:

“Bùi Thị Xuân trường một thuở xưa
trên đồi Đalat nở vàng hoa
những cây khuynh diệp run trong gió
đang lạnh lòng người vạn dặm xa

Mười lăm năm trước, ngôi trường đó
tôi ngắm học trò áo trắng bay
nói với các em kia bướm lượn
bây giờ nhớ quá nó hoài mây

Mười lăm năm trước tường hôm qua
nước Mỹ tôi ngờ đất nước ta
ngày cuối tuần đi lên dốc núi
vào rừng thông đắm giọt sương sa

Ôi thông xanh biếc, thông Đalat
thơm ngát lòng tôi bụi phấn vàng
gió nhẹ thoảng bay mù phớt phớt
tôi như một kẻ lạc thiên đàng

Tôi đi trên cỏ chân không bước
(dưới lưng em đùa sẽ mất vui)
thầy giáo xuân xanh thời lãng mạn
không dè một phút hiện trong tôi

Nhưng tôi chợt nhớ đầu đang bạc
quay lại nhìn ra đất nước nào
ngủ suốt đêm qua chừ thức dậy
núi đồi Đalat giấc chiêm bao!

Bùi Thị Xuân ơi trường rất nhớ
lời thầy nín lặng các em im
các em chừ chắc chồng con hết
lưu lạc phương nào bến nước duyên

Bùi Thị Xuân ơi trường rất nhớ
bức tranh nữ tướng đẹp như mơ
hành lang tôi đứng khu nhà trọ
ngó xuống nhìn ai hồi học trò?"

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG (Vancouver, Canada) nói tới kỷ niệm hồi còn theo học tại trường Bùi Thị Xuân thuở xưa:

"Tôi vốn "xuất thân" từ trường Trần Hưng Đạo (được biết đầu tiên có tên là trường Bảo Long) vốn dĩ gồm cả nam lẫn nữ, cũng như trường Quang Trung (trước kia gọi là trường "Phượng Mai", theo tên của công chúa con vua Bảo Đại- cũng cả nữ lẫn nam- của những năm đệ thất, đệ lục, đến hết năm đệ ngũ thì khăn gói dời sang học trường Bùi thị Xuân, tên cũ của trường Quang Trung. Trường nằm trên một mảnh đồi, yên tĩnh nhưng sáng sủa, trước mặt là đồi thông, rừng thông nên thơ... giờ thì tôi chỉ nhớ mang máng. Ngôi trường Bùi Thị Xuân với dãy nhà lớp quét vôi màu hồng..."

"Đến khi sang học ở trường Bùi thị Xuân, vào năm đệ tứ, thì tôi đã bắt đầu "lớn", thường cùng cậu em trai kém tôi sáu tuổi dắt nhau đi học, có khi đi đường tắt thì phải băng qua đồng ruộng, phía bên trong- mà giờ đây tôi chỉ nhớ mang máng- Có khi chúng tôi đi học bằng con đường nhựa chính thì trên đường đi cũng như trên đường về, chúng tôi đều phải đối diện với mấy anh nam sinh Trần Hưng Đạo. Thế là lại có một màn nói chọc ghẹo. Lúc đó tôi thường đội nón che mặt để khỏi nhìn. Có anh chàng còn gọi cả tên tôi. Không biết phản ứng ra sao, tôi bao nhờ em trai tôi "Hà nhỏ nước miếng đi". Đó là cách phản ứng duy nhất mà lúc đó mà

tôi nghĩ là “thượng sách”.. Chẳng biết cậu em tôi có làm không nhưng tôi cứ làm bộ thản nhiên bước như không nghe thấy gì. Vì là con gái, lại hay nhút nhát, e lệ nên thấy “con trai” chộc ghẹo “em gái thằng N. dễ thương quá” thì phải “tỏ thái độ” để chứng tỏ mình “không hường ửng”. Tuy nhiên, dù biết họ “xạo”, nhưng trong lòng cũng thấy vui vui.”...

KIẾM THÊM nhìn các nữ sinh tan trường về, thướt tha với màu áo quen thuộc, rộn ràng trong nhịp bước ngây thơ trong trắng tươi vui. Trong lòng chợt trỗi lên một khúc nhạc tình:

“Đà Lạt có những chiều tan trường về rộn rịp. Tiếng guốc gõ ròn tan trên dốc chùa Linh Sơn, một thứ âm thanh cực kỳ rộn rã, vui như tuổi vừa chớm yêu thương, Những em gái Bùi Thị Xuân, thoáng hiện qua màu áo thiên thanh “thơ ngây ngày nào; chìm khuất trong mưa, mưa bay dạt dào” mắt dần trong làn sương chiều, nhạt nhòa khói sóng. Đưa em về cuối ngõ. Ngần ngại nhìn em khi nói câu chia tiếng. Rồi từ đó, chuyện tình cũng lớn dần, nở ra theo màu thời gian, hay đã chết dần theo năm tháng? Và một sáng tinh khôi nào đó, người con gái mới chợt thấy rằng: Mình đã yêu. Hoa vẫn đẹp, nắng vẫn nồng, và tình vẫn tha thiết, cuồng si...”

NGHIÊU MINH viết tặng trại hè Bùi Thị Xuân 1996 tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn bài thơ “Bao nhiêu năm mới có ngày này”:

“Gặp lại nhau tay bắt mặt mừng
Giòng lệ tuôn mà lòng phơi phới
Ba mươi năm, ba mươi màu phượng nở
Bao nhiêu năm mới có ngày nay

Chỉ nhìn nhau không nói nên lời
Này vòng tay thầy cô yêu mến
Họp đàn chim năm châu bốn biển
Bao nhiêu năm mới có ngày nay

Bùi Thị Xuân: Ngôi trường thân ái
Áo trắng bay đồi nắng sương mù
Em xe đạp trên đường hoa dại
Rùng thông vang má đỏ sân Cù

Bùi Thị Xuân: Ngôi trường nhưng nhớ
Chỉ hình dung ký ức xa vời

*Dáng cô thầy, bạn bè nhắc tới
Bùi thị Xuân quá đổi yêu ơi!*

*Một tuần qua như trở về tuổi trẻ
Ta tung tăng, nô giỡn vui đùa
Trò và cô như thời niên thiếu
Bao nhiêu năm mới có ngày này.”*

Một trường Việt Nam khác tại Đà Lạt là trường Trần Hưng Đạo. Nhà giáo NGUYỄN NHÂN BẰNG viết về những buổi đầu:

“Trường Trung Học Trần Hưng Đạo là trường trung học công lập lớn nhất của thành phố Đà Lạt. Trường tọa lạc tại phía Đông Bắc của thành phố thuộc khu phố chín. Trường được thành lập năm 1951. Cơ sở lúc đầu là mười căn nhà nghỉ mát của quân đội Pháp (khu B) để lại chia ra: lớp học năm căn, ba căn cho học sinh nội trú, hai căn cho cư xá giáo chức.

Ngày mới thành lập, trường chỉ thu nhận học sinh nội trú có cha mẹ hay có anh em đã hy sinh vì tổ quốc. Sau đó trường Quốc Gia Nghĩa Từ Sài Gòn được thành lập thì các học sinh nội trú được chuyển về Sài Gòn năm 1958.

Năm 1951 trường Trần Hưng Đạo là trường Bảo Long (tên Hoàng Từ Bảo Long con vua Bảo Đại), sau 1955 mới đổi tên thành trường Trần Hưng Đạo. Vị Hiệu trưởng lúc trường mới thành lập là ông Nguyễn Thúc Quýnh, Trường Ty Tiểu Học Đà Lạt lúc bấy giờ kiêm nhiệm. Qua niên khóa sau 1952 thì ông Trịnh Huy Tiến mới chính thức làm Hiệu Trưởng. Mới đầu chỉ có Trung Học Đệ Nhất Cấp, nam nữ học chung. Sang năm 1958, trường mới chuyển thành trường Nam Trung Học của thành phố. Năm 1959, trường có lớp 12 (trường Bùi Thị Xuân năm này chưa mở lớp 12, nên nữ sinh Bùi Thị Xuân học lớp 12 được chuyển qua trường Trần Hưng Đạo).”

Theo nhà giáo NGUYỄN NHÂN BẰNG thì các vị Hiệu Trưởng của trường Trần Hưng Đạo từ năm 1951 đến năm 1975 lần lượt như sau:

“Nguyễn Thúc Quýnh (1951), Trịnh Huy Tiến (1952), Nguyễn Đình Phú (1953), Hoàng Khôi (1957), Kỳ Quan Lập (1959), Tạ Tất Thắng (1963), Trần Nho Mai (1965), Hoàng Trọng Hàn (1967), Trương Văn Hoàn (1972) và Phạm Phú Thành (1975)”.

Nhà giáo cho biết tiếp thêm là sau tháng Tư năm 1975, qua bao nhiêu cuộc đổi thay và “trường Trần Hưng Đạo đã bị mất tên luôn”.

Nhân dịp nói về trường Trần Hưng Đạo người ta phải đề cập đến một học sinh đặc biệt của trường mà về sau này rất nổi tiếng, đó là nhạc sĩ TỪ CÔNG PHỤNG. Nhạc sĩ sinh năm 1942 tại Ninh Thuận. Học hai năm cuối cùng của bậc trung học ở các trường Duy Tân (Phan Rang) và Trần Hưng Đạo (Đà Lạt). Được chọn làm trưởng ban văn nghệ toàn trường. Năm 1960, đang theo học lớp đệ Nhị, mới 18 tuổi, đã sáng tác ra ca khúc đầu tay *“Bây giờ tháng mấy”*. Nhạc sĩ tâm sự: *“Nhưng tôi không dám trình bày trước công chúng. Phần vì nhát, phần chưa tin tưởng lắm vào tài sáng tác của mình.”*

Thời gian ở Đà Lạt, nhạc sĩ cùng một số bạn học thành lập một ban nhạc lấy tên là Ngân Thông (một người cùng trong ban nhạc sau này cũng trở thành nổi tiếng, đó là Lê Uyên Phương). Ban nhạc chơi hàng tuần cho đài phát thanh Đà Lạt. Ca khúc *“Bây giờ tháng mấy”* được trình bày lần đầu tiên, qua làn sóng điện này. Ngay sau đó, nhạc sĩ nhận được rất nhiều thư khen ngợi. Những bức thư này đã khuyến khích nhạc sĩ mạnh dạn hơn trong lãnh vực sáng tác về sau này và đã thành công.

Tình ca của Từ Công Phụng có những nét đặc biệt mang tính chất lãng đãng, bàng bạc nhẹ nhàng nên thật gần gũi với những người yêu nhạc từ 40 năm qua, kể từ nhạc phẩm đầu tiên *“Bây giờ tháng mấy”*. Không những thế nhạc sĩ còn có một giọng hát thật trầm ấm như những lời tâm sự chân tình, dễ gây cảm xúc bằng lối diễn tả với tất cả chiều sâu của tâm hồn.

Được biết sau đó nhạc sĩ rời Đà Lạt về Sài Gòn và vì là người thuộc dân tộc thiểu số nên đặc cách được theo học trường Quốc Gia Hành Chánh. Cựu biên tập viên đài phát thanh VOF. Vượt biển rời Việt Nam vào tháng 10 năm 1980. Cư ngụ tại Portland, Oregon Hoa Kỳ. Trong thời gian lưu lại Việt Nam trước khi vượt biển đã sáng tác thêm bài *“Mất lệ cho người”*, *“Trên tháng ngày đã qua”* v.v... sau này được phổ biến tại hải ngoại và rất nổi tiếng.

Nội dung bản *“Bây giờ tháng mấy”* của TỪ CÔNG PHỤNG:

“Bây giờ tháng mấy rồi hỡi em? Lênh đênh ngàn mây trôi êm đêm. Chiều nay nếu em đừng hờn dỗi. Cách nhau một lần thôi. Tâm hồn mình đâu lẻ loi.

Bây giờ tháng mấy rồi hỡi em? Anh đi tìm màu hoa em cài. Chiều nay nhớ em rồi và nhớ. Áo em đẹp màu thơ. Mối trần đây ước mơ.

Mai đây anh đưa em đi về. Mưa giăng chiều nắng tà. Cho buốt lạnh chúng mình. Em ơi! Thôi đừng hờn anh nữa, nhìn nhau buồn vui, để mùa Đông buốt giá bờ vai mềm.

Bây giờ tháng mấy rồi hồi em? Anh đi tìm mùa Xuân trên đời. Mùa Đông chết đi rồi mùa Xuân, mắt em đẹp trời sao, cho mình thương nhớ nhau.”

NGUYỄN NGỌC CHÍNH nói về trường Trần Hưng Đạo trong “Hồi ức học trò” của mình:

“Tôi trúng tuyển vào *Đệ Thất trường trung học Trần Hưng Đạo Đà Lạt* năm 1958. Từ tiểu học bước lên trung học tôi tự thấy mình lớn hẳn lên. Hồi còn ở tiểu học mỗi lớp chỉ có một thầy hay cô phụ trách suốt năm học, lên đến *Đệ Thất* bắt đầu có sự tiếp xúc với nhiều giáo sư dạy các môn nên mỗi buổi học trở nên phong phú và sống động hơn.

Ngày xưa, thầy cô giáo dạy trung học được gọi là giáo sư, lên đến đại học thì có giảng sư. Tại trung học, giáo sư đến giờ vào lớp dạy, hết giờ sang lớp khác rồi giáo sư khác lại tiếp tục vào tựa như ca sĩ chạy show! Cậu học sinh mới bước vào trung học như tôi cảm thấy đây là một thế giới hoàn toàn mới lạ.

Đà Lạt có hai trường trung học công lập, trường dành cho nam sinh mang tên Trần Hưng Đạo, trường dành cho nữ sinh là Bùi Thị Xuân. Trước năm tôi bước vào *Đệ Thất*, trường Trần Hưng Đạo có tên là trường Bảo Long (hoàng tử, con vua Bảo Đại) và tiền thân của trường nữ Bùi Thị Xuân là trường Phương Mai (công chúa, con vua Bảo Đại) được thành lập từ năm 1953.

Trường Bảo Long được thành lập từ năm 1951 và chỉ dành cho quốc gia nghĩa tử, một hình thức của trường Thiếu sinh quân, nhưng tại đây chỉ dạy văn hóa chứ không huấn luyện quân sự. Học sinh trường Bảo Long theo chế độ nội trú, họ là con em của những người trong quân ngũ đã hy sinh vì nước nên cũng nổi tiếng là một tập thể nhiều cá tính.

Kể từ năm 1956 Bảo Long đổi tên Trần Hưng Đạo và tiếp nhận học sinh phổ thông, trước đó học sinh nam nữ học chung tại trường Phương Mai. Trường Trần Hưng Đạo gồm nhiều dãy phòng học xây dựng dọc theo sườn đồi thoải. Những lớp nhỏ như *Đệ thất*, *Đệ lục* chiếm các dãy phòng phía dưới chân đồi và càng lên cao là các lớp lớn hơn...”

NGUYỄN NGỌC CHÍNH nói thêm:

“...Năm tôi vào *Đệ Thất*, hiệu trưởng trường Trần Hưng Đạo là thầy Kỳ Quan Lập hiền lành, điềm đạm, học sinh chỉ sợ thầy Bửu Vụ, ông rất nghiêm khắc trong vai trò Tổng giám thị. Thậm chí ông còn sử dụng roi để giải quyết những trường hợp học sinh ngỗ nghịch. Thầy Bửu Vụ đã lớn tuổi và luôn là ‘hung thần’ đối với đám

học sinh ‘quậy’ mà ngày đó được mệnh danh là đám... ‘nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò’!

Hình phạt cao nhất tại Trần Hưng Đạo là những buổi ‘cắm tọc’ vào những ngày nghỉ cuối tuần. Phiếu cắm tọc được thông báo về nhà và phải nộp lại trong buổi cắm tọc với chữ ký của phụ huynh. Đây là một biện pháp răn đe có tác động rất mạnh đến học sinh bình thường nhưng hình như mất hết tác dụng đối với những học sinh được xếp vào nhóm thứ ba, sau quỷ và ma! Có những tay ngỗ ngáo gần như ‘kỳ còm tháng’ trong các buổi cắm tọc vào những ngày cuối tuần.

Học sinh bị phạt phải có mặt tại trường để làm những công việc tùy theo sáng kiến của giáo sư trông coi cắm tọc. Thường thì nam giáo sư giao các việc ‘lao động công ích’ như dây cỏ sân trường, lau chùi cửa kính, làm tổng vệ sinh các lớp học... Nếu phụ trách cắm tọc là nữ giáo sư các hình phạt sẽ linh động hơn, chẳng hạn viết một bài luận văn kể trường hợp tại sao mình lại bị phạt...

Trường Trần Hưng Đạo có những giáo sư nổi tiếng như thầy Thăng ‘Napoleon’ (chúng tôi gọi ông là Napoleon vì có vóc người vừa lùn vừa hói nhưng những tiết học của thầy luôn hấp dẫn học sinh). Thầy Chữ Bá Anh có vóc người nho nhã, lịch lãm, thầy có chiếc xe Peugeot 201 nhưng nhà lại rất gần trường nên chẳng bao giờ thấy lái xe đến trường.

Trần Hưng Đạo năm nào cũng có một số thầy cô giáo mới tốt nghiệp đại học sư phạm được bổ nhiệm về dạy. Tôi còn nhớ cô Thủy dạy sử vì mỗi lần cô đọc bài cho cả lớp viết thì thế nào cô cũng bảo tôi lập lại. Lâu dần, điệp khúc “Chính nhắc lại” trở thành một đề tài để các bạn cùng lớp đem ra chọc tôi. Thực ra trong thâm tâm tôi vẫn tự hào vì được cô giáo cưng và hãnh diện khi trở thành teacher’s pet!”

TRẦN ĐẠI BÀN thời nói về hai trường Thăng Long và Văn Học với rất nhiều chi tiết:

“Tiền thân của trường Thăng Long là trường Hiếu Học, tọa lạc tại số 10 đường Hai Bà Trưng. Ông Chữ Bá Anh là hiệu trưởng rồi sang lại cho giáo sư Trần Huy Bích là một giáo sư trong trường. Ông Bích đổi tên trường thành Thăng Long khi ông đứng tên làm hiệu trưởng.

Một thời gian sau, ông Chữ Bá Anh mở lại trường, đặt tên là Văn Học, lúc mới khai trường, trường có trụ sở tại số nhà 12 đường Hoàng Diệu. Để có điều kiện phát triển rộng lớn hơn, ông Chữ Bá Anh đã hợp đồng thuê dài hạn cái biệt thự trên đồi tại số 4 Hoàng Diệu, có diện tích chung quanh khá rộng rãi đủ để xây

nhiều lớp học bên hông. Từ đó trường trung học tư thực đệ nhất và đệ nhị cấp Văn Học đã ra đời, mở các lớp đệ Thất đến lớp đệ Nhất (lớp 6 đến lớp 12.) Riêng đệ nhị cấp thì từ lớp đệ Tam đến lớp đệ Nhất có đủ cả ba ban A (sinh vật), B (toán lý hóa) và C (sinh ngữ và nhân văn). Ngoài một số giáo sư cơ bản của trường, ông Chủ Bá Anh đã mời thêm nhiều giáo sư danh tiếng, đã từng dạy học tài các trường ở trong các thành phố lớn như Saigon hoặc tại những tỉnh thành khác. Một số trong những giáo sư giảng dạy tại Văn Học chính là giảng viên văn hóa tại trường Võ Bị Quốc Gia Dalat. Họ gia nhập quân đội theo lệnh tổng động viên trong tình hình chiến tranh leo thang tại miền Nam Việt Nam và được điều động về trường Võ Bị ở Dalat.

Những giáo sư bấy giờ tôi còn nhớ gồm có: Phạm Kế Viêm, dạy Toán hiện ngụ tại Paris; Thân Trọng Bình, dạy Lý Hóa; Nguyễn Minh Diễm, Việt Văn và Triết; Hoàng Trọng Hàn, từng là hiệu trưởng trung học Trần Hưng Đạo, dạy Anh Văn; Phùng Văn Hưởng cũng giáo sư Trần Hưng Đạo, dạy Vạn Vật; Vũ Đức Nghiễm, giáo sư văn hóa tại trường Chỉ Huy Tham Mưu Dalat, dạy Việt Văn; Nguyễn Phước Ứng Hiến, dạy Lý Hóa; Nguyễn Xuân Thiệp tức nhà văn Châu Liêm, giám đốc đài phát thanh quân đội, dạy Anh Văn; Nguyễn Quang Tuyền, tốt nghiệp đại học Dalat ngành Chính Trị Kinh Doanh, dạy Việt Văn; Hồ Thanh Tâm, dạy Sử Địa; Nguyễn Ngọc Giao, Pháp Văn; Trần Bất, Sử Địa; Nguyễn Văn Sơn, Pháp Văn; Huỳnh tấn Phát, Vạn Vật; Nguyễn Hữu Anh, Hóa Học; Phan Thanh Thư, Nhạc Lý; Lưu Văn Nguyên, Toán; và tôi Trần Đại Bản, Toán và Nhạc Lý. Trường Văn Học là một trường tư nổi tiếng tại Dalat, nhất là về mặt luyện thi Tú Tài nhờ tỷ lệ thi đậu rất cao. Ngay cả những học sinh trường công như Trần Hưng Đạo, Bùi Thị Xuân cũng có nhiều học sinh ghi tên học các lớp luyện thi tại Văn Học.”

TRẦN ĐẠI BẢN nói thêm về trường Văn Khoa:

“Ngoài trường Văn Học, bà Chủ Bá Anh là hiệu trưởng trường trung học tư thực Văn Khoa (Văn Học 2). Ngôi trường rất đồ sộ, diện tích đến hai ngàn thước vuông, tọa lạc tại số 9 đường Phan Chu Trinh ở khu Chi Lăng ngoại ô thành phố”.

Sau Trung Học, lên cao hơn là Đại Học. Viện Đại học Đà Lạt được MAI THÁI LĨNH ghi lại trong “Kỷ niệm về một ngôi trường”:

“Cuối năm 1967, tôi vào học tại Viện Đại học Đà Lạt (...) Ấn tượng đầu tiên của tôi là ngôi trường rất đẹp. Nhìn từ mặt tiền, những giảng đường một tầng lầu được xây dựng với mái chữ A

trông rất gọn gàng, xinh xắn, được bố trí một cách hài hoà giữa những bãi cỏ, bồn hoa và những hàng thông. Riêng cánh trái của khu đồi là cả một rừng thông nhỏ chạy dài từ toà Viện trường mang tên Hoà Lạc đến tận dòng suối dưới chân đồi. Phong cảnh mỹ lệ đó, cộng với khí hậu trong lành, mát lạnh của thành phố cao nguyên, quả là môi trường lý tưởng cho việc học tập, và cũng là khung cảnh của biết bao chuyện tình trong giới sinh viên.

Xét về mặt quy hoạch, trường nằm ở một vị trí rất độc đáo : phía bắc hồ Xuân Hương, cuối khu Đồi Cù – một khu bất kiến tạo (zone non aedificandi) với những bãi cỏ và rừng thông tuyệt đẹp mà các nhà quy hoạch thời Pháp thuộc đã chừa lại giữa lòng đô thị để tạo nên nét đẹp thiên nhiên cho Đà Lạt.(...)

Tháp chuông của nhà nguyện Năng Tĩnh được bố trí trên đỉnh đồi, nên từ nhiều nơi xa trong thành phố người ta vẫn có thể nhìn thấy dễ dàng.(...)"

Thành phố cao nguyên Đà Lạt cũng là nơi đào tạo các sĩ quan có trình độ văn hóa cao với các trường Võ Bị Quốc Gia, Chiến Tranh Chính Trị, Chỉ Huy Tham Mưu và Đại Học Quân Sự.

Năm 1948, chính phủ Quốc gia Việt Nam lập ra Trường Sĩ Quan Việt Nam ở Đập Đá, Huế hầu đào tạo nhân sự chỉ huy cho Quân đội Quốc gia Việt Nam. Hai năm sau, trường sở được chuyển lên Đà Lạt với tên mới là Trường Võ bị Liên quân Đà Lạt (*École militaire Inter-armes*), tháng 11 năm 1950.



Sang thời Đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam, chính phủ Ngô Đình Diệm cải tổ lại và kể từ ngày 29 tháng 7 năm 1959 theo nghị định của Bộ Quốc phòng đổi tên thành Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam với nhiệm vụ huấn luyện sĩ quan hiện dịch cho ba quân chủng: hải quân, lục quân, và không quân cho Quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Khác với Trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức huấn luyện sĩ quan trừ bị, trường Võ Bị Đà Lạt đào tạo sĩ quan chọn binh nghiệp làm chính.

Năm 1961, cơ sở học đường mới được xây cất trên ngọn đồi 1515 ở phía bắc thành phố.

Khóa học có những môn vũ khí, truyền tin, tác chiến. Lý thuyết được bổ túc với phần thực tập. Trường lấy Học viện West Point của Hoa Kỳ làm mẫu.

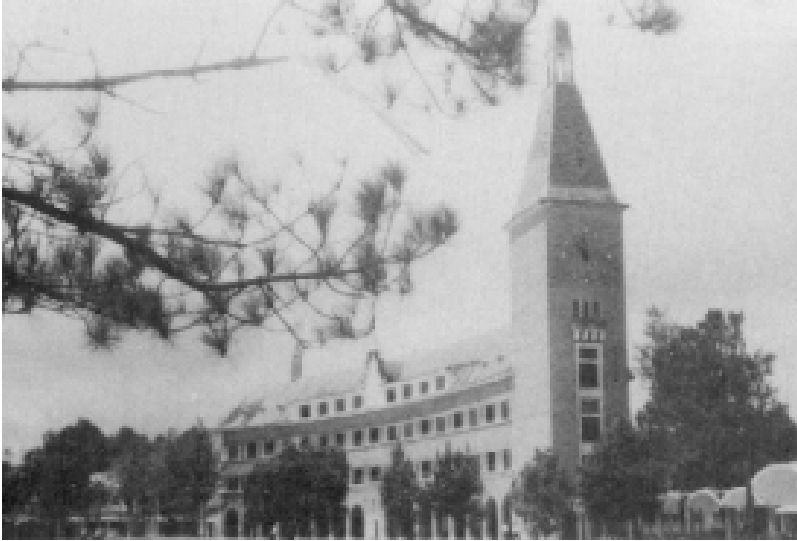
Đặc biệt phải kể thêm đến một nơi thiết lập và đào tạo của Thiên Chúa Giáo là Giáo Hoàng Học Viện Pio X - một học viện tôn giáo có tầm vóc quốc gia, đào tạo và cung cấp giáo sĩ có trình độ văn hóa cao cho cả Việt Nam. Đà Lạt là một trung tâm Thiên Chúa Giáo lớn nhất miền Nam Việt Nam. Tuy dân thành phố Đà Lạt theo Phật Giáo chiếm đa số, nhưng có lẽ vì phần lớn các trường trước kia đều do các cha, các di phước đứng ra tổ chức và trực tiếp dạy dỗ từ đại học, trung học, đến mẫu giáo, nên tinh thần Thiên Chúa Giáo có ảnh hưởng trong đời sống văn hóa của thành phố này. Đó là một yếu tố cá biệt, làm nên sắc thái văn hóa cho thành phố Đà Lạt.

Đà Lạt với khí hậu ôn đới thích hợp cho sinh hoạt trí thức và là "Hoàng Triều cương thổ" đồng thời chịu ảnh hưởng nặng nề của nền giáo dục của chính phủ Bảo Hộ Pháp nên ngoài những trường dạy chương trình Việt còn có các trường Pháp nổi tiếng như Petit Lycée, trường Grand Lycée (tức là Lycée Yersin), Couvent des Oiseaux, Lasan, Franciscaine, Nazareth... Và còn phải kể đến các trung tâm văn hóa Pháp, Mỹ.

Trong hệ thống giáo dục Pháp, với chế độ nội trú nên rất nhiều học sinh con nhà giàu từ Sài Gòn, các tỉnh miền Trung, Cao Miên và Lào đến học.

Trường Lycée Yersin, khánh thành năm 1935, được đặt thống thuộc trực tiếp với Bộ Giáo Dục của nước Pháp. Kiến trúc độc đáo với dáng dài uốn cong hình vòng cung, ôm lấy một khoảng sân rộng. Một đầu của tòa nhà có tháp chuông cao vút, mái đứng bốn cạnh lợp bằng đá phiến màu đen, chờ từ Pháp sang. Nét thẳng

đứng và mái đá đen của tòa tháp đối lập với nét cong và màu gạch đỏ của tường nhà cho người ta một cảm giác vừa mạnh mẽ lại vừa mềm mại, uyển chuyển. Dáng cong của tòa nhà là hình ảnh một cuốn sách mở ra, còn ngọn tháp thẳng đứng tượng trưng cho ngòi bút. Từ nhiều vị trí quan sát, người ta có thể nhìn thấy ngọn tháp của Trường khắc họa những đường nét thật nổi bật lên bầu trời Đà Lạt.



TRẦN NGỌC TOÀN cho biết một số chi tiết về trường này:

“Con em của dân Pháp thuộc địa và công chức Pháp đã gửi lên đây ở nội trú theo học cùng với các gia đình người Việt giàu có hoặc làm việc cho Pháp. Ngoài ra còn có một số ít người Thượng của các sắc tộc trên Cao Nguyên được tuyển chọn cho vào học miễn phí trong kế hoạch lâu dài cho cuộc thống trị...”

Nơi này cũng thu hút nhiều nhà trí thức của Pháp muốn thay đổi không khí tìm đến dưới hình thức dạy học như thi sĩ Jean O’Neil còn lảng mộ nằm sau lưng Nhà Thờ của địa phận Đức Bà “Domaine de Marie”...

Còn TRƯƠNG TOÀN nói về trường Lycée Yersin như sau:

“Ai xa Đà Lạt mà không nhớ? Về phần tôi, tôi nhớ Đà Lạt da diết. Đà Lạt là nơi ấp ủ bao nhiêu kỷ niệm tuổi học trò. Tôi nhớ chuyện cũ, thấy xưa.

Mái trường tôi học gần suốt thập niên 50 mang tên Lycée Yersin. Hình dáng cong cong, lá lướt. Mái lợp đá đen. Lầu chuông cao vút. Trường đẹp. Nhưng những nữ sinh học ở đó còn đẹp hơn.

Tôi còn nhớ mỗi sáng, có hôm trời rất lạnh, tôi cố gắng đạp xe đến trường sớm để chờ chuyến xe buýt (chúng tôi gọi là harem mobile: hậu cung di động) chờ nữ sinh nội trú từ trường Petit Lycée sang. Xe ngừng gần phòng giáo sư. Từng cô, từng cô, thướt tha bước từ xe buýt xuống. Rồi tỏa ra khắp các ngã đường dẫn đến sân chơi, lớp học. Trông như đàn bướm, muôn màu muôn sắc. Các cô biết có chúng tôi đang ngắm nên điệu chết được. Uốn éo, e ấp, đẹp nảo nùng. Chúng tôi được dịp bình phẩm từng cô một, nói cười thỏa thích. Rồi vào lớp với niềm vui rộn ràng lòng.”

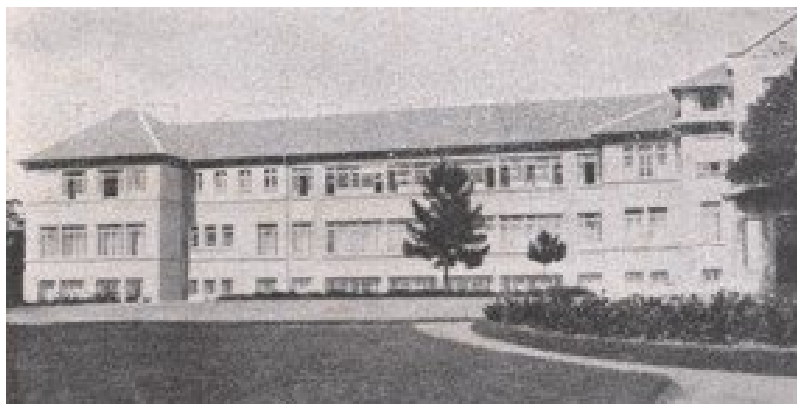
HOÀNG ĐỨC cũng ghi lại những dòng hồi ký “Đà Lạt chất ngất bao kỷ niệm” khi theo học nội trú tại “trường Tây” Yersin:

“Năm 1959, tôi và một số bạn học cùng lớp cùng trường,(...) đã khăn gói lên Đà Lạt. (...) Chúng tôi lên Đà Lạt nơi Hoàng Triều Cương Thổ, nơi mà dân Tây “chiếm đóng” để sống trong khí hậu mát lạnh gần giống với mẫu quốc Pha Lang Sa của họ.

Chúng tôi tự nhận mình là nhà quê so với Đà Lạt tưởng cũng không có gì là khiêm nhượng thái quá vì từ những anh học trò trang phục đơn sơ, tứ thời, bát tiết, áo sơ mi, quần dài, chân mang sandales, họa hoàn lấm mới diện một đôi giày da đen vào những ngày Tết hay lễ lượt quan trọng. Bây giờ lên Đà Lạt học trường Tây thì phải trang phục theo Tây, nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc mà lị. Ngày Chúa Nhật những học sinh nội trú mặc complet màu xanh đậm, (thời trang dạo đó) cổ thắt cà vạt, chân mang giày da láng công, đi dạo phố, nghênh ngang xem trời bằng vung, còn “ngon lành” hơn cả sinh viên võ bị Đà Lạt cứng nhắc người trong lễ phục cuối tuần và trong kỷ luật nhà binh, chẳng dám bay bướm như chúng tôi, chẳng dám vào các nơi giải trí công cộng như các bàn Billard chẳng hạn.

Dân nội trú Yersin là một lũ Tây con, đi dạo phố với Tây, nói tiếng Tây như gió. Dân Huế như tụi tôi mới lên Đà Lạt không dám thế đâu, dấu sao cũng còn giữ lại được những nét “nhu mì”, không kهنh kiệu của đất Thần Kinh mặc dù chúng tôi có quyền hãnh diện vì chúng tôi là những học sinh năm cuối của bậc trung học, tức là trình độ cao nhất vào thời bấy giờ tại Đà Lạt vì thuở đó chưa có đại học Đà Lạt và các sinh viên sĩ quan Đà Lạt cũng không bắt buộc phải có bằng Tú Tài Đới.

Ngày đó, cuối tuần, dù có bận rộn bài vở đến đâu chúng tôi cũng thẳng bộ vào để đi dạo phố Đà Lạt, ít nhất là một buổi sáng để “dọt l’air”, để lang thang nhìn ngắm các nữ sinh, hay la cà ở các bàn billard, các tiệm cà phê, các tiệm Phở Bằng, Phở Ngọc Lan, Phở Ngọc Diệp hay vào hai rạp ciné của thành phố. Tôi chỉ ở nội trú đúng một tháng, sau đó vì bị cuồng chân, cuồng căng trong kỷ luật của nhà trường, thiếu tự do, không được phóng túng nên đã viết thư xin bố mẹ tôi cho ra ở ngoại trú, viện cớ là ở nội trú không đủ thời giờ để “gạo” bài...”.



NGUYỄN CÚC kể chuyện về những buổi đầu thành lập trường Couvent des Oiseaux (tức là Trường Chim):

“Cách xa vạm trũng dương, nhưng thôi thúc theo tiếng gọi thiêng liêng, ôm ấp sứ mệnh giáo dục gói gắm thêm với cuộc sống tu trì, đạo đời cùng nhau chia xẻ trách nhiệm và bổn phận, chuyện dài 12 nữ tu Congrégation Notre Dame. Lần đầu tiên đến Việt Nam, chân yếu tay mềm nhưng tâm lòng rộng mở, đức tin vững vàng mạnh mẽ. Rồi bỏ quê hương, tạm biệt nhà Dòng Verneuil, các nữ tu lên đường hướng về Đà Lạt như vừa nhận lãnh ơn thiên triệu. Họ đến đây lập Dòng, mở trường học, góp phần truyền bá kiến thức và ngôn ngữ Tây phương đồng thời học hỏi, cảm thông hòa điệu với văn hóa Đông Phương...”

Đầu tháng 9 năm 1935, tại nhà Dòng Verneuil, sau lễ tạ ơn long trọng là giờ phút tiễn đưa đoàn nữ tu 12 người cùng với Mẹ bê trên St Thomas d'Aquin lên đường. Đến Sài Gòn cuối tháng 9, mấy ngày sau (3-10-1935) đoàn người đã có mặt đầy đủ ở Đà Lạt, kết thúc chuyến đi như kết thúc câu chuyện thần tiên. Tất cả đều được sắp đặt sẵn sàng, chu đáo từ nơi ăn chốn ở.”

NGUYỄN CÚC kể tiếp về những ngày sau đó:

“...ngày đi thăm phong cảnh Đà Lạt và các buôn Thượng: Chủ khách đều ngỡ ngàng lẫn nhau, từ hai phương trời xa lạ cả hai đều mới gặp nhau lần đầu. Các nữ tu đồng phục nhà Dòng, che kín bít bùng từ đầu đến chân, trong lúc đồng bào Thượng cao nguyên Lâm Viên cởi mở giản dị trong y phục Vườn Địa Đàng.

Đợt thêm chuyến đi thứ hai với 9 nữ tu, tháng 3 năm 1936, trường Couvent des Oiseaux mới mở cửa đón tiếp đợt đầu 25 nữ sinh nội trú. Kể từ buổi lễ đặt viên đá xây cất Dòng Chim, tháng 10 năm 1935, gần nửa năm sau một phần cơ sở trường ốc mới làm xong, 2 dãy phòng học và ký túc xá nữ sinh. Ngày 26-10-1936, trường làm lễ khai giảng chính thức với 110 nữ sinh, và năm sau, năm sau nữa, lần hồi lên đến 370 nữ sinh nội trú. Mỗi năm thêm lớp thêm học trò, đầu niên khóa 1940-1941 có lớp 3e và mấy năm sau, lớp Tú Tài Triết bắt đầu được giảng dạy.

Trừ giai đoạn khó khăn gần 2 năm kể từ niên khóa 1944-1945, nhà trường trở lại với công việc giáo dục từ đó về sau đều đặn và phát triển. Năm 1967, Couvent des Oiseaux hoàn tất chương trình Tú Tài Việt Nam khởi sự từ năm 1963 và năm sau (1968) hai lớp cuối cùng chương trình Pháp (1ère, Terminale) chuyển về trường Regina Mundi Saigon.”

CHRISTIANE ĐINH BẠCH NGA nói về kỷ niệm với ngôi trường xưa Couvent des Oiseaux:

“Trong việc thành lập trường, theo lời các Mẹ, Nam Phương hoàng hậu đã hết lòng giúp đỡ cùng bảo trợ tinh thần nhà trường bởi lẽ hồi còn du học ở Pháp, nữ hoàng cũng là một “Couventine”. Gần 20 năm sau, tôi mới vào học. Trường lúc này nổi tiếng khắp nơi, từ Huế vô Sài Gòn ra tới Hà Nội...”

Trường Couvent des Oiseaux nằm trên ngọn đồi gần suối Cam Ly. Có hai lối đi đến trường. Nếu đi bộ, đến gần phải leo dốc, qua nhiều bậc tầng cấp mới đến sân bên hông, nơi có bãi tập thể dục và sân chơi. Đi xe hơi, khỏe hơn, mau hơn. Ai muốn đi, lên xe liền cho kịp giờ! Từ phố chợ, theo đường Duy Tân, qua Nhà Đền, rẽ tay mặt đường Huyền Trân Công Chúa, con đường nhiều biệt thự kiểu Pháp. Phía tay phải con đường xinh xinh này, gần cổng trường nhìn thấy ngay một biệt thự có tấm bảng ghi đúng sáu nốt nhạc Do-mi-si-la-do-ré, được hiểu là Domicile adoré. Lời thơ nốt nhạc đi liền, chủ nhân biệt thự “mến yêu quá cỡ” này chắc hẳn là người thích văn nghệ đờn ca xướng hát quanh năm.

Hết đường Huyền Trân Công Chúa, rẽ trái, lái xe bọc theo chân đồi chưa đến nửa vòng, tới nơi rồi đó! Cổng trường thoang

thoảng hương thơm Mimosa và hăng hắc mùi nhựa thông, mấy gốc cổ thụ già “cành lá im như đã lặng chìm” từ thuở mô-mô chưa có trường Couvent des Oiseaux. Sân trường rộng đủ chỗ cho vài chục chiếc xe đến đón nữ sinh nội trú mỗi chủ nhật đầu tháng, ngày số lông của đàn chim biết nói ngoan ngoãn dưới bóng mẹ hiền quanh năm ngày tháng nhìn tới nhìn lui chỉ thấy đôi thông vì vu gió lộng. Được ra ngoài, các nàng tha hồ tung tăng ngắm cảnh nơi này nơi nọ, ghé thăm mấy tiệm phở, tiệm kem, vui vẻ hơn vào Ciné Eden xem Anthony Perkins, Audrey Hepburn...

Nội cả các trường nữ học thị xã Dalat Trường Chim đặc biệt nhất về đồng phục. Các cô bé, váy xanh đậm, sơ mi trắng ba ngày đầu tuần, mấy ngày kế tiếp sơ mi ca rô màu hồng. Nữ sinh các lớp trên, cũng thứ tự như vậy, váy xanh đậm với sơ mi trắng hay màu xanh da trời. Lên 3e, học trò được phép mặc áo dài. Bọn chúng tôi vì vậy cứ mong cho mau tối mau sáng kịp lên lớp trên để mặc “tunique” (áo dài). Đẹp hơn, thướt tha hơn tuy rằng suốt tuần lễ tới lui chỉ có một màu xanh dương áo dài. Có lẽ vì màu xanh trùng điệp thường thấy ngoài đường phố, trước sân trường nên thay vì gọi Couvent des Oiseaux, mấy chàng trai tinh nghịch nào đó bên Lycée đã đổi tên, Couvent des Corbeaux.

Gặp ngày lễ lớn, học sinh được phép mặc áo dài trắng và ăn cơm theo thực đơn Việt nam; vài món ăn quen thuộc như Phở, Chả Giò, Bánh Cuốn... Nhưng than ôi ăn cơm Việt Nam với dao, muống, nĩa và không có nước mắm! Lạc vắn, lạc điệu, nhưng không lạt miệng, ăn vẫn ngon! Hương thơm món ăn, gia vị cay nồng tiêu ớt không những chui vào dạ dày, còn tỏa rộng lên đôi mắt, có khi đầm đìa ướt át tưởng chừng như nhớ nhung ai đó “mưa sa giọt nhỏ, giọt ngừng”...

Trở lại đồng phục với các tablier. Lớn hay nhỏ, mặc “đầm”, học sinh phải mang thêm cái tablier bằng vải ca-rô; các em nhỏ màu xanh da trời, các chị lớn màu xanh đậm. Theo đúng nghĩa và công dụng, chỉ mặc tablier lúc làm việc... Khí hậu Đà Lạt mát lạnh quanh năm, mỗi tuần hai lần có giờ tập thể dục ngoài trời; lại đồng phục, quần phòng ngắn, áo cánh sát nách... Xong phần thể dục, đến các môn thể thao như bóng chuyền, bóng rổ, bóng chày.

Hình ảnh gọi nhớ đã đành, âm thanh cũng đưa mình về quá khứ. Có lẽ Couvent des Oiseaux là nơi duy nhất dùng tiếng chuông thay lời gọi... Mấy chục năm đã trôi qua, mỗi khi chợt nghe tiếng chuông đầu đó ngân lên, cứ tưởng như từ Đức Bà Lâm Viên vọng lại.”

Chuông vọng trần gian

Đà Lạt có 12 tôn giáo và tín ngưỡng khác nhau. Đồng nhất là Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Tin Lành và Cao Đài.

- Thiên Chúa Giáo: Theo bước chân của Linh Mục Robert, quản lý Hội Thừa Sai Paris tại Viễn Đông, đã thấp tùng đọt thám hiểm sau cùng với bác sĩ Yersin, Thiên Chúa Giáo đã hiện diện rất sớm trên đất Đà Lạt, với những cơ sở đồ sộ, những công trình kiến trúc đẹp mắt: Nhà thờ Chánh Tòa, Dòng Chúa Cứu Thế, Franciscaine, Domaine de Marie, Giáo Hoàng Học Viện...

Sau đọt di dân từ miền Bắc 1954, Thiên Chúa Giáo Đà Lạt đã lớn mạnh - Gồm có 38 dòng tu (20 dòng tu nữ, 18 dòng tu nam). Một đội ngũ trí thức đáng kể: 100 trí thức tu sĩ có trình độ thần học cao cấp - đào tạo ở Ý, Pháp, Anh, Đức. Những cảnh hoa trong trắng bừng hương bác ái dưới giáo đường Nhà Thờ Đà Lạt.

- Tin Lành: Từ năm 1929, thông qua những Mục Sư người Mỹ, đạo Tin Lành đã bắt đầu hoạt động ở vùng dân tộc ít người. Những nhà truyền giáo Tin Lành đã góp phần canh tân xã hội như dạy chữ dân tộc thiểu số được Latin hóa, cải cách phong tục tập quán, phát triển âm nhạc Tây phương. Trong những năm 1930, tại Đà Lạt đã bắt đầu có những Hội Thánh Tin Lành hoạt động.

- Cao Đài: Bao gồm tín đồ trung niên nhiều hơn thanh thiếu niên. Cao Đài gồm có hai hệ phái: Tây Ninh và Bến Tre.

- Phật Giáo: có 4 hệ phái là Ấn Quang, Tịnh Độ, Khất Sĩ và Hoa Tông. Đà Lạt có những chùa lớn như chùa Linh Sơn, chùa Sư Nữ Linh Phong, chùa Tàu...

Những người Đà Lạt cư ngụ tại đường Nguyễn Đình Chiểu, ấp Cô Giang, khoảng ngay giữa một nhà thờ và một ngôi chùa, đó là chùa Trúc Lâm, bên tai luôn vẳng nghe tiếng chuông hai nơi vang vọng cõi trần gian. TÂM MINH cảm hứng viết bài "*Tiếng chuông*".

*"Chuông nhà thờ Cô Giang
Sáng đở hồi reo vang
Nhạc vui theo chân Chúa
Dương thế được bình an.
Chuông khuya chùa Trúc Lâm
Ngân nga xua bụi trần
Tan màn đêm âm đạm
Bừng lên ánh hào quang."*

Ngôi giáo đường nhỏ bé trên nằm ngay đầu đường Nguyễn Đình Chiểu, ấp Cô Giang, cũng lưu lại kỷ niệm một mùa Giáng Sinh với hoa anh đào khoe sắc thắm trong lòng NHẬT TUẤN. Nhà thơ viết bài “Nhà thờ đường Cô Giang” với lời ghi chú “còn nhớ mãi ngôi giáo đường yêu dấu”:

*“Thêm Xuân nữa lại về
Giữa một trời tuyết lạnh
Nhiều đêm dài xa quê
Tìm hoài trong ảo ảnh*

*Những kỷ niệm thần tiên
Bây giờ anh vẫn nhớ
Nhà Thờ Đường Cô Giang
Chúa Nhật mình đến đó*

*Đa lạt vào Giáng Sinh
Anh-Đào reo mở hội
Tan lễ em và anh
Đường hoa về chung lối*

*Họ thấy em hôn anh
Vội làm dấu Thánh Giá
Các sơ... và sư huynh
Muốn là thiên thần cả!*

*Em hỏi:
Họ có yêu ??
Anh đáp:
Khi khẩn hứa,
Họ xin yêu rất nhiều
Yêu hết... con cái Chúa*

*Anh cố giữ niềm tin
Của tuổi trẻ mơ mộng
Nơi quê hương ngàn trùng
Xin em đừng tuyệt vọng*

*Vì sẽ có một ngày
Giáo đường xưa lại đến
Quỳ dưới trời tuyết bay
Thiết tha anh cầu nguyện.”*

Nhà thờ lớn nhất thành phố Đà Lạt ở gần khách sạn Palace được gọi là nhà thờ “CHÁNH TÒA”, hay còn cái tên dân gian là nhà thờ “CON GÀ” vì trên đỉnh tháp chuông có tượng một con gà lớn. Nhà thờ được xây dựng từ 1931 đến 1942, là một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu và cổ xưa nhất của Đà Lạt, có chiều dài 65m, chiều rộng 14m và cao 47m. Với độ cao đó, tháp chuông của nhà thờ có thể được nhìn thấy từ nhiều nơi trong thành phố. Phần phía trên của tường được lắp 70 tấm kính nhiều màu sắc, thể hiện một nét trong kiến trúc nhà thờ châu Âu thời Trung cổ.



Nhà thờ CHÁNH TÒA

NGUYỄN NGỌC CHÍNH giới thiệu Nhà thờ Con Gà như sau:

“Nhà thờ Chính tòa Đà Lạt được chính thức khởi công vào 9 giờ sáng Chủ Nhật, ngày 19/7/1931, do giám mục Colomban Dreyer (Khâm sứ Toà thánh tại Đông Dương và Thái Lan) đặt viên đá đầu tiên. Nhà thờ được xây theo đồ án của linh mục Céleste Nicolas, cha sở lúc bấy giờ.

Năm 1934, một thánh giá được đặt trên đỉnh tháp chuông chính. Ở đỉnh tháp có gắn một con gà bằng đồng dài 0,66m, cao 0,58m. Cũng vì thế Nhà thờ Chánh tòa sau này còn có tên Nhà thờ Con Gà. Con gà quay quanh một trục bạc đạn để chỉ hướng gió. Một số người giải thích Con gà là biểu tượng của nước Pháp (Coq Gaulois) nhưng những người Công giáo lại cho rằng Con gà

là biểu tượng của sự sám hối, theo đoạn Tân Ước kể lại việc Chúa Giê-su quở trách Phê-rô (một trong 12 tông đồ của Người): *Đêm nay gà chưa gáy, con sẽ chối Ta ba lần...*

Mặt bằng nhà thờ được xây dựng theo hình chữ thập giá có chiều dài 65m, rộng 14m với tháp chuông cao 47m. Từ độ cao đó, tháp chuông nhà thờ có thể nhìn thấy mọi nơi của thành phố.

Tường chịu lực của nhà thờ được xây bằng gạch đá dày khoảng 30-40cm. Trên tường trong nội thất được gắn các bức phù điêu với kích thước 1m x 0,8m, làm bằng xi măng và sắt do nhà điêu khắc Xuân Thi thể hiện. Riêng phần tường ngoài luôn được quét sơn màu hồng, càng tôn thêm sự trang nghiêm của một công trình kiến trúc tôn giáo."

Một bản nhạc nổi tiếng được gợi hứng từ Nhà thờ Con Gà là bản: *"Bài thánh ca buồn"* của NGUYỄN VŨ. Nhạc sĩ tên thật là Nguyễn Tuấn Khanh, sinh năm 1944 tại Hà Nội nhưng suốt thời thơ ấu ông sống ở Đà Lạt. Những năm tháng tuổi thơ sống ở thành phố sương mù đã tác động nhiều đến bước đường nghệ thuật của ông trong đó có *"Bài thánh ca buồn"*.

Không chỉ sáng tác nhạc, Nguyễn Vũ còn hát rất hay. Từ nhỏ, ông đã chơi được nhiều nhạc cụ như guitar, harmonica, piano... và hát cho Ban thiếu nhi của Đài Phát thanh Đà Lạt. Năm 12 tuổi (1956), cậu bé Tuấn Khanh đã đoạt giải Nhất đơn ca thiếu nhi do Đài Phát thanh Đà Lạt tổ chức. (...) Năm 1965, Nguyễn Vũ có tác phẩm đầu tay là ca khúc *"Loài chim biển"*.

"Bài thánh ca buồn" là một trong những ca khúc pop-ballad được nhiều người Việt ưa chuộng vào mỗi dịp Giáng sinh. Nhạc sĩ NGUYỄN VŨ cho biết:

"Tôi không nghĩ ca khúc này lại được nhiều khán giả yêu mến đến thế. Khi viết ca khúc ấy, đơn giản tôi đang hoài niệm quãng thời gian trai trẻ của mình. Cái thời mà tôi chỉ dám ngắm nhìn người tôi mến, không dám mở lời làm quen..."

"Thuở tôi là một cậu bé 14 tuổi ngày đi lễ ở nhà thờ Con gà (TP.Đà Lạt), sở dĩ tôi "chịu khó" đi lễ bởi vì phát hiện ra một cô gái rất xinh và ngoan đạo mỗi ngày vẫn đi ngang qua ngõ nhà tôi để đến nhà thờ. Trái tim vụng dại của thằng con trai mới lớn đập loạn nhịp trước bóng hình thiếu nữ tóc bồng bênh trong gió cao nguyên. Ngày qua ngày, suốt hơn ba tháng trời, tôi âm thầm, lẩm lũi làm "cái đuôi" của cô ấy. Kể trước người sau, mỗi bận đi lễ về phải đi bộ hơn 3km đường đèo nhưng một lời bẽ đôi tôi không

dám thốt. Lòng thành của tôi chỉ được hưởng một ân huệ nhỏ con: Tôi được biết cô ấy tên Th., lớn hơn tôi 2 tuổi...”

Thế rồi một buổi chiều gần lễ Giáng Sinh, tan lễ thì trời đổ mưa to, cô ấy nép vào một mái hiên trú mưa, tôi cũng... trú tạm bên cạnh, hai người đứng cách nhau độ một gang tay. Lẫn trong tiếng mưa vang lên giai điệu quen thuộc của bản thánh ca “Đêm thánh vô cùng” (Silent Night) văng ra từ ngôi nhà gần đấy: “Đêm Thánh vô cùng / Giây phút tung bừng / Đất với trời, se chữ đồng...”. Cô ấy đưa tay hứng những giọt nước mưa và khe khẽ hát theo. Tôi lặng người. Giọng hát cô ấy buồn da diết. Tự dưng tôi cảm thấy run, khẽ đưa tay vuốt nhẹ những hạt mưa bụi li ti bám bên ngoài chiếc áo của cô ấy. Cô ấy bất chợt quay sang tôi nhòe miệng cười: “Cảm ơn nghen!”.

Mưa tạnh, “người trong mộng” đã khuất dạng tự bao giờ mà thằng con trai 14 tuổi vẫn còn đứng ngẩn ngơ vì “Người đi một nửa hồn tôi mất / Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ”. Ba ngày sau, gia đình tôi chuyển vào Sài Gòn sinh sống. Tâm trạng tôi lúc đó y như người vừa đánh mất một vật quý giá. Từ đó, mỗi khi chợt nghe bài “Đêm thánh vô cùng” lòng tôi lại tái tê với ánh mắt, nụ cười hồn nhiên, thánh thiện tựa thiên thần của “người ấy”...

“Ôm hình bóng ấy cho đến mãi 14 năm sau, tình cờ nghe lại “Đêm thánh vô cùng” từ chiếc máy đĩa, bỗng dưng cảm xúc từ một mối tình thánh thiện, hồn nhiên như trẻ thơ – tưởng như đã vùi sâu dưới lớp bụi trần thời gian – chợt ùa về trong ký ức, thôi thúc tôi và “Bài thánh ca buồn” ra đời”.

Đây là một chuyện tình buồn nhưng không bi lụy. Nhạc phẩm “Bài thánh ca buồn” được nhạc sĩ Nguyễn Vũ sáng tác trong hai tiếng vào một ngày tháng 10.1972. Nội dung như sau:

“Bài thánh ca đó còn nhớ không em. Noel năm nào chúng mình có nhau. Long lanh sao trời đẹp thêm môi mắt. Áo trắng em bay như cánh thiên thần. Giọt môi hôn dưới tháp chuông ngân.

Cùng nhau quỳ dưới tượng Chúa cao sang. Xin cho đôi mình suốt đời có nhau. Vang trong đêm lạnh bài ca Thiên Chúa. Khẽ hát theo câu đêm thánh vô cùng. Ôi giọng hát em mênh mang buồn...

Rồi mùa giá buốt cũng qua mau. Lời hẹn đầu ai nhớ dài lâu. Rồi một chiều áo trắng phai màu. Em qua cầu xác pháo bay sau.

Lời nguyện mình Chúa có nghe không. Sao bây giờ mình hoải xa vắng. Bao nhiêu đêm Chúa xuống dương gian. Bấy nhiêu lần anh nhớ người yêu.

Rồi những đêm thánh đường đón Noel. Lang thang qua miền

giáo đường dẫu yêu. Tiếng thánh ca ngày xưa vang đêm tối. Nhớ quá đi thôi giọng hát ai buồn. Đêm thánh vô cùng lạnh giá hồn tôi.”

Ngoài ra, ở Đà Lạt còn rất nhiều nhà thờ khác, nhỏ hơn, trong đó có Domaine de Marie, nhà thờ Cam Ly v.v... Vào dịp Giáng Sinh hằng năm, nhà thờ là nơi tập trung rất nhiều người cả trong đạo lẫn ngoài đạo đến tham dự lễ thật đông vui.

Nhà thờ DOMAINE de MARIE (Lãnh Địa Đức Bà) là nơi tu hành của các bà sơ, chuyên làm bánh kẹo và trồng các loại hoa để bán. Bà vợ của toàn quyền Đông Dương Jean Decoux tên là Suzanna Humbert là bạn của hoàng hậu Nam Phương. Bà là người đã đóng góp nhiều tiền bạc cho nhà thờ nói trên. Nhân một chuyến lên thăm hoàng hậu Nam Phương bà Suzanne đã thiệt mạng trong một tai nạn xe hơi trên quãng đường đi lên Đà Lạt. Thi hài bà được chôn cất ngay nơi phía sau nhà thờ Domaine de Marie.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG (Virginia) ghé thăm thành phố sương mù, ôm mỗi tâm sự riêng, lang thang khắp nẻo đồi cao lũng thấp. Con đường mang tên Hoa Hồng gợi kỷ niệm buồn đến nỗi lệ. Tiếng chuông nhà thờ Đà Lạt vang vọng không trung, mãi còn âm hưởng trong lòng người cô quạnh để rồi được thể hiện thành những vần thơ sầu muộn trong bài “*Đường chiều Đà Lạt*”:

*“Xao xuyến thư về tên cố nhân
Nét quen ngày ấy vẫn ân cần
Anh nguyện xin giữ lòng trung ước
Đợi đến khi em đủ tuổi xuân.*

*Xa vắng lòng anh thung lũng sâu
Tim em nhỏ bé, lớn chưa mau
Ngây thơ, tội lỗi trăm điều sợ
Đừng nói thương nhau, đừng đợi nhau.*

*Hồi chuông Cứu Thế vọng điệu hiu
Gác lạnh cheo leo đỉnh cô liêu
Tay viết nét gầy câu giả biệt
Chẳng thể, chẳng hẹn nói thương yêu.*

*Đôi thông gió hú mãi không thôi
Ôm gối lệ hờn lã chã rơi*

Đà Lạt đêm trường đông thỏn thức
Khăn hoa thấm ướt giọt đầy vui.

Dốc xuống buồn lên sương tím bay
Đường Hoa Hồng bước lịm mi cay
Âm thầm mong ước người không hẹn
Thương nhớ thôi đành gửi cỏ cây.

Ngăn cách muôn trùng bóng núi xanh
Hững hờ mây khói phủ mong manh
Thiên Thu e ấp trang trinh nữ
Muốn hóa thân nàng chờ đợi anh.

Nhật nhòa chôn liệm một tình yêu
Mộng thuở ban đầu có bấy nhiêu
Tha thứ người em khờ dại ấy
Thư anh tan tác thả đường chiều.”

LỆ KHÁNH với tâm trạng buồn đau, với trái tim thỏn thức vì tình, cũng từng ghé nhà thờ Đà Lạt và cảm hứng rồi viết bài thơ “Tiếng kinh chiều”:

“Chiều mùa thu heo may
Gió vàng lên ngọn cỏ
Nắng dài vương chân mây
Riêng mình em đứng đó

Cửa giáo đường còn mở
Một linh hồn bơ vơ
Chúa ơi đời con khổ
Từ vương nghiệp làm thơ

Em quỳ bên tượng chúa
Chấp hai tay nguyện cầu
Từng hồi kinh nho nhỏ
Là những lời thương đau

Chiều Đà Lạt lạnh lạnh
Như hồn em giá băng
Giáo đường sao vắng lặng
Tình mình sao cách ngăn

*Từng hồi kinh nối tiếp
Từng lời xin Chúa ơi
Con yêu chàng tha thiết
Chàng yêu con trọn đời*

*Vòng tay Chúa hiền từ
Không ôm tròn hai đứa
Nên em còn làm thơ
Khóc tình yêu dang dở.”*

Bên cạnh những cảnh hoa tươi đẹp nét na của Đà Lạt còn có những cảnh Hoa Đàm Vô Ưu lung linh nở hương đạo trước Phật Đài cổ kính. Đó là những ngôi chùa với lối kiến trúc cổ kính đã từ bao đời nay ấp ủ tình dân tộc.

NGUYỄN NGỌC CHÍNH ghi lại:

“Đà Lạt vốn là vùng đất di cư của người gốc miền Trung nên mang theo sự hiện diện của chùa chiền Phật giáo. Chùa Linh Quang, ngôi tổ đình đầu tiên của Đà Lạt, tọa lạc trên đường Hai Bà Trưng do hòa thượng Thích Nhân Thứ tạo lập năm 1931. Chùa Linh Sơn được xây dựng từ năm 1938 đến năm 1940 do sự đóng góp của các Phật tử, nhất là ông Nguyễn Văn Tiến và Võ Đình Dung, người đã nhận thầu hầu hết các công trình kiến trúc thời bấy giờ.

Chùa Linh Phong nằm trên đường Hoàng Hoa Thám ở Trại Hầm, được xây dựng năm 1944. Chùa dành riêng cho ni sư nên còn được gọi là Chùa Sư Nữ. Nơi đây, bố mẹ và các em tôi quy y còn tôi đến giờ này vẫn chưa có... pháp danh!

Chùa Linh Phước còn được gọi là Chùa Ve Chai vì trong sân có con rồng dài 49m được làm bằng 12.000 vỏ chai, sành sứ. Chùa là một kiến trúc khám sành độc đáo của Đà Lạt. Chùa tọa lạc tại Trại Mát, cách trung tâm thành phố 10km về phía Đông.

Chùa Thiên Vương Cổ Sát được khởi xây năm 1958, cách trung tâm Đà Lạt vào khoảng 5km, nằm trên một đồi thông. Chính điện chùa có 3 tượng Phật cao 4m, được thỉnh từ Hồng Kông, trên đồi thông sau chùa là tượng Thích Ca Phật Đài cao 20m. Chùa còn được gọi là Chùa Tàu, theo hệ phái Phật giáo Huê Nghiêm của người Hoa.”...

Chùa LINH SƠN tọa lạc trên một ngọn đồi giữa vườn trà xanh, cách trung tâm thành phố gần một cây số về phía Tây Bắc. Chùa

được dựng vào năm 1936 và hoàn thành vào năm 1940. Chùa là một danh lam thắng cảnh bậc nhất của xứ hoa đào.

Chùa LINH SƠN do ông Võ Đình Dung đứng ra điều khiển kỹ thuật và ông Nguyễn Văn Tiến cùng với công đức của thập phương bá tánh. Người dân Đà Lạt kể cho nhau nghe về chuyện Ông Võ Đình Dung: “Ông đến Đà Lạt năm 1930 với hai bàn tay trắng, qua một thời gian ông đã trở thành một nhà tư sản, giàu có bậc nhất Đà Lạt. Ông có trên 70 ngôi nhà lớn nhỏ tại trung tâm thành phố cho thuê và sang nhượng lại với giá rẻ. Trước kia ông là một nhà thầu khoán tên tuổi, ông đã từng thầu cất rất nhiều công trình ở Đà Lạt: dinh Bảo Đại, ga xe lửa... Tuy giàu có như vậy nhưng đời sống của ông là đời sống rất mực thanh đạm của một cư sĩ, tu tại gia, làm nhiều việc nhân đức. Khu Mả Thánh, phần nghĩa địa với diện tích rất rộng lớn cũng do ông cúng dường cho âm linh của thành phố. Mả Thánh là một nghĩa trang Phật Giáo được thành lập năm 1938 trên một quả đồi gần cây số 4, trên đường đi Suối Vàng.”

Chùa LINH SƠN với lối kiến trúc Á Đông, giản dị và hài hòa, hai mái xuôi nghiêng, hơi cong ở phía cuối trên có hai con rồng đối xứng uốn khúc mềm mại giữa nền trời cao thường có mây trắng bay. Bên cạnh có ngôi tháp ba tầng hình bát giác và cách đó không xa là ngôi trường Phật học tạo thêm vẻ mỹ quan cho chùa.

Thông thường cổng chùa thường xây theo cổng tam quan. Song cổng chùa Linh Sơn chỉ xây hai vách cao 4m, cách nhau 5m có mái lợp, bậc cấp được xây bằng đá, cửa cổng có thể hiện cho du khách một chỗ tạm nghỉ chân mà không sợ mưa tuôn nắng dội.

Đường vào chùa được dẫn lên nhiều cấp, hai bờ đường là hai hàng cây thông, bạch đàn, sao, cao vút quanh năm thì thảo với gió núi mây ngàn. Đêm về những ngọn đèn bên ngoài tỏa sáng mờng lung trong sương lạnh điểm tiếng chuông ngân nga vang vọng làm cho cảnh trí Linh Sơn thêm phần trầm mặc, u nhân.

Trên lối đi trước sân chùa cách cổng chính 30m có dựng một bức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát màu trắng đứng trên đài sen cao, khói hương nghi ngút, nơi chiêm bái của tín đồ và du khách vì tinh thần cứu khổ độ sinh là bản nguyện của Ngài.

Một con đường lát đá, tráng nhựa là đường dành cho xe cộ từ ngoài vào bọc quanh sân chùa, chạy qua sau lưng bức tượng và trước sân chùa rồi rẽ phải lên đến sân của cánh hậu tòa viện. Bên phải phần cuối con đường này là giả viên Lâm Tỳ Ni. Nơi đây là một khu xinh đẹp được trang trí bằng các giả sơn rất nghệ thuật

được trồng các thảo mộc quý. Giữa đám xanh của cây cỏ là một cái ao nhân tạo bên trong có hoa súng luôn luôn khoe sắc và cả vàng bơi lội thành thoi.

Qua sân cỏ là đường dẫn đến cầu thang có mười ba bậc lên đến hành lang Phật đường. Hai bên cầu thang có bể nước trong đó nhô lên hòn non bộ có các cây kiểng gợi cảnh thiên nhiên. Xuôi theo cầu thang là cặp Rồng lớn há miệng được điêu khắc một cách nghệ thuật làm vị song thần gìn giữ ngôi chùa.

Trên điện Phật thờ tượng đức Thích Ca Mâu Ni bằng đồng xanh đang tham thiền nhập định trên một tòa sen, nặng 1.250 kg, được đúc năm 1952.

Lầu chuông và lầu trống được bố trí cách nhau 12m trước Phật đường. Quả chuông đúc vào năm 1950, cao 1m80 cân nặng 40kg do các nghệ nhân “Phường Đúc Huế” tạo thành. Phía trái là ngôi tháp ba tầng đứng trên một nền cao 14m, hình bát giác góp phần vẻ tôn nghiêm, mỹ thuật cho chùa.

Trước tiền đường, trên các cột có treo nhiều cặp câu đối đượm ngát Thiên vị, như:

*“Lâm Viên tại xứ tác Kỳ viên, Thái tử thọ, trường giả kim.
Đương Niệm hiện thành, cổ kim như thị.*

*Đa Lạt bốn lai chân cực lạc, thất trùng lâu, bát đức thủy.
Duy tâm nhược ngộ, bỉ thử hà phân.”*

(Lâm viên ngay đấy chính kỳ viên, Thái tử dâng cây, trường giả hiển vàng. Một niệm tựa thành, xưa nay như thị.)

Đa Lạt xưa nay là cực lạc, lâu đài bảy lớp, nước báu tám đức. Riêng tâm tỏ ngộ, đây đó chẳng hai.)

Và cặp câu đối:

*“Sơn sắc đạm tùy nhân nhập viện
Tùng thanh tĩnh thỉnh khách đàm thiền.”*

(Màu núi nhạt theo người vào viện
Tiếng tùng im nghe khách bàn thiền)

Chùa LINH SƠN do cố Hòa Thượng Trí Thủ khai sơn tạo dựng từ năm 1936 đến năm 1940 hoàn thành. Từ 1941 đến 1946 Trú trì là Hòa Thượng Thích Diệu Hoàng. Từ 1947 đến 1952 Trú trì là Hòa Thượng Thích Từ Mãn. Từ 1953 đến 1963 Trú trì là Hòa Thượng Thích Bích Nguyên. Từ 1964 đến 1975 và trở về sau trú trì là Hòa Thượng Thích Từ Mãn (thầy trở lại làm trú trì). Quý Hòa Thượng đều viên tịch. Thầy Từ Mãn an nhiên thị tịch vào ngày 30 tháng 11 năm 2007 (1918-2007) và nhập tháp tại chùa Linh Sơn.



Chùa LINH SƠN

Sư VIỄN TRÍ, xuất thân từ chùa LINH SƠN của Đà Lạt những ngày tháng cũ, sau này cảm khái viết:

*“Khách trần ai viếng Linh Sơn tự
Hồn tục lằng lằng khỏi xứ phiền”*

“Không biết có tự bao giờ nhưng từ lâu hai câu thơ trên đã thôi thúc khách hành hương tìm đến Linh Sơn mỗi dịp có nhân duyên đặt chân đến xứ anh đào thường ngoạn.

Hòa trong cấu trúc tự nhiên của cỏ cây, rừng núi, tọa lạc trên một dãy đồi cao cách trung tâm thành phố Đà Lạt chừng 1km, Linh Sơn là mái chùa thân thiết đối với Phật tử và du khách hành hương từ mọi miền đất nước. Chập chùng trong làn sương sớm, Linh Sơn thoáng ẩn thoáng hiện sau những hàng thông ngập nắng ban mai như một hiện thể tâm linh gọi thức những tâm hồn tìm về nguồn cội. Len lỏi trong cái lạnh buốt giá của canh khuya, tiếng chuông Linh Sơn không phải là âm thanh của Hàn Giang Tự khiến Trương Kế giật mình giữa đêm tối bao la, nhưng đã làm tỉnh thức bao tâm thể Việt Nam sau những cơn trường mộng.

Chất liệu khiến “hồn tục lằng lằng” khi viếng “Linh Sơn tự” hẳn là hương vị giải thoát lan tỏa từ dòng nước từ bi, trí tuệ ở “đỉnh Linh Sơn” hơn 2500 năm trước. Cảm thức thoát lụy liên đới mạnh mẽ với cảm thức cội nguồn khiến thế nhân dường như không hề

khởi niệm phân biệt xưa và nay. Vì rằng giây phút lia xa ái thủ là giây phút con người tìm thấy bản lai diện mục của mình ở đấy mọi ý niệm không và thời gian đều vắng bật. Có lẽ trong ý nghĩa như vậy mà Linh Sơn đã hiện ra không khác một Linh Sơn Ấn Độ trong lòng nhiều thế hệ Phật tử Việt Nam.”

Trong một đoạn khác sư VIÊN TRÍ viết tiếp:

“...cuộc sống của Đà thành chắc chắn sẽ trở nên đơn điệu nếu tiếng chuông Linh Sơn không còn là một nét văn hóa tinh thần lưu chuyển trong mạch sống của người dân.

Nhưng không! Chuông chùa Linh Sơn vẫn sáng tối đong đưa như tiếng hót thanh tao của chim hoàng oanh ngân vang, thắm thấu trong mọi ngõ ngách cuộc sống của dân cư Đà Lạt; dòng nước từ bị, trí tuệ bắt nguồn từ sự chứng ngộ chân lý của đức Phật vẫn đang hiện hành giữa giòng đời sinh diệt. Ai lắng nghe được tiếng chuông giác tỉnh, ai lĩnh hội được diệu âm giải thoát này ắt hẳn sẽ cảm nhận được an lạc, hạnh phúc trong từng bước đi. Do vậy, đối với thế giới sinh diệt vô thường Linh Sơn mãi mãi là trú xứ tâm linh để thế nhân quay trở về tìm lại chân tâm, Phật tánh của mình, vì:

Ngàn năm gót ngọc vẫn còn
Ngàn năm mưa pháp từ non đổ về
Ngàn năm trôi nổi bến mê
Ngàn năm trần thế vọng về nguồn tâm.”

Một Phật tử viết bài “Đạo Phật trong tâm hồn tôi” với bút danh BÁC MÙ cũng đã ghi lại kỷ niệm hồi thơ ấu với chùa như sau:

“Thuở còn nhỏ, Mẹ tôi thỉnh thoảng vẫn dẫn tôi đến chùa Linh Sơn ở Đà Lạt để lễ Phật. Ngôi chùa ở trên một ngọn đồi thoai thoải với những đồi trà xanh ngắt nằm thẳng tắp ở sau lưng. Những tàng cây râm mát tạo cho chùa một khung cảnh yên tĩnh rất dễ chịu. Công chùa Linh Sơn nằm gần một con dốc uốn éo lượn lờ mà tôi vẫn đi bộ hàng ngày qua đó để đến trường tiểu học VT. Vài năm sau đó, con dốc quen thuộc này lại dẫn tôi đến với trường Nữ Trung Học BTX, ngôi trường thân yêu mà tại đó tôi được gặp bao nhiêu bạn bè thầy cô dấu ái trong đời.

Tôi rất yêu những bậc tam cấp xây bằng đá tảng dẫn khách thập phương nhẹ bước lên thăm chùa. Tôi thì chẳng nhẹ nhàng tí nào, thường chỉ hăm hờ nhẩy vài bậc một hay chạy như thỏ trên cái lè đất dẫn lên chùa. Tôi còn nhớ hai con sư tử đá hiện lành, ngòi an nhàn nhìn xuống con đường lên chùa, và chẳng bao giờ phiền trách tôi về việc tôi thường xuyên xoa đầu chúng rồi thỉnh thoảng cười sảng sặc một mình, cho rằng ta đây oai quá, dám

vuốt râu sư tử --hẳn là oai vệ gấp mấy lần việc vuốt râu hùm- Sư Tử chả được mệnh danh là Chúa Sơn Lâm hay sao?

Đi chùa ngày ấy với tôi cũng thích thú lắm; lâu lâu tôi lại được một Sư Cụ cho tôi vài trái cây hay cái oản gói trong giấy bóng kính xinh ra phết. Tôi chả hiểu gì tiếng ê a kinh kệ, nhưng tiếng chuông chùa vẫn luôn gọi trong tôi một cảm giác thư thái, tĩnh lặng như cánh chùa êm ái. Ngày ấy tôi thấy mẹ tôi rất cung kính với các sư tăng, còn tôi thì chỉ chú ý đến chạy nhảy quanh sân chùa, may hơn thì gặp được vị sư quen, may lắm thì được vị này cho một trái quýt hay một cái oản xanh xanh đỏ đỏ là vui suốt cả ngày.”

Chùa sư nữ LINH PHONG tọa lạc cách thành phố Đà Lạt khoảng 4km về hướng Đông Nam (Trại Hàm). Chùa được xây trên một đỉnh núi nhỏ cao vút ẩn hiện giữa ngàn thông vi vu lộng gió. Khởi đầu, năm 1944, chùa là một Niệm Phật Đường với vật liệu nhẹ mái tôn vách ván đơn sơ, cheo leo trên chóp núi, do Hòa Thượng Thích Bích Nguyên chủ trì.

Năm 1948 đến 1962, sư bà Thích Nữ Từ Hương trùng tu và xây dựng nên Linh Phong Ni Tự, một ngôi chùa trang nghiêm, tráng lệ như ngày nay.

Cổng tam quan được xây bằng đá xanh, tạo nét uy nghi cho ngôi tịnh đường theo triết lý Tam Quán “Không, Giả, Trung”. Chùa (16 x 25m) chia làm năm gian kiến trúc theo kiểu những đình làng ở miền Trung. Mái kép, cong được trang trí bằng tứ linh (long, lân, quy, phụng) uốn lượn giữa gió núi mây ngàn.

Ở sân chùa có tôn trí tượng Bồ tát Quan Thế Âm lộ thiên. Chánh điện thờ Đức Phật A Di Đà cao 1,8m. Ở hai bên, phần trước thờ tượng Quan Thế Âm Bồ Tát và Đức Đại Thế Chí Bồ Tát bằng đồng bóng loáng, phần sau thờ Tổ và Linh.

Đến viếng chùa Linh Phong, du khách sẽ được gặp sư bà Từ Hương, một Ni Trưởng cao niên, tuổi ngoại thất tuần, dáng người cao nhẽ. Ta vẫn có thể hình dung được một người con gái nhan sắc năm xưa, tuổi vừa đôi mươi đã rời bỏ một gia đình thượng lưu giàu có để xuất gia đầu Phật, lãng quên việc đời, tu hành chánh quả.

Chùa Linh Phong là một danh lam thắng cảnh của Đà Lạt. Đôi câu đối tại chùa có ghi đại ý là ai có tâm linh tỏ rạng rồi thì không còn phân biệt nam nữ nữa:

*“Linh chiếu hà phân nam nữ tánh
Phong cao vô ngại sắc không tâm”*



Chùa LINH PHONG

Phía sau chùa, trên đồi có một ngôi chùa tháp nhỏ cao 3 tầng, hình lục giác. Sư bà Từ Hương đã viên tịch và an nghỉ trong tháp này.

Nhạc phẩm “Chùa sư nữ Linh Phong” do Nguyễn Định BỬU ẨN đặt nhạc và Quảng Tuấn NGUYỄN ĐÌNH TUẤN viết lời:

“Khoan nhặt rơi đều nhịp mõ công phu. Hoàng hôn điệp bóng chùa trong sương mù. Ấn sắc Hương từ TỪ HƯƠNG diệu tỏa. Ni chúng chuyên cần tinh tấn đồng tu.

Về xứ Anh Đào: về với Linh Phong. Bỗng thấy lâng lâng thanh thoát cõi lòng. Nhìn dáng chư ni hiền hòa nhân ái. Cho dấu xa vời vẫn nhớ Linh Phong.

Chùa Linh Phong chư ni uy nghi. Công hạnh viên toàn oai đức quang huy. Nơi sáng soi ánh vàng giải thoát. Đưa chúng sanh xa dần lâm mê. Qua bến bờ giác tâm từ bi... (í... í...).

Nghe gió thông reo những buổi chiều tà. Chuông chùa hòa nhịp, hòa nhịp ngân nga. Ấn sắc Hương từ TỪ HƯƠNG diệu tỏa. Hoa Giới-Định-Huệ nở trong lục hòa...

...Lặng lẽ thình (i) không Linh Phong!... Linh Phong!...”

Chút duyên văn nghệ

Khi thấy Tâm Minh phải rời xa chùa, sư TÂM NGỘ tại chùa Linh Sơn cảm khái viết tặng vần thơ thay lời tiễn biệt, bài “Ra đi”:

*“Ra đi để lại nàng thơ
Lộ trình thiếu hẳn giấc mơ dị thường.
Người đi cảm thấy như tuồng
Trời đất thiếu một linh hồn ngày qua.*

*Ra đi là nghĩa cuộc đời
Dòng sông là chảy, mây trời là bay.
Ra đi là đẹp ngày mai
Đong đầy hi vọng cho ai cho mình.
Nhà thơ mở cuộc đường trình
Vần thơ để lại chút tình thâm giao.”*

Cũng nhân nói đến ngôi chùa Linh Sơn của thành phố Đà Lạt, người ta nhớ đến một sư tại đây. Sư cất một cái “cốc” nhỏ ngay sau chùa, bên vườn trà. HỮA HOÀNH kể rằng:

“Thầy là người cha Nhật mẹ Việt, sinh năm 1926. Khi Nhật vào Đông Dương, thầy bị bắt đi làm thông ngôn một thời gian. Năm 1951 thầy tốt nghiệp trung học Yersin. Trong thời gian ở chùa Linh Sơn, thầy vẫn câu học, dịch kinh sách, và ghi danh theo học ở Viện Đại Học Đà Lạt, phân khoa văn chương và triết học. Sau đó thầy chuyên về môn văn chương Anh Mỹ, tốt nghiệp cử nhân với đề tài tiểu luận “William Faulkner” vào năm 1975!”

Đó chính là sư VIÊN NGỘ tên thế tục là LÊ TRUNG TRANG NISHIO. Nói về vị sư này PHẠM MAI HƯƠNG cho biết:

“Thầy dạy Anh văn trường trung học tư thục của ông Lê Phi, nằm ngay ngã ba Duy Tân. Lúc ấy tuy chưa vào chùa nhưng thầy đã sống đời khổ hạnh. Học sinh thường đến thăm thầy trong một căn gác gỗ bên cầu Hải Thượng. Chiếc gác nhỏ, ngăn nắp chỉ để chiếc nệm đơn, đặt sát tường, chiếc bàn thấp, vài chiếc đệm làm ghế, thầy thường mở chiếc cassette nhỏ bản nhạc đồng quê Mỹ cùng nghe với học sinh. Thầy xuất gia ở chùa Linh Sơn và cất chiếc thất nhỏ trong khu vườn chè, đó cũng là nơi bạn thơ thường hội tụ. ”... “Thầy Viên Ngộ có khuôn mặt hiền hòa, đôi mắt hiền từ sau cặp kính dày cộm, nụ cười thanh thoát, người ốm yếu như

một vị tu khổ hạnh người Ấn Độ.

*Một chấm vàng trên thành phố lạnh
Bao la trời đất đẹp nguyên lành
Nẻo thiên sôi đá thành kinh kệ
Rải bước vân du bước độc hành”*

PHẠM MAI HƯƠNG ghi lại một bài thơ của thầy NISHIO bằng tiếng Anh được thân phụ cô là nhà thơ Việt Trang dịch như sau :

*Tomorrow I will
Go back to the small town
With the wind murmuring high above foggy
My soul is divided into two parts:
One haft would follow some bohemian
And another haft would remain in motherland.
(Nishio)*

*Mai sẽ quay về phố nhỏ
Trên cao gió lộng ngàn phương
Nửa hồn theo chân lãng tử
Nửa hồn gọi lại cố hương
(Việt Trang dịch)*

Trong thời gian sống ở Linh Sơn, giữa cảnh chùa đầy an lạc và cảnh thiên nhiên đẹp đẽ, cảnh núi rừng tịch mịch của Đà Lạt, sư NISHIO cảm hứng đặt bút viết mấy vần thơ tiếng Anh tặng Tâm Minh, “*Rain*”, với lời ghi chú “*Ghi lại theo hướng dẫn của Nàng Thơ*”, “*Dalat, Jan 1988, Linh Sơn, A Sunny Noon*”.

*“Rain in sunshine
and absolute silence
in the chaos of Life.”*

Sư tự dịch thành hai câu thơ đầu và TÂM MINH góp thêm tiếp hai câu cuối thành bài thơ kỷ niệm ngày cùng nhau hội ngộ:

*“Nắng mưa, mưa nắng bên nương
Lặng yên tô điểm tư vương dòng đời,
Một trưa đầy ánh mặt trời
Giữa Linh Sơn tự tuyết với bóng mây.”*

Một buổi đẹp trời khác, sư NISHIO lại ghi tặng mấy vần:

*“Yesterday, Tomorrow,
Tomorrow and Yesterday
Human Bondage is but a Play.
Merry days flow fast
and Suffering is slow,
And all things – Pains and Happiness
are quite similar.”*

TÂM MINH lại phỏng dịch và gửi đáp lễ lại tặng sư (1-1988):

*“Hôm qua rồi đến ngày mai
Ngày mai cùng với ngày dài hôm qua
Trăm năm kiếp sống người ta
Ngẫm ra mới thấy chẳng qua tấn tuồng.
Ngày vui trôi tựa thác tuôn
Đau thương chậm nhỏ giọt buồn miên man.
Mọi điều ở cõi dương gian
Khổ Đau, Hạnh Phúc vô vàn giống nhau.”*

Ít lâu sau, khi Tâm Minh phải rời Đà Lạt về Sài Gòn. Đến chào sư. Lúc chia tay sư NISHIO viết tặng mấy câu “A farewell”:

*“And comes the departure of a friend.
The Muse - Poetical Intoxication as well.
A drop of Sadness hence.
Survives in Oblivion forever.”*

VIỆT TRANG chuyển dịch sang tiếng Pháp thành bài “Adieu”:

*“Et s'en va un ami
Lyre aussi l' Ivresse
Une goutte de Tristesse
Survit dans l' Oubli.”*

TÂM MINH đáp lễ phỏng dịch ý cả hai bài thơ nói trên:

*“Bạn hiền tung cánh chim bay
Điù Nàng Thơ, quỵện Đắm Say theo cùng
Giọt buồn gieo nhẹ không trung
Âm vang bất diệt trong vùng Lãng Quên.”*

Một vị sư khác là sư VIÊN THỨ C. Cũng từ trong khung cảnh chùa Đà Lạt sư đã cảm tác ra những vần thơ bằng tiếng Anh, đầy thiển vị, gom góp lại thành thi tập “Zen poetry”. Tạm trích một bài:

*“Welcome to the Pagoda
The air becoming cooler
marking the end of a blissful day,
the sun beginning to set
The night will come and embrace the earth
And the moon temporarily takes the sun’s place,
together with the stars.”*

Nhận được sách tặng của sư, TÂM MINH lại chuyển ngữ sang thơ Việt và hồi âm để gọi là đáp lễ lòng ưu ái:

*“Đón chào khách ghé thăm Chùa
Bầu trời êm dịu mát ru lòng người
Một ngày hạnh phúc qua rồi
Vầng dương sắp lặn cuối trời theo mây
Màn đêm lại sẽ ghé đây
Bao trùm vạn vật cỏ cây cối trần
Bóng Hằng hiển lộ thay chân
Cùng muôn tinh tú, sáng ngả ánh sao.”*

Một bài thơ khác, lời thơ cũng giản dị, nhẹ nhàng thanh thoát, như phong cách ung dung tự tại của người tu sĩ Đà Lạt:

*“The symphony for millenn
Played through the wonders of nature
surrounding us in Dalat.
Dalat the country of perpetual fog
And ever green everywhere on the path
And sunshine bursting through the gold lined clouds.”*

TÂM MINH cũng lại phóng tác và chuyển ngữ sang thơ Việt:

*“Bản hòa tấu khúc thiên niên
Trôi vang cảnh đẹp khắp miền bao la
Quanh Đà Lạt thành phố ta
Sương mù muôn thuở giăng qua xóm làng
Màu xanh khắp nẻo thánh thang
Ánh dương nở rọi mây vàng khắp nơi.”*

PHẠM MAI HƯƠNG cho biết:

“Thầy Viên Thức cũng xuất thân từ chùa Linh Sơn. Sau đó, thầy trụ trì chùa Lâm Tì Ni. Thầy có biệt tài viết thư và vẽ tranh. Những bức tranh vẽ xong có cái được treo lên, có bức cuộn tròn xếp cất chỗ này, nhét chỗ kia. Bụi bám bám đầy khiến tranh có một nét đặc biệt. Một hôm thầy Viên Ngộ đề một bài thơ tiếng Anh lên một bức vẽ và treo trên tường nhà tri khách. Một du khách nước ngoài ghé chùa, thấy bài thơ, dùng chân lại đọc, ngắm nghĩ và mua bức tranh với một giá không ngờ. Từ đó tranh của thầy Viên Thức bán rất chạy và hầu như chỉ bán cho khách nước ngoài. Thầy trở nên nổi tiếng nhưng sống vẫn đạm bạc chỉ ăn cơm với chuối

*Thanh thân đi về với phố xưa
Quanh co rừng núi khói sương mờ
Nẻo lên thiền viện xanh cảnh trúc
Tiếng lạnh bên đời gọi tiếng thơ”.*

Cuộc sống tha hương gợi nhớ lại biết bao kỷ niệm yêu quý với chùa xưa, thầy cũ, bạn đạo. Bao lần dạo bước quanh chùa cùng đàm đạo và xướng họa. Duyên thơ chẳng khi nào dứt... Cùng gia đình lên lễ Phật, văn cảnh và thăm chùa nhiều lần, nhớ đến chùa xưa trong dịp Xuân về, từ nơi đất khách cô quạnh TÂM MINH viết bài “Xuân lữ thứ” như muốn gửi gắm chút tình về chốn cũ:

*“Thiên nhiên khởi sắc đón mùa sang
Lòng kẻ tha hương bỗng rộn ràng
Đất khách chẳng còn trăng pháo đỏ
Quê người dù thiếu bóng mai vàng
Chúc Xuân lời vẫn ươm tình nghĩa
Mừng Tết thơ luôn đượm ánh quang
Thoang thoang hương trầm khơi kỷ niệm
Vẳng chuông chùa cũ tiếng còn vang.”*

Bao kỷ niệm xa xưa về Đà Lạt, mỗi người mỗi cảnh, từ nơi đất khách lòng nhớ nhưng về thành phố cao nguyên được diễn tả dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Nào là hình ảnh đồi cao lũng thấp thông ngàn, nào là suối trong hồ lặng, rồi đến thác gieo nước bạc với mưa giăng sương phủ và muôn hoa khoe sắc.

Ngoài ra có lẽ trong tận cùng tâm khảm mỗi người khó mà xoá đi được một hình bóng nào đó... THẨM ĐIỂM HOA dệt những vần thơ sâu mộng và gửi tặng thể nhân bài “*Dalat lointain*”:

*Comme l'horizon change en rappelant
Les souvenirs de notre ville d'amour
Que de rendez-vous ont passés
Et gravés dans notre coeur de chagrins*

*Comme je souffre loin de toi
Dans ces couleurs pourpres du temps
Qui boivent ma jeunesse dans la rosée claire
Empêchant ce ciel bleu de rêver.*

*Des monts envelissent ce torrent de soupirs
Même Dalat déclare notre amour
Près du Lac où s'aiment les pins
Voguant dans le vent de tes cheveux.*

*Qu'il est loin notre bonheur d'antan
Dalat, c'est fini pour nous deux
Dire que ces nuages roses d'un soir
Nous rappellent notre première rencontre.*

TÂM MINH cùng đồng cảm, cõi lòng nhưng nhớ về thành phố
thuở nào, phóng tác đôi vần tùy hứng, lấy tiêu đề: “Đà Lạt xa vời”:

*Chân trời chuyển sắc thiên thanh
Gợi nguồn kỷ niệm về thành phố xưa
Nơi bao hò hẹn đón đưa
Khắc sâu lòng chúng mình như sóng sâu.*

*Rồi buồn khi phải lìa nhau
Chia tay đôi ngả uá màu thời gian
Lặng trôi thời trẻ huy hoàng
Tàn khung trời dệt mộng vàng tuổi xanh*

*Đà Lạt xưa khởi cuộc tình
Bên hồ Than Thở đôi mình dừng chân
Kề vai dưới bóng thông ngàn
Nắng gieo suối tóc, gió vờn bờ môi*

*Tiếc thay hạnh phúc xa rồi
Giã từ Đà Lạt chia phiêu chốn này
Trời chiều hồng nhuộm chân mây
Như khơi buổi gặp gỡ ngày đầu tiên.*

Các dinh thự

Ngay từ 1939 Đà Lạt đã có 427 biệt thự xinh xắn, theo kiểu kiến trúc Pháp ẩn mình trong rừng thông mà du khách tới nơi đều có cảm giác như đang ở một thành phố châu Âu. Đà Lạt có ba dinh thự lộng lẫy mọi người quen gọi vắn tắt là dinh Một, dinh Hai và dinh Ba. Các dinh thự đều được thiết kế theo kiểu Pháp, lối kiến trúc cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 tại châu Âu và được xây trên những ngọn đồi thông thoai thoải ở những vị trí đẹp.

DINH MỘT cách trung tâm thành phố khoảng 4 cây số, nằm trên một ngọn đồi thơ mộng có độ cao 1.550m với những rừng thông bao quanh, từ ngã ba Trại Hàm đi lên. Xưa kia được gọi là biệt điện được xây dựng từ 1934.

Dinh Một là một công trình kiến trúc độc đáo trong dáng vẻ cổ kính, uy nghi và tao nhã. Nguyên đây là nhà của một viên chức người Pháp tên Robert Clément Bourgery. Thấy nơi đây khá đẹp lại yên tĩnh nên chính phủ Việt Nam do quốc trưởng Bảo Đại đã mua lại từ tháng 8-1949 và sửa sang toàn bộ dinh cơ này, chọn làm tổng hành dinh cho Hoàng triều cương thổ.

Tòa nhà chính của dinh gồm một tầng hầm, một tầng trệt, một tầng lầu. Tầng trệt có các phòng tiếp khách, hội nghị... Tầng 1 là các phòng ngủ với hành lang dọc lối đi. Các kiến trúc phụ khác gồm vườn thượng uyển, nhà nghỉ cho sỹ quan, hầm thoát hiểm... Dinh nép mình dưới hàng thông xanh mượt. Lối vào dinh là một con đường rải nhựa với hai hàng cây tràm thân trắng cao vút.

DINH HAI cách trung tâm thành phố 2 cây số, trước kia là dinh thự mùa hè của toàn quyền Pháp Decoux hay còn gọi là Dinh toàn quyền, là nơi ở và làm việc của toàn quyền Decoux vào mùa hè hàng năm (từ tháng 5 đến tháng 10). Dinh Hai nằm trên một ngọn đồi thông rợp bóng ở độ cao 1.540m, khởi công năm 1933 có 25 phòng, ba năm sau mới hoàn thành.

Cũng như Dinh Một, Dinh Hai gồm 1 tầng hầm, 1 trệt và một lầu với sự sắp xếp phòng như nhau, nhưng Dinh Hai rộng hơn, tráng lệ hơn và hiện đại hơn từ vật liệu xây dựng đến nội thất bên trong. Đặc biệt, từ lầu Vọng Nguyệt của Dinh Hai, du khách có thể nhìn thấy hồ Xuân Hương gọn sóng cách xa chừng 1km thấp thoáng qua những tán lá thông, đồi Cù xanh mượt cỏ, đỉnh núi Lang Biang ẩn hiện trong mây.

DINH BA là dinh dành riêng cho vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn, đồng thời cũng là vị hoàng đế cuối cùng của các triều đại phong kiến Việt Nam.

Dinh được bài trí của một gia đình hoàng tộc. Dinh gồm 25 phòng cũng được xây từ 1933, cách trung tâm Đà Lạt 2 cây số. Dinh nằm cuối con đường Huyền Trân Công Chúa. Dinh Ba là một tòa dinh thự vô cùng trang nhã, ẩn mình trong khung cảnh thơ mộng của một đồi thông ở độ cao 1.539m. Từ lúc xây cất xong cho đến năm 1945, dinh được gọi là Hoàng Cung Đà Lạt. Đây cũng là chỗ để hoàng đế tổ chức lễ vạn thọ (sinh nhật), tiếp tân các toàn quyền, khâm sứ, và sau này là cao ủy Pháp.

Dinh Ba chia ra làm nhiều phòng. Trong văn phòng của hoàng đế có bức tượng hình người thật của nhà vua bằng thạch cao và một bức tượng khác nhỏ hơn của vua cha Khải Định bằng vàng. Trong phòng này cũng có ngọc tỷ và ấn tín quốc thư, quốc kỳ các nước có quan hệ ngoại giao. Phía trên lò sưởi, ngay giữa phòng là bức chân dung hoàng đế mặc triều phục, hoàng tử Bảo Long và Nam Phương hoàng hậu. Trên tầng lầu thứ hai có phòng hình bán nguyệt dành riêng cho hoàng gia họp mặt. Phòng màu vàng dành cho thái tử Bảo Long và phòng của công chúa Phương Mai. Bà Nam Phương hoàng hậu và các con cư ngụ tại đây trong suốt thời gian từ 1949 đến 1954.

Năm 1949 quốc trưởng Bảo Đại từ Hồng Kông trở về chấp chánh và Đà Lạt là nơi mà quốc trưởng cư ngụ nên thành phố này trở thành thủ đô hành chánh. Các chính khách rộn rịp lên xuống thường xuyên yết kiến quốc trưởng.

Ngoài ba dinh thự nói trên có từ thời Bảo Đại, HỨA HOÀNH cho biết thêm về một dinh thự thật đặc biệt, rất xa hoa lộng lẫy, mà người Đà Lạt thường quen gọi là "Dinh Bà Nhu":

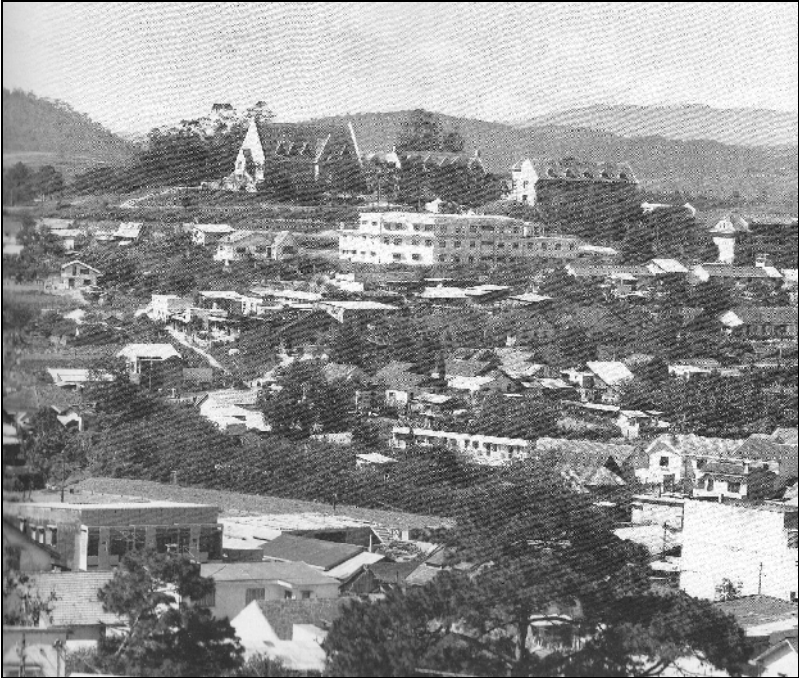
"Dưới thời Đế Nhất Cộng Hòa (1955-1963), vợ chồng ông Ngô Đình Nhu có xây một biệt thự nghỉ mát gọi là "biệt điện mùa hè" ở Đà Lạt. So với các dinh số hai, dinh số ba, biệt điện này nhỏ hơn, nhưng là một công trình kiến trúc nghệ thuật, vật liệu mua từ ngoại quốc, trang bị tối tân hơn. Lần đầu tiên, một hồ tắm kiểu vua chúa Tây phương được du nhập dành cho cấp lãnh đạo thụ hưởng. Biệt điện xây trên một ngọn đồi nhìn xuống một thung lũng thơ mộng, và đồi ấy được đặt tên là Châu Lâm (Jewel Forest)...

Biệt điện được trang hoàng theo sở thích của từng người. Phần bà Nhu là hồ tắm bằng cẩm thạch, nước trong vắt, có máy làm nước nóng về mùa đông. Trong nhà, phòng ngủ, bếp nấu ăn đều trang bị những tiện nghi đắt tiền vì bà là một trưởng giả khó tánh.

Phòng khách có đến năm lò sưởi. Tường, trần nhà, sàn nhà đều lót bằng những phiến gỗ tếp hình vuông, đánh bóng. Khu vườn hoa là của ông Ngô Đình Nhu, có trên một trăm loài hoa hiếm quý được mua từ ngoại quốc đem về...

Biệt điện chỉ có độ 12 phòng nhưng phải xây dựng mất năm năm mới hoàn thành vì nhiều chỗ phải đập đi làm lại nhiều lần mới vừa lòng bà Nhu."

Biệt điện cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 3km, được khởi công xây dựng vào năm 1958 với diện tích khoảng 13.000m². Khu biệt điện này gồm 3 biệt thự là Bạch Ngọc, nơi giải trí của gia đình bà Nhu và các tướng tá; Lam Ngọc nơi nghỉ cuối tuần của gia đình bà và Hồng Ngọc là biệt thự bà xây tặng cha mình.



“ĐÀ LẠT THÀNH PHỐ MIỀN CAO”

Ảnh: Trần Cao Lĩnh

Vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương

Thành phố Đà Lạt cũng từng ghi lại nhiều hình ảnh về vua Bảo Đại và bà hoàng hậu Nam Phương. TÔN THẤT AN CỰU viết về cuộc gặp gỡ tại Đà Lạt giữa vua Bảo Đại và cô gái trẻ sau này trở thành hoàng hậu của vua như sau:

“Nam Phương hoàng hậu, khê danh Nguyễn Hữu Thị Lan hay là Marie Thérèse, sinh năm 1914 tại Gò Công Nam phần, con của đại điền chủ Nguyễn Hữu Hào và là cháu ngoại của ông Lê Phát Đạt, tức huyện Sỹ, một trong những người giàu có nhất miền Nam, có thể sánh ngang hàng với gia đình Bạch công tử ở Bạc Liêu...

Năm 1926, Nguyễn Hữu Thị Lan, 12 tuổi, được gia đình cho sang Pháp tông học tại trường Couvent des Oiseaux, một trường nữ danh tiếng thuộc loại nhà giàu ở Paris do các nữ tu điều hành. Sau khi thi đậu tú tài vào năm 1932, cô gái miền Nam theo chuyến tàu của hãng Massagerie Maritime trở về nước. Tình cờ trên chuyến tàu này có ông vua Việt Nam hồi loạn sau khi hoàn tất việc học, đó là vua Bảo Đại mà hồi đó giới sinh viên ở Pháp thường gọi một cách thân mật là Prince Vĩnh Thụy.

Tuy cùng trên một chiếc tàu bồng bênh giữa đại dương một thời gian khá lâu nhưng Nguyễn Hữu Thị Lan chưa có cơ hội làm quen với vị vua trẻ tuổi. Mãi cho đến gần một năm sau, nhân dịp vua Bảo Đại nghỉ mát tại Đà Lạt và do sự sắp đặt của Toàn quyền Đông Dương, viên Đốc Lý (tức Thị Trưởng sau này) thành phố Đà Lạt tổ chức một buổi dạ tiệc tại khách sạn Palace (sau gọi là khách sạn Langbian) để tìm cách cho hai người gặp nhau. Tối hôm đó, trong chiếc áo lụa màu thiên thanh, Nguyễn Hữu Thị Lan đã xuất hiện trước Hoàng đế Bảo Đại để rồi chiếm trọn trái tim của một người có địa vị cao nhất nước...

Nhờ tông học ở một trường thuộc nhà Dòng, được các nữ tu chỉ dạy các lễ nghi Tây phương đối với Vua Chúa nên tối hôm đó, lúc vừa diện kiến vua Bảo Đại, Nguyễn Hữu Thị Lan đã quỳ một gối và cúi đầu sát mặt đất để tỏ lòng tôn kính nhà vua. Lễ tất nhiên, một vị vua trẻ tuổi và hào hoa như vua Bảo Đại thì làm sao ông có thể không xiêu lòng trước sắc đẹp mỹ miều của Nguyễn Hữu Thị Lan. Và chuyện sẽ đến đã đến: đám cưới của vị thiếu quân hào hoa với một nữ lưu tràn trề hương sắc miền Nam đã

diễn ra tại Huế ngày 20-3-1934. Ngay ngày hôm đó Nguyễn Hữu Thị Lan được tấn phong làm Hoàng Hậu với danh hiệu Nam Phương. Sự kiện Nguyễn Hữu Thị Lan được tấn phong Hoàng Hậu ngay sau khi cưới là một biệt lệ đối với các bà vợ Vua thuộc triều Nguyễn. Vì mười hai đời vua Nguyễn trước kia, các bà vợ vua chỉ được phong tước Vương phi, đến khi chết mới được truy phong Hoàng Hậu.”

Nhắc đến cuộc nhân duyên của mình với hoàng hậu Nam Phương, cựu hoàng BẢO ĐẠI đã ghi lại trong cuốn sách nhan đề “Le Dragon d’Annam” (Con Rồng An Nam) như sau:

“Sau lần hội ngộ đầu tiên ấy, thỉnh thoảng chúng tôi lại gặp nhau để trao đổi tâm tình. Marie Thérèse rất thích thể thao và âm nhạc. Cô ta có vẻ đẹp dịu dàng của người miền Nam pha một chút Tây phương. Do vậy mà tôi đã chọn từ kếp Nam Phương để đặt danh hiệu cho nàng.

Các vị Tiên Đế của tôi cũng thường hướng về người đàn bà miền Nam. Nếu tôi nhớ không sai thì trước Hoàng Hậu Nam Phương, có đến bảy phụ nữ miền Nam đã từng là chủ nhân của hoàng thành Huế. Khi chọn phụ nữ miền Nam làm vợ, hình như đức Tiên Đế và tôi đều nghĩ rằng trước kia đức Thế Tổ Cao Hoàng (tức vua Gia Long) đã được nhân dân miền Nam yểm trợ trong việc khôi phục giang sơn. Chính đó là sự ràng buộc tình cảm giữa hoàng triều Huế với người dân miền Nam.”



Về phần hoàng hậu NAM PHU'ONG, bà đã nhắc lại “cái thuở ban đầu lưu luyến ấy” như sau:

“Hôm đó ông Darle, Đốc Lý thành phố Đà Lạt gửi giấy mời cậu Lê Phát An tới (Lê Phát An là anh ruột bà Nguyễn Hữu Hào) và tôi đến dự dạ tiệc ở Hotel Palace. Tôi không muốn đi nhưng cậu An tôi năn nỉ và hứa với tôi là chỉ đến tham dự một chút và vái chào nhà vua xong là về nên tôi phải đi một cách miễn cưỡng và tôi cũng chỉ trang điểm sơ sài thôi. Chúng tôi đến trễ nên buổi tiệc đã bắt đầu từ lâu. Cậu tôi kéo ghế định ngồi ngoài hiên thì ông Darle trông thấy, ông ta chạy đến chào chúng tôi rồi nắm tay cậu tôi kéo chúng tôi vô nhà. Vừa đi ông vừa nói: “Ông và cô phải đến bái yết Hoàng Thượng mới được”. Khi cánh cửa phòng khách vừa mở, tôi thấy vua Bảo Đại ngồi trên chiếc ghế bành chính giữa nhà. Ông Darle bước tới bên cạnh vua rồi nghiêng mình cúi chào và kính cẩn nói: “Votre Majesté, Monsieur Lê Phát An et sa niece, Mademoiselle Marie Thérèse.” (Tâu Hoàng thượng, đây là ông Lê Phát An và người cháu gái, cô Marie Thérèse). Nhờ các nữ tu ở trường Couvent des Oiseaux từng chỉ dạy nên tôi biết phải làm gì để tỏ lòng tôn kính đối với bậc Quân Vương, vì vậy tôi đã không ngần ngại đến trước mặt Hoàng Đế, quỳ một gối và cúi đầu sát nền nhà cho đến khi thấy bàn tay cậu tôi kéo tôi dậy tôi mới đứng lên. Vua gật đầu chào tôi đúng lúc tiếng nhạc vừa trở theo nhịp điệu Tango, Ngài ngỏ lời mời và diu tôi ra sàn nhảy rồi chúng tôi bắt đầu nói chuyện. Về sau, khi đã trở thành vợ chồng, Ngài mới cho tôi biết hôm đó Ngài rất chú ý cách phục sức đơn sơ của tôi. Tôi nghĩ rằng tôi được nhà vua lưu ý một phần do trong suốt buổi dạ tiệc chỉ có tôi là người đàn bà Việt Nam duy nhất nói tiếng Pháp và theo đúng cung cách lễ nghi Âu Tây đối với Ngài.”

NGUYỄN VĂN LỤC khi viết về vua Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương lại có cái nhận xét hơi khác:

“Có một câu hỏi được đặt ra là cô Nguyễn Hữu Thị Lan đã quen và gặp Bảo Đại trong trường hợp nào và ở đâu. Có một số tác giả cho rằng họ quen nhau trên cùng một chuyến tàu thủy của hãng Messagerie Maritime về nước như một cuộc tình duyên kỳ ngộ, lãng mạn. Một hoàng tử gặp giai nhân trên một chuyến tàu, yêu nhau rồi quyết định chuyện hôn nhân. Trên tờ Indochine, có một vài bài viết của ông Nguyễn Tiến Lãng, một người thân cận của Hoàng Hậu, nhưng tôi cũng không thấy đoạn nào nói rõ về vấn đề này. Cho dù có đi cùng chuyến tàu không chắc gì đã có thể gặp nhau. Nếu có chuyện đó thì vua Bảo Đại hà cớ gì lại không nhắc đến trong hồi ký trích dẫn sau đây. Cái tật của người

Việt Nam là hề có một người viết trật là kéo theo cả lô người khác xuống hố theo. Dù sao, tôi cũng chẳng dám cả quyết gì về điều này.

Nhưng một điều không cần bàn cãi nữa là căn cứ vào tập hồi ký "Le Dragon d'Annam" của vua Bảo Đại là đúng nhất. Vua Bảo Đại cho biết ông đã gặp Nam Phương Hoàng Hậu ở Đà Lạt, chứ không phải ở trên tàu, ông đã gặp vào cuối năm 1932. Xin trích dẫn ý của vua sau đây: "C'est alors qu'à la fin de l'année, m'étant rendu pour quelques jours à Đà Lạt où séjournait également le gouverneur général Pasquier, celui-ci, à l'occasion d'une rencontre dans les salons du Langbian Palace, me présente une jeune fille qui était en compagnie de Mme Charles, Marie-Thérèse Nguyễn Hữu Hào, appartient à une famille de riches propriétaires terrien de Cochinchine. Catholique, comme ses parents elle vient de terminer ses études au Couvent des Oiseaux, en France. Elle a dix huit ans." (Sách đã dẫn trang 63)

Đọc đoạn văn trên, thấy có gì là lạ. Chẳng hiểu tại sao cả đám người tai to mặt lớn lại không hẹn mà gặp nhau ở Đà Lạt. Có bà Charles, người đỡ đầu cho Bảo Đại đi cùng với cô Lan, bà lại là bạn của gia đình Nguyễn Hữu Hào. Có bài viết nói ông Lê Phát Đạt dẫn cháu gái đến ra mắt Bảo Đại. Cô cháu gái lại ỉ ôi năn nỉ chán mới chịu đi, ăn mặc sơ sài thôi. Tôi thiết nghĩ, ông Đạt không đủ tư cách để đường đột dẫn cháu gái ra mắt Hoàng Thượng, nếu không có một sắp xếp trước. Cùng lắm ông chỉ là người thừa hành thôi. Đích thị là có sắp xếp trước, có toan tính trước giữa bộ ba toàn quyền Pasquier, ông bà Hào và chủ chốt là bà Charles. Cho dù trước đó có gặp nhau trên tàu trên bè gì cũng không quan trọng.

Sau buổi gặp gỡ ở Đà Lạt, kể như định mệnh đã được an bài rồi. Sự sắp xếp này cũng rất bình thường và tự nhiên ở cương vị của Bảo Đại. Vấn đề chính là họ đã yêu nhau và quyết định đi đến hôn nhân: "Après quelques entretiens, un tendre sentiment naît entre nous. Nous nous promettons de nous revoir."

Sau lễ cưới, vua Bảo Đại cùng hoàng hậu Nam Phương dọn về ở tại điện Kiến Trung thuộc khu vực cấm thành. Điện này xây cất từ thời vua Khải Định nhưng được sửa chữa và tân trang các tiện nghi Tây phương vào đầu triều vua Bảo Đại.

Tại điện Kiến Trung, hoàng hậu Nam Phương đã lần lượt hạ sinh 5 người con gồm có: thái tử Bảo Long (1936), công chúa Phương Mai (1937), công chúa Phương Liên (1938), công chúa Phương Dung (1942) và hoàng tử Bảo Thắng (1943).

Thường ngày, ngoài việc chăm sóc dạy dỗ con cái, thỉnh thoảng hoàng hậu Nam Phương phải cùng các quan ở Bộ Lễ bàn thảo các lễ lạc trong cung đình, lo việc cúng giỗ các Tiên đế và đi vấn an sức khỏe các bà Tiên cung và Hoàng thái hậu Từ Cung, tức mẹ vua Bảo Đại. Tóm lại, bà rất chu toàn bổn phận làm dâu.



Có lẽ cũng cần nói thêm về hoàn cảnh cuối đời của bà hoàng hậu Việt Nam lưu vong tại Pháp, nghe thật buồn. Bà hoàng hậu Nam Phương qua đời vào năm 1963 ở tuổi mới có 49, tại làng Chabrignac, một vùng quê thuộc miền Bắc nước Pháp. Khi bà Nam Phương vào làm dâu trong triều đình nhà Nguyễn, với một đám cưới trọng thể, uy nghiêm dưới sự chứng kiến của tất cả quần thần văn võ thì trong giờ phút lâm chung của bà, TÔN THẮT AN CỰU cho biết người ta kể lại rằng:

“Ngày 14 tháng 9 năm 1963, vào khoảng 5 giờ chiều, cựu hoàng hậu Nam Phương cảm thấy mệt bèn cho người nhà đi mời bác sĩ đến thăm mạch. Sau khi chẩn khám, bác sĩ cho biết bà bị viêm họng nhẹ, chỉ uống thuốc vài hôm là khỏi. Nhưng không dè, bác sĩ vừa rời khỏi nhà chừng vài tiếng đồng hồ thì bà cảm thấy khó thở. Người hầu bà bèn nhờ một người Pháp hàng xóm đi mời một bác sĩ khác, nhưng người bác sĩ thứ hai chưa đến kịp thì cựu hoàng hậu Nam Phương đã êm ái lìa đời ngay trong đêm đó khi

vừa tròn 49 tuổi. Ngoài hai người giúp việc trong nhà, không có một người ruột thịt nào có mặt bên cạnh bà trong giờ phút lâm chung, vì các con bà đều ở tận Paris để làm việc và đi học.”

Đám tang được tổ chức một cách rất sơ sài. Hôm đưa đám, ngoài hai hoàng tử và ba công chúa đi bên cạnh quan tài mẹ không có một người bà con nào khác. Người ta kể lại rằng khi hay tin mẹ chết công chúa Phương Liên tức tốc đánh điện báo tin cho cựu hoàng Bảo Đại nhưng gặp lúc ông đi chơi xa với bà Mộng Điệp vì vậy nên không hay biết gì và đã vắng mặt. Đám tang thưa thớt, vắng vẻ, như những năm tháng cuối đời của bà. Không có tiếng khóc, không lời ai điếu. Báo chí Việt Nam tới hàng chục năm sau vẫn không biết tin này! Mộ của bà rất đơn sơ, trên phần mộ dựng một tấm bia nhỏ. Mặt trước khắc chữ Hán “Đại Nam Nam Phương Hoàng Hậu Chi Lăng” (Lăng mộ của hoàng hậu Nam Phương nước Đại Nam). Mặt sau chữ Pháp: “Ici Repose L’Impératrice D’Annam Née Marie Thérèse Nguyễn Hữu Thị Lan” (Đây là nơi an nghỉ của hoàng hậu An Nam, nữ danh Marie Thérèse Nguyễn Hữu Thị Lan)!

Nói chuyện Đà Lạt và Bảo Đại có lẽ cần ghi lại đây thêm một hồi ký của một quan chức thời Hoàng Triều Cương Thổ xa xưa:

“Cuối tháng 5/1950 tôi được theo Bảo Đại lên Ban Mê Thuột dự lễ nhận tượng trưng đất Hoàng triều cương thổ (gồm Đông Nai Thượng, Lâm Viên (kể cả Đà Lạt), Đắc Lắc, Pleiku, Kontum...). Trong dịp này tôi được dự một cuộc tế thần của người Tây Nguyên hết sức thú vị. Lễ được bắt đầu từ lúc chập tối. Lúc ấy, tất cả dân làng gồm đàn ông, đàn bà, trẻ già, trai gái ngồi chung quanh một con trâu bị trói chặt vào chân một cây cột bằng tre, lớn, cao, trên đọt cây còn giữ nguyên cành lá. Cột được tô vẽ trang điểm thật đẹp, có đính những vòng hoa hây hẩy trước gió. Con trâu đen, vạm vỡ, sừng rất rộng, đầu cúi xuống, bốn chân cào cào xuống tỏ vẻ rất bực bội. Trời tối, người ta nổi lửa từ bốn phía (tượng trưng cho tứ phương?). Ngọn lửa cháy dần dần và bốc cao như muốn vọt lên đến trời xanh. Lửa không thiêu hết mọi vật mà dâng ngọn đến cao xanh, chứng tỏ con người đang chịu thần phục sẵn sàng tôn sùng thượng đế.

Ông Bảo Đại được mời ngồi vào vị trí danh dự, ở giữa các bộ lão. Đêm xuống khắp trời đất. Cuộc múa nhảy bắt đầu. Các điệu múa ăn nhịp với tiếng trống, tiếng cồng, tiếng chiêng và tiếng vỗ tay của đàn bà và trẻ con. Tay cầm giáo nhọn, cánh tay đeo mộc, các thanh niên nhảy theo các điệu khi lâm chiến họ lao vào đâm

con trâu mạnh mẽ như muốn trút hết sự căm thù đã chôn chắt trong lòng. Bởi vì con trâu hiền lành này là một con vật tế thần, từ buổi chiều nó đã được xem là một ác thần, tượng trưng cho nguồn gốc gây ra biết bao đau khổ cho người sơn cước. Giết con trâu - giết ác thần để dâng cho Phúc thần, cầu mong sự chiếu cố giúp đỡ. Con trâu bị đâm nhiều nhát, bị lửa đốt bốn chung quanh - tượng trưng cho lời cầu khẩn. Đến sáng hôm sau, con trâu chết, tượng trưng cho những cái ác đã được ngăn chặn.

Một kẻ hành lễ mang đến dưới chân người chủ lễ một quả bầu khô rỗng và một con gà trống màu trắng. Ông già chủ lễ quỳ xuống, cắt tiết gà, mổ lấy tim và hứng tiết vào trong quả bầu. Người tù trưởng hai tay đưa cho Bảo Đại một cái cần cong bằng trúc và mời Bảo Đại hút rượu đựng trong một cái hũ và nhắm một miếng gan heo nướng. Bảo Đại vừa nhắm xong, lập tức tất cả các bô lão đứng lên và lần lượt quàng vào bên tay trái Bảo Đại một chiếc vòng đồng có khắc dấu hiệu riêng của họ, nói lên sự giao hảo, phục tùng. Quàng vòng đồng xong, mọi người tung hô vạn tuế, vạn tuế. Cuối cùng, mọi người trở lại chỗ cũ. Viên chủ tế cất cao giọng xướng một bài văn tế rất dài, chúng tôi nghe qua lời phiên dịch tiếng Pháp của một nhân viên cao cấp người sơn cước.

Sau lễ tế trâu, Bảo Đại và đoàn tùy tùng được mời vào nghỉ trong một ngôi nhà rộng lợp tranh, các cột bằng gỗ teck. Trong nhà trang trí nhiều tác phẩm nghệ thuật vẽ mặt trời, mặt trăng, hình bò cạp, cá... Hình mặt trời khi nào cũng đẹp và lớn hơn cả. Ở các chân cột nhà có treo nhiều giá đựng binh khí, chậu đồng.

Bảo Đại được mời ngồi chung quanh bếp lửa uống rượu cần. Bữa rượu cần ấy đánh dấu việc vùng đất Tây Nguyên được người Pháp trả về với Việt Nam và được hưởng một quy chế Hoàng triều cương thổ khác với ba kỳ. Sau lễ ấy ông Bảo Đại đi thị sát các tỉnh miền Nam, còn tôi thì về lại Huế. Chuyện cũ đã hơn 45 năm tôi tưởng không bao giờ có dịp nhắc lại."



Đà Lạt đầu tháng tư 1975

Vào cuối tháng Ba năm 1975 Đà Lạt đã náo loạn vì chiến sự. Tối ngày 1 tháng Tư các cơ quan lo chuyện di tản khỏi thành phố. Dân chúng cũng nhốn nháo kéo nhau rời bỏ nơi này. Sáng ngày 2-4 thành phố coi như vô chủ và sau đó bị mất vào ngày 3-4, trong khi gần cả tháng sau đó Sài Gòn mới bị mất vào ngày 30-4.

MẠNH ĐANG ghi lại kỷ niệm di tản khỏi thành phố khi còn là một cậu học sinh rất nhỏ tuổi tại trường Hùng Vương Đà Lạt:

“... vào buổi chiều, khi lũ học trò chúng tôi đang nghiêng đầu, nghễnh cổ nghe giảng dang dở bài học của lớp hai, thì bỗng cả trường xôn xao, nhốn nháo... thầy cô lớp này, lớp kia chạy vội ra hành lang hốt hoảng thông tin cho nhau điều gì đó về “Việt cộng” ... lớp học đột ngột bị ngưng ngang, cô thầy, học trò í ới gọi nhau rồi đổ xô chạy vội vàng xuống sân... tôi cũng cuốn cặp chạy cùng mọi người ra cổng rồi chui tọt vào chiếc xe quen thuộc mà hàng ngày đưa đón chúng tôi đến trường, lúc này xe đang đậu trước cổng... nhưng phải đợi chờ rất lâu thì chú tài xế mới học tốc chạy bộ đến đưa chúng tôi về nhà... trên xe, lũ học trò chúng tôi cứ ngơ ngác, im thin thít vì sợ, nhón nhác nhìn nhau, không còn dám đùa giỡn như mọi khi... trên đường xe cộ cũng dường như hồi hải đi lại khác nhịp sống thông thả hàng ngày.

“Bố tôi ở Sài Gòn liên tục gọi điện thoại lên để bàn bạc, thúc giục mẹ tôi việc về Sài Gòn, nhưng hình như mẹ tôi vẫn cố nán để chờ đợi một quyết định chính thức của công sở về việc chuyển... Sự miễn cưỡng vì chức nghiệp của mẹ tôi đã khiến chúng tôi có lúc lâm vào hoàn cảnh nguy khốn chưa từng có trong cuộc đời chúng tôi...

“Không chỉ ở nơi mẹ tôi làm việc, mà trong những ngày này, Dalat vốn thường tĩnh lặng thì lại càng dần trở nên ù u, lạnh lẽo và vắng vẻ khác thường... có một hôm mẹ cùng tôi đến bệnh viện tỉnh lấy thuốc, đường đi ngang qua khu Hòa Bình, nơi có thể xem là đông đúc người bậc nhất của Dalat thì người đi lại cũng rất thưa thớt, vội vã... đương nhiên, lúc này du khách không còn ở đây nữa... thay thế cho những hàng ăn, cửa hiệu là những cánh cửa đóng kín im ỉm... những cư dân Dalat đang còn ở lại đó sống trong một tâm trạng khó tả... Dalat như người đang hấp hối...”

“... buổi tối muộn ngày 30/03/1975, mẹ con chúng tôi đã lên giường chuẩn bị cho giấc ngủ mộng mị... thì đột nhiên: “Ùm, oàng,

oàng...” rồi “oàng...” có nhiều tiếng nổ to vang trời, chấn động, rung rinh cả nền đất, các tấm kính ốp cửa sổ run bần bật từng cơn, điện đóm chọt tắt phụt... mẹ tôi giật mình thẳng thốt vội đẩy tôi trốn xuống dưới gầm giường... cùng với tiếng nổ liên tục thì bầu trời đêm đen kịt bỗng đỏ rực rồi chuyển sang sắc vàng cam, sáng lên từng cơn một, chiếu vệt sáng lúc đỏ lúc vàng cam lừ đừ qua khe cửa, từ trái qua rồi từ phải qua liên tục không dứt... mẹ con chúng tôi run lấy bầy dưới nền nhà sắc lạnh theo từng tiếng nổ rền...” ...những cư dân Dalat đang tìm mọi cách để trốn chạy, để thoát thân, để di tản khỏi Dalat càng nhanh, càng xa thì càng tốt ... Mẹ con chúng tôi là một trong số họ ...”

MANH ĐANG sau đó cùng gia đình rời Đà Lạt:

“Theo từng cơn lốc lư, dần xóc của loại xe vốn dĩ chỉ dùng vận chuyển gỗ từ rừng sâu... tôi đã rời xa và vĩnh viễn mất “Dalat áu thơ” của tôi từ đó! Sáng tinh sương hôm sau, sáng đầu tiên của chuỗi hành trình mười hai ngày di tản sau đó, tuổi thơ của tôi bắt đầu biết đến những địa danh lạ lẫm mà một số tôi còn nhớ đến ngày hôm nay: Rừng Lá, Sông Phan, Bình Tuy... để trở về đích đến cuối cùng là Sài Gòn!

Mẹ con chúng tôi cùng với một số gia đình của hãng xe được đưa đến một cảng cá, ông chủ hãng xe gọi mẹ con chúng tôi đi bằng thuyền nhỏ về Long Hải, sau đó, chúng tôi đi xe đò về đến Sài Gòn sau khoảng tầm chục ngày lang bạt kỳ hồ... Hành trình di tản của chúng tôi kết thúc có hậu, cho dù những tổn thương về tinh thần vẫn sẽ còn di chứng mãi trong tâm hồn... tôi đã phải chứng kiến những hình ảnh mà tuổi thơ không nên thấy, và cũng không có bậc làm cha làm mẹ nào mong muốn con mình phải thấy!”

TRẦN THỊ DIỆU TÂM phu nhân của nhà giáo Phạm Kế Viêm, hiện định cư tại Pháp, cũng ghi lại những giây phút náo loạn tìm cách rời Đà Lạt hồi đầu tháng 4 năm 1975:

“Tôi di tản từ Đà Lạt về Sài Gòn, khoảng đường chỉ có 300 cây số. Nhưng sao mà cứ hun hút nhớ dài mãi vô tận đời tôi (...) Thiên hạ đang lo chạy vé máy bay về Sài Gòn. Sài Gòn như là điểm tựa cuối cùng của miền nam Tự Do, mọi người tin chắc rằng Sài Gòn sẽ được bảo vệ tối đa (...) Tôi ra Air Việt nam hỏi vé thì vé đã hết từ bao giờ. Không còn chuyến bay nào (...)

Tối hôm ấy tôi bàn bạc với chồng, nhà tôi nói tôi tự lái xe đưa các con: “...về Phan Rang, Phan Thiết rồi tìm cách kiếm máy bay quân sự để về Sài Gòn. Nếu không có phải đi bằng đường biển.

Đường bộ Sài Gòn Đàlat đã bị cắt đứt ở Định Quán” Ngại ngần vì chỉ lái xe loanh quanh trong thành phố. Chồng nói: “Anh không thể bỏ nhiệm sở. Bây giờ mà vắng mặt một ngày coi như đào ngũ. Anh phải ở lại.”

“Tôi đi lên đi xuống cái nhà rộng thênh thang, không biết nên đem theo cái gì, để lại cái gì. Cái chi cũng muốn mang theo. Nhưng cuối cùng thì không đem chi cả. Bởi rằng có bốn kho tàng ăn không hết là bốn cô con gái: 6 tuổi, 4 tuổi, 3 tuổi và 1 tuổi.”... “Nhưng may cho tôi, có gia đình anh chị B, về Phan Rang, chồng tôi gửi gắm mấy mẹ con, lái xe theo đuôi xe anh chị ấy.” (...)

Sáng ấy, tôi chia tay với nhà tôi sau khi ăn ở tiệm phở Bằng ra, dưới góc thông già... Thế là tôi đã xuống thành phố Phan Rang. Mấy mẹ con tôi và gia đình anh chị B. vào ở trong nhà khách của công ty điện lực (...) Đầu óc tôi bắt đầu suy nghĩ dự tính, liên lạc hỏi dò đường bay dân sự, quân sự.” (...)

“Chiều nào, tôi cũng ra đứng ở đường cái quan nhìn đoàn người di tản từ miền núi xuống miền biển. Những chiếc xe “be” chở người, đồ đạc, súc vật chen chúc nhau, ngày càng nhiều càng hỗn loạn. Tôi lạ lẫm nhìn quang cảnh, không thể nào giải thích được.”

TRẦN THỊ DIỆU TÂM kể thêm về cuộc hành trình của mình:

“Sau khi loay hoay mãi không có chỗ máy bay quân đội thì: Hôm sau, nhà tôi gọi điện thoại qua tổng đài điện lực, tôi cho biết có thể bị kẹt ở đây, đường biển rất nguy hiểm không đi được. Sau đó anh bảo phải trở lên Đàlat ngay, vì anh đã mua được ba vé máy bay dân sự cho năm mẹ con. Có lẽ đó là chuyến chót. Tôi tha đàn con trở lên Đàlat trong chiếc xe đồ rộng thênh thang. Không ai lại trở về nơi cần phải đi thoát. Tôi không dám lái xe trở lên, sợ gặp cảnh cướp bóc dọc đường. Lần này tôi hoảng sợ khi thấy người ta tranh nhau từng đoạn đường. Như là nếu chậm chân một chút, cái chết càng đến gần hơn.”

“Mọi người trong thành phố di tản gần hết, số còn lại thì ẩn nấp trong nhà đóng kín cửa. Thành phố rỗng, thành phố chết (...) Phố xá Đàlat bất động như một bức tranh, trong đó họa sĩ đã vẽ bằng màu sơn chết. Tuy người ta chưa nghe tiếng súng, nhưng mùi chiến tranh đã ở trên mỗi ngọn cỏ, mỗi lá cây hoa đào.”

“Nhà tôi mượn chiếc xe Jeep đưa mấy mẹ con xuống Liên Khương. Tôi bế đứa con út trên tay, nó ôm chặt bình sữa đã cạn. Đứa thứ ba ôm chặt cái gối hít hít, tôi bảo nó phải bỏ lại chiếc gối, nó khóc tức tưởi đem vô phòng cất. Đứa thứ nhì ôm giấu con búp bê, sợ mẹ thấy. Con đường về Liên Khương lúc nào cũng đẹp, tôi

nhìn từng quãng đường, từng ngôi nhà, để in đậm vào quá khứ sau này. Tôi có cảm tưởng sự sống mất đi một nửa, khi rời bỏ Đà Lạt.”

Nhà giáo NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG của các trường Trung Học tại Đà Lạt xưa kể lại chuyện “Đà Lạt mấy ngày đầu tháng tư 75”:

“Cuối tháng 3-75, sau cuộc thất thủ Ban Mê Thuột, cùng với tình hình sôi sục từ Quảng Trị trở vào, Đà Lạt đã giao động cực độ. Cho đến khi quốc lộ 20 Đà Lạt - Sài Gòn bị cắt ở Long Khánh thì thành phố hiện hòa thơ mộng đó đã lên đến mức cao nhất của sự hốt hoảng. Một chiếc Molotova hồng, kéo từ mặt trận Bảo Lộc về, được trưng bày ngay ở một góc đường gần bùng binh trước bến xe đò đi Sài Gòn, không làm giảm sút được sự hốt hoảng đó.

Một số giới chức quân sự, hành chánh các cấp cao thấp đã cho gia đình di tản trước về Sài Gòn. Độ mười ngày trước cuối tháng ba (ngày 20, 21 gì đó), vào khoảng 2 giờ chiều, giáo chức và học sinh Trung Tâm Giáo Dục Hùng Vương bỗng nhón nháo, xao động khi có vài binh sĩ tới đón mấy đứa con của một giới chức cao cấp trong thành phố ra về một cách vội vã.

Dân chúng cũng đã đua nhau thu dọn nhà cửa để chạy về Sài Gòn bằng đủ mọi phương tiện. Những chiếc xe hàng, xe chở gỗ, xe du lịch, xe lam ba bánh, xe máy dầu hai bánh... đều đặc dụng trong lúc này. Tại trụ sở Hàng Không Việt Nam ở nhà ga xe lửa Đà Lạt và tại phi trường Liên Khương người người chen lấn, vô ra tấp nập, trò chuyện ồn ào với khuôn mặt đầy căng thẳng, lo âu. Tại phi trường Cam Ly dành cho phi cơ quân sự, tình trạng cũng tương tự. Những tin đồn thiệt và thất thiệt lan tràn mạnh mẽ.

Rồi việc phải đến đã đến. Chiều tối mùng 1 tháng 4, các giới chức và cơ sở hành chánh Đà Lạt cùng với Tiểu Khu Tuyên Đức và các quân trường Võ Bị Quốc Gia, Chiến Tranh Chính Trị... di tản về ngã Đôn Dương Phan Rang. Khoảng bảy giờ tối hôm đó, người dân Đà Lạt còn ở lại thấy lửa đỏ bốc cao ở Ty Dân Vận Chiêu Hồi trên đường Nguyễn Trường Tộ, ở phía sau Tòa Hành Chánh và ở Ty Cảnh Sát Quốc Gia. Đêm đó vẫn còn nhiều người dùng xe máy dầu, xe hơi đủ loại, lao vùn vụt về phía Trại Hàm nói theo đoàn di tản. Suốt đêm các tiếng nổ liên hồi từ kho đạn ở Cam Ly, ở Võ Bị đã làm tăng thêm sự lo sợ sẵn có trong lòng những người ở lại, trong đó có tôi, vì nhà tôi mới sinh cháu trai đầu lòng trước đó đúng một tuần! Mọi người hình như đều cùng chung ý nghĩ: Giờ phút cuối cùng đã tới!

Sáng mùng 2 tháng 4, thành phố vô chủ! Những người ở lại vẫn ngờ ngạc, bơ phờ, tùm tùm từng nhóm ở khắp các khu phố,

xã ấp... bàn tán xôn xao. Đường phố rải rác quân phục, vũ khí vứt bừa bãi. Bắt đầu có nhiều toán người, y phục dân sự, võ trang đầy mình đi hỏi của ở các căn nhà vô chủ. Các sạp bán hàng ở dưới chợ Đà Lạt được chiếu cố tối đa. Tiếng súng hoặc lẻ tẻ, hoặc từng tràng vang vọng đây đó. Tại trại Tiếp Vận trước Ty Thủy Lâm, đường Phan Bội Châu, từng đoàn xe đủ loại ra vô... dọn dẹp. Có những xe hàng chất đầy đồ đạc linh kinh như tủ lạnh, bàn ghế, máy chữ, giường chiếu... thối thì đủ thứ tạp lục. Một vài em bé độ 11, 12 tuổi, đeo trên vai cỡ ba, bốn khẩu súng M-16, băng đạn quán đầy thân hình nhỏ bé, loay hoay tí toáy một khẩu khác trong tay mà mũi súng cứ vô tình hướng vào những người xung quanh. Các tiếng la hét gọi nhau ới ới. Nghe nói tình trạng lại còn... hào hứng hơn nữa tại trường Võ Bị, Chiến Tranh Chính Trị và ở nhiều cơ quan khác. Quả thật là một hình ảnh tổng hợp chân xác của sự hỗn độn cực độ.

Độ một giờ chiều hôm đó có tiếng loa phóng thanh trên một chiếc xe jeep chạy khắp các khu phố loan đi thông cáo của Ủy Ban Nhân Dân Tự Quản Thành Phố Đà Lạt kêu gọi mọi người tái lập trật tự, tập trung vũ khí, đồng thời ra lệnh cho các quân nhân công chức chế độ cũ ra trình diện tại khu Hòa Bình. Thế là trên các ngã đường dẫn tới đó, lẻ loi hoặc từng nhóm, người ta, than ôi trong đó cũng có tôi, cùng nhau đi “trình diện”. Mọi người vừa đi vừa bàn tán, trong lòng đầy nghi hoặc.



Quanh khu Hòa Bình lố nhố đầy người, nhất là ở trước rạp chiếu bóng. Người ta vây quanh hai cái bàn kê tại đó để “trình diện” với hai thanh niên, đeo băng tay màu đỏ, làm công tác ghi danh vào mấy quyển vở học trò. Bên cạnh đó là một đồng súng ống đủ loại. Tiếng người nói chuyện ồn ào chen lẫn với những tiếng súng nổ từ xa..Con đường vòng quanh khu Hòa Bình lúc này tấp nập ngập người đi và xe cộ đủ loại. Khá đông thanh niên đeo băng tay đỏ, vai mang súng, hoặc đi bộ, hoặc chờ nhau trên những chiếc xe máy dầu Honda, Suzuki... chỉ chờ, hò hét ầm ĩ...

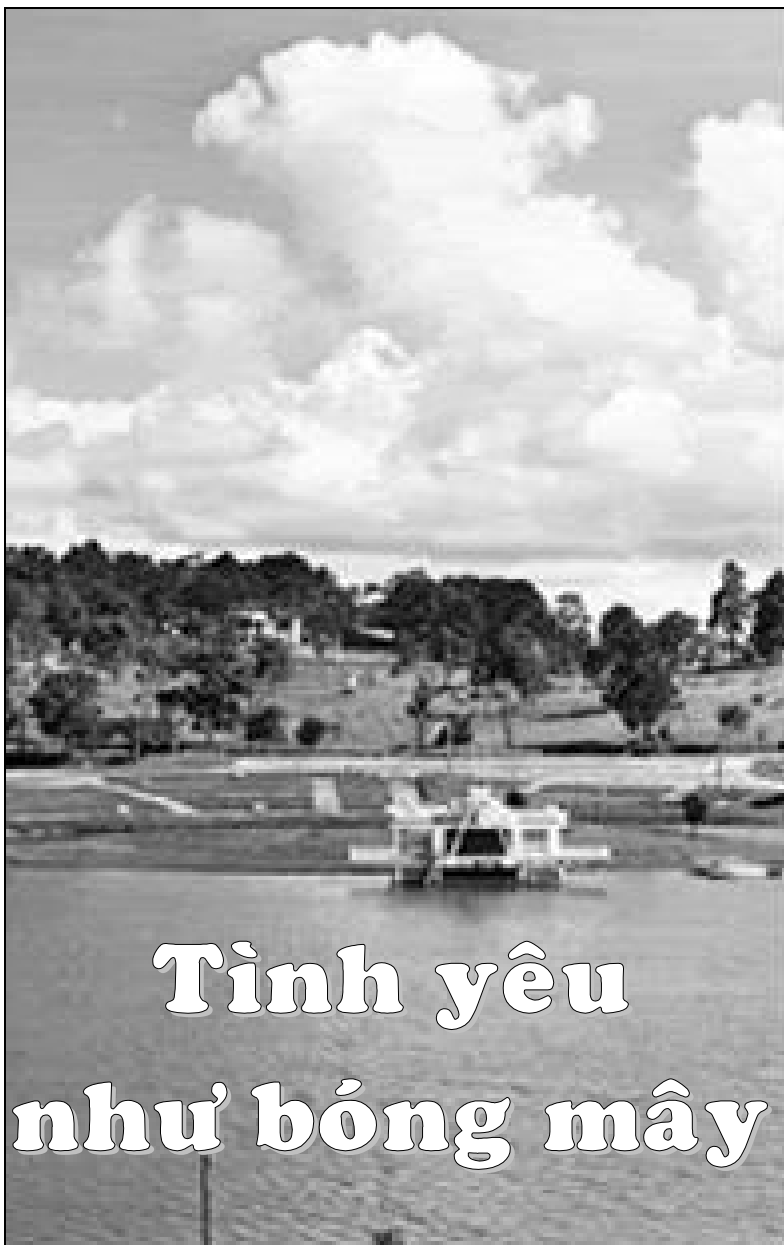
Đêm mừng 2 trôi đi một cách nặng nề. Nhà nhà xúm nhau quanh những chiếc máy thu thanh theo dõi tin tức. Nghe tiếng nói của các xướng ngôn viên đài Sài Gòn, đài Quân Đội hay những bản nhạc quân hành quen thuộc, lòng tôi cứ lịm đi, tâm tư trĩu nặng, bàng hoàng tự hỏi “Sự đổi thay đã đến rồi sao?! Sự sụp đổ như vậy đó sao?!”

Đây đó vẫn đi đùng tiếng súng, lúc lẻ tẻ, lúc từng tràng. Đêm đó một tòa nhà của Domaine de Marie bốc cháy do một bọn người tới đó cướp phá rồi thiêu hủy. Khoảng 2 giờ chiều ngày mừng 3, tại ngay bùng binh trước nhà Thủy Tạ, một nhóm thanh niên đeo băng tay đỏ (lại băng tay đỏ!) thổi còi, cầm súng, bắt các người đi xe máy dầu hai bánh phải dừng lại để họ kiểm soát. Xe nào không có giấy tờ hợp lệ là bị giữ tại chỗ. Số xe này khá nhiều và sau đó các khổ chủ mang giấy tờ tới các cơ quan tìm kiếm thì chỉ được trả lời là không biết! Rác rưởi dầy đầy khắp nơi nhất là quanh chợ, mùi xú uế nồng nặc. Thành phố vẫn vô chủ!”

Nhà giáo cho biết thêm là khoảng 3 giờ chiều lại có tiếng loa phóng thanh kêu gọi nhân dân tới khu Hòa Bình để nghe đại diện chính quyền mới nói chuyện lúc 4 giờ và mãi đến sáng mừng 6 mới có tiếng loa phát đi thông báo của một ủy ban lãnh đạo mới kêu gọi mọi người giữ gìn trật tự, và đe dọa trừng trị các phần tử phá hoại. Thế là Ủy Ban Nhân Dân Tự Quản âm thầm giải tán. Bấy giờ Đà Lạt mới hết tình trạng vô chủ.

Nhà giáo NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG vượt biển tháng 6-1977 tới Indonesia cùng vợ và con trai 27 tháng, hiện định cư tại Los Angeles, California, Hoa Kỳ từ tháng 1-1978 cho tới nay. Nhà giáo bù ngùi tâm sự vào tháng 4 năm 2015:

“Khó mà có thể quên được những kỷ niệm về thành phố cao nguyên này. Kể từ tháng 4 năm 75 đến nay thế mà thấm thoát đã 40 năm trôi rồi. Nhanh thật! Nhưng hình ảnh của Đà Lạt những ngày tháng cũ, êm đềm như nước mặt hồ, vẫn mãi in sâu trong lòng người viễn xứ. Xin gửi về Đà Lạt bao niềm thương nỗi nhớ!



**Tình yêu
như bóng mây**

Đà Lạt xưa kia giống như một thiếu nữ tuổi xuân thì, dáng đài các, đã từng làm siêu lòng biết bao nhiêu là văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ và cả nhiếp ảnh gia nữa... Thật quyến rũ. Thật đắm say. Ghé thăm Đà Lạt để rồi khi chia tay nhau lại bịn rịn.

Đà Lạt là cả một thiên đường của kỷ niệm, của hạnh phúc. Biết bao nhiêu người đã dần trải nỗi lòng nhưng nhớ về thành phố này thành những dòng hồi ký, những lời tình tự, những vãn thơ lai láng, những âm thanh, điệu nhạc thánh thót, trữ tình hay những bức tranh vẽ, những tấm ảnh chụp rất nghệ thuật... Mỗi người một vẻ... Quả thật Đà Lạt mãi mãi in đậm nét trong lòng người, nhất là những người đang sống một cuộc đời xa xứ.

KHÁNH GIANG năm 1959 viết về “Đà Lạt với du khách” đã nói:
“Bạn có sống qua những ngày lặng lẽ u buồn ở Đà Lạt, có ngắm qua những buổi hoàng hôn nhuộm đỏ cánh đời, có ngồi thu mình nhìn qua giọt mưa nặng trĩu rơi trên cửa kính, có dịp trầm ngâm cô độc say mê theo khói thuốc và hương vị tách cà phê phin đen ngòm, có lui thủi dưới làn mưa bụi về đêm, có nện gót giày đều đều trên đường phố hoang vắng, có sống qua những giờ phút trống rỗng của cuộc đời và lòng có mang ít nhiều kỷ niệm đau thương, bạn mới cảm được cái “tâm hồn” sâu xa và thấm thía của Đà Lạt. Và lúc ấy, bạn khó lòng mà rời Đà Lạt được nữa.”

Tình yêu với Đà Lạt thật muôn vẻ. Khi thì lặng lẽ như mặt nước hồ thu êm dịu hay cuồng nhiệt như những bọt nước trắng xóa của thác nước bên đèo. Khi thì giăng mắc như sương khói phủ trên khắp cánh rừng thông. Khi thì tan biến vào thinh không theo tiếng chuông chùa Linh Sơn... tiếng chuông nhà thờ Con Gà... Tình yêu vang vọng và lan đi để rồi hội nhập vào núi đồi Đà Lạt mỗi buổi sáng sớm khi mặt trời còn khuất dạng...

Phải chăng đối với những ai đã từng sinh trưởng tại Đà Lạt, hay đã có một thời gian dài sinh sống tại đây hoặc chỉ là du khách ghé thăm thành phố trong ít ngày thời Đà Lạt của những ngày tháng cũ đã để lại trong tận cùng tâm khảm con người những niềm thương nỗi nhớ sâu đậm và thiết tha... như suối nguồn tuôn chảy. Nói hoài không hết!

Sau đây chỉ thân thập và ghi lại được một phần nào cái tình cảm thương yêu và nhớ nhung đó mà thôi! Mỗi người một vẻ! Tình yêu với Đà Lạt bỗng bồng bênh như bóng mây, một thời đã hội tụ quyến luyến trên bầu trời thành phố cao nguyên thời nay lại man mác dần trải ra khắp cả bốn phương trời... Nỗi nhớ khôn nguôi!

Huyền Không

Chúng ta hãy nghe lời tâm sự của một tu sĩ Phật giáo, nhà sư HUYỀN KHÔNG (ghi trong một cuốn sách xuất bản tại Los Angeles, Hoa Kỳ, vào năm 1985):

"Tôi đến Đà Lạt vào giữa năm 1953 và tôi đã giả từ Đà Lạt để đi Tokyo cũng vào giữa năm 1960. Trong những tháng năm dài đó, hồn Đà Lạt đã len vào người tôi tự bao giờ mà tôi không hay.

Thời gian đầu tôi ở đây, Đà Lạt chẳng phải là nơi dễ dàng đến thăm. Bởi vì ngày đó, Đà Lạt là Petit Paris của người Pháp. Thành phố sạch sẽ, nhà cửa xinh xắn, dân chúng Đà Lạt ăn mặc lịch sự bốn mùa.

Trung tâm thành phố Đà Lạt có một cái hồ thơ mộng rộng mênh mông, giống như lòng người mở ra để đón tiếp bạn bè từ muôn phương tới. Những buổi chiều ấm, tôi đã thường mang chiếu ra trải dưới chòm thông trên bãi cỏ xanh nằm nhìn qua hồ Đà Lạt, qua những đồi thông, qua trường Grand Lycée Yersin, qua Hotel Grand Palace, qua những chiếc Pédalo có buồm xanh buồm hồng mà nam thanh nữ tú đang đập trên mặt hồ và qua bao nhiêu nhà cửa bên kia đồi. Cảnh trí thật đẹp, thật thơ mộng có khác gì Tây Phương đâu? Rồi nhìn lên trời xanh để thấy những tầng mây trắng từ xa lẳng đặng bay về.

Hồ Đà Lạt này, đã một thời được trang trí chung quanh bờ bằng đèn né-ông màu xanh và màu hồng. Ánh đèn chiếu xuống nước hồ làm cho cảnh trí vốn đã thơ mộng lại càng thơ mộng thêm lên...

Trước sân chùa Linh Sơn Đà Lạt có vài cây Mimosa, loại lá dài và loại lá tròn. Những đêm trăng hay những sáng sương mờ, tôi thường dạo quanh trước sân chùa. Hương của hoa Mimosa ngọt ngào và thơm dịu hiền. Một lần đi qua thành phố Ojai, nghe mùi hương của hoa Mimosa làm tôi nhớ về Đà Lạt... Tôi thích cảnh trí của chùa Linh Sơn, vì sân chùa là cả một vòng cung. Bao bọc vòng cung đó là những hoa những cỏ, điểm tô cho chùa Linh Sơn trở nên một thắng cảnh danh tiếng của thành phố này.

Đà Lạt với tôi không chỉ có chùa Linh Sơn. Thỉnh thoảng tôi đến thác Cam Ly, để hít thở không khí trong lành. Hay nhiều lúc tôi về giảng Phật Pháp một tuần cho Phật Tử Khuôn Phú Hội và tại đây hàng ngày tôi đã ôm chiếu ra thác Gougah nằm đọc sách và để nhìn màu ngũ sắc qua ánh nắng mặt trời chiếu trên những bọt nước trắng xóa như bông gòn. Tôi cũng thường dùng chân

trên đèo Prenn để nhìn sự hùng vĩ của núi rừng. Thành thạo, tôi cũng ra ngồi dưới gốc thông, nhìn xuống hồ Than Thở (Lac des Soupirs) lắng nghe tiếng nước chảy róc rách như có ai đang than thở với đất trời...

Những tháng năm sống tại Nhật, thành thạo tôi có đến các thành phố Nikko, Hakkone... Hay như ở Mỹ này, tôi đã từng ngủ lại 3 đêm tại công viên Yosemite của California. Trong đêm yên lặng, tôi đã từng nghe tất cả cái xa vắng của núi rừng để nhớ về Đà Lạt, nhớ những chòm thông của thời nào rơi rắc những phấn thông vàng để rồi có câu thơ:

“Thông xanh rải rắc phấn vàng

Nghe chẳng gió thoảng cung đàn biệt ly.”

Thơ là thơ của ngày xưa mà sao nghe chừng như của hôm nay. Xin cảm tạ Đà Lạt nghìn trùng đã sống như chưa từng chết.”

Huệ Thu

Đà Lạt là một hình ảnh bất diệt trong tận cùng tâm khảm của HUỆ THU, người con gái chào đời và lớn lên tại vùng đất này. Tiểu sử vẫn tất ghi rằng “tên thật là Bùi Thu Huệ, sinh trưởng tại Đà Lạt, định cư tại California Hoa Kỳ từ năm 1980, thích làm thơ, nuôi cá và trồng Bonsai.” Ở nước ngoài HUỆ THU luôn nhớ về chốn cũ lẫn người xưa. Bài thơ “*Còn ai gói đầu?*” (1982) đã nói lên cái tâm trạng thương nhớ khắc khoải đó:

“Ta ở bên này bạn ở đâu?

Bao nhiêu nước chảy dưới chân cầu

Đầu non mây trắng Xuân Đà Lạt

Cuối bể mù sương chuyện Bích Câu

Một thuở thanh bình thời đã tạm

Mười năm chinh chiến có gì lâu

Văn thơ gửi lại vài trang sách

Chẳng biết còn ai lấy gói đầu?”

Trong tập thơ lấy tựa đề là “*Đầu Non Mây Trắng*” (1997) ngay phần mở đầu mang tên “*Đôi lời trước sách*” HUỆ THU đã bù ngùi tâm sự:

“Thơ là tiếng nói của lòng. Tiếng nói của lòng là tiếng nhắc của kỷ niệm. Đầu Non Mây Trắng là nỗi nhớ nhung về Đà Lạt, nơi một thời mang tên Hoàng Thị, tức Hoàng Triều Cương Thổ Thị Xã Đà Lạt - quê hương Việt Nam trong thời Pháp thuộc còn chút đó!

Tôi sinh ra đời và lớn lên ở đây. Tuổi nhỏ và tuổi lớn. Đại khờ hay khôn ngoan, bây giờ chỉ còn là những dòng nước mắt!

Quê hương, bao nhiêu năm qua, lung linh trong mắt người viễn xứ. Tôi cố đơn để thấy Thơ đúng là người bạn thiết, chia buồn xẻ đau hơn ba mươi năm trong đời, xin cảm ơn Thơ.

Tôi không còn trẻ nữa. Nhưng trước khi mình mất màu hồng trên má, trước khi mình sạm nỗi buồn trên môi, tôi cần rằng nhớ về Đà Lạt một lần. Một lần là mãi mãi...

Quê người cũng như quê nhà, tôi thậm xin bao nhiêu lần cho tôi dựa lưng ở đây tưởng về cố quận. Kỷ niệm là nước mắt của tôi tuôn ra và chính tôi lau lấy cho mình. Cảm tạ trời cho tôi được khóc."

Đà Lạt trong thơ HUỆ THU thật buồn, buồn đến rã rượi, buồn ngay trong những lời thơ đầu tiên:

*"Ngày sau
chắc có bao giờ
một người con gái
tóc hờ hững buông
bỏ thành
bỏ phố lên non
kết mây trắng lại chờ buồn đi chơi..."*

Và buồn trong những đoạn thơ kế tiếp:

*"Ngày xưa
Hoàng Thị buồn tên
ai đi đâu
để mưa chìm dấu son
từ khi mưa trú trong hồn
thấy mây trên núi cứ vờn dưới chân..."*

Buồn đến tận những vần điệu cuối cùng:

*"Ngày sau
biết có bao giờ
Nước non ngàn dặm
nổi bờ đại dương
tôi về đứng lặng đầu non
chắc chi Đà Lạt... mây còn ngày xưa!"*

Trong tập thơ mang tên "*Lục bát Huệ Thu*" (1997) nổi nhưng nhớ Đà Lạt quả thật ngậm ngùi. Từ phương xa người con gái Đà Lạt gửi về chốn cũ những lời ghen ngào:

“Quê hương. Đà Lạt. Đâu rồi
câu thơ Lục Bát nghẹn lời vì sao?
hái cho ai cánh hoa đào
cầm đây thấy nắng rã màu xuân xưa
Ôi người đâu phải là thơ
mà sao nước mắt tôi chờ chực tuôn
sinh ra ở đó nên buồn
gọi tên Đà Lạt. Quê hương rã rời
Tôi rồi. Gục xuống. Ôi tôi!
câu thơ Lục Bát đem vui chôn đi
ở đây tôi chẳng còn gì
trái tim? Giọt máu? Tình si gửi về...”

HUỆ THU cũng đã có dịp trở về thăm lại Đà Lạt và ngậm ngùi viết xuống vần thơ “Về lại Đà Lạt hai mươi tám năm xa” (2008):

“Tôi về Đà Lạt nửa đêm
Vẫn con phố cũ
Vẫn đèn vàng hoe
Vẫn con đé rúc bên hè
Mấy mươi năm
Vẫn cứ nghe là buồn! ...

Tôi về Đà Lạt đêm sương
Đầu không nón đội
Khăn voan nhẹ hều
Gió nhẹ nhẹ
Gió không nhiều
Đủ cho tôi tưởng ai dìu tôi đi...

Ôi Đà Lạt thuở Xuân Thi
Mấy mươi năm chẳng thấy gì khác hơn
Vẫn rừng thông
Vẫn núi non
Vẫn nhà mái ngói mái tôle rêu mờ
Chỗ tôi về
Chỗ bài thơ
Của ai lên để khi chờ tôi qua
Mấy mươi năm
Vẫn đây mà!
Bài thơ còn vết tích là...
Bóng trăng!

Tôi về Đà Lạt lằng lằng
Hồn đang tuổi xế và Xuân đã tàn
Bánh xe ngựa chẳng còn lẩn
Quạnh hiu con dốc
Cỏ nằm đợi sương!
Mấy mươi năm chữa lạc đường
Mà sao đâu mất khu vườn tuổi thơ!
Không ai đứng đợi đứng chờ
Tôi vào nhà
Lặng lặng ngồi nhà hoang...”

HUỆ THU cũng cảm tác bài “Người về Đà Lạt, tôi về Đà Lạt”:

“Người về Đà Lạt tháng năm
Tôi về Đà Lạt hôm rằm tháng Giêng
Mỗi người đi một đường riêng
Bích Câu kỳ ngộ vô duyên, thôi đành!

Tháng Năm - nắng, núi rừng xanh
Người về chắc đứng lặng nhìn quê xưa?
Tháng Giêng - đêm có trời mưa
Tôi về nghe lạnh, không ngờ mưa Xuân

Người về, lòng có băng khuâng,
Có ai thăm hỏi chuyện gần, chuyện xa
Tôi về, cơn gió bay qua
Tháng Giêng Đà Lạt như là không quen!

Người về có tựa Lâm Viên,
Hay ngồi dưới thác Prenn ngậm ngùi?
Tôi thì nhìn Cam Ly trôi,
Bóng mây lằng đằng, bước người lang thang...

Tôi, người - ai nhĩ hoang mang,
Năm tàn cuộc chiến cũng tàn mộng mơ
Nếu còn đây những bài thơ
Là cơn nước mắt chỉ chờ chực tuôn!

Ôi Đà Lạt! Ôi Quê Hương
Về đây chi để thấy buồn rồi xa
Trạng nguyên đổ những mái nhà
Máu hay lệ hồi mưa Đà Lạt mưa?”

Lê Uyên Phương

LÊ UYÊN PHƯƠNG là bút hiệu của người nhạc sĩ ghép từ tên chung của vợ (Lê Uyên) và tên mình (Phương). Nhạc sĩ tên thật là Lê Văn Lộc (còn có tên là Lê Minh Lập). Sinh năm 1941 tại Đà Lạt. Bắt đầu viết nhạc từ năm 1960. Từ Đà Lạt nhạc sĩ đã đem một luồng gió mới đến cho âm nhạc miền Nam vào những năm mà cuộc chiến bước vào thời kỳ khốc liệt qua các bài hát song ca cùng Lê Uyên. Vượt biên và định cư tại Hoa Kỳ, ngoài âm nhạc, nhạc sĩ còn viết văn và làm thơ. Mất tại California năm 1999.

LÊ UYÊN PHƯƠNG nhớ lại quãng thời gian khi tuổi còn nhỏ:

“Vài năm trước biến động mùa thu 1945, Đà Lạt vẫn còn là một vùng đồi núi hoang vu, người ta bắt đầu mở những con đường xuyên qua các vùng cảnh trí rất xinh đẹp và cho xây hàng loạt những biệt thự dọc theo các con đường đó. Gia đình chúng tôi lúc bấy giờ sinh sống nhờ vào một cửa hàng ăn nấu cơm tháng cho những công chức lục lọi, những thầy thông, thầy phán, những ông cai công chánh làm công việc mở đường đó. Nhà hàng ăn được dựng lên giữa một vùng đồi núi bao la, nhìn xuống một thung lũng đầy mai vàng, mỗi độ xuân về, những cành hoa mai nở rộ phủ kín cả một vùng đất rộng, từ trên cao nhìn xuống, đôi lúc ta có cảm tưởng như đi lạc vào thế giới thần tiên mà bà ngoại tôi đã đôi lần kể cho nghe để ru chúng tôi vào giấc ngủ.

Hàng ngày, khi mặt trời đã lên cao và những đám sương mù đã đột ngột biến mất trên những ngọn thông xanh, mấy chị em chúng tôi dẫn nhau vào rừng để nhặt những trái thông khô nhét đầy vào chiếc bao lớn đem về để ba má tôi đốt lò nấu cơm tháng và chế những khúc ngon thật nhiều dầu để đem về đốt lên thay đèn.”

Vào cuối ngày khi gia đình quây quần bên nhau, bà chị cả của PHƯƠNG hay mang đàn mandoline ra đánh và hát. PHƯƠNG kể lại về những rung cảm đầu đời của mình với âm nhạc và kỷ niệm với “cây đàn” đầu tiên của riêng mình lúc đó, tuy “cây đàn” này chỉ là một khúc củi mà thôi:

“Giữa cái lạnh thấu tim của Đà Lạt và cái im lặng thiêng liêng của núi rừng, tiếng hát trong vắt của chị tôi đã đưa chúng tôi đến cái thế giới hết sức tinh khôi của xúc cảm... Với tâm hồn của một đứa bé mới bắt đầu cảm nhận cái thế giới vây quanh mình. Quả thật, tôi đã quá may mắn được sớm làm quen với những xúc cảm bụi ngùi như thế. Từ những đêm trăng đó, trong đời không còn

điều gì khiến tôi ao ước hơn là có một cây đàn. Suốt ngày tôi ôm mãi một khúc củ lượm được đằng sau nhà, miệng nhái tiếng đàn mandoline của chị tôi và khảy liên tu trên khúc củ đó, chị tôi đã thấy được sự ưa thích của tôi và bà đã lượm được một miếng gỗ làm nhà đểo thành hình một cây đàn, cột thêm một vài sợi dây cước dọc theo miếng gỗ. Đó là chiếc đàn đầu tiên của tôi trong đời. Ô đó cũng là tặng phẩm tuyệt diệu nhất mà tôi đã từng có được trong suốt cuộc đời tôi.”

PHƯƠNG viết tiếp: “Hình như trong trí nhớ của mỗi người đều có một con đường... một con đường vẫn thường trở lại trong giấc ngủ của ta và đánh thức trong ta biết bao nhiêu điều mơ mộng. Tôi đã có một con đường như thế và với một sự tình cờ kỳ thú, con đường này đã nối liền hai trái tim tuyệt vời nhất của Đà Lạt: Hồ Xuân Hương và Hồ Than Thở.”

Trên con đường đó PHƯƠNG thường cùng một người anh họ tên là Bửu Ân và một người bạn nữa đạp xe từ hồ Xuân Hương xuống ga Đà Lạt, qua Saint Benois rồi tiến đến hồ Than Thở rong chơi. Trong thời điểm này có một kỷ niệm khó quên về cây đàn guitare đầu tiên, một cây đàn thật, mà người bạn tên là Bảo bỏ tiền ra mua và PHƯƠNG chỉ đi theo mà thôi. PHƯƠNG viết:

“Chiều ngày hôm sau, một buổi chiều êm ả như mọi buổi chiều ở Đà Lạt, nhưng ba đưa chúng tôi trong lòng như mở hội, tôi nghĩ đến cây đàn sắp được nhìn tận mắt, sắp được ôm tận tay mà không thể nào nén được niềm vui thích, trên con đường đi đến tiệm đàn nằm ở đầu dốc Duy Tân chúng tôi thêu dệt không biết bao nhiêu điều về cây đàn sắp có. Bảo đưa cho cô chủ tiệm mấy trăm bạc và chỉ một cây đàn guitare màu vàng sẫm treo trên quầy hàng, tôi không tin được mắt mình nữa. Ôi! không có một vật gì làm tôi xao xuyến hơn cây đàn guitare màu vàng lúc đó, mọi sự đều quá tuyệt diệu đối với tôi.”

Mua đàn xong, cả nhóm mang đàn lên đồi cao. Người anh họ của PHƯƠNG là Bửu Ân thử đàn và PHƯƠNG viết:

“...những âm thanh của 6 sợi dây buông bổng vang lên và từ trong không gian đầy màu xanh của cây cỏ, núi đồi, của tiếng suối reo, của hơi gió thoảng... và từ trong cái thời gian của những cây bông mai vàng, của những đêm trăng sáng, của những núi rừng lạnh lẽo xa xôi... tất cả đã khơi dậy trong trái tim tôi một niềm hạnh phúc vừa xa lạ vừa quen thuộc biết bao. Những âm thanh vụng về đó của sáu sợi dây buông đã thực sự đánh thức những hoài bão trong tôi, những âm thanh đó đã thực sự giúp tôi tìm thấy

con đường của mình...”

Một ngày khác, buổi chiều, khi ngồi trên đồi Đà Lạt bất ngờ nghe được những âm thanh phát ra từ cái loa phóng thanh của hội chợ gần đó PHƯƠNG viết:

“Ôi! Hạnh phúc biết bao, con người đã tạo nên được những âm thanh kỳ diệu như thế. Từ đó, tôi bắt đầu có thói quen nhận thức thế giới chung quanh tôi qua cái “nghe” của những âm thanh của buổi chiều hôm đó. Tôi nghe bầu trời, tôi nghe cây cỏ, núi đồi, tôi nghe xúc động trong tôi, tôi nghe xúc động trong người cùng lúc với những gì tôi nhìn thấy chúng.”

Vài năm sau khi dọn nhà ra ở trên một con đường gần Viện Đại Học PHƯƠNG thường được một người bạn trẻ nhà hàng xóm rủ chui hàng rào qua nghe nhạc phát ra từ một cái radio vịn nhỏ âm thanh. PHƯƠNG ghi lại tâm tình của mình:

“Nhạc Jazz đã đến với tôi trong cái tiếng thì thầm kỳ lạ của chiếc máy, trong khi tim tôi muốn bút tung ra dưới cái sức ép mãnh liệt của cảm xúc trong tôi... Điều tôi mê say là những tiết điệu của nó, tiết điệu nhịp nhàng của trái tim con người bên cạnh những buông thả của hơi thở, của cảm xúc con người thể hiện qua tiếng kèn đồng nóng bỏng...”

Thời gian qua, đã trăm ngàn lần tôi được nghe mọi loại âm nhạc của loài người, từ một chiếc cassette rẻ tiền cho đến một giàn máy vô cùng đắt giá, tôi đã dự những buổi hòa nhạc với vài chục người cho đến những buổi hòa nhạc với hàng chục ngàn khán giả, tôi đã đi khắp nơi, đã nghe mọi loại nhạc trong mọi khung cảnh trên mặt đất này. Nhưng đôi môi nóng bỏng của âm nhạc đã hôn lên con tim tôi trong những ngày thơ ấu ở cái vùng đất kỳ diệu xa xôi đó, quả thật đã như những con dấu in đậm nét trên định mệnh tôi.”

Tại nước ngoài về sau này LÊ UYÊN PHƯƠNG viết một tập truyện và tùy bút với tiêu đề *“Không có mây trên thành phố Los Angeles”*. Một lúc nào đó, nhìn ra ngoài ô cửa, nhạc sĩ đã trông thấy bầu trời không gợn một chút mây nơi thành phố mình hiện đang sống, thật khác hẳn với Đà Lạt, cái *“thành phố nhỏ nhoi đầy mây trắng và sương mù”* rất xa xôi trong trí tưởng của mình. Cái thành phố đầy áp kỷ niệm ấy vẫn luôn luôn ở một góc nào đó trong trái tim nhạc sĩ... Trong những dòng chữ viết xuống luôn luôn thấp thoáng những nỗi niềm hoài niệm quá khứ: *“Lúc đó hẳn đang nhìn lên bầu trời của thành phố Los Angeles và chợt nhận ra*

là chưa bao giờ hẳn nhìn thấy những đám mây trắng bay lượn trên đó như hẳn đã luôn luôn nhìn thấy những đám mây trắng bay lượn trên thành phố nhỏ thân thuộc xa xôi của hẳn...”

Đó là thành phố với “những quán cà phê, những vũ trường, những thung lũng, những hồ, những đồi, những thác, những con đường dốc, những hàng thông xanh, những cánh đồng đầy hoa vàng, những con đường ngoằn ngoèo len lỏi giữa các biệt thự yên lặng, bí mật, trữ tình”. Đó chính là cái “thành phố đầy mây trắng và sương mù của hơn hai mươi năm về trước”.

PHƯƠNG tâm sự:

“... không thể nào quên được những đêm thật tuyệt vời của Đà Lạt vào những năm của thập niên 60. Chúng tôi, như phần đông những người trẻ lúc đó, thường hay la cà khắp các quán cà phê ở Đà Lạt, nhất là cà phê Tùng gần chợ Hoà Bình. Cái phòng vuông vức với những hàng ghế liền bọc plastic đỏ, những chiếc bàn thật thấp, trên tường có một bức tranh lớn vẽ một người chơi guitar theo lối nửa lập thể, nửa ấn tượng, và cái không gian đầy khói thuốc trộn lẫn với âm nhạc nhẹ phát ra từ chiếc loa không lớn lắm đặt trên cao, tất cả đã trở thành một thứ ma túy đối với chúng tôi.

...Những quán cà phê lúc bấy giờ đã thực sự trở thành cái nhà của chúng tôi, ngoài giờ đi làm, đi học ra, quán cà phê là nơi chúng tôi thường xuyên có mặt, bất kể ngày đêm, ở đó chúng tôi có thể tìm gặp những người hiểu được mình và có thể thổ lộ mọi điều riêng tư mà không ai phàn nàn gì cả...”

NGUYỄN MẠNH TRINH cũng có những kỷ niệm của riêng mình với thành phố cao nguyên, vẫn nhớ cảnh, nhớ người, nên tâm sự rằng:

“Tự nhiên, khi nghe nhạc Lê Uyên Phương, tôi lại nhớ về Đà Lạt. Thành phố ấy, những giấc mơ thanh xuân, những ước vọng tuổi trẻ. Tôi tưởng tượng như khi mình đang sống giữa thành phố sương mù. Con đường rào rạt tiếng thông reo của những bình minh vừa ửng hồng. Giữa cái trong veo của thiên nhiên, thấy lòng trải ra những kỷ niệm. Xuống con dốc, qua chợ Hòa Bình, đến thung lũng thấp hơn, khu Hồ Xuân Hương, bến xe. Leo lên con dốc nữa, Nhà thờ Con Gà... Những cảnh gợi nhớ đến người, có lẽ hoài hoài trong trí nhớ... Không có Đà Lạt với rừng thông, với mây trời, không có những bãi cỏ xanh ngút ngàn mộng mênh, không có những con dốc đầy hoa, chắc sẽ không có những ca khúc độc đáo mang tên Lê Uyên Phương...”

“Viết về Đà Lạt, nhạc sĩ như người trở về thánh địa xưa của

mình, của hồi ức mang mang, của những phút giây chẳng thể nào quên được.” ... “Thật kỳ lạ, dường như nhạc của Phương phải để cho Lê Uyên hát. Giọng hát hơi khan có pha ma túy của mẹ đắm tình yêu khiến sự giao cảm thành giác quan rung động. Những nốt láy, những dấu nhấn, những lên cao và xuống thấp thành oà vỡ cảm nhận đến độ rợn người lúc ấy.”

NGUYỄN MẠNH TRINH thăm nhủ:

“Anh Lộc, bây giờ chắc anh gần gũi lắm với suối nhạc của Bach, của Strauss, của Schubert, của Beethoven... Có khi nào anh trở về, ngồi lại và ghé thăm ngọn đồi thấp gần trường tiểu học thị xã “trước mặt là con đường dốc dẫn xuống Hồ Xuân Hương, dọc hai bên đường những cây mai hồng đang nở rộ, trông như những khóm bông gòn màu hồng nhạt lúc nào cũng tưởng chừng như sắp rời ra từng mảnh nhỏ dưới cơn gió chiều hiu hiu của Đà Lạt?”

Còn NGUYỄN XUÂN THIỆP thời viết chi tiết hơn về mối giao hảo của mình với Lê Uyên Phương:

“Thật vậy, nói tới Đà Lạt mà không nhắc tới Lê Uyên Phương, là một điều thiếu sót lớn. Lê Uyên Phương mới là người Đà Lạt chính gốc. Ngôi nhà của cha mẹ anh, ở đường Võ Tấn, sau này là quán Lục Huyền Cẩm nổi tiếng. Anh trải qua thời thơ ấu và cả những ngày thanh xuân đẹp nhất ở thành phố trên cao này. Tình yêu của anh và Lê Uyên nở và đã mãi khai tại đây. Anh viết những ca khúc hay nhất cũng trong thành phố này.

Tôi quen, rồi chơi thân với Lê Uyên Phương khoảng năm 1967, không còn nhớ là vào dịp nào nữa. Tại cà phê Tùng hay Đài Phát Thanh hay trong một buổi họp mặt nào. Không thể nhớ ra. Nhưng tôi không quên, và sẽ không bao giờ quên, hình ảnh của Lê Uyên và Phương. Ban Máy Cao Nguyên của Lê Uyên Phương thời đó là ban nhạc duy nhất ở Đà Lạt...

Lê Uyên hồi đó hát với tên Cẩm Thúy thật dễ thương. Các bạn của tôi hát là để cho vui thôi, chứ chưa có ý định hay tham vọng gì rõ rệt. Một lần Lê Uyên và Phương hát ở Nhân Văn. Tại đây, lần đầu tiên Trịnh Công Sơn được nghe nhạc Lê Uyên Phương. Đùng một cái, như trong cổ tích, Lê Uyên và Phương về Sài Gòn hát và nổi tiếng ghê gớm từ đó. Những năm trôi qua, ánh lửa phù hoa danh vọng dần dịu xuống, Lê Uyên Phương trở về Đà Lạt mở quán Lục Huyền Cẩm, như đã nói ở trên. Đây là nơi nuôi dưỡng tiếng hát của Lê Uyên và các ca khúc của Phương. Và đây cũng là nơi gặp gỡ, sinh hoạt của bạn bè nghệ sĩ khắp nơi.”

Bích Đào và Nina

BÍCH ĐÀO, một người chị gái của Lê Uyên Phương, viết về kỷ niệm của mình với Phương trong những ngày tháng cũ tại Đà Lạt:

"Vào thời gian ấy, chúng tôi sống trong một ngôi nhà nhỏ xinh xinh dưới chân đồi Dalat, ngôi nhà đã được phủ kín đầy hoa..."

Mặc dầu nhìn bên ngoài ngôi nhà có vẻ trầm lặng như vậy nhưng bên trong thì thật tung bừng, rộn ràng vô cùng! Lúc ấy trong nhà còn lại bốn chị em chúng tôi, ba cô và một cậu. Ba cô ấy gồm Hồng Mai, Tuyết Lan và tôi và một cậu là Lộc (lúc đi hát lấy tên là Lê Uyên Phương). Chúng tôi sống với nhau trong một không khí tươi vui và thoải mái vô cùng..."

Lộc đã thích đàn, thích hát từ lúc mới hai ba tuổi, hình ảnh Lộc ngồi bên cửa ôm một thanh củi nhỏ, mắt nhắm lại tay gảy liên tục vào cây đàn gỗ tưởng tượng, miệng hát ê a... là hình ảnh đáng yêu nhất làm mẹ tôi cứ nhắc mãi theo tháng năm... Sau khi đi học được ít lâu, mẹ tôi đã mua cho Lộc một cây đàn Mandoline, Lộc rất mừng khi có được cây đàn như ước mơ! Nhưng được ít lâu, cây đàn ấy chỉ được treo ở vách tường, Lộc nói với mẹ tôi:

- Má ơi! Má mua cho con một cây guitare, được không má? Má biết không? Ban hợp ca trường con rất cần một cây guitare để đệm, chớ cứ nhìn ban hợp ca phải nhìn tay thầy trưởng ban văn nghệ mà hát con chịu không được má à!"

BÍCH ĐÀO kể tiếp:

"Mẹ tôi phân vân... nhưng khi suy nghĩ kỹ lại, mẹ tôi nhận thấy học chữ cũng như học nhạc phải học từ lúc đầu óc còn trắng tinh còn non trẻ không vướng bận lo âu... nếu bây giờ không học rồi thời gian sẽ qua đi, không bao giờ học được!... Cho nên mẹ tôi đã đồng ý, bà đi mua cho Lộc một cây đàn kha khá và tìm một ông thầy dạy đàn cho Lộc, chẳng bao lâu Lộc là trưởng ban văn nghệ của nhà trường, bắt đầu chúng tôi cũng tập hát suốt ngày, và Lộc cũng bắt đầu trầm ngâm, lặng lẽ tìm ý nhạc"..."

BÍCH ĐÀO kể tiếp là cả nhóm được mời đi hát tại đài phát thanh Đà Lạt, ban thanh niên Đà Lạt, ban sinh viên học sinh Đà Lạt, gia đình Phật Tử, các ban cứu trợ v.v... Đôi khi cả nhóm:

"...đi vòng theo con đường bờ hồ, rồi leo lên một ngọn đồi thanh vắng, ngồi đó để hít thở không khí trong lành, lắng nghe thông reo vi vu... Nơi đây chúng tôi cảm thấy thanh thản vô cùng!"

Cả nhóm có cái thú vui thật sảng khoái:

“Chúng tôi mãi mê hát ca cho đến khi hoàng hôn tắt dần, chúng tôi mới thong dong lần bước về nhà... Cũng có khi chúng tôi đi chơi xa hơn, đến thác Camly, xuống hồ Than Thở... Trong khi ấy phố phường Dalat vui tươi và đẹp đẽ không thể nào kể xiết!... Nam thanh nữ tú hình như đều đi ra phố, phải nói là nếu muốn gặp ai hoặc muốn nhìn ai thì cứ đi ra phố... Trên các con đường thân quen Phan Đình Phùng, Duy Tân, con đường đi xuống bờ hồ đều tấp nập người lên xuống, quang cảnh thật tươi vui và lôi cuốn vô cùng!... Nhưng lúc ấy chúng tôi lại có cái thế giới riêng của chúng tôi.”

BÍCH ĐÀO kể lại về mối tình của nhạc sĩ em mình và Lê Uyên trong buổi ban đầu:

“...trước ngôi nhà gạch ấy có một cô gái thật trẻ, tôi đoán khoảng chừng mười lăm mười sáu tuổi. Nàng ấy thật mảnh mai! Có một mái tóc dài, lại được buộc ra phía sau bằng một chiếc khăn xanh mỏng manh trông thật dễ thương! Tuy nàng Kiều đứng ở xa, chúng tôi vẫn nhận rõ nàng có một khuôn mặt trái soan đẹp như trong tranh Tàu... Đó là hình ảnh của người đẹp Lê Uyên khi nàng mới lên Dalat học, rồi họ quen nhau cũng rất dễ dàng, rất tự nhiên như trời đất sinh họ ra là để họ gặp nhau, yêu nhau theo lời ca tiếng nhạc... Lê Uyên đã hát những bản nhạc của Phương như những lời tâm sự mà Phương đang muốn trang trải ra với tất cả chúng ta, tiếng đàn của Phương như ôm trọn như chan hòa theo tiếng hát của Lê Uyên... Rồi đôi chim trời đã cùng nhau chấp cánh xa bay vào chân trời âm nhạc, nơi đó họ đã được đón mời như một loài chim quý.”

Để kết thúc bài viết về Lê Uyên Phương, BÍCH ĐÀO tâm sự:

“Năm nay 1999, giữa lúc chớm thu, tôi ngồi ghi lại những kỷ niệm của gia đình và thương nhớ Lộc” ... “Cầu xin cho linh hồn em được thong dong ở một cõi xa xôi, không còn đau đớn, không còn hận thù, không còn những tự hiềm nhỏ nhen. Lộc ơi, một ngày nào đó tất cả chị em mình rồi sẽ gặp lại nhau, em sẽ hát, sẽ đàn, cây đàn guitare kết bằng hoa cúc trắng các bạn đã mang đến cho em ngày tiễn em về với đất, tất cả sẽ yêu thương em, chúng ta sẽ gặp lại và sẽ cùng hát những ca khúc thật hay, thật lạ của em cho tình không.”

Cuộc sống con người quả thật “vô thường”. Sau khi viết những lời trên, chỉ 8 năm sau BÍCH ĐÀO cũng lại đã già từ nhân thế tại

Virginia, Hoa Kỳ. Di thể được hỏa táng và tro cốt được gửi vào chùa trong một thời gian ngắn. Mùa Phật Đản năm 2008 tro cốt này đã được thân nhân đem trải xuống vịnh Chesapeake, cửa sông Potomac (USA) tuôn ra biển khơi..

NINA, cô em gái Lê Uyên Phương, nhắc lại những kỷ niệm thân thương thời trước với anh mình trong khung cảnh Đà Lạt nhân một đêm đi xem hội chợ tại Domaine de Marie:

“Trong gia đình, anh là người con trai độc nhất với ba chị và hai em gái, anh rất thương các em, đi chơi đâu anh cũng dẫn theo các em cùng đi. Tôi còn nhớ vào một đêm cuối đông năm 1965, trời Đà Lạt thật lạnh, đầy sao và nhiều gió, ba anh em chúng tôi co ro trong chiếc áo ấm vừa đi, vừa chạy lên xem hội chợ ở Domaine de Marie, đó là một trường nữ do các Ma Soeur hướng dẫn, được xây trên một ngọn đồi thật đẹp của Đà Lạt, ở đây thường hay tổ chức hội chợ vào dịp lễ Giáng Sinh. Những chiếc đèn hoa đăng được thắp sáng trong tay các nữ sinh váy xanh, tóc ngắn hoa cài đã gây xúc động tạo nguồn cảm hứng cho anh.

Trên đường về, anh đã ngân nga ý nhạc của ca khúc sắp thành hình và trong vòng nửa tiếng đồng hồ sau anh sang phòng chúng tôi và nói đã viết xong ca khúc “Đêm Chợ Phiên Mùa Đông” với lời lẽ và âm điệu nhẹ nhàng thanh thoát như tâm hồn trong sáng của anh.

Thời gian trôi qua, đến năm mười tám tuổi, lần đầu tiên xa nhà lên Pleiku dạy học. Với khung cảnh hoang dã, vắng vẻ của vùng ngoại ô thành phố Pleiku, anh đã viết ca khúc “Buồn Đến Bao Giờ” rồi tiếp tục là những sáng tác gợi hứng bởi những mối tình nhẹ nhàng thoáng qua, như bài “Nỗi Buồn Dâng Hiến, Kỷ Niệm Trong Chiều, Bài Ca Hạnh Ngộ”... Cho đến khi trở lại Đà Lạt gặp chị Lê Uyên với mối tình say đắm đầy trắc trở của hai gia đình, và trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt của đất nước, sự sống chết xảy ra hằng ngày, anh đã liên tục viết nhiều ca khúc được nhiều người biết đến như: “Tình Khúc Cho Em, Cho Lần Cuối, Lời Gọi Chân Mây, Hỡi Ngồi Xuống Đây, Vũng Lầy Của Chúng Ta.”

Sau khi nói đến cảm hứng sáng tác nhạc rất bén nhạy của anh mình NINA đưa ra nhận xét thêm về sự kết hợp hài hoà giữa cặp Lê Uyên và Phương khi trình diễn và đã nổi tiếng một thời:

“Với khả năng sáng tác phong phú luôn luôn đổi mới trong mỗi ca khúc cộng thêm tiếng đàn lục huyền cầm chau chuốt và giọng ca phụ họa đầy tình cảm của anh đã làm thăng hoa thêm tiếng hát trữ tình của chị Lê Uyên, đã lôi cuốn người nghe với nỗi xúc động

của mỗi lời ca, ý nhạc mỗi khi anh chị Lê Uyên Phương cùng trình diễn. Sau khi lập gia đình với chị Uyên, anh vẫn tiếp tục sáng tác những ca khúc như: “Yêu Trong Phận Người, Đàng Mù Hạ Trên Cao, Uống Nước Bên Bờ Suối, Trên Da Tình Yêu...”

Khánh Ly

Giọng ca của KHÁNH LY một thời vang vọng trong các phòng trà của thành phố Đà Lạt và nay mãi còn âm hưởng trong lòng người. Hãy nghe kể một chút về tiểu sử của KHÁNH LY, nhất là cuộc gặp gỡ đầu tiên với Trịnh Công Sơn:

“Năm 1954, lúc 9 tuổi - trước khi theo mẹ di cư vào Nam - trong một Kermesse được tổ chức ở Hà Nội, Khánh Ly đã leo lên sân khấu tham dự cuộc thi hát được dựng lên theo kiểu tuyển lựa ca sĩ bảy giờ. Ngày ấy, bé Lệ Mai hát bài “Thơ Ngây” học lóm từ những cửa hàng trên con phố Hàng Bông, nhưng bé không được giải gì cả.

Cuối năm 1956, dù mới khoảng 11-12 tuổi nhưng với niềm đam mê ca hát có được từ bé, một lần nữa Lệ Mai quyết định đi thi hát. Lệ Mai chuẩn bị đến với cuộc thi quan trọng của mình bằng cuộc quá giang xe rau chở bắp cải đi từ Đà Lạt về Sài Gòn để ghi danh dự buổi tuyển lựa ca sĩ nhi đồng do đài Pháp-Á tổ chức tại rạp Norodom. Em bé Lệ Mai hát bài “Ngày Trở Về” của nhạc sĩ Phạm Duy và đoạt giải nhì, sau thân đồng Quốc Thắng.

Năm 1962, Khánh Ly thật sự bước vào cuộc đời ca hát của mình. Cô bắt đầu trình diễn ở phòng trà Anh Vũ trên đường Bùi Viện, Sài Gòn. Khoảng cuối năm 1962, Khánh Ly rời Sài Gòn lên hát cho một Night Club ở Đà Lạt và cô ở lại đó suốt 6 năm.

Năm 1964, tại Đà Lạt, Khánh Ly gặp một người nhạc sĩ nghèo. Anh đến với cô bình thân như con mưa dầm của Đà Lạt vào đêm hôm đó. Qua vài câu chuyện, cô và nhạc sĩ trở thành hai người bạn. Người bạn ấy không ai khác, đó là nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Rất nhiều lần Trịnh Công Sơn đề nghị Khánh Ly về Sài Gòn đi hát với ông nhưng cô đều từ chối bởi cô yêu Đà Lạt, sự yên tĩnh thanh bình của Đà Lạt đã quyến luyến bước chân cô, không như Sài Gòn vốn đông người và luôn nhộn nhịp. Nhưng nếu tin vào định mệnh thì cuộc gặp gỡ của Khánh Ly và Trịnh Công Sơn tuy bình thân, giản dị là thế song đã trở thành định mệnh của cuộc đời Khánh Ly, là khoảnh khắc lịch sử không riêng của Khánh Ly mà còn của nền âm nhạc nước nhà.

Bởi vì đã gọi là định mệnh cho nên đến năm 1967, như một sự tình cờ, Khánh Ly gặp lại nhạc sĩ Trịnh Công Sơn giữa giòng người đi lại trên đường Lê Thánh Tôn, Sài Gòn, vào một buổi chiều êm ả. Từ một đêm mưa của Đà Lạt đến một buổi chiều trên đường phố Sài Gòn, tất cả đã bắt đầu. Ngay chiều ấy, trên nền gạch đỏ nát có một quán lá sơ sài được dựng lên với cái tên là Quán Vãn. Ca sĩ Khánh Ly bắt đầu hát với nhạc sĩ Trịnh Công Sơn tại đây.”

TRINH CÔNG SƠN kể:

“Gặp gỡ ca sĩ Khánh Ly là một may mắn tình cờ, không phải riêng cho tôi mà còn cho cả Khánh Ly. Lúc gặp Khánh Ly đang hát ở Đà Lạt, lúc đó Khánh Ly chưa nổi tiếng nhưng tôi nghe qua giọng hát thấy phù hợp với những bài hát của mình đang viết và lúc đó tôi chưa tìm ra ca sĩ nào ngoài Khánh Ly. Tôi đã mời Khánh Ly hát và rõ ràng giọng hát của Khánh Ly rất hợp với những bài hát của mình. Từ lúc đó Khánh Ly chỉ hát nhạc của tôi mà không hát nhạc người khác nữa. Đó cũng là lý do cho phép mình tập trung viết cho giọng hát đó và từ đó Khánh Ly không thể tách rời những bài hát của tôi cũng như những bài hát của tôi không thể thiếu Khánh Ly”.

Còn KHÁNH LY kể lại giai đoạn cơ cực đói khổ nhưng đầy hạnh phúc những năm 60 ấy:

“Thực sự tôi rất mê hát. Không mê hát thì tôi không có đủ can đảm để đi hát với anh Sơn mười năm mà không có đồng xu, cúc bạc nào, phải chịu đói, chịu khổ, chịu nghèo, không cần biết đến ngày mai, không cần biết tới ai cả, mà chỉ cảm thấy mình thực là hạnh phúc, cảm thấy mình sống khi mình được hát những tình khúc của Trịnh Công Sơn”...

KHÁNH LY gắn bó nhiều với Đà Lạt. Người ca sĩ tâm sự trong một bài viết ghi tháng 4 năm 1985 như sau:

“Đà Lạt không xa lạ lắm với tôi, 1956 bố tôi làm việc tại thành phố này, từ khu Chi Lăng, mỗi ngày tôi đi bộ đến trường Phan Chu Trinh nằm ngay ngã tư đường Nguyễn Du và Trần Hưng Đạo. Trò chơi thuở nhỏ của tôi là chui vào những bụi rậm hái hoa hoặc men theo ven hồ Chi Lăng mò ốc. Về đến nhà thì chui vào cái rãnh nhỏ quanh nhà, đắp đất trồng rau. Tôi không có búp bê, không có những cuốn sách hình, không có bạn. Tôi sống lẻ loi một mình, lẻ loi chơi một mình. Đây mặc cảm ở cái tuổi 12. Gia đình tôi ở Đà Lạt một năm, lại trở lại Sài Gòn. Nhưng cái thành phố núi đồi

trùng điệp, những buổi sáng sương mù rét mướt lội bộ đến trường, co ro trong chiếc áo len, đã nằm gọn trong khối óc bé nhỏ của tôi. Do đó khi bà chủ Night Club Đà Lạt về Sài Gòn tìm ca sĩ lên hát cho nhà hàng của bà, tôi đã không ngần ngại nhận lời.

Lúc đó tôi chưa được xem là ca sĩ. Chỉ mới là mầm non có cũng được không có cũng chẳng sao...

Một ngày tháng 11-1962, tôi rời Sài Gòn. Chiếc xe đồ Minh Trung đưa tôi lên vùng Cao Nguyên Đà Lạt thơ mộng nơi mà mọi người vẫn xưng tụng là Hoàng Triều cương thổ. Cùng đi với tôi là nữ ca sĩ Ngân Hà và bà chủ Night Club Đà Lạt. Năm đó tôi 17 tuổi.”

KHÁNH LY bày tỏ lòng quyến luyến Đà Lạt của chính mình:

“Đến Đà Lạt rồi tôi không còn nhìn thấy chỗ nào đáng yêu bằng, dù sau đó, tôi phải rời xa. Cho nên bạn tôi, ông Kiêm Thêm, chủ tịch Đà Lạt thường nói đó là thiên đường lỡ. Năm 1967 tôi về Sài Gòn đi lêu bêu, gặp lại Trịnh Công Sơn. Nhờ Diễm Xưa, tôi được sự yêu mến. Bằng những bài hát của Sơn tôi đi qua rất nhiều nơi mà lòng vẫn không quên Đà Lạt.

Cái mơ ước một ngày được trở lại thành phố này, trở lại và sẽ ở lại, vẫn ngày đêm thôi thúc trong tôi. Một căn nhà nhỏ bằng gỗ, một khu vườn nhỏ xanh rờn bóng trúc bao quanh, một gốc đào, một gốc ngọc lan, một giàn thiên lý và một người yêu tôi. Rồi có nhắm mắt xuôi tay, lòng tôi cũng bình thản.

Vào những năm chiến tranh khốc liệt nhất, tôi trở lại Đà Lạt đôi lần hát ở quán Lục Huyền Cẩm đường Võ Tánh, hát ở Viện Đại Học Đà Lạt. Tôi trở lại Đà Lạt như người Đà Lạt trở về Đà Lạt, ngồi uống café ở nhà Thủy Tạ mà lòng đầy những ngậm ngùi. Đà Lạt có nhiều thay đổi, phải là những người yêu Đà Lạt lắm mới cảm nhận được điều đó.

Nhà hàng Night Club từ Lý Thái Tổ, dời ra Hotel du Parc, rồi bị cháy vào một đêm mừng 5 Tết, thêm một lần di chuyển lên lầu trên của ciné Ngọc Lan đường Thành Thái. Thêm cái dancing Tulipe Rouge nằm bên cạnh chợ Hòa Bình, tôi cũng có dịp cộng tác một thời gian, cho tới lúc tôi rời Đà Lạt. Sau này chỉ còn một dancing duy nhất nằm trong khách sạn Duy Tân. Tôi ở tại đây khi lên hát cho Lục Huyền Cẩm.

Lần sau cùng, tôi lên Đà Lạt vào tháng 11-1974. Đường bị cắt ngang Rừng Lát. Tôi phải quay về với bao nỗi tiếc thương... Khi nghe tin Đà Lạt bị chiếm giữ. Tôi đau đớn như người bị trúng thương...

Vết thương dù có lành, tự nó cũng là một vết thương, đã một lần làm ta đau đớn. Tôi vẫn ôm mơ ước về một Đà Lạt của tôi dù đã có những con đường phai mờ trong tâm tưởng... Mười ngàn cái hồ ở Minnesota, sáu ngàn cái hồ ở Florida, không đủ sức làm tôi rung động, như ngày xưa mỗi lần xe Minh Trung chạy ngang hồ Xuân Hương để về bến. Tôi có khó tánh quá không? Tôi có bảo thủ quá không? Tôi nghĩ rằng không và tôi còn nghĩ rằng tất cả những ai đã từng ghé Đà Lạt, bây giờ dù ở xa, quá xa quê hương, cũng đều cùng một ý nghĩ như tôi. Bởi Đà Lạt cũng là Việt Nam và chúng ta chỉ có một nơi để nghĩ tới, một chốn để mơ về đó là Việt Nam, mà ở đó có Đà Lạt. Niềm mơ dấu yêu của riêng tôi.”

KHÁNH LY, hơn một chục năm sau đó, vào tháng 10 năm 1998, lại viết thêm về thời gian khi mới lên ở tại Đà Lạt:

“Tôi bắt đầu đi học lại ở trường tiểu học Phan Chu Trinh. Ngôi trường nhỏ nằm ngay tại ngã tư tôi không còn nhớ tên đường... Dẫu ít khi được cho đi chơi phố, nhưng những khoảng đất rộng đầy hoa dại và những loại giấy leo lúc nào cũng thơm ngát mùi gỗ thông và con đường đất nhỏ dẫn tới Hồ Chi Lăng đã là một quyến rũ khiến cho đến bây giờ, mấy chục năm trôi qua, lòng tôi vẫn xao xuyến bồi hồi mỗi khi có ai nhắc tới Đà Lạt...”

Tôi bỏ nhà đi hoang lần thứ nhất là năm 1956 ở Đà Lạt. Tôi không còn nhớ vì sao tôi có đủ can đảm mở lời xin đi nhờ một chiếc xe chở bắp cải về Sài Gòn dự thi tuyển lựa ca sĩ Nhi Đồng. Tôi cũng không nhớ đã nhờ ai ghi danh bài Từ Giã Kinh Thành của Châu Kỳ. Ban tổ chức từ chối vì bài hát của người lớn, không hợp với tuổi của tôi. Thế là tôi đổi qua bài Ngày Trở Về của Phạm Duy. Tôi mặc quần soọc trắng, áo sơ-mi carô. Nhận được giải nhì, tôi lại xin chiếc xe đã chở tôi từ Đà Lạt cho tôi quá giang một lần nữa.

Bác Tuất gái là chị ruột của mẹ tôi, bà thương tôi, ôm tôi và nói... Tôi nghiệp, mày về là chết đờn con ạ... mà quả thật như vậy. Đây là trận đờn thứ nhất tôi lãnh chịu trước cái nhìn kinh hoàng của anh chị tôi... Tôi không khóc lúc những ngọn roi tới tấp quất xuống mình nhưng sau đó, tôi trốn ra Hồ Chi Lăng ngồi khóc một mình. Không phải vì đau mà vì tôi đã bước được bước chân thứ nhất vào định mệnh của tôi.

Năm 1962, trong một lúc bơ vơ thiếu thốn, khổ sở trăm bề. Tôi nghĩ đến Đà Lạt. Ngày còn men theo Hồ Chi Lăng mò những con ốc nhỏ xíu, tôi cũng nhỏ nhoi như thế. Lần này trở lại Đà Lạt, tôi không còn là một cô bé, tôi đã là một thiếu phụ. Tôi đã hết ngày

thơ, không gia đình, không bạn bè, tôi tự bước đi trong đời bằng chính đôi chân của mình. Không khởi đi từ Sài Gòn mà ở ngay nơi thành phố nhỏ bé, thơ mộng, hiền như nước mưa. Đà Lạt hợp với nhạc của Đoàn Chuẩn-Từ Linh, của Tô Vũ, của Biệt Ly, của Lá Đổ Muôn Chiều, của Anh Đến Thăm Em Một Chiều Mưa, của Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay, của Lá Thu... Đà Lạt là nơi người ta dễ đến gần nhau, dễ yêu nhau và cũng là nơi để người ta chạy trốn và tìm quên.

Đà Lạt chỉ cách Sài Gòn mấy tiếng đồng hồ xe nhưng hoàn toàn khác biệt, lạ lẫm tưởng chừng như từ thuở khai thiên lập địa, bàn tay Thượng Đế đã đặt làm chỗ... Giữa những bát nháo, ồn ào, nhầy nhụa. Đà Lạt vẫn im lìm dịu dàng thanh cao như một người tình khuê các... giữa tiếng bom rơi đạn nổ, tiếng la khóc thảm thương, những tà áo tím hồng vẫn nhẹ nhàng lướt nhẹ trên phố với tiếng thông reo vi vu chưa bao giờ ngưng nghỉ, có một chút gió heo may và một thoáng mưa bụi... Tất cả, đủ làm người ta yêu nhau. Thánh thiện và trong sáng...

Một phần đời của tôi là Đà Lạt. Có khởi đầu. Có chấm dứt. Có hân hoan. Có tuyệt vọng. Tôi gắn bó với Đà Lạt như đương nhiên cuộc đời của tôi gắn bó với Việt Nam. Có qua đi nhiều năm tháng nữa, như đã qua, tôi vẫn một niềm yêu thủy chung như thế."

KHÁNH LY, năm 2002, trong mục "Chuyện kể sau 40 năm" lại tâm sự thêm về kỷ niệm với Đà Lạt:

"Thời đó, tôi mới 18 tuổi, còn ham ăn, ham chơi. Chẳng có gì thú vị cho bằng quăng giầy dép, chân không, đi, chạy, nhảy khắp Đồi Cù, xuống Tòa Tổng Giám Mục, men theo con đường Tình Yêu dẫn lên Tòa Tỉnh rồi lại lên Đồi Cù nằm khểnh dưới gốc thông hoặc thẳng tay chân trên bãi cỏ thành thang nhìn ngắm mây trời. Không nhớ đến ai cũng không cần biết mình là ai, ngày mai sẽ ra sao. Không nhớ ai thật, không cả yêu đương. Không hề nghĩ đến gia đình và Sài Gòn..."

40 năm trước, đó là ý nghĩ của một thiếu phụ tuổi 18, nằm ngủ quên dưới gốc thông già. Buổi trưa, nắng vàng chan hoà trên cỏ lá, tiếng thông reo ngân dài, bất tận như một lời ru buồn. Lời ru âm thầm đi vào giấc ngủ và ở lại đó. Lời ru buồn. Rất buồn..."

Trong một bài viết khác KHÁNH LY tâm sự tiếp khiến người Đà Lạt xa xứ nghe thấy thật ngậm ngùi, thật thấm thía:

"Mùa đông Đà Lạt như mùa thu kéo dài. Thêm chút lửa ấm từ lò sưởi ngọt ngào mùi gỗ thông. Đêm Đà Lạt bao giờ cũng lạnh. Hơn, kém một tí cũng không cho ta thấy rõ mùa đang chuyển. Bốn

mùa xoay quanh những thói quen đáng yêu. Hương café thơm ngát qua bao nhiêu suối khe đồi núi. Dốc thấp, dốc. Mái nhà ngói đỏ và mùi thơm của gỗ thông. Tôi yêu Đà Lạt vô chừng. Như một người tình. Hơn một người tình. Tôi rời Đà Lạt không ngờ, như khi đến. Rời xa mà vẫn yêu. Yêu nhiều hơn vì trong cái yêu có cái tiếc nuối mặc dù sự việc rời bỏ Đà Lạt năm 1967 đã đưa tôi đến một đổi thay, đến một hạnh phúc may mắn không bao giờ tôi dám nghĩ đến.

Năm 1964 khi Trịnh Công Sơn rủ tôi về Saigon đi hát với anh. Tôi từ chối. Không phải vì không yêu nhạc Sơn. Nhưng lúc đó tôi yêu Đà Lạt hơn. Cái lối sống xô bồ, ồn ào mánh mung của Saigon không hợp với tôi. Trong khi đó Đà Lạt là thiên đường. Êm ả, trong sáng. Saigon đó có một chỗ đứng nào cho tôi. Là một người không hề có một chút tham vọng. Thích an phận, bằng lòng với những điều mình có. Một đứa con gái tầm thường như tôi. Những ngày tháng ở Đà Lạt đã là một an ủi quá đủ rồi. Với làm vui chi những điều quá xa vời. Cũng không hề mơ ước một đổi thay. Hơn thế nữa con người tôi, tâm hồn tôi hợp với Đà Lạt hơn. Thế mà rồi tôi đã rời xa nơi chốn đã cho tôi biết bao ngày tháng đẹp đẽ trong sáng.”

Trong bài tạp ghi “Bay đi thăm lặng” KHÁNH LY ngâm ngùi thổ lộ thêm:

“Tôi ở Đà Lạt 5 năm, ai kêu ai rủ về Sài Gòn cũng lắc. Đà Lạt với tôi là nhất. Đà Lạt như chỗ ẩn náu thần tiên, thân thiết yêu thương tôi. Nhưng sau cùng tôi phải cắn răng bỏ Đà Lạt ra đi, để bước vào một định mệnh khác. Một hạnh phúc. Một bất hạnh khác. Sau đó nhiều lần tôi trở về thăm Đà Lạt như đứa con xa về nhà. Không phải xa lạ như một người khách bất chợt trên đường ghé qua.

Lần sau cùng tôi và một người của Đà Lạt về thăm nhà nhưng cây cầu La Ngà đã gãy, chúng tôi phải trở về. Từ đó tôi không bao giờ thấy lại người đó của Đà Lạt và cũng không bao giờ hy vọng về nhà nữa. Những đêm ngồi một mình đến 4 giờ sáng, nhiều lúc quạnh quẽ cô đơn, tôi nhớ Đà Lạt biết đến chừng nào. Nhất là café Tùng, bến xe đò Minh Trung, và con đường hun hút thông reo qua hồ Than Thở đến trường Võ Bị. Từ ở đó, cuộc đời tôi qua nhiều khúc quanh, từ ở đó nơi đêm đêm tôi hát Đờn ca hát ngày tháng cho người mua vui. Nơi tôi khóc ngày mới đến, tôi đã khóc ngày ra đi, tôi đã tiếc nuối không được trở lại để sống cho niềm mơ ước của mình một lần.”

Có lẽ đây cũng là tâm sự chung của nhiều người Đà Lạt khác!

Nguyễn Tường Thiết và Nhất Linh

Hồi ký của NGUYỄN TƯỜNG THIẾT, là con trai của nhà văn NHẤT LINH (Nguyễn Tường Tam), nói về giai đoạn thân phụ mình ở Pháp mới trở về:

"Khi Nhất Linh về nước, ông xách theo một cây kèn Clarinette, một loại nhạc khí mà ông đã rèn xữ dụng từ những năm 1939-1940. Cứ mỗi buổi chiều chúng tôi lại nghe tiếng hắc tiêu của ông qua bản Tennessee Waltz mà ông ưa thích văng vẳng từ căn lầu hai chung cư, nghe lạc lõng xa lạ trong cái không khí chợ búa ồn ào chợ An Đông. Chúng tôi thấy rõ nơi này chẳng phải là chỗ nường nấu lâu dài cho ông được.

Quả nhiên, qua năm 1955, ông xách kèn lên Đà Lạt và quyết định ở luôn trên ấy mấy năm...

Nhất Linh, sau thời kỳ chữa bệnh bên Pháp, lại rất thích hợp với khung cảnh nên thơ và khí hậu mát mẻ của Đà Lạt, dạo này rất khỏe mạnh. Ông thường đi bộ một ngày đến hơn cả chục cây số. Mỗi buổi sáng sớm, từ căn phòng thuê trên lầu hai nhà hàng Nguyễn Tăng Diên, số 12 đường Yersin, ông thả bộ xuống khu chợ Hòa Bình, ăn điểm tâm tô phở bình dân đường Hàm Nghi, rồi đi vòng bên kia bờ hồ Xuân Hương, vượt mấy ngọn đồi phía cuối hồ, đến tận khu Chi Lăng, gần hồ Than Thở. Lâu lâu ông rủ tôi đi thả bộ cùng với ông. Hai bố con lặng lẽ đi bên nhau, vì ông thường đắm mình trong những kỷ niệm và suy tưởng riêng tư, cho đến lúc tôi mệt nhòaì đôi về. Có lần, đi ngang qua sân cù, ông chỉ về phía cái tháp cao của khu trường trung học Yersin và khách sạn Palace thấp thoáng trong sương phía bên kia bờ hồ Xuân Hương, nói với tôi là chính tại ngôi trường đó, gần 10 năm trước, ông đã cầm đầu phái đoàn Việt Nam dự Hội Nghị Sơ Bộ Pháp Việt và cũng thời gian đó, trước nhà hàng Palace kia, nơi thêm xi mắng mặt tiền khách sạn, ông vẫn thường ngồi uống rượu để thưởng ngoạn khung cảnh Đà Lạt với bác Thụy tôi, hai người vẫn nhìn sang rặng đồi thông bên này, nơi chỗ chúng tôi tản bộ ngày nay. Cái khung cảnh thơ mộng đó, mười năm sau, đã trở về trong ký ức của ông: nhưng lần này khung cảnh đó ông đã thưởng ngoạn với sự bình thản hơn nhiều của tâm hồn...

Một bữa kia trong buổi đi tản bộ thường lệ buổi sáng, cha tôi bất ngờ trông thấy và chỉ cho tôi coi một đóa hoa phong lan nở hoa và mọc lưng chừng cao trên thân một cây thông già khẳng khiu bên bờ hồ Xuân Hương. Vẻ đẹp thiên nhiên của đóa phong lan khiến Nhất Linh ngay người ngắm nghía, nhất là cái dáng

mảnh mai thuốt tha của chùm hoa buông thả xuống tương phản hẳn với nét mạnh mẽ cứng cáp của bẹ lá, và cánh hoa có màu vàng tươi nổi bật trên nền nâu đậm của gốc thông. Ông bèn sai tôi trèo lên cao gỡ nhánh lan xuống. Nhất Linh hẳn phải xúc động lắm khi ông bất ngờ tìm được thứ hoa quý này vì tôi thấy ông không để ý đến việc trằng con ông trèo lên thân cây cheo leo dám có thể sẩy tay ngã lằm mà chỉ luôn miệng nhắc chừng tôi cầm kheo khéo để khỏi làm gãy nhánh hoa.

Mang được cây lan quý về nhà, ông liền trồng trên một khúc cây mục, lại sai tôi đi tìm rêu để đắp vào rễ cho giữ độ ẩm, rồi treo ngay trên tường trong phòng ngủ, cả ngày hôm đó ông say sưa ngắm nghía mãi không chán. Thế rồi từ đó Nhất Linh mê chơi lan. Mê đến độ quên ăn, quên ngủ và quên luôn cả việc viết lách, vì dạo này tôi ít thấy ông thức khuya ngồi viết như trước.

Cái thú tản bộ của ông không còn mang mục đích tập thể dục buổi sáng hoặc để giúp ông thả hồn trong dòng suy tưởng nữa mà lúc này đã mang một mục đích mới: Ông đi tầm lan, có khi đi suốt ngày, băng rừng lội suối, ông đi một mình hay đi cùng với những người bạn cùng nghề mê lan như ông, để rồi chiều chiếu về đến nhà mệt nhoài nhưng hỷ hứng với một hay hai đóa hoa lạ trên tay. Hôm nào không đi tìm lan thì ông đi tìm những khúc rễ lớn có hình thù lạ mắt về nhà gọt dũa để gắn hoa phong lan lên trên hoặc ông lui cui xếp và đóng những thanh gỗ với nhau để làm rổ treo lan, mỗi rổ có một kiểu khác nhau, rồi ông treo lan lên tường, treo cùng khắp, gần như kín cả phòng... Cái nhiệt tình của Nhất Linh đã lây sang rất nhiều người khác làm sống dậy phong trào chơi lan và tầm lan của dân Đà Lạt những năm 1956-57...

Nhất Linh chơi lan công phu hơn những người khác vì ngoài việc tầm lan ông còn ra thư viện tra khảo hoặc đặt mua từ bên Pháp các sách ngoại quốc viết về hoa phong lan trên thế giới, rồi ông tỉ mỉ phân loại, so sánh với hoa ở địa phương, ông lại vẽ từng đóa hoa một, đặt tên hoa, ghi chú từng đặc tính, với dụng ý sau này là làm tài liệu viết một cuốn sách về việc sưu tầm hoa phong lan. Và chiều nào ông cũng thổi hắc tiêu, nói là thổi cho lan nghe. Ông thổi bản "J'ai rêvé de vous", vous đây là chính đám hoa quán quít xúm lấy ông, nào là Nhất Điểm Hồng, Huyết Nhung Lan, Bạch Hạc, Tím Đồi Mồi, Hoa Cô Dâu, Bạch Ngọc, Thanh Ngọc, Văn Bao... thứ treo trên vách, thứ cắm trong chậu, thứ bày trên bàn...

Qua năm sau vì số lượng hoa sưu tập được mỗi ngày một nhiều, nhất là từ lúc Nhất Linh chuyển hướng chuyên đi tìm loại hoa đất là loại hoa do cụ Nghị Biên (em ruột bà nội) khởi xướng thì căn nhà lầu trên đường Yersin trở nên chật chội quá. Mấy bố

con tôi dọn qua một căn nhà mới, số 19 đường Đặng Thái Thân, do ông chủ garage Lê Đình Giỏi, một người bạn lan của cha tôi, để lại. Từ đầu dốc đèo Prenn, phải đi vào một con đường trải đá ngoằn ngoèo mới tới được căn biệt thự nằm biệt lập trên một triền đồi nhìn xuống một thung lũng thông trùng điệp. Tại đây Nhất Linh đã biến căn biệt thự thành một trại lan nhỏ với đủ các loại hoa trồng khắp từ trong ra đến tận ngoài nhà. Lúc này cha tôi đã lôi kéo được những người bạn của ông từ Sài Gòn lên tận Đà Lạt để cùng đi tầm lan với ông. Nhà văn Đỗ Tấn với chiếc xe hai ngựa và thi sĩ Tô Kiều Ngân với chiếc sáo trên tay vẫn thường đi tìm lan với chúng tôi, và vì có phương tiện xe hơi của Đỗ Tấn và của ông Giỏi nên phạm vi tầm lan cũng rộng hơn nhiều trong chu vi đến cả trăm cây số, từ đèo Ngoạn Mục xuống tới Phan Rang hay đèo Bảo Lộc xuống đến Định Quán.”

Sau đó NGUYỄN TƯỜNG THIẾT kể chuyện Nhất Linh mua một lô đất vào năm 1957 nằm ven quốc lộ 29 Sài Gòn - Đà Lạt, ngay cây số 27. Khoảng hai cây số phía Nam của làng Fim-nôm. Bên cạnh đó là một con suối tên gọi Đa Mê, nơi Nhất Linh dựng một căn nhà bằng gỗ với tranh và sống ở đây. Cuối năm 1957 căn nhà đang xây cất nửa chừng thì bị sụp đổ vì một cơn giông bão. Nhất Linh quyết định giã từ tất cả: Đà Lạt, Fim-nôm, giòng suối Đa Mê và cả trăm giỏ hoa lan để về ở luôn Sài Gòn:

“Như đoạn văn kết trong cuốn truyện *Đôi Bạn* của ông, hai câu thơ sau đây của Nhất Linh, đầu đó, vẫn còn văng về Đà Lạt như “một nỗi nhớ xa xôi đương mờ dần”:

“Người đi lâu chữa thấy về
Nhớ người lòng suối Đa Mê gợn buồn.”

Vào năm 2008, nhân 45 năm ngày mất của nhà văn Nhất Linh, khi được LÊ QUỲNH MAI phỏng vấn NGUYỄN TƯỜNG THIẾT nói thêm:

“Kỷ niệm sâu đậm ghi nhiều dấu ấn trong tôi nhất là những kỷ niệm xảy ra nhiều năm trước khi cha tôi mất. Hồi ấy ở trên Đà Lạt cha tôi hay tổ chức cuối tuần những cuộc đi chơi picnic. Hôm ấy trên chiếc xe hơi của bác Lê Đình Giỏi chúng tôi hai gia đình đi chơi suối vàng cách Đà Lạt 17 cây số. Đến suối bọn trẻ chúng tôi túa vào rừng thông, lội suối, thám hiểm những vùng đất lạ. Tôi xách súng cao su theo các anh lớn vào rừng bắn chim. Bác Giỏi, chú Trương Bảo Sơn và cha tôi vào rừng kiếm hoa phong lan. Mẹ tôi chị tôi và các cô con gái bác Giỏi thì không đi đâu xa,

chỉ ngồi tụ nhau bên suối chỗ đỉnh của thác nước để hàn huyên. Mẹ tôi loay hoay sửa soạn bữa ăn ngoài trời cho cả bọn. Buổi trưa sau khi đã mệt và đói bụng chúng tôi lần theo tiếng kèn clarinet của cha tôi mà trở về suối. Anh Thạch và tôi khi về lại chỗ đầu thác nước thì thấy không có cách gì để qua bên kia suối được vì chỗ này là đỉnh thác, con suối dù rất hẹp chỉ rộng hai thước nhưng nước chảy rất xiết. Anh Thạch và tôi bắt buộc phải qua bờ bên kia để nhập với tất cả mọi người ở bên ấy. Ở tít xa dưới kia nơi chân thác tôi thấy cha tôi đang cặm cụi ngồi vẽ, ông đang vẽ thác nước, thỉnh thoảng ông ngước mặt lên nhìn đỉnh thác nơi hai chỗ chúng tôi đứng. Sau cùng chúng tôi thấy ở gần miệng thác có một cái cây lớn đổ xuống, thân cây nằm vắt ngang suối. Thế là anh tôi bò trước tôi bò sau chúng tôi qua thân cây sang được bờ bên kia.

Một năm sau trong một lần đi chơi thác nước Datanla, cha tôi và tôi trong lúc đi dọc theo dòng suối chúng tôi khám phá ra một cái vực rất sâu và hẹp, vách đá dựng đứng, nhìn xuống trông rất ghê rợn. Trong lúc tôi nhòm người gần bờ vực để nhìn cho rõ thì cha tôi đẩy tôi ngược về phía sau. Ông hét lên: “Đừng dại thế. Nhớ ngã xuống thì sao!”. Rồi cha tôi mắng tôi một thôi một hỏi. Tôi chưa bao giờ thấy ông giận dữ như thế. Người ông run lên. Sau đó ông kể tôi chuyện xảy ra từ một năm trước trong lần chúng tôi đi picnic ở suối vàng. Lần ấy trong lúc ngồi vẽ cái thác nước cha tôi ngừng lên và kinh hoàng nhìn thấy ở trên tít cao tôi đang bò trên một khúc cây nằm vắt qua thác! Cha tôi bảo tôi: “Lúc ấy cậu chỉ sợ cái khúc cây ấy nó lặn!”. Kể xong mặt ông buồn rầu thấy rõ và cuộc đi chơi thác Datanla sau đó mất hết cả hứng thú cho cả hai bố con.

Sau này nhớ lại kỷ niệm hai lần đi chơi ấy tôi thường tự hỏi vì sao ông đã không mắng tôi từ một năm trước ngay trong lần đi chơi thứ nhất ở suối vàng? Ông đã giấu kín câu chuyện ấy trong lòng suốt một năm. Và nếu không có chuyến đi chơi Datanla thì mãi mãi tôi không biết được là cái hành động vô cùng dại dột đó của tôi ông đã chứng kiến và làm ông hoảng sợ.”

Năm 2009 NGUYỄN TƯỜNG THIẾT nhìn một bức ảnh chụp một quán cà phê tại Đà Lạt khiến bao kỷ niệm của những ngày tháng cũ lại ào ạt trở về vì quán này chính là biệt thự Poincard & Veyret mà gia đình mình đã từng cư ngụ hơn nửa thế kỷ trước:

“Thời gian tôi ở căn nhà đó là năm tôi học lớp đệ lục trường trung học công lập Quang Trung Đà Lạt niên khóa 1955-56. Trường cách nhà khá xa, đi bộ cũng mất trên nửa tiếng. Mỗi chiều tan trường lúng lẳng cạc tạp trên vai đưa bé 15 tuổi tung tăng đi

dọc con đường men theo hồ Xuân Hương để về nhà. Bước qua đập Ông Đạo lần nào cũng vậy mùi cá tanh của phân bón bốc lên từ cánh ruộng rau trong ấp Ánh Sáng sộc vào mũi nó nhắc nhở tôi là mình đã sắp sửa về đến nhà. Qua đập nước tôi rẽ phải lên một con dốc rất ngược, ngắn mà cong, là dốc Lê Đại Hành. Đứng lại ở đầu dốc để thờ tôi ngược nhìn lên đỉnh nhà thờ Đà Lạt. Trên cao chót vót có một con gà bằng thép nhỏ xíu gắn trên đầu cây thánh giá. Rẽ trái trên đường Yersin đi ngang nhà bưu điện của thành phố đã thấy biệt thự Poinsard & Veyret quét màu vôi vàng hiện trước mắt.

Trên lầu biệt thự đó khi thì tôi thấy thấp thoáng trên ban công bóng dáng cha tôi đang lui cui treo một giỏ hoa phong lan khi thì có tiếng kèn của cha tôi vẳng ra một bản nhạc tây mà hồi đó ông thường hay thổi, đó là bản nhạc mang tên Quán trọ chiều tà: *L'Auberge au crépuscule... Où je reviens toujours... Lorsque l'oiseau module... Un dernier chant d'amour...*



Từ nhà bưu điện Đà Lạt bước qua đường Tự Đức tôi đặt chân lên vỉa hè xi măng kẻ ca-rô rộng thênh thang. Ngôi nhà chúng tôi nằm ở vị trí giữa hai khách sạn lớn nhất của thành phố là khách sạn Du Parc và khách sạn Langbian, tọa lạc ngay trên mũi nhọn của hai con đường châu nhau là đường Yersin và đường Tự Đức. Lần nào đi trên vỉa hè ấy tôi cũng không quên ghé nhìn bên trong cửa hàng Poinsard & Veyret. Sau một quầy kính bán thực phẩm Pháp như pa-tê, xúc-xích, pho-mát, bơ... một bà đầm béo phục phịch bận áo choàng trắng đứng bán hàng.

Có bạn cha tôi dẫn tôi vào tiệm mua thuốc lá và rượu vang. Trong lúc tôi đứng lơ ngơ trong tiệm cha tôi nói chuyện ở quây với bà đầm, thỉnh thoảng bà ta lại phá lên cười. Tôi chẳng hiểu hai người nói gì chỉ nghe thủng được mỗi một tiếng *Écrivain* thốt ra từ cửa miệng cha tôi. Tôi đoán là bà ta hỏi cha tôi làm nghề gì. Dù là ở ngay trên lầu của nhà hàng nhưng chúng tôi lên gác bằng cầu thang riêng, không dính gì đến nhà hàng phía dưới. Đi trên vỉa hè qua mấy cửa tiệm boutique, salon... trên đường Yersin, gần đến phía sau khách sạn Langbian, tôi rẽ vào một cái sân rộng lát đá hình tam giác, xung quanh sân là mặt lưng của những cửa tiệm nói trên. Bước qua một cái chuồng ngựa ở cuối sân tôi lên một cầu thang gỗ rộng là lối đi chung của tất cả các đơn vị gia cư ở trên lầu.”

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT nhớ lại kỷ niệm về một cái Tết xưa năm 1956 ghi dấu sâu đậm nhất trong thời gian mình ở căn nhà tại thành phố Đà Lạt này:

“Ngày ấy... những ngày cuối năm...”

Thành phố như phủ một mưa rất mỏng lẫn vào trong sương khiến khách đi đường cảm thấy như có những mũi kim trong suốt và lạnh giá chích lâm râm trên da mặt mình.

Phía hông bên trái của căn biệt thự chúng tôi ở là con đường nhỏ Tự Đức, con đường cong vòng đăm xuống hồ Xuân Hương ở ngay chỗ trước nhà Thủy Tạ. Cha tôi yêu con đường ấy lắm. Nó ngắn thôi nhưng rất nên thơ. Một bên đường là hông của khách sạn Langbian, bên kia, sau hàng thông xanh mặt hồ hiện ra lấp loáng ánh nắng. Hai bên hè trồng hai hàng lê mà năm ấy hoa lê nở trái mùa trắng xóa. Những cánh hoa trắng theo cơn gió đông bay lả lả trong sương. Mỗi lần đi ngang cha tôi lại khẽ ngâm câu thơ Kiều: *Cành lê trắng điểm một vài bông hoa...* Có lần cha tôi nói với anh Thạch tôi là ông mong muốn một ngày nào đó con đường ấy sẽ mang tên Nhất Linh.

Để sửa soạn cho cái tết năm ấy cha tôi và chị Thoa ra đó bẻ những cành lê mang về cắm trong những lọ thủy tinh. Ngoài hoa phong lan treo trên tường căn phòng đầy những lọ hoa lê trắng thay cho hoa mai vàng để đón xuân.

Còn tôi, một buổi chiều cuối năm đi học về tôi đón nhận cái Tết Bình Thân ấy với lòng rộn rã khôn tả. Bước chân sáo trên vỉa hè rộng của đường Yersin ngay phía dưới ban công nhà tôi, tôi nghe từ phía bên kia đường trong khuôn viên của Ty Ngân Khố thành phố Đà Lạt có tiếng nhạc tiếng trống tiếng pháo tung bừng rộn ràng. Thì ra là nhân viên của Ty đang tổ chức liên hoan Tất Niên.

Chạy vội lên gác tôi quăng cái cạc táp rồi chạy ngược trở ra băng qua đường tới trước Ty Ngân Khố tọa lạc ở góc đường Yersin và Bá Đa Lộc. Quây chung quanh Ty Ngân Khố là một bờ tường thấp trên cắm hàng rào sắt. Tôi không thể nhìn vào phía trong được vì người đứng xem đã chiếm chật suốt dọc hàng rào. Bất chấp mấy ông già khó tính cự nự tôi chen bừa vào giữa đám đông trèo lên đứng trên bờ tường, hai tay vịn song sắt, nhìn vào trong.”

Mùng một Tết tại Đà Lạt có nhiều chuyện đáng nhớ:

“Tôi thức dậy rất trễ. Tiếng pháo nổ lẹt đẹt ở xa. Nó chỉ vừa đủ thấm vào trong giấc mơ chứ không đủ sức lôi tôi ra khỏi giấc nồng. Cho tới khi anh Triệu đốt một phong pháo đùng ở ngay trên ban công nhà thì tôi choàng dậy. Mùi pháo thơm - mùi của Tết - từ ngoài hiên ập vào phòng ngủ. Tôi dụi mắt. Mọi người đã chỉnh tề trong bộ quần áo mới. Chị Thoa nói:

- Em mặc quần áo đi rồi còn mừng tuổi cậu mợ chứ!

Tôi mặc quần áo mới rồi qua phòng bên cạnh. Hai phòng thông nhau qua ngã hành lang ở ban công. Phòng này bình thường chỉ có một mình cha tôi ở. Cũng như phòng bên cạnh chỉ có mình tôi và chị Thoa. Nhưng Tết năm ấy có thêm mẹ tôi và anh Thạch từ Sài Gòn lên, anh Triệu hồi ấy dậy học ở dưới Sóc Trăng cũng lên, thành thử hai gian phòng nhỏ bỗng trở thành chật chội. Phòng cha tôi ở có một cái lò sưởi nhưng không mấy khi đốt. Trên vách tường treo đầy những giỏ phong lan. Bộ sa lông chỉ có độc một cái ghế đặt trước lò sưởi. Ở góc buồng có một cái phản gỗ làm giường ngủ, cũng dùng để ăn cơm thay bàn ăn.

Cha tôi còn mặc bộ đồ ngủ, ngoài khoác chiếc áo choàng dày có giây thắt ngang bụng, ông ngồi uống trà tàu trên ghế sa lông. Mẹ tôi đầu vấn khăn bận chiếc áo dài nhưng ngồi trên phản. Trước mặt bà là một cái tráp đựng trầu cau, hai ba cái thầu đựng kẹo bánh. Các anh chị tôi đứng quanh phản, miệng người nào cũng nhóp nhép cắn hạt dưa. Tôi cúi xuống bốc một nắm mứt sen bỏ miệng. Mẹ tôi quay qua nói với cha tôi:

- Mình ngồi xuống phản đây cho con nó còn mừng tuổi.

Cha tôi ngồi yên trên ghế, không nhúc nhích. Ông nói:

- Các con mừng tuổi mợ thì còn có tiền mà tiêu Tết chứ. Mừng tuổi cậu thì cũng như không.

Mẹ tôi cúi xuống mở cái cháp lấy ra mấy phong bao đỏ. Bà cầm một cái dưa tay về phía anh Triệu. Anh cúi xuống toan cầm. Chị Thoa nhắc:

- Không nói gì à?

Anh Triệu nói như máy:

- Năm mới con chúc cậu mợ được dồi dào sức khoẻ, an khang, thịnh vượng, buôn bán phát tài...

Rồi anh ngừng lại không biết nói gì hơn. Chị Thoa bảo:

- Ăn nói thế mà cũng đòi đi dạy học Việt văn.

Đến người cuối là tôi, mặc dù chỉ lí nhí nói vài câu, tôi cũng được mẹ tôi li xì những hai cái phong bì. Bà bảo mọi người:

- Thằng út này hôm nọ được thầy giáo khen, thưởng nó gấp đôi.

Thế là Tết ấy tôi có nhiều tiền nhất nhà để đánh tam cúc và đánh bát. Chúng tôi quây quần ngồi trên mâm cơm đặt trên phản. Cơm có thịt kho dưa chua. Hai cái bánh chưng được cắt bằng giấy lạt thành những miếng hình tam giác.”

Về chai rượu thầy giáo Khuê biểu nhân dịp tết được nhắc lại như một kỷ niệm thật vui:

“Trước khi ăn cha tôi nói:

- Nào! Có chai rượu quý phải mở ra để uống mừng xuân chứ.

Rồi ông nhìn quanh tìm cái mở rượu. Không thấy cái mở rượu đâu ông quay qua hỏi mẹ tôi. Đặt đĩa dưa chua trên phản, mẹ tôi nói: - Hình như ở trên lò sưởi ấy.

Nói rồi mẹ tôi tiến lại lò sưởi giơ tay lên bệ cao để tìm. Bỗng “xoảng” một cái. Chúng tôi giật mình quay lại. Chai rượu quý đặt trên bệ cao rơi xuống sàn vỡ tan. Cha tôi lúc ấy đang ngồi trên ghế xa lông cạnh lò sưởi nhồm ngay dậy đưa tay dựng đứng chai rượu vỡ trên sàn. Mẹ tôi cúi xuống cầm lấy chai đặt lên bàn. Chai rượu vang bị vỡ đôi ngang chỗ cổ chai. Nhờ cha tôi nhanh tay nên mảnh vụn thủy tinh đã lẫn vào trong rượu.

Chị Thoa giúp mẹ tôi quét dọn miếng thủy tinh và lau chùi rượu trên sàn.

Cha tôi chỉ chai rượu trên bàn bảo mẹ tôi:

- Còn chai này nữa. Sao không dẹp đi cho rồi.

Mẹ tôi nhìn chai rượu tiếc rẻ nói:

- Rượu còn đầy nguyên mà. Rượu đắt tiền chứ có phải rẻ đâu mà đổ đi. Phí của trời!

- Uống vào để cho thủy tinh nó cửa thủng bụng hả?

Mẹ tôi trầm ngâm một lát rồi tìm cách lọc rượu qua bông gòn nhưng ông cha vẫn không chịu uống. Ông lên tiếng:

- Uống rượu là để tìm cái thú. Uống mà vừa uống vừa lo thì uống làm gì. Cậu không uống vì có uống cũng sẽ không còn thấy ngon nữa. Không thấy ngon mà vẫn cứ uống, nghĩa là uống chỉ vì

tiếc tiền thì rất không nên.

Thế là cái chai rượu quý khai xuân thầy giáo Khuê tặng cha tôi trong dịp Tết Bính Thân năm 1956 đó cha tôi không thưởng thức được lấy một giọt.”

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT cũng nhắc đến những kỷ niệm của mình với đài phát thanh Đà Lạt thời đó. Đài chiếm 4 tầng lầu bên cánh phải cùng của khách sạn Du Parc:

“Nói đến đài phát thanh Đà Lạt tôi lại nhớ tới trong khoảng thời gian ấy chúng tôi không lần nào quên đón nghe chương trình nhạc yêu cầu của đài này, phát thanh mỗi tuần một lần, chương trình mở đầu bằng một bản nhạc ngoại quốc điệu Paso Doble vui tươi rộn rã. Tuần nào cũng vậy hai bản Đường về miền Bắc và Chiều vàng do Tôn Thất Niệm hát được thính giả Đà Lạt yêu cầu nhiều nhất. Mỗi chiều thứ sáu giọng hát vừa cao sang lại vừa trầm ấm của người ca sĩ tài tử này lan đi từ đài phát thanh ấy truyền khắp không gian ấm lạnh của miền cao nguyên thấm vào hồn và sưởi ấm lòng người dân Đà Lạt; giọng hát có sức truyền cảm và quyến rũ đến độ ngày nay - tôi tin thế - sau hơn nửa thế kỷ, những người của Đà Lạt thuở nào đã từng một thời nghe Tôn Thất Niệm hát trên đài ấy, nay hẳn vẫn còn giữ nguyên mối xúc động khi nghe lại... Chiều nào áo tím... nhiều quá... lòng thấy rộn ràng... nhớ người... Đường về miền Bắc bao cách xa... Nhìn về đường lối muôn khó khăn... Đây núi cao... Đây suối sâu... (Đường về miền Bắc) hoặc... Đường về lòng người tha phương nhớ... Chiều dần mờ mờ cô thôn vắng... Người yêu dấu ngàn đời thấu chẳng... Ta nén đau thương gắng bước hoài... Thuyền chèo tới nơi đâu ngừng bến... (Chiều vàng). Ca sĩ Niệm là anh rể tôi. Anh lấy chị họ tôi, chị Nguyệt, con gái lớn của bác Thụy. Anh Niệm không bao giờ là người hát chuyên nghiệp. Cha tôi mê giọng hát của anh lắm có lần nói đùa: “Cháu hát hay thế thì theo nghề bác sĩ làm gì!”



Chữ Bá Anh và Vi Khuê

Nhà giáo CHỮ BÁ ANH ngay hồi nhỏ đã theo gia đình từ đất Bắc vào Nam trong một kỳ nghỉ hè và có dịp ghé lên Đà Lạt lần đầu tiên. Bao nhiêu năm sau, trong cuộc sống xa xứ, cái thành phố cao nguyên đó vẫn khắc ghi nhiều dấu ấn và được kể lại:

“Tôi đặt chân đến thành phố Đà Lạt vào mùa hè năm 1943... Lúc đó ông ngoại tôi vừa mua chiếc xe Simca 9 là loại xe mới nhập cảng vào Việt Nam lần đầu, nên quyết định đưa gia đình đi nghỉ hè tại 4 vùng núi cao của Việt nam, suốt một lộ trình từ Bắc vào Nam. Chuyến đi gồm 4 người, ông ngoại, bà ngoại, cô Ngọc Lan, - cô giáo của tôi - và tôi...

Chặng đến cuối cùng là thành phố Đà Lạt, sau khi rời Phan Rang qua đèo Dran, đèo Ngoạn Mục Bellevue, đến Cầu Đất, rồi Trại Mát và trạm dừng chân là khách sạn Langbiang Palace nhìn xuống hồ Đà Lạt... lúc ấy dân chúng Đà Lạt còn thưa thớt, phương tiện di chuyển là xe ngựa. Cái ấn tượng khắc sâu trong tâm trí tuổi thơ của tôi là tiếng người lái xe ngựa dùng miệng tạo thành một thứ âm thanh kêu “cọt cọt” để điều khiển con ngựa.

Rạp ciné Eden nay gọi là Ngọc Lan thuở đó bên trên chưa có balcon chia thành từng ô và thiếu tiện nghi hơn bây giờ. Mãi cho đến khi nhạc gia của nhạc sĩ Hoàng Nguyên làm chủ thì rạp Ngọc Lan và Ngọc Hiệp mới tân trang lại.

Mặc dầu đó là lần đầu tiên tôi biết Đà Lạt nhưng nơi đó đã để lại trong ký ức tuổi thơ của tôi nhiều hình ảnh đẹp để mà tôi vẫn giữ mãi cho đến ngày nay dù đang sống xa Đà Lạt muôn ngàn dặm.”

Mãi về sau này khi trưởng thành CHỮ BÁ ANH trở lại Đà Lạt với nghề giáo chức và lập nghiệp luôn tại nơi này gần 20 năm cho đến khi phải di tản ra nước ngoài:

“Từ năm 1951 về sau, hàng năm tôi vẫn có dịp lên lại Đà Lạt và cho đến năm 1957 từ Huế tôi nhận được sự vụ lệnh... bỏ tôi lên Đà Lạt dạy tại trường Trần Hưng Đạo. Trường lúc đó do cụ Hoàng Khôi làm hiệu trưởng...

Tôi dạy học ở Đà Lạt liên tiếp từ năm 1957 cho đến cuối tháng 3 năm 1975... chúng tôi về Saigon có việc... cho đến cuối tháng 4 năm 75 thì lên đường di tản sang Hoa Kỳ...

Đà Lạt đối với tôi đã có quá nhiều kỷ niệm, từ cuộc sống đến tình cảm. Tôi mong đợi một ngày về thăm Đà Lạt... thăm lại

những ngôi trường mà do chính tay tôi xây dựng... gặp lại các bạn đồng nghiệp ngày xưa đã cùng chung sức với chúng tôi trong ngành giáo dục; thăm lại các bạn trẻ học trò cũ."

Tiểu thày ước nguyện đó chưa thành đạt thì nhà giáo họ Chữ đã từ giã cõi đời tại Virginia, Hoa Kỳ, ngày 12 tháng 3 năm 1996, hưởng thọ 63 tuổi, để lại niềm thương tiếc nơi những nhà văn, nhà thơ thân hữu và nhất là các nhà báo đã sát cánh cùng ông trong lãnh vực này từ bao năm tại nước ngoài. Tất nhiên những người Đà Lạt của ngày tháng cũ cũng khó thể quên ông.

Nhà thơ, nhà văn VI KHUÊ (Trần Trinh Thuận) là hiền thê của nhà giáo Chữ Bá Anh. Sinh tại miền Trung (Huế), là công chức, giáo chức và cũng là hiệu trưởng một trường trung học đệ nhị cấp tại Đà Lạt. Vào năm 1994 VI KHUÊ viết bài thơ "Mà thương đến cả Vệ Đường Hoa":

*"Trái đất có lẽ sẽ phải nở
lúc ấy rồi ta cũng tiếc thời
tiếc sao những buổi rong chơi phố
những buổi nhìn mây, buổi ngó trời..."*

*Xuân này ở Mỹ sao mà lạ
bỗng rộn ràng lên chuyện tiếc thương
và nhớ, và yêu Đà Lạt quá
yêu, ồ yêu nhỉ! Nhớ, sao không?*

*Nhớ Đồi Cù mướt xanh trong nắng
biệt thự hồ bên đứng ngắm xa
ngựa trắng, tóc hoe vàng, trước ngõ
nàng công chúa Thượng áo hoa cà...*

*Lên đồi. Lên đồi. Lên đồi cao
những cô con gái má hồng au
những chàng trai gấn Alpha đỏ
Đà Lạt mù sương một sớm nao!*

*Ai tặng cô em một nhánh đào
một nụ hồng lá thắm xôn xao
và ai âu yếm cài lên tóc
để đến nay cô nhớ ngọt ngào?*

*Bùi Thị Xuân còn thom giấc mơ
thì người cứ dệt gấm thêu thơ
còn ai thiếu phụ chiều nay mộng
hãy nhớ sân trường Đại học xưa.*

*Và rừng. Và thác. Và thung lũng
và gió từng cơn buốt thịt da
Đà Lạt. Trời ơi! Giờ ấm, lạnh?
mà thương đến cả Vệ Đường Hoa!”*

VI KHUÊ viết xong bài thơ trên còn ghi thêm lời đề tặng “*gửi người Đà Lạt, xưa, sau*”. VI KHUÊ yêu muôn hoa Đà Lạt, yêu cả đến những bông hoa vô danh mọc thảo nhiên chen lẫn cùng cỏ dại bên lề đường, nay được đặt tên “*Vệ Đường Hoa*”.

Sách đã trích dẫn nhiều bài viết về Đà Lạt của VI KHUÊ. Chỉ ghi lại đây thêm một chút tâm tình của VI KHUÊ về thành phố này:

“Năm 1972, tôi cùng chồng con sinh sống tại Đà Lạt, một thành phố thơ mộng nhất miền Nam... Đà Lạt của tôi nhỏ bé hơn nhiều. Nhỏ bé nhưng mà đẹp, đến nỗi có lần đã làm sững sốt một du khách Tây phương đến thăm. Đứng trên sân cù, đưa mắt nhìn bao quát cảnh vật, từ vườn hoa thành phố, Bích Câu, đến những cây cầu đưa ra trên mặt nước hồ Xuân Hương với những chiếc “pê đơ lô” màu sắc lộng lẫy đang lướt sóng dưới ánh nắng vàng nhạt, ông ta đã phải thốt lên: “Voilà la huitième merveille de la nature!” Tôi hỏi: “Ông khen cái gì mà tuyệt vời quá vậy?” Ông đáp: “Tôi nói cái thành phố này,” và chỉ tay lên ngọn tháp chuông của ngôi trường học Yersin thấp thoáng phía bên kia, ông ta lại tấm tắc: “Thế mà cái tháp chuông kia còn đẹp hơn!”

Bây giờ ý nghĩ đó lại đến với tôi, khi tôi tập trung tinh thần để thu gọn cả thành phố vào trong ống kính ký ức. Tôi trông thấy tất cả, tôi nhớ lại tất cả. Đà Lạt mùa xuân năm ấy, nắng ửng lên ở khu phố Hòa Bình. Ở nhà tôi, hoa mimosa vàng rực rỡ trong sân. Bà cụ An Hòa, chủ nhân ngôi chùa có tượng Phật bằng vàng bên cạnh, vừa mang qua tặng chúng tôi một chục hoa lay-on trắng muốt như cành huệ, cắm vừa tròn chiếc độc bình pha lê nơi phòng khách.”

Hai người con của Chữ Bá Anh và Vi Khuê là Chữ Tứ Anh và Chữ Nhị Anh cũng ghi lại những kỷ niệm của mình về thành phố Đà Lạt nơi từng sống với gia đình thời thơ ấu.

Chức Túc Anh

CHỮ TỨ ANH, vào tháng 3 năm 1996 viết đề tường nhớ thân phụ mình, nhà giáo Chủ Bá Anh vừa mới qua đời :

...“Ngày xưa tại quê nhà, với tài tổ chức và ý chí mạnh mẽ, Ba đã “làm mưa làm gió”, gây dựng nên sự nghiệp với bao nhiêu ngôi trường, từ Huế vào Đà Lạt. Các ngôi trường Hiếu Học, Văn Học, Văn Học 2 (Văn Khoa) đã đào tạo biết bao nhân tài cho đất nước. Lòng nhẫn nại và sự hi sinh cao cả của Ba Mẹ đã nuôi nấng dìu dắt thương yêu các anh chị em con, đạt được ước nguyện cho các con đi du học ở Mỹ quốc. ”

...“Ba ra đi, dù còn lưu luyến Mẹ và các con cháu, nhưng chắc là không che dấu được nụ cười mãn nguyện là đã trải qua một kiếp sống làm người đầy ý nghĩa. “Sinh lão bệnh tử” là quy luật của trời đất. Cuộc đời chỉ là một giấc mộng thoáng qua, như bốn câu thơ nào đó của Mẹ mà con còn nhớ:

“Nửa đời người ta sống
Nước mắt xuôi một dòng
Trăm năm này cõi mộng
Cõi mộng đầy long đong”

Ba ơi, thế là Ba đã sớm trả xong nghiệp làm người, đã dứt bỏ được cõi mộng đầy long đong và nước mắt này. Con tin chắc rằng anh hồn của Ba sẽ sớm siêu thoát, đến một nơi thật huy hoàng đẹp đẽ, nơi gọi là Cõi Vĩnh Hằng, có Phật, có Đấng Từ Bi. Ở đó, Ba sẽ không còn phải bị những cơn suyển thịnh linh tấn công, để Ba phải hốt hoảng lo sợ: “thương Mẹ ở lại một mình cô đơn”. Giờ đây, Ba đã yên nghỉ giấc ngàn thu, thân xác Ba rồi sẽ tan đi thành cát bụi, nhưng trong lòng Mẹ, các con và những người thân yêu, Ba vẫn Sống; hình ảnh Ba sẽ tồn tại mãi, với đầy tôn kính yêu thương....

Hôm nay con thắp một nén hương trước mộ Ba, mắt nhòa lệ nghẹn ngào thương nhớ Ba, nhưng vẫn còn lờ mờ đọc được dòng chữ trên bia mộ:

“Nơi đây an nghỉ giấc ngàn thu
Nhà báo, nhà giáo, nhà truyền thông quốc tế
CHỮ BÁ ANH
1934-1996

Người đi như cánh hạc bay qua
Trời rộng thiên thu cánh hạc vàng”

Chữ Nhị Anh

Chàng trai CHỮ NHỊ ANH ghi lại những kỷ niệm thời còn là một cậu học sinh tại Đà Lạt:

"Hồi đó bốn chị em chúng tôi học Trung Học ở trường nhà. Trường Văn Học do ba tôi thầy Chữ Bá Anh làm hiệu trưởng. Trường Văn Khoa thì mẹ tôi làm hiệu trưởng. Mẹ cũng là nhà thơ Vi Khuê."

... "Năm 1970, thầy Hiệu trưởng xin được viện trợ của cơ quan USAID xây và mở trường Văn Học 2, tức là trường Văn Khoa, trụ sở ở số 9 đường Phan Chu Trinh. Hồ Than Thở chỉ cách đây có 2 cây số (nhìn theo bản đồ Googlemaps.com) mà hồi đó cảm thấy như chân trời góc bể! Hai năm 1971-1973, chúng tôi học ở Văn Khoa. Năm đệ Nhất trở lại Văn Học vì Văn Khoa chỉ mới mở từ đệ Tứ đến đệ Nhị mà thôi. Năm ấy tôi và Tam Anh học lớp 12 B cùng với Sơn Đen, còn Nhất Anh, Tứ Anh học 12A - sinh vật học."

... "Tháng Sáu 1974. Năm cuối cùng. Chúng ta thi Tú Tài IBM. Trường Văn Học dán bản kết quả sớm nhất thị xã. Tôi còn nhớ cảnh hàng trăm học sinh và cha mẹ bu quanh khung cửa sổ nhỏ xíu của văn phòng, nói lớn tên để bên trong ông thư ký là cụ Tình và vài người giúp dò tên trên danh sách. Ai đậu thì sung sướng hò hét, còn kẻ rớt thì cha mẹ nước mắt dầm dề, lo cho con trai phải vào lính vân vân."

... "Nếu đi ngược lên dốc Duy Tân, trên đầu dốc bên phải là tiệm thuốc bắc tên gì quên rồi nhưng vẫn gọi là "con Cua" là tiệm của ba mẹ Huỳnh Quốc Hùng, ba tôi vẫn vào đó mua cao dán Salonpas, bây giờ bên Mỹ các tiệm Việt hay Đại Hàn vẫn còn bán, y hệt như hồi xưa. Tôi nhớ có bán kẹo ho tây viên hiệu Pulmoll, màu nâu thơm lừng ở trong cái hộp thiếc bằng hai hộp diêm. Tiệm còn có bán nhân sâm, có lần thấy mà toát mồ hôi vì trông như ông già tí hon! Anh chàng HQH CC này, tôi nhớ mại mại giống như các tài tử xi nê Hồng Kong hồi đó, mắt kiếng đen bự xư."

... "Năm đệ Tứ biết lái xe Honda. VN chẳng biết có luật lệ gì không mà 14 tuổi mà được lái nhì? Một vài buổi chiều lái Honda từ Văn Học về nhà mới ở 30 Nguyễn Du, lúc đi ngang qua bờ Hồ Xuân Hương, có thoáng thấy người bạn cùng lớp tên Ngọc Hương mặc áo len màu hồng xinh xinh đi bộ về nhà quãng đường Trần Quốc Toản gần tới nhà Thủy Tạ. Ước gì hồi đó cả gan đi rà rà theo nói chuyện như trong bài thơ của Phạm Thiên Thư "Anh theo Ngọc về, gót giày lặng lẽ đường quê"! Thực tế là: giả bộ tình bơ lái

xe cái vù qua, bụng nghĩ, úi cha cô nàng đang ngưỡng mộ cái lưng của tui. Biết đâu con tạo xoay vòng, cô Hương này sẽ gửi email, viết: "Đúng, hôm đó tôi có thấy anh lái xe Honda qua, foula phát phối trông cứ như tài tử Hàn Quốc."

Trần Đại Bản

Nhà giáo TRẦN ĐẠI BẢN tâm sự sau khi đến Mỹ năm 1990:

"Tôi cư ngụ tại Dalat cũng khá lâu, từ năm 1961... Tôi đã từng sống nhiều nơi tại Dalat, nhưng lâu nhất là ở đường Hoàng Diệu... Lúc dạy trường trung học tư thục Thăng Long, tôi thuê nhà tại số 9 Hoàng Diệu để cho gần trường, tiện việc đi lại."

... "Sau khi vào quân đội, tôi được phái về nguyên quán năm 1969, làm việc tại bộ chỉ huy quân trấn điều hành bởi thiếu tá Vũ Đức Nghiêm, người với tôi như anh em vì trước đó đã từng dạy chung tại Văn Học và chia sẻ sở thích văn nghệ. Tập nhạc đầu tay của Vũ Đức Nghiêm in tại Dalat năm 1971 mang tên "Tình Khúc Ly Cơ" gồm 17 ca khúc do tôi kể và viết tay, trong đó có bài "Gọi Người Yêu Dấu," sau này nổi tiếng ai ai cũng biết."

... "Vi sinh sống, lập nghiệp tại Dalat đã khá lâu, nên Dalat đã để lại trong tôi nhiều dấu ấn với những kỷ niệm vui buồn khó quên. Nếu không có những biến cố lịch sử của đất nước khiến tôi phải bỏ nước ra đi thì có lẽ tôi đã chọn Dalat là nơi sinh sống cho đến mãi đời. Tôi yêu Dalat vì người dân vốn hiền hòa hiếu khách, và cuộc sống thì không xô bồ, rất ít khi xảy ra trộm cắp và án mạng, so với những thành phố khác. Khí hậu ở đây quanh năm mát mẻ. Mọi người ra đường ăn mặc lịch sự. Phong cảnh Dalat thật hữu tình nên thơ, với những hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, thác Tuyên Lâm, thác Cam Ly. Xa hơn nữa thì có thác Datanla, Prenn, đập Đa Nhim. Dalat có nhiều vườn hoa xinh đẹp đủ loại với trăm hoa khoe màu rực rỡ những nét riêng – Minosa, Pensée, Anh Đào, những cây liễu rủ Nhật Bản xòe cành tỏa xuống trông thật buồn và quyến rũ. Dalat có rất nhiều hoa Lan – Lan rừng và Lan thuần giống nhập cảng."

Dalat cũng có nhiều biệt thự xinh đẹp như tranh xây theo kiểu Pháp trên những triền đồi thoai thoải dọc theo nhiều con đường Trần Hưng Đạo, Yagout, Trần Bình Trọng, Hai Bà Trưng, Nguyễn Du, với những kiến trúc khác nhau và những bông hoa trồng chung quanh nhà làm tăng vẻ đẹp thơ mộng. Có nhiều biệt thự có cổng vào bao phủ bởi hoa Giấy, màu sắc có khi tím có khi trắng theo sở thích của chủ nhân. Dalat là thành phố du lịch hấp dẫn

khách tứ xứ trong nước cũng như ngoài. Đó là nơi hưởng tuần trăng mật lý tưởng, nơi nghỉ mát mùa hè của người Saigon hay các tỉnh nhiệt đới.”

Nguyễn Minh Diễm

Nhà giáo NGUYỄN MINH DIỄM ghi lại đôi điều tâm sự về trang Web Mái Ấm Văn Học được thành lập để làm điểm tái ngộ cho thầy trò hai trường Văn Học và Văn Khoa Đà Lạt cũ:

...“Những con người ấy hơn 40 năm trước, khi tóc còn xanh, và tim còn sôi nổi mộng đời gần như ngày nào cũng gặp nhau để đắp nền cho tương lai cả riêng lẫn chung” ... “Lao vào trang web kiểm từng tên, xem từng hình, nghe từng ca khúc và đọc từng câu thơ, và Đà Lạt lại hiện về toàn vẹn như xưa. Vẫn là Đà Lạt của những ngày hoa mộng giữa thập niên 1960! Đà Lạt của thuở hoa niên! Đà Lạt như một thành phần của đời ta! Những ngày tháng và những khung cảnh cũ bỗng cùng kéo nhau trở về. Hóa ra chúng không mất, mà chỉ tạm núp ở trong một ngăn kéo nào đó của ký ức, chờ cơ hội tái đầu thai, và cơ hội này nay đã đến!”

...“Tôi bắt đầu lên Đà Lạt hồi tháng 5/1968 và bắt đầu dạy ở trường Văn Học từ niên khóa 68-69. Khi ấy, tôi dạy môn Luận lý học lớp đệ nhất và Việt Văn lớp đệ tứ và đệ tam. Năm ấy tôi 25 tuổi. Vậy là thầy trò hơn kém nhau trung bình từ 7 đến 9 tuổi.

Năm học cuối trước khi tôi rời khỏi Đà Lạt (để đi lính) và sau đó, “tan tác” luôn, là niên khóa 73-74, năm đầu tiên và cũng là năm cuối của Tú tài trắc nghiệm IBM. Năm ấy tôi vừa 30 tuổi...

Đà Lạt đối với tôi từng là “thiên đường mơ ước,” nhất là khi tôi mới 25 tuổi, mới lập gia đình được 7 tháng và sống “những tháng ngày diễm mộng” ở đó. Bốn đứa con yêu thương của vợ chồng tôi đều được sinh ra ở Đà Lạt.

Trước năm 1975, những năm tôi ở Đà Lạt cũng là những năm tôi dạy ở Văn Học, rồi Văn Khoa, được làm việc trong một môi trường ấm cúng thân tình như giữa anh em ruột thịt. Đó là những năm êm đềm nhất trong đời tôi. Đó cũng là những năm hạnh phúc nhất trong đời tôi. Gần 40 năm sau, trí nhớ đã trở nên hoang vu và đầy khó! Khi hăm hở lục tìm trang web, có lúc tôi đã phải khựng lại, lặng người khi nhìn những khuôn mặt “cũ mà mới,” những cái tên và những đôi mắt “như quen mà xa lạ,” những hình ảnh và những nơi chốn “nếu không nói thì không thể ngờ.”

Nhà giáo họ Nguyễn qua đời năm 2014 tại Hoa Kỳ, thọ 71 tuổi.



Trần Cao Lĩnh

Nhiếp ảnh gia TRẦN CAO LĨNH lại có những kỷ niệm về Đà Lạt khác với các du khách thường:

“Màu sắc, âm thanh, cỏ cây, đồi núi, mây vương, sương phủ nơi Cao Nguyên Đà Lạt là một mục tiêu hấp dẫn nhiều nhà nhiếp ảnh. Chất men say địa phương đó quả đã là nguồn gây hứng mãnh liệt cho những con người đi săn hình ảnh.

Những người nhiếp ảnh thường ngoạn theo một lối riêng, không giống con mắt những du khách thường: có những đêm, trời còn tối mù trong giá buốt căm căm, chần bông đang trùm kín đầu mà bỗng nghe một ông bạn có bệnh dậy đêm suốt xoa nói: “Trời! Có hy vọng sương lắm!” là cả bọn vùng dậy sửa soạn, hơi thở phì phèo bốc khói. Họ vội vàng để kịp tới một nơi cách xa hàng hai ba mươi cây số, ở đây có sương đọng và cảnh chỉ Đẹp lúc mặt trời mới hé...

Khi đã mỏi mắt về những bố cục cảnh rộng bao la, họ tha thân lê la như đàn con trẻ trong bụi cỏ, bờ suối và mê man với từng cánh lan rừng, từng bông hoa dại đang nằm trong một chiều ánh sáng tuyệt mỹ. Đó là những công trình khám phá cái Đẹp, mà muốn tận hưởng khách du cần phải mắc được bệnh Say Mê...

Cái mà anh em nhiếp ảnh say mê nhất - gọi là bắt mắt - vẫn là những người Thượng "xấu xí" với những sinh hoạt hàng ngày. Nói đến hình ảnh Cao Nguyên mà quên đi vẻ đẹp người Thượng thì thật là thiếu sót. Người Thượng có một sức ăn ảnh lạ thường, màu da, góc cạnh, đường nhăn, nét lõm đều phân minh hòa hợp. Trước bối cảnh núi rừng, phải công nhận ngay họ có một vẻ đẹp phù hợp tuyệt đối. Họ đi đâu thường mang cả nhà theo, mỗi khi gặp là thấy một gia đình di chuyển trong nếp sống du mục. Cuộc đời của họ rất quyến rũ ống kính và đã rung động không ít những con mắt sành điệu trong thế giới ảnh.

Cho tới nay, hình ảnh Cao Nguyên Đà Lạt đã đóng góp một phần không nhỏ trong những tác phẩm gửi đi tranh tài quốc tế. Thành tích ghi được trên bảng vàng danh dự kể cũng đã một phần nào bù đắp được nỗi cực nhọc lận lộn của những con người Nhiếp Ảnh Việt Nam.

Những nơi ấy, của Trời Đất còn nhiều, có đi hàng tuần, ở hàng tháng lúc về cũng vẫn còn cứ thấy thòem thêm và vì vậy mỗi lần bàn nhau tổ chức một cuộc đi săn ảnh Cao Nguyên thì mắt anh em lại sáng ngời lên như những ống kính loại tối tân nhất.

...Thế rồi, khi chiếc máy đã đeo bên mình, ngả lưng vào đệm êm một chiếc xe đường trường, lơ mơ nhìn khói thuốc hương lòng mình lên Cao Nguyên, đường còn xa mới tới mà tai ù ù như đã vắng thấy tiếng chày giã gạo ở một sóc hẻo lánh nào, hay tiếng xe "tắc à tắc", một loại xe đặc biệt của Đà Lạt vẫn thường chở du khách đến những phần đất mang tên: Cam Ly, Suối Vàng, Rừng Ái Ân, Hồ Than Thở..."

TRẦN CAO LĨNH qua đời năm 1989 tại Hoa Kỳ, thọ 65 tuổi.

Trần Văn Lễ

Vốn cư ngụ tại thành phố Đà Lạt lâu năm nhà giáo, nhà thơ TRẦN VĂN LỄ bộc lộ nỗi lòng nhưng nhớ một cách thật tha thiết:

"Tôi thượng cư Đà Lạt vào một chiều mùa Thu năm 1958. Tôi chính thức mất quốc tịch Việt Nam cuối mùa Xuân 1989. Ba mươi mốt năm trời tôi ở với Đà Lạt, phải chi tôi chết đi để tôi quên Đà Lạt của tôi... Đà Lạt! Tôi nhớ. Đà Lạt ơi! Tôi chết mất.

Đà Lạt không phải là nàng Tiên mà tôi cứ tương tư, những đêm nằm trên gác trọ của thời đi học, của thời đi dạy, của thời lập gia đình với một người sinh ra và lớn lên trên miền đất núi. Hình như

Đà Lạt là con người nào đó to lớn gấp triệu triệu lần. Con người đứng cạnh đời tôi, con người cầm tay lái xe taxi đưa tôi về chỗ đầu tiên tôi đóng tiền ăn cơm tháng, con người cầm giấy cương xe ngựa đưa tôi đi vòng vèo trong thành phố rau hoa... Tôi thấy con người đó là mấy trăm khuôn mặt tuổi thơ ngời trường tiểu học tôi đến trình Sự vụ lệnh làm thầy giáo. Trại Hầm. Xứ của mặn chát, mặn chua, mặn dòn tan tiếng cười cô bé Thượng K'Ho. Tôi thấy con người đó là cổng Tam quan của chùa sư nữ Linh Phong, vị Sư Bà người Huế hiền mơ như bà nội của tôi, những cô "thầy chùa" xinh đẹp lạ lùng, quyết tâm từ bỏ cõi trần ô trược. Tôi thấy con người đó là nhà hàng khiêu vũ Night Club nơi tiếng hát Khánh Ly vút cao hút hẫng những ngày chưa ra đời Trịnh Công Sơn. Ngôi biệt thự nhiều ngói mái đỏ đỏ, nơi những tiếng hát uất nghẹn của thời khói lửa, nằm trên ngọn đồi án ngữ con đường đỏ dốc Trại Hầm, đổ sụp tan nát hồi năm 1968 bởi một trái mìn, còn làm kinh hãi mãi mãi lòng tôi. Tôi thấy con người đó là mặt nước hồ Xuân Hương chao sóng những ngày mùa Đông dữ dội, rợn rợn nắng nhảy trên những tàng cây mai hồng rực rỡ trong dịp Noel, soi bóng lung linh, long lanh, chờn vờn, chói với. Tôi thấy con người đó là hàng ngàn học sinh trường Nữ trung học Bùi Thị Xuân áo dài trắng, quần trắng, tóc thè bay tả tơi những buổi mai chào cờ, mắt biếc chao chao nhìn thầy cô chẳng thấy ai hiền như Phật...

Đà Lạt dẫn tôi về với nó bằng chuyến xe lửa leo núi. Ở tuổi thơ, tôi tự cho mình là anh hùng, như cái đầu máy xe lửa cổ lỗ kia, leo lên đến cao độ 1.500 m. Tôi hơn cái đầu máy xe lửa kia, tôi leo lên cả đỉnh núi Lang Bian cao 2.063 m nhìn bao quát Đà Lạt, ngó ra tận biển Cam Ranh, mây trắng, tôi hình dung bãi cát, thùy dương và sóng nước... Tôi đã đi vòng tròn Đà Lạt với con đường vòng Lâm Viên, cỡi Honda vào sâu những buôn Thượng, học nói tiếng Thượng, bập bẹ như bây giờ đang học nói tiếng Anh. Lúc nào tôi cũng nhớ Đà Lạt, muốn nhắc Đà Lạt với bất cứ ai. Đà Lạt ơi! Đà Lạt ơi! Tôi gọi thầm thiết suốt đời tôi sao?

Tôi không sinh ra ở Đà Lạt. Nhưng tôi lớn lên trong sương mù. Nhưng tôi lớn lên trong khói lửa. Nhưng tôi lớn lên trong bụi phấn bảng lả tả bay trên áo, trên đầu. Tôi nhớ những ngày nắng. Tôi nhớ những đêm mưa. Tôi nhớ những chiều say khướt. Tôi quên được một chút nào một thời khổ lụy. Tôi đẹp trai. Tôi xấu trai. Tôi lành lặn. Tôi tả tơi. Đà Lạt ơi, với tôi là một. Vui đó. Buồn đó. Hồi nào. Bây giờ.

Tôi có khả năng, tôi có thừa khả năng để mô tả Đà Lạt, quê hương trong trí nhớ, qua một bài luận văn lăm chừ... Tôi không

thích vẽ vôi Đà Lạt trong cái khung vải của người họa sĩ, trong một bài báo có chấm phết rõ ràng. Đà Lạt của tôi mơ hồ, lãng đàng, vu vơ, rõ ràng và cũng mờ mịt lấm lấm. Tôi ôm Đà Lạt vào lòng, mưa ra từng búng thơ. Tôi chưa thành công để đúc cho em, Đà Lạt yêu thương duy nhất, pho tượng vàng đọng kết từ máu xương tôi. Tôi chưa chết. Giết tôi đi! Để tôi quên Đà Lạt!...

Tôi muốn trở về dù tôi không làm gì được nữa ở Đà Lạt, nhưng tôi cúi xuống lượm được những cọng lá thông, thắt những chiếc nhẫn vàng của mùa Thu bất tận. Tôi yêu Đà Lạt mỗi mùa. Xuân Đà Lạt với mai đào thơm ngát. Hạ Đà Lạt với mận dòn, đắng, và chua chát. Thu Đà Lạt với lá thông lá tả. Đông Đà Lạt với phần vàng bay, sương vương...

Tôi thật sự đã không còn là người thầy. Tôi dạy cho các em chưa hết bài học yêu nước. Tôi cắn nát Đà Lạt đêm đêm những giọt nước mắt gửi về. Con dốc nhà làng ơi, tôi lẩn dãi đã mấy giắc chiêm bao!”

Nỗi nhớ thương của TRẦN VĂN LỆ với Đà Lạt được trút ra thành quá nhiều vần thơ. Bài “Đà Lạt ơi” viết năm 1990:

“Đau lòng xót dạ bỏ ra đi
Đà Lạt ơi thương lắm chẳng về!
Núi úp sông nghiêng buồn với tủi
Sương mù tuyết phủ tình hay mê
Ngựa đùa hí nắng trên đồi cỏ
Nai lạc tìm thu dưới lũng quỳ
Đất khách ai giăng màn lệ biếc
Mơ hồ cứ tưởng dặm sơn Khê.”

Thêm một bài thơ nữa của người xa xứ. Bài “Đà Lạt buồn ơi”:

“Đà Lạt ơi buồn! Gọi em từ Mỹ! Ta thèm ngựa hí nghe tiếng thời gian... Những đồi cỏ vàng, tháng Giêng còn nắng; em còn gánh nặng hai đầu mù sương...

Đà Lạt ơi buồn! Gọi em, muốn khóc, nơi ta chải tóc làm xanh nước hồ, em là Nàng Thơ yêu ta thời trẻ, nói lời nhỏ nhẹ: Em Chờ Anh Thôi!

Đà Lạt xa xôi... Nửa đời bóng đổ, ta thèm được dỗ như đứa trẻ con! Chân em bước giòn qua đường đá sỏi, có nghe ta gọi? Đà Lạt buồn ơi!

Sao em không cười cho con ngựa hí? Đồi xanh nước Mỹ nhớ sao cỏ vàng, tháng Giêng mệnh mang! Ta ngồi một chỗ như chim

trong ổ, như ếch trong hang!

Đà Lạt! Dấu than. Viết rồi ta chấm. Em nhìn mực đậm, khóc đi người yêu! Ta tuổi đời xiêu, mai về cũng gục, hai mươi năm nhục cất đầu không lên!

Đà Lạt ôi em! Lời này vĩnh biệt! Em còn tha thiết, hãy gánh mù sương rải cho trắng vườn, thấy ta tóc bạc, gió chiều bay giạt tà áo em xưa... Đà Lạt! Ước mơ! Ta còn hay mất?"

Thơ nhớ Đà Lạt còn nhiều, tạm ghi thêm bài "Hồi âm sương".

"Em muốn anh về dạo phố sương! Ôi câu em nói nghe mà thương... Phải chi anh hóa thành chim nhĩ thì nghĩa gì đâu mấy đại dương! Phải chi anh hóa thành mây nhĩ, chút khói chiều bay em thấy anh! Ai khiến em làm chi tượng đá, chờ anh đứng mãi giữa rừng xanh?"

Sương mù Đà Lạt như sương Mỹ, em ạ sương đâu cũng trắng trời! Anh ở đây chiều đi dạo phố, nhớ về Đà Lạt - nhớ em thôi!"...

Nguyễn Thị Ngọc Dung (USA)

Hình ảnh những cặp tình nhân có lẽ đã gắn liền với khung cảnh mộng mơ, với khí hậu lành lạnh mơn trớn da thịt của Đà Lạt nên nơi đây rất thích hợp để tình yêu nảy nở. Ai mà chẳng cần một vòng tay ấm quàng ngang bờ vai hay ôm ngang thân mình khi đi dạo phố cùng nhau? Từ ngàn xưa Đà Lạt luôn được coi là thành phố lý tưởng của những cặp tân hôn trong tuần trăng mật.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG (Virginia, USA) từng tâm sự rằng Đà Lạt là nơi thường được chọn làm "trường sở" cho những cô gái học vỡ lòng "làm vợ" và tường thuật lại chuyện đi hưởng tuần trăng mật này của mình với chàng Nguyễn:

"Tôi đã học lớp sơ cấp làm vợ từ đêm tân hôn và tuần lễ trăng mật ngắn hơn dự định trên thành phố Đà Lạt. Người vợ học trò cứ ngỡ cái nghĩa trăng mật thơ mộng hơn lên phòng ngủ, xuống phòng ăn, ra phố chợ rồi lại về khách sạn. Chúng tôi không đi ngoạn cảnh xa ngoài mấy bước dạo bên bờ Hồ Xuân Hương. Không một hình kỷ niệm được chụp như tôi nghĩ trước ngày cưới. Có một lúc, tôi đã ngúng nguẩy đi lên sân thượng của khách sạn nhìn ra bốn phía cao nguyên bao la. Ngọn Lang Bian xanh ngắt vẫn mơ màng trong màn mây phủ trắng. Nguyễn để tôi ngắm cảnh một mình, ngắm chán phải xuống phòng."...

Tuy nói thế nhưng có lẽ “giận thì giận” mà có lúc “thương thì vẫn thương” nên khi sau khi cô gái đã “tốt nghiệp khoá học làm vợ” và có dịp từ Sài Gòn lên thăm chồng tại trường Đại Học Quân Sự ở Đà Lạt một buổi nào đó cũng được NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG ghi nhớ và tường thuật lại một cách hào hứng với nhiều dấu ấn không kém phần thích thú xen lẫn “hồi hộp”:

“Một cái giường sắt nhỏ bên cửa sổ. Đây đó, vài cái khác trông hay có người nằm, ngồi trong phòng ngủ chung rộng lớn của quân trường. Nguyễn xách cái va-li nhỏ và ôm eo tôi:

- Đi lại giường anh ngồi cho đỡ mỏi chân...

Nguyễn ngã người trên giường, một tay chống đầu, một tay vuốt tóc tôi:

- Em nằm xuống đây nghỉ với anh.

Tôi nhìn xung quanh:

- Kỳ quá anh, không được!

Nhưng Nguyễn đã nhanh tay kéo tôi ngã xuống bên chàng và tung chăn trùm kín cả hai. Nguyễn bắt đầu ôm hôn, sờ soạng vợ lia lịa. Tôi càng chống cự, chàng càng tham lam. Tôi trở sang thế thụ động, nằm yên để Nguyễn dụ con sồi động. Tôi thì thầm:

- Đừng! anh ơi, đừng! Thấy mình lục đục trong chăn người ta cười cho. Anh làm tôi, lát nữa em phải đội cái chăn này đi ra cửa đấy. Xấu hổ chết mất!

Quả nhiên, ngọn núi lửa hạ hỏa dần, không đòi phun nhám thạch bất tử. Thoát giây phút gay gắt, tôi thỏ thẻ dò hỏi Nguyễn, vẫn trong chăn trùm hum tối:

- Thế các bà, các cô khác vào thăm, các ông cũng làm thế này ư?

- Bậy nào, không phải vợ, ai dám ầu...

Nguyễn mở chăn lên và đóng sập xuống ngay:

- Chúng nó ngồi đây ra xung quanh nhìn mình đây này!

Giấu mặt vào ngực Nguyễn, tôi hốt hoảng:

- Anh hại em quá. Bây giờ phải làm sao?!

Nguyễn xoa lưng tôi thích thú:

- Anh nói giỡn vậy thôi. Chúng nó thấy mình lục đục đã lảng hết rồi.

- Lại còn chuyện đồng lõa nữa. Khiếp các ông quá!”

Mãi sau đó khi không hoàn toàn như ý với không khí gia đình của mình tại Sài Gòn cô vợ trẻ lại chọn thành phố Đà Lạt để lên ở dăm ba bữa hầu xa lánh cái bực bội trong liên hệ vợ chồng:

“Để một miếng giấy trên bàn đầu giường ngủ với hàng chữ, “Đi chơi vài ngày thay đổi không khí” tôi xách va-li nhỏ ra bến xe đò

Minh Trung, mua vé xe đi Đà Lạt. Xe nghỉ ở Định Quán và nhiều chỗ khác, tôi không ra khỏi xe một lần. Đến thành phố của đồi cỏ, rừng thông, tôi thuê một phòng trong khách sạn mà Nguyễn và tôi đã ở tuần trăng mật. Dù sao chỗ này cũng có vẻ quen thuộc, đỡ sợ.

Nhân viên khách sạn lưỡng lự, soi mói nhìn tôi từ đầu đến chân... Tôi kiếm mua mấy tờ báo văn học mà tôi vẫn thích đọc thời nữ sinh, rồi đi ăn phở, một món ăn giản tiện nhất cho kẻ độc hành trong cái lạnh đến tận mảnh xương tủy nhỏ. Tiệm phở Đà Lạt đặc biệt có nhiều rau diếp, giá sống và các rau húng cây, húng quế, húng xoăn, ngò gai để trên bàn. Tôi cố ăn hết tô phở cho no, mong về khách sạn ngủ dễ dàng. Nếu được chọn giữa ăn và ngủ để sống, tôi chọn điều thứ hai. Người đàn bà trẻ có chồng phụ bạc, xa vắng từ lâu, luôn thiếu giấc yên lành."

Những tuần "trăng mật" ở Đà Lạt lúc nào cũng là... "mật đắng" cả hay sao? Đối với người khác chắc tình tứ và thơ mộng chứ!

Bùi Bích Hà

BÙI BÍCH HÀ cũng ghi nhớ lại kỷ niệm về tuần trăng mật của mình tại Đà Lạt năm xưa:

"Năm 23 tuổi, tôi lấy chồng. Trước ngày cưới, chàng viết thư cho tôi: "Anh sẽ đưa em đi Đà Lạt." Chuyển đi như một giấc mơ lạnh lẽ, vội vàng, buồn tủi. Đà Lạt ít tiếng động hay lòng tôi hoang vắng, quạnh hiu? Cô gái tình lẻ đứng ngơ ngác trên mấy bậc thềm đá rộng ở tiền đình khách sạn Palace. Cầu thang trải thảm đỏ im lìm. Gian phòng ăn với những người hầu bàn quần áo hồ cứng, khăn trắng vắt trên tay, sẵn sàng ngay từ ánh mắt đầu tiên của thực khách. Họ di chuyển êm như những chiếc bóng, thỉnh thoảng nghe tiếng lách cách của dao nĩa chạm nhẹ vào nhau như tiếng nứt rạn của không gian căng cứng sự yên lặng. Xeo xéo bên kia đường hình như là tu viện Nazareth. Tôi cố hình dung ra bộ mặt hạnh phúc của những người nữ bên sau vì tường cao và cánh cửa đóng kín. Có lẽ ở bất cứ đâu, bộ mặt hạnh phúc đều giống nhau, tường chùng hoặc mãi mãi cứ là một đuổi theo, tìm kiếm.

Chợ Đà Lạt có những bà hàng hoa khăn mỏ quạ, môi cắn chỉ, mặc áo bông, làm liên tưởng đến làng hoa Ngọc Hà trong Tự Lực Văn Đoàn...

Ở chỗ con dốc đầu chợ thoải lên rạp chiếu bóng Ngọc Lan, có một hàng quà Huế ngon chảy nước mắt: bánh khoai, mì Quảng...

thứ nào cũng xuất sắc. Vỏ bánh khoai dòn rụm, lát chuối xanh hăng mùi nhựa non, ăn với một tép tỏi trắng nõn và một thìa nước lèo mượt như xa tanh, gọn một chút váng đỏ như vân hổ phách. Sau Hội An, mì Quảng không ở đâu sánh bằng Đà Lạt. Nước tôm kho đánh, cay xé họng, thấm vào từng sợi mì thơm phức mùi bánh tráng mè nướng vừa tới, bắp chuối non bóc hết lớp áo nâu, trong như một búp ngọc lan khổng lồ, còn giữ nguyên trong thớ mỏng mùi cỏ cây hoang dã của những mảnh vườn quê Việt Nam, rau húng thái nhỏ... Trong thời tiết Đà Lạt se lạnh, những thức ăn đậm đặc gia vị của miền Trung có tác dụng của một bếp lửa ấm. Khác với phong cách Hà Nội đôi đĩa sơn gầy từng cọng giá, người ăn tô bún bò Huế hay tô mì Quảng bên hè đường vội vàng, hối hả, xuyết xoạt, như bị cảm xúc và vị giác rượt đuổi, đỡ mồ hôi, đã diều, mệt nhoài.

Đà Lạt những năm 68-69 còn một quán ăn đêm đầu như ở cuối con dốc Duy Tân, do hai chị em cùng xinh đẹp, duyên dáng, làm chủ. Nói là quán, nhưng thực tế chỉ là cái xe gỗ thấp đèn bão, chỗ ngồi là những cái ghế đầu xếp chen chúc xung quanh ba phía của cái xe. Thức ăn gồm có xôi lạ xường, xôi gà, bánh cuốn nóng, cháo lòng v.v... Thực khách đến ăn, một phần để thưởng thức món ăn lúc bao tử đã ngọt bữa cơm chiều hay sau chuyến đi dài từ Sài Gòn lên, một phần để nhìn ngắm dung nhan hai cô chủ quán, bàn tay thoăn thoắt trên thớt thịt và chông bát đĩa cao nghêu, đôi má đỏ au, đôi môi cười như hoa nở, và một phần nữa để hưởng cái thú ăn uống tự do và ấm áp giữa trời đêm Đà Lạt băng giá, bên cạnh những người bạn bỗng dựng thấy gần nhau hơn trong vầng sáng thu hẹp bên trên chỗ ngồi.”

BÙI BÍCH HÀ kể lại chuyến lên Đà Lạt và lưu ngụ tại một trong hai ngôi biệt thự dành cho nhân viên của hãng Shell đi nghỉ hè:

“Tòa nhà bốn phía cửa kính, tọa lạc trên ngọn đồi thông nghe nói gần khu trường Đại Học Quân Sự. Các con tôi từ một căn phố chật gần chợ Bà Chiểu, nay đặt chân đến tòa nhà kiến trúc mỹ lệ này, chúng thành thoi như những con cá nhỏ bơi trong hồ nước lớn. Ban ngày, chúng đuổi bắt nhau sau những góc thông thơm mùi nhựa tươi. Buổi tối, nằm trong ghế bành ấm hơi lò sưởi, chúng lắng nghe tiếng lửa nổ tí tách và tiếng gió lùa rì rào qua rừng thông xung quanh nhà, tưởng tượng đến những chuyện thần tiên thường nghe bà ngoại kể, rồi ngủ thiếp đi, vàng trán thơ ngây lắng đặng giấc mơ hiền hòa.”

Trong một đoạn khác viết về ngôi nhà của ông anh tại Đà Lạt:

“Dưới dàn hoa và bên khung cửa sổ vẫn vương những dây leo xanh mướt... Tôi yêu cái lạnh se sắt dưới trời Đà Lạt mờ sương, những khoảng đường tịch mịch gọi nhắc mơ hồ một thời quá khứ.

Tháng 3 năm 1975, được tin mất Đà Lạt, tôi khóc vui. Cái ý nghĩ thôi từ nay không bao giờ còn được nhìn thấy Đà Lạt khiến lòng tôi rã rời, đau đớn.”...

Hồng Thủy

Cô nữ sinh trường trung học Trưng Vương HỒNG THỦY cũng ghi lại những kỷ niệm yêu dấu của mình với Đà Lạt, nhất là “chuyến trăng mật muộn” của chính mình về sau này:

“Tôi không phải là dân Đà Lạt. Cũng chưa về định cư ở Đà Lạt. Nhưng tôi có nhiều kỷ niệm với Đà Lạt và yêu Đà Lạt vô cùng.

Lần đầu tiên đặt chân đến Đà Lạt là năm tôi vừa 15 tuổi, cái tuổi với riêng tôi vẫn còn nghịch phá, chưa biết mơ mộng về tình yêu, và còn ngô nghê nhiều khi đến buồn cười. Tôi được mẹ dẫn đi nghỉ mát Đà Lạt cùng với phái đoàn của nhà thờ. “Phái đoàn nhà thờ” này gồm có vài gia đình “ngoan đạo thứ thiệt” và là những người năng nổ hoạt động và có tiếng tăm trong nhà thờ...

Những ngày ở Đà Lạt, chúng tôi ở biệt thự Tĩnh Tâm, ngôi biệt thự khá lớn có thật nhiều hoa Pensée, hoa hồng và hoa bất tử (Immortel), một loại hoa giống như hoa cúc nhỏ, có đủ màu thật đẹp. Đặc điểm của loại hoa này là cánh hoa giống như hoa giả nên không bao giờ tàn. Một bình hoa bất tử có thể chơi được từ năm này qua năm khác. Để lâu, màu hoa phai dần đi, nhưng bông hoa thì vẫn nguyên vẹn như mới...

Lần thứ hai viếng thăm miền cao nguyên thơ mộng này, sau khi tôi đã lập gia đình và có đứa con trai đầu lòng. Thường thường sau đám cưới, cô dâu chú rể hay dắt nhau đi hưởng tuần trăng mật ở Đà Lạt. Riêng tôi, lấy chồng nhà binh, những ngày phép quá ngắn ngủi để lo liệu một đám cưới, nên chẳng còn ngày giờ đi trăng mật. Phải tới khi đứa con đầu lòng tròn hai tuổi. Chàng của tôi được nghỉ phép một tuần sau chuyến công tác quá dài... chúng tôi mới có thì giờ đi “trăng mật muộn”.

Chuyến “trăng mật muộn” này có cả cậu quý tử nhóc tí và cô người làm đi theo. Chúng tôi ở nhà người bạn thân của chúng tôi, anh Nguyễn Hữu Nghi, trưởng ty điện đạ Đà Lạt. Nhà của anh chị Nghi đẹp và thơ mộng vô cùng. Ngôi nhà toàn bằng gỗ thật lớn tọa lạc giữa rừng thông rộng mênh mông. Mỗi bữa cơm chúng tôi

được chị Nghi cho ăn những món xào nấu thật ngon với toàn rau tươi hái ở ngoài vườn.

Mỗi lần theo chị Nghi đi chợ Đà Lạt là tôi lại ngẩn ngơ nhìn những cây hoa Mimosa vàng trong nắng ở hai bên đường. Tôi thích nhất là gian hàng hoa và trái cây. Hoa nào cũng đẹp, trái cây nào cũng căng mọng nhìn phát mê luôn.

Anh chị Nghi đưa chúng tôi đi thăm hết các danh lam thắng cảnh của Đà Lạt. Nơi nào cũng có những nét đẹp đặc biệt, khiến khi rời Đà Lạt tôi không thể nào quên.

Những năm cuối ở Việt Nam, chúng tôi may mắn sống ở Cam Ranh, khá gần Đà Lạt. Tỉnh thoảng cuối tuần, chúng tôi lại lái xe lên chơi Đà Lạt. Để được ăn tô phở Bằng thật ngon. Được đập thuyền ở hồ Xuân Hương. Được có cái thú ngồi vỉa hè, ăn ly chè nóng hay nhâm nhi cái bắp nướng ngon tuyệt ở dốc Minh Mạng, gần khu chợ Hoà Bình. Hoặc lâu lâu lại ghé phòng trà La Tulipe Rouge nhẩy đầm và nghe nhạc. Hình như cái không khí lạnh của Đà Lạt làm cho phòng trà quyến rũ hơn.

Mới đây mà đã 30 năm qua. Sáng nay ngủ dậy nhìn qua cửa sổ, sương mù còn vương vẫn trên những ngọn thông xanh. Tự nhiên tôi thấy nhớ Đà Lạt.”

Nhiều năm sau, HỒNG THỦY làm bài thơ “Lời Ước Đầu Năm” nhắc nhở lời phu quân hứa hẹn là sẽ đưa về thăm lại Việt Nam:

...”Ngắm tất cả những danh lam thắng cảnh
Mình sẽ sống ở một thành phố thật dễ thương
Đà Lạt mờ sương
Có hoa Mimosa mà em vẫn thường nhắc nhở
Mỗi buổi chiều
Anh sẽ đưa em đi dạo Hồ Than Thở
Hay ngồi bên nhau ngắm thác Cam Ly”...



Quỳnh Anh

QUỲNH ANH (Phạm Thị Ánh Bích) chuyên về thể thơ “lục bát”, ngâm ngợi vì cuộc tình lỡ, viết đôi dòng hồi ký đầy cô đơn hờn tủi về Đà Lạt xưa và đặt tên là “Vàng trắng kỉ niệm”:

“Đà Lạt ngoài cái vẻ mỹ miều, thơ mộng, lãng mạn, tình tứ, còn là nơi đầy kỉ niệm, là thiên đường của riêng em. Khi chưa đến Đà Lạt, em vẫn mơ sẽ có những đêm cùng anh ngắm trăng vàng trên đỉnh Lâm Viên. Nhớ quê hương, em lại nhớ Đà Lạt thân yêu với niềm ước mơ không trọn vẹn và những thương đau của cuộc tình dang dở.

Đêm năm đó, Đà Lạt đang thiêm thiếp dưới ánh sáng mơ màng bàng bạc của trăng hạ tuần. Minh em thơ thẩn trước ngôi biệt thự gần hồ Than Thở, nhìn ánh đèn le lói trên lầu cao. Em ước mong cánh cửa chợt hé ra và anh bước đến bên em thắm thì: “Anh mãi mãi yêu em, không bao giờ thay đổi và chúng mình sẽ không bao giờ chia cách”. Cánh cửa vô-tri im lìm không biết xúc động vì tình cảm khắc khoải của em và anh cũng chẳng bao giờ biết đến em đang thần thờ dưới ánh trăng mờ để thương đau, để hờn tủi, để đợi chờ vô vọng.

Em lần bước theo ánh trăng khuya đến hồ Xuân Hương, lang thang dưới rặng hoa đào để ước mong mình được tan loãng trong biển sương mờ đục. Những đám mây lững lờ theo nhau về che khuất vàng trắng. Bóng trăng trên mặt hồ cũng nhạt nhòa tan biến đi. Cho đến bây giờ mỗi lần nhớ lại, em vẫn muốn bật khóc cho tủi hờn đau xót theo dòng nước mắt trôi đi, cho lòng nhẹ bốt nỗi chua xót, đắng cay.

Đêm nay trăng huyền ảo, thắm lạnh hờn em. Về khuya, thính không vắng lặng êm đềm trong giấc ngủ yên bình và hình như không có tiếng chim kêu sương. Những bụi trúc, khóm mai ướt sương đêm, đang run rẩy tắm ánh trăng vàng. Em ngồi đây tưởng nhớ đến anh, nhớ vô vàn. Em nhớ kỉ niệm xưa, nhớ Đà Lạt với những con dốc mù sương, với hồ Than Thở, với rừng Ái Ân, với trăng soi đáy nước, với mây trôi lững lờ. Mây trời đang lẳng đặng, vẫn vương với trăng, với gió, và em đang ngẩn ngơ gửi hồn mình theo:

“Nổi trôi chỉ thấy mây trời
Lênh đênh ta vẫn giữa đời cô đơn.”

Sau đó cô gái Bắc Ninh QUỲNH ANH đặt bút viết bài thơ cùng tựa đề là “Vàng trắng kỉ niệm”:

“Tình xưa đã chẳng vuông tròn
Nâng niu kỉ niệm nét son thiếu thời
Khư khư nuối tiếc ngàn khơi
Vàng trắng thừa ấy một đời băng khuâng
Chia tay lòng vẫn phân vân
Biết bao năm tháng âm thầm nhớ ai.”

QUỲNH ANH viết tiếp “Đà Lạt trong mơ” (năm 2001), ghi lại những kỷ niệm về tình ái đầy “xót xa”, lắm “tủi hờn” của mình tại thành phố sương mù miền cao nguyên:

“Đà Lạt, nổi ám ảnh khôn nguôi trong lòng; nhưng Đà Lạt cũng là chốn tôi hằng mơ ước. Trước khi tới Đà Lạt, tôi vẫn thường mơ thấy mình đang sống rất yên bình hạnh phúc trong tình yêu thương của người yêu dấu. Cái thành phố xinh đẹp có sức quyến rũ làm tôi say mê cũng có khả năng dập tắt ngọn lửa yêu đương đang bùng cháy trong trái tim ngây thơ khờ dại nhưng rất nồng nhiệt của tôi. Thế rồi, mộng đẹp đã theo những giọt mưa xuân ngày ấy trôi đi mất. Hi vọng tương lai cũng đã tan theo khói sương mờn mang đầu núi, lãng đãng ven rừng:

“Mộng ngày xanh đã lờ làng
Biết bao tủi hận muôn vàn đắng cay.”

Rời từ đó, ngay trong tuổi thanh xuân, trái tim tôi đã băng giá, cần cỗi, rã rời. Nỗi đau bắt nguồn từ thành phố xinh đẹp này là một vết thương đau nhức mãi.

Trong những năm tháng đặng đặng, tôi cũng đã cố gắng tạo cho mình niềm hi vọng. Hi vọng có một ngày nào mình quên được nỗi xót xa. Nhưng, cho mãi đến hôm nay, mái tóc đã điểm sương, nhưng niềm hi vọng cũng là hoài vọng mà thôi. Tuy thế, thành phố Đà Lạt đối với tôi vẫn là niềm mơ ước không đạt được. Đối với tôi, đỉnh Lâm Viên là ngọn Hi Mã Lạp Sơn của những người leo núi. Họ cũng như tôi, cũng mơ ước lên được tới đỉnh núi, nhưng cơ may không đến với tất cả mọi người.

Những ngọn đồi chìm đắm trong sương mù lúc hoàng hôn ập đến. Những con đường dốc núi, mơ hồ, chập chờn trong những buổi sáng mù sương. Những rặng thông hiu hắt che khuất những mái nhà thấp thoáng bên trong. Những ánh đèn hắt ra từ những căn biệt thự ấm áp, quyến rũ những kẻ lữ hành trong đêm đông giá lạnh. Bao nhiêu lần tôi tự vẽ vào bức tranh mộng tưởng của tôi rất nhiều hình ảnh tuyệt vời. Nhưng, về tình tử, diễm lệ của rừng Ái Ân, hồ Than Thở, thác Cam Ly lúc nào cũng gọi cho tôi một

niềm đau chưa rút, nỗi tủi hận khó quên. Cái thành phố xinh đẹp nên thơ đã làm cho tôi nhận thức được thực tế rất phủ phàng, lạnh lùng đến tàn nhẫn. Dù sao đi nữa, tôi vẫn yêu thương Đà Lạt, nâng niu giấc mộng đầu đời của tôi. Kỉ niệm dù có đón đau, chua xót, nhưng không bao giờ lia bỏ mình:

“Con đường phố núi mù sương
Đã xa nhưng mãi vẫn vương dạ sầu.”

Con bão nào đi qua cũng để lại những tàn phá, tan hoang, đổ nát. Lòng người cũng không tránh khỏi những tiếc nuối, đón đau. Đà Lạt bao giờ cũng gắn liền với những kỉ niệm thời niên thiếu. Một hình ảnh nhỏ cũng đủ gọi cho tôi nỗi nhớ thương về thành phố mến thương muôn trùng xa cách.”

Tuy buồn tủi, dù mái tóc đã đổi màu, nhưng QUỲNH ANH vẫn mong có dịp trở lại chốn cũ nơi ghi nhiều dấu ấn quãng quai trong con tim. Phải chăng nhà thơ muốn đi tìm lại “thứ đau thương” của tuổi thanh xuân ngày nào?:

“Nếu có một ngày được trở về quê cũ, nơi tôi muốn viếng thăm nhất vẫn là Đà Lạt. Tôi ao ước trở về để như được nhìn lại một quãng đời ngây thơ thủa trước. Ngày đó, tôi sẽ lên đỉnh Lâm Viên, tìm những cây thông cao, cao vút chạm vào những đám mây lang thang trên nền trời xanh ngắt, tan loãng trong không gian cùng với giấc mộng ngày xanh của tôi. Bên gốc thông già tôi sẽ suy tưởng về cái thông lệ của trần gian. Mộng và thực rất gần gũi nhau nhưng xa cách muôn trùng. Mộng mong manh. Tình đời đổi thay, phủ phàng. Tôi sẽ được ẩn náu trong cái vùng sương khói lênh đênh đó mà sâu bi, héo hắt:

“Khói sương mờ mịt đất trời
Lá vàng phủ kín một thời tóc xanh
Giấc mộng xưa đã mong manh
Nếu còn thương nhớ sao đành lia xa.”

QUỲNH ANH đã già từ nhân thế, chia tay các văn thi hữu tại Virginia, Hoa Kỳ để đi về cõi Vinh Hằng vào tháng 7 năm 2012. Hưởng thọ 81 tuổi.

Tác giả các thi phẩm “Tình Trong Cõi Mộng” (1998), “Một Thoáng Chiêm Bao” (2005) và thi phẩm có tiêu đề “Vầng trăng kỷ niệm” vừa hoàn tất vào năm 2012 nhưng chưa kịp ra mắt người yêu thơ.

Phạm Duy

Nhạc sĩ PHẠM DUY viết lại những kỷ niệm đầu đời của mình khi mới bước chân vào “nghề hát” với gánh hát Đức Huy và nhắc tới Đà Lạt khoảng năm 1944, khi nhạc sĩ ghé thăm lần đầu:

“Nhưng trước khi leo lên được một nơi thần tiên là Đà Lạt, gánh Đức Huy - Charlot Miều tới hát ở Phan Rang.

Những ngày lưu lại ở tỉnh này không có gì là đáng kể nếu tôi không có một kỷ niệm đẹp... Vào lúc tôi bước vào nghề hát, đã làm gì có báo chí chuyên môn loan tin về những hoạt động của kịch trường hay âm nhạc. Chưa có những vị phóng viên hay ký giả sân khấu để mình kín đáo bỏ vào túi họ tí tiền cà phê, nhờ họ viết bài quảng cáo, khen ngợi.

Lúc đó chưa có một bài báo nào nói tới tôi hay nói tới những bài hát của Văn Cao cả. Nhưng tiếng đồn về anh du ca đầu tiên đi gieo rắc nhạc buồn đã được khá nhiều người trong mọi giới biết tới. Cho nên một hôm bỗng có xe hơi của ông tỉnh trưởng Phan Rang là Nguyễn Duy Quang tới rạp hát để đón tôi vào Dinh, giữa sự ngạc nhiên của nhân viên đoàn hát. Vào trong dinh tôi mới biết là có ông Bảo Đại đang ngồi ở đó. Ông thường trị vì tại Đà Lạt và đi bắn ở trong rừng nhiều hơn là ngồi trên ngai vàng tại Huế.

Hôm nay ông từ một vùng săn bắn nào đó xuống chơi thành phố Phan Rang và nghỉ ngơi trong Dinh Tỉnh Trưởng. Tôi đã biết tới sự yêu nhạc của ông vua khi thấy ông đem người con trai của Thượng Thư Phạm Quỳnh là Phạm Bích vào làm bí thư riêng chỉ vì anh này đánh đàn guitare rất giỏi.”

PHẠM DUY kể lại chuyện mình đàn hát cho vua Bảo Đại nghe tại Phan Rang:

“Đã không còn coi đối tượng là quan trọng nữa, đã chủ trương khi cất lên tiếng hát là hát cho mình nhiều hơn là hát cho người, nên tôi chẳng có một mặc cảm nào khi ngồi ôm đàn hát cho ông vua nghe. Ông Bảo Đại, rất lịch sự, rất nhã nhặn, sau khi nghe hát xong, ngồi mời tôi ăn bánh ngọt và nói chuyện với tôi bằng tiếng Pháp. Hỏi tôi học nhạc ở đâu? Từ bao giờ? Hơi ngạc nhiên khi thấy tôi trả lời là chẳng học ai cả! Hỏi thăm về ông Khiêm, về gia đình tôi. Một ông vua yêu nghệ thuật như vậy chắc chắn là đẳng sau cặp kính đen mà ông thường đeo, có ẩn nấp một đôi mắt nhân từ. Ừ, đúng như vậy, trải qua bao nhiêu biến thiên của lịch sử, có nhiều kẻ quai mồm ra phê bình Bảo Đại là thế này thế nọ,

nhưng tôi chưa thấy ai dám nói ông ta đã bỏ tù hay đã giết một người Việt Nam. Trong khi qua hai ba lần Cách Mạng quốc gia và quốc tế, có biết bao nhiêu người đã bị thủ tiêu hay bị cầm tù bởi những nhà lãnh đạo mệnh danh là yêu nước thương nòi...

Xong buổi hát "vo" (theo tiếng nhà nghề là: hát không lấy tiền) khi tôi ra về, tỉnh trưởng Nguyễn Duy Quang tiễn tôi ra cửa, rất tế nhị, tay cầm sẵn một gói quà là 5 thước vải phin rất tốt để tặng anh ca sĩ trẻ tuổi. Với số vải này, tôi may được hai cái áo sơ-mi, một cái mặc cho tới khi rách, một cái sẽ tặng anh bạn thi sĩ Nguyễn Bình khi gặp anh ở Saigon một vài tháng sau để anh bán lấy tiền vào nằm tiệm hút. Về tới rạp và khoe là vừa hát cho vua nghe, cả gánh hát lắc đầu le lưỡi thán phục... Vài ngày sau, gánh hát giã từ Phan Rang, giã từ một miền có những cồn cát lớn và trắng toát như cảnh siêu thực ta chỉ thấy trong một giấc mộng đêm hè."

PHẠM DUY nói tiếp về chuyến thăm thành phố Đà Lạt thời đó và hết lời ca tụng phong cảnh thành phố:

"Muốn lên Đà Lạt, hành khách phải đi tàu hoả từ ga Phan Rang chạy ra Tourcham để chuyển qua những con tàu có móc sắt (crémaillère) ở gầm xe thì mới leo tới nơi cách mặt biển 1.500 thước cao.

Thành phố Đà Lạt quả là một nơi thần tiên. Khởi đầu là một bác sĩ người Pháp tên là Yersin, từ cuối thế kỷ thứ 19, sau khi dùng cả hai đường bộ và đường thủy để thám hiểm vùng phía Nam của miền Trung nước Việt, đã leo lên cuối dãy Trường Sơn và tìm ra một bình nguyên có núi rừng hùng vĩ nhưng không hề hùng hoang dã, có khí hậu hiền hoà và có đủ mọi loài hoa đua nhau nở như trong một mùa Xuân bất tận. Rồi Toàn Quyền Doumer nhìn thấy công ích của nơi lâm viên này để sau khi Bác Sĩ Yersin qua đời thì công cuộc xây dựng nơi nghỉ mát Đà Lạt được khởi sự vào năm 1923 và tới năm 1944 là lúc tôi tới đó thì đã có đầy đủ những cái làm nên Đà Lạt mà chúng ta gọi là Hồ Than Thờ, Rừng Ái Ân, Thung lũng Tình Yêu...

Đã được đi nhiều nơi trên đất nước nhưng tôi không thấy phong cảnh ở đâu đẹp như ở đây. Mang tinh thần vọng ngoại như hầu hết thanh niên thời đó, tôi sung sướng được tới một thành phố giống như ở Âu Châu. Tưởng mình đang ở Thụy Sĩ hay Đức Quốc. Đi trong mây, thở ra khói, nhìn núi rừng, nghe chim hót, ngửi mùi hoa... đó là tất cả những gì mà tuổi hoa niên mơ mộng có thể thực hiện khi tới Đà Lạt.

Cạnh nhà ga Tourcham là ngôi tháp Hồi chưa bị lâm vào cảnh hoang tàn nên hồng hào và sạch sẽ hơn cái tháp cổ lở lói ở Tuy Hòa rất nhiều. Gặp gỡ dòng dõi của Chế Mân, với con mắt họa sĩ, tôi mê mầu áo của những cô gái Chăm, khi thì là mầu hoa lý tươi, khi thì là mầu vàng anh nhạt, những mầu sắc không thấy có nhiều trên y phục của các cô gái Việt.

Sau này tôi được Trung Tâm Điện Ảnh phái ra đây để quay phim vũ nữ Chăm, cầm quạt múa điệu padit (múa bướm) trước tòa tháp cổ. Và khám phá ra âm giai Chăm được dùng trong tọ tam ta ra (bài hát ân tình) là âm giai hơi oán Do Mi Fa Sol La, giống như âm giai trong Hát Bài Chòi hay của Vọng Cổ chứ không phải giống như âm giai trong Ca Huế.”

Phải xin phép mới lên được Đà Lạt vào thời điểm đó vì nơi đây được coi là “hoàng triều cương thổ”:

“Vào hồi đầu thập niên 40, người dân đen muốn tới thành phố Đà Lạt không phải là chuyện dễ dàng đâu! Phải làm đơn xin phép và chờ Sở Mật Thám điều tra rồi ba tháng sau mới có giấy đi. Thường thường chỉ là giấy cho phép tới nơi nghỉ mát (villégiature) này trong một thời hạn nào đó. Nếu muốn tới làm ăn sinh sống ở Đà Lạt thì lại một chuyện khác, một chuyện khó khăn vô cùng. Người Pháp thành lập ra thung cảnh Đà Lạt để dành riêng cho người da trắng. Gánh Đức Huy lên Đà Lạt để dành vì anh Chúc đã đút tiền cho Sở Cảnh Sát rồi.

Tại Đà Lạt, gánh hát Đức Huy cư ngụ và trình diễn ở rạp Ngọc Hiệp trên đường Cây Queo. Người bạn mới của tôi là Lê Xuân Ái, tác giả của những bài Hồn Nam Tướng, Chinh Phụ Hoài Khúc, Thiên Lý Mã, Huyền Trân Công Chúa, Con Thuyền Trên Sông... và có chân trong ban nhạc của Năm Lành, em vợ (vợ bé) của một triệu phú miền Nam là ông Đội Có.

Nghệ sĩ tài hoa Lữ Liên (trong ban A.V.T.) cũng đang làm việc tại Nha Công Chánh Đà Lạt. Nguyên là cầu thủ đá banh của đội banh vô địch Đông Dương là Cottonkin, Lữ Liên, cũng như số đồng thanh niên thời đó, ưa thích cuộc đời giang hồ và đã Nam Tiến từ năm 1942. Tại Đà Lạt, Lữ Liên hoạt động trong ban kịch tài tử rồi làm việc tại Đài Phát Thanh ở đó trước khi vào Saigon, trở thành người thổi hoa loại nhạc hài hước mà người khởi đầu là Trần Văn Trạch.”

PHẠM DUY kể lại những hương vị ái tình của mình trong những chuyến ghé thăm Đà Lạt về sau này để kết thúc bài viết về kỷ niệm với Đà Lạt thuở xa xưa:

“Sau này, tôi có tới thiếu hơn mười lần đi về chốn cao nguyên Đà Lạt. Lần nào cũng nằm tròn trong vòng tay ân ái của một người tình. Một người giúp tôi soạn nổi rất nhiều câu hát ái tình, từ... ngày đó có em đi nhẹ vào đời... cho tới... nghìn trùng xa cách người đã đi rồi... Và có đầy đủ những kỷ niệm tươi vui hay buồn bã nhưng tất cả những nỗi hân hoan hay ủ rũ cũng đều không se sắt hay nặng nề mà chỉ êm đềm như màu trắng đã ấp ủ tôi vào những đêm đầu tiên tới Đà Lạt này. Một màu trắng đã đến từ lâu với nhà thơ Hàn Mặc Tử:

*“Cả trời say nhuộm một màu trắng
Và cả lòng tôi chỉ nói rằng
Không một tiếng gì nghe động chạm
Dấu là tiếng vỡ của sao băng...”*

PHẠM DUY rời Việt Nam, xin tỵ nạn tại Hoa Kỳ vào tháng 4 năm 1975. Rồi quay trở lại xin sống tại Việt Nam từ năm 2005 và sau đó qua đời tại Sài Gòn tháng 1 năm 2013. Hưởng thọ 93 tuổi.



1967

Hà Bình Trung

Nhà văn, nhà thơ HÀ BÌNH TRUNG với bút hiệu HỒNG BẢO, viết lại biết bao kỷ niệm xưa của mình với Đà Lạt trong thời trai trẻ khi còn khoác chiến y, tính ra đã hơn nửa thế kỷ:

"...hình ảnh cũ xưa của Đà Lạt một thời thơ mộng (1953-1955), thời tuổi trẻ mà tôi đã sống, vẫn còn in trong trí óc, tưởng không bao giờ có thể quên được.

Thấm thoát đã gần nửa thế kỷ trôi qua từ ngày tôi đạp xe lửa ở ga Mường Mán lên Đà Lạt trên con đường sắt dốc thoải, có một đường rãnh cửa ở giữa, giữ cho xe lửa khỏi tụt lùi. Đêm đó quá nửa khuya tàu mới lên tới ga Đà Lạt. Một đoàn xe nhà binh đưa chúng tôi về trường Võ Bị trong khu Chi Lăng. Sau một tháng huấn luyện kỷ luật, các sinh viên sĩ quan mới được phép xuất trại để làm quen với thành phố cao nguyên, và sau đó cứ mỗi cuối tuần, được ra phố thăm thú dân tình và danh lam thắng cảnh.

Thời đó, các anh lính mới học trường Võ Bị Liên quân Đà Lạt thực có giá, được trọng vọng ngoài sức tưởng tượng. Chưa gì các anh tài xế tắc-xi đã tôn xưng "các cậu" là "quan", khiến "các quan" thấy cũng ngượng ngùng. Trong những buổi đi tập, ngày nào cũng đi qua trại chăn nuôi Farraut nhìn đàn bò sữa giống ngoại mập mạp. Khi thì qua lầu Viên Các (La Rotonde), khi qua miếu nhỏ (Pagodon) khi đua nhau leo lên ngọn núi 1.500 thước cao độ. Rồi vào đồn binh Dassar, qua Rừng Ái Ân (Bois d'Amour - tên Tây đặt thực quyến rũ), Hồ Than Thở (Lac des Soupirs), những địa danh rất hay, rất kêu và rất thơ mộng, lãng mạn, dễ gây cảm hứng cho những người có tâm hồn đồng điệu viết văn, làm thơ, và làm nhạc.

Mùa hoa thì không thiếu gì chủng loại: nào mi-mô-da màu vàng thơm dịu, nào hoa anh đào (cherry) mọc hai bên đường cái, nào hoa đào (loại hoa giống đào miền Bắc, nhưng cây và cành thẳng tắp không uốn cong co, không có dáng dấp mỹ thuật như đào Quảng Bá) nào hoa Lay-on, hoa cẩm chướng, hoa hồng đủ màu sắc, hoa cúc đại đóa v.v... và nhất là "hoa biết nói" với đôi mắt đen sáng, cặp má hồng, đôi môi đỏ, da trắng mịn, điểm thêm cặp trường mi xanh mượt. Con gái Đà Lạt quả đã được ơn Trên ban phúc.

Du khách cũng đôi khi ngỡ ngàng trông thấy một đoàn người Thượng, độ 6, 7 người, đi đầu là một vị đứng tuổi, tay cầm ống điếu, mình mặc áo tây (veston), nhưng bên dưới "đóng khố". Phần nhiều đàn ông mặc tương tự, còn phụ nữ mặc váy dài, nhưng phía

trên không có trang phục gì cả. Họ rất tự nhiên, sống dân dị, không mặc cảm.

Thời tiết thực lý tưởng. Mùa hè mát mẻ dễ chịu, mùa lạnh không dưới 4 độ C, rất thuận lợi cho du khách đi bộ ngắm cảnh. Ngày nghỉ, còn thú gì bằng thong thả dạo bước đi quanh khu chợ Hòa Bình ngắm mấy cửa tiệm, nhỏ nhưng rất mỹ thuật, bán hàng xa xỉ, một vài tiệm bán sách báo, bán tạp hóa. Đêm tối ghé vào tiệm ăn tàu Mékong, hoặc tiệm ăn tây Chic Shanghai với món súp đặc biệt nấu “phô mát bỏ lò” (soupe au fromage gratiné). Rồi ghé hộp đêm Croix du Sud (Nam Đẩu) nghe nhạc khiêu vũ. Khuya ra về, la cà đến ăn tô mì nóng của các xe bán rong ở lề đường, hoặc ghé tiệm cà phê - phở Jockey, trên đường dốc xuống chợ Ngọc-Hiệp. Đà Lạt là một nơi nghỉ mát, một thành phố mới có nhiều nhà cửa đẹp, bằng gỗ (kiểu Chalet) hoặc bằng gạch ngói đỏ (kiểu villa) trông hơi giống vùng Provence hay Savoie ở Pháp...

Những hôm Đà Lạt có sương mù tỏa rộng khắp nơi, ngồi ở trong quán cà phê nhìn ra, thấy quang cảnh cuộc đời thật huyền ảo, thần tiên, thoát tục. Nếu ở Mỹ họ bảo tiểu bang Virginia là của những Người Tinh, thì tôi cũng có thể nói Đà Lạt là nơi lý tưởng của những người yêu nhau.”

Từng đến với Đà Lạt để rồi lại phải rời xa Đà Lạt, khi có dịp trở lại chốn cao nguyên này HÀ BÌNH TRUNG đã dàn trải tiếng lòng thổn thức của mình thành vần thơ “Trở về Đà Lạt thương yêu”:

“Rừng cao trắng xóa bụi mưa,
Lũng sâu mờ nhạt sương vừa bay tan.
Có ai dẫn lối trên ngàn
Nghe như thúc giục nổi hàn trong ta.
Hoa đào Đà Lạt tháng Ba
Mỗi năm nhuộm đỏ đường xa thắm đầy.
Quân trường gió lộng cờ bay
Tuổi xanh đã gửi những ngày còn xuân.
Em đi còn lại dấu chân
Ta về nhớ dáng thanh tân hảo cầu:
“Quan quan thư cựu,
Tại hà chi châu...”
Dốc quanh Cầu Queo nặng sầu
Nhà xưa kín cổng còn đâu bóng người.
Qua hồ Than Thở còn ai
Qua rừng Ân Ái nắng phai nhạt nhòa.
Vườn dâu, rừng mận, nương hoa,

*Vi sao ta vẫn thiết tha cảm tình?
Tại sao khu chợ Hòa Bình
Vẫn còn quyến luyến với mình, tại sao?
Một thời Xuân đã đổi trao
Thì nghe nước đổ thác trào cũng thương.
Một thời Xuân có yêu đương
Thì trông núi đong màn sương cũng vì.
Lặng nghe dòng thác Cam Ly,
Nhớ về dòng tóc người đi dụ hiền.
Nhớ về người Thượng hồn nhiên,
Nhớ thương núi đở Cao Nguyên ngàn trùng.”*

Rồi đến khi mái tóc thi nhân đã ngả màu bạc trắng, Đà Lạt năm nào chỉ còn là kỷ niệm xa vắng. Nhà thơ viết bài “Đà Lạt xa xưa”:

*“Đà Lạt ơi! Đà Lạt ơi!
Đã xa, xa vắng khung trời ái ân.
Cố nhân ơi! hỡi cố nhân!
Đã xa, xa quá những lần hẹn nhau.
Một ngày xa cũng thấy đau,
Huống chi đời đã nhuộm màu thời gian
Tóc xanh ngả trắng sương hàn
Tình xuân cũng nhạt phai tàn màu xanh.
Núi Lãng-Biên! hỡi thác ghềnh!
Đà Lạt ơi! một chút tình còn không?
Hồ Than-Thở nhớ rừng thông,
Nhớ em phơi mái tóc bằng gió hanh.
Quê nghèo than cuộc chiến tranh
Đã quên em, đã xa anh lâu rồi!
Đà Lạt ơi! Đà Lạt ơi!
Cố nhân đã khuất, mây trời nhẹ bay...”*

Nỗi nhớ nhưng gia tăng với thời gian, nhất là một ngày nào đó thi nhân đã chẳng còn tìm thấy cảnh cũ lẫn người xưa, mà chỉ thấy chập chùng hình bóng lạ nơi đất khách quê người. Nhà thơ viết bài “Nhớ về Đà Lạt” với bao kỷ niệm của 40 năm trước:

*“Hồ Xuân Hương cũ phải chẳng đây,
Mà nước gương lồng lộng bóng mây?
Đà Lạt tưởng chừng như thoáng hiện,
Mắt ai như lệ nhỏ rơi đây.
Lá thông reo xào xạc,*

Trời đỏ chiều bóng ác
Đang lặn. Vòm cây rục ánh vàng,
Xuân đã qua rồi, hạ đã sang...
Rừng Á Ân xưa chợt hiện?
Mộng vàng tan biến,
Người xưa nào thấy đáng kiêu nhi?
Bụi hồng lắng đọng ngày đưa tiễn
Đã lắng. Chôn sâu, viễn khách đi...
Hồ ơi! Rừng hỡi! Còn chi?
Mà sao vẫn nhớ những gì thật xa.
Bốn mươi lần đã xuân qua
Ngôi đây, mà tưởng như là vừa đây.”

Nhà thơ HÀ BÌNH TRUNG già từ nhân thế vào tháng 4 năm 2012 tại Virginia, Hoa Kỳ. Hưởng thọ 91 tuổi.

Lê Văn Phúc

Năm 20 tuổi, đáp máy bay từ phi trường Cát Bi, Hải Phòng vào Đà Lạt làm lính Ngự Lâm Quân, LÊ VĂN PHÚC tự xưng mình là Cai Phúc với lời văn rất dí dỏm thuật lại nhiều chuyện xưa tại Đà Lạt khoảng trước năm 1955 khi mình còn là một anh lính trẻ tuổi với một tâm hồn vui nhộn:

“Cái thuở Cai tôi vào Đà Lạt làm lính nhà vua thì ôi thôi, như cá gặp nước ngọt, như mây gặp rồng, ô mê ly đời ta, sung sướng không thể chịu được. Bạn nào từng sống trên miền cao nguyên Trung Phần trong khung cảnh Lâm Viên, hẳn không thể nào quên được những cảnh thơ mộng, lãng mạn, tuyệt cú mèo của xứ hoa đào.

Khí hậu thì mát mẻ quanh năm, đồi núi chập chùng vây quanh thành phố mộng mơ, thông reo vi vút, suối chảy thác reo, hoa lá muôn màu khoe tươi khoe sắc. Nhất là dịp Tết, hoa anh đào nở rộ một khung trời thần tiên, ai tới cũng tưởng như mình lạc vào chốn Thiên thai, quên khuấy cả lối về trần là quốc lộ Saigon - Dalat.

Thắng cảnh cao nguyên rất là tình tứ nên thơ. Có những cái tên dễ yêu dễ nhớ như: suối Cam Ly, thác Prenn, hồ Than Thở, rừng Á Ân, đèo Ngoạn Mục... Có những tà áo, những bộ đồng phục gọi cho ta nhiều kỷ niệm học trò Yersin, Couvent des Oiseaux, Bùi thị Xuân... khi đợi chờ “em tan trường về” những chiều nhạt nắng. Có những tên phố, tên tiệm, quán kem, rạp xi-nê, nhà sách nằm sát nhau quanh một ngọn đồi cao, giống như

những chân của một con bạch tuộc nơi khu phố chợ sầm uất của thành phố trên đất “Hoàng triều cương thổ”.

Mà điều thú vị, độc đáo nhất là con gái Đà Lạt, cô nào cũng má đỏ hây hây dù không son phấn tô hồng. Các cô nàng mặc áo dài, phủ ngoài bằng chiếc áo len ngắn tay gọn gàng, gọi là “áo bolero” màu hồng, màu tím, màu vàng nom thật dễ thương. Lại có em e ấp trong chiếc nón bài thơ, che nghiêng khuôn mặt trái soan, mắt sáng môi xinh, rõ ra cái tuổi xuân thì...”

Đó là nguyên do khởi đầu châm ngòi cho các chuyện quạu phá đầy tính cách “văn nghệ” của anh lính trẻ tên Cai Phúc thuở xưa:

“Thì cũng đúng vào thời điểm ấy, Cai tôi xuất hiện trong khung cảnh thần tiên, giữa một trời hoa xuân khoe sắc thắm.

Nhờ được trang bị từ hồi tiểu học, Cai tôi đã biết vẽ vẽ vài ngón đàn như: mandoline, banjo, sáo, guitar... và dăm chục bài ca theo điệu quân hành, điệu “sì-lô” nên khi đăng lính được bổ sung ngay vào Ban Văn Nghệ Phòng 5/NLQ. Bọn lính văn nghệ chúng tôi mới đề nghị lên thượng cấp một chương trình phát thanh mệnh danh “Tiếng Nói Ngự Lâm Quân”, mỗi tuần phát thanh 45 phút vào chiều thứ Năm. Thế là bọn lính văn nghệ có cơ duyên làm quen với các cô thích văn nghệ văn gừng, và các em nữ sinh trung học muốn trở thành danh ca trên làn sóng điện.

Trong số lính văn nghệ, phần đông đã có gia đình hoặc có ông hơn chúng tôi cả 5, 10 tuổi, nên không có sự cạnh tranh, kèn cựa nhau vì đào. Chỉ có là ông nào lớn tuổi thì tự động chọn đào già. Còn bọn tôi vài đứa bao thầu đám đào trẻ, mầm non văn nghệ. Nhờ trời thương thánh độ, phúc đức ông bà để lại mà Cai tôi có một lúc tới... ba cô em gái hậu phương. Sở dĩ con số tăng vọt như thế là vì Cai tôi chuyên trị vụ đưa đón các em lên Đà tập hát bằng phương tiện xe Dodge 4 (gọi là xe Đốt Cát - theo tiếng Tây). Máy tên bạn kia làm biếng nên chúng nó “nhường” hết cho tôi quản trị các em.

Em nào tôi cũng đối xử rất đĩnh huỳnh. Là lính không có dư dả tiền bạc, chỉ đủ trả tiền cơm tháng ngoài chợ và mua quà vật tặng các em thôi. Nên khi muốn tỏ tình như các hiệp sĩ thời trung cổ, tôi thường tặng hoa. Nhưng vì túi không tiền nên tôi đành phải muối mặt đi hái trộm hoa. Tôi lựa những đêm tối trời, đi lủi thủi dọc con đường Phan đình Phùng, Hoàng Diệu, biết nhà nào trồng hoa, có hoa đẹp là tôi vật hoa xong chạy nước rút. Có lần tôi bị chủ nhà rình, vừa mới ngắt được một cành hoa, đã bị rượt bắt. Tôi phải chạy chối chết, còn hơn là chạy thể vận “Ô-lanh-pích”. May mà thoát chết chứ không cũng bị què cẳng què giò!”

Âm mưu “hành quân” để tấn công ái tình được hoạch định khá chu đáo theo đúng “chiến thuật chiến lược” trong sách vở nhà binh mà chàng Cai Phúc đã thuộc nằm lòng:

“Trong số 3 nữ sinh, tôi yêu nhất là một em. Ngày tôi 20 tuổi thì em mới 16 cái trăng tròn, sinh trưởng tại Đà Lạt. Em xinh em bé tên là Kim Nhan. Mấy anh em nàng đều cỡ võ địch bóng bàn miền Trung. Có lần nàng tranh giải chung kết, tôi ở đầu tạt vào coi. Nàng đang hơn điểm đối phương mà thấy tôi, nàng đỏ mặt, dậm ra loạn chiêu, vụt banh ra ngoài mấy trái liễn. Tôi phải di tản chiến thuật ngay lập tức kéo nàng mất chiếc cúp hạng nhất.

Quen nhau đầu chùng nửa năm, tôi cứ thấp thòm làm sao rủ được nàng đi chơi một bữa cho tình thành mộng. Thế rồi tôi hò hẹn được với nàng, gặp nhau bên bờ hồ Xuân Hương, cạnh chiếc cầu soi bóng, lối lên dốc nhà thờ. Được lời như cời tấm lòng. Tôi phải ra công chuẩn bị chu đáo điểm hẹn.

Công tác đầu tiên là “tiền đầu”? Tôi không có tiền, chỉ có tình là đầy ắp. Thế nên, tôi phải áp dụng phương pháp Lỗ Bình Sơn ở trong rừng, đi thám sát địa thế xem chỗ nào xa nhân gian, kín đáo, an toàn để làm nơi hò hẹn. Kiếm được một chỗ hũng sâu trong bờ, tôi kiếm vài tờ báo lót chỗ trống rồi trải lá thông ngụy trang, nom rất là tự nhiên, tươm tất.

Buổi chiều bữa hẹn, tôi tới sớm đợi em dưới góc thông già. Chùng nửa tiếng sau, “em xuất hiện như vì sao lạ, từ nơi mờ tối cảnh trần gian, ở đó tôi luân lưu gần tuyệt vọng” - thuở thơ Mai Trung Tĩnh - trong dáng đi ngập ngừng, e thẹn. Trời chiều đã bằng lảng bóng hoàng hôn, còn tôi như người say rượu, ngất ngây tưởng sắp lạc lối thiên đường.

Gặp nhau riêng tư lần đầu, chúng tôi lúng túng không biết nói năng gì. Tôi dìu nàng đi theo ven hồ, bước chân chiều chủ nhật. Tôi nắm tay nàng, bàn tay ấm lạ thường, thấy nàng “run run như thân tử thấy long nhan”, còn mình thì cũng “trống ngực thùm thụp như trống làng”. Đúng ra phải nói: “Run run như Cai Phúc thấy Kim Nhan”. May nhờ có tí máu nhà binh nên tôi mạnh dạn hơn, dìu nàng chực chỉ chỗ đóng quân. Tới nơi, tôi kéo nàng ngồi gần vị trí phòng thủ, nói là để ngắm cảnh hồ lúc chiều tàn. Nàng e ấp, ngại ngùng như nghi kỵ điều chi khó tả! Mấy phút đầu tiên ấy trôi qua, chúng tôi ngồi im lặng nắm tay nhau, nhìn mặt hồ trong cảnh chiều tà. Trong khoảnh khắc, tôi bỗng như bị động kinh hay điện giật, lên cơn sốt cấp tính, ôm choàng lấy cô bé, đè ngựa xuống hồ cá nhân, hôn lấy hôn để. Chỉ thiếu chút xíu nữa là tôi mang tội... cưỡng dâm!

Cô bé bỗng dưng bị đê nghiêng ra, chẳng còn về gì gọi là thơ mộng, du dương nữa. Theo phản ứng tự nhiên của người không biết võ, nàng xô tôi ra, đấm ngực tôi thùm thụp, vùng đứng dậy đòi về. Nàng vừa run sợ, vừa khóc vùi coi rất tội nghiệp... Còn tôi thần hồn nát thần tính, chưa qua cơn mê nên tâm trạng bán loạn không biết xử sự ra sao. Nhưng tôi còn đủ thông minh, tinh trí để nhận định rằng tình thế đã đổi ngược, chỉ còn cách duy nhất là rời chỗ trú quân, diu nàng ra con đường cái quan ven hồ để nàng vừa lau mắt vừa ngậm ngùi lên con dốc. Tôi trông theo cho đến khi nàng khuất bóng, trong niềm mát mát không tên và một trời tiếc ơi hui hui...

Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, thiếu phần bố cục, thiếu tâm lý ái tình, thiếu tiện nghi tối thiểu và thiếu nhiều kinh nghiệm ấy đã khiến tôi, sau mấy chục năm vẫn còn nhớ người xưa, vẫn còn ân hận và tiếc nuối trong lòng... Tôi phải đấm ngực nhận rằng: Lỗi tại tôi, lỗi tại mọi đàng!

Sau cuộc hẹn hò tan vỡ ấy, năm 1955 Ngự Lâm Quân giải tán và đổi lên Ban Mê Thuột. Gặp nhau lần chót, nàng nói học xong trung học, nàng sẽ theo ngành Nữ Hộ Sinh Quốc Gia. Từ đó, kẻ góc biển, người chân mây không biết đâu mà mò nữa. Người con gái dễ thương ấy đã yêu tôi bằng tất cả chân tình, bằng khối óc con tim, chắc bấy giờ nàng vẫn nhớ kỷ niệm đầu đời. Người xưa đâu? Tôi vẫn tự hỏi câu ấy."

Trong "hồ sơ cá nhân" chàng cai PHÚC còn tự khai thêm một vụ quậy nữa là "thường la cà xuống quán cà phê của cô Lan":

"Gia đình cô ở dưới dốc nhà bò – nghe nói ngày xưa khu này có nuôi bò - nhưng có cái quán hàng ngay sát hàng rào giây kẽm gai tiểu khu nên anh em nhà lính tối ngày lui tới phát phơ ăn nhậu tán dóc, chọc ghẹo mấy chị em cô Lan. Lan là em út, tuổi 16 trắng tròn, có đôi mắt rất ướt, má lúm đồng tiền và chiếc răng khểnh dễ thương, nói như cười, còn cười thì ôi thôi đồ quán siêu đình như bõn. Thành thử ra nhiều cậu lính mê nàng còn hơn điếu đờ, trong đó tất nhiên là phải có cả Cai tôi.

Bù lại, nhờ trời tôi có tí tài mọn và có chút... duyên thâm! Tài mọn là tôi phụ trách phát thanh, ca nhạc kịch trên đài Dalat. Kèm theo cái tài mọn nữa ít ai có là tôi dậy võ, người đầu tiên đưa Vovinam vào Ngự Lâm Quân. Với mấy cái tài vật ấy, nói chung thì tôi được cấp trên ưu đãi mà nói riêng thì cô Lan cũng đã để mắt xanh tới Cai Phúc cánh gà.

Cô bé còn đứng dưới bếp. Tôi bèn xáp lại tính ôm cái eo éch thì cô nàng vùng chạy. Dưới bếp cũng có cái bàn tròn nên cô em

chạy quanh né tránh. Còn tui thì lúc đó như con thú say mỗi chứ không phải thợ săn nữa, thấy con mỗi vượt khỏi tầm tay với thì sẵn trốn vơ quàng, đuổi bắt vòng quanh bàn như mèo vờn chuột.

Cô út Lan vừa cười vừa kêu chí chóc nhưng tui vẫn không tha. Ngàn năm một thuở mới gặp thiên thời địa lợi, còn nhân thì kể như sắp hòa, làm sao tui lại bỏ qua cho đặng. Dầu cả quỳnh như tui, tui cũng hiểu rằng đây là cơ hội bằng vàng, nếu không túm lấy thì chả bao giờ tóm được. Cô út Lan thấy nguy cấp, nếu loanh quanh dưới bếp trước sau gì cũng bị làm ầu, bèn chuyển hướng chạy tọt lên nhà trên. Tui đâu có bỏ lỡ, chạy theo sát nút. Lại một màn đuổi bắt quanh chiếc bàn khách trên nhà. Cô út coi bộ hơi mệt nhưng vẫn tiếp tục la oai oái.

Đúng vào cái lúc có thể ôm đạp cô út một cách dứt điểm thì từ trong phòng ngủ, một cậu bé gái ngủ bước ra, chắc vì tiếng la của cô út Lan khiến nó tỉnh dậy. Tình hình đang thuận lợi, phần thắng nhất định về ta thế mà chỉ vì thằng lỏi tí xuất hiện bất ngờ khiến cho bao nhiêu công lao của tui trở thành dã tràng xe cát...”

Anh cai trẻ giờ đây chắc đã lên tới chức “cụ Cai”. Xin hãy lắng nghe “cụ Cai” LÊ VĂN PHÚC vuốt mái tóc bạc ngậm ngùi thổ lộ:

“Bây giờ, chúng tôi ai cũng già rồi. Nếu có dịp gặp nhau, tôi chắc rằng không nhận ra một ông già đi đứng lừng khừng, mắt mờ, chân chậm, nói năng phều phào... Đâu còn vẻ gì là vóc dáng thư sinh, văn nghệ văn gừng, phong độ lực sĩ điền kinh từng đi hái trộm hoa của những ngày xưa Đà Lạt!”



Đình Lang và Diễm Liên

ĐÌNH LANG (Đình Tiến Dũng) là thân phụ của nữ ca sĩ nhạc trẻ DIỄM LIÊN. Khi nhắc lại chuyện xưa Đà Lạt trong “những ngày vào đời” của mình đã kể lại chuyện đi lên thành phố sương mù với vài người bạn thân, trong đó có Nguyễn Đức Nam, như sau:

“Thật tình từ ngày vào Nam, tôi chưa biết Đà Lạt bao giờ, mặc dù đã nghe rất nhiều người ca tụng thành phố này: nào là thành phố sương mù, nào là thành phố mộng mơ... Cho nên khi Nam hỏi tôi, tôi đồng ý liền, mặc dù trong túi chỉ vừa đủ 500 đồng để góp với bọn chúng, gọi là để trả chi phí xăng nhớt, ăn uống...”

Sau gần một ngày, chiếc xe Citroen cũ kỹ, ị ạch chờ mấy thằng tôi đến Phan Rang, dưới chân đèo Ngoạn Mục thì trời đã tối đen. Chẳng có thằng nào rành về máy móc gì cả, nên xe mới leo đến nửa đèo thì rùng mình dừng lại, không chịu chạy nữa.

Cả bọn đành phải ra vệ đường vẩy các xe đi ngang qua để xin đi quá giang về Đà Lạt, nhưng chẳng có xe nào chịu dừng lại giữa đêm khuya như thế này cả. Đói bụng quá, nhưng trong xe lại chẳng mang theo đồ ăn gì cả. Thằng Khải bạo dạn nhất bọn, nó đi vào rừng một lúc và mang ra một chùm xoài rừng, ai nấy đành nhai xoài xanh cho đỡ đói bụng. Đến một giờ sau mới có một chiếc xe tải cũ kỹ chịu ngừng lại. Thằng Khải Sẹo lại ra thương thuyết, cuối cùng ông tài xế chịu kéo chiếc xe Citroen và cho tụi tôi về Đà Lạt với giá tiền bằng tất cả số tiền tụi tôi đóng góp. Thế là tui tan cái mộng lên Đà Lạt ăn chơi, nhảy đầm...

Trời tờ mờ sáng thì xe tới thành phố Đà Lạt. Thằng Khải và thằng Tiến lãnh nhiệm vụ mang xe tới garage để sửa, còn tôi và Nam thì leo lên cái dốc thật cao để hướng về phía chợ Hòa Bình Đà Lạt.

Đứng trên đỉnh dốc nhìn về phía Hồ Xuân Hương, giữa làn sương mù bay vương vấn ngang qua mặt, tôi cứ lặng người đi trước cảnh đẹp chưa bao giờ từng thấy. Tôi tưởng như đang lạc vào chốn Bồng Lai Tiên Cảnh trong truyện tiểu thuyết kiếm hiệp vẫn thường tả vậy. Hình ảnh im lìm này, khiến tôi quên hết cả tiếng sóng biển quen thuộc của Nha Trang, thành phố mà tôi vừa mới đi qua.

Tôi nói với Nam:

- Chắc là sau này tao sẽ không thể nào rời xa được cái thành phố kỳ diệu này!

- Tao cũng nghĩ vậy, Nam trả lời tôi.”

Không ngờ sau này khi có dịp chọn nhiệm sở, chọn nơi làm việc là ĐINH LANG chọn được ngay thành phố ước mơ Đà Lạt, nơi mình đã từng ghé thăm trước đây và cũng chính tại đây đã gặp lại Nguyễn Đức Nam (mà bạn bè thường gọi là Nam Đìn):

“Thế là mộng ước về Đà Lạt mà tôi ôm ấp từ lâu bấy giờ đã trở thành sự thật. Tưởng là ngày trở về Đà Lạt lần này sẽ không còn gặp ai là bạn bè cũ nữa, nhưng tôi không ngờ tôi lại gặp lại cả Nam Đìn và Mai Đen nữa. Nam bấy giờ đã là một Sĩ Quan quân cụ, đóng tại đồn Nguyễn Tri Phương gần Thị xã Đà Lạt; Mai Đen bấy giờ không còn mang cái tên ngỗ nghịch xưa nữa, cô đã là một thiếu nữ xinh đẹp, và là một ca sĩ nổi tiếng của các vũ trường và phòng trà ở Đà Lạt. Chúng tôi gặp nhau, mừng rỡ, rồi cùng rủ nhau ngồi uống cà phê tại Nhà Thủy Tạ bên hồ Xuân Hương, nhắc lại những kỷ niệm xa xưa...”

ĐINH LANG hồi tưởng lại những ngày khởi đầu cuộc tình của mình trong thời gian phục vụ ở thành phố Đà Lạt và sau cuộc hôn nhân đẹp đẽ là năm cô con gái quý lần lượt ra đời. Một trong những cô con gái đó hiện nay lại là ca sĩ nhạc trẻ duyên dáng tại hải ngoại mang tên Diễm Liên:

“Tôi đã gặp và yêu một người con gái ở đường Phan Đình Phùng. Nàng tên là Thu Liên.

Liên sinh ra và lớn lên ngay tại thành phố Đà Lạt, người con gái mang những nét đẹp và dịu dàng đặc biệt của thiếu nữ Đà Lạt mà tôi vẫn đi tìm từ lâu.

Bỗng dưng, tôi lại nhớ lại lời dặn dò của chị Vân tôi:

- Nếu cậu muốn chọn nơi nào làm quê hương suốt đời, thì cách tốt nhất là cậu hãy cưới người con gái xứ đó làm vợ, thì cuộc đời cậu sẽ gắn bó với xứ sở đó mãi mãi.

Tôi yêu Đà Lạt, tôi yêu con gái Đà Lạt, và tôi đã xin phép Mẹ tôi cho tôi được làm đám cưới với Thu Liên (tên nàng) ngay tại thành phố Đà Lạt này. Hôm đám cưới chúng tôi, đương nhiên là có sự tiếp tay của Nam Đìn, Lệ Mai và các bạn Đà Lạt của tôi.

Thời gian thấm thoát trôi qua thật mau, mới ngày nào mà bấy giờ trong gia đình chúng tôi đã có thêm năm cô gái Đà Lạt nữa. Người ta thường nói là “ngũ long công chúa” là tốt nhất, Thầy Bói Chiêm (bạn của tôi ở cây số 4 Đà-Lạt) cũng nói thế, và tôi cũng hy vọng vậy.

Vợ tôi tên Thu Liên, do đó tôi bỗng có ý nghĩ “tiểu lâm” là đặt tên “ngũ long” của tôi theo tên Liên của Mẹ, chỉ khác cái tên lót (còn cái họ vẫn là Đinh Tiến của tôi!), để sau này con gái sẽ theo

mẹ lên núi Lang Biang, còn tôi sẽ xuống biển sống một mình vì không có con trai...”

Năm 2004, đặt bút viết lại những kỷ niệm yêu quý xa xưa của mình, ĐINH LANG bù ngùi tâm sự:

“Thấm thoát đã hơn 40 năm trôi nhanh, từ ngày rời thành phố Hải Phòng đầy hoa phượng vĩ, rời mái trường Nguyễn Trãi và Chu Văn An nhiều bạn bè và tuổi trẻ, rời cuộc đời quán ngũ, rời quê hương VN thân yêu, và nhất là phải xa rời thành phố Đà Lạt nhiều kỷ niệm. Thời gian lâu quá mà tôi tưởng như mới hôm qua. Thế mới biết đời người thật quá ngắn ngủi. Bây giờ tôi không còn là chàng trai 19 tuổi mới vào đời đầy nhựa sống nữa, tôi đã là một ông già trên sáu mươi rồi, chóng thật!”

Và đặc biệt nhắc đến Diễm Liên, cô con gái của mình giờ đây đã chọn nghiệp cầm ca và nổi tiếng với nhạc trẻ:

“Có một điều tôi không bao giờ nghĩ tới là Diễm Liên đã tự nguyện chọn con đường nghệ sĩ làm lẽ sống cho riêng mình. Bây giờ Diễm Liên đã trở thành “nữ ca sĩ Diễm-Liên” mang biệt-danh “cô bé Nhạc Thịnh Phòng” quen thuộc với khán thính giả Việt Nam ở hải ngoại. Vẫn là cái tên Diễm Liên do tôi đặt, và đó không phải là cái tên được chọn lựa cho một người ca sĩ. Vẫn là cái tên Đinh Tiến Diễm Liên định mệnh được in mờ nhạt trên tờ giấy khai sanh vẫn còn lưu giữ trong văn khố hộ tịch từ miền sương mù Đà Lạt!”

Trong tuần báo Ca Dao của nhóm văn nghệ sĩ ở Dallas, nhạc sĩ TRƯỜNG KỶ đã viết về Diễm Liên như sau:

“Có thể nói Diễm Liên là một trong những ca sĩ mau nổi tiếng nhất trong làng ca nhạc hải ngoại... Diễm Liên sinh trưởng tại Đà Lạt trong một gia đình gồm “ngũ long công chúa”, tất cả đều mang một tên Liên... Ngay cả bà mẹ cũng tên Liên: Thu Liên, là vợ của ký giả Đinh Tiến Dũng, bút hiệu Đinh Lang.”

Sau hơn mười năm sống xa quê hương, xa thành phố Đà Lạt, cuộc sống tạm ổn định, từ nước ngoài vợ chồng ĐINH LANG rủ nhau thực hiện một chuyến về thăm lại chốn cũ và bù ngùi ghi lại cảm xúc trong một đêm cuối năm:

“Đêm nay Đà Lạt đón Giao Thừa trong cái lạnh co ro như hàng chục năm trước đây. Còn vài giờ nữa mới đến giờ cúng Giao Thừa, tôi và Thu Liên đi nhau lên con dốc đường Minh Mạng để đến khu Hòa Bình xem phong cảnh Đà-Lạt về đêm...”

“...đứng trên đồi dốc, nhìn về hướng một căn nhà nhỏ tối tăm

bên cạnh chợ hoa Đà Lạt, bụi ngủi nhớ lại hình ảnh Vũ Trường La Tulip Rouge, vũ trường Night Club, vũ trường Chic Cabarez... năm xưa, với tấp nập khách Đà Lạt hào hoa đến khiêu vũ ở các dancing này hàng đêm. Hình như những tiếng hát của các ca sĩ ngày đó như Thu Hương, Thùy Hương, Thúy Nga (vợ cố nhạc-sĩ HTT), Lệ Thu, Khánh Ly (tức Lệ Mai bạn tôi ngày xưa), Anh Thu, Phong (Trường Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt) vẫn còn đang vang lên trong đêm nay.

Tôi và Thu Liên đều nhớ lại thời gian cách đây bốn mươi năm trước, chúng tôi đã từng hẹn hò nhau cũng ở nơi đây, cùng đưa nhau đi ăn cơm tám thơm với thịt đông dưa chua, trứng đúc thịt của tiệm cơm Mỹ Hương ở bên kia đường, rồi cùng vào quán Cà Phê Tùng gần đó để nhấm nháp ly cà phê đen thơm nóng, trước khi đi nhau trong tiếng nhạc ở Vũ-Trường La Tulip Rouge này...”

Nguyễn Đức Nam

Người bạn ngày xưa rủ Đình Lang lên chơi thăm Đà Lạt là NGUYỄN ĐỨC NAM. Đà Lạt đã gieo vào tâm hồn NGUYỄN ĐỨC NAM thuở trai trẻ những nốt nhạc đầu tiên. Bàn bạc trong những dòng nhạc trữ tình của mình sau này biết bao kỷ niệm đã được ghi lại với cõi lòng nhưng nhớ về Đà Lạt những ngày tháng cũ... Có lẽ đây là người nhạc sĩ viết nhiều về Đà Lạt nhất!

Trời Đà Lạt se lạnh. Cái lạnh lạnh dễ chịu, mơn man da thịt. Thành phố như bông bênh bênh giữa một màn sương khói mờ ảo khiến lòng người e sợ tình mình cũng bênh bênh, nổi trôi. Đồi núi mờ sương được điểm trang thêm bằng những rừng thông thơ mộng, tiếng thông rì rào quanh năm như tiếng thầm thì của đôi kẻ yêu nhau. Khi màn đêm buông xuống con dốc vương đầy ánh trăng. Ánh trăng nhuộm mái tóc thề, chảy dài theo bờ vai và trải dài trên mặt đường dốc theo bước chân tình yêu. Nhạc sĩ cảm hứng viết nhạc phẩm “Sương đêm”:

“Đôi thông ngát xanh.

Mơ màng chìm trong khói sương...

Đàn én chao về chốn nao in dáng chiều...”

“Trăng úa rơi trên tóc ai dài hoang dại...

Sương ướt người về qua dốc xưa...”

*“Đôi thông tím trắng vàng tơ nhiều xưa
như nơi Thiên Đường... ngọc ngà ấu thơ...”*

Thành phố thanh bình, êm ả, con dốc vắng vẻ như tạo thêm cơ hội và điều kiện cho đôi tình nhân thêm khăng khít trong nhạc phẩm “*Một thoáng yêu xưa*”:

*“Dốc vắng vội vã hôn ngay đại...
Tay trong tay xin cùng lạc lối Thiên Thai...
Ngày ấy khi đôi ta còn ngây thơ...”*

Từ đồi núi cao bước chân người tình thả dốc xuống vũng thấp thoải thoải, xuống thung lũng. Từ thung lũng băng ngang qua các cánh rừng rồi sánh vai trở ngược về những con đường vắng quanh co ven hồ. Bóng người yêu thoáng hiện trong nhạc phẩm “*Dáng ai bên hồ*”:

*“Trời gió lạnh căm, đường vắng hồ hoang,
biết đâu tìm nhà ai ấm êm...”
“Mưa khuya rơi buồn trên phím chờ,
Ướt Dáng Ai Bên Hồ, cho làn mây dẫm sương tơ...”*

Đà Lạt là thành phố của hoa. Tên một loài hoa được nhắc nhở đến nhiều nhất đó là hoa anh đào. Hoa đua nhau khoe sắc. Hoa đào rực rỡ khắp nơi, tươi thắm như môi người yêu trong nhạc phẩm “*Một thoáng yêu xưa*”:

*“Bóng em về trong nỗi nhớ, ngát ngây vương hồn tôi...
Nhớ mãi hình dáng em yêu kiều...
Hãy hãy nụ môi tươi hoa đào...”*

Hoa pensée tím tím từng làm sứ giả của mối tình đầu thuở nào được ghi lại trong nhạc phẩm “*Tình khúc ngàn năm*”:

*“Thề yêu em mãi...
Như yêu Pen-sée năm xưa ngây thơ kẹp trong lá thư đầu...
Thề yêu em mãi... như mới quen như vấn vương...”*

Đến với Đà Lạt con người thấy rộn rã trong tâm hồn cái tình cảm lãng mạn đầy văn nghệ. Giọng hát, lời ca, tiếng nhạc như chất xúc tác nhẹ nhàng đưa con người vào tình yêu. Khi màn đêm buông xuống, từ những hộp đêm vắng vắng ra tiếng hát nức nở thắm đượm mãi lòng người trong nhạc phẩm “*Sương đêm*”:

“Tiếng hát Liêu Trai âm vang vũ trường đó...”

*Tiếng khóc ca nhi khôn vơi trong miền tối...
Cuộc đời ôi lẽ loi..."*

Lời ca, tiếng nhạc in sâu mãi vào tâm khảm người nghe, âm thanh trữ tình như gợi ra hình ảnh tuyệt vời dù đôi khi kỷ niệm chỉ còn lại là đau thương, phải chăng đây là một thú đau thương như nhạc phẩm "Chiều nhớ" đã ghi lại:

*"Nhạc thu réo rất tình khúc mơ hồ...
Lời hát lóng lánh pha lê... Còn đó dĩ vãng xa mờ..."
"Để tàn canh thâu đàn khóc...
Phím tơ xưa lỡ làng thời..."*

Nhạc NGUYỄN ĐỨC NAM có bài mang thể điệu "slow" da diết, nồng nàn, có bài mang nhịp điệu "valse" quay cuồng, quý phái, có bài mang nhịp "bolero" tươi vui, nhí nhảnh, lại có bài mang điệu "tango" uyển chuyển, thanh lịch. Nhưng lời nhạc nói chung, tất cả đều man mác một nỗi buồn. Một cái buồn rã rượi đầy ắp bóng dáng Đà Lạt. Nhạc phẩm ghi năm 1966 mang tựa đề "Sương đêm" (trước kia được đặt tên là "Ban đêm miền sương mù") đã bộc lộ ra cái cô đơn thốn thức vì đang dở, vì biệt ly:

*"Giờ tìm đâu người yêu,
ngày xưa hẹn ước... muôn kiếp bên nhau..."
"Cuộc đời ôi lẽ loi... Tình đâu bền mãi như ước mơ..."
"Em yêu ơi! Bây giờ ta cách chia...
Hương môi xưa chưa tàn trong giấc mơ..."*

Vài năm sau, vào năm 1969, nhạc vẫn mang cái nhung nhớ về dĩ vãng xa xưa trong bản "Dáng ai bên hồ":

*"Chiều ghé miền cao,
tình bóng người xưa ân tình chưa phút luyến trao..."
"Dĩ vãng chưa phai mờ,
tình đó không bao giờ nhạt nhòa trong dấu yêu..."*

Vài chục năm sau, vào năm 1993, trong cuộc sống xa xứ, nhạc vẫn bùi ngùi, vẫn quặn quại vì dĩ vãng Đà Lạt như trong bản "Một thoáng yêu xưa":

*"Tiếc thương người trong dĩ vãng
phút giây êm đêm qua..."*

*Người cũ sẽ không bao giờ quên nhau...
Tình lỡ có nhớ thương nào người đâu?"*

Đúng ba chục năm sau, vào năm 1996, bản "*Mưa trên thung lũng Hồng*" vẫn còn vang vọng nỗi chia ly, ngăn cách âm hưởng cùng nỗi hoài hương trên đất khách. Nhạc sĩ nhớ lại phong cảnh thiên nhiên đôi khi chập chờn mờ ảo qua màn mưa. Một màn mưa nhẹ nhàng, rả rích, dai dẳng như tạo cơ hội cho đôi kẻ yêu nhau có dịp sát lại gần nhau hơn để truyền hơi ấm cho nhau:

*"Chiều xưa Mưa Trên Thung Lũng Hồng...
một mình ta với người... lời thề xưa nhớ đời...
Chiều xưa mưa trên thung lũng hồng...
đường tình quên lối về... đời êm như suối mơ..."*
*"Chiều nao... mưa rơi trên phố buồn...
Mưa giăng mắc núi đồi... Cặp tình nhân vai sánh vai..."*
*"Người ơi... cuộc tình chia cách hoài...
Thuyền tình đã đắm rồi... mà lòng nhớ suốt đời...
Chiều nay mưa rơi trên xứ người...
Một mình trong phố buồn hạnh lòng nhớ cổ hương..."*

Hình ảnh Đà Lạt đầy âm áp trong tâm hồn người nhạc sĩ. Nỗi nhớ nhung trào dâng qua cả đầu thế kỷ mới, nhất là trong kiếp sống tha hương, thể hiện thành nhạc phẩm của những năm sau năm 2000. Tình của nhạc sĩ với thành phố sương mù quả thật sâu đậm và mãi thủy chung. Một trong những tình khúc day dứt đó là bản nhạc "*Đà Lạt, một trời thương nhớ*":

*"Tìm đâu thấy nữa những êm đêm cũ? Tìm đâu thấy nữa
những khung trời nhớ? Đà Lạt yêu dấu chìm trong bóng chiều.
Kỷ niệm yêu đương vẫn vương bao ngày. Người ơi có biết lòng
ta nhớ hoài?
Một chiều thu xưa trong mưa lạnh đến thăm tôi. Thời gian như
mây trôi. Người mơ vẫn chốn xa vời.
Vắng xa rồi ý thơ. Vỡ tan rồi ước mơ. Ái ân rồi hững hờ...
Còn đâu môi hôn ngát hương. Vắng xa rồi tiếng ca. Héo hon
rời kiếp hoa. Dáng yêu rồi xóa nhòa. Trở về ngày xưa ấu thơ.
Chiều nay hoang vắng lòng mênh mang nhớ. Phút giây thân
tiên với em. Tìm đâu năm tháng tình yêu ngày ngát, niềm vui đắm
đuối... Luyến thương không nhạt phai.
Khúc ca xưa còn đây. Nét yêu xưa đổi thay. Hồn vẫn mong tình
đắm say."*



1969

Vũ Đức Nghiêm

Nhạc sĩ VŨ ĐỨC NGHIÊM cũng mang nhiều tâm sự về Đà Lạt:
“Kỷ niệm đáng nhớ nhất trong đời văn nghệ của tôi là vào năm 1969, tháng 11, sau khi viết Gọi Người Yêu Dấu, tôi tình cờ gặp ca sĩ Thanh Lan ở Đà Lạt. Thanh Lan hỏi tôi có bài nào mới viết không? Tôi đã đưa bài Gọi Người Yêu Dấu cho Thanh Lan. Sau đó ít lâu, khi tôi đang uống cà phê ở một tiệm nước khu Hòa Bình, gần chợ Đà Lạt, chợt nghe tiếng hát rất quen. Đó là tiếng Thanh Lan hát Gọi Người Yêu Dấu. Ngọc Chánh thu thanh trong băng Shotguns Nhạc vàng 70. Tôi xúc động lắm, nghe Thanh Lan hát bài ấy lần đầu tiên.”

Nội dung bản *“Gọi người yêu dấu”* của VŨ ĐỨC NGHIÊM:
*“Gọi người yêu dấu muôn lần. Nhẹ nhàng như gió thì thầm.
Làn mây trôi gọi nhớ chơi vơi, thương người xa xôi.*

*Gọi người yêu dấu trong hồn. Ngập ngừng, tha thiết, bồn chồn.
Kỷ niệm xưa mờ thoáng trong sương cho lòng nhớ thương.*

*Người yêu dấu ơi, sao lòng se sắt đầy vơi. Người yêu dấu ơi,
thu về tìm vẫn đơn cô. Người yêu dấu ơi, khi ngàn sao đêm lấp lánh.
Tâm hồn băng khuâng, nhớ ngày vui đã qua nhanh.*

*Thương em mắt sao trời lung linh. Thương em ngón tay ngà
xinh xinh. Thương em dáng vai gầy thanh thanh. Thương em vòng*

tay ghi xiết ân tình. Thương em dáng u buồn bơ vơ. Thương em nét môi cười ngây thơ. Thương em tóc buông lơ lửng dịu dàng.

Thương em mong manh như một cành lan.

Gọi người yêu dấu xa vời. Mà lòng lưu luyến bồi hồi. Ngày biệt ly đành nhớ nhau thôi khi chiều nhẹ rơi.

Gọi người yêu dấu muôn đời. Nghẹn ngào không nói thành lời. Tình yêu xưa, ngày tháng pha phôi, biết bao giờ nguôi!”

Sau đó tại Đà Lạt vào năm 1969 nhà thơ HOÀNG ANH TUẤN cảm hứng viết thêm lời ca 2 cho bản nhạc trên như sau:

“Gọi người yêu lúc thu về. Giận người quên lãng lời thề. Chiều năm nao nguyện sống bên nhau, nay đành quên sao?”

Gọi người yêu dưới trăng vàng. Gọi tình xưa cũ muện màng. Từ ly tan, ngày tháng hoang mang, mây trời tóc tang.

Người yêu dấu ơi, sương chiều dâng xóa ngàn thông. Minh ta đứng đây nghe hồn thu lắng mênh mông. Hồ xưa vẫn xanh trong ngàn sao đêm thương nhớ. Nhưng còn tìm đâu dáng hình yêu dấu xa xưa.

Thương em ngón tay dài mơn man. Dư âm tiếng dương cầm đi hoang. Thương em đắm linh hồn mong manh. Thương em nụ hôn nồng cháy ân tình. Đôi tay xiết thêm vòng đăm mê. Thương em phút trao hôn qua đi. Buông lơ lửng chút hương yêu dịu dàng. Như sương pha lê trên một cành lan.

Gọi tình xa vắng đôi bờ. Gọi thầm giây phút hẹn hò. Chiều thu mưa, đồi núi bơ vơ, mây trời ngẩn ngơ.

Gọi người, nước mắt chan hòa. Gọi ngày vui cũ ngọc ngà. Tình dù xa, dù tháng năm qua, xót xa lòng ta.”

Sau 1975 phải rời xa Đà Lạt, để tưởng nhớ tới thành phố cũ, VŨ ĐỨC NGHIÊM viết bài “*Tình ca cho Đà Lạt*” (10-1976) bộc lộ tình mình với chốn xưa và ước mong có dịp trở lại:

“Theo dòng thời gian, dù ta đi xứ lạ quê người, mà trong tim ta kỷ niệm xưa vẫn không phai. Như bèo dạt trôi, dù lênh đếnh góc biển chân trời, tình yêu em xưa như nổi thương đau không rời.

Thương về miền xa, vùng cao nguyên gió lạnh sương mờ, hàng thông bơ vơ, chiều về ngơ ngác trong mưa. Mây lãng lờ trôi, chiều nhẹ rơi, nắng nhạt ven đồi, ngàn hoa xinh tươi trong nắng dâng hương tuyệt vời.

Đà Lạt ơi, dù ta đi bất cứ nơi nào lòng nhớ thương em dạt dào như sóng trùng dương xôn xao,

Đà Lạt ơi, dù cho ngăn cách đôi bờ, lòng vẫn thiết tha mong chờ ngày về Đà Lạt ước mơ.

Xin gửi về em bản tình ca tháng ngày lưu đầy. Làm sao ta quên ảnh hình yêu dấu thơ ngây. Cho dù thời gian làm phai pha dáng hình ban đầu. Tình yêu em xưa suốt đời hằn trái tim sâu.”

Vương Đức Lệ

VƯƠNG ĐỨC LỆ thăm lại chốn cũ viết bài thơ “*Trở lại Đà Lạt*”, lời thơ thật buồn. Cảnh cũ còn đấy nhưng đã thay đổi, người xưa lại vắng bóng, chỉ còn lại niềm nhung nhớ:

*“Mười năm ta lại về đây
Ngó cây lũng thấp, nhìn mây giang hồ
Rừng thông xanh, khói lam mờ
Chênh vênh vách đá vàng tơ nắng buồn.
Đốc cao phố núi mù sương
Ngẩn ngơ quen dấu chân buồng thườ nào.
Về đây nghe trắng thác gào,
Nghe biêng biếc mộng, nghe dào nguyên xưa
Ngồi đây theo sóng vỗ bờ
Đêm Xuân Hương gió thổi Cù nhớ em
Nụ hôn thơm đón môi mềm
Em trong tiềm thức, Em tiền kiếp ư?”*

Nhà thơ Vương Đức Lệ (tên thật là Lê Đức Vương) qua đời tại Hoa Kỳ vào năm 2008. Hưởng thọ 72 tuổi.

Miên Du Đà Lạt

MIÊN DU ĐÀ LẠT tên thật Nguyễn Minh Tâm. Sinh năm 1955 tại Phan Rang, lớn lên ở Đà Lạt. Xuất thân từ trường nữ trung học Bùi Thị Xuân, Đà Lạt. Coi thành phố Đà Lạt là tình yêu và niềm nhớ mù sương! Luôn nhớ về Đà Lạt nên ngay trong bút hiệu của mình cây viết nữ cũng ghép thêm tên thành phố cao nguyên này. Được mọi người yêu văn nghệ biết đến trong nhiều tác phẩm, cả thơ lẫn nhạc.

Một bài thơ buồn của MIÊN DU là “*Đà Lạt chờ nhau trong mơ*”:

*“Đà Lạt ơi, Em chờ trong nỗi nhớ!
Bóng hình anh dấu mãi trong giấc mơ*

Bao lần mở khi đêm về buốt giá
Bao lần tìm khi đời vẫn quạnh hiu
Này anh, tình thơ buồn ngày cũ

Em đem về ấp ủ mãi trong tim
Trong giấc mơ em ước vọng mong manh
Nếu có anh đời không còn sỏi đá
Nếu có anh hoa sẽ ngát thêm hương
Nếu có Anh đời hết nghĩa vô thường

Người tình ơi! em nhớ mãi mỗi sáng sương rơi lạnh
Nuôi môi hôn, hạnh phúc ấy đã chia xa rồi
Đà Lạt ơi! Ta chờ hoài trong mơ
Ánh đèn khuya vắng bóng ai qua rèm
Đêm lạnh giá cô đơn niềm nhung nhớ
Mơ người về vui sâu chút tình thơ

Chiều nay lệ ướt nhạt nhòa cay
Mưa đi về ướt đầm vai em gầy
Nghe vấn vương theo lá rụng bay bay
Vắng bóng anh, tình không còn chấp cánh
Vắng bóng anh, đời bỗng thấy bơ vơ.”

Sau này khi có dịp trở về thăm Đà Lạt MIỀN DU viết bài: “Đà Lạt như áng mây trôi...” (CA, 2002) trong đó nhắc đến Cù Dị là tên con đường trong Viện Đại Học Đà Lạt, Vọng Tường là tên chiếc cầu nhỏ bắc qua con suối nhân tạo và Năng Tĩnh là tên Nguyễn Đường trong Viện Đại Học Đà Lạt:

“Đà Lạt ơi!
Ta trở về lòng vô cùng bỡ ngỡ
Xuân Hương buồn, đôi mộng chẳng còn mơ
Giảng Đường sâu con đường xưa mờ dấu
Lòng ngậm ngùi, hồn bỗng nhớ ngày thơ

Chiều Giảng Đường đứng ngắm giọt sương rơi
Thung Lũng mờ Tình Yêu như vẫy gọi
Đường Cù Dị, ta nhẹ bước bồi hồi
Kìa con suối chảy qua cầu Vọng Tường

Mỗi bước đi ta đếm sỏi trên đường
Viên đá cuội lăn tròn theo trí nhớ

*Em còn đó, Năng Tĩnh xưa còn đó
Nhưng tên gọi... chừ sao nghe xa lạ !?*

*Đà Lạt ơi! mỗi tình đầu dang dở
Ta yêu em, tình chỉ viết thành thơ
Rời tay nhau ta mang theo mộng vỡ
Nay trở về, lòng nuối tiếc ngân ngơ*

*Đời của ta như đám bèo trôi dạt
Bao cuộc tình như một áng mây trôi!
Chiều hôm nay trên Giảng Đường nắng nhạt
Nhớ em xưa, hồn nhuộm thắm đơn côi!"*

Phạm Xuân Đài

PHẠM XUÂN ĐÀI kể lại chút kỷ niệm về những ngày theo học sư phạm tại Đà Lạt:

"Cuối thế kỷ rồi, nhìn ngược lại sáu thập niên đã qua của đời mình, tôi thấy có một quang sáng rực lên như một niềm hạnh phúc, nhìn kỹ hơn nữa, hóa ra đó là những năm đi học sư phạm ở Đà Lạt. Đồi thông, hồ nước, trường đại học, những con đường uốn lượn, các bạn học, phở Ngọc Lan, mì chú Ngẫu, cà phê Tùng... cái gì nhớ lại tôi cũng thấy vui tươi trong sáng không gợn một chút buồn phiền, như đất cao nguyên thanh bình thuở ấy.

Thời đi học thì vui nhất là đời sống học xá. Thời ấy đại học Đà Lạt chưa đông lắm, ngoài các lớp sư phạm ban Triết và Pháp văn, còn có một số ban thuộc trường Văn khoa và Khoa học, tổng số sinh viên độ bốn trăm. Học xá cho nam sinh viên ở ngay trong trường, chỉ chiếm một hai dãy nhà khuất về phía sau."

Sau đó PHẠM XUÂN ĐÀI kể lại một "câu chuyện vui vui" đã xảy ra tại những dãy nhà trên. Đó là vào một mùa đông năm 1962 vào một buổi tối trời rét căm căm mà một sinh viên đã nhận lời thách đố bơi qua hồ Xuân Hương và đã thành công để đoạt giải thưởng là một cái radio:

"Những cái ngóng của thời tuổi trẻ, khi về già lại biến thành kỷ niệm rất âu yếm và đậm đà, như cái đắm thắm của loại rượu lâu năm. Trong ba năm tươi sáng của đời tôi đi học tại Đà Lạt, kỷ niệm này đúng là một nét đắm thắm, nhớ lại thì lòng thấy vui, và miệng không khỏi nở một nụ cười."



Vũ Lâm

VŨ LÂM, một người theo binh nghiệp lưu luyến thành phố Đà Lạt những ngày tháng cũ cũng thốt lời tâm sự:

“Tôi sinh ra ở miền Bắc Việt Nam, sống ở Ninh Bình, Hà Nội, Hải Phòng. Di cư vào Nam, suốt thời niên thiếu, đi học, lớn lên ở Sài Gòn, chỉ có những tháng Hè hoặc Tết, tôi mới được lên Đà Lạt sống với cô và các em con của cô tôi. Vậy mà tôi vẫn có cảm tưởng tôi là cư dân Đà Lạt, có lẽ vì kỷ niệm và tình yêu sâu đậm nhất của đời tôi gắn liền với Đà Lạt, cộng thêm những kỷ niệm của 4 năm thụ huấn tại quân trường Võ Bị.

Tuổi ngoài 60, tuổi già, hiện tại và tương lai là con đường bằng phẳng! Nên người ta thường ngoái cổ lại nhìn về quá khứ, sống với quá khứ. Như con bò buổi chiều về nằm nhai lại mớ cỏ nuốt vội vàng lúc ban ngày. Hình ảnh và hương vị của Đà Lạt vẫn còn đậm nét trong tôi, nên những buổi chiều buồn, những ngày mưa bão, tôi vẫn thường ngồi lặng lẽ một mình bên cửa sổ, trong một góc của căn phòng, trầm ngâm, mơ màng nhớ về những ngày tháng ở Đà Lạt. Đà Lạt những buổi sáng sương phủ trắng dưới thung lũng. Đà Lạt buổi chiều, buổi tối mù sương. Đà Lạt mây mù phủ trên rừng thông, đồi núi, mờ mịt đỉnh Lang Biang. Đà Lạt những ngày mưa bão lê thê, giá lạnh, ẩm ướt! Đà Lạt và người

tình, Đà Lạt và nỗi buồn gặm nhấm hồn tôi suốt một đời.

Tôi nhớ con dốc từ khu chợ Hòa Bình dẫn xuống Hồ Xuân Hương, nhớ con đường ven hồ và đồi Cù, xa xa phía cuối hồ, ngọn tháp nhọn trường Lycée Yersin vươn cao in trên nền trời. Tôi nhớ bước chân lững thững trên những bậc thềm Palace, nhớ con đường dốc ven đồi phủ đầy lá thông khô và những hàng thông cao vút. Đà Lạt có một mùi thơm huyền hoặc suốt đời khó quên, mùi ẩm ướt của núi đồi, mùi rừng thông, nhựa thông, mùi ngo, mùi hoa Mimosa.

Thời gian tôi sống ở Đà Lạt ít hơn ở Sài Gòn, nhưng Đà Lạt đã gói gọn những cảm xúc, rung động của đời tôi từ ngày bé, những ngày còn chạy nhảy, vui đùa, đá bóng với đám bạn nhỏ trong khu rừng thông bên trường Petit Lycée, băng rừng từ sau căn nhà ở đường Pasteur tìm đường ra thác Camly. Cho đến những ngày vừa đủ lớn để biết buồn, biết cất dấu hình người yêu trong ví lâu lâu lấy ra ngắm nhìn, biết ngồi Cà phê Tùng. Nên, một phần của lý do tại sao sau ngày xong tú tài phần hai, tôi không chọn làm giáo sư, luật sư, kỹ sư, bác sĩ, tôi cũng không chọn quân trường Hải Quân, Không Quân mà chọn trường Võ Bị Đà Lạt, nơi mà khi bước chân vào đã ngỡ ngàng đến một tương lai vô định, may rủi, chưa biết sẽ về đâu, một là xanh cỏ hai là đỏ ngược!”...

Hà Ly Mạc

HÀ LY MẠC (Võ Đăng Diệu), khoác áo quân nhân, cư ngụ lâu năm tại thành phố nên khi xa xứ cảm tác viết bài “Đà Lạt với tôi”:

*“Quên làm sao được xứ mù sương
Sánh bước bên em giữa phố buồn
Ngắm ánh trăng soi trên tóc lụa
Em cười hoa nở ngọt môi hương.*

*Đà Lạt có sa mù buổi sáng
Có đồi non điểm phấn thông vàng
Có người em gái đôi môi thắm
Má ứng hồng tươi trắng mịn màng.*

*Đà Lạt với đồi thương núi nhớ
Với tình em mướt tựa ngàn thông
Có hồ nước biếc ngời than thờ
Thung lũng tình yêu với suối vàng.*

Làm sao nói hết nỗi lòng tôi
Em hỏi nhớ không? - Miễn trả lời!
Chỉ thấy hồn tôi vương vấn lệ
Ngẩn ngơ, ngơ ngẩn mãi em ơi.

Rồi cũng như lòng em vậy thôi
Bao đêm thức trắng ngắm sao trời
Thêm nghe nhạc đế trong đêm vắng
Trăng ở bên này cũng biếng soi.

Đà Lạt bây giờ xa xôi quá
Nửa vòng trái đất với Cali
Bao giờ thấy lại Non Sông Việt
Chất lười chao ôi! - Biết nói gì.

Thôi em đừng hỏi nhớ hay quên
Quặn thắt lòng tôi tan nát thêm
Thung lũng Hoa Vàng, vàng vọt lắm
Nhớ non nhớ nước nhớ tình em.”

HÀ LY MẠC luôn khắc khoải mơ về cảnh cũ và trong kiếp sống tha hương luôn nhung nhớ rồi tự hỏi “Đâu trời Đà Lạt” (1994):

“Bên này bờ biển Thái Bình Dương
Trông cõi mờ xa vọng cổ hương
Chỉ thấy trùng trùng làn sóng vỗ
Đâu trời Đà Lạt với mù sương?”

Tôi gọi tên em! Tôi gọi em.
Núi rừng xanh biếc đỉnh Lâm Viên
Đôi Thông Hai Mộ; buồn Than Thờ
Nặng gánh non sông trĩu muộn phiền.

Tôi gọi về em Đà Lạt ơi!
Bao giờ ngắm lại ánh vàng tươi
Chiều vương màu nắng trên đường phố
Rọi nước hồ Hương đẹp tuyệt vời.

Ước gì tôi được ôm Đà Lạt
Để cõi lòng mình bớt quạnh hiu
Thủy Tạ bên em ngồi hóng mát
Nghe Linh Sơn Tự vọng chuông chiều.

*Chao ôi! Bao chuổi ngày thơ mộng
Vụt thoáng qua rồi hồi tuổi xanh
Lê gót phong trần đầu tóc bạc
Ly hương nuốt lệ đón mừng Xuân...”*

Nhà thơ sinh năm 1940 tại Quảng Bình. Tốt nghiệp Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Qua đời tại Hoa Kỳ năm 2012.

Lam Phương

Hình ảnh thành phố sương mù cũng luôn mãi nức nở với những mối tình buồn bã, đơn côi trong nhạc LAM PHƯƠNG. Hãy nghe bản nhạc “Đà Lạt cô liêu”:

“Chiều lên. Cho đây khóc đó. Nắng lên khi mình mất nhau. Mây ơi trôi đến phương nào? Dừng chân chia bớt cơn sầu.

Giọt buồn long lanh phiến đá. Vỡ tan trong lòng nước xanh. Người đi cho mất thâm sâu. Có ai quên thuở ban đầu?

Đời thay như chiếc áo, tình không nơi nương náu. Trên thành phố băng khuâng, mỗi chiều, mỗi chiều em về. Gót nhỏ in trên lá, phủ quanh con đường mòn. Với nỗi buồn mênh mông.

Đà Lạt đau. Ai hay? Ai biết? Nhớ anh thông già hắt hiu. Dâng theo con nước ban chiều. Hồn em cũng lấm tiêu điều.

Còn đâu trăng thanh suối biếc? Bóng chim xa đời ái ân. Rừng xanh tan tác cô liêu. Nhớ anh sương phủ bóng chiều.”

Đỗ Văn

Đăng trong một đặc san ghi năm 1994, từ Luân Đôn nước Anh, ký giả ĐỖ VĂN của đài B.B.C viết về những kỷ niệm của mình với thành phố Đà Lạt 40 năm về trước:

“Đà Lạt đã là khởi điểm cho cuộc đời phiêu bạt của tôi, khởi điểm của những mộng ước tuổi trẻ, để rồi từ đó đến nay, một vài lần có quay trở lại đường xưa lối cũ, thực cũng như mộng, thấy cuộc đời qua mau mà sao kỳ lạ. Những ấn tượng ban đầu của tuổi hoa niên, vẫn in sâu không mờ xóa nổi. Ai cũng có thể tự nhận là người Đà Lạt. Chỉ cần sống với Đà Lạt và triu mến Đà Lạt là đủ...”

Ngày tôi biết Đà Lạt là lúc vừa rời khỏi Hà Nội thân yêu, trước khi đất nước chia đôi. Tôi đã được chứng kiến quãng đời bình thản

và hiền hòa của Đà Lạt trước khi có cơn xáo trộn phủ phàng của lịch sử. Chẳng cần nhắc đến những địa danh thơ mộng của Đà Lạt ra làm gì nữa, xin để những kỷ niệm xưa của mỗi người lắng đọng như mặt hồ lúc chiều xuống, như tiếng vọng của cánh chim trời bay xa nơi chốn cũ.

Đà Lạt đối với tôi là những ngày nghỉ cuối tuần. Từ St Benoit, trên những chiếc xe taxi Peugeot 203 phóng lao xuống phố, qua nhà Gare, qua trường Yersin, qua hồ nước với chiếc nhà nổi màu trắng in bóng lung linh. Đà Lạt đối với tôi là một đêm Giáng Sinh âm thầm tản bộ từ con đường dưới phố, thoai thoải theo triền dốc cao, dưới bầu trời tinh không lạnh giá, để nghe vang vọng tiếng hát từ giáo đường trong đêm thánh vô cùng. Đà Lạt đối với tôi là những buổi tối có ánh đèn như đêm hội hoa đăng, từ tầng gác nhỏ của khách sạn Hòa Bình trông sang rạp hát Ngọc Hiệp, nghe những tiếng vọng cổ náo nùng hoặc những điệu nhạc tân cổ giao duyên náo nức, là một buổi sáng vắng lặng đứng bên song cửa phụ khu Palace, thuộc khách sạn Lang Biang vị thế chênh vênh hơn mặt hồ, để tâm mắt trôi dạt theo hơi sương tan dần trong nắng sớm.

Bốn mươi năm về trước, một đêm rất khuya, khi vũ trường La Croix du Sud sát chợ Đà Lạt đã chấm dứt khúc luân vũ cuối cùng, trả lại bầu không khí tĩnh mịch cho đêm trường, tôi lần bước lững thững theo con dốc thanh vắng kế cận, nội cảm dâng trào. Trên đỉnh đồi cao thấy hai cây thông lững lờ trước gió, tôi thầm nhủ với cây xanh: “Xin hãy lắng đọng với thời gian! Ước mong có ngày tôi lại có thể tìm về chốn cũ để ngắm hai ngọn thông lùa theo hướng gió!”. Bây giờ, bốn mươi năm sau, không hiểu có còn hai ngọn thông già tình tự nữa hay chẳng?”

Phan Nghệ

Kỷ niệm về thành phố Đà Lạt từ thời 1951 khi mới có mười tuổi đầu và mới rời xứ Huế để lên cư ngụ nơi này vẫn còn khắc ghi mãi trong lòng PHAN NGHỆ:

“Tôi đến Đà Lạt năm lên 10 sau khi rời xứ Huế cổ kính để lên Đà Lạt sống với ba má tôi. Tuy mới 10 tuổi nhưng muốn đến Đà Lạt cũng phải có hai người lớn, quân nhân hoặc công chức bảo lãnh thì mới được nhập cư xứ Hoàng Triều Cương Thổ này. Mặc dầu ba tôi hồi ấy là lính Ngự Lâm Quân của Vua Bảo Đại đóng ở Biệt Điện... Nếu tôi nhớ không lầm thì đó là khoảng tháng 2 năm

1951. Máy bay Air Cosara chở tôi đáp xuống phi trường Liên Khàng.

Cửa máy bay mở, một luồng không khí mát rượi thổi vào, tôi hít một hơi thật dài và nuốt làn không khí mát mẻ đó. Tôi có cảm tưởng như đang ở ngoài trời nóng bức của một buổi trưa hè, bước vào một nơi có một hệ thống máy lạnh tối tân (trong máy bay người ta đang mở heater). Tôi ngập ngừng bước xuống cầu thang máy bay, đặt chân xuống phi trường Liên Khàng, xuống đất Đà Lạt. Đà Lạt, thành phố tôi mơ tưởng đến khi tôi còn học lớp Nhi trường Thượng Tứ ở Huế. Cô giáo dạy tôi đạo ấy lại là người vừa đổi về từ Đà Lạt, cô Nguyễn Thị Liêu. Hẳn cô cũng có những kỷ niệm êm đềm và rất thiết tha với Đà Lạt. Có một bài tôi thích nhất và thuộc cho đến bây giờ. Đó là một bài tả cảnh Đà Lạt, trong đó có đoạn viết: “Lập trên Cao Nguyên Langbian, chung quanh toàn núi đồi hùng vĩ, Đà Lạt chiếm một vùng rất rộng, quanh năm lúc nào cũng mát mẻ, không khí nhẹ nhàng, trong sạch lại thêm hương vị thơm tho của rừng thông bát ngát...” và “...Đây con đường đất đỏ đưa ta vào một khu rừng tĩnh mịch và êm như mơ, kia là lối lên hồ và suối, mặt hồ trong xanh phẳng lặng in bóng mấy dãy thông già cao vút...”. Tôi mơ đến Đà Lạt do cô giáo dẫn dắt trong những bài tập đọc và học thuộc lòng như thế. Được đặt chân lên xứ Đà Lạt mơ mộng, hít thở được không khí thanh mát, Đà Lạt thực sự trước mắt tôi còn đẹp hơn cả những bài tập đọc mà cô giáo đã dạy và trí tôi tưởng tượng.”

PHAN NGHÈ kể tiếp về nơi mình mới tới ở tại thành phố này và những âm thanh lạ tai khó quên:

“Chỗ ở đầu tiên của tôi tại Đà Lạt là Xóm Nhà Lá cạnh Dinh 3 của Vua Bảo Đại, một xóm nhà được cất lên như một trại Gia binh của Ngự Lâm Quân. Xóm Nhà Lá nằm dọc theo con đường lát đá dẫn vào Suối Tía, khu trại của ông Tây Faro...”

Sau Xóm Nhà Lá là khu Rừng Ái Ân, mỗi khi chiều lên, tiếng mền lạc bầy kêu “tác” âm vang rừng núi. Lúc đêm đến tiếng chim Ó Ma Lai kêu như tiếng hú của ma rừng trong truyện của Thế Lữ. Sáng sáng, trong không khí lạnh và tĩnh mịch của núi rừng, tiếng chim Đa đa điểm đều đặn. “Tác da da bớ cha” nghe thật cô tịch...

Xóm Nhà Lá tôi ở thuộc khu Biệt Điện, mỗi lần ra chợ Đà Lạt phải qua một khu rừng thông có một Mả Thánh Tây rồi mới đến Dốc Nhà Bò. Đối với tuổi lên mười của tôi, Dốc Nhà Bò là một cái dốc quá cao, mỗi lần đi học về, tôi phải leo lên cái Dốc Nhà Bò đó, lên đến đỉnh dốc, tôi cùng vài người bạn phải ngồi nghỉ 5 - 10 phút cho khỏe rồi mới lần về nhà.

Đứng trên núi cao nhìn xuống thành phố lúc nào cũng như đang yên ngủ trong làn sương mờ mù mịt của núi rừng. Thành phố Đà Lạt như trong những bức tranh Tàu, mong manh tan hợp phủ che trong làn sương.”

Lê Thị Ý

LÊ THỊ Ý ghi lại khung cảnh Đà Lạt về chiều với bài thơ “Tình mong manh” (Quê hương và người tình, Bắc Hà 1992):

“Em tôi từ Paris,
Thăm nhau chiều thứ bảy.
Ba mươi năm qua đi,
Tình đôi ta vẫn vậy.

Đôi mắt biếc xa xưa,
Lên khung vẽ bao giờ,
Cây Phong Cầm nhưng nhớ,
T. T. buồn ngu ngơ.

Em như giấc mơ hoa,
Anh tháng năm nhạt nhòa,
Khung trời chiều Đà Lạt,
Còn mãi trong lòng ta.

Lối cũ đã rêu phong,
Từ thưở em theo chồng.
Công viên, pho tượng đá,
Đắm chìm vào hư không.

Đông đến rồi thu qua,
Môi em vẫn mặn mà.
Belpre chiều gió nổi,
Cuộc tình đầu vút xa.

Như sương khói mong manh,
Thôi mất đi người tình.
Cung đàn xưa lối nhịp,
Anh chẳng còn thơ sinh.”

Nguyễn Zui Nhơn

Hồi ký của nhà giáo NGUYỄN QUÍ NHƠN viết về Đà Lạt những ngày tháng cũ của năm 1950, thật thiết tha tình cảm:

“Đầu thập niên 50, gia đình tôi cư trú thường xuyên tại Hôtel du Parc Dalat do tình bạn hữu của thân phụ tôi và ông D’Ors (chủ nhân người Pháp của cả khách sạn lớn nhất Langbian Palace đối diện với hồ Xuân Hương nằm phía dốc trước mặt) đã dành mọi sự dễ dãi cho chúng tôi. Thường mỗi sáng thứ bảy, chúng tôi lại lên đường xuống Blao cùng với ông D’Ors sang thăm đồn điền trà rộng bát ngát Da Ampin của di tôi có chồng người Pháp tại đó.

Cứ đều đều như vậy, tôi đã quen dần với lối sống giữa rừng sâu núi thẳm vì đồn điền của di tôi nằm khá sâu dọc ven đồi trà đi mãi vào sóc Thượng ở xa tít. Nào suối, nào ghềnh chầy xiết qua những cụm rừng thông bao quanh ngôi nhà sàn bungalow một tầng nằm soãi dài giữa khu rừng âm u. Di tôi trồng cây ăn trái và đủ loại hoa mọc chỉ chít chung quanh vườn. Quang cảnh đẹp nên thơ, nhất là vào giữa buổi trưa ánh nắng tràn ngập sân thượng nơi chúng tôi cùng di sửa soạn buổi ăn trưa. Gió hây hây lạnh, có tiếng chim sơn ca hát từ xa, tiếng ve sầu âm u dội lại. Thỉnh thoảng tiếng tắc kè rừng rúc vang lên một hồi rồi tan biến mất trong sự tĩnh mịch hoàn toàn. Đàn bướm nhỏ đủ màu sắc lượn chung quanh.

Di tôi thường mỗi sáng hay cỡi ngựa đi thăm các nơi hái trà, dừng lại thăm hỏi các gia đình đồng hương làm nhà máy ướp trà và các đồng bào Thượng hái trà chung quanh. Bà rất đẹp, da trắng, má ửng hồng như lai, trong bộ sắc phục các kiểu nữ Amazone, giầy ống cao, tóc búi nằm gọn dưới nón kiểu chần bò vùng Texas, roi điện cầm tay để phi ngựa dễ dàng. Tôi đã học ở di cách cỡi ngựa sao cho nhẹ nhàng và di chuyển mau lẹ. Di cũng dạy tôi học đầu tiên những chữ của Thượng ngữ Koho mà di nói rất thông thạo vì sống bao năm bên cạnh núi rừng. Tôi còn nhớ di nhắc mãi bên tai: “Này nhé! Cháu phải nhớ kliu là cọp; Đà là nước; Lọt-drà là đi chợ v.v...”.

Xế trưa di lại lái chiếc 4x4 chở chị em tôi và hai cô gái lai con của di ra chợ Bảo Lộc ăn thêm mì quảng và uống cà phê Bảo Lộc vì thường thường, di hay nấu cơm Tây cho chồng con, nhưng riêng di lại thích ăn đồ Việt: nào bún thang, bánh cuốn, bánh hời thịt rừng nướng và nhất là phở Bắc ở nhà gare Dalat mà mỗi khi lên ấy, làm tóc xong, di lại ra đón chị em tôi tan trường về và cách đó sang ăn phở nhà gare không xa mấy.

Có những trưa hè nắng vàng êm ả, tiếng ve sầu nức nở cả khu rừng, dì tôi lại thoáng buồn nhớ đến quê ngoại miền Bắc. - “Bố mẹ mày bỏ đi vào Nam từ lúc dì còn bé, một mình ở lại với bà”. Thế rồi dì oà lên khóc, ngày nay những giọt nước mắt lại chan hòa theo giọng lệ tuôn đôi má tôi khi viết những dòng chữ này. Dì đã dạy tôi hát những bài hát đầu tiên đầy trữ tình yêu quê hương: Làng Tôi, Lời Người Ra Đi, Sơn Nữ Ca, Ngày Trở Về... Ngày ấy tôi đã biết đệm tây ban cầm cùng với cô em họ lai phụ họa trên phím đàn dương cầm bên cạnh, xen kẽ với những bài La Plus Belle Nuit, Domino, Impossible. Các cô sơn nữ Koho hái hoa rừng về, dừng lại bên giòng suối nhỏ bên thềm nhà để lắng nghe, miệng cười tủm tỉm.

Có những lúc tôi bắt gặp dì một mình thơ thẩn dọc theo giòng suối nhỏ, tay nhặt những hòn đá sỏi còn hâm hấp mùi đất nóng, rồi dì lại rắc từng viên vào những khe nước chảy róc rách, mắt đăm đăm buồn man mác. Dì lúc nào cũng mơ ước được trở về quê cha đất tổ tại miền Bắc. Chúng tôi quê quán Bắc Ninh, đất nổi tiếng về người đẹp và lối hát Quan Họ mà dì tôi có một thời lừng danh với các chị em khác trong làng với giọng ca đó.

Dì nói tiếng Pháp nhỏ nhẹ như đầm và được các con dạy cho cách đọc, viết. Những lúc buồn dì hay đọc sách báo. Tôi còn nhớ vào những đêm trăng sáng, rừng âm u, sương đọng mờ cả kính, dì thường kể cho chúng tôi nghe những truyện đường rừng của Lê Văn Trương hay chuyện tình không dứt trích trong tạp chí hàng tháng thời đó: Chuyện Chúng Minh, Nous Deux. Có điều đáng tiếc là các cô em họ tôi chỉ nghe hiểu lờ mờ tiếng mẹ đẻ, nói lại càng ú ớ hơn vì cả hai cô đều được dì tôi gửi học nội trú trên Dalat, mỗi tháng mới về một lần. Cứ hai tuần dì lại lái xe lên thăm và ở trên ấy bên cạnh gia đình tôi hai ba hôm.”

Mãi về sau này, vào năm 2003 giáo sư Mỹ - MỄ NGUYỄN QUÍ NHƠN từ biên thùy Jaca còn mê say viết thêm về Đà Lạt với tiếng lòng vẫn còn âm hưởng rộn rã như tự thuở nào:

“Riêng Dalat đến với tôi đầy thơ mộng ái tình dây dút mãi không phai khi có cuộc trại hè của ba viện Sài gòn – Dalat - Huế và những đêm sáng trăng trên đồi lữ quán thanh niên tôi đã từng làm say mê các bạn họp trại với tiếng đàn và giọng hát qua những nhạc phẩm ưa chuộng vào thời đó như “Anh đi về đâu”, “Domino”, “Besame mucho”. Rồi những cuộc tình chớm nở... tôi và cô sinh viên sư phạm Sài gòn lúc nào cũng yêu cầu tôi đệm đàn cô mới chịu hát, hay sau này tôi thường lên xuống vùng cao nguyên vì lỡ đã yêu một cô nghệ sĩ làm tại vũ trường Hoa Tuy-líp Đổ bên hông

chợ Hoà Bình.

Tình đã đẹp cảnh còn quyến rũ hơn. Suốt 20 năm trôi từ khi rời quê hương, tôi đã mòn mỏi tìm dấu vết của một Dalat mờ sương đầy mơ mộng. Từ Hoa kỳ đến Mỹ tây cơ, những nơi mà thiên nhiên đã ban cho một quang cảnh hùng vĩ quá đẹp, nhưng ta chỉ cần một ngọn đồi thoai thoải, những hàng thông liễu rủ bên bờ hồ, tiếng suối róc rách bên tai, chiều đến vài cô thôn nữ các sắc tộc Koho, Ma, Mnung, ngực trần, váy màu nâu xẫm bó chặt bên hông, vai mang gùi đầy củi dầu hay vài con thú vừa bẫy được lặng lẽ đi từng hàng về buôn sóc. Ôi, cảnh quá đẹp đối với người có tâm hồn lãng mạn, đa tình.”

Nguyễn Xuân Hoàng

Hồi ký về Đà Lạt của NGUYỄN XUÂN HOÀNG trong thời mà nhà văn gọi là thời “mới lớn”:

“Đà Lạt, thành phố trên cao của Việt Nam, là nơi chôn giữ của tôi khá nhiều kỷ niệm của thời mới lớn. Chính tại thị trấn “hàn đới” này, tôi đã làm những bài thơ tình đầu tiên, viết cái truyện ngắn thứ nhất, và biết thế nào là mùi vị của cô đơn.

Tôi đến Đà Lạt lần đầu tiên khi vừa chẵn mười tám tuổi. Hành lý của tôi chỉ là một chiếc áo len và một bàn chải đánh răng. Đêm Đà Lạt lạnh buốt. Tôi bước vào một quán cà phê có tên là Tùng. Ánh đèn mờ không soi rõ mặt khách, và khói thuốc mù làm đục cả cái không khí chật chội. Tiếng nhạc mờ lớn làm căn phòng như muốn vỡ tung ra. Tôi gọi một ly cà phê sữa nóng và đốt một điếu thuốc trong khi chờ đợi.”

Sau đó NGUYỄN XUÂN HOÀNG kể lại chuyện mình ngay đêm đó bị một thanh niên trong quán cà phê đến gây sự, kéo nhau ra ngoài, bị một bọn đánh “hội đồng” và vài tuần sau là cuộc trả thù của mình chấm dứt trên sân Cù.

Nhà văn viết tiếp:

“Chính là sau đêm ở sân Cù trở về cư xá sinh viên trong Viện Đại Học, tôi đã làm những câu lục bát đầu tiên của mình:

Từ xa phố chợ đến giờ
Chân quen bỏ lệ gỡ bờ lộ quen
Trong tôi quạnh quẽ nỗi niềm
Lạnh tan nhẩn rót vào đêm lên đường.

Và từ ngày đầu tiên ấy, tôi đã sống với Đà Lạt suốt ba năm trời. Ba năm trời, tôi buộc đời tôi vào với Viện Đại Học trẻ trung vừa được thành lập, với cái lạnh lẽo của rừng núi, với tiếng gió hú trên đồi thông, với những giờ triết học buồn nản...

Ba năm trời ở Đà Lạt, mỗi năm thay đổi chỗ ở một lần, nhưng bầu trời trong sáng của nó, những trận mưa lạnh lùng của nó, những đóa hồng dại của nó mọc ven đường... đã cột chặt đời tôi như một lần mãi mãi...

Một năm sau tôi dọn chỗ ở mới. Phòng trọ nằm trên đường Võ Tánh, con đường dốc đất đỏ mà sau mỗi trận mưa luôn luôn gây cho người ta cái cảm tưởng đang nhìn thấy ở một vết thương vô hình nào đó chảy ra. Từ nơi trọ đến Viện, tôi phải đi ngang qua trường nữ trung học Bùi Thị Xuân. Những buổi có giờ học trễ, nằm ngủ nướng trong giường, tôi có thể nghe tiếng trống vào lớp. Đó là thời gian tôi bắt đầu tập hút thuốc và uống rượu. Những ly rượu đắng cay đốt cháy mỗi tình đầu tiên của tôi...

Đó là thời kỳ tôi quen Kim và tôi bỏ học. Chiều nào chúng tôi cũng xuống hồ Xuân Hương, ngồi dưới bóng tối của một gốc cây gần nhà Thủy Tạ. Những bài học tình ái mà chúng tôi chia nhau từng trang để đọc, quyển rữ tôi hơn là những bài triết học chết cứng và khô héo. Nhưng một hôm Kim bỏ tôi đi, không một lời từ biệt. Căn phòng tôi bỗng quạnh hiu một cách kỳ lạ. Bàn học tôi vẫn còn đầy những vết dao khắc tẩn mẩn tên hai chúng tôi. Chiếu lò điện trong phòng vẫn không ấm bằng tấm thân mềm mại nhưng rực lửa của Kim. Chúng tôi chung nhau hơi thở của gói chăn. Hơi lạnh của đất trời là sự cuồng nhiệt nóng bỏng của chúng tôi.

Cánh cửa sổ mà mỗi buổi sáng khi Kim còn quán mình trong chăn, tôi đã đến hà hơi vào mặt kính và vẽ tên Kim lên đó. Qua nét chữ, tôi có thể nhìn thấy ngọn đồi trước nhà chìm trong một vùng sương mù dày đặc, con đường đất đỏ cũng nhờ nhờ trong sương như một vết thương vừa kéo mũ. Có lúc tôi nghe tiếng gió rít tàn bạo và rợn người như thể đang có sự di chuyển của một con khủng long thời cổ sơ nào vừa thức dậy và đi qua mấy trăm ngàn năm ngủ trong lòng đất. Những cơn mưa tầm tã len hai bên triền dốc trước mặt nhà kéo theo những dòng nước đất đỏ ngầu luôn luôn gây cho chúng tôi cái ấn tượng về những vết thương...

Đà Lạt, đó là một thành phố rất Tây trên quê hương Việt Nam. Nhà hàng Mekong, Chic Shangai, l'Eau Vive, Lycée Yersin, Couvent des Oiseaux, Hotel Sans-Souci, Palace, Thủy Tiên... làm chúng cho những suy nghĩ của tôi. Đà Lạt là một thành phố hòa bình trên một đất nước ngập tràn máu lửa. Đà Lạt là một giấc mơ thần tiên trong một hiện thực sắt thép địa ngục. Đà Lạt, căn hầm

trú ẩn bằng bê tông cốt sắt giữa một trận địa đầy bom mìn và xác chết. Đà Lạt là một hòa bình đầy riêng rẽ. Đà Lạt là “mũ ni che tai”... Đà Lạt trong trí nhớ tôi giờ đây chỉ là một kỷ niệm đẹp và... chua xót.”

Trong một bài khác NGUYỄN XUÂN HOÀNG lại viết:

“Tôi nhớ Đà Lạt vô cùng, nhớ con đường Hoa Hồng, nhớ con dốc dẫn lên nhà Bưu Điện, nhớ con suối cạn chạy dưới chân cầu đưa ta trở lại chợ Hòa Bình, nhớ con đường đất ta đi quanh Hồ Xuân Hương, và cái quán nước quen nhô ra mặt hồ, nơi chúng ta vẫn đến ngồi uống cà phê nhìn ra những ngọn đèn vàng ám đang nhấp nháy mắt ngủ gà ngủ gật trong đêm.

Tôi nhớ hàng bánh xèo ở đường Tăng Bạt Hổ, buổi tối nào chúng ta cũng đến đó, ngồi bên nhau xoa tay bên lò than hồng chia chút hơi ấm chờ phần ăn của mình...

Hãy tưởng tượng ngôi nhà ta ở Đà Lạt, mái ngói đỏ hình dấu mũ, sàn nhà bằng gỗ đánh vec ni, vách thơm mùi trầm, treo đầy những hoa phong lan mà em nhặt được bên bờ suối chiều qua...

Hãy tưởng tượng cửa sổ phòng chúng ta mở ra mỗi buổi sáng sẽ thơm ngào ngạt mùi hoa hồng dại, và cây mimosa đứng ngoài sân kia sẽ ghen với hạnh phúc đôi ta mà nở ra những đóa hoa vàng quý phái. Mỗi buổi chiều chúng ta có thể nhìn thấy sương mù trải dài từng lớp mỏng rồi lan cao dần che phủ đầy đặc cả bầu trời xám đục trên đầu chúng ta, và em ngồi trong ghế mây đu đưa, cả gian phòng kính kín bùng thơm mùi bồ kết ướp mật từ mái tóc em làm ấm lên một thời tiết lạnh lùng.”

NGUYỄN XUÂN HOÀNG sinh năm 1940 tại Nha Trang (Khánh Hòa). Qua đời vào năm 2014 tại Hoa Kỳ.



Trần Huy Sao

TRẦN HUY SAO (tên thật Trần Phan Hưng, sinh ra tại thành phố Đà Lạt, nguyên quán Huế) trải nỗi lòng nhưng nhớ về thành phố cao nguyên trong bài thơ “Đà Lạt mùa Xuân nỗi nhớ”:

*“Đà Lạt ơi, tôi đã xa rồi đó
Những mùa Xuân xin gọi lại. Ngậm ngùi
Trời cuối Chạp sương mù rêu phố
Giữ dùm nhau nặng nhẹ buồn vui*

*Hoa Anh Đào nở hồng Cam Ly Hạ
Để thượng nguồn ngơ ngẩn nhớ mùa Xuân
Con phố Duy Tân chiều em áo lụa
Góc Việt Anh tôi đứng đợi băng khuâng*

*Đổi bước theo em lên phố Hoà Bình
Tiếng pháo rộn ràng dọc đường Minh Mạng
Mình lại gặp nhau góc đường Ngọc Hiệp
Người đồng vui ngược xuống Ngã Ba Chùa*

*Tiếng chuông quyện hương trầm phảng phất
Mái chùa cong giữ ước nguyện đầu năm
Em má đỏ mắt hiền ngoan Đà Lạt
Để tôi hoài yêu dấu một mùa xuân*

*Mình xuống phố. Mùa Xuân đang réo gọi
Trời trong xanh theo én gọi bay
Tôi đưa em qua Vườn Hoa Thành Phố
Sáng Bích Câu chiều ghé Hội Hoa Xuân*

*Đêm Thủy Tạ miếng mút gừng cay ngọt
Trời mù sương bàng bạc hướng Đồi Cù
Chuyến xe lam đưa em về xóm nhỏ
Tôi lại một mình. Phố vẫn mù sương*

*Mai xuống phố. Phố quê người xa lạ
Em có buồn khi chợt nhớ Xuân xưa
Trời trở lạnh như thuở nào, Đà Lạt
Sao vẫn buồn, vẫn lạc lõng bơ vơ*

*Đà Lạt ơi, tôi có nhiều nỗi nhớ
Cả băng khuâng và cả những ngậm ngùi
Mùa Xuân này đất trời xưa có đợi
Để tôi về ôm hết cả buồn vui...”*

Nguyễn Cúc

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm Đà Lạt (1899 -1999) NGUYỄN CÚC viết lại hồi ký về Đà Lạt và trường “Notre Dame des Oiseaux” vào những năm 1950. NGUYỄN CÚC nói về Đà Lạt:

“Một thành phố không giống bất cứ thành phố Việt Nam nào, “Đà Lạt trắng mờ” với suối trong, hồ rộng, thác nước gập ghềnh, núi đồi trùng điệp. Thành phố ra đời với huyền thoại, những huyền thoại trở thành thiên thu. Chưa đi đến nơi, chỉ nghe nói, ai ai cũng muốn đến thăm Đà Lạt một lần cho biết...”

Đà Lạt trên xứ Thượng, đẹp để nhưng hoang vu nên tỉnh lỵ (tòa công sứ) đặt tại Djiring (quận Di Linh sau này) với hai đồn lính đầu tiên tại Tánh Linh và Lang-bian vừa làm đồn, vừa trạm giao thông tiếp vận, liên lạc giấy tờ hành chánh.”

Với cái nhìn đầy lãng mạn NGUYỄN CÚC ghi lại những cảm xúc hào hứng của mình khi mới đến Đà Lạt lần đầu tiên, mà mãi về sau này khó mà có thể quên được:

“Năm 1950, lần đầu tiên biết Đà Lạt. Cùng với các đệ tử Dòng Chúa Cứu Thế tháp tùng đi “promenade”, ba bốn người được dịp leo lên đỉnh Langbian. Cái vui nhất, đẹp nhất là được nhìn, được ngắm, tha hồ nói dốc với thầy Thomas cũng từ Sài Gòn mới lên: Veni, vidi, vixi. Mà vui thật, đến nơi rồi, Langbian hết còn là đỉnh núi hoang vu! Đông đủ mọi người đẹp thật, như “mùa xuân trên đỉnh non cao”; trời trong, gió mát, nắng vàng lừng lờ. Từ đây nhìn xuống Đà Lạt sương tan lần lần, đũng đả đũng đỉnh.

Phía bên này, xa thật xa, tu viện Dòng Chúa Cứu Thế đang xây cất trên ngọn đồi cao người Đà Lạt gọi là Núi Ba Cây vì từ thành phố đi lên, nhắm hướng ngọn đồi sừng sững ba cây thông lớn. Chỉ 3 cây thôi, một mình một cõi trên chóp đồi, cứ thế leo dốc cao, cao lên. Phía bên kia, theo hướng cha Côte chỉ, và tự mình tuy chưa biết Đà Lạt cũng cố thử tưởng tượng thêm. Lờ mờ chân mây bên rừng thông tĩnh lặng, nơi đó mái trường Notre Dame du Langbian, ngày mai sẽ đến đây thăm người em trước khi đi xa.

Ngày ấy và sau này cũng vậy, Đà Lạt quyến luyến du khách vì những địa danh gần gũi, cầu Ông Đạo, cầu Bá Hộ Chúc, suối Cát,

suối Vàng, dốc Mơ, dốc Nhà Bò. Dễ thương con đường Dốc Nhà Bò (Rue des Carrières) đường dốc như bao nhiêu đường dốc khác của Đà Lạt. Nhà Bò, nhưng chẳng thấy trâu, thấy bò, chỉ còn tro trọi như dấu tích để lại với năm tháng hững hờ mấy chuồng bò xiêu vẹo.”

NGUYỄN CÚC nhớ lại một số nhân vật và một số địa danh của Đà Lạt từ hơn nửa thế kỷ trước:

“Đường Cầu Queo, nhưng không thấy cầu, cũng chẳng thấy queo chỗ nào, trừ một đoạn nói rộng thụt vô trong như vòng cung, nơi có tiệm cơm tàu, bỏ câu quay, phá lấu mì xào, bên cạnh rạp ciné Langbian, cả Đà Lạt ai cũng biết. Từ Cầu Queo, không cần quanh, chẳng cần queo, đi tuốt lên đến một tiệm may, nhà anh Phan Xứng, tiếp tục thẳng đường lên dốc cao mãi là tu viện dòng Chúa Cứu Thế Núi Ba Cây. Con đường vắng vẻ kỳ lạ, một đoạn dài gần 3km đường đất, đường đá lồi lõm, lâu lâu mới thấy có chiếc xe ngựa lọc cọc chạy qua. Đà Lạt 1949-1950!

Từ Cầu Queo, cũng chẳng cần queo thêm, theo đường dốc lải-lải một quãng ngắn độ hai trăm mét, đến ngay chợ. Vừa chợ, vừa phố, “phố núi cao”, “đạo tao” Đà Lạt nằm ngay đây, khỏi tìm đâu xa. Hai dãy phố bên hông chợ buôn bán không nhiều, không to lớn, nhưng không có phong vị một tỉnh xép. Cửa hàng trưng bày sáng sủa, đẹp mắt, có vẽ “Tây”. Lâu ngày, phố xá buôn bán chỉ còn nhớ vài ba nơi, phòng mạch bác sĩ Lemoine, tiệm hình Nam Sơn. Gần đó, tiệm vàng đồng hương có người đẹp Bùi Thị Hiếu, làng Kế Môn. Bùi Thị Hiếu hoa khôi, hoa hậu Đà Lạt một thời...

Hết cầu, hết chợ, đi vòng vo, leo đồi xuống dốc, qua suối quanh hồ; chịu khó đi bộ khá xa... mới đến trường Couvent des Oiseaux. Đường đi đẹp, phong cảnh hai bên đẹp. Nhưng thôi không nhắc nữa: “Mais où sont les neiges d'antan” (Francois Villon).

Vùng đất vừa được định chế “Territoire de la Couronne” (Hoàng Triều Cương Thổ) từ khi “hoàng đế hồi loan”, Đà Lạt ngày thường phố núi cây xanh trầm lặng thanh vắng, trưa hôm ấy hi hà hi hục lên đến sân trường, thấy im lìm vắng vẻ hơn. Sân trước, sân sau, bên mặt, bên trái đồi thông và thông trên đồi. Chênh chênh lưng đồi những lối đi vắt ngang; ngoằn ngoèo theo hàng cây những con đường năm tháng xa vời còn để lại gót sen các nàng “chim”, giờ nghỉ học rảnh rang đi tới đi lui hướng nhìn chân trời thanh thanh, nhẹ nhàng như giấc mộng thanh bình...”

“...qua khung cửa kính nhìn ra ngoài; trời đẹp, hàng cây Mimosa lác lõng trước sân trường. Cảnh lá Mimosa sắc trắng sắc

xanh mảnh khảnh đong đưa, nhụy hoa vàng lơ lửng chập chờn trên bãi cỏ, đó đây vài cánh hoa bâng khuâng chưa hé nụ ngoan ngoãn đợi chờ...

Trở về gần gũi hơn với trời đất thiên nhiên, với vũ trụ huyền nhiệm, hàng ngày lắng nghe tiếng nói của núi rừng, tiếng hò reo của ghềnh thác cheo leo, tiếng thầm thì của cỏ cây hoa lá, người miền xuôi mỗi ngày một nhiều hơn tìm về xứ Thượng Đà Lạt như về miền đất hứa, hẹn hò từ thuở xa xưa.”

Anh Tâm

ANH TÂM (Trần Công Phán) sống và lập nghiệp tại Đà Lạt lâu năm. Từ nơi xứ lạ khi cảm hứng dâng tràn, ANH TÂM viết mấy vần thơ bộc lộ tình cảm mình “Tóc mai quện lấy cỏ Bồng”:

“Trở về tìm dấu lưu niên
 Đồi cũ xưa đã ngã nghiêng mắt rồi
 Còn đâu thăm cỏ em ngồi
 Bước chân chim sẻ bờ môi diễm kiều
 Chỗ nằm hoa dại tịch liêu
 Con đường hò hẹn dáng chiều năm xưa
 Lá còn ướt giọt sương khuya
 Mây mù phủ kín say sưa hơi nồng
 Tóc mai quện lấy cỏ bồng
 Tuổi xuân đón những nụ hồng nguyên trinh
 Đà thành mất ngọn đôi xinh
 Hồ Xuân Hương vắng bóng hình cố nhân.”

Nhân dịp họp mặt những người Đà Lạt tại California, Hoa Kỳ, ANH TÂM đã cảm tác bài thơ “Hội ngộ Đà Lạt” (6-1993), với lời ghi chú “Tặng các bạn đồng hương Đà Lạt”:

“Tà áo lụa hững hờ khoe nắng sớm
 Hồng đôi má, ngực cao nguyên vừa chớm
 Mắt liếc dao cau chết bao gã si tình
 Chuông tan trường bịn rịn áo thiên thanh
 Dầm lá mục đôi Couvent thăm kín
 Vòng tay ấm, phút giây buồn đưa tiễn
 Từ già Lycée tạm biệt cuối niên
 Hồ Xuân Hương, vành nón lá che nghiêng
 Vai nặng trĩu gánh hàng phiên chợ mới

*Bến Minh Trung hẹn hò năm học tới
Lưu bút trao nhau xao xuyên ngập hồn
Sương vô tình dẫm ướt bờ môi hôn
Còi xe thét vỡ tan cơn mộng đẹp
Đà Lạt thân thương ngàn đời khép nép
Thành phố u buồn ướt vụn bài thơ
Mây ngủ chập chùng, biệt thự lừng lơ
Bầy chim sẻ rĩa lông bên hoa dại
Hội ngộ hôm nay, Đà thành sống lại.”...*

Cùng tâm trạng với những người lưu vong khác, ANH TÂM luôn đề cao tình người Đà Lạt và tình quê hương đất nước:

*“Mùa thu đến mang phút giây hội ngộ
Thung lũng Hoa Vàng nhộn nhịp đồng hương
Mây Cali chào đón khách muôn phương
Hoa mai nở say tình người Đà Lạt
Ta về đây, môi vành khuyên ca hát
Tay trong tay, mắt kỷ niệm mênh mông
Năm, tháng hẳn lên vàng trên lưu vong
Tim, óc vẫn hiến dâng về xứ sở.”*

Tình của ANH TÂM với Đà Lạt thật tha thiết, xót xa, trong đoạn thơ cuối cùng, nghe như nỗi lòng chung của các “người Đà Lạt”:

*“Đồng hương ơi, nếu có chết ngày mai...
...Hãy mang tro tàn trở về Đà Lạt
Bón vào Đất cho thông xanh bát ngát
Thung Lũng Tình Yêu đậm nét Ái Ân
Đến “Thờ Than” hồ cũ, bên mộ phần
Thân đất khách, hồn gửi về Đà Lạt.”*

Ngụ Thuyết

NGỰ THUYẾT ghi lại những kỷ niệm về thành phố Đà Lạt khi mình còn là một chú bé:

“Một chủ nhật, như mọi chủ nhật khác, chị nó đi “bà xơ” cùng với tất cả học trò con gái khác trong lớp dù có “theo đạo” hay không. Đó là chuyện bắt buộc. “Theo đạo” có nghĩa là theo đạo Thiên Chúa, và “đi bà xơ” là đi đến một ngôi nhà thờ nào đó để

được các bà xơ (soeurs) dạy bảo nhiều thứ như thêu thùa, nấu ăn, trồng rau, trồng hoa, hát, các môn thể thao, các bài giảng trong Thánh Kinh v.v... Học trò con gái khoảng ba mươi đứa sắp hàng hai đi bộ từ nhà trường qua nhiều dãy phố để đến nhà thờ...

Đoàn học trò ra khỏi cổng trường queo trái đi một quãng ngắn trên con đường nhỏ lát đá, rồi queo phải đi trên con đường nhựa tiến về phía ngôi chợ to lớn của thành phố, ngôi chợ có hình mọi cà rặng căng tai, rồi lại queo trái xuống một con đường vừa rất dốc vừa cong queo hai bên là các dãy phố để đến khu Cầu Queo... Đoàn người tiếp tục đi, lách theo một con đường mòn nhỏ, băng ngang qua một khu vườn trồng la-ghim, tiến đến một con suối. Một chiếc cầu gỗ cong cong bắc ngang qua dòng nước chảy khá mạnh. Cầu nhỏ, bọn con gái phải từng đứa đi qua... Đi thêm một quãng đường, họ rẽ sang trái, đi vào cổng một khu nhà thờ rộng lớn. Sau này nó biết đó là khu nhà thờ Saint Domaine de Marie."

NGỰ THUYẾT ghi lại những hình ảnh về thời thơ ấu của mình, thôi thì đủ cả các trò vui:

"Tôi không sinh ra tại Đà Lạt, nhưng thời thơ ấu của tôi đã trải qua trên thành phố cao nguyên này. Đường sá, địa danh hồi đó hầu hết đều mang tên bằng tiếng Pháp, chẳng hạn đường Rue d'Annam, đường Maréchal Foch, đường La Rose, hồ Lac des Soupirs, trường Petit Lycée, trường Yersin, rừng Bois d'Amour, nhà thờ Saint Domaine de Marie, khách sạn Sans Soucis, rạp chiếu bóng Lang Biang v.v... Lẽ dĩ nhiên những tên vừa nói sau này tôi mới biết, còn hồi bé, trừ cái tên của ngôi trường mà tôi đã đến học được mấy năm là trường École Primaire de Dalat, những danh xưng khác bằng tiếng Pháp tôi chỉ nhớ loáng thoáng. Sân Bờna (Saint Benoit) nghe nói hình như ở đâu xa lắm thì phải; khách sạn Ba-Láp (Palace) nghe nói Tây Đầm mới được tới; chị Thu bảo đã đi thăm Ba-Le (Palais Impérial) đẹp hết chỗ nói. Những thứ đó tôi không để ý đến. Chú bé loắt choắt đã có những bận tâm khác."

Chú bé bận tâm thả điều:

"... đi theo tụi nhỏ khác mang điều tới thả nơi khoảnh đất rộng trống gió cuối đường Rue d'Annam. Đó là nơi tụi nhỏ tụ tập chơi nhiều trò nhất. Từ khoảnh đất đó nhìn thẳng trước mặt xuống lòng thung lũng nó thấy được con đường cong cong hai bên phố xá thưa thớt mà người ta gọi là đường Cầu Queo. Xa hơn nữa, trên sườn chênh chéch từ lòng thung lũng đi lên, tầm mắt nó chạm

phải những hàng thông chạy dài theo một con đường vắng. Nó đã theo bố đi trên con đường đó mấy lần nhưng nó không biết tên đường. Về sau nó biết đó là đường Pasteur, rồi đổi thành đường Hai Bà Trưng. Nhích lên một chút nữa là những dãy nhà tường trắng, mái đỏ trông rất ma quái, dễ sợ. Bên trẻ cùng khu phố thường bảo nhau đó là vùng nhà thương, nhà xác, nhà mồ, lẽ dĩ nhiên có nhiều ma... Ngay phía sau khu thả điều trên đỉnh một trái đồi nhỏ là nhà thờ Tin Lành mới xây xong. Bên mặt nhà thờ, trên một đỉnh đồi khác, một ngôi chùa cũng đang được xây nửa chừng. Sau này đó là chùa Linh Sơn. Còn bên trái, theo cái thế đứng thả điều của tụi nó, là phố xá, là cái chợ có cái tháp cao hụ còi vào lúc đứng ngọ trên đó có chạm hình nổi mọi "Cà răng cặng tai".

Chú bé lo chuyện đá dế:

"Mùa dế đến, theo chân dế, theo tiếng dế gáy thiết tha, giục giã, nó đi nhiều nơi. Đi tới cuối đường Cầu Queo, đi lên Cây Số Bốn, Cây Số Sáu, đi xuống dốc Nhà Làng, đi qua xóm Nhà Bò, đi lại phía Nhà Đền, đi lên đồi Cù, đi xuống cầu Ông Đạo, đi về cầu bà Cửu Hườn v.v... có khi đi thật xa, gần tới Bo-tí Lit-xê (Petit Lycée)... Muốn bắt được nhiều dế cứ việc đến các vườn la-ghim (légumes) của các ấp Hà Đông, ấp Nghệ Tĩnh gần Mã Thánh... Những con dế than, dế lửa quả là những hình ảnh hết sức rực rỡ nổi lên trên khung cảnh quá êm đềm của Đà Lạt thời thơ ấu. Đà Lạt thơ ấu! Đúng thế, thời thơ ấu của chính Đà Lạt và cũng là thời thơ ấu của nó."

Khi đã lớn lên, trở lại chốn cũ NGỰ THUYẾT viết về bao nhiêu sự đổi thay nơi thành phố, dù là ở thời điểm trước 1975:

"Đường và địa danh đã mang tên Việt Nam, chẳng hạn đường Hàm Nghi thay vì Rue d'Annam, đường Duy Tân thay vì Maréchal Foch, đường Hai Bà Trưng thay vì Pasteur, đường Phan đình Phùng trước chỉ quen gọi tên là đường Cầu Queo, hoặc những địa danh như cư xá Chi Lăng thay thế tên Cité Saint Benoit, hồ Than Thờ thay Lac des Soupirs, rừng Ái Ân thay cho Bois d'Amour, trường Hùng Vương trước kia là trường Yersin v.v... Đà Lạt khoác chiếc áo mới, Đà Lạt bừng bừng sức sống."

Mùa Giáng Sinh tại Đà Lạt:

"Anh đào rung rung trong gió, rải rác trên những vùng rộng lớn, hoặc xúm xít nhau thành từng cụm, trên các đường đi, trên sườn đồi, dưới thung lũng, trong những khu vườn rộng bao quanh những ngôi biệt thự tráng lệ. Ban đêm trời buốt giá. Càng gần lễ

Giáng Sinh trời càng lạnh. Đêm Nô-en đường phố đông nghẹt con chiên cũng như người ngoại đạo trong những chiếc áo choàng ấm lũ lượt đi đến những ngôi nhà thờ đèn sao rực rỡ, ánh sáng tung bừng.”

Hình ảnh Tết Nguyên Đán tại Đà Lạt:

“Tết ở Đà Lạt cảnh vật có khác, khí hậu có khác, nhưng mang rất nhiều hình ảnh của tết ở Huế. Đêm ba mươi phố xá vắng teo, nhà nhà cửa đóng im ỉm bên trong đèn sáng trưng, trên bàn thờ trầm hương nghi ngút, hoa quả, thức ăn, đồ cúng sắp đầy. Góc sân sau, nằm trên lò lửa dựng bằng ba viên gạch lớn và chụm bằng những thanh củi thông to còn nguyên cả vỏ cây sù si kêu lách tách, là nồi bánh chưng, bánh tét “sắp chín tới nơi”, bao vây bởi mấy em bé ngồi quanh nôn nao chờ vớt mấy cái bánh lẻ nhỏ xíu để được ăn trước mọi người. Đến nửa đêm pháo giao thừa vang rền khắp nơi, khói pháo không muốn bay lên cao quỵện vào đám sương mù đang phủ đầy mặt đất. Lễ vật cúng giao thừa được bày ra trước sân rước mùa xuân mới vào. Sáng mồng một Tết, trời lạnh, xác pháo phủ đầy trước mỗi nhà, rải rác khắp mọi nẻo đường, trên đó đã cõ những cô bé, cậu bé nóng ruột chạy ra khỏi nhà khoe áo quần mới. Phố đông dần, những con đường dẫn đến các vùng mộ, các ngôi chùa, tấp nập người đi. Sinh hoạt càng lúc càng bừng dậy, nơi đây tiếng trống múa lân giục giã, nơi kia pháo nổ chát chúa, dưới thung lũng lễ hội mùa xuân, trên phố cao những sòng bài công cộng.”



Phạm Mạnh Cường

PHẠM MẠNH CƯỜNG ngoài bản nhạc “Thung lũng Hồng” còn sáng tác tại Đà Lạt bản “Mắt lệ cho người tình”. Lời nhạc cũng buồn với cảnh chia ly, với rừng thông và đồi núi cao nguyên:

“Rồi đây, mây trên đồi vắng, lang thang tìm phiến đá xưa rêu mòn. Rồi đây, mưa ru ngàn lá, mây bay mờ xóa, rừng thông lắng buồn.

Tình anh, như thông đầu núi, trăng thanh chìm suối, tháng năm vời vợi. Tình em, như sương chiều xuống, mênh mông đồi núi, mờ trong bóng đêm.

Biệt ly, hôn nhau lần nữa, trông nhau lần nữa, giá băng tơ trời. Bài hát chia phôi ban đầu, vắng tiếng kinh chiều cầu cho tình ái.

Biệt ly, hôn nhau lần cuối, xa nhau lần cuối, nói sao cho vừa. Chỉ thấy ánh mắt u hoài, nuối tiếc ân tình, trọn đời khó phai.

Rồi đây, anh như ngàn gió phiêu du từ đó biết đâu hẹn hò. Rồi đây... em phương trời cũ quê hương tình ái còn vương mắt lệ.

Tình yêu mong manh là thế xa xôi là thế xót xa tình buồn. Tình yêu thương đau từ đây dư âm còn đây. Lệ trong mắt ai.”

Nguyễn Ngọc Chính

NGUYỄN NGỌC CHÍNH kể lại chuyện mình suýt bị chết đuối tại hồ Đà Lạt:

“Hồ Xuân Hương nằm ngay trung tâm thành phố Đà Lạt, ngày xưa có tên Grand Lac (Hồ Lớn). Riêng đối với tôi, Xuân Hương là một cái hồ mà nếu chỉ chậm vài phút, tôi đã ngủ yên trong giòng nước mát lạnh! Một buổi trưa tôi cùng vài đứa bạn học ra tắm ở hồ Xuân Hương, phía vườn hoa Bích Câu. Đạo đó tôi chưa biết bơi nên chỉ đứng ở chỗ nông nhưng một đứa bạn, cũng chỉ mới biết bơi sơ sơ, mất tay kéo ra xa. Tôi hụt chân và cố vùng vẫy nhưng càng lúc càng chìm xuống nước...

Trong khoảnh khắc đối diện với cái chết đang từ từ đến thì một thanh niên đạp xe ngang qua thấy vậy nên vội vàng nhảy xuống nước vớt lên. Cho đến giờ này tôi cũng không thể hình dung khuôn mặt của người đã cứu mình, lúc đó chỉ biết bụng đã óch ách đầy nước. Trưa hôm đó ra đến cửa hàng của mẹ ngoài chợ tôi không tài nào nuốt nổi một miếng cơm mà cũng không thể nào giải thích với mẹ vì sao bụng đã no nước.

Viết lại những dòng này tôi xin tri ân người thanh niên đi xe đạp đã xuất hiện đúng lúc như một phép lạ. Nếu không có anh thì chắc hẳn giờ này làm gì còn tôi ngồi viết những dòng hồi ức này.

Bây giờ ngồi nhớ lại chuyện xưa tôi bỗng giật mình vì cái tên hồ thật thơ mộng nhưng cũng thật tàn nhẫn... Hồ Xuân Hương đã nuốt chửng biết bao nhiêu mạng sống, có thể đó là những người không thiết sống nhưng cũng có thể đó là những trường hợp như tôi, chỉ chậm vài phút không gặp người cứu thì giờ này đã ngủ yên dưới lòng hồ ”

NGUYỄN NGỌC CHÍNH còn ghi lại những kỷ niệm của mình về những năm tháng ngao du tại xứ “Đà Lạt sương mù”:

“Thời thanh niên của tôi được tính từ khi rời Ban Mê Thuật (BMT) năm 1964. Trường trung học BMT chỉ có tới lớp Đệ Nhị và khi thi phải về Nha Trang nên sau khi đậu tú tài, tôi lại quay về trường Trần Hưng Đạo, Đà Lạt.

Một lần nữa, Đà Lạt lại gắn bó với cuộc đời tôi, nhưng lần này là thời thanh niên chứ không còn là thời niên thiếu. Điểm đặc biệt nữa là lần này về Đà Lạt ở trọ tại 79 Võ Tấn, đây là con đường có rất nhiều nhà trọ cho sinh viên, học sinh vì ở rất gần Viện Đại học Đà Lạt, trường Bùi Thị Xuân và trường Bồ Đề...

...Cùng về Đà Lạt với tôi còn có 3 người bạn học từ BMT gồm Vĩnh Anh, Nguyễn Mạnh Dũng và Trần Hen...

...Sống xa nhà, hoàn toàn tự do trên Đà Lạt nên 4 đứa chúng tôi – Nguyễn Mạnh Dũng, Vĩnh Anh, Trần Hen và tôi – chỉ lấy việc vui chơi là chính còn chuyện học hành chỉ là... phụ! Bây giờ ngồi nghĩ lại thời gian rong chơi trên Đà Lạt có lẽ là giai đoạn ‘vàng son’ nhất trong lứa tuổi chớm vào đời của tôi.”

“Ở Đà Lạt, tôi quen với Lê Thị Tuyết Lan, nhà ở cuối dốc Võ Tấn, phía gần hồ Xuân Hương. Tuyết Lan là em của Lộc mà sau này nổi tiếng qua cặp song ca Lê Uyên Phương tại Sài Gòn, một phiên bản của Sonny & Cher của Mỹ vào thời 60-70.

Tuyết Lan vóc người cao ráo, tóc dài, má lúc nào cũng hồng hồng, một điển hình của các cô gái Đà Lạt. Tuyết Lan chưa phải là người tình vì hai chúng tôi đối xử với nhau như những người bạn thân thiết dù có hai đứa có lần đi chơi trên Vallé d’Amour, Thung lũng tình yêu.

Trên thung lũng vắng lặng, chúng tôi hồn nhiên hái hoa dại, đuổi bắt nhau và rồi nằm bên nhau ngắm bầu trời xanh lơ của Đà Lạt, chuyện trò vu vơ. Thế nhưng, chúng tôi chưa bao giờ nói chuyện yêu đương, chỉ biết mỗi khi bên nhau cảm thấy thoải mái, dễ chịu. Bảo thế là tình yêu thì quá sớm, chắc chỉ ở mức trên tình bạn.”

“Có những buổi tối bọn con trai nhà trọ chúng tôi chờ nhau trên xe gắn máy Puchs, Gobel chạy vòng vòng quanh khu Hòa Bình. Hoàn toàn không có chuyện đua xe, bảo đêm như một số thanh niên bây giờ. Có hôm cao hứng chạy một vòng hồ Xuân Hương chỉ vì cá nhau quanh hồ có tất cả bao nhiêu cột đèn!

Có những đêm chúng tôi thả bộ, xuôi dốc Võ Tánh để lang thang ngoài phố. Khuya đôi bụng mua bắp nướng trét hành mỡ, mỗi đứa gặm một cái, nhai từ từ mới thấy vị ngọt của bắp vườn mới bẻ. Đậu phụng hay hạt dẻ rang cũng vừa ấm lòng vừa no bụng. Nếu còn đói thì một khúc bánh mì thịt nướng dòn, khát thì có xe sữa đậu nành nóng chuyên phục vụ khách về đêm.”

Anh Bằng

ANH BẰNG là một trong những nhạc sĩ tiêu biểu của dòng nhạc vàng. Ông sáng tác bản “Đà Lạt xa nhau”. Lời nhạc buồn với lòng nhung nhớ về cảnh cũ lẫn người xưa:

*“Làm sao anh nhớ quên Đà Lạt thơ? Quên những đêm sương
đỏ trắng mặt hồ. Quên người em gái ngày xưa. Quên đường xuôi
dốc mộng mơ. Những khi chiều vắng hẹn hò.*

*Giờ xa nhau quá hỏi Đà Lạt ơi! Tôi nhớ Cam Ly ở cuối chân
trời. Bao lần nghe lá vàng rơi. Bao mùa thu chết tả tôi. Lẽ gì mắt
nhau suốt đời.*

*Từ ngày ra đi anh nghe lạnh giá gần kề. Em nghe quạnh vắng
từ về. Má hồng rét mướt não nề. Đà Lạt ơi! Thác Prenn còn ai đến
không? Ái ân còn ai đôi bóng? Ai nhớ rừng không?*

*Làm sao anh biết nỗi buồn ở đây? Xa cách quê hương đã mấy
ngàn ngày. Cung sâu đỏ xuống bàn tay. Có người trông ngóng
từng giây. Có người trắng đêm thờ dài.”*

Nhạc sĩ ANH BẰNG qua đời vào tháng 11 năm 2015 tại Hoa Kỳ, hưởng thọ 90 tuổi.



Phạm. T. M.

PHẠM T. M. tưởng nhớ về Đà Lạt của những ngày xa xưa yêu dấu như “một đóm than hồng”:

“...Thành phố đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong lòng tôi là Đà Lạt. Đà Lạt. Tôi không cất tiếng khóc chào đời ở đây. Tôi không được nuôi dưỡng lớn lên hoặc sinh sống làm việc ở đây. Nhưng từ tuổi hiểu biết, từ thời ký ức cho phép tôi ngược dòng nhớ lại, cái nhớ đầu tiên của tôi là nhớ về Đà Lạt. Đà Lạt chất đầy trong tâm khảm tôi. Và giống như một đóm than hồng đã được ủ kín bởi một lớp tàn tro, khi có dịp nó sẽ bùng cháy lại, để tôi có thể nhớ lại tuổi trẻ của chính mình với Đà Lạt...”

Đà Lạt ở trên cao, một thành phố cao nguyên thơ mộng, thành phố của tình yêu và nỗi nhớ. Một nhạc sĩ đã đặt cho Đà Lạt cái tên là “Thành phố buồn” và “chưa đi đã nhớ”, nơi những dòng suối khơi nguồn từ những lòng đá, nơi những rừng thông bắt tận ở trên những sườn đồi, nơi những con dốc lên xuống nhiều khi phải “leo” chứ không phải là đi nữa - có tên gọi là “những con dốc tình nhân”- nơi những mặt hồ có sương chiều thả giọt, nơi những thác nước đổ mạnh tung bọt trắng xóa...

Nắng Đà Lạt trong vắt vào những buổi trưa đẹp trời. Đứng trên đồi cao, ta có thể nhìn ngắm bao quát cả thung lũng thành phố như một bức tranh vẽ, với hồ Xuân Hương ở chính giữa và hai ngọn núi Langbian ở chân trời.

Hồ Xuân Hương chỉ là một hồ nhân tạo. Ngày xưa, một con suối thiên nhiên chảy qua và đã được chặn lại bằng một cái đập nước, đó là cầu Ông Đạo, và hồ Xuân hương đã trở thành nét độc đáo của trung tâm thành phố Đà Lạt với tất cả sự quyến rũ của một thắng cảnh nên thơ. Chung quanh hồ có những hàng cây thông tây, và đêm đến thì có cảnh “đi bên hồ nhìn sang bên kia, ánh đèn lấp lánh xanh đỏ, với những ngọn đèn néon phản chiếu lung linh giống như bông gòn...” như lời người bạn tôi đã diễn tả trong một buổi tối đi dạo bờ hồ.

Trên hồ có những pé-đa-lô hình thiên nga để những cặp uyên ương thả hồn theo mây nước. Nhà Thủy Tạ là nơi hẹn hò của trai thanh, gái lịch ở cạnh hồ. Trên đườn đi vào có một vườn hoa rực rỡ, tươi thắm được chăm sóc rất chu đáo. Thác Cam Ly cạnh hồ Xuân Hương chảy từ từ. Nước Cam Ly chính là từ hồ Xuân Hương chảy xuống cộng thêm một nhánh suối nhỏ đổ vào.

Đi qua cầu Ông Đạo là con đường đi vào phố chợ, ngôi chợ hai tầng khá khang trang. Bên trái chợ là bến xe, phía trên nữa là rạp

hát Hòa Bình. Đi tiếp bờ hồ rồi leo dốc sẽ đến ngôi trường nữ nổi tiếng ở Đà Lạt, trường Bùi Thị Xuân, trước khi lên Viện Đại Học Đà Lạt. Khi quẹo trái, đổ dốc xuống thì đi qua Chùa Linh Sơn và Trường Bồ Đề. Ba ngọn đồi cỏ hoang ngập lối (khi bước đi “cỏ non phơn phớt ôm chân mình”) là vùng đồi nổi tiếng mệnh danh là Đồi Cù ở ngay bên hồ Xuân Hương. Khá xa trung tâm thành phố có hồ Đa Thiện rất thơ mộng với con đường dẫn vào Thung Lũng Tình Yêu, ngập đầy xác lá vàng vào mùa thu. Chỉ có lá ở Đà Lạt mới đích thực là lá vàng mùa thu để ta ngắm nhìn.

Đà Lạt còn có Hồ Than Thở với Đồi Thông Hai Mộ, một cảnh trí khá buồn, nhưng hễ đã đến Đà Lạt, thì không một du khách nào lại không ghé qua. Những thắng cảnh khác ở xa Đà Lạt như thác Prenn ở chân đèo Prenn. Ngay trong đèo Prenn là dòng suối Datanla hoang dã, từ khung cảnh núi rừng hoang vu với ghềnh đá bọt nước tung trắng xóa, đến khe suối với tường đá sừng sững hai bên. Ngoài ra còn có thác Gougah và Pongour rất hùng vĩ.

Đi xa hơn nữa là đến Trại Hầm, D'ran và đèo Ngoạn Mục; đèo này gần Nha Trang, để xuống Song Pha, rồi gặp Quốc Lộ 1, bên phải là Dinh của Cựu Hoàng Bảo Đại.

Trở lại trung tâm thành phố là nhà thờ Đà Lạt. Ngôi thánh đường này rất đẹp, màu gạch tươi viền trắng nổi bật trên màu xanh đậm của lá cây thông ở hai bên nhà thờ. Trên cây thánh giá ở ngọn tháp chuông là con gà của cột thu lôi làm cho ngôi giáo đường này được gọi là “Nhà thờ Con Gà”. Đi tới chút nữa sẽ là thư viện thành phố và dẫn tới khách sạn Langbian Palace... Và còn nhiều nơi chốn nữa.

Đà Lạt đẹp không bút nào tả xiết, đẹp cả bốn mùa và suốt ngày. Cảnh đẹp ấy đã là nguồn cảm hứng vô tận cho những văn nhân, thi sĩ của nhiều thời. Ở Đà Lạt, buổi sáng thả bộ khu phố chợ, áo len kéo cao cổ, buổi trưa là ở Hồ Xuân Hương, đi một vòng dưới bóng liễu rủ, buổi chiều là ở những quán giải khát với những ly cà phê đậm mùi. Rồi đêm khuya nằm nghe gió hoặc mưa Đà Lạt rớt qua hay rơi xuống mái nhà. Tiếng gió tiếng mưa Đà Lạt là những âm thanh tuyệt vời nhất.”

PHẠM T. M. bộc lộ nỗi lòng thầm kín của mình:

“Đà Lạt bây giờ xa, tôi vẫn luôn ao ước trở về “Đà Lạt của tôi” để được đi lại trên những con đường nên thơ, trông thấy lại những khung cảnh thân yêu quen thuộc. Biết lúc nào là thời điểm để thực hiện những điều mơ ước?! Cũng như đến khi nào ta mới có dịp trở về Đà Lạt để sống lại những ngày tháng đẹp nhất của một thời xa?”

Huỳnh Sơn

HUỲNH SƠN bộc lộ tình mình với thành phố cao nguyên nơi mình đã từng cư ngụ một thời khi viết bài “Nhớ Đà Lạt” là nơi mà nhà thơ coi như một “cõi thiên đường”:

*“Đà Lạt ơi! Làm sao tôi quên được!
Lững, đời mơ, suối mộng xứ Cao Nguyên
Khí hậu mát trong lành, hoa cỏ lạ
Vườn rau xanh, người chất phát hiền hòa*

*Con suối nhỏ chảy qua lòng thành phố
Lặng lẽ trôi xuôi đổ xuống Cam Ly
Nước gặp đá tung mình bay trắng xóa
Thanh âm vang ngàn vạn tiếng thâm thi*

*Rồi róc rách reo vui qua ghềnh đá
Để xa dần khuất dạng dưới non xanh
Cảnh thiên nhiên như bức tranh thủy mặc
Ai đi xa mà quên lãng cho đành*

*Có những sáng sương mờ xuyên nắng sớm
Bay la đà trên những dãy đồi, nương
Ai muốn lạc như ngày xưa Lưu, Nguyễn
Về nơi đây non nước giống thiên đường*

*Có những chiều trời trong vàng nắng ấm
Lên đồi Cù nằm xuống thâm hung xanh
Nghe cảnh thông đong đưa theo gió núi
Reo vi vu như điệu hát ân tình*

*Có những tối mưa phùn bay nhẹ hạt
Thú trần gian đi tản bộ dưới mưa
Những hạt nước từ nền trời tươi mát
Ru lòng mình êm ả tựa bài thơ*

*Nghe thắm lạnh thì dùng chân ghé quán
Cốc cà phê nhìn những giọt huyền rơi
Nhạc du dương, ánh đèn mờ hư ảo
Hồn lảng lảng đủ lạc bốn phương trời*

*Còn nhiều lắm làm sao tôi kể hết
Cõi thiên đường thơ mộng chẳng riêng tôi
Xa xôi gọi lời yêu thương tha thiết
Ôi quê hương!
Ôi Đà Lạt!
Muôn đời!”*

Lòng nhung nhớ Đà Lạt vẫn còn đậm nét trong bài thơ “*Dáng Tết quê xa*”. HUỖNH SƠN viết trong đoạn cuối:

*“Ôi xa rồi, xuân địa đàng quê cũ
Buồn ơi buồn xuân xứ lạ trời đông
Kỷ niệm xưa chập chờn trong ký ức
Đà Lạt ơi! Niềm thương nhớ ngập lòng!”*

Rồi trong bài thơ “*Những ngày Thu nhớ thương Đà Lạt*” ở hai đoạn cuối nhà thơ tỏ lòng ước mong có dịp trở về chốn cũ:

*“Quê tôi suối đẹp, non xinh
Vi đâu nên nỗi ta, mình xa nhau
Nhớ về nghe chạnh lòng đau
Lệ khô, tròng lạnh, mắt màu tuyết pha
Thân giờ nắng xế chiều tà
Làm thân lưu xứ xót xa phận mình
Bao giờ sáng lại bình minh
Ta về thăm lại nghĩa tình ngày xưa.”*

Hoàng Trọng Hàn

Và đây là những dòng hồi ký của một người đã rời Đà Lạt bằng máy bay, chuyến bay chót, kề cận biên cô 4-1975 tại Đà Lạt. Nhà giáo HOÀNG TRỌNG HÀN kể lại với giọng bùi ngùi tiếc nuối:

“Đà Lạt chiều chủ nhật thật yên tĩnh, cái yên tĩnh ngàn đời của một thị trấn cao nguyên. Nắng bên kia hồ Xuân Hương trong suốt thủy tinh. Trời thật cao, thật xanh và mây thật trắng. Hàng thông xanh mượt vẫn thản nhiên soi bóng ven hồ. Khí trời mát nhẹ, cái mát của một buổi chiều nắng đầu Xuân. Tôi và mấy bạn còn lại với Đà Lạt, Phúc, Thắng, Đôn, Viên... rủ nhau chơi quần vợt ở sân quần vợt cạnh bờ Hồ, để qua thời gian nặng nề đợi chờ trống vắng... chợt anh tôi, một người cũng ở lại Đà Lạt như tôi những

ngày cuối cùng, lái xe đến cạnh sân quần vợt, rủ tôi về phi trường Liên Khương để nhận định tình hình đồng bào di tản bằng ngả hàng không. Phi cảng Liên-Khương chiều ấy đầy ắp người, đứng, nằm, ngồi la liệt đợi chờ mua vé máy bay và các chuyến bay. Họ đến từ Lâm-Đồng, Bảo-Lộc. Họ đến từ Đàlạt, Ban-mê-Thuột, Pleiku... Hơi người nồng nực dù Đàlạt đang mùa mát lạnh tháng ba.”...

Thấy tình hình chiến sự quá khẩn trương, nhà giáo HOÀNG TRỌNG HÀN bèn quyết định rời Đà Lạt thật bất ngờ:

“Nửa tiếng đồng hồ sau đó, anh Q. trở lại cho hay “Pilot” nhận cho tôi đi miễn phí. Lên phi cơ ráng đứng hoặc được ngồi ở ghế dành cho cô chiêu đãi viên. Thế là với bộ đồ chơi quần vợt, chiếc mũ vải trắng, đôi giày vải trắng, tôi rời phi cảng Liên Khương.

Trên phi cơ nhìn xuống tôi còn thấy rõ những ruộng bắp khu Tùng-Nghĩa phi nhiều, óng vàng dưới ánh nắng chiều đang xuống thấp. Trời Tuyên-Đức chiều đó đẹp lạ như vô tình không biết những gì đang xảy quanh đây... Sáng hôm sau, đường bay trở lại Đàlạt bị bãi bỏ vì tình hình đột nhiên trầm trọng. Ngày hôm sau nữa, thứ ba, thị xã Đàlạt bỏ trống và dân chúng bồng bế di tản. Thế là hết. Thế là tôi vĩnh viễn xa rời Đàlạt. Xa rời nơi tôi đã làm việc hơn mười năm trời. Xa ngôi nhà nhỏ bé của chúng tôi ở cuối con đường Phù-Đông-Thiên-Vương, Ấp Đa-Thiện con đường ngang qua Viện Đại Học Đàlạt và mất hút ra mãi tận thung lũng “Tình Yêu”!”

Trần Thị Xuân Lan

Thư viết từ Hoa Thịnh Đốn vào mùa xuân năm 1994 gửi cho người em gái ở Đà Lạt, TRẦN THỊ XUÂN LAN (hiên thế của nhà giáo Hoàng Trọng Hàn) nhắc lại kỷ niệm xưa với lòng thiết tha mong ước được trở về thăm thành phố cũ nơi mình đã từng theo chồng lên sinh sống tại đây một thời gian.

Sương mù nơi đất khách gợi nhớ đến cảnh mù sương Đà Lạt:

“Mỹ Linh nhớ không, ngày anh chị đổi lên Đà Lạt với cháu đầu lòng chập chững, trời Đà Lạt đẹp để mở rộng trong lòng chị. Vì mê Đà Lạt, anh chị đã quyết định bỏ Sài Gòn phồn hoa tới miền cao nguyên thơ mộng. Mỹ Linh biết không, anh chị đến ở căn biệt thự xung quanh trái dài những ruộng dâu, vườn cải, đôi thông thấp thoáng, và trên kia là trường trung học lớn của thành phố...”

Từ ngày đến đây chị vẫn thăm nhủ trong lòng, chỉ có mùa thu là chị dành riêng cho Đà Lạt, riêng Đà Lạt mà thôi! Nếu có em ở

đây, chắc chị sẽ cầm tay em, chỉ cho em thấy Đà Lạt hiện hữu rất gần chị em ta. Đâu đó trong sóng nước dòng Potomac, đâu đó trên đường về Front Royal, đâu đó xóm Hà Đông ẩn hiện, đâu đó Đa Thiện của chị mà sau này anh chị bỏ ngôi trường lớn về ngôi biệt thự sau trường đại học, đâu đó đường đi vào Thung Lũng Tình Yêu, đâu đó và đâu đó... thoáng hiện và thoáng mất... Hôm nay trên đường đi làm, thành phố của chị ngập sương mù, đúng là những sáng sương mù của Đà Lạt. Chị ngập lụt giữa dòng đại dương sương mù và để lòng mình trôi bèo bồng về Đà Lạt dấu yêu. Em biết đó, Đà Lạt của chị không phải là mối tình dang dở, mà với Đà Lạt là hạnh phúc quá tràn đầy.”

Tình với Đà Lạt quả thật rất mãnh liệt, tưởng như chính mình đang trở về nơi chốn thân thương cũ:

“Mới nghĩ đến đó mà đã thấy nao nức tưởng như đang ngồi chuyến xe đò Sài Gòn - Đà Lạt. Xe đò đang trèo dốc, quanh co vào Liên Khương, băng qua vùng thác Prenn rồi lên đèo vào thành phố. Thông xanh vây phủ, chị như ngửi thấy mùi thơm của lá thông quen thuộc suốt dọc đường đi. Và em thấy không, vài ngôi biệt thự đã ẩn hiện quanh đèo báo hiệu đang đến Đà Lạt. Chắc chị sẽ hét lên: “Đà Lạt của ta đây rồi!” Có lẽ chị sẽ xin dừng lại bỏ giày đi chân không trên lá thông. Chắc chị sẽ cúi xuống hôn mảnh đất dấu yêu và cảm ơn Thượng Đế còn cho ta tồn tại đến ngày thấy quê hương.”



1971

Nguyễn Tấn

NGUYỄN TẤN nhớ về Đà Lạt một cách thật độc đáo, những người ở các thành phố khác của Việt Nam chắc phải chau mày:

“Mười ba năm tôi đã quên hẳn quê hương và mất hết mọi liên lạc với tất cả những gì gọi là Việt Nam. Tôi còn tệ hơn cả một tên vong quốc. Tất cả gốc rễ chằng chịt nuôi dưỡng tôi lớn khôn đến ngày hôm nay đã bị chém đứt hết. Tôi căm thù mấy chữ “dân tộc tính”. Tất cả lịch sử Việt Nam đã chết trong tôi. Tôi muốn cả nước Việt Nam bị tiêu diệt và chỉ chừa lại thành phố Đà Lạt mà thôi. Chỉ có Đà Lạt mới xứng đáng là Việt Nam trong tất cả mọi ý nghĩa thiêng liêng nhứt và thơ mộng nhứt của Việt Nam. Hãy để tất cả thế giới bị tiêu diệt và chỉ xin chừa lại Đà Lạt và Tây Tạng. Đối với tôi Đà Lạt là Tây Tạng, cái gì cao nhứt và hoang vu nhứt của đời tôi: sông Cửu Long bắt nguồn từ vùng núi cao của Tây Tạng.”

Kiểm Thêm

Hãy nghe tâm sự của KIỂM THÊM nói về bối cảnh Đà Lạt như một chốn *“thiên đường của hạnh phúc”*, một *“thành phố thần kỳ”* nơi đó từng gợi hứng sáng tác lai láng cho biết bao văn nhân thi sĩ lẫn nhạc sĩ:

“Khi Hàn Mặc Tử viết “Đà Lạt trắng mờ”, để cố tìm về những nỗi xao xuyến ảo huyền đang quyến luyến hết cả một vòm trời thơ mộng vùng Tây nguyên, thì cũng sực nhớ ra rằng: Mỗi một cảnh liễu rủ, mỗi cơn sóng gợn, mỗi giọt sương khuya ở nơi đây, tất cả đã gói trọn một thứ yêu thương liêu trai, điên loạn.

Khi Nguyễn Thị Hoàng đắm say ôm chặt lại “Vòng Tay Học Trò”, đam mê những phút thật cuồng si, xác thịt, bất chấp hết cả thị phi, bỉ thử; bất chấp mọi tiếng bác tiếng chê, thì cũng chỉ mong sưởi ấm lại con tim từng nồng cháy không chút dối gian, kiểu cách; điệu ngoa! Đòi nhẹ như mây khói; Un certain sourire!

Khi Hoàng Nguyên đã nở bỏ Đà Lạt ra đi, với bao nhiêu khắc khoải, xót xa, thì cũng mong sao “Ai lên xứ Hoa Đào” ngày xưa của mình, để cố tìm lại nét diễm kiều, mắt môi của người mình nhớ, mình thương. Đà Lạt vốn là chất trữ tình. Người con gái Đà Lạt đã mơ mộng gì? Sau cái dáng hình khép nép đó? Hay là, chỉ còn ghi lại những vết hằn năm tháng của mong chờ, cuồng hận, si mê.

Khi Phạm Mạnh Cường tự mình ấn dấu trong “Thung Lũng Hồng”, sống tạm dung nơi núi rừng rét mướt, là cốt tìm lại những ai cùng “lặn đạn bên trời một lúa”. Trước sau gì thì Đà Lạt cũng vẫn là vùng trú ẩn an toàn thật ấm nồng, thật say đắm cho những đôi tình nhân, sau khi đã trải qua bao nhiêu hệ lụy, ngược xuôi của cuộc đời?

Và cứ như thế, mà không biết bao nhiêu tác phẩm nghệ thuật dựng lên rờng rã mấy chục năm qua, thì cái bối cảnh Đà Lạt bao giờ cũng là “Thiên đường của Hạnh phúc”.

KIÊM THÊM hồi tưởng lại những kỷ niệm xa xưa của mình và viết trong đoạn “Nhật nhòa trong trí nhớ”:

“Không biết bây giờ người em gái Đà Lạt còn nhớ đến tôi không? Còn có băng khuâng khi hoa Anh Đào nở rộ, hay ngây ngất trước đóa lan rừng, tìm quên bên hồ Than Thở? Những người em gái Bùi Thị Xuân, màu áo thiên thanh, má ửng hồng, áo đan khếp nép, một thoáng yêu thương vừa chớm nụ, đã đam mê “theo chồng bỏ cuộc chơi”. Và rồi Đà Lạt, còn có những chiều về chậm chậm, chuông chùa Linh Sơn vang tiếng kinh cầu, hay chỉ còn biết xót xa để quay nhìn lại Giáo đường im bóng?

KIÊM THÊM viết tiếp:

“Đà Lạt: Thành phố buồn.

Ở đây, đồi núi chập chùng, lối đi quanh co muôn vạn nẻo. Những lối mòn dẫn vào trong láng, trong “buôn” để đắm say nhìn nàng Sơn nữ ngại ngùng nhìn về Phố Thị. Đà Lạt có những chiều cuối tuần xuôi ngược, nôn nao tìm về một điểm hẹn hò, một giây phút gần gũi yêu thương, hay ngỡ ngàng trước một lời giã biệt.

Đà Lạt: Thành phố Tây phương.

Những cô gái khếp nép sau những ô cửa nhỏ, dáng áp yêu trong lúa xuân thì, những chiều trốn học để diu nhau trên đồi Domaine de Marie. Đà Lạt những đêm đốt lửa rừng; ngồi kê bên nhau tìm hơi ấm bên bếp lửa hồng, rồi hát vang giữa rừng khuya, chào mừng một Tráng sinh vừa lên đường, hay một thiếu nữ vừa tuyên lời hứa...

Đà Lạt bây giờ chỉ còn những nhật nhòa, lãng đãng trong tận cùng trí nhớ... Cuối cùng, tất cả chỉ còn là kỷ niệm. Đà Lạt là điểm cuối cùng của hẹn hò, và cũng là điểm khởi đầu của một tình yêu... Đà Lạt trở thành chất diễm tình cho khách lãng du khắp bốn phương trời. Không thể nào và không bao giờ đánh mất thành phố thần kỳ này trong niềm thương, nỗi nhớ.”

Nguyễn Anh Tuấn

NGUYỄN ANH TUẤN nhớ về thời xa xưa khi còn trai trẻ sống tại Đà Lạt với bao kỷ niệm:

“Nơi đó, có nắng ấm nồng nàn như hơi thở của Cha trời Mẹ đất. Nơi đó có muôn ngàn tiếng riu rít, líu lo của chim chóc. Nơi đó có cỏ cây hoa lá hiện đến rực rỡ như sự hiện diện thiêng liêng của Thượng Đế. Nơi đó có tiếng gió vi vu, vi vu êm dịu như tiếng thở than của những mối tình tan vỡ. Nơi đó có hương thơm ngào ngạt tỏa ra từ chim muông, tỏa ra từ những hang động màu xanh, tỏa ra từ những cái nhìn chan chứa, tỏa ra từ những trái tim nóng bỏng con người, để tạo ra một hòa điệu tuyệt vời, giữa hoa lá và chim muông, giữa trái tim con người và vũ trụ bao la để tạo ra những Kosmos như niềm ước mơ của Pythagore, để tạo ra nhất thể như niềm mơ ước của Jesus, của Thích Ca, của Lão Tử, của Khổng Tử, của những triết gia, thi sĩ và nghệ sĩ chân chính của con người. Nơi đó có rừng thẳm non cao và kỳ bí như dòng đời. Nơi đó có những dòng suối nhỏ chảy lặng lẽ dịu dàng như những đàn con gái riu rít bên nhau trong những giờ tan học. Đó là những con suối mang nước từ những đỉnh núi cao về với hồ Than Thở, về với thác Cam Ly, về với hồ Xuân Hương suốt đời lung linh trong trái tim con người...”

Ồ! cũng tại những nơi đó, những đám mây trắng suốt ngày quán quít bên những cội thông già trên những đỉnh núi cao để cùng hát với chim muông để cùng lá rơi với gió trắng, để cùng mơn trớn dịu dàng những đôi cỏ non, xanh mơn mơn như những dòng suối tóc của những nàng con gái đang say đắm ngây ngất trong cánh tay của những yêu thương thơ dại, ban đầu. Ngược nhìn nhất thể như những con nai vàng ngơ ngác trên những hốc đá phủ lớp xanh rêu.”

Phạm Công Thiện

PHẠM CÔNG THIỆN viết tại Toulouse (Pháp) năm 1980:

“Toulouse chiều nay rất buồn. Lại uống từng chum nho đỏ đến nhớ ngàn xưa đến ngàn sau. Trời Toulouse chiều nay trở thành Đà Lạt. Đà Lạt, Đà Lạt, ta đã lang bang khắp mọi nẻo trời chín phương Phật, nhưng chưa bao giờ tìm lại Đà Lạt của mấy triệu bồ câu gù bên cạnh đồi chùa Linh Sơn. Trung hữu ám.

Đà Lạt là hồn của Việt Nam. Huế, Sài Gòn, Hà Nội, vút đi tất cả... vào xọt rác - "xọt rác lịch sử". Đà Lạt vẫn còn đó, như những chùm hoa vàng nở tung ra và nuôi giấc mộng thiên thu của con ong vàng đã chết từ vạn đại...

Đà Lạt, và vẫn chỉ là Đà Lạt.

Hơn thế nữa, Đà Lạt không phải chỉ là Đà Lạt ở trên vùng cao nguyên nào đó ở Việt Nam. Đà Lạt là một buổi chiều nào đó trên khắp mặt đất này, khi mà tâm hồn mình trở thành một cái gì rất mênh mang, rất chậm rãi, thu vén lại trên đốm lửa băng quơ, se sẽ tê tái một chút buồn rộng rãi, cảm cảm một nỗi khổ không ràng buộc, lóe rực lên một thoáng bình an trên đỉnh cao và mong manh như chân đở bồ câu trên thượng tứ...

Đà Lạt, và vẫn chỉ là Đà Lạt.

Hơn thế nữa, Đà Lạt không phải chỉ là Đà Lạt ở trên vùng núi cao nào đó ở Việt Nam. Đà Lạt là trung hữu ám, khoảng trống rỗng lóe rực giữa sống và chết, giữa chết và sống lại, giữa một giây phút rất quyết định nào đó, quyết định đi về thượng đỉnh chân trời hay rơi về hạ uyên lưu...

Lóe rực lên một luồng ánh sáng, trên núi cao và mong manh như khí âm nhọt nhạt giữa rừng rêu xanh..."

Sau một buổi gặp gỡ với Phạm Công Thiện trong một ngày nào đó NGUYỄN ANH TUẤN kể:

"Sau đó, chúng tôi đã đi với nhau suốt ngày và chúng tôi chỉ nói với nhau về Đà Lạt. Thiện mơ ước "Chúng ta sẽ về Đà Lạt và chúng mày sẽ xây cho tao một ngôi chùa nhỏ hay cho tao vào một tu viện nào đó để sống hết quãng đời còn lại." Nhưng Thiện còn nhắc nhở tôi "Nhưng thỉnh thoảng phải đến đón tao đi uống rượu và chở tao đi vòng vòng bờ hồ chơi, nghe Tuấn... và nhớ giới thiệu vài cô bé xinh xinh."

Phạm Công Thiện sinh năm 1941 tại Mỹ Tho. Qua đời năm 2011 tại Hoa Kỳ. Là cư sĩ Phật giáo pháp danh Nguyễn Tánh.

Hồng Liên

HỒNG LIÊN viết lại kỷ niệm những ngày xưa cũ tại Đà Lạt khi mình còn nhỏ, ngày đó "tôi 14, 15 tuổi":

"Cuối đông năm ấy, Đà Lạt lạnh hơn bao giờ hết, hơn cả những mùa đông cũ. Còn quá bé để nhớ thế nào là cái lạnh của

miền Bắc, tuy nhiên tôi liên tưởng đến cái lạnh Việt Bắc trong chuyện ngắn thật cảm động “Con sâu” của Lan Đình.

Trời cao trong vắt, lá thông xanh biếc, những nụ hoa đào bắt đầu nhú hồng lên. Từ những nụ hoa này mà thầy tôi, ông Hoàng Nguyên, trong giờ dạy nhạc đã viết thành những câu hát tình tứ: “Ai lên xứ hoa đào, đừng quên mang về một cành hoa” và “Ngày nào đừng chân phiêu lãng, khách ngát ngậy thấy hoa nở trên má ai.”

Nhà tôi cách trường khoảng hơn một dặm, nằm dưới thung lũng, giữa hai đồi thông. Phương tiện di chuyển của phần lớn học sinh Đà Lạt là đi bộ. Tôi thường đi tắt qua lối sau nhà của Hoàng Anh Tuấn... Đi qua giòng suối bằng một cây cầu nhỏ, cầu Bá Hộ Chúc. Buổi sáng, trời lạnh, sương bốc lên mờ mịt, đi qua cầu bước lẫn vào sương như trong tranh Tàu. Những ngày sương mù trên cầu Golden Gate làm tôi nhớ Đà Lạt vô cùng. Golden Gate đẹp nhưng không bé nhỏ, tình tứ và thơ mộng như Đà Lạt.

Không biết hôm nay thầy Phạm Công Thiện có đi dạy không? hay đã tự tử chết đêm qua!”

Nguyễn Xuân Thiệp

NGUYỄN XUÂN THIỆP ghi lại kỷ niệm chuyến lên Đà Lạt lần thứ nhất, cùng một người bạn là Phan Thanh Thu:

“Tôi đến Đà Lạt lần đầu tiên vào mùa xuân năm 1957. Cùng với ông bạn Phan Thanh Thu... Tết năm ấy, 1957, nổi hứng hai đứa chúng tôi rủ nhau lên Đà Lạt chơi. Đến thành phố vào lúc ban đêm, không tìm ra khách sạn, hai đứa phải liều gõ cửa một ngôi nhà trên đường Hàm Nghi, chỗ dốc lên trường Bùi Thị Xuân. Chủ nhà, một người đàn ông ngoài năm mươi, cho chúng tôi ở nhờ mà không lấy một đồng nào cả. Đêm ấy, lần đầu tiên tôi nhìn thấy một thành phố quá đổi kỳ ảo. Những ngọn thông cao vút, nhà xây tầng tầng, những khung cửa sổ bật sáng trong đêm. Con trai ông chủ nhà bảo là trông giống một chiếc tàu thủy khổng lồ, cỡ tàu Titanic trong phim. Mà quả đúng như vậy. Hình ảnh đó còn lại mãi với tôi sau này.”

Kể về chuyến lên Đà Lạt lần thứ hai với tư cách một nhà giáo:

“Hồi đó tôi đi chấm thi, ngụ tại trường Trần Hưng Đạo. Mùa hè, những trận mưa như niềm hoan lạc của trời đất, làm rừng thông rực sáng long lanh. Và những cây mimosa lấp lánh ánh bạc trong mưa. Những buổi chiều đi dạo phố, vào một quán cà phê, chợt

thấy mình là thi sĩ đang chờ Apollinaire ghé đến nói chuyện văn chương (!). Buổi chiều cuối cùng trước khi rời Đà Lạt, vào mua hàng lưu niệm ở tiệm Liên Thanh trên dốc Duy Tân, cô bán hàng - có lẽ cũng là cô chủ - lúc ấy đang học ở Yersin, ngỡ ý ngày mai sẽ đi tiễn chân ở bến xe. A, khi người ta còn trẻ và nhiều mơ mộng...”

NGUYỄN XUÂN THIỆP cũng còn nhớ tới trái cây của Đà Lạt:

“Những năm ở Đà Lạt, thỉnh thoảng Nguyễn có đi thăm các vườn mận ở Trại Hàm. Tường tượng một vùng trắng hoa mận mùa xuân và biếc xanh pha tím vào mùa thu -biếc xanh của lá và tím của trái trên cành. Mận Trại Hàm nổi tiếng là ngon. Thế nhưng, dưới chân đèo Prenn cũng có một vườn mận trái ngon tuyệt vời. Một buổi chiều Nguyễn đưa người yêu tới thăm vườn mận này. Không biết em còn nhớ không những trái mận thơm ngày ấy -những trái mận mới hái từ trên cành xuống còn vương phấn và mùi của lá cây. Cho tới bây giờ anh vẫn còn hình dung thấy bàn tay cầm trái mận tím mọng, đưa lên ngửi. Và rồi hé miệng, những chiếc răng trắng cắn sâu vào trái mận... Ôi chao, ngon quá là ngon! Sẽ không bao giờ nữa ta được ăn những trái mận như thế trong đời. Ở Mỹ cũng có mận (plum), trái thật to nhưng dường như không có được vị ngọt mà thơm của mận Đà Lạt. Có phải do lòng tư hương không mà với Nguyễn bất cứ thứ trái cây nào của quê nhà (xoài, chãng hạn) cũng đều tuyệt vời, không nơi nào bằng.”

1969



NGUYỄN XUÂN THIỆP ngồi với bằng hữu tại Hoa Kỳ mà nhớ về Đà Lạt trong bài viết “Đà Lạt. ở một góc khuất của Virginia”:

“...Người viết đã thật sự được sống cái không khí thoáng mùi nhựa thông của Đà Lạt khi ngồi với các bạn ở nhà Nguyễn Minh Diễm, thành phố Alexandria, Virginia... Ngồi ở một góc khuất của Virginia mà tưởng như đang ở Đà Lạt... Ba mươi năm qua rồi mà như mới hôm qua...

“...tôi đã thấy lại, tôi đã thấy lại những cây cầu, những con đường, những dãy phố... Và hàng thông sau nhà ga Đà Lạt. Và Nhà Thờ Con Gà đứng trong sương. Những con chim én bay dưới mái Hotel du Parc nơi đặt Đài Phát Thanh. Và ai như tôi đứng trên góc lầu cao nhìn xuống con đường Nhà Chung, đường Tự Đức. Và ai mắt màu hoa pensée trong đêm màu hồng của Night Club. Cầu Bá Huệ Chúc, cầu Ông Đạo rồi thì quán cà phê của Di Ba, ôi cái kiosque thứ hai ấy trên lối đi vào hàng bán hoa dưới chợ Hòa Bình...

“...Và con đường Duy Tân, chỗ quán sách Nhân Văn nhìn lên là nhà của nhà khảo cổ Nguyễn Bạt Tụy. Không hiểu cái ngôi nhà kiến trúc rất lạ, như tổ chim, nằm trên đầu con dốc ấy, còn không?... “Đà Lạt, ở một góc khuất của Virginia. Thật ra chỉ là những ảnh ảo, như trong một bức thư Trà viết từ Woodbridge: “Thành phố vẫn chìm trong sương mù. Từ cửa sổ tầng hai nơi làm việc, Trà đang ngắm một Đà Lạt yêu dấu của Th. Không có tháp chuông nhà thờ, không màu đỏ trường Yersin, không có con đường mang tên Nguyễn Trường Tộ, và cũng không có quán cà phê của Th. và bè bạn...”

NGUYỄN XUÂN THIỆP cũng còn nhớ “hát trên đồi cỏ tía” và tự hỏi “Những người của thanh xuân ngày ấy, bây giờ còn ai”:

“Năm 1965, 1966, Đình Cường lên Đà Lạt vẽ và triển lãm tranh, thuê căn phòng ở đường Rose, trong khu nhà Hoàng Anh Tuấn, có cả Đỗ Long Vân, lúc bấy giờ làm tại thư viện Đại Học Đà Lạt, cùng tá túc. Đó là thời anh em tụ họp nhau, cùng ăn cùng uống cùng ngủ chung mỗi ngày. Tất nhiên, có Trịnh Công Sơn và Khánh Ly... Đạo ấy, Nguyễn đã đưa Trịnh Công Sơn lên trên Đài phát thanh Đà Lạt, để Sơn đàn cho Khánh Ly hát Diễm Xưa thu vào đĩa. Xong, Sơn đem ra bưu điện gửi về Huế cho Thúy. Đây là đĩa hát đầu tiên Khánh Ly hát nhạc Sơn. A, những ngày vui qua rất mau. Như mây trên đỉnh ngọn thông vàng. Làm sao bắt giữ lại những đám mây kia, hả các bạn?

Đình Cường

Họa sĩ ĐÌNH CƯỜNG sinh năm 1939 tại Thủ Dầu Một, sống ở Huế, Đà Lạt và Sài Gòn cho tới năm 1989. Sau đó cư ngụ tại Burke, Virginia, Hoa Kỳ và qua đời vào tháng 1 năm 2016 tại đây.

Trong một cuộc triển lãm tại Đà Lạt có 40 tác phẩm sơn dầu và acrylic. Cuộc triển lãm mang tên “*Đà Lạt nỗi nhớ*” được trưng bày tại Gallery Đào Nguyên. Có 3 họa sĩ tham gia, trong đó có ĐÌNH CƯỜNG. Cuộc triển lãm được coi như là một món quà của những người nghệ sĩ dành tặng cho thành phố Đà Lạt 120 tuổi.

Trong cuộc triển lãm này ĐÌNH CƯỜNG có 15 bức tranh được vẽ từ nước Mỹ bằng nỗi nhớ Đà Lạt. Đó là những khuôn mặt thân quen, Đà Lạt hoàng hôn, khung cảnh, nhà thờ - nơi mà họa sĩ từng sinh sống được tái hiện lại qua nét tài hoa của họa sĩ.

Họa sĩ từng tâm sự cho biết, “*từ những năm 1960 tôi lớn lên trên mảnh đất Đà Lạt, những bức tranh này là tất cả tấm lòng của tôi dành cho Đà Lạt*”.

Dưới đây là một họa phẩm trong số 15 bức tranh nói trên. Họa phẩm mang tên “*Dalat nostalgia*” (“*Để nhớ Đà Lạt*”) với hình ảnh đồi núi chập chùng và Nhà Thờ Con gà:



Tuấn Huy

TUẤN HUY hồi tưởng lại những kỷ niệm của mình trong thời gian sống tại Đà Lạt ở ngọn đồi được gọi tên là đồi Hương, nơi đây nhà văn đã âm thầm tạo nên các tác phẩm “Sao khuya”, “Nỗi buồn tuổi trẻ”, “Ngày vui qua mau” v.v... Đà Lạt được nhà văn coi như “một góc thiên đường”:

“Những ngày đó, tôi xa bỏ Sài Gòn, mang vài cuốn sách và xấp giấy trắng lên đây, nghỉ ngơi dưỡng sức. Từ một căn phòng nhỏ trong ngôi biệt thự bỏ hoang, tôi được trải qua những giờ khắc hoàn toàn tĩnh lặng, với tiếng thông reo vi vu từ sườn đồi ulla tới, với những vạt sương trắng đục từ thung lũng bay lên, với những giải mây xám nhẹ từ rặng núi trôi về, và với mùi thơm của đủ các loài hoa tỏa lan man mát... Bên khung cửa sổ, tôi thường ngồi viết miệt mài... Với những luồng gió êm mát ngào ngạt hương, với những tia nắng nhấp nhòa khi đậm khi mờ, với tiếng thông reo thoảng nhẹ khi trầm khi bổng... Tôi ngồi mãi miết nhìn những lớp thông lá xanh rợn rợn reo vui, nhìn những lá cỏ biếc nõn rạt rào xô đẩy nhau trên sườn đồi vắng, nhìn những con chim, nhìn những vệt khói, nhìn những trái thông khô rụng, và nhìn cả được những vết phấn thông bay...”

Đôi khi, tôi bước dạo trên những con đường đất - bước dạo giữa tiếng thì thào của những ngọn cỏ may màu hồng tím, của những ngọn cỏ bông lau màu trắng sữa - bước vào giữa tiếng líu lo của chim hót, và giữa tiếng rên xiết của lá khô... Tôi đứng lặng hồi lâu nhìn về dãy núi, nhìn xuống khu ga, nhìn sang nóc trường Yersin, nhìn xuống những con đường như những đường chỉ dũi dằng, và nhìn xuống những vườn rau, những mái nhà nhoè tan trong khói xám...

Thình thoảng, tôi trèo lên một chuyến xe buýt, xuống phố. Qua Hồ Lớn mênh mông - mặt hồ phẳng lặng trong xanh - trong như một nỗi buồn đọng lại. Bên này là khách sạn Palace. Đằng kia là những kiosques bé nhỏ nhấp nhô... Từ bến xe đằng sau nhà lồng chợ, tôi đi lang thang một vòng, ngửi được mùi phở nấu thơm nồng trong gió, ngửi được mùi cà phê mới rang rạo rục những vỉa hè... Nhìn những tà áo, nhìn những đôi mắt, và nhìn những cặp má hồng nao nức tuổi xuân...”

Sau khi cho rằng “Ở đồi Hương, tôi đã có được những phút giây của một người đang nhập thất”, TUẤN HUY kết luận:

“Đà Lạt, riêng tôi, tôi nhớ lại với bao nhiêu thương tiếc ngậm ngùi... Không phải chỉ là một ly cà phê thơm đắng ở trên một căn gác. Không phải chỉ là một tô phở đậm đà ở một quán nhỏ bên đường. Không phải chỉ là những cây anh đào nở rộ mỗi dịp Giáng Sinh. Không phải chỉ là những con dốc, có những tà áo vờn bay, và có những mái tóc thề xõa phủ... Đà Lạt - vẫn đối với riêng tôi - là một chiếc nôi xanh êm mát, là một vùng đất thiêng diễm ảo của một góc thiên đường... Ở ngoài đời, thiên đường đó nay có còn không? Nhưng trong trí tưởng của tôi, Đà Lạt và đời Hương vẫn là ngàn năm sừng sững...”

TUẤN HUY (Nguyễn Năng Toàn) sinh năm 1933 tại Hà Nội. Mất năm 2012 tại Hoa Kỳ.

Hứa Hoàn

HỨA HOÀNH cũng ghi lại kỷ niệm với Đà Lạt từ khi còn đi học, đến khi làm nhà giáo rồi cho tới khi trở thành một quân nhân:

“Đà Lạt là thành phố của tuổi trẻ, tình yêu và kỷ niệm. Ai đã đến đó một lần, chắc chắn sẽ giữ mãi trong lòng những hình ảnh và kỷ niệm thân thương. Thuở còn đi học, tôi có đến Đà Lạt vài lần. Sau này ra trường đi dạy học, thỉnh thoảng tôi ra thăm Đà Lạt vào những ngày hè. Rồi đến khi nhập ngũ, vừa mãn khóa học ở Thủ Đức, tôi lại được lên Đà Lạt sống cuộc đời vừa là quân nhân vừa là nhà giáo, gắn bó với Đà Lạt gần suốt 7 năm. Do đó đối với tôi, Đà Lạt có nhiều kỷ niệm khó quên.

Khung cảnh Đà Lạt là một thế giới đầy cảm hứng, hài hoà giữa thiên nhiên và sự kiến tạo của con người. Ai từng ở Đà Lạt khi đi xa cũng nhớ về nó. Đà Lạt là đất của vua chúa, của hoàng triều cương thổ. Không kể Huế, kinh đô nhà Nguyễn, không nơi nào trên đất nước miền nam Việt Nam in đậm dấu vết của hoàng gia bằng Đà Lạt.”

Trong một bài khác HỨA HOÀNH viết:

“Trước cửa nhà, nhìn qua bên kia đồi, mấy biệt thự mái ngói đỏ au. Theo một con đường đất đỏ ngoằn ngoèo đầm ướt sương đêm là hình ảnh quen thuộc mỗi buổi sớm mai. Buổi sáng hay chiều đều có cái thú riêng của nó mà những người ở Đà Lạt lâu năm mới tìm thấy riêng cho mình. Mùa mưa, vừa thức giấc, sương mù còn tỏa trên các thung lũng một màu trắng đục. Thấp thoáng xa

xa, mấy cái nhà sàn ẩn hiện như trong bức tranh thủy mặc. Trên mặt hồ Xuân Hương là một màn mỏng lơ mờ cho đến khi nắng lên, sương tan dần. Những buổi sáng mù sương là những đề tài cho các nhà sản ảnh mỹ thuật. Ở đây sương mỏng và hiền, không phải sương muối như nhiều nơi khí hậu khắc nghiệt khác.” ...

“Đà Lạt đẹp một cách kiêu kỳ lãng mạn. Nhiều thi nhân, văn sĩ về đây không tiếc lời ca ngợi Đà Lạt. Mùa này, khi nắng lên, thị dân và du khách đổ ra đường, rồi đến trưa mọi người đều đổ về công trường chợ Hoà Bình. Chợ Hoà Bình tràn ngập giai nhân với muôn màu áo, hãnh diện khoác tay những chàng trai kiêu hùng trong bộ quân phục với chiếc alpha màu đỏ hay đen. Có những buổi sáng, khi làn sương mù còn bao phủ trên áp Ánh Sáng, tôi thường theo vợ con đi chợ. Trong khi nhà tôi dẫn con đi mua sắm, tôi thường vào cà phê Tùng, nhâm nhi tách cà phê nóng bốc khói cho ấm lòng. Ở đây cũng là chỗ hẹn hò của các văn nhân, thi sĩ, nhạc sĩ từ Sài Gòn tới. Họ thường trầm ngâm, thả hồn qua khói thuốc để tìm ý thơ. Còn nhà Thủy Tạ nằm trên một doi đất trước khách sạn Palace, là chỗ hẹn hò của các cặp tình nhân, vì cái không khí tĩnh mịch lại nên thơ.”

HỨA HOÀNH ngậm ngùi kết luận, đầy nhung nhớ:

“Nhớ ngày trước Đà Lạt như một thiếu nữ xuân thì đài các, từng làm cho biết bao nhiêu thi nhân, văn sĩ, nhạc sĩ say đắm, để rồi khi chia tay lại bịn rịn. Bây giờ còn đâu những con đường hun hút ánh trăng với những cặp tình nhân âu yếm diu nhau đi trong gió lạnh!”

Tống Nữ Mộng Hoa

TỐNG NỮ MỘNG HOA nhớ lại hình ảnh thời mình còn là sinh viên với một cái Tết thật vui cùng mấy cô bạn. Trong cuộc sống xa quê hương, nhớ khung trời đại học, viết thư cho bạn cũ nhắc lại kỷ niệm khó quên ngày “Ăn Tết ở đại học xá Đại Học Đà Lạt”:

“Lớp học cuối cùng đến chiều 29 tháng Chạp là xong. Cha Lập cho ông Chín xuống nhà bọn mình gọi Kim Châu và mình lên văn phòng. Mình vừa đi vừa lo chẳng biết có việc gì không. Điệp còn nhớ lúc đó mình được bầu làm chị cả của nhóm 13 đứa không?”

Vào gặp Cha viện trưởng, Cha cười hề hề hỏi: “Các con có cúng 30 Tết không?” Mình trả lời: “Thưa Cha, chắc tụi con cúng giao thừa chứ không cúng chiều 30.”

Cha đưa ra một thùng giấy nói: “Có người vừa đem biếu Cha thứ này lạ lắm. Cha cho các con để làm cỗ Tết.”

Minh cầm cái hộp lắc lắc nghe. Có cái gì cử động bên trong nhưng không đoán được là thứ gì. Minh hỏi: “Dạ thưa Cha, cái gì trong này?”

Hộp có đấm hai lỗ nhưng không thể nhìn thấu qua được. Cha lắc đầu: “Cứ đem về mở ra thì biết. Trưa mồng 1 các con lên ăn cơm nhà Cha cùng với các giáo sư.”

Kim Châu nhắc nên không dám cầm cái hộp. Hai đứa cảm ơn Cha rồi riu rít đi về vì nôn nóng muốn biết bên trong là thứ gì. Lên dốc nữ đại học xá, mình đi mau quá nên vấp cục đá suýt té. Cái hộp rơi xuống đất thì bên trong cử động nhiều hơn.

Minh nói: “Châu à, hay là chim trong hộp này?”

Kim Châu đáp: “Tội mình đâu có làm thịt chim được. Mà Châu không nghĩ Cha lại đi giết chim làm gì.”

Hai đứa đi như chạy. Về đến nơi, các bạn ở nhà xúm lại chỗ phòng ăn để hỏi Cha viện trưởng gọi mình lên có việc gì. Sau khi nghe kể chuyện, Bạch Nga mau chân chạy vào kiểm con dao để rạch thùng giấy ra. Té ra là một chục cua xanh và to, còn sống, bỏ chừa quậ!

Bích Đào hỏi: “Bây giờ làm gì đây? Luộc ăn muối tiêu thì ngon lắm!” Minh nói: “Cha bảo để làm cỗ cúng Tết mà.” Minh còn chêm thêm: “Cha thật tội nghiệp! Biết Bạch Nga, Bích Đào và chị đạo Phật nên thích cúng cho đỡ nhớ nhà.”

Rồi đến chuyện sáng hôm sau, ngày Mồng Một Tết các cô sinh viên thức dậy rủ nhau đi lễ chùa:

“Bạch Nga có ý kiến là nên “khai tâm” bằng cách đọc một vài trang “cua” để lấy hên, suốt năm sẽ siêng năng, không ngủ gà ngủ gật. Bích Đào, Ôn, Như Ý hoan nghênh nhiệt liệt và thi hành lập tức. Minh, và có lẽ cả Châu nữa, không tin dị đoan nên không làm. Cả bọn thay áo quần, sửa soạn đi chùa Linh Sơn. Nhưng khi ra đến cổng viện thì có lính gác đứng đầy, họ cho biết có lệnh giới nghiêm 24/24, không một ai được rời khỏi viện. Bọn mình hoang mang, lo sợ, kéo xuống nhà Cha Nhã giám đốc đại học xá để hỏi thăm.”

Sau đó MỘNG HOA kể chuyện cùng các bạn kéo nhau lên ăn Tết với Cha Viện Trưởng và các giáo sư rồi kết luận:

“Viết thư này cho Diệp, nhắc lại mùa xuân năm nào ở Viện Đại Học Đà Lạt, mình mới thấy không có quãng đời nào vui bằng những năm ở nội trú đại học xá. Quá nhiều kỷ niệm, vui có, buồn có, ngộ nghịch có, trang trọng cũng có luôn.”

Bùi Giáng

Nhà thơ BÙI GIÁNG viết bài thơ “Giã từ Đà Lạt” (1958):

“Nói nữa sao em, với lời lữ đờ
Đường lay lắt chiều bay sương lỏ đổ
Đứng bên trời em ở lại hôm qua

Ngàn thông ơi ở đó đón bóng tà
Và giữ lại chuyện đời ta đi mất
Bước khúc khuỷu trông ngàn khe khóc lóc
Dặm mơ màng tắm tấp mấy mù khơi

Lùi bay đi để ở lại bên người
Tơ vắn vít gió mùa mòi mọc én
Tay lấy bầy nú gì xuân bay biển
Ô thiều quang! Làn nước cũ trời mau

Em đi lên với bắt mấy hương màu
Miền đất Thượng có mấy bờ hoa mọc
Xa biệt lắm mưa nguồn trên mái tóc
Đà mấy lần thổi lạc lệ lưa thưa

Buổi sớm hôm buồn tinh tú ai ngửa
Bàn chân bước vui tay buông kể lễ

Trời với đất để lòng em lạnh thế
Hoa hương ơi còn diễm lệ bao giờ
Những ân tình đầu liễu rũ lơ thơ
Còn hay mất trong trăng mờ khuya khoắt

Người xuống núi mang về đâu có chắc
Những dịp về còn nữa ở mai sau?

Dặm hồng vàng ai đứng lại nhìn nhau.”

“Mưa nguồn” là tập thơ đầu tay, cũng là tập thơ nổi tiếng nhất của BÙI GIÁNG. Ông là nhà thơ, dịch giả và nhà nghiên cứu văn học. Ông sinh năm 1926 tại Quảng Nam. Mất năm 1998 tại Sài Gòn.



Yên Hà

YÊN HÀ, năm 1993 viết thư cho “Em Yêu”, nhớ về Đà Lạt với con đường Nhà Chung đi vào trường Trí Đức những năm 1953:

“Ngồi viết cho em bây giờ anh lại nhớ hai mươi năm về trước, anh cũng viết cho em trong khung cảnh Đà Lạt này, vào lúc mà hai đứa mình sống những ngày tháng thần tiên.”...

“Con đường nhỏ xíu đó cũng đã in dấu chân em trong bao nhiêu năm trời em đi học trong ngôi trường này. Những ngày đó có khi mình đi chung đường hay có gặp nhau cũng chẳng biết. Anh còn nhớ rất rõ, từ 1953, mỗi buổi sáng đi học anh hay rẽ vào đường Nhà Chung để mua bánh mì xíu mại ăn sáng trên đường đi bộ đến trường. Bà bán xíu mại gánh hai cái thúng, một bên có lò than bắc nồi xíu mại. Những ổ bánh mì nhỏ xíu chất chung quanh lò than vừa nóng vừa giòn, xẻ ra cho một viên xíu mại vào, trét đều ra rồi rưới tí nước sốt nóng trong nồi vào, đồ ai có được món ăn sáng ngon hơn thằng bé chín tuổi? Hôm nào không đủ tiền mua xíu mại, chỉ mua ổ bánh mì không, bà bán hàng cũng thương tình rưới cho miếng nước sốt.

Trên cây thánh giá ở ngọn tháp chuông vẫn ngự trị con gà của

cột thu lôi, làm cho ngôi giáo đường này được gọi là “nhà thờ con gà”. Sau này sang Pháp nghĩ lại thấy cũng ngộ, nếu lấy tiêu chuẩn đặt tên như thế thì sẽ có hàng hà sa số nhà thờ bên Pháp mang tên “nhà thờ con gà”!

Nói đến dốc Nhà Bò anh lại nhớ lúc mới lên Đà Lạt anh đã từng ở đây vài tháng, nhà nhìn lên sân tennis của Biệt Điện ông Bảo Đại. Lúc đó anh mới tám tuổi mà vẫn còn những hình ảnh in lại trong ký ức, khu nhà sát rừng thông, lối đi ra đường cái là một đường mòn ven rừng, dốc lên dốc xuống, nhiều khi phải “leo” chứ không phải “đi” nữa, không hổ danh là “dốc” Nhà Bò. Còn tại sao lại “Nhà Bò” thì anh chịu, vì anh nhớ hồi đó chẳng thấy con bò nào cả.

Gần đến Cam Ly có một dãy biệt thự đẹp, trong đó có một nhà có tên rất ngộ. Chủ nhà chắc phải là một người mến mộ âm nhạc lắm, nên tên của ngôi biệt thự được viết bằng những nốt nhạc gắn trên chiếc cổng đá. Phải là người biết nhạc mới đọc được tên của biệt thự này: do mi si la do ré (Domicile Adoré, Ngôi Nhà Yêu Dấu).

Em vẫn hằng ao ước trở về “Đà Lạt của em” để trồng những cây anh đào trên tất cả những con đường nên thơ, em vẫn muốn mang hột hoa vàng về rải trên những cánh rừng của Đà Lạt thân yêu, cất những ngôi nhà gỗ đẹp như trên những ngọn đồi ở Thụy Sĩ. Vấn đề là biết lúc nào là thời điểm để thực hiện những điều mơ ước, phải thế không em? Cũng như đến khi nào hai đứa mình lại được cùng trở về đây sống lại những ngày đẹp nhất của xa xưa, em nhỉ...”

Phong Vũ

Từ phương trời xa xăm Canada PHONG VŨ làm thơ hoài niệm thành phố cũ nơi mình từng cư ngụ và sinh sống trong một thời gian lâu. Bài “Nghĩ về Đà Lạt”:

“Ngửa mặt nhìn lên tuyết mịn trời
hướng về Quê Mẹ mấy trùng khơi
dang tay hứng lấy vài hoa tuyết
mà ngỡ như là những cánh mai

Nghĩ về Đà Lạt núi đồi sương
nhòa nhạt đèn đêm tỏa cuối đường
đôi bóng đi về bên lối mộng
lòng nghe sóng vỗ nước hồ Hương

*Văng vẳng đâu xa tiếng vó dòn
một người một ngựa giữa canh sương
chuyến xe chờ cả đời mưa nắng
cho đến bao giờ thôi xót thương*

*Hỏi người, ta cũng hỏi lòng ta
vun xới cho đời những lối hoa
cho Em, thành phố thông reo ấy
mãi mãi hoa niên, tuổi mận mà*

*Đà Lạt, Em Yêu đẹp tuyệt trần!
quanh năm êm ấm một mùa Xuân
tóc xanh buông lững theo đường liễu
giữ mãi cho đời bóng Thụ Nhân*

*Chăm sóc tình em: những bước xa
Cùng bao thành phố ngát hương hoa
Đời vui như tuổi trăng đầy ấp
Vịn chặt tình người, Em hát ca..."*



Diệu Hương

DIỆU HƯƠNG sinh năm 1955 tại Huế và theo học tại Đà Nẵng từ lúc lên 5 tuổi. Sau khi hết bậc trung học thời lên Đà Lạt theo học trường Đại Học Chính Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học Đà Lạt và từng được bầu là trưởng ban văn nghệ trong những năm học tại đây. Tại Đà Lạt, DIỆU HƯƠNG ở nội trú với các di phước, trong thời gian đó, tập guitar rồi về Sài Gòn học tiếp tục với một người bạn. Bắt đầu viết nhạc từ năm 1977.

TRƯỜNG KỶ cho biết thêm về DIỆU HƯƠNG:

“Từng được bầu là trưởng ban văn nghệ trong những năm đại học. Trước đó Diệu Hương đã từng theo học piano với các di phước cũng như từng hát và đóng kịch trên sân khấu nhà trường và tham gia những hoạt động hướng đạo. Tại Đà Lạt, Diệu Hương cũng ở nội trú với các di phước và cho biết tuy thích sự khắt khe của các di, nhưng trong lòng lại có những ước mơ rất sôi nổi, cái gì cũng muốn làm, nhưng bị đè nặng bởi những sự khắt khe đó thành ra có những điều không thực hiện được. Cũng trong thời gian này, Diệu Hương tập guitar rồi sau đó về Sài Gòn học tiếp tục với một người bạn...”

Nhạc phẩm Diệu Hương sáng tác đầu tiên ở hải ngoại là Mùa Thu Nơi Đây vào năm 90, ngay sau khi đặt chân đến Hoa Kỳ, diễn tả tâm trạng của một người xa quê hương, nhớ về thành phố cũ trong khung cảnh một mùa thu: “Mùa Thu nơi đây tôi nhớ thương thành phố xa mờ mà bao năm qua tôi đã đi về trên những đường xưa. Mùa thu nơi đây lạnh lùng, từ nơi phương xa trời rộng lòng ai có nhớ ai không? Có tôi nổi nhớ vô cùng... Mùa Thu nơi xưa dịu dàng, giờ trong tôi nghe muện màng. Tình yêu cho anh một ngày, rồi một ngày nào đã phai. Về đây khi tôi ngồi lại, niềm cô đơn ôi còn dài...”

TRƯỜNG KỶ viết tiếp:

“Tuy nhiên Diệu Hương chỉ đi theo con đường âm nhạc bằng sự đam mê và những cảm xúc của riêng mình, nên chỉ muốn được gọi là một người viết nhạc mà không muốn dùng danh từ nhạc sĩ với nghĩa nhà nghề cho những hoạt động âm nhạc của mình.”

Về phần mình, DIỆU HƯƠNG bày tỏ nỗi lòng tha thiết nhưng nhớ thời gian theo học nơi thành phố cao nguyên xưa trong bản nhạc *“Đà Lạt trong niềm nhớ”*.

“Cho tôi tìm lại giây phút xưa ngày xưa. Thênh thang một trời
mơ ước bao ngày thơ. Trong khung trời đại học dấu yêu mộng
mơ. Đà Lạt sương mờ vẫn còn trong niềm nhớ.

Bên hiên thả hồn tôi thiết tha trường xưa. Quên sao hàng cây
nghiêng liễu rũ tình thơ. Như đang đợi chờ ai ghé ngôi trường cũ.
Ôi Đà Lạt trong niềm nhớ vô bờ.

Đà Lạt ơi chiều xuống bên đồi. Mặt hồ xưa nắng lung linh vàng
rơi. Có tôi một lần đến đây ngồi. Để tưởng nhớ trong đời. Những
kỷ niệm vàng son thơ ấu phai.

Tôi xa Đà Lạt tháng năm đổi thay. Nhưng trong hồn này luôn
ngất ngây tình say.

Quanh đây còn vắng nghe tiếng thông ngàn réo. Mơ ngày về
trong tình ấm tràn trề.”

Lãm Thúy

LÃM THÚY xưa là cô giáo tốt nghiệp đại học sư phạm. Cũng
luôn nhung nhớ những hình ảnh đẹp đẽ của Đà Lạt ngày trước.
Nếu Nghiêu Minh có bài “Đà Lạt của người tôi yêu” thì LÃM THÚY
cũng có bài “Đà Lạt của người nghìn thu”, cảm tác từ đó:

“Đà Lạt của người tôi mơ
Chiều thu sương trắng mặt hồ
Gặp gỡ chùng như mộng mị
Tiếng cười nghe thoảng xa đưa

Đà Lạt của người tôi thương
Đêm trăng bạc trắng lưng đồi
Vòng tay ngập ngừng chưa khép
Tình mong manh như tơ trời

Đà Lạt của người sơn khê
Chiều mưa tan tác tôi về
Sương trắng mờ che lối cũ
Bên tường rũ cánh tường vi

Đà Lạt của người cô đơn
Thông reo thiên cổ còn buồn
Bước chân độc hành buốt giá
Ai về, trắng chéch đầu non

*Đà Lạt muôn đời trong tôi
Dáng ai ngược gió lên đồi
Vai nhỏ ngăn trời bão tố
Trăm năm còn mãi ngậm ngùi*

*Đà Lạt của người nghìn thu
Chờ nhau bạc trắng mái đầu
Hoa rụng bên trời tưởng tiếc
Thông sầu vọng mãi lời ru.”*

Nghiêu Minh

Đà Lạt, thành phố với đào nở, thông reo, mưa giăng, sương phủ, suối hồ róc rách, nơi đây như cảnh Thiên Thai reo vang lên những nốt nhạc tình với NGHIẾU MINH. Nhà thơ kiêm nhạc sĩ làm bản nhạc “Đà Lạt của người tôi yêu”.

*“Đà Lạt của người tôi yêu. Có con phố xuống những dốc chiều.
Có mưa phùn giăng theo sương núi. Và quanh hồ đời bóng dập dề.*

*Đà Lạt của người tôi yêu. Thỉnh thoảng gió đi qua suối đèo. Hai
bên đường hoa pensée nở. Và tiếng cười như tiếng thông reo.*

*Đà Lạt của người tôi thương. Khi chút nắng hôn lên má hường.
Khi hoa đào thêu lên áo trắng. Là mùa xuân đưa đón sân trường.*

*Đà Lạt của người yêu nhau. Như con suối và trăng gối đầu.
Như hơi lạnh dần trong quán khói. Và giáo đường hai đứa bên
nhau.*

*Đà Lạt của người trăm năm. Em chim quyên bay xuống đồng
bằng. Đem đời thông ví vu tiếng thơ. Và hoa đào nở giữa hàng
cau.”*

NGHIẾU MINH còn viết bài thơ “Tháng Tư Dương Đào”, hình ảnh hoa đào, loài hoa đặc trưng của Đà Lạt thật vẫn in đậm nét:

*“Này em, con bỏ câu Đà Lạt
gù trên nóc chợ giữa mù sương
cành lan trắng cũng vừa thom ngát
theo cùng em lên dốc đến trường.*

*Ngày bình minh má hồng nắng nhạt
Cành thông non vừa lớn bên hồ*

*Em chân suối tung tăng tiếng hát
hồn tôi sỏi vụn cũng soi mòn*

*Tôi đồng bằng đem trâu lên núi
Hát nghêu ngao giữa lối hoa đào
Lúc đó, em và trăng cùng tuổi
Minh yếu trăng và mình yêu nhau*

*Này em, hạt cà phê Đà Lạt
Chín trên đồi mời gọi bầy chim
Tôi và trâu lần theo ngọn thác
Thèm giọt đắng cho vỡ mạch tim*

*Đường khuya lạnh quán đêm lưng dốc
Khói thuốc trùm như những núi sương
Em và tôi khuấy hồn trong cốc
Giọt đen tuyến mình uống yêu đương*

*Căn gác sâu thấy núi sau nhà
Vườn cải xanh búp non còn ngủ
Tôi và trâu bắt đầu ủ rũ
Nhớ ruộng xanh và nhớ vườn cau*

*Rồi một ngày mang theo thác đổ
Cả rừng thông và những hồ sương
Em làm quen mùi thơm lúa trổ
Giếng nước trong tràn xuống đầy nương*

*Này em, áo bà ba thôn nữ
Khói cơm chiều un trắng mái đưng
Cánh áo len nằm sâu đáy tủ
Còn hương đầu khi mới yêu đương*

*Năm tháng rộng trên đường xuôi ngược
tình nương nhau tình ngã tình nâng
để những mùa tuyết bay xa xứ
em còn mang chiếc áo hương nồng*

*Em nơi đây rục rờ dương đào
Con bò câu trên cành gù gọi
giọt cà phê hồn tôi tiếp nối
màu dương đào tím cả hồn nhau.”*

Cầu Đất

Tác giả CẦU ĐẤT viết lại những kỷ niệm khi còn là học sinh:

“Ngày còn học Lycée Yersin, hai đứa tôi chơi thân nhau vì nhiều lý do: Học cùng lớp, có cùng sở thích. Không nhớ rõ hồi ấy học lớp mấy, một hôm hai đứa nháy nhau xin ra ngoài và xuống dưới nhà để xe. Phần đông học trò đi xe đạp hoặc đi bộ. Xe đạp thì móc vào vách, lại không có nhiều xe gắn máy nên nhà chơi rất rộng. Hôm ấy ngoài hai đứa tôi còn có vài đứa khác nữa, kể cả con của lão tuyệt-gê. Bọn tôi quen gọi tổng giám thị (surveillant general) như thế. Cũng như hai đứa tôi, bọn nó thường lấy cớ xin ra ngoài đi toa-lét để xuống đây hút thuốc. Những năm 50, Dalat ít người, thời tiết thường rất lạnh nên đàn ông hầu như ai cũng hút thuốc. Ngoài Melia vàng rất nặng, Bastos xanh, Bastos đỏ là hai nhãn hiệu thông dụng của người Dalat sành điệu. Nó đậm đà không thua gì thuốc Gaulois của Pháp. Bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, điếu Bastos trên môi sẽ chia sẻ bớt cái lạnh và nỗi cô đơn dù bạn lang thang qua những góc phố ướt át, những con đường vắng tênh, hay ngồi thu mình trong góc quán cà phê Tùng, hay trầm ngâm với quyển livre de poche trên tay. Không những người nghèo hút Bastos mà cả những đại gia như ông Lưu Hội ký, ông Đức Xương Long, ông Võ quang Tiềm cũng rít Bastos. Hình ảnh một chàng trai, hai tay thọc sâu vào túi par-dessus, đầu để trần, lằm lũi đi dưới mưa, phì phèo điếu thuốc lá trên môi trông thật là lãng mạn. Bất chước người lớn, chúng bắt đầu tập hút thuốc...”

Tác giả CẦU ĐẤT viết tiếp trong bài “Về Nhà” “Một cuộn phim cũ bắt đầu chiếu lại trên màn hình ký ức trong tôi”:

“Tôi thấy mấy cậu học trò nhỏ cưỡi xe đạp nối đuôi nhau chạy qua hồ Grand Lac. Sương mù dày đặc, cách nhau mấy bước mà không thấy mặt nhau, chỉ nghe tiếng nói, tiếng cười. Một chiếc xe buýt chạy qua, cả bọn nép sát vào lề. Sương mai còn dày đặc, xe không thấy, chỉ thấy hai đốm đèn pha nhòe trong sương lạnh và tiếng máy rầm rầm xé tan tĩnh mịch của núi rừng chưa thức giấc. Đó là xe buýt của trường Lycée. Một chiếc xe cao và dài. Thân xe vẽ hai màu đỏ trắng chạy dài từ trước ra sau, ngày nào cũng đi về như con thoi trên con đường chính của thành phố, đưa đón các cô chiêu con nhà quý tộc các nơi đến Dalat học nội trú. Bọn con trai chúng tôi dù đi bộ hay đi xe đạp, lúc nào xe buýt chạy qua cũng phải nép vào lề và vác mặt lên mà nhìn.

Những cậu học trò nhỏ chân còn ngắn mà ngày nào cũng phải cong đít đẩy xe đạp lên dốc. Dốc địa Dư, Dốc Nhà Thờ, Dốc Chợ. Dốc Pasteur, có con dốc dài thoải thoải, có dốc ngắn mà cao.

Đồi cù thì cỏ rất cao. Có lần mấy đứa rủ nhau ra đó học bài. Vứt xe đạp dưới chân đồi, mỗi đứa chọn một chỗ, không được ngồi gần nhau để khỏi tán dóc, đùa giỡn. Tôi bay người rơi xuống nệm cỏ êm ái, nằm ngửa mặt lên trời. Trời xanh, mây trắng. Dạo đó tôi cũng thích văn thơ, thích mơ mộng văn vợ khi học bài Le Lac của Lamartine. Nằm lọt trong lùm cỏ cao như nằm trong cái nhà không mái ấy, tôi chỉ nghe thấy tiếng gió rì rào trên những cành thông. Mùi lá thông non đầu mùa hăng hắc lan tỏa khắp nơi. Tôi bắt chuyện với thằng bạn nằm gần đó. Hai đứa cứ nói cười dù không thấy mặt nhau. Trên trời mây lững đặng trôi, và sát gần mặt tôi hình như có chút nắng vàng rơi trên ngọn cỏ. Một lát sau tiếng nói cười cũng ngừng bật. Khi tôi thức dậy, dưới phỏ đã lên đèn. Một mình tôi lững thững đi xuống chân đồi, dắt chiếc xe đạp ướt đầm sương đêm ra ngoài đường cái. Tối đó tôi phải thức khuya để học bài.

Nhắc đến Dalat là tôi nhớ ngay đến chiếc hồ nhỏ xinh xắn nằm ngay giữa lòng thành phố. Mặt hồ thời thơ ấu của tôi dường như chiều nào cũng phẳng lặng, trong xanh. Vắng vắng đâu đó như còn nghe cả giọng ca ảm áp của Tôn thất Niệm trong bài Chiều vàng phát trên đài phát thanh Đà Lạt. Trên đồi xanh chiều đã xuống dần, mặt trời lấp ló sau đồi chiều vàng....”

Nguyễn Tất Nhiên

Nhà thơ NGUYỄN TẤT NHIÊN cũng có những kỷ niệm về Đà Lạt. Bài thơ “Mùa Xuân chim núi” với tiếng chuông mơ (làm tại California năm 1987). Sau khi cất lời thủ thi “Tết, gần rồi đó nhỏ / Chim núi của lòng anh / Tội tình chi thế, nhỏ / Mắt, lệ còn long lanh? / Mắt, lệ dấu thành sông / Vẫn là ta khôn khó / Vẫn là ta héo mòn/ Chứ hay ho gì, nhỏ?” nhà thơ viết tiếp với hình ảnh Đà Lạt:

...“Đà Lạt rét cao nguyên
nhỏ làm chim nội trú
Biên Hòa sương đồng bằng
anh làm xe đạp cũ
cọc cạch từng mắt sên
rán lẫn vòng bánh, vẹo

*ba trăm cây số đường
nhỏ chớ anh chứ, nhỏ?”*

*...“tét, gằn rồi đó nhỏ
chim núi của lòng anh
nhớ, ra đỏi thông xanh
khuyến chúng đừng chết rử
nhớ, ra đỏi thông xanh
dịu dàng ru chúng ngủ
bằng một bài thơ anh!
bằng một bài thơ anh!
nhỏ cũng luôn thể, ngủ!
hạnh phúc nào trong mơ
cũng ngàn lần hơn thật
và, vì anh làm thơ
nên, cuối cùng biến mất!”*

Nhà thơ sinh năm 1952 tại Biên Hòa. Mất năm 1992 tại Hoa Kỳ. Tụ lái xe đến một ngôi chùa, tụ tử trong xe bằng thuốc ngủ.



1967

Thảo Chi

THẢO CHI nhìn cơn mưa nơi đất khách trào dâng nỗi nhớ nhà, viết xuống “Trang nhật ký cho Đà Lạt”. Hình ảnh người nữ sinh e ấp với chàng khoác áo lính thấp thoáng trong thơ, thật lãng mạn:

*“Cả tuần nay lạnh hơn Đà Lạt,
Nhật ký ghi thêm nỗi nhớ nhà!
Em tự hỏi lòng, sao lạ thế,
Mưa, làm nhớ quá cảnh xưa, xa...”*

*Nhớ hồi chuông đổ trên nhà nguyện
Nóc ngói, bỏ cầu đứng tắm mưa,
Ướt sũng lòng em, chiều với sớm,
Đổ ngẫu con mắt những cơn mưa...”*

*Cả tuần nay lạnh, như vừa đủ
Nhói trái tim, tràn ngập nhớ thương!
Nếu biết, chắc anh mừng lắm nhỉ,
Khua chân, huyết sáo dọc sân trường.*

*Ngày xưa... áo trắng em đi học,
Anh, lính rừng xa chợt ghé thôi!
Mà lại đem lòng yêu áo lính,
Thần thơ... cho lũ bạn trêu, cười.*

*Sáng nay gió thổi từng cơn rét,
Con quạ co co đứng, tội tình!
Con quạ giống em, đời lẻ bạn,
Em làm thơ, nó đứng làm... thính!*

*Rồi em với quạ cùng im lặng
Cùng thả hồn về thửa tuổi Xuân.
Áo lụa, nữ sinh, giờ đã mất.
Tàn y ai xếp? Đã tàn hương!*

*Ôi ngôi trường Nữ thời hoa mộng,
Người lính đi ngang bởi lạc đường!
Ôi bóng thời gian và dĩ vãng
Nhớ gì? Tổ Quốc với Quê Hương!*

*Viết trang nhật ký, tim nghèn nghẹn,
Người lính rừng xưa chết giữa rừng?
Cô nữ sinh xưa giờ cái bóng,
Yêu hoài người lính, một người dung.*

*Anh ơi, mưa, nát lòng em đó,
Em nguyện cầu sao, cho nắng lên!
Cho nỗi nhớ nhung chim xuống biển,
Cho người lính trận đến bên em.*

*Ơi người lính cũ, ngôi trường Nữ,
Mưa trắng mờ phai mái tóc xanh.
Ơi tà áo lụa ai chưa nắm
Mà nhớ như vừa biết nhớ thương!”*

Thơ Thảo Chi gợi nhớ lại hình ảnh của những người trai trẻ khoác chiến y đi dạo phố phường Đà Lạt ngày chủ nhật thuở xưa.

Thiên Hương

Đà Lạt lưu lại trong lòng THIÊN HƯƠNG “những hương vị khó quên”, giờ đây được mô tả lại thật tỉ mỉ:

“Từ ngày bước chân ra nước ngoài, mỗi lần trộn dĩa rau xà lách hay sũa soạn rau ăn kèm với bún, với thịt, tôi luôn ngùi ngùi nhớ đến những cây rau Đà Lạt. Không những chỉ nhớ thôi, mà còn thèm nữa, thèm lắm lặn đó.” ... “Và mỗi lần ăn một món gì lại thấy nhớ nhớ những hương vị xa xưa. Mà thật, có những thứ không thể thay được cái thương hiệu Đà Lạt thưở nào, đối với ngay cả những người không lớn lên từ Đà Lạt. Một số rau quả của Đà Lạt có những mùi vị không thể tìm thấy ở Mỹ, Canada, ở Úc và ngay cả ở các tỉnh, thành phố khác của Việt Nam.”

Nhớ cây rau xà lách cứng (cô-ron): “Một dĩa rau cô-ron trộn với chút hành tây, cà chua đủ làm bữa ăn thêm ngon miệng. Cái rau cô-ron Đà Lạt thật lạ, những cọng rau trắng ngắn, dày cùi, dòn tan với những cánh lá xanh mát như sương sa.”... “Những dĩa rau ăn kèm với bún bò, mì quảng ở Đà Lạt luôn có món rau này, thái thật nhỏ lẫn lẫn nhưng cái vị dòn, vị ngọt vẫn còn nguyên vẹn và làm hương vị các món này của Đà Lạt không cách chi thay thế.”

“Bên cạnh những cây xà lách cứng đó, phải nhắc đến những cây xà lách búp Đà Lạt. Cây nào cây nấy tròn xoay, chắc nịch và nặng trĩu, những lá rau quấn quít lấy nhau. Những chiếc lá bên ngoài hơi xanh đậm một chút nhưng những chiếc lá bên trong mang màu vàng anh nõn nà thanh thoát, chưa ăn đã cảm nhận được vị ngọt ngào.”

Nhớ đến: “Những cây bắp sú hột, những quả đậu covert xanh ngắt cũng ngọt như có đường, cái vị ngọt thanh mà chỉ rau Đà Lạt mới có.”... “Cái ngon của khoai tây Đà Lạt cũng hiếm thấy. Khoai tây ở các nơi khác có thể to củ hơn, nhưng không vàng ruộm và nhiều bột, bùi bùi như khoai tây Đà Lạt.”

Rồi nhớ đến: “Đặc biệt nhất là những quả su su, không đâu có thể ngọt bằng... Bao nhiêu năm tôi vẫn không thể quên cái vị su su mới hái. Những miếng su cắt lớn đem luộc, nước luộc trong veo mang một màu xanh nhè nhẹ và ngọt ơ là ngọt.”... “Su su rất dễ trồng, để trái su già vài ngày, mầm sẽ nhú ra từ kẽ trái. Cứ thế, vút vào một góc vườn nào đó, hay siêng hơn, dúi sơ vào đất, chỉ vài tuần đã có giàn su rậm rạp.”... “Đọt su luộc hay xào đều ngon cả... những đọt su mới hái ngọt thanh, dòn dòn, còn thơm thơm mùi mưa tinh khiết của Đà Lạt.”

Không quên các loại quả: “Trong các loại quả, chuối La Ba Đà Lạt rất nổi tiếng... Chuối La Ba hơi nhỏ trái, vỏ vàng nâu lấm tấm tiêu đen. Quả nào quả nấy ngọt, dẻo chứ không bở rệu như các loại chuối nơi khác. Ăn vào lại thơm đặc biệt.”...

“Nói đến Đà Lạt, cũng không thể quên những trái dâu đỏ thơm ngát chính gốc Đà Lạt. Quả nhỏ, nhìn không bóng bẩy nhưng mùi thơm thì những trái dâu lớn không thể nào cạnh tranh nổi.”... “Những quả dâu Đà Lạt, bé tí ti nhưng hương vị quá xuất sắc luôn nằm trong nỗi nhớ.”

“Một loại trái hấp dẫn khác của Đà Lạt cũng không thể không nhắc đến. Đó là trái bơ (avocado). Bơ sáp của Đà Lạt mang cái vị béo mà những quả bơ Âu Mỹ không thể có được. Quả bơ sáp Đà Lạt trái và hạt lớn hơn, thịt bơ mịn màng, đẹp và quánh như sáp mang vị bơ thực vật béo ngậy.”

“Và sau hết, loại quả ngon của Đà Lạt mà tôi muốn nhắc tới, là những trái ổi táo. Quả ổi chỉ lớn bằng trái chanh, nhìn lớp da ngoài cũng cảm nhận được độ xốp của ổi, nhưng ăn vào thì ngọt lịm.”... “Ruột ổi chỉ nhỏ tí tẹo, rất mềm, rất trắng, chỉ có vài ba hột ổi khá to so với kích thước của trái.”

Thêm bao lời khen về những hương vị khác: “những lọ mứt

dâu Đà Lạt”, “những gói khoai dẻo”, “khoai bí (sweet potatoes) Đà Lạt cực kỳ nổi bật... vì ruột khoai vàng ruộm như màu bí đỏ”, rồi đến “khoai lang” và “hủ tíu khô của Tùng nghĩa” v.v...

Cuối cùng THIÊN HƯƠNG thốt lời tâm sự:

“Làm sao tôi có thể quên những tối đi lên dốc chợ, chiếc bếp nướng trên tay, vài hạt lạc rang thơm mùi húng lìu trong túi áo. Làm sao quên hương café Tùng khắc khoải, hương sữa đậu nành ấm áp và những tà áo trắng của một thời thơ ấu ngày xưa. Đà Lạt, một thành phố tôi đã sinh ra, đã lớn lên, đã rời xa nhưng vẫn mãi hoài trong nỗi nhớ với những hương vị không thể nào quên. Những hương vị tự nó đã tạo nên thương hiệu cho Đà Lạt và những hương vị lại đi kèm với rất nhiều kỷ niệm đáng yêu của quá khứ. Những hương vị mà mỗi lần nhớ đến lại thấy lòng mềm đi, êm ả như sống lại giữa màu lá xanh thoang thoảng hương hoa của thành phố cũ. Để nhớ lại càng thêm nhớ.”

Hoàng Trọng và Hồ Đình Phương

HOÀNG TRỌNG đặt nhạc và HỒ ĐÌNH PHƯƠNG viết lời để tỏ niềm hoài niệm với bản nhạc “Nhớ về Đà Lạt”:

“Đà Lạt ơi trong bao màu tươi. Trời thơ bát ngát yên vui. Khách du còn nhớ muôn đời: Cây lá loi, hoa nghiêng vành môi. Làn mây đắm gió êm trôi, núi sông gieo tình trăm lối.

Đà Lạt ơi, khi vui đường đi, diu chân tới suối Cam Ly ngắm đôi lòng ước trao thề. Khi buồn mơ, Xuân Hương hồ thu là nơi đón ánh trăng tơ xóa tan phong trần phai mờ.

Nhớ có Hồ Than Thở, suối vàng rừng Ái Ân lắng như nơi thiên tiên đang trầm mơ. Có nước vờn khe đá, thác ngàn xao xuyên như lá thông reo vi veo, chim hòa theo...

Đà Lạt ơi, bao nhiêu lời ca, nào ca hết ý nên thơ, hết khung trời đã tôn thờ! Nay dù xa bao nhiêu ngày qua. Hồn ta vẫn luyến nơi xưa mỗi khi xuân về khai mùa.

Ôi Đà Lạt ơi, nghe chẳng niềm nhớ...

Nhạc sĩ HOÀNG TRỌNG sinh năm 1922 tại Hải Dương và mất năm 1998 tại Hoa Kỳ. Ông được mệnh danh là Vua Tango của nền âm nhạc Việt Nam.

Nhà thơ HỒ ĐÌNH PHƯƠNG sinh năm 1927 tại Huế. Vượt biên và mất tích trên Biển Đông năm 1979.

Trình Thanh Thủy

Trước hết là đôi lời tâm sự về cái ngày Đà Lạt xưa, thật xưa:

“...ngày một cô bé theo bố và hai em lên Đà Lạt bằng xe riêng. Ngày còn chùm chùn đọc lên tiểu thuyết của người lớn, lên Đà Lạt mà tay sách học, tay truyện Kim Dung. Đầu óc bé lúc ấy sớm tập tành những Mắt Tím, Tóc Mây, yêu cha, yêu sư của Lệ Hằng, những yêu thầy lãng mạn Vòng Tay Học Trò của Nguyễn Thị Hoàng. Cho nên lên đến Đà Lạt tôi bắt đầu biết sờ sững trước nét mờ đẹp loãng khói của Thung Lũng Tình Yêu, chân mù mịt mang mang nơi bờ Hồ Than Thở và mắt rưng rức sục sùi bên Đồi Thông Hai Mộ khi nghe người bán quán kể dẫn một truyện tích éo le.

Để tâm trí thấm đẫm với không khí lãng mạn, cô bé ngày ấy chọt lao xao lớn dậy khi bắt gặp hình ảnh người con trai ôm đàn bên lò sưởi trong khách sạn. Tôi, bố và hai em trọ ở khách sạn Mai Anh Đào là một biệt thự rất thơ nằm ẩn giữa những gốc mận và đào trái còn lủng lẳng xanh. Lần đầu thấy đào, hấp dẫn quá, thế là bắt hai đứa em công kênh lên, cô bé hái đào bỏ đầy hai túi áo. Thiếu muối, đào chua lét, tôi bèn tính kế tìm muối. Kìa, anh con trai chủ khách sạn kia ơi, cho bé xin chút muối. Tính vọng ngoại, mền đường nét Âu Tây của người Việt Nam trong cô bé chọt lao đao lúc đứng cạnh tấm tranh sơn dầu phong vũ treo ngay gần giữa hai chiếc đầu nai sừng còn đượm ánh ngáy ngố. Ngồi xuống salông, bên đóm lửa hồng tí tách tia mắt ấm người con trai Đà Lạt, cô bé chắm muối với đào é é vị chua, bén nồng vị ngọt man mác tình yêu trai gái đầu đời. Người con trai sau khi cho muối, lấy đàn ra, dạo một du khúc cổ điển làm le và thu hồn cô bé. Đà Lạt của tôi bắt đầu từ đấy.”

TRÌNH THANH THỦY ghi lại khi về thăm thành phố sương mù của những ngày tháng cũ. Cảm nghĩ trào dâng trong cõi lòng, nghe thật thấm thía:

“Mấy mươi năm rồi, Đà Lạt xưa của tôi là Đà Lạt của kiến trúc Tây Phương, là Đà Lạt của những ngôi biệt thự nằm rất yên tĩnh, vắng vẻ, an bình và nên thơ. Cửa những con mưa dai dẳng rả rích, lay phay trải dài những con đường đất đỏ, ướt mềm con dốc nghiêng nghiêng. Những rừng thông và dương xỉ xanh ngắt che bóng một, hai cô sơn nữ vai gùi, tay xách, tay ôm bước vội bên đường. Đâu đó xa xa rải rác những ngôi nhà sàn chân cao thả

khói ban chiều lơ lửng. Tôi nhớ những chuyến xe đò vun vút queo qua từng khúc quanh nguy hiểm, để tâm trí du khách đậu lại sợ hãi trên những ngôi miếu nhỏ thờ vong hồn người tử nạn ở góc đường. Và nhớ những dãy đồi trà ngan ngát xanh tít tắp cuối con đèo qua Bảo Lộc. Thương thương làm sao dàn xu xu đầy trái vượn mình bên từng khoảng vuông mênh mông toàn là bắp núi.

Những địa danh gợi nhớ Đơn Dương, Trại Hầm, Trại Mát, Trạm Bò, Đèo Ngoạn Mục, Nhà thờ con gà, Chợ Hoà Bình và nhiều nhiều thứ đáng nhớ khắc đọng lại trong trí tôi khi tôi theo bố ghé thăm Đà Lạt ngày xưa. Tôi yêu những trái thông khô phủ đầy mặt đất những nẻo đường qua. Tôi thích mút khoai, mút mận, bánh phồng loại nhỏ nhỏ bằng bàn tay bán rong ở bến xe, trái bơ, khô nai và những thức vặt vĩnh đặc sản khác của Đà Lạt. Trong trí cô bé Sài Gòn lúc ấy của tôi con gái Đà Lạt thật đẹp với những khăn phula, má đỏ, môi hồng. Nhìn dáng vẻ sang cả người thiếu nữ đứng bán sách khu phố gần chợ Hoà Bình bên nét diềm đặm người con trai da trắng, áo len đen thành phố sương, lòng tôi hay bất cứ du khách ghé chơi nào không thoáng nhen nhúm chút mơ hoa và mơ yêu?

Nói đến hoa, ai đến nơi này không mẩn chốn đất đồ thiên đường của cỏ hoa chen sắc và cả hoa biết nói nữa. Có sống ở nơi cái nóng rịn rịn mồ hôi đuổi theo từng bước chân như Sài Gòn người ta mới cảm được nỗi hân hoan khi chạm nếm giọt mưa dầm lạnh lất phất đất cao nguyên. Mưa tưới tắm giọt phù sa dung nham ngày cũ làm nở vạn đoá hoa Đà Lạt. Cô bé say mê ngắm màu tím Pensés, Mimosa rực vàng. Để mắt êm ả rập rờn cánh bướm trên từng dậu Tigôn hồng nhạt bé xinh bờ tường những căn biệt thự. Ốc bộn rộn lay ký ức tìm câu chuyện cảm động đọc đâu đó về người con trai vì hái đoá tím đại cho người yêu mà té chết bờ vực sâu, trước khi chết còn thiết tha nhắn lại "Forget me not."

TRỊNH THANH THỦY viết tiếp về cái thành phố cao nguyên hình như chỉ dành riêng cho tình yêu với các "tuần trăng mật":

"Từ ngàn xưa hình ảnh những cặp tình nhân đã gắn liền với đất trời Đà Lạt, nên mỗi khi nói đến dĩ hường tuần trăng mật người ta liền nhớ đến nơi này. Khung cảnh thơ mộng, khí hậu mát lạnh của Đà Lạt rất thích hợp với tình yêu. Lên Đà Lạt mà lên một mình để nhìn đồi núi mênh mông, té té với cái lạnh se da của sương, man mát với cái ướt của mưa phùn, hỏi ai không thấy mình cần một bờ vai ôm, một vòng tay ấm? Thoát sự cuốn hút nhộn nhịp của phố thị, buông giây bon chen của thành đô, tìm về một góc phố êm ả, ấy mới phút thú vị đời người. Khách có thể thả bộ loanh

quanh trên những con đường tĩnh lặng và tìm ra mấy khi tâm mình được yên ắng mà lắng xuống một cách dịu dàng như thế.”

Duy Khánh

Nhạc sĩ DUY KHÁNH viết nhạc phẩm “Giã từ Đà Lạt” (1964):

“Đà Lạt ơi, thôi giã từ em nhé. Ôi Lâm Viên, ôi thác cao, đồi xa. Ôi thông reo, ôi Suối Vàng run rẩy. Có nghe ước thề hẹn về trong bước ai đi ?

Đà Lạt ơi, thôi giã từ em nhé. Ôi Cam Ly, ôi Ái Ân rừng thơ. Ai bơ vơ nghe tiếng buồn than thở. Có ai cách trở mộng về mai thắm duyên mơ?

Ta đi, lê gót giang hồ. Nhân thế ơ thờ quên bao mong chờ mong đợi tình xưa. Mai đây mưa kín lòng sầu. Tìm mơ ước đâu: đập diu hoa bướm về đâu?

Đà Lạt ơi, thôi giã từ em nhé. Ôi hương hoa, ôi ngát môi đào thơ. Em nghe chẳng đây tiếng lòng nức nở? Có ai cách trở gọi về cho thắm duyên mơ.”

DUY KHÁNH sinh năm 1936 tại Quảng Trị. Mất năm 2003 tại Hoa Kỳ.



1950

Nguyễn Thị Ngọc Dung (Canada)

Từ Vancouver Canada, NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG viết lại những kỷ niệm của mình về Đà Lạt những ngày tháng cũ:

“Tôi lên học ở Đà Lạt khi vừa tốt nghiệp lớp kỳ thi vào lớp “đệ thất” trường Nữ Trung Học Trưng Vương được một năm. Lúc đó tôi vẫn còn rất ngỡ ngàng. Đà Lạt đối với tôi còn xa lạ, nhưng có nhiều thứ để thích thú, nhiều nơi để đi thăm và nhiều người để học hỏi... Đà Lạt dưới cái nhìn của bố tôi -sau khi đã từ giã đất Bắc để di cư vào Nam tìm tự do, sau khi đã sống ở Sài Gòn vừa đúng một năm- là một thành phố rất lành mạnh, lại vừa yên tĩnh, gần thiên nhiên và khí hậu trong lành, không bụi bặm. Thực thế ai mà không biết Đà Lạt là nơi nghỉ mát nên thơ, phong cảnh hữu tình và dân tình thì hiền hoà. Định cư nơi đây thật là lý tưởng. Gia đình tôi dời Saigon lên Đà Lạt là do những ý kiến ấy của ba tôi: “Đất lành chim đậu”, còn nơi nào tốt hơn...

Tôi đặt chân đến trường Trần Hưng Đạo khi ba tôi bắt đầu nhiệm sở mới tại đây. Chức Hội kế viên mà ông nhận có khác với ngành dạy học của ông, nhưng vì với kinh nghiệm về kế toán, ông làm việc với tất cả thích thú. Chúng tôi thực sự bắt đầu cuộc đời học sinh Trung học ở nơi đây. Hiền hoà dễ thương, Đà Lạt đã cho tôi nhiều kỷ niệm nên thật khó mà không lưu luyến khi phải dời xa... Chúng tôi ở ngay trong trường. Tôi còn nhớ, nhà chúng tôi ở là một trong hai nhà “villa” ở đầu cổng trường. Nếu tôi nhớ không lầm thì nhà ông Bửu Vụ, Tổng Giám Thị, ở ngay đầu con đường nhỏ cong cong chạy lên con dốc nho nhỏ, quẹo về phía tay phải. Ngay góc đó là nhà ông Bửu Vụ. Cách đó chừng nửa “block” là căn nhà thứ hai, nơi chúng tôi ở. Từ dưới đường đi lên nếu đi bộ thì có thể đi thẳng vào cổng trường lộ thiên, ở ngay chính giữa hai căn nhà, bước lên mấy bậc thang làm bằng gạch đá. Rất đơn sơ, nhưng vững chãi.

Khi chúng tôi được chuyển vào trường Trần Hưng Đạo là lúc thầy Nguyễn đình Phú còn làm Hiệu Trưởng. Sau Thầy Nguyễn đình Phú là thầy Hoàng Khôi... Sau thầy Hoàng Khôi thì đến thầy Kỳ Quan Lập làm Hiệu trưởng... Tôi vì dời trường kể từ ngày sang Bùi Thị Xuân để Trần Hưng Đạo trở thành trường Nam Trung Học thuần túy, nên không còn được biết “ai với ai”...

Thực ra, những kỷ niệm của tôi về Đà Lạt cũng không có gì đặc biệt hay sâu sắc cho lắm; mà chỉ là những hình ảnh bàng bạc, xa xôi. Nhưng với tôi rất đáng trân trọng vì đánh dấu tuổi niên thiếu của tôi. Cho đến nay, trải qua mấy thập niên, tôi vẫn thấy yêu quý

chuyển ngày vị thành niên ấy. Tôi vẫn chưa quên những buổi đi du ngoạn cùng gia đình vào dịp cuối tuần, khi thì đi ngắm thác Gougah, Pongour, thác Prenn v.v... vừa để thưởng ngoạn, vừa đi “picnic”. Có khi đi cùng gia đình đến Tùng Nghĩa nơi có nhiều người Nùng ở...

Hình ảnh nổi bật nhất vẫn là những sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia -mà nếu tôi còn nhớ trước đó được gọi là trường “Võ Bị Liên Quân”- Dáng dấp oai hùng trong bộ quân phục màu trắng, các sinh viên sĩ quan thường đi “bát phố” hàng tuần, vào những ngày thứ bảy và chủ nhật thường với một thái độ nghiêm trang. Lúc đó trong đầu óc đã bắt đầu biết nhận xét, tôi chỉ nghĩ biết thân phục là mấy ông sĩ quan này thật xứng đáng là văn võ song toàn...

Tôi cũng vẫn không quên những buổi trưa Đà Lạt những ngày còn học đệ thất, đệ lục ngây ngô ấy; mà bây giờ nghĩ lại... sao mà êm đềm quá. Bề ngoài tôi như ngây ngô nhưng trong tâm hồn tôi đầy những mơ mộng mà bây giờ tôi thấy “có lý”. Vì lúc đó tâm tôi thật sự an lạc, và đầu óc tôi chẳng nghĩ gì cả, chỉ biết “enjoy” cảnh thiên nhiên, lặng lẽ nhưng thú vị. Lặng lẽ, tôi thường thức từng hơi thở của Đà Lạt, từng nhịp đi của thời gian trong không gian yên tĩnh ấy...

Thế rồi sau những năm tháng học hành với biết bao kỷ niệm khó quên ở cả hai trường, rồi một ngày kia tôi cũng phải rời Đà Lạt trong nỗi nhớ nhung. Tôi quên sao được những buổi sáng mù sương, khi những cánh hoa anh đào bị phủ lấp một lớp dày đặc và khi những cánh hoa mimosa vàng tươi cũng không thoát khỏi bị phủ lấp dưới màn sương trắng đục kia. Tôi quên sao được những buổi chiều tĩnh lặng chỉ nghe tiếng gió hú từ những rặng thông mà nao nao buồn; hay những ngày ướt át khi cấp sách co ro đến trường. Và lại càng không quên những buổi trưa tĩnh lặng, với nắng hanh vàng; và khoảng trời xanh lung linh sáng thêm bởi những cánh mimosa màu vàng tươi, trong cái lạnh se se của thời tiết.

...Tôi yêu Đà Lạt nơi tôi chưa phải trải qua sóng gió của cuộc đời, từ lúc mới bước chân vào bậc Trung học đệ nhất cấp. Tôi yêu Đà Lạt vì tình Đà Lạt trong như dòng suối, hiền như nước Hồ Xuân Hương, náo nùng như tiếng gió hú ban đêm. Yêu tất cả những gì về Đà Lạt.

...Kỷ niệm của tôi về Đà Lạt chỉ mang mang như thế, như cơn gió thoảng. Nhưng không hiểu sao ‘cơn gió’ ấy cũng đủ sượt ầm lòng tôi mỗi khi nghĩ về Đà Lạt, vì nó đã đánh dấu một quãng thời gian mơ mộng của tôi ở tuổi vị thành niên...”

Tạ Thị Bích Thủy

TẠ THỊ BÍCH THỦY nhớ về Đà Lạt nên viết “Gọi tên thành phố” với đầy hình bóng cũ:

“Đà-Lạt đời thông
Còn nguyên nỗi nhớ
Về trong kỷ niệm
Một sáng hôm nay
 Nắng ngả bên cây
 Nắng vàng óng ả
 Nắng mềm như lụa
 Nắng nhẹ như tơ
Chơi vui dịu dàng
Mưa ngọt tình tôi
Mưa lên cỏ cây
Mưa vào ký ức
 Đà-Lạt mưa phùn
 Trời chiều hoàng hôn
 Tím trong sương lạnh
 Đêm về băng khuâng
Đà-Lạt vườn hoa
Thược-dược, mồng gà
Forget-me-not
Và Mimosa
 Uống mãi nỗi buồn
 Chẳng bao giờ cạn
 Gọi mãi tên người
 Sao cứ xa xôi
Nghe cơn gió thoảng
Chạm hạt mưa rơi
Những chuyến xe đời
Đi về biệt dạng
 Tình tôi là nắng
 Tình tôi là mây
 Tình tôi áo trắng, mộng vàng
 Tình tôi, thành phố muôn vàn nhớ nhung”

TẠ THỊ BÍCH THỦY viết thư cho một người quen nói về những suy tư của mình sau khi hoàn tất chuyến trở về thăm lại Đà Lạt:

“Em có cô bạn ở miền Đông. Hai đứa em có cùng một quan điểm. Không gì tuyệt thú bằng đi dưới rừng thu lá vàng. Trên mạn ấy có lùm cây xanh và phong cảnh tựa như Dalat. Không hiểu sao trước một cái đẹp tuyệt đối, trong ý thức ta bỗng có ý niệm về sự chết. Thưa anh, điều đó cũng có ý nghĩa là khi không còn ở Dalat thì bọn em mang Dalat theo về nơi em sống và đó cũng là một nhân sinh quan.”

Về Việt Nam, hai hôm đầu ở Saigon, hôm sau thuê xe đi lên Đà Lạt bằng đường bộ, BÍCH THỦY viết lại:

“Ngồi trên xe. Mắt em dán vào cảnh hai bên đường. Xe băng qua hết địa phận này sang địa phận khác: Định Quán, Biên Hòa, Gia Kiệm, Hồ Nai, Bảo Lộc rồi Lâm Đồng. Gần vào thành phố, khí hậu mát hẳn. Đã thấy lại con đường quen thuộc: đèo Prenn. Đã thấy cả một trời xanh trên thông cao. Đã muốn reo lên. Đã tưởng trái tim không còn trong lồng ngực: Dalat ơi, tôi đã trở về đây.”...

“Đêm đầu tiên trở về Dalat làm sao ngủ sớm. Em đứng bên cửa sổ làm người em gái sầu mộng của muôn đời. Ánh đèn đường vàng vọt. Con đường vắng, lặng yên như tờ. Không một bóng xe, không người qua lại. Chỉ có những mái nhà nằm im lìm, san sát bên nhau. Bóng thông chơ vơ in thẫm trên nền trời. Đêm yên như thời hoang sơ. Năm giờ sáng, tiếng chuông nhà thờ rộn rã ngân vang báo tin bắt đầu Thánh Lễ.

Thành phố dậy muộn vào sáng hôm sau. Em đi bộ ra cà phê Tùng. Gặp và trò chuyện với bà chủ. Chụp vài bức tranh. Uống ly cà phê sữa đầu tiên sau hơn ba mươi năm trở lại. Cảnh vật quen thuộc nhưng sao cay đắng, ngậm ngùi quá lắm.

Cả một ngày sống cho Dalat. Em vào Viện Đại Học (nay gọi là trường), trường Trần Hưng Đạo, trường Grand Lycée. Em đến Domaine De Marie, ngọn đồi mà ngày xưa đã từng mơ ước... “và khi tan lễ ra về trong nắng lên”. Em đi thăm trường cũ. Để thấy: này vết chân ngựa, này rêu phong. Nhìn lại nhà ga. Nhà thương bác sĩ Sohier. Từ khách sạn Palace nhìn xuống: Hồ Xuân Hương nước vẫn đục sau mấy ngày mưa. Căn nhà Thủy Tạ một màu trắng toát. Em có đi ngang ngôi nhà thờ Chính Tòa. Cánh cửa đóng ở ngày trong tuần. Một nỗi cảm xúc vỡ bờ. Nỗi nhẩn nhục, niềm ăn năn trước vết tường vôi loang lổ.

“Dalat, đây quê nhà
Suốt bao ngày tháng qua.
Nói đi, lời thương nhớ,
Mai này, mình sẽ xa.”

Buổi sáng hôm sau, em còn đi thêm một vòng trước khi rời thành phố. Xe đỗ thêm xăng để chuẩn bị lên đường. Bỏ Dalat sau lưng; em không hề quay lại, cũng không khóc. Cười thì không thể, có ai cười được trước thương đau đâu, thưa anh. Nhưng biết chắc đã có một cái gì vương mắc, dường như nức nở, đổ vỡ bên trong. Ai đã nói câu này nhỉ:

*“Partir c’est mourir un peu
C’est mourir à ce qu’on aime.”
Ra đi là chết ở trong lòng một ít. Chỉ một ít thôi sao?”*

BÍCH THỦY đã có niềm khắc khoải rất đúng với tâm trạng của nhiều người Đà Lạt cũ. *“Chỉ một ít thôi sao?”*. Chắc phải nhiều hơn nữa chứ! Rời Đà Lạt ra đi là để hồn mình vương vất lại như hai câu thơ kế tiếp của “bài ca vĩnh biệt” *“Rondel de L’adieu”* nổi trên mà thi sĩ Pháp Edmond Haraucourt đã đặt bút viết:

*“Partir, c’est mourir un peu,
C’est mourir à ce qu’on aime:
On laisse un peu de soi-même
En toute heure et dans tout lieu.”*

TÂM MINH tạm dịch thành mấy dòng thơ “lục bát” tiếng Việt là:

*“Ra đi, lòng chết ít rồi
Chết cho những cái mình thời dẫu yêu:
Hồn mình vương lại ít nhiều
Từng giờ, từng chốn buồn gieo tâm hồn.”*

Dương Tấn Hải

DƯƠNG TẤN HẢI viết lại kỷ niệm vui hồi xưa khi còn là sinh viên tại Viện Đại Học về *“Những con ma trên Đà Lạt”*:

“Tôi phải trèo lên cửa sổ, cái việc mà riêng ngày hôm ấy tôi hoàn toàn không muốn... vì cái cảm giác ớn lạnh. Leo đứng trên thành cửa sổ, một cách máy móc, tôi mở tiếp cánh cửa lá sách bên trái. Một ý nghĩ chợt đến với tôi: trong các phim như Dracula, ma quỷ thì sợ cây thánh giá, vậy bây giờ để dụ con sợ bất thường đang xâm chiếm trong lòng, mình hãy nhìn cây thánh giá nhà thờ Năng Tĩnh. Nhưng càng nghĩ như vậy, tự nhiên tôi nhớ lại những chuyện ma hiện về ở Lầu I do các anh Sư Phạm kể lại tôi lại càng

chăm chú nhìn cây thánh giá đằng xa xa phía ở tay trái mình. Nhưng thật trớ trêu, càng nhìn vào cây thánh giá thì trong lòng tôi lại càng sợ hơn nữa.

Đang làm việc cần thiết chưa xong, tự nhiên có một mảnh lục vô hình bắt tôi phải quay đầu nhìn về bên phải, đó là hướng nghịch với nhà thờ Năng Tĩnh, tức là hướng Lầu I rất âm u và ma quái tôi cố gắng tập trung tư tưởng để điều khiển cái đầu để cố không đổi hướng nhìn, tức là tôi muốn cứ tiếp tục nhìn vào cây thánh giá ở phía tay trái. Nhưng cố gắng của tôi không thực hiện được, tôi không thể cưỡng được cái lực vô hình đó...

Và từ hướng Lầu I, sau cái quay đầu, tôi thấy một bóng trắng, trước còn mờ mờ, ần ần, hiện hiện, sau hiện ra từ từ rõ dần, rõ dần. Bóng người đó đang hướng về phía tôi. Đó là một bóng người toàn thân trắng toát, lúc đó đã hiện ra rất rõ nét, chứ không còn mờ ảo gì nữa, và đặc biệt cơ thể của bóng trắng bất động khi di chuyển, đúng hơn là bay về hướng của tôi mà không gây ra một tiếng động nào cả. Kinh hoàng vì bóng trắng bỗng nhiên bay ập đến tôi thật nhanh, tôi đã té ngửa vào phòng, và miệng la thốt thanh... Ngay trong lúc đó, hai cánh cửa sổ tự động đánh sập vào nhau tạo thành một âm thanh kinh hoàng trong đêm thanh vắng.

Từ bàn học, nghe tiếng la thốt thanh của tôi, anh Tôn Thất Tạo vội chạy đến cửa sổ, và anh phóng ngay lên thành cửa đứng vào lúc hai cánh cửa sổ tự động mở ra lại tôi chỉ nghe anh Tạo la lớn: - M...a... Rồi thấy anh té ngược trở vào phòng trong lúc hai cánh cửa sổ đang đóng trở lại thật mạnh một lần nữa.

Anh Hồ Quang Nhựt đang ở trong tư thế phản ứng khi nghe tiếng hét đầu tiên của chúng tôi. Thật nhanh lẹ, anh chạy vội về hướng cửa sổ, với con dao lăm lăm trong tay. Lúc đó tôi bủn rủn cả tay chân, mắt tôi trợn trừng nhìn về phía cửa sổ. Một lần nữa, thật là kỳ lạ, trong bầu không khí im lặng, thứ im lặng thật ma quái, thật rùng rợn. Nơi cửa sổ không có một ai ở đó cả, nhưng hai cánh cửa sổ bỗng nhiên lại tự động từ từ mở ra. Tôi thấy anh Nhựt phóng nhanh con dao về hướng này, con dao lao vào khoảng trống... Nhưng liền sau đó, tôi nhìn thấy nét mặt của anh lộ đầy vẻ kinh hoàng và cặp mắt anh mở trừng trừng hướng nhìn về cửa sổ, miệng anh hét thật lớn những âm thanh không rõ ràng...

Tất cả chúng tôi đang kinh hoàng, ú ớ nói không ra lời thì nghe tiếng đập cửa thật mạnh và tiếng Cha Linh vọng vào: "Chúng mày làm gì mà la hét ồn ào thế hả? " Vội mở cửa cho cha Linh vào, vị cứu tinh của chúng tôi trong cơn khủng hoảng tinh thần. Lúc ấy cha mặc bộ quần áo ngủ và đi dép. Chúng tôi vội vã kể lại cho cha

nghe về những sự việc đã xảy ra. Lần đầu tiên, chúng tôi thấy cha lộ nét đăm chiêu và mặt lộ vẻ trầm trọng. Không nói một lời, cha vội ra khỏi phòng chúng tôi, rồi đi nhanh về hướng phía Lầu I.

Một khoảng thời gian sau, chúng tôi nghe tiếng cha trở lại vì chúng tôi đang chờ cha để biết cha đã làm gì. Trong thời gian cha đi qua lầu I và các phòng của lầu II để kiểm soát, chúng tôi đã bàn bạc và mong là có anh bạn nào đó... nhát ma chúng tôi. Mở cửa đón cha, chúng tôi thấy cha đã mặc áo dòng, tay có cầm bình nước thánh. Vào đến phòng, cha miệng vừa đọc kinh, vừa đi khắp nơi trong phòng chúng tôi để rảy nước thánh. Sau đó nói: "Cha đã đi hỏi hết các phòng, không có thằng nào mặc quần áo ngủ màu trắng, và cũng không có thằng nào đi nhát ma chúng mày cả. Thời xong, rồi đi học đi". Nhưng việc cha Linh thay áo dòng, cầm bình nước thánh đi rảy quanh phòng đã cho chúng tôi biết là có chuyện quan trọng thật sự chứ không còn là chuyện đùa".

Tuyền Sơn

TUYỀN SƠN (Trương Toàn) là nhà giáo dạy Triết trường Trần Hưng Đạo Đà Lạt. Trong tập thơ mang tên "Tôi vẫn còn tin" (1992) tỏ lòng ao ước được về thăm lại thành phố cũ, nơi mình tự nhận như "chốn quê". Bài thơ "Đalat mong" trong đó có đoạn:

*"Người ơi sao mãi chưa về
Chùng nào trở lại thăm quê một lần
Chùng nào rửa sạch phong trần
Về cùng Dalat cho gần bên nhau?"...*

Để rồi sau đó có dịp về thăm lại thành phố một dịp cuối năm TUYỀN SƠN viết bài thơ "Về thăm Đà Lạt", lòng lại buồn vơi vơi:

*"Cuối năm quê cũ trở về
Hồ nghiêng nghiêng bóng nắng đê mê vàng
Mây lơ lửng đấng vương ngang
Gió se sắt lạnh thông ngàn vi vu
Chuông chiều ngân nhẹ như ru
Đồi cao lũng thấp mịt mù khói xây
Sương mờ ủ kín vòm cây
Trắng treo vàng lạnh lòng say say buồn."*

Đào Thị An

ĐÀO THỊ AN viết những dòng hồi ký thật lãng mạn :

“Buổi sáng tháng 3 ở đây có sương mù làm tôi nhớ Dalat lạ lùng. Dalat có hai mùa mưa nắng. Ở đây có hai mùa nóng lạnh. Mùa mưa Dalat thường mang dư vị cơn bão rớt miền Trung rì rì rên rĩ, mưa từ ngày này qua ngày nọ. Phở vắng nhưng tiệm phở lúc nào cũng đông nghẹt. Ăn xong tô phở dù sáng hay chiều, nép vào cánh tay người yêu, dạo một vòng Hòa Bình rồi chui vào Ciné.

Đêm về sương xuống, dốc chợ dẫn xuống bờ hồ hai hàng anh đào từng cặp diu nhau trong sương. Gối đậu phụng rang gói bằng giấy viết học trò xoay hình chiếc nón vừa mua của bà hàng ngồi xóm trước tiệm Vĩnh Chấn. Con dốc chợ ngắn nhưng rất tinh, con dốc thẳng tắp từ khu Hoà Bình, uốn quanh sang trái rồi rẽ sang phải băng qua Cầu Ông Đạo. Gió hồ thoáng lạnh, đi sát vào nhau hơn, vòng tay ôm nồng nàn, ấm áp. Thủy Tạ chờ trước mặt. Vẫn chọn một góc bàn quen thuộc. Một tách café phin đen không đường và một ly trà sữa Lipton. Dalat chấp chờn trong đêm. Hàng thông nằm lặng lẽ bên kia hồ. Khách thưa dần, sương đổ xuống. Anh bảo trong sương có mùi hương, trong hương có em, nên anh yêu sương. Tôi bảo vậy khi nào sương tan là anh hết yêu em phải không? Đâu có, em nhìn này. Tay anh đang ôm chặt một ngum sương trong túi áo.”

ĐÀO THỊ AN viết tiếp đầy nỗi nhớ nhưng lẫn ngậm ngùi:

“Tôi từ giã quê hương mang theo người yêu từ Dalat, mang theo mùi hương trong túi áo anh. Nhìn anh tôi thấy từng con đường ngoằn ngoèo, mùi sương thơm buổi sáng, mùi nhựa thông hai mùa trên đồi, mùi café Tùng thơm ngây ngất, mùi Phở Bàng với bà nem nướng quạt phe phẩy bên góc hè cửa tiệm. Những ngày cuối tuần lang thang lên tận Cây Số 4 cạnh Mả Thánh ăn Tô Bún Bò Huế cay thơm mùi sả, mùi rau chuối, tía tô. Nhìn nải chuối treo lủng lẳng từ trên trần nhà thật độc đáo. Ăn xong lúc nào cũng ngồi lê la nán lại uống thêm dăm ba chén trà đọt xanh đắng ngắt mê hồn người.

Trở về khu phố chợ tìm chỗ đậu xe rồi từ từ tản bộ quanh Khu Hoà Bình. Phải đi thật chậm, chậm để được nghe từng hơi thở của nhau, để được nhìn ngắm từng cửa tiệm, từng khuôn mặt đã thấy ngàn vạn lần. Ông Chà Và tiệm mỹ phẩm đơn đã nhovn miệng cười ‘Chào Người Bà Con’. Tiếng hát Khánh Ly của tiệm thu băng

nhẹ nhàng xa vắng. Chỉ có thể, đi một vòng Hòa Bình mà đếm từng bước cũng chỉ mất nhiều lắm là 15 phút. Cái lắm cảm thật dễ thương của thành phố tôi yêu.

Bằng qua đường xuống con dốc Minh Mạng, con dốc đi xuống ưỡn ngực, đi lên cúi đầu. Lưng chừng dốc có cô hàng sách Tiệm Thiên Nhiên và bao anh SVSQ Võ Bị giả vờ vừa đọc sách vừa liếc nhìn. Con dốc ẹo qua góc tay mặt với hai cô bé xinh xinh ngồi sau máy bắp rang. Những chiều mưa con dốc bỗng vắng vẻ, vì mọi người đã dừng lại đầu dốc, ghé vào quán Bánh Xèo Tăng Bạt Hổ. Phải ăn Bánh Xèo dưới mưa, phải nghe từng tiếng mưa lộp độp trên tấm bạt che xéo qua hàng hiên, phải ngồi gần vào người khách không quen biết bên cạnh mới thấy đĩa Bánh Xèo dòn vàng với chén nước mắm ớt tĩa cà rốt công phu bên những cọng xà lách Dalat là tuyệt vời, là không thể nào quên được dù chỉ mới ghé qua một lần, nhưng chắc chắn phải trở lại và chỉ trở lại khi trời đổ mưa.

Con dốc Duy Tân bên cạnh Bánh Mì Vĩnh Chấn cũng đặc biệt. Con dốc có nhiều người đẹp nổi tiếng, con dốc của Hải, Lục, Không Quân. Những ngày nắng đẹp phải may mắn lắm mới tìm được một chỗ ngồi ở quán kem Việt Hưng bên hông đường Thành Thái nhìn xuống dốc chợ.

Ngày cuối tuần Dalat đẹp rực rỡ nhất là mùa Noel. Màu áo dạ mùa đông của SVSQ Võ Bị và Chiến Tranh Chính Trị nổi bật bên màu áo đồng phục của nữ Sinh Couvent des Oiseaux. Màu áo đồng phục hàng ngày của Nữ Sinh Bùi Thị Xuân được thay thế bằng những chiếc áo thời trang, e ấp, sang trọng, dễ thương. Thật gần Noel những màu áo Hải Quân, Không Quân và các binh chủng khác mới rộn ràng về phép thăm nhà, thăm người yêu. Mẹ Dalat mỉm cười hân hoan đón nhận tình yêu nồng nàn từ bốn phương. Tôi hạnh diện đi bên màu áo dạ Hải Quân hiếm hoi độc đáo...

Tôi yêu con đường Hàm Nghi, con đường hẹp ít ánh nắng mặt trời. Con đường chỉ sáng lên rạng rỡ với tà áo trắng, áo xanh Bùi Thị Xuân đi về mỗi ngày. Ngày mưa xe hơi, xe đạp qua lại len lỏi, nước bắn tung toé lên tà áo dài trắng tinh làm các nàng chun chun mũi giận hờn.

Ngày ngày từng đoàn con gái áo trắng, áo xanh mặc theo từng mùa từ những con dốc khắp nơi đổ về, ngang đến dốc Chùa là trở nên rộn rịp bước chân chim nói cười nghịch ngợm. Tà áo phát phơ theo gió lạnh hây hây dài lên đến đầu dốc Võ Tánh nói dài. Chưa đến giờ Bác Cai mở cổng chính là cả bọn tha hồ tùm tùm cổng sau tâm tình. Nộp bài trễ là chuyện thường nhưng đi học trễ thì rất hiếm. Dù ở hướng nào của thành phố Dalat, bọn con gái tinh

ranh vẫn tìm một con đường tắt xa nhà nhất để đi về. Tà áo trắng, áo xanh đó tôi đã mang theo như một hành trang kỷ niệm hơn nửa đời người mắt mắt đau thương.”

Hồ Mỹ Hạnh

HỒ MỸ HẠNH thổ lộ tâm sự của người về thăm chốn cũ thật buồn ngủi, bơ vơ và cô đơn lẻ bóng với bài “Trong chiều Dalat”:

“Em về Dalat chiều nay
Mưa giăng gợi nhớ những ngày tháng qua
Biết lòng ai đã phôi pha
Lối xưa những ngọn thông già vi vu
Em về Dalat đầu thu
Nghe hồn có chút sương mù thoáng qua...
Ngày xưa ơi! đã cách xa
Ngậm ngùi nhớ thuở nào ta với người
Muôn hoa đang hé môi cười
Chiều đông đưa mãi những lời cỏ cây
Bơ vơ một chiếc lá bay
Lạnh lùng trống vắng vòng tay ân tình
Giữa bao người vẫn một mình
Trái tim khép lại với hình bóng ai...?
Tặng cho anh tiếng thở dài
Tặng cho anh chút chiều phai cuối trời.
Em về Dalat mưa rơi
Hành trang chỉ có những lời này thôi.”



1957

Manh Dang

MANH ĐANG ghi lại những kỷ niệm hồi mình còn nhỏ:

“Áp Chi Lăng, nơi mẹ tôi nhận nhiệm sở mới, họ cấp cho mẹ tôi một căn hộ gồm hai phòng nhỏ, liền kề có một phòng khám y tế, đó là khu bệnh xá nơi mẹ tôi làm việc. Ngay trước khu bệnh xá có trồng sẵn mấy luống hoa, nhưng ngày ấy còn bé, tôi nào đã biết thường thức hoa, ngược lại, tôi lại rất sợ và bực mình với các luống hoa này vì cứ phải đi vòng để tránh nó, thực chất là để tránh những sâu màu xanh mềm nhũn, lông lá tua tủa hay những con cuốn chiếu hôi hám, thỉnh thoảng bò sộc vào tận nơi ở...”

Khu bệnh xá tựa như một ốc đảo hoàn toàn nằm cách biệt với những dãy nhà khác trong công sở... Gần nhất với khu bệnh xá là dãy nhà làm việc thì cũng đã cách xa tầm 50m, nhưng từ nơi ở của mẹ con chúng tôi nhìn qua những cây thông già cũng chỉ thấy thấp thoáng tường mặt sau kéo dài của dãy nhà này, tường vốn được ốp đá đã lên rêu xanh từ thuở nào, trông cũ kỹ như bức tường thành cổ vậy... Còn lại thì điu hiu vắng vẻ, lạnh lẽo đến nao lòng, chỉ thấy cây xanh, hoa lá trên nền đất đỏ mấp mô ...

Ở mặt sau căn hộ của chúng tôi, ngay cạnh giường ngủ có một ô cửa sổ lớn, đây là nơi ưa thích nhất của tôi trong căn hộ, vào những lúc không có sương mù thì tôi có thể phóng tầm mắt vượt qua những mái nhà và rặng cây thấp nhìn suốt ra tận con đường cái... tôi mừng tượng như có thể thấy lơ thơ bóng người đi lại, vài chiếc xe đồ nhỏ thông thả đưa khách từ Chợ Chi Lăng ra Khu Hòa Bình...

Trong cả khu công sở rộng lớn, tôi chỉ có được một hai đũa trẻ cùng trang lứa là con của đồng nghiệp mẹ tôi để làm bạn... Nhưng tôi nhớ, trong phần lớn thời gian, tôi hầu như tự bày trò chơi cho chính mình chơi là chính...

Cũng may rằng chỉ sau ít ngày đến Dalat, thì tôi đã đi học lớp đầu tiên của cấp tiểu học tại ngôi trường tọa lạc trên một đỉnh đồi, ngôi trường có kiến trúc tuyệt đẹp... mà đến thời gian gần đây tôi mới cảm nhận gần hết ý nghĩa, tầm vóc của nó... Trường Hùng Vương. Nguyên thủy, ngôi trường do người Pháp xây dựng, sau vài lần đổi tên, đến thời điểm trước năm 1975 – thời điểm tôi theo học thì ngôi trường đã được mang tên Việt là Trung Tâm Giáo Dục Hùng Vương... Thế nên, tuy Dalat được mệnh danh là thành phố hoa, thành phố ngàn hoa, nhưng tôi lại không nhớ lắm về sắc hoa hay hương hoa, mà chỉ nhớ mùi hương nhựa thông của tuổi ấu thơ mà thôi.

...Sau này, khi có dịp trở lại Dalat thì hầu như tôi không còn nghe dư âm của tiếng thông reo nữa, có lẽ vì thông phải nương đất sống của mình cho những cư dân Dalat mới... nhưng rất may, dư hương của hương nhựa thông thì thỉnh thoảng vẫn còn phảng phất ở những vùng ngoại ô Dalat...

Thật tiếc khi một phần Dalat trong lòng tôi đã mất..."

Kim Thanh

KIM THANH ghi lại tâm tư mình trong "Vàng phai kỷ niệm":

"Đầu năm 1975, tôi đổi về trường Đại Học CTCT Đà Lạt, sau thời gian dài lặn lội hành quân gian khổ theo các đơn vị Bộ Binh Vùng 2 Chiến Thuật. Và từ tháng 4 năm ấy, tôi được Nguyễn Hồng Giáp, người bạn học cũ từ thời Nha Trang, đang là Phó Khoa trưởng Văn Khoa Viện Đại Học mời đến dạy Pháp văn như một giáo sư thỉnh giảng (visiting professor)...

Lúc ấy tôi đi làm bằng chiếc xe Peugeot 203 đen, cũ kỹ, sang số tay, thời Bảo Đại còn mặc tã, rất bụi theo hai nghĩa, mượn dài hạn của ba mẹ tôi, lái từ Nha Trang lên, không bao giờ được lau rửa trong ngoài, sách báo đầy ngập sàn xe. Nói chung, xe chạy cũng OK, vừa phải. Chỉ có vài trục trặc lẻ tẻ, như tiếng máy nổ quá to, có lẽ ống pot bị nứt, không thua tiếng xe nhà binh GMC, khiến không có người đẹp nào muốn quá giang, vì mắc cỡ, nhưng khách bộ hành nghe từ xa đã phải vội né vô lễ, đỡ gây tai nạn. Còn thêm cái thắng không được ăn lắm, muốn ngừng phải nhấp nhấp trước mười thước từ xa, không ai dám ngồi vào, nói chi mượn lái. Khá nguy hiểm trên những con dốc Đà Lạt. Lúc đầu tôi cũng ớn chừ, nhưng riết rồi quen. Không đem sửa vì lười và vì thợ bày vẽ đủ chuyện, chặt đẹp. Một anh bạn, nghe tôi cảnh cáo, ngờ tôi xấu bụng, một lần vẫn nằng nặc đòi mượn đi có việc. Mười phút sau, anh đem trả lại, mặt mày tái nhợt. Lại còn, lâu lâu máy nổ con ho khục khặc, phun khói mịt trời...

Tôi dạy được hai năm tại Viện Đại Học Đà Lạt và trường Đại Học CTCT, từ tháng 1, 1973 đến tháng 4, 1975, thì tan hàng. Đêm Đà Lạt di tản, tôi phải bỏ lại chiếc Peugeot Bảo Đại trước nhà, vì không có xăng...

Cuộc di tản vô cùng gian truân, nguy hiểm, nhiều người đã kể.

Đà Lạt ơi, vĩnh biệt: Giã từ Đà Lạt trong đêm và theo trường Đại Học CTCT chạy về Sài Gòn, qua ngõ Phan Thiết, tôi chưa một lần trở lại. Thời gian trôi như nước chảy dưới chân cầu mà nỗi nhớ

không buông rời. Để những chiều sương mờ vây phủ Portland, lá xe ngang thung lũng ngợp gió có rặng thông già rung mình vẩy những hạt mưa nặng trĩu lá cành, tôi thấy hồn chơi vui biết bao kỷ niệm của Đà Lạt ngày nào từng hàng, từng lữ kéo về. Những kỷ niệm vàng phai, như mùa thu lá úa, như bóng trăng lẻ loi. Thương hoài dáng em qua đời xưa, mái tóc đầy hương sỡ bay theo gió, và vòng tay quanh bờ vai run rẩy dưới sương chiều lạnh giá. Những chiều mưa bay lất phất nghe cây lá đong đưa lời hoa tình tự và tiếng em hát, gợi nhắc Dalida, bài "Le jour où la pluie viendra... Nous serons toi et moi les plus riches du monde... Ngày mà mưa sẽ đến... chúng ta anh và em sẽ là những người giàu nhất trần gian...". Những buổi sáng nhìn qua khung cửa sổ chờ mặt trời lười biếng thức dậy trên đỉnh núi xa mờ. Những bước chân em về với đêm xanh và mộng xôn xao ngoài hiên vắng. Nhớ hoài một thuở tình yêu vừa đến, chưa kịp nói lời biệt ly, chưa thấy những vết chân chim trên đuôi mắt, chưa học tiếng dối gian, phản trắc, và chưa một lần biết hỏi, như Hàn Mặc Tử.

Hiểu gì không ý nghĩa của trời thơ?...
Và yên ương bởi đâu không đoàn tụ?
Và tình yêu sao lại dở dang chi?
Và vì đâu, gió gọi giật lời đi?

Để rồi từ đó, những lúc phiên muộn, thất vọng về thói đời đảo điên, vàng thau lẫn lộn, tôi tìm về kỷ niệm của Viện Đại Học Đà Lạt cũ, vô cùng dễ thương, biết trọng đạo lý, ... và khi tình yêu còn xanh biếc như màu mây trên đỉnh trời...

Xa Đà Lạt, tôi chưa hề về thăm. Chỉ một lần, tháng 6 năm 2010, nhân dịp Tổng Hội cựu SVSQ Đại Học CTCT tổ chức đại hội ở Nam Cali, tôi đã đến tham dự, để tìm gặp lại Đà Lạt, nhưng chỉ trong cơn mộng. Đêm cuối tại Quận Cam, lần đó, tôi đến ở nhà cô em họ, Thalia, cựu nữ sinh trường Oiseaux, cũng biết nhiều về Đà Lạt. Nói chuyện cho mãi đến khuya.

Thalia rót rượu cho tôi, và hai anh em bắt đầu kể cho nhau những kỷ niệm Đà Lạt. Những kỷ niệm đã úa tàn theo năm tháng. Có yêu thương, gắn bó. Có chia lìa, tan tác. Có nuối tiếc, ngậm ngùi. Đà Lạt của một thời để yêu và một thời để chết. Un temps d'aimer et un temps de mourir, Thalia nhắc.

Đà Lạt, đêm ấy, chúng tôi đã trở về trên những lối mòn của ký ức, trên từng nhịp đập của con tim, trên những bước chân lạc loài của đời lữ thứ, trên từng kỷ niệm dấu yêu chưa mờ phai. Khu Chi Lăng, Hồ Than Thở, nơi tôi cư ngụ và phục vụ trường ĐH/CTCT.

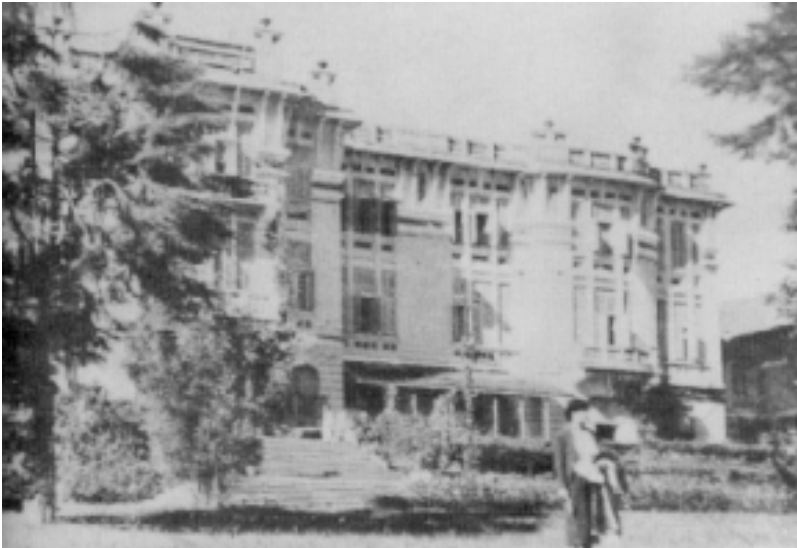
Chợ Hòa Bình rực rỡ màu áo, tấp nập người qua lại. Những quán nhỏ phía dưới rạp hát Ngọc Lan, đối diện bờ Hồ, với ly kem dừa mát rượi cổ họng, đĩa gỏi đu đủ trộn với nước mắm cay xé óc, và những cuốn bò bía chấm tương đen ngọt. Đường Phan Đình Phùng dài hun hút với tiếng gõ lóc cóc trong đêm lạnh của anh Tàu đẩy xe hủ tiếu mì khói bay nghi ngút. Những con phố vắng lặng, đìu hiu, có bậc cấp lên xuống.

Tiệm ăn Pháp L'Eau Vive của các bà sơ *Domaine de Marie* với món cá thập cẩm *bouillabaisse* bắt hủ của miền Provence nấu với vang trắng, ly rượu Bordeaux sóng sánh ngọt chát môi hôn, và tiếng dương cầm diu dặt. Nhà thờ Con Gà có kính mỗi sáng Chúa nhật tôi đến xem lễ, nguyện cầu cho quê hương sớm thanh bình và tình yêu được mãi bền lâu. Và thác Prenn, suối Cam Ly mà dòng nước chưa cuốn đi những lời thề đã lỡ.

Tôi nhớ quá, nhớ hết, nhớ ray rứt về một Đà Lạt chưa hề thấy lại, bây giờ chỉ còn là kỷ niệm xa khuất. Đà Lạt yêu kiều, đầy thơ, đầy mộng, đầy tiếng ái ân, ngọt ngào như hơi thở, ngất ngây như nỗi nhớ, nay còn gì đâu...

Em đã một lần, Thalia nói, trở lại thăm Đà Lạt, và không có nỗi thất vọng nào hơn. Tan nát, thê lương. Thà như anh, không bao giờ trở về, để mãi mãi thấy Đà Lạt vẫn đẹp như một mỹ nhân không muốn cho đời thấy tóc xanh đổi màu.

Hay, tôi nói thêm, vẫn đẹp như một mối tình dang dở."



Lại Văn Long

LẠI VĂN LONG cũng không thể quên Đà Lạt ngày tháng cũ và ghi lại niềm nhung nhớ những hình ảnh từ hồi mình còn nhỏ:

“Tôi biết nhớ Đà Lạt từ năm 11 tuổi, lớn thêm lên, nỗi nhớ thành niềm yêu thương pha lẫn tự hào... Nhớ sân Trường tiểu học Đa Nghĩa có những cây Mimosa mảnh mai trở bông vàng, những cây khuynh diệp đồ sộ rủ lá khô, mỗi sáng bác bảo vệ trường quét đốt tỏa mùi ngai ngái...

Thành phố Đà Lạt vừa lên đèn, những ngọn đèn trộn trong sương đục tỏa màu buồn buồn. Mưa lưa thưa, đường sũng nước vắng khách. Những chiếc xe ngựa lợc cọc chở rau vào chợ. Con ngựa thở phì rùng mình hắt nước. Ngựa Đà Lạt có lẽ xuất xứ nhập cảnh làm ngựa huấn luyện kỵ binh ở trường Võ bị thời Pháp nên thường cao to đẹp mã. Phải về nông thôn miền Tây mới thấy những cây lợ, bắp sú, củ cà rốt Đà Lạt có ý nghĩa như thế nào trong những bữa tiệc, giỗ. Nó làm đẹp hơn cho món cá, chu đáo hơn cho món vịt Nam Bộ. Tôi nhớ con dốc Duy Tân. Có một chiều mưa nhẹ và lạnh lạnh thế này, tôi lên 6 tuổi bị ốm được mẹ dắt ra nhà thuốc Bắc hiệu con cua để ông thầy Tàu xem mạch, bốc thuốc. Lúc về gần bùng binh Cường Để, mẹ mua cho tôi một bánh patê-sô. Vỏ bánh nóng giòn vừa ăn vừa thổi, nhân thịt bên trong thơm ngon kỳ lạ. Hơn 35 năm sau tôi vẫn chưa quên mùi vị bánh patê-sô ăn kèm lời mẹ dặn: “Về đừng kể, mấy đứa ở nhà ganh!”

Mẹ không còn tiền để mua thêm dù chỉ một cái bánh cho mấy đứa em tôi ở nhà! Rạp xi-nê Ngọc Hiệp làm tôi nhớ đến những ngày tết. Chỉ có những ngày xuân, chị em tôi mới được ba, mẹ cho đi xem phim một lần, dù nhà chỉ cách rạp 10 phút đi bộ. Bộ phim đầu đời tôi được xem là “Con cóc thần”. Cóc biết phun lửa, nhưng đốt ai thì tôi quên mất. Khác với cái bánh patê-sô, mùi phở bò đầu đời tôi được ăn ở rạp Ngọc Hiệp không được ngon. Ba gọi một tô nhỏ xíu cho tôi. Tôi 4 tuổi chưa biết cầm đũa nên ba đút. Mà có thể ba phải như vậy vì tiền đâu để mỗi bố con một tô?

Đồi cù Đà Lạt có những hồ nước nhỏ, mỗi bề vài sải tay, nước trong thấy đáy, có nhiều nòng nọc và cá lia thia 7 màu. Tôi thường trốn học cùng mấy đứa bạn ra đây xúc cá lia thia. Đồ nghề là một mảnh vải mỏng bọc quanh, khung được bẻ lại từ dây kẽm. Đà Lạt lạnh nhưng nước ấm, chúng tôi trần như nhộng đập nước tung tóe. Một lát thì bùn đục đen, rong rêu bám đầy người, chỉ cần hai con lia thia bằng đốt bút chì là đủ vui. Thả cá vào lọ keo xem chúng đánh nhau rồi bắt đợ. Đứa thua cũng bạn đi ngược đồi, mệt

thì lẫn ra thắm cỏ êm mượt. Thời đó các anh chị sinh viên của đại học Đà Lạt thường đi cặp ra các gốc cây thông trên đồi cù tâm sự. Họ nhìn âu yếm và gườm chúng tôi bằng tất cả khả năng đe dọa. Gặp chị tốt bụng thì gọi đám nhóc đến cho mỗi đứa một cục kẹo, be hột đậu rang...”

LẠI VĂN LONG thốt lời tâm sự:

“Đà Lạt thấm dần vào tôi từ từ qua hàng chục năm, qua những kỷ niệm ấu thơ; những mối tình run rẩy vì sương khuya trên những con đường vắng, quanh co, thông reo nhẹ nhàng; những ly cà phê nóng ấm của thủy tạ nhâm nhi với gió lạnh và ánh đèn huyền ảo lấp lánh dưới mặt hồ Xuân Hương...”

Caò Nguyễn

Nhà thơ CAO NGUYỄN viết những lời thơ đượm buồn trong nỗi nhớ nhung chốn cao nguyên xa xưa với “Đà Lạt và hoa tuyết bay”:

“mai em về Đà Lạt
ngạc nhiên reo: Ô! hoa tuyết bay
huyền thoại đấy, từ quê hương đổi khác
thuở Đồi Cù mất dấu những hàng cây!

như anh thẳng thốt gọi: Ô! sa mạc
khi ngắm nhìn Đà Lạt hôm nay
Thung Lũng Tình Yêu - lá khô, cỏ nát
tự hỏi mình: quê cũ có còn đây?

Đà Lạt chập chùng núi xanh, mây thắm
rừng hoa xưa đang ngàn cánh tuyết bay
để biết đường đời buồn thăm thẳm
còn cưu mang thêm đoạ tuổi lưu đây!
hoa tuyết trắng bay dưới trời Newyork

Đà Lạt xưa rừng xanh bóng cây
anh đang ghép những buồn vui mặt đất
từ hôm qua và mãi tới sau này!
để mai em về Đà Lạt
vẫn còn reo: Ô! hoa tuyết bay!”

Phạm Cao Hoàng

PHẠM CAO HOÀNG thoảng mơ màng trở về chốn cũ thân yêu
và “Đi cùng em giữa Đà Lạt sương mù”:

“rồi có lúc trở về chốn cũ
đi cùng em giữa Đà Lạt sương mù
hát cùng em bài tình ca thuở ấy
tìm lại dấu chân mình trên những lối đi xưa

tìm lại mùi hương bên chiều Thủy Tạ
theo em về những hò hẹn ngày mưa
và thương nhớ một thời tuổi trẻ
chỉ có hoa hồng và chỉ có mộng mơ

tìm lại giọt sương trên đôi buổi sớm
bước cùng em trên ngọn cỏ hồng
và thương nhớ một thời lãng mạn
chỉ có tình yêu bát ngát mệnh mông

rồi có lúc trở về chốn cũ
đi cùng em giữa Đà Lạt sương mù
quên đi một đoạn đời lận đận
quên đi những ngày khốn khó gian nan”

Lệ thường có hợp lại có tan, nơi đất khách nhà thơ cũng có lúc
ngậm ngùi mà đặt bút viết bài thơ “Chia tay Đà Lạt”:

“và tôi lại chia tay Đà Lạt
trở lại quê người với những cơn bão tuyết mùa đông
tôi mang theo nỗi buồn xa xứ
và nỗi hoài hương nặng trĩu trong lòng
tôi lại thấy bóng tôi bên dòng Potomac
bên bờ Đại Tây Dương nghe quê hương réo gọi trái tim mình
đi không phải là đi biệt xứ
thương quê nhà còn lại phía sau lưng
lại cùng em lang thang bên hồ Thạch Thảo
nói với em về một đoạn đời buồn
nói với em về những dòng sông lưu lạc
trôi về đâu rồi cũng muốn trở về nguồn
và tôi lại chia tay Đà Lạt

chia tay những con đường in dấu chân xưa
chia tay rừng thông và cỏ cây sương khói
chia tay mây trời và gió núi Langbiang
mong bình yên đến với Kim Huê
và những người ở lại
mong một ngày về...
dù chưa biết khi nào..."

Hải Vân

Từ nơi đất khách xa xôi HẢI VÂN lại chỉ nhớ về Đà Lạt với hai hình ảnh khá đặc biệt là Thôn Chè Cầu Đất và quán Cà Phê Tùng.

Thoạt tiên là những hoài niệm về "Thôn Chè Cầu Đất":

"Những ngày cuối Tháng Hai. Trước khi từ giả Châu Âu trở về Bắc Mỹ ngồi trong quán cà phê bên giòng sông Eble tại thành phố Dresden, tôi và bằng hữu thân quen chợt nhớ đến Thôn Chè Cầu Đất (còn gọi là Thôn Xuân Trường) và Cà Phê Tùng - hai địa danh gắn liền với thành phố ngàn thông.

Từ trung tâm thành phố Đà Lạt, du khách đi thẳng theo đường Trần Hưng Đạo - Hiến Vương lên Trại Mát; từ đây hỏi bất cứ người dân nào, họ cũng sẽ chỉ rất rõ ràng đường đến Thôn Chè Cầu Đất. So với mặt nước biển, Thôn Chè Cầu Đất ở độ cao trên 1.650m, khí hậu quanh năm mát mẻ. Nếu đến chân đồi lúc hừng đông hay lúc hoàng hôn, du khách sẽ nhìn thấy sương mù giăng khắp lối. Xa xa mặt hồ Phát Chi êm đềm không gợn sóng, tưởng như mọi tất bật đời thường không thể khuấy động sự êm đềm của đồi chè bạc ngàn. Hình ảnh những cô gái tay thoăn thoắt hái chè, bên cạnh từng cánh hoa trắng mong manh ngát hương, bên cạnh những trái chè nho nhỏ xinh xinh, là bức tranh sinh động đặc biệt của núi rừng cao nguyên. Vào những tháng cuối năm, hoa dã quỳ nở vàng chung quanh đường lên Thôn Chè Cầu Đất, khiến quang cảnh nơi này đẹp như tranh vẽ. Du khách mặc nhiên cảm nhận sự ngất ngây say đắm thấm vào đến tận linh hồn, khi nhìn thấy những ngôi biệt thự cổ kính mang đậm nét kiến trúc Gothic, ẩn hiện trong vườn hoa rực rỡ hay trong vườn hồng chín đỏ; tất cả nổi bật giữa rừng thông xanh thẫm.

Thôn Chè Cầu Đất hiện diện tại thành phố Đà Lạt đã gần 100 năm. Những thông tin có tính lịch sử được ghi lại như sau:

- Năm 1927: Những chủ nhân người Pháp thành lập Sở Trà

Cầu Đất. Diện tích trồng và khai thác chè trên 600 héc ta.

- Từ năm 1960 đến năm 1975: Các thương gia người Hoa quản lý Sở Trà Cầu Đất...”

Sau đó HẢI VÂN nhắc đến một quán cà phê tiêu biểu của Đà Lạt là “Cà Phê Tùng” mà chủ nhân qua đời sau năm 1975:

“Bên cạnh Thôn Chè Cầu Đất, có thể nói Cà Phê Tùng là một phần không thể thiếu của thành phố Đà Lạt. Chú Tùng - chủ nhân của quán cà phê này - là người Miền Bắc vào Miền Nam từ trước năm 1954, định cư tại Đà Lạt. Tính đến nay Cà Phê Tùng hiện diện tại Đà Lạt hơn nửa thế kỷ. Chú Tùng đã qua đời, nhưng người thân trong gia đình vẫn giữ được truyền thống của quán cà phê cổ. Những chiếc bàn cũ kỹ, những bức tranh bạc mẫu, những miếng gỗ ốp tường, chiếc cửa ra vào luôn mở hé... Tất cả những gì có từ ngày Cà Phê Tùng bắt đầu sáng nghiệp, đến nay không thay đổi. Giữa cái lạnh sắt se của trời đêm Đà Lạt, ngồi trong quán cà phê Tùng nhìn từng ngọn đèn đường mờ ảo qua ô cửa kính, người ta thật sự cảm nhận trọn vẹn sự thơ mộng của thành phố mù sương. Những hôm quá lạnh, Cà Phê Tùng là lò sưởi làm ấm lòng lữ khách. Nhưng cũng có người không ngại ngồi trên balcon - chỉ có một bàn duy nhất - nhìn xuống đường, để thưởng thức sự rét mướt bao phủ khắp núi đồi Đà Lạt.

Những ai ở Đà Lạt trong thập niên 1960, 1970 đều biết: Thứ Năm là ngày Cà Phê Tùng cho khách nghe nhạc Pháp. Dĩa hát của những giọng ca vàng từng ngân vang trong quán, như Francois Hardy với “Tous les garçons et les filles, Ton meilleur ami”; Sylvie Vartan trình bày thật vui tươi “La plus belle pour aller danser, En ecoutant la pluie, Quand le film est triste.” Dalida tái danh thể hiện “Bambino, Histoire D’un Amour, Bésamé Mucho.” Christophe hát “Mal, Aline, Main Dans La Main,” hay Charles Aznavour trầm âm lả lướt với ca khúc “Et Moi Dans Mon Coin”...

“...Những ngày cuối Tháng Hai. Trước khi từ giã Châu Âu trở về Bắc Mỹ, hình ảnh Thôn Chè Cầu Đất, hình ảnh Cà Phê Tùng hiện ra trong trí tưởng, khiến tôi và bằng hữu bỗng ngậm ngùi. Chúng tôi đi qua nhiều quốc gia ở miền Viễn Đông, ở Châu Âu, ở Bắc Mỹ..., nhưng lòng không quên Đà Lạt - địa danh chỉ cần nghĩ đến đã thấy lòng bình yên, đã thấy rất thân thiết. Tưởng như Đà Lạt khói tỏa, sương lồng, cây xanh, lá biếc đang hiển hiện giữa giòng sóng Elbe. Cùng đường viễn khách tha hương, quá giang nước chảy tầm phương nhớ nguồn. Lên cao khói sóng hồ tuôn, phố hoa khê gọi chợt buồn chân mây. Thôn Chè Cầu Đất hay đây, Cà Phê Tùng vẫn mộng đầy hư không.”

Phạm Mai Hương

PHẠM MAI HƯƠNG khi nhắc đến Đà Lạt thời lại nhớ ngay đến một điều khá lạ lùng về hồ Xuân Hương và vợ ghi lại thành bài “Âm dương mờ ảo”:

“Người dân Dalat hay nói đùa: đôi trai gái mới quen thường đưa nhau lên Đồi Cù tâm sự, vui đùa, chọn Thung Lũng Tình Yêu bày tỏ nỗi lòng, đỉnh điểm của tình yêu sẽ là Rừng Ái Ân, nếu suông sẽ người ta làm lễ cưới ở Nhà Thờ Cam Ly. Cuộc tình tan họ dẫn nhau đến Hồ Than Thở, than thân trách phận, băng xuống Suối Vàng tự vẫn để rồi trở thành Đồi Thông Hai Mộ.

Nhưng thường Hồ Xuân Hương chứ không phải Suối Vàng được chọn để kết thúc cuộc đời. Bởi sự tĩnh lặng nhất vào đêm khuya, để lời cuốn người ta trầm mình và không quá xa phiền thân nhân tìm xác.

Người chết ở hồ Xuân Hương ngoài tự tử ra còn do nhiều nguyên nhân như đuối sức khi tắm hồ. Những người hay tắm hồ truyền kinh nghiệm: hồ Xuân Hương có một luồng nước rộng chừng 4 mét, nước ở đó phía trên ấm nhưng phía dưới rất lạnh. Họ khuyên ai nếu bơi lội vào luồng nước đó phải cảnh giác bơi ra, nếu không sẽ mãi mê bơi theo như mê hoặc, chìm dần vào phần lạnh và đuối nước.

Cũng có những trường hợp khá lạ lùng. Con chị Chín Răng Vàng bán bắp nướng ở Hoàng Diệu học lớp 11, cùng các bạn đá banh trên đồi, banh rơi xuống hồ. Em men theo chỗ cạn vớt banh, hụt chân rớt xuống nước. Người lớn nhẩy xuống cứu, chụp được tóc của em, nhưng rùi thay em cắt kiểu đầu đinh, tóc quá ngắn, nên không nắm được tóc để lôi lên, đành chịu.

Vào dịp Tết, hồ Xuân Hương nhận chìm một chiếc pedal'eu chở gia đình du khách lên chơi xuân. Một anh bọm nhậu tham vớt chú rùa lớn được thả phóng sinh, bị nước cuốn va vào chân đập chết bể đầu. Năm 1973, chiếc máy bay trực thăng của anh phi công ở Ấp Ánh Sáng, khi bay qua nhà, anh giơ tay vẫy khiến máy bay đâm chúi xuống hồ Xuân Hương, cuốn theo chục người đi đường có cả giáo sinh trường Sư Phạm mặc áo màu nâu.

Người ta đồn Hồ Xuân Hương có huông, mỗi năm phải nhận mấy mạng người. Và mỗi khi có người chết đuối người ta lại phải nhờ cậy đến ông Pháp. Ông Pháp, một ngư phủ người Quảng Ngãi lên Dalat sinh sống bằng nghề làm vàng mã, là một ông thầy pháp có thể bắt án, nói chuyện với người âm. Mỗi khi người nhà

nạn nhân cần giúp đỡ, ông Pháp ngậm nửa lít nước mắt nhĩ cho ẩm người rồi nín hơi trầm mình xuống đáy, nhìn quanh quất tìm người gặp nạn vướng vào rong rêu, rễ cây... hết hơi ông trồi lên và cứ như vậy đến khi tìm được xác. Quang cảnh dưới hồ quen thuộc như lòng bàn tay nên ông chẳng mất nhiều thời gian để đưa thi thể lên bờ. Bởi vậy người ta khen ông có duyên với người chết.

Người ta tin rằng chết ngoài đường không được đem về nhà nên thường đem người mất lên nhà quan ở chùa Linh Sơn hay mảnh đất trống nằm cuối bờ hồ để làm lễ trước khi an táng."

Phạm Mai Trang

PHẠM MAI TRANG từ nước ngoài nhớ về trường cũ, phố xưa:
"Phải nói là tôi rất cảm ơn một chương trình phát thanh nào đó vào những ngày mưa đầu năm ở một nơi không phải quê hương mình cho tôi nghe lại những bài hát về thành phố đalat thật hay, mặc dù mỗi lần nghe tôi không thể ngăn được những giọt nước mắt

"...rồi mai tôi sẽ xa Đà Lạt
Thành phố buồn chiều sương khói buồn riêng anh
Còn bao điều sao anh không nói
Tôi cúi đầu từ giã Đà Lạt ơi !..."

Lời của bài hát khiến tôi trong suốt 45 phút trên con đường trở về nhà, nhớ nhiều về thành phố yêu dấu, nơi đó bây giờ ba mẹ, tất cả anh em, các cháu tôi còn ở lại và những kỷ niệm lần lượt hiện ra trong trí nhớ.

Tôi nhớ nhiều về trường Bùi Thị Xuân, ngôi trường màu hồng gạch của những năm mặc áo len xanh, áo dài trắng học trò với những nghịch ngợm vô tư. Đến giờ chơi túm áo dài chui rào băng xuống đường Tăng Văn Danh hái trộm hoa Pensée, Violet. Có khi ra đứng ở hàng rào giáp ranh Giáo Hoàng Học Viện trên các Thầy đang đi lại ôn bài trên sân thượng, hầu như lớp nào cũng thể đến nỗi Tổng Giám Thị thông báo giờ chơi không được đứng ở khu vực đó nữa.

Nhớ lại những ngày học thêm vào buổi chiều, hôm nào không ăn cơm ở ký túc xá Nhị Trưng thì thế nào trong cặp của chúng tôi đều có hai ổ bánh mì thịt mua ở quán bánh mì trên đường Hàm Nghi, khoảng giữa nhà sách Khải Minh và nhà thờ Tin Lành để trưa hôm đó rủ nhau sang đường Cộng Hòa được đặt tên là con đường Tình Yêu, ngồi trên đồi thông 'phá thiên hạ'.

Tôi nhớ cả ngôi trường Trần Hưng Đạo mà năm học Đệ Nhất chúng tôi, một số nữ sinh đếm không quá đầu ngón tay được gọi sang học tạm trong khi chờ giáo sư Toán đi thực tập quân sự trở về và anh đã ngồi ở đâu trong lớp Đệ Nhất B2 này? Hàng ngày đến trường chúng tôi phải đi qua con đường Nguyễn Hoàng vòng quanh Mã Thánh, chúng tôi thường hỏi không hiểu đến lượt mình sẽ được nằm chỗ nào đây? Thế mà giờ đây, chúng tôi mỗi đứa lưu lạc mỗi nơi mà đất Mã Thánh cũng chẳng còn chỗ và con đường lên ấp Du Sinh đã trở thành con đường Du Tử?

Tôi yêu biết bao những con đường ở Đà Lạt, hằng năm vào dịp Noel, gần Tết, ngoài màu hồng của những cây anh đào được trồng dọc hai bên đường Thành Thái, Lê Đại Hành, đường vòng hồ Xuân Hương, con dốc nhỏ lên nhà thờ Con Gà, nhìn đâu cũng thấy màu vàng của hoa Quỳ dại, màu vàng rực rỡ, kiêu sa. Ôi ! Có phải màu vàng của chiếc áo dài lần đầu tiên và duy nhất tôi mặc ngoài màu tím tôi thường yêu mà tôi lạc mất anh.

Tôi cũng không thể nào quên cây 'Phượng Tím' độc nhất mà tôi cho là nó có tên như thế trên con đường dẫn vào chợ. Không hiểu nó được trồng từ bao giờ mà mỗi lần có dịp ra phố thế nào tôi cũng phải dừng chân ở La Tulip Rouge để nhìn sang những tàng cây có màu tím nhạt trong làn gió nhẹ trông như những giải lụa. Sang đây, tôi cũng được thấy nhiều cây có hoa tím nhưng tôi vẫn không thấy đẹp bằng cây Phượng Tím ở thành phố cũ của tôi..."



1968

Cao Hữu Đạt

CAO HỮU ĐẠT khi nhắc tới thành phố Đà Lạt thời lại vội lên tiếng rằng “từng kỷ niệm cũ lại hiện về trong tôi như những thước phim...”:

...“những buổi sớm tinh mơ đi ngang qua bờ hồ với sương giăng lẳng đặng trên mặt hồ và trên những cánh thông, đi ngang qua cái Am Sohier thấy nhiều người hò hực khẩn vái, gọi là Am Sohier vì cái Am ấy nằm đối diện với nhà thương của bác sĩ người Pháp Sohier, xe băng qua con đường trước Nha Địa Dư rồi vào trường. Sáng sớm đứng trong sân trường trời rất lạnh, tôi và các bạn nói chuyện mà thở ra hơi, từng đàn chim én trong mái trường bay tủa ra khắp nơi dưới ánh nắng ban mai.”

Sau đó nhớ đến ngôi nhà mà xưa kia gia đình mình từng cư ngụ tại Đà Lạt:

“Bắt đầu từ ngôi nhà thương yếu này, căn biệt thự mang số 41 Đinh Tiên Hoàng, nằm trên một ngọn đồi bên hữu của trường Bùi Thị Xuân, từ đây có thể nhìn bao quát cả cái Đồi Cù thơ mộng với những rặng thông xanh biếc. Con đường Đinh Tiên Hoàng bắt đầu từ bờ Hồ Xuân Hương chạy men theo Đồi Cù và Giáo Hoàng Chung Viện kéo dài đến tận Ngã Năm Đại học, theo tôi thì đây có lẽ là một trong những con đường đẹp nhất của Đà Lạt...”

Tôi thì thích nhất là cái lò sưởi, những năm ấy Đà Lạt lạnh lắm, cái cảm giác cả nhà quây quần bên lò sưởi những buổi tối mùa đông nướng bắp, lùi hạt dẻ, khoai lang và bóc ra ăn còn nóng hổi thật không gì bằng. Lúc đó trong vườn mẹ tôi trồng rất nhiều hoa, đủ các giống hoa mà mẹ tôi xin từ bạn bè và các chị học sinh Bùi Thị Xuân mang đến cho như Coquelicot, Ortansia Geranium, Hồng... Vì Đà Lạt mưa rất nhiều nên trong vườn nhà tôi cũng mọc nhiều loài hoa dại như Tường Vi ven hàng rào, hoa Bươm bướm và Cúc Marguerite trắng... gần cửa sổ phòng ngủ mẹ tôi còn trồng cả một cây Mimosa hoa vàng mùi thơm rất dịu, lá có xen lẫn những hạt phấn hoa màu trắng, thỉnh thoảng tôi lại hái xuống một nhánh nhỏ để ép vào vở học.

Những đêm trăng sáng từ cửa sổ phòng khách có thể nhìn thấy rất rõ cái Đồi Cù, ánh trăng len lỏi vào phòng khách, những đêm đó ba tôi thường mở đĩa hát cho cả nhà nghe Moonlight Sonata bất hủ của Beethoven. Rồi cứ mỗi Mùa Giáng Sinh về gian phòng khách lại trở nên lộng lẫy và ấm cúng hơn với cây thông. Thuở ấy người Đà Lạt thường dùng cây thông tươi để trang trí,

muốn có thông thì phải vào tận những cánh rừng xa ở ngoại ô để kiếm và cả nhà cùng nhau trang trí cây thông, ôi cái mùi thơm của lá thông và nhựa thông, vào đêm Giáng Sinh hai anh em tôi cũng không quên để bít tất ở bên lò sưởi nhận quà của ông già Noel... cho đến tận bây giờ tôi vẫn không thể nào quên được những cảm xúc êm đềm ấy trong ngôi nhà thân thương.”

CAO HỮU ĐẠT thổ lộ chuyện tình cảm riêng tư của mình:

“Ôi Đà Lạt ơi, cả một khung trời kỷ niệm mà tôi không thể nào viết hết được, tất cả như là một phần của cơ thể tôi. Đà Lạt lộng lẫy, thơ mộng của một thời, dường như tôi mang nợ Đà Lạt một món nợ ân tình rất lớn. Và rồi như một cơ duyên với Đà Lạt, trong một lần quay lại Đà Lạt tôi đã gặp và yêu một người con gái Đà Lạt, người trở thành vợ tôi bây giờ. Và cứ thế Đà Lạt dấu yêu đã, đang và mãi mãi là của tôi tự bao giờ.”

Bùi Thanh Tiên

Một chiều buồn chợt nhớ về chốn cao nguyên cũ ghi nhiều dấu ấn kỷ niệm. Nhớ người, nhớ cảnh, nhớ chuyện vô thường, tan hợp, BUI THANH TIÊN làm bài “Đà Lạt và nỗi nhớ” dường như muốn mượn tiếng chuông chùa đưa tâm mình về cõi tình thức:

*“Dáng xưa em... Thung Lũng Hồng kỷ niệm
Cuộc tình tàn, tan hợp có nghĩa chi
Giọt lệ rơi năm tháng tuổi xuân thì
Nghe ray rút tiếng yêu thâm em gọi...”*

*Rừng Ái Ân nắng hanh vàng đan lối
Bóng em về Pensée tím đầy sân
Hạt sương bay hiu hắt biết bao lần
Bên nhau mãi vòng tay... hồ Than Thở!*

*Đà Lạt dấu yêu, một trời thương nhớ
Dĩ vãng mờ phai, mệnh mang trở lại
Duyên tơ đứt đoạn, hờ hững dấu dài
Em hun hút, xa xôi không giả biệt!*

*Nỗi lòng anh, có khi buồn nuối tiếc
Tình yêu xưa vậy gọi xứ Hoa Đào*

*Bước Tango ngà ngọc, nụ hôn trao
Em đã khóc biết rằng xa nhau mãi...*

*Em yêu hồi, mong manh mùi ân ái
Giấc mộng đời như ủ khói trầm luân
Tiếng chuông ngân Linh Sơn tự vang dần
Trong nỗi nhớ xa xăm về Đà Lạt..."*

Trong nỗi nhớ xa xăm về chốn cũ, bao hình ảnh hẹn hò tình cảm cũ lại ào ạt hiện về, nay dù cách mặt nhưng chẳng xa cách lòng, nhà thơ cảm khái viết: "*Màu tím Đà Lạt và mắt em*":

*"Một ngày nơi phố lạ
Thành phố của ngàn hoa
Trắng, vàng pha sắc tím
Sao êm ái lạ là.*

*Hàng thông réo bên đường
Chào gọi lời yêu thương
Hơi thu nghe lành lạnh
Mimosa nở rực vườn.*

*Hẹn nhau cà phê Tùng
Xuân Hương hồ hieu quạnh
Dòng đời ôi, lạ lắm
Một lần, nhớ trăm năm.*

*Anh mê nhìn, đôi mắt
Mỗi khi hờn... em khóc
Màu chiều lan tím ngọc
Chợ Hòa Bình... đèn lên.*

*Đà Lạt mưa rung hoài
Mờ mờ gió sương bay
Thành phố buồn lặng lẽ
Trong lòng khẽ say say.*

*Pensée, mềm kỷ niệm
Màu tím ngập hồn ta
Em ơi dù cách trở
Nỗi nhớ, không phai nhòa..."*

Khương Hữu Điều

KHƯƠNG HỮU ĐIỀU, một chuyên gia về kinh tế và kỹ nghệ tại miền nam Việt Nam trước 1975, ghi lại “hồi ức” về Đà Lạt và trường Lycée Yersin thời xa xưa nơi mình từng theo học:

“Tại Việt Nam, đồng bào ở Đồng Bằng Cửu Long coi Đà-lạt là thành phố đẹp nhất nước và là nơi lý tưởng để đi nghỉ mát. Lúc mới 12 tuổi tôi rất sung sướng được cùng ba má lên thăm Đà-lạt lần đầu. Hành trình dài 400 km thật ngoạn mục, trên chiếc xe Citroen bốn cửa của Pháp. Đà-lạt nằm ở độ cao một dặm và được tặng một tên mỹ miều là Hòn Ngọc của Cao Nguyên. Chúng tôi đi qua hai con đèo Blao và Prenn khúc khuỷu và đẹp như tranh vẽ. Sanh trưởng tại vùng đồng bằng nóng cháy và bằng phẳng tôi thấy bàng hoàng trước phong cảnh núi đồi cao ngất bao phủ bởi những đồn điền được chăm sóc kỹ càng và các khu rừng thông xanh tươi rậm rạp. Độc đáo hơn cả là các đồn điền trà hay cà-phê xanh ngất được cắt tỉa gọn ghẽ của vùng cao nguyên Blao và Djiring.

Đây là lần đầu tiên trong đời tôi nhìn thấy những rừng thông như ở bên Âu châu và một số những vùng trồng bông, trái cây và rau cỏ mà người mình coi là của Tây như: trái dâu tây, “prune”, tỏi tây, khoai tây, “laitue”, “chicoree”, “endive”, “artichaut”, “Glaïeuls”, mimosa, bông tulipe... các loại này trước đây không có ở đồng bằng nhiệt đới. Ngay cả các tên của ao hồ, đường phố, khách sạn, và quán ăn cũng y như bên Pháp: Au Sans Souci, La Savoisienne, Lang-Bian Palace, Rue des Glaïeuls, Rue des Roses...lac des Soupirs, lac St Benoit, lac des Cygnes...Không khác gì như ở một nước Pháp thu nhỏ trong sách giáo khoa dạy địa dư của tôi. Trên đường phố người ta xúng xính trong những chiếc áo khoác bằng len, nón len và đeo găng tay. Nhiều người còn mặc com lê và đeo cà-vạt nữa. Suong mù ban mai dày đặc. Mọi thứ đối với tôi trông thật lạ mắt. Mùa xuân nơi đây đầy màu sắc sỡ như màu hường của hoa anh đào.(...)

Sau khi may mắn nhận được sự giúp đỡ của một ông bác lo xong thủ tục cho nhập học tại Lycée Yersin “hồi ức” ghi tiếp:

“Trên phương diện sự phạm, người Pháp đã dùng ngôi trường uy tín Lycée Yersin để phổ trương hệ thống giáo dục đệ nhị cấp của họ. Toàn thể ban giáo chức là người Pháp được tuyển dụng thẳng từ Paris qua. Hai người công dân da màu Pháp đến từ đảo Martinique thuộc Pháp dạy thể dục. Còn môn văn chương Việt và

hội họa là do hai vị thầy người Việt duy nhất phụ trách. Học sinh có quyền chọn tiếng Anh hay Việt làm sinh ngữ phụ.

Học trò trong trường gồm người Pháp hay có quốc tịch Pháp, một nhóm người Việt và một số ít đến từ Lào hay Cao Miên. Phần lớn chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Khuôn viên trường có nhiều tòa nhà xây theo kiến trúc tân thời và trông rất đẹp (...). Thực vậy, tòa nhà chính của trường được Union Internationale des Architectes chọn làm một trong 1.000 kiến trúc xuất sắc nhất của thế kỷ XX.(...)

Trong thập niên 1940, học sinh người Việt ở Lycée Yersin không ít thì nhiều cũng thuộc thành phần “ưu tú” đến từ ba miền Bắc, Trung và Nam. Cuộc thi đua học hành tuy gay go nhưng lành mạnh. Đến từ một trường nói tiếng Việt để học tại một nơi nói tiếng Pháp đương nhiên tôi cảm thấy yếu thế khi nói tiếng Tây với giọng Việt. Tuy nhiên tôi vẫn cố gắng để thích hợp với môi trường mới.(...)

Vì Đà-lạt ở cao độ 1 dặm nên thời tiết nơi đây khá lạnh và cần mặc quần áo len cho đủ ấm. Sau này tôi khám phá ra là những bạn đồng khóa của tôi đến từ miền Bắc và Trung ăn mặc hợp thời trang hơn các bạn đến từ đồng bằng như tôi vì quê họ là những vùng lạnh giá...

Trong thập niên 1930, người Pháp muốn biến Đà-lạt trở nên thành phố đẹp nhất trong toàn cõi Đông Dương - một nơi tiêu biểu làm rạng danh cho nền văn minh Pháp và là một nước Pháp thu nhỏ trong Đế Quốc Pháp. Thực sự mà xét, nếu bạn nhìn vào việc quy hoạch thành phố, xếp đặt vườn hoa công viên nhất là lối kiến trúc các tòa nhà nơi đây bạn sẽ thấy là người Pháp đã thành công mỹ mãn trong dự tính của họ.(...)

Tôi không sao quên được cảm tưởng ngày đầu của tôi về ngôi trường Lycée Yersin. Quảng đường từ nhà tới trường bằng xe máy là cả một phong cảnh hữu tình. Tôi băng qua một khu rừng thông tươi đẹp để men theo một con đường chạy dọc theo hồ Swan Lake nơi có một khách sạn tân tiến. Cuối cùng tôi đạp xe leo một dốc cao để tới một tòa nhà xây bằng gạch đỏ đã đoạt giải thưởng về kiến trúc nằm trên đỉnh đồi.(...)

Học sinh Yersin chia làm hai loại: nhóm gọi là “nội trú” ăn ngủ trong trường và nhóm “ngoại trú” sống ngoài tỉnh. Những bạn cùng lớp người Việt với tôi có: Hoàng Cơ Lân, Tôn Thất Niệm, Vĩnh Mậu, Tạ Ngọc Châu, Yvonne Bửu, Simone Huê (...)

Đúng vậy, chính nhờ những ngày sống ở Đà-lạt và Lycée Yersin mà tôi làm quen được với quá trình “Đông Tây gặp nhau”.

Hoàng Bạch Mai

HOÀNG BẠCH MAI hoài niệm chốn cũ với bài “Nhớ về Đà Lạt” ghi lại vết thương lòng của “người con gái nhỏ xưa kia nhẹ dạ”:

*“Nhớ Đà Lạt trời xanh đầy kỷ niệm
Phố xá hoàng hôn vắng bóng người qua
Buồn không thấy đáng ai xưa tìm kiếm
Gót nhỏ mỗi mòn gỗ nhịp đường xa...*

*Suối Cam Ly xưa ta thường hẹn gặp
Thủy Tạ cùng ngồi uống ánh trăng thanh
Hồ Than Thở bên con đường xoải thấp
Nằm thở than, nước gợn bóng thông xanh...*

*Ngày chia tay tim sầu đau quặn thắt
Gió ghen ngào vật vờ thổi từng hồi
Ai thanh thần say cuộc tình trắng mặt?
Rừng Á Ân đây, còn lại mình tôi!*

*Vui duyên mới, người đi không tiếc nuôi
Tôi gượng cười thương thân phận đời hoa
Mi khô lệ, canh trường ôm chiếc gối
Đã mất nhau rồi! Tình cũng phai pha...*

*Đà Lạt ơi! Còn đâu tình cao cả
Mi có buồn, có còn nhớ tôi không?
Người con gái nhỏ xưa kia nhẹ dạ...
Đã ra đi ôm chặt vết thương lòng...!”*

Forget Me Not

FORGET-ME-NOT ghi lại kỷ niệm về “Trường Xưa” của mình hồi còn nhỏ và có lẽ quá nặng lòng với Đà Lạt nên lấy luôn tên một loài hoa đẹp của chốn cũ làm bút hiệu:

“Cứ mỗi lần nghe Giao Linh cất lên lời ca buồn ‘Hôm nay tôi trở về thăm trường cũ, nhiều nét đổi thay, bạn cũ đâu rồi...’ Lòng tôi lại dâng lên một niềm cảm xúc dạt dào. Tôi nhớ trường xưa da diết! Ngôi trường làng bé nhỏ, Cô, Thầy, bạn bè thân thương của

thời niên thiếu lại hiện ra đậm nét trong tôi. Ngôi trường thuở ấu thơ của tôi mang tên Trung Bắc, cùng tên với làng của chúng tôi, nơi quy tụ dân của các tỉnh miền Bắc và miền Trung vào đây lập nghiệp.

Trường tôi tọa lạc trên một ngọn đồi nhỏ, nằm giữa ấp Hà Đông và Nghệ Tĩnh. Cổng trường khá đẹp có bậc tam cấp đi lên. Hai bên cổng trồng hai dãy anh đào quanh năm xanh tốt. Mặc dù trường có cổng chính nhưng rất hiếm khi chúng tôi đến trường bằng cổng này. Học sinh phía Hà Đông thường đến bằng con đường mòn bên tay phải, dân Nghệ Tĩnh chúng tôi đi theo lối mòn bên trái. Có lúc tôi đã quên bằng là trường mình cũng có một cổng trường xinh đẹp, không thua kém những trường ngoài tỉnh. Trường thật nhỏ, cả trường chỉ có năm lớp học. Có hai dãy lớp. Một dãy bằng ván, lợp tôn chia làm ba lớp: lớp Năm, lớp Tư và lớp Ba. Dãy kia được xây sau này chia làm ba phòng, một cho lớp Nhì, một cho lớp Nhất... ở giữa hai lớp học là văn phòng.

Kể làm sao hết những kỷ niệm buồn vui của tôi với ngôi trường cũ. Nơi tôi tròn miêng ẽ a những bài học vỡ lòng, nơi để lại cho tôi những kỷ niệm để nào quên!! ”

Tác giả viết tiếp những dòng hồi ký của mình:

“Chúng tôi được dịp lên hát ở Đài phát thanh trong chương trình ‘Tiếng hát học đường’. Mỗi lúc đi thu thanh là dịp cho chúng tôi khoe với bạn bè: ‘Chúng tôi được đi cầu thang hình xoáy tròn ốc nè!. Các bạn biết không Đài phát thanh cao ơi là cao!. Chúng tôi được thấy chiếc đàn thật to và cao, dám cao gấp mấy lần tụi mình lận đó!’ Các bạn tôi tròn mắt thán phục, ai cũng tiếc là không được ở trong Ban văn nghệ trường”...

“Thuở đó, chúng tôi đi học một ngày hai buổi. Buổi sáng từ tám giờ rưỡi đến mười một giờ. Buổi chiều từ hai giờ đến bốn giờ rưỡi. Các bạn ở xa, ở Xóm Đa Thiện hoặc khu Số Bốn qua học. Họ thường mang theo cơm canh, củ khoai, củ sắn... hoặc cơm vắt để ở lại trường. Nhà tôi cách trường chỉ vài ba phút nhưng thỉnh thoảng cũng năn nỉ mẹ cho ở lại. Được phép, tôi mừng như được đi cắm trại vậy. Chúng tôi mang khăn trải bàn, bày thức ăn ra bãi cỏ sau trường, rồi cùng ăn chung. Ăn uống xong bày ra chơi: u mọi, rải danh, chuyên thẻ, ô quan... hoặc tìm đến hàng anh đào ngoài cổng, tìm cây nào râm mát nhất... ngồi dưới bóng cây tỉ tê tâm sự.”...

...“Trường em, bên đồi thông xanh dẫu yêu, nơi yêu dẫu muôn đời. Em thiết tha bao người trường em... Đây Trung Bắc trường em, chung sống những ngày êm đềm, cho lòng em nhớ không người...” Bài hiệu đoàn ca của trường thuở nào vẫn làm tôi nhớ

mãi, nhớ mãi không nguôi. Nhớ trường xưa. Nhớ Thầy cô, nhớ bạn bè... người còn, kẻ mất . ”

Thời gian sau tác giả phát biểu thêm “Đà Lạt trong nỗi nhớ”:

“Đà Lạt là phần đất quy tụ hầu như người toàn miền của đất nước, từ miền Bắc xa xôi, Cao Bằng, Lạng Sơn, Móng Cáy... cho đến miền Trung cát trắng, lan dài đến Đồng Tháp, Cà Mau... hình như mọi người đều muốn tìm đến vùng cao nguyên có khí hậu trong lành, có tình người ấm áp này để định cư, lập nghiệp. Chính vì có nhiều dân tứ xứ nên giọng nói dân Đà Lạt có âm hưởng của cả ba miền: cái trong trẻo lên bổng xuống trầm của người Bắc, cái đầm ấm, mặn mà của biển, của cát ở người miền Trung, và cái ngọt ngào của cây trái, sông lạch ở miền Nam.

Thức ăn, hàng quán ở Đà Lạt cũng đa dạng, nhớ tô phở bốc khói ở hiệu phở Bằng ngay phố Hàm Nghi, phở Tàu Bay ở Ga, nhớ cà phê Tùng thật nổi tiếng, cà phê ngon lẫn cô con gái bán cà phê xinh đẹp, nhớ quán bánh xèo ngay dốc Minh Mạng mà những hôm trời lạnh, tụi Thanh thường tìm đến, ngồi chờ khá lâu mới có một cái bánh để ăn, nên cả bọn đặt tên là bánh chờ, bánh đợi. Rồi mì Quảng ở Hoàng Diệu, ở Ngọc Hiệp, ông chủ quán Thanh Bình ở Ngọc Hiệp thật lạnh lùng, chưa hề thấy ông mỉm cười nhưng nấu mì thì thật tuyệt. Đường Hàm Nghi có bánh cặng, bánh mì của chị Duyên, trong chợ lòng có cháo lòng bà Tụng, bún riêu của bà Thảo, bánh ướt tôm chấy, bánh ram, bánh bèo của chị Gái. Rồi quán mì ở Thủy Tiên, những quán chè ở Minh Mạng như Vọng Nguyệt Lầu, Dạ Thảo. Đó là chưa kể hàng bao nhiêu gánh dạo không tên, chuyên chờ nào là bánh bao, tàu hủ, bò bía... món nào cũng mang những hương vị riêng của nó.

Ồi Đà Lạt của Thanh, có thức ăn ngon, có thiên nhiên ưu đãi, có con người hiền hòa, hiếu khách. Sao Thanh nhớ quá!”

Cô Bé Quàng Khăn Đỏ

Nữ sinh Bùi Thị Xuân lấy bút hiệu là CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ ghi lại kỷ niệm về trường xưa trong “Một thời để nhớ”:

“Không biết các bạn thì sao chứ riêng tôi, tôi vẫn còn nhớ như in ngày đầu tiên mặc chiếc áo dài trắng, khoác áo len xanh, ôm cặp theo Mẹ đến trường Bùi thị Xuân. Chắc các bạn cười thầm con nhỏ này chắc là điên, vào trường Trung học rồi chứ có phải Mẫu Giáo đâu mà Mẹ dẫn đi... Nhưng Mẹ tôi là vậy đó, mỗi năm vào

ngày tựu trường là Mẹ đưa đi, từ Tiểu học lên đến Trung học rồi Đại Học, không bỏ một lần nào.

Trong cặp mắt của con bé 11 tuổi lúc đó, ngôi trường Bùi thị Xuân mái đỏ tường với hồng thật là to lớn và uy nghi vô cùng... Màu hồng như tuổi con gái đầy ước mơ... Nhìn lên cổng trường với bảng hiệu 'Trường Nữ Trung Học Bùi Thị Xuân' tôi thấy lòng lâng lâng kèm theo niềm hạnh diện: bây giờ tôi đã là một trong những cô nữ sinh của ngôi trường công lập nữ nổi tiếng và duy nhất của thành phố Đalat.

Trong sân trường rộng lớn thênh thang, nhóm con gái mới vào chúng tôi ngỡ ngàng, e ấp, mở to cặp mắt nhìn từng nhóm nữ sinh khoác tay nhau nhỏ to chuyện trò, ngắm những nhóm bạn cũ gặp lại nhau sau kỳ hè cười đùa thật là vô tư, và tự nhủ lòng rồi không bao lâu mình sẽ hòa nhập vào đàn con gái dễ thương này."

...“Tôi còn nhớ phía sau nhà ông cai trường có một lối đi tắt ra đường Võ Tấn, khoảng đối diện với ngọn đồi cạnh trường Bồ Đề, nhưng phải chui qua hàng rào kẽm gai bao bọc quanh trường. Chỗ hàng rào kẽm gai này chắc được các bậc đàn chị dùng làm đường tắt mỗi khi 'cúp cua' đi chơi (xin lỗi các chị nha) nên không có cổng lắt, đủ để chúng tôi vén lên và chui qua. Sáng nào mà đi học trễ là chúng tôi phải dùng con đường tắt này, mới kịp để chạy ù vào sân xếp hàng vào lớp. Đôi khi vội vã, và không có 'đồng minh' vén hộ cho nhau hai hàng kẽm gai, chúng tôi bị rách vạt áo dài hay ống quần là thường..”



1971

Bản trường ca nhưng nhớ về “Đà Lạt những ngày tháng cũ” ghi lại đây có thể coi như bất tận. Mỗi người một vẻ! Đa số là những người hiện đang sống cuộc đời xa đất nước Việt và nặng lòng nhớ về Đà Lạt nơi quê hương cũ. Xin tạm chấm dứt ở đây bằng tâm sự của hai người “không xa xứ” viết về Đà Lạt, viết về cái thành phố ghi nhiều dấu ấn kỷ niệm của mình, đó là:

- nhà văn, nhà báo VĂN QUANG của thành phố Sài Gòn.
- nhà thơ VIỆT TRANG của thành phố Đà Lạt.

Văn Quang

Nhà văn, nhà báo VĂN QUANG viết về chuyến thăm lại Đà Lạt:
“Buổi sáng cuối tháng Chạp, 2003, chuyến xe đò khởi hành từ Sài Gòn đi Đà Lạt vào lúc 10 giờ sáng, tôi bắt đầu cuộc hành trình về hai thành phố du lịch nổi tiếng của miền Nam Việt Nam từ bao đời nay. Và đó cũng là nơi tôi gắn bó nhiều kỷ niệm nhất suốt một thời trai trẻ. Hơn 30 năm rồi tôi chưa có dịp trở lại, chuyến đi này như một kẻ đi tìm lại những vết tích xưa, những hình ảnh cũ, những chân trời xa tít tắp trong tận cùng tâm thức...

Suốt trong tháng cuối cùng của một năm nai lưng ra làm việc, khi quyết định kỳ nghỉ cuối năm này dành cho hai thành phố Đà Lạt và Nha Trang, tôi bỗng cảm thấy háo hức như chú bé ngày nào khi được mẹ tôi hứa cho về thăm quê ngoại. Hay là tôi đi tìm lấy sự háo hức, cố tạo một cái gì đó làm “nổi sóng” cho cuộc sống bớt tẻ nhạt, cho những ngày nghỉ cuối năm mang một chút thi vị đặc biệt làm “mới” lại cuộc đời mình. Đôi khi trong cuộc sống người ta phải tự đi tìm lấy cái ý nghĩa thường không có nghĩa của nó. Tôi chắc không ít bạn đã từng gặp trường hợp này khi quyết định cho mình một chuyến đi, về thăm quê hương cũ hoặc đến một nơi chốn có vương vấn ít nhiều kỷ niệm.

Thành phố của những chuyện tình.

Nói đến thành phố này có lẽ nhiều người thường nghĩ đến những tuần trăng mật, nơi của những cặp tình nhân, bởi xưa kia ở miền nam Việt Nam chỉ có thành phố này là quyến rũ hơn cả bởi cái lạnh cao nguyên, cái vẻ thơ mộng của những đồi núi với rừng thông bạt ngàn, những loài hoa rất đặc trưng như hoa hồng, mimosa, forget me not... và những thung lũng sương mù, hồ Than Thở với một chuyện tình bi thảm tưởng như bất tử, hồ Lâm Tuyên với vẻ tĩnh lặng làm quên cuộc đời... Đó là vẻ bề ngoài của Đà Lạt

quyển rũ lòng người.

Trong lòng Đà Lạt sau này còn thêm trường võ bị Đà Lạt, những phân khoa Đại học và vô số những trường lớp khác sản xuất ra những chàng trai và những cô gái xuất sắc tung cánh khắp bốn phương trời. Tất cả những con người đó ít hay nhiều cũng đã để lại ở Đà Lạt một phần 'trái tim' mình. Mỗi người một cách, mỗi người có chân trời Đà Lạt riêng của mình.

Tôi cũng không thoát ra ngoài cái tâm trạng 'bình thường mà rất đặc biệt' đó. Kỷ niệm thì quá nhiều, chẳng biết nói cái gì trước cái gì sau, cái gì nên và cái gì không nên bây giờ? Ngồi trên chuyến xe đò mà lòng dạ bồi hồi."

Tới Đà Lạt, VĂN QUANG viết lại chuyện mình lang thang dạo quanh trong thành phố cũ:

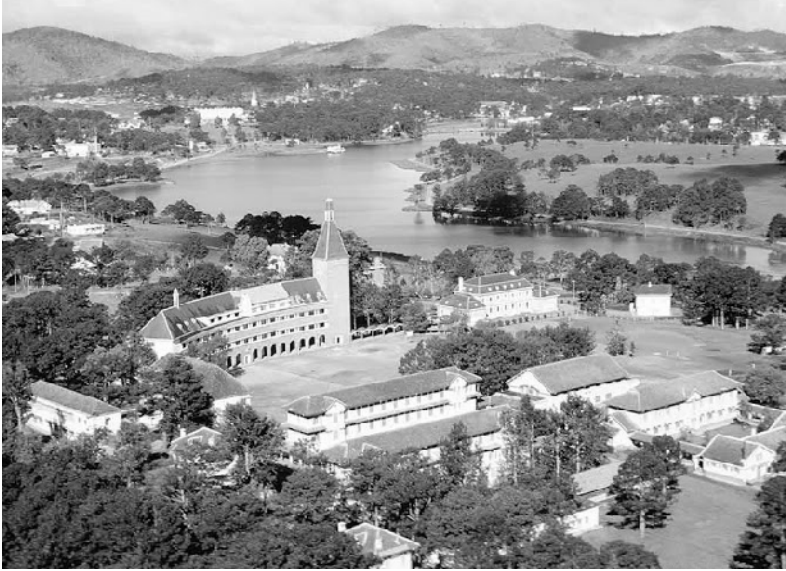
"Trở về khu trung tâm thành phố hầu như không có gì xảy ra, mọi ngày lại như mọi ngày.

Mấy chị bán bắp nướng, khoai lang, bánh căn, hạt dẻ vốn là những đặc sản của Đà Lạt và bạn chỉ ăn tại đây khi còn nóng hổi mới thấy hết được cái hương vị đặc biệt của nó. Tôi nhớ nhất là những gói hạt dẻ nóng hổi nằm trong túi áo, vừa đi đường 'dung dăng dung dề' vừa cắn từng hột để lộ vỏ, nhai từ từ vào hai cánh thịt dẻo quẹo mới tuyệt tác làm sao. Dù đi với một tên bạn trai hay một 'cô bạn gái' vẫn thấy 'lo lửng' như thường.

Những hình ảnh năm xưa hiện lên rõ nét hơn bao giờ hết. Đây là con đường dốc và bóng tối chập choạng, kia là vài căn nhà lưng chừng sườn đồi, đồ đến khu biệt thự muôn đời im lìm xưa cũ, vài cô thiếu nữ má đỏ hồng hồng, bước chân leo dốc khoẻ mạnh, cái đuôi tóc phát phơ... sao mà Đà Lạt thế không biết! Sao mà nhớ thế trời ạ!

Nếu bạn nào đã từng có một tuần trăng mật ở Đà Lạt với 'bà nhà' hay một chuyến đi nghỉ mát với một người tình nỗi nhớ sẽ nhân lên gấp nhiều lần. Hãy cứ lảng lạng mà cảm nhận trọn vẹn nỗi nhớ ấy cho riêng mình dù ngày nay bạn có đi với bất kỳ một ai khác không phải là người xưa. Tôi thấy với thành phố núi này như thế là quá đủ rồi, chẳng còn gì lưu luyến nữa đâu."





Việt Trang

Nói tới thơ văn tại thành phố Đà Lạt thời phải nhắc tới một nhà thơ xứ Huế được cảm tình yêu quý của hầu hết các bạn văn thơ xứ hoa anh đào. Đó là nhà thơ mang bút hiệu VIỆT TRANG, tên thật là Phạm Gia Triếp, sinh năm 1924, chánh quán Thừa Thiên, Huế. Chuyển vào sinh sống tại Đà Lạt, chọn nơi này làm quê hương thứ hai và cùng gia đình định cư luôn tại đây từ năm 1952 cho tới ngày nay. Hơn nửa thế kỷ!

VIỆT TRANG đã trải lòng mình theo bao dòng văn thơ lai láng và góp mặt trong suốt cuốn sách này ngay từ những trang đầu. Giờ đây chỉ ghi thêm ít tâm sự nữa của nhà thơ mà thôi! Sống mãi trên thành phố cao nguyên mộng mơ, yêu từng góc phố nhỏ đầy rêu phong, mến những lối mòn quanh quất um tùm cỏ dại hoặc con dốc “Nhà làng” đầy hoa trạng nguyên rực rỡ, nhất là con đường sỏi đá mang tên Trần Nhật Duật có ngôi nhà “gần như hoang dã” lưu dấu chân mình cùng gia đình từ buổi ban đầu cho tới nay, VIỆT TRANG cảm hứng viết “*Bài thơ gửi ngôi nhà số 8*”:

*“Mười chín năm hai
Vợ chồng tôi giữa tuổi hai mươi*

Ba con nhỏ dại, hai trai một gái
 Từ miền Trung xa ngái vào đây
 Đi tìm lẽ sống
 Lang thang từng tháng từng ngày,
 nhà thuê cửa mượn
 Lang thang như bóng người
 Do Thái ngày xưa
 Giây phút tình cờ.
 Tôi tìm gặp anh.
 Đứng im bất động cửa đóng tường phong
 Dưới chân hèm cụt ngang qua
 Không số không tên
 trên bản địa đồ của thành phố ngàn hoa
 Lối vào đầy cỏ
 Lốp rêu xanh mốc cả thềm nhà
 Bụi dã quỳ tựa làn tóc rối,
 thân gầy mệt lả trên mái ngói điêu hiu
 Đứng im bất động, cô đơn lưng dựa đồi hoang
 Anh chừng nghe thời gian gậm nhấm hình hài.”...

Những buổi đầu lập nghiệp tại Đà Lạt, với cuộc sống của một công chức tuy rất thanh đạm nhưng trong lòng đầy thanh thần và an nhiên, tự tại, VIỆT TRANG trải lòng mình thành những vần thơ tuy bình dị nhưng thanh cao, bài “Độc hành” kể chuyện đi làm của mình hằng ngày:

“Bình minh dù mưa hay nắng
 Tôi đi làm việc
 Cuốc bộ từ nhà đến số
 Đường dài hơn năm cây số
 Chân vui len qua xóm nhỏ chợ chiều
 Chào mấy bà bạn hàng họp nhau buổi sáng
 Bụng không dám điếm tâm
 Quán cóc lề đường
 Một tô phở lên hương
 Một khúc bánh mì hay ly cà phê thật đắng
 Xén mất nửa góc tiền lương hàng tháng
 Ba cọc một đồng”...

VIỆT TRANG làm thơ từ năm còn là học sinh. Tính cho tới nay không biết là đã mấy ngàn bài thơ, đủ mọi thể loại. Thích hưởng thú “xương họa” với bạn thơ. Đặc biệt là thơ Đường luật đầy ắp

hương vị nhân sinh, giăng mắc hoa vàng cỏ nội và tràn ngập những ước vọng:

*“Thơ mang thanh khí bay ngàn hướng
Ý chớ vẩn phong đến mọi miền.”*

Ái nữ nhà thơ là PHẠM MAI HƯƠNG kể chuyện lại về cái thú thơ văn của thân phụ mình:

“Bóng dáng gầy gầy một thi nhân, khi đêm đã dần khuya ngồi lặng bên bàn giấy, hí hoáy để ngày mai thích thú với bài thơ mới làm, mừng tượng như một bức tranh thủy mặc, dường như chỉ thay đổi chút ít ý lời theo thời gian.

Dẫu ở phương vị nào, ba chúng tôi quan niệm như người ngoài cuộc, đứng dưng với công danh phú quý, với phù phiếm, xa hoa giả tạo, dẫu rơi vào hoàn cảnh nào cũng vậy vẫn giữ gìn phong cách, nhân phẩm của mình. Trong đời thường, ngay tiền dẫn túi có cũng được, không cũng chẳng sao. Bao nhiêu năm đi làm chỉ biết cầm cây bút mà xem tựa như một cuộc dạo chơi...

Trong tâm hồn ba chúng tôi, canh cánh nỗi niềm xa quê, dẫu cố hương Huế chỉ cách Đà Lạt hơn một ngày đường xe, song không lúc nào người nỗi nhớ...”

MAI HƯƠNG nói thêm về việc định cư của gia đình mình:

“Đà Lạt quả là một thành phố giữa những đồi thông xanh nhấp nhô như sóng lượn, mang đậm nét Tây Phương, thanh lịch, có phong cảnh thiên nhiên mơ mộng đẹp xinh, có khí hậu mát lạnh hiền hòa, thật là một góc địa đàng thanh bình của đất nước. Và Đà Lạt mở rộng vòng tay nhân ái đón nhận gia đình ba mẹ tôi. Từ đó, ba tôi có công việc làm ăn đàng hoàng, cuộc sống gia đình được an bình và tương đối đầy đủ”...

“Gần 20 năm ở phương vị một trường cơ quan trước nhiều đổi thay, biến chuyển của xã hội và đón nhận được cảm tình kính mến của bạn hữu, của những người thân thuộc gần xa. Từ đó Đà Lạt thực sự trở thành quê hương thứ hai của gia đình chúng tôi. Đà Lạt đã níu giữ ba mẹ và chúng tôi mãi mãi rồi.”

Để giới thiệu về sự góp mặt của nhà thơ Việt Trang trong một tuyển tập văn thơ, cây viết NHƯ ANH đã phát biểu rằng:

“Trái tim anh Việt Trang hẳn cũng hân hoan khi chọn thành phố của núi rừng Đà Lạt để định cư. Quả là một duyên lành mới được ở nơi có phong cảnh thơ mộng, ngày ngày nghe tiếng chim rừng, tiếng suối reo, nhìn màu trắng tinh khôi của màn sương như tơ lụa

bọc đời cao. Nhìn màu xanh tươi của đất trời tô vẽ cỏ cây, làm tăng sức sống, tăng tuổi thọ. Phong cảnh ấy hẳn làm tâm hồn anh thanh thản, tĩnh tâm, quên lợi danh, sang giàu... Sương trong thơ anh rất đẹp, rất thực, chứ không phải ảo, hay ước lệ. Đó là tính ưu việt mà những nhà thơ khác không có. Dù không lãng mạn, nhưng thơ anh nhiều chất trữ tình, khiến người đọc dễ nhớ, dễ cảm, và cũng muốn thả hồn, thả bộ đến với Đà Lạt sương mù.”

Còn về phần mình thời VIỆT TRANG tâm sự với bạn bè:

“Xứ Huế miền Trung, cố hương của ta, khi mùa hè tới giọt nắng oi nồng, đậm đặc, thiên hạ ngóng đợi một thoáng mát của hai ngọn Nam Nôm giành nhau thổi lại. Dòng biếc sông Hương lượn lờ dưới cầu Tràng Tiền, mảnh mai như chiếc trâm cài suối tóc, ngàn thông xanh núi Ngự bất động thấp lên vạn nển hồng cháy sém cả làng An Cựu bình yên.

Còn Saigon, nắng tha hồ thiêu đốt cháy da, ngọt ngọt trong biển nóng. Những dòng xe, dòng người ngược xuôi như những dòng nước cuộn để trốn nắng, mặc dầu nắng đã núp trong vại cơn mưa hạ gần gũi bất chợt ập xuống:

“Nằm trên biển nóng Saigon
Mà nghe Dalat vẫn còn mưa sương.”

Riêng ở phố núi Cao Nguyên này, khi màn sương đêm vừa tan thì mặt trời ban mai cũng vừa choàng một lớp ánh sáng mỏng manh lên núi đồi, hoa cỏ, trái từng nhưng lưa lên khắp các nẻo đường, trong suốt như thủy tinh.

Trong khoảnh khắc lành lạnh đó, ta thỉnh thoảng rong bước dọc theo những đường phố quen thuộc mà chân không biết mệt, hay lặng lẽ ngồi một mình dưới thềm hiên nhà cũ rêu phong, nghe trong giọt mưa mùa hạ mừng tượng có giọt mưa thơ.”

Quyến luyến với Đà Lạt hơn nửa thế kỷ, chất chồng biết bao kỷ niệm đầy niềm thương nỗi nhớ, VIỆT TRANG đã từng thổ lộ:

“Dẫu mai này, như cánh gió ngàn phương, như bóng mây vạn lối, mảnh hồn ta xin nguyện chung thủy ở bên cạnh những người thân ruột thịt, bên cạnh bạn hữu thiết thân và với Đà Lạt mến thương, mà một thời đã dành cho ta biết bao nghĩa tình thâm sâu quý trọng.”

Theo quy luật “vô thường”, nhà thơ VIỆT TRANG cũng đã qua

đòi tại Đà Lạt ngày 24-07-2010. Hưởng thượng thọ 87 tuổi. An táng tại nghĩa trang Du Sinh Đà Lạt.

Quả đúng như những vần thơ mà nhà thơ từng đặt bút viết:

*“Trần gian là quán trọ
Tạo hóa lễ huyền vi
Thế nhân là lũ khách
Dừng lại rồi ra đi.”*

Và những lời chia tay với cõi trần gian trong bài *“Tạm Biệt”*:

*“Xin chào tất cả tôi đi
Nghĩ mình thân phận chim di một đời
Mây trời như sóng nổi trôi
Gió tha thiết mãi như lời từ ly
Xin chào, xin chào. Tôi đi.”*

Nhận được tin buồn, mọi người đều cùng nhớ lại hình ảnh Việt Trang, người bạn thơ cao niên, khả kính, thân thương. Biết nhà thơ xuất thân từ một gia đình Phật Giáo thuần thành xứ Huế nên TÂM MINH vội gửi về Đà Lạt mấy vần thơ tưởng nhớ:

*“Thế là người bỏ cuộc chơi
Trần gian quán trọ tạm dời bước chân,
Từ nay vắng bóng thi nhân
Đất trời Đà Lạt cạn nguồn thi ca,
Nàng Thơ nhỏ lệ xót xa,
Bạn thơ khắp cõi ta bà tiếc thương
Nhưng tâm nguyện chẳng vấn vương
Để người thanh thản tìm nương Phật Đà!”*

Bài thơ thứ hai là của thầy VIÊN THỨC và VIÊN NHƯ, hai tu sĩ Phật giáo chùa Linh Sơn Đà Lạt. Bài thơ có tiêu đề là *“Việt Trang Thi Hư”*:

*“Bức tranh Đà Lạt trong sương
Chiều hè âm đạm trầm hương tiễn người
Đất trời se lạnh vắng lời
Núi đùn mây bạc chơi vui xa mờ”*

Thêm một câu đối phúng điếu của một thân hữu là LAN HÌNH

(Nguyễn Ngọc Dĩnh) ghi là “*Canh Dàn niên, Quý Hạ nguyệt, Văn bối Nguyễn Lan Hình trang phúng*”:

*“Nhất đại thi nhân, tích cự Trà Sơn trân tuyết bút
Thiên thu đức vọng, tình hoài Thuận Hoá hương đan tâm.”*

Dịch nghĩa: (Ông) là nhà thơ của một thời (tôi) tiếc một nét thơ xưa nên trân trọng câu tuyết bút. Đức độ (của ông) còn mãi thiên thu (thương sao nét đan tâm (ông) vẫn luôn ôm ấp tấm lòng hướng về quê Huế cũ.

Nhà thơ TRẦN VĂN LỆ phỏng dịch thành bài thơ sau:

*Tôi xa Dalat, tôi xa người
Bác Việt Trang à, đây, Bác thôi
Nâng những bài thơ xưa Bác viết
Tưởng như ôm được Huế bên trời
Bác, lòng chỉ một lòng non nước
Tôi, dạ trăm bề mây khói trôi
Nay Bác gởi thân Dalat mãi
Tôi lòng như nước, nước xuôi xuôi.*



1960

Thay lời kết luận



Ngoài trời mưa vẫn rơi rả rích! Lửa hồng trong lò sưởi vẫn tiếp tục tỏa ra hơi nóng ấm áp. Hay phải chăng chính là những tình cảm nhung nhớ về Đà Lạt những ngày tháng cũ của khoảng hơn 150 người viết đã đem lại sự ấm áp cho tâm hồn người xa xứ?

Hãy nghe TRỊNH THANH THỦY khi ngắm nhìn thành phố cũ, thấy có quá nhiều thay đổi, mở lời tình cảm phát biểu:

“Bất cứ sự phát triển nào cũng có hai mặt tiêu và tích cực. Tuy nhiên, theo tôi dù cho Đà Lạt có thay đổi đến đâu đi nữa. Tâm thức hoài cổ của cư dân ngày cũ có vằng vặc cao vợi mấy tầng đi nữa. Tình mến yêu Đà Lạt của mọi người vẫn còn nguyên đấy. Chỉ cần một bức tranh, một bài hát, một nhắc nhở ân cần, tấm lòng người đi xa sẽ sẵn sàng quay lại để nhớ về và thương mến. Có lẽ Đà Lạt mãi mãi là bông hoa miền cao nở rộ trên triền đồi kỷ ức của những kẻ phải lưu vong xa xứ.”

Hãy nghe TẠ THỊ BÍCH THỦY ngâm ngợi kết luận:

“Sự thay đổi chỉ ở hình thức. Nhưng linh hồn Đà Lạt thì vẫn còn đó. Vẫn bàng bạc quanh đây. Nơi đầu đường góc phố. Bên tường cũ, nét sơn xưa. Làm sao em quên được một đoạn văn trong trong nhật ký đời mình: “Sau về hoạt náo của ngày, đêm đã trả lại cho Đà Lạt vẻ đẹp tự ngàn xưa. Như người con gái khuê các, sau bao thăng trầm vẫn giữ được cho mình một nét quý phái, phong lưu trường giả. Linh hồn Đà Lạt thì sẽ không bao giờ mất. Linh hồn Đà Lạt thì sẽ tồn tại cho đến thiên thu.”

KHÁNH LY trong “Bài Tình Ca Nhỏ” cũng từng dãi bày tâm sự:

“Cái thành phố đó nếu bạn đến một lần là sẽ nhớ mãi. Đến rồi không muốn rời đi. Đi rồi lại muốn trở lại. Nhưng đó là Đà Lạt của 40 năm về trước, một Đà Lạt hiền lành như ngô khoai, trong sạch đẹp để thơm như hoa hồng nhung, ngọt ngào như chuối La Ba và thủy chung như những hàng thông thẳng đứng suốt đời chỉ reo mãi một khúc nhạc hiền hòa.”

Còn VI KHUẾ thương nhớ thành phố Đà Lạt vô vàn cũng đã phải u buồn mà kết luận:

“Trên con đường tìm kiếm hạnh phúc, một thứ hạnh phúc tương đối mà con người có thể mưu cầu được cho mình, phải chăng với người dân Đà Lạt ngày nay, Đà Lạt ngày xưa đã là một thiên đường đánh mất?”

Niềm thương, nỗi nhớ Đà Lạt những ngày tháng cũ kể sao cho hết. Chất chùng biết bao kỷ niệm thân thương. Càng xa Đà Lạt lâu thời nỗi nhớ nhưng lại càng đậm đà... Hết nhớ người, nhớ cảnh lại nhớ đến tình... Tình với Đà Lạt mãi mãi chung thủy. Luôn luôn trọn vẹn. Hòa nhập cùng với tình người, tình thiên nhiên vạn vật, tình quê hương đất nước... Dù cho “vật đổi” nhưng lòng người chẳng dời thay!

Dù biết rằng Đà Lạt chỉ như một “*quán trọ*” ta tạm dừng chân trong dòng đời! Mà nghĩ cho cùng thời có lẽ cả cõi trần gian này cũng chỉ là một “*quán trọ*” trong vòng sinh tử luân hồi đầy mà thôi! Nhưng để ai mà đã “*thoát tục*” để xả đi mọi tình cảm, quên được những dấu ấn sâu đậm Đà Lạt xưa đã ghi khắc trong lòng người!

Mở đầu cuộc du hành trong giả tưởng về Đà Lạt ta đã thả hồn theo tiếng nhạc trong bản “*Ai lên xứ Hoa Đào*” của HOÀNG NGUYỄN và kế đó là bao điệu nhạc dập dìu của các nhạc sĩ khác. Bản nào cũng tha thiết tình cảm. Điệu nào cũng gọi thương gọi nhớ! Tình với Đà Lạt giàn trải cả trên đồi cao lẫn dưới lũng thấp. Chập chùng giữa núi rừng xa thẳm. Lững lờ trên mặt suối trong hồ lặng. Cuồn cuộn theo thác gieo nước bạc. Bềnh bồng với mưa giăng sương phủ. E ấp khắp hoa đồng cỏ nội... Để ngưng bước chân phiêu lãng về chốn cũ có lẽ thích hợp nhất là thay vào bằng bản nhạc đầy rung cảm có tiêu đề là “*Tình yêu như bóng mây*” của nhạc sĩ SONG NGỌC. Lời ca sĩ khẽ âm vang, thất thiết tha:

“Rồi mai tôi sẽ xa Đà Lạt. Thành phố này xin trả lại cho em. Ngàn thông buồn chiều nay im tiếng. Ngôi giáo đường lặng đứng suy tư.

Rồi mai tôi sẽ xa Đà Lạt. Đồi núi buồn xin gửi lại cho em. Và con đường mù sương giăng mắc. Hai đũa hôm nào lạnh buốt trong tình yêu.

Rồi mai tôi sẽ xa. Tình yêu như bóng mây. Tình yêu cơn gió bay... hương thời gian phai. Rồi mai tôi cố quên. Người đi như bóng chim. Người đi đâu để quên kỷ niệm đau thêm.

Rồi mai tôi sẽ xa Đà Lạt. Thành phố chiều sương khói buồn riêng em. Còn bao điều sao em không nói? Tôi cúi đầu từ giã Đà Lạt ơi.”

Nhạc bản “*Tình yêu như bóng mây*” mãi âm vang trong lòng người Đà Lạt ở khắp bốn phương trời. Xin cúi đầu ngậm ngùi hát theo: “Giờ đây tôi đã xa Đà Lạt. Thành phố này xin trả lại cho em...”. Đà Lạt ơi! Dù ta không còn được sống trên mảnh đất Đà Lạt chẳng nữa nhưng có một điều chắc chắn là Đà Lạt mãi mãi vẫn còn sống trong ta, trong trái tim bao người xa xứ!

Tình người Phố Núi

Đà Lạt mộng mơ đẹp tuyệt vời
Thương về đồi núi khuất trùng khơi,
Trao niềm nhung nhớ theo mây nổi
Buông nổi ngậm ngùi với lá rơi
Văng vẳng tiếng xưa nguồn thác bạc
Chập chờn dáng cũ rặng đào tươi
Chát chùng kỷ niệm lòng ly khách
Cho gửi chút tình Phố Núi ơi!

Tâm Minh Ngô Tằng Giao



Tài liệu tham khảo



- ALAN PHAN, “Ai lên xứ hoa đào” & “L’Eau Vive”.
- BÁC MÙ, “Đạo Phật trong tâm hồn tôi”.
- BÍCH ĐÀO, “Thương tiếc Lê Uyên Phương.”
(Đặc San Xuân 2000, Hội Thân Hữu Đà Lạt Nam Cali, USA).
- BÙI BÍCH HÀ, “Đalat trong kỷ niệm”
(Đà Lạt Giai Phẩm Xuân Giáp Tuất, VA, USA, 1994).
- CAO HỮU ĐẠT, “Đà Lạt trong ký ức tuổi thơ”.
- CAO NGUYỄN, “Đà Lạt và hoa tuyết bay”.
- CẦU ĐẤT
- CHRISTIANE ĐINH BẠCH NGA, “Nhớ trường xưa”
(Tiếng Sông Hương, TX, USA, 1999).
- CHỮ BÁ ANH, “Tưởng nhớ về Đalat nhân dịp 100 năm
thành lập thành phố này” (Phụ Nữ Diễn Đàn, số 107, 12/1992).
- CHỮ NHỊ ANH “Những con đường ký ức thời Văn Học”.
- CHỮ TƯ ANH, “Đoản khúc cho Ba”.
- CÔ BÉ QUÀNG KHẮN ĐỎ, “Một thời để nhớ”.
- DƯƠNG TẤN HẢI, “Những con ma trên Đà Lạt”.
- ĐÀO THỊ AN “Đà Lạt, nỗi nhớ tháng ba”.
- ĐINH CƯỜNG, “Mùa Đông ngắm Đà Lạt trong nỗi nhớ”
(Thế thao Văn Hóa VN, 11-2013)
- ĐINH LANG (ĐINH TIẾN DŨNG), “Đà Lạt và cuộc đời tôi”
(Dallas, TX, USA, 3/2004).
- ĐINH VĂN CỬ, “Lính và những lần Tết sắc tộc”
(Đa Hiệu, số 26, CA, USA, 2/1992).
- ĐỖ VĂN, “Xứ hoa đào 40 năm về trước”
(Đà Lạt Giai Phẩm Xuân Giáp Tuất, VA, USA, 1994).
- FORGET-ME-NOT, “Đà Lạt trong nỗi nhớ” & “Trường xưa”.
- HÀ BÌNH TRUNG,
“Nhớ về Đà Lạt” (Dấu Chân Viễn Khách, Thơ, VA, USA, 1995).
“Trở về Đà Lạt thương yêu”
(Ngân Dặm Thương Yêu, Thơ, VA, USA, 1999).
“Đà Lạt xa xưa...” (Thuyền Trắng, Thơ, VA, USA, 2001).
- HẢI THANH, “Chùa Linh Sơn Đà Lạt”.
- HẢI VÂN, “Trăm tư Đà Lạt” & “Thôn chè Cầu Đất và cà phê
Tùng” (Tạp Văn Thành Đạo, Giáo Hội PGVN, số 19, 1991).

- HÀNG NGỌC HÂN, “Chuyện về Khánh, ‘Vòng tay nào cho em?’”
(Đặc san Bùi Thị Xuân - Đà Lạt, Houston, TX, USA, 3/2001).
- HOÀNG TRỌNG HÂN, “Đường như là phép lạ”
(Uống Nước Nhớ Nguồn, Tuyển tập văn, CA, USA, 1987-1988).
- HOÀNG ĐỨC, “Đà Lạt chất ngất bao kỷ niệm”.
- HỒNG BẢO, “Đà Lạt xa xưa” (Kỷ Nguyên Mới, số 12, 9/2001).
- HỒNG LIẾN, “Đà Lạt, một buổi chiều tàn”
(Đà Lạt Tưởng Niệm Dưới Mặt Đất, CA, USA, 1985).
- HỒNG THỦY, “Nhớ Đà Lạt” (Kỷ Nguyên Mới, số 43, 4/2004).
- HUYỀN KHÔNG, “Đà Lạt nghìn trùng”
(Đà Lạt Tưởng Niệm Dưới Mặt Đất, CA, USA, 1985).
- HUY PHƯƠNG, “Tập ghi”.
- HUỖNH SƠN, “Nhớ Đà Lạt”.
- HỮU NGUYỄN
- HỮA HOÀNH, “Sự hình thành và phát triển thành phố Đà Lạt”
(Làng Văn, số 130, Toronto, Canada, 6/1995).
“Đà Lạt, khung trời kỷ niệm”
(Đà Lạt Giai Phẩm Xuân Giáp Tuất, VA, USA, 1994).
- KHÁNH GIANG, “Đà Lạt với du khách” (Thời Nay, SG, 1959).
- KHÁNH LY,
“Một nơi để nhớ” (Đà Lạt Tưởng Niệm Dưới Mặt Đất, CA, 1985).
“Đà Lạt... nhớ” (Đặc San BTX –THĐ Đà Lạt, CA, USA, 1999).
“Bên đời hiu quạnh” (The Official Site Of Khanh Ly).
“Thuở ấy mưa hồng” (DVD).
“Hôm nay thức dậy” (Thời Báo số 7, CA, USA, ngày 2-8-1991).
- KHƯƠNG HỮU ĐIỀU, “Hoài ức: Đà Lạt và Lycée Yersin”
- KIÊM THÊM, “Đà Lạt, niềm thương, nỗi nhớ”
(Đà Lạt Tưởng Niệm Dưới Mặt Đất, CA, USA, 1985).
- KIM THANH, “Đá nát, vàng phai kỷ niệm”.
- LẠI VĂN LONG, “Đà Lạt, tuổi thơ không quên”.
- LÂM THÚY, “Đà Lạt, của người nghìn thu”
(Còn nguyên nỗi ngậm ngùi, Thơ, MD, USA, 2000).
- LÊ NGỌC TRÙNG DƯƠNG
- LÊ QUỲNH MAI, “Nhân 45 năm ngày mất của Nhất Linh - Phòng
vấn nhà văn Nguyễn Tường Thiết
(Hợp Lưu số tháng 7 & 8, CA, USA, năm 2008).
- LÊ TRIỀU PHƯƠNG, “Hương thơ Quách Tấn”.
- LÊ UYÊN PHƯƠNG,
“Âm nhạc từ thiên đường”
(Đặc San Bùi Thị Xuân-Trần Hưng Đạo Đà Lạt, CA, USA, 1999).
“Tuổi nhỏ, những cây đàn và Đà Lạt”
(Đà Lạt - Giai Phẩm Xuân Giáp Tuất 94, Bắc Cali, USA, 1994).

- “Không có mây trên thành phố Los Angeles”
(Nhà Xuất Bản Tân Thư, CA, USA, 1990).
- LÊ VĂN PHÚC, “Tán đào” (Văn Nghệ Tiền Phong, số 615, 2001) & “Mùa xuân dưới dốc Nhà Bò”.
 - LỆ HẰNG, “Thung Lũng Tình Yêu” (Truyện dài, SG, VN, 1972).
 - MAI THÁI LĨNH, “Kỷ niệm...”
 - MẠNH ĐANG, “Ký ức Đà Lạt, dư âm & dư hương” (3-2014).
 - MIẾN DU ĐÀ LẠT, Thơ, “Đà Lạt buồn ơi”, “Người em Bùi Thị...”, “Đà Lạt chờ nhau trong mơ” & “Đà Lạt như áng mây trôi”.
 - MINH VŨ HỒ VĂN CHÂM, “Đà Lạt trong ký ức tôi”.
 - MINH NGỘ NGUYỄN THÁI HAI, “Đà Lạt và người xưa”.
 - NGHIÊU MINH, Thơ, “Bao nhiêu năm mới có ngày này”, “Đà Lạt của người tôi yêu” & “Tháng Tư dương đào”.
 - NGỌC GIAO, “Đà Lạt... mùa hoa” (Đa Hiệu, số 40, 10/1995).
 - NGÔ TĂNG GIAO (TÂM MINH)
“Bài thơ cuối cùng cho Đà Lạt”
(Đặc san Hội Ái Hữu Đại Học Đà Lạt, Houston, TX, USA, 1998).
“Thương về Đà Lạt xa xưa” (Kỷ Nguyên Mới, số 1, VA, 10/2000).
“Nhớ thương Đà Lạt mù sương” (Kỷ Nguyên Mới, số 25, 2002).
“Đà Lạt nguồn thơ”
(Bên Này Nỗi Nhớ, Đặc san Thụ Nhân, Hội Ái Hữu Cựu Sinh Viên Viện Đại Học Đà Lạt - TX, USA, Thu/2004).
“Đà Lạt trong kỷ niệm”
(Cỏ Thơm, số 28, 29 và 30, VA, USA, 2004 và 2005).
“Đà Lạt tình buồn” (Đặc san Bùi Thị Xuân và Trần Hưng Đạo Vùng Hoa Thịnh Đốn, USA, số mùa Xuân 2005).
“Bóng dáng Đà Lạt trong nhạc Nguyễn Đức Nam”
(Kỷ Nguyên Mới, số 83, VA, USA, 9/2007).
“Đà Lạt, thành phố ngàn hoa”
(Đường Thông Năng Tĩnh, Đặc san Thụ Nhân, Hội Ái Hữu Cựu Sinh Viên Viện Đại Học Đà Lạt, TX, USA, 2008).
“Bóng dáng Đà Lạt trong thơ Nhất Tuấn” (Cỏ Thơm, số 52, 2010)
 - NGÔ XUÂN HẬU, “Đà Lạt trong sương”
(Đà Lạt Tưởng Niệm Dưới Mặt Đất, CA, USA, 1985).
 - NGUYỄN ĐẠT, “Tìm lại cà phê Domino Đà Lạt”.
 - NGUYỄN ANH TUẤN,
“Khúc giao cảm giữa tâm thức của bi kịch và đỉnh núi hoang vu”
(Đà Lạt Tưởng Niệm Dưới Mặt Đất, CA, USA, 1985).
 - NGUYỄN BÁ TRẠC, “Ngọn cỏ bông, Toàn tập”, (CA, USA, 1999).
 - NGUYỄN CÚC, “Notre Dame des Oiseaux”
(Tiếng Sông Hương, TX, USA, 1999).
 - NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG, “Đà Lạt mấy ngày đầu tháng tư 75”.

- NGUYỄN ĐỨC NAM,
“Mưa trên thung lũng hồng” (Ngày Mai, VA, USA, 1996).
- NGUYỄN HỮU TRANH, “Đà Lạt năm xưa”.
- NGUYỄN MẠNH TRINH,
“Tháng bảy, không có mây trên thành phố Los Angeles”
(Tạp ghi văn nghệ, Hoa Thịnh Đốn Việt báo, USA, 6-7-2007).
“Đà Lạt, ma túy tình yêu và Lê Uyên Phương...”
(Tạp ghi văn nghệ, Hoa Thịnh Đốn Việt báo, USA, 9-7-2009).
“Lệ Khánh, Em là gái trời bắt xấu”
- NGUYỄN MINH TÂM, “Sơ lược về trường Bùi Thị Xuân”
(Tiếng Sông Hương, TX, USA, 1999).
- NGUYỄN NGỌC CHÍNH, “Hồi ức một đời người”.
- NGUYỄN NHÂN BẰNG, “Sơ lược về trường Trần Hưng Đạo Đà Lạt” (Tiếng Sông Hương, TX, USA, 1999).
- NGUYỄN QUANG TUYẾN, “Nhớ mì Quảng Đà Lạt”.
- NGUYỄN QUÍ NHƠN, “Nhật cánh hoa rừng bên thác Datanla”
(Thụ Nhân, Đặc san Paris, Pháp, 1999).
“Khá Cà hay một nét thương nhớ Dalat trong tim tôi”.
- NGUYỄN SỸ TẾ, “Nhớ về cô Linh Mục Nguyễn Văn Lập, nguyên viện trưởng Viện Đại Học Dalat xưa”
(Trường Niệm Đức Ông Nguyễn Văn Lập, ĐH Dalat, 2002).
- NGUYỄN TÁNH, “Hãy để tất cả thế giới bị tiêu diệt và chỉ xin chữa lại Đà Lạt” (Đà Lạt Trường Niệm Dưới Mặt Đất, CA, 1985).
- NGUYỄN THỊ HÀM ANH
(Sóng Thần, Giai Phẩm Xuân Quý Mùi, VA, USA, 2003).
- NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG (Virginia, USA)
“Vòng tay vĩnh biệt” (Sài Gòn Nhớ Mưa Thương, VA, 1996 & Phượng Vĩ Nở Bên Trời Hà Nội, VA, 1998).
“Đường chiều Đà Lạt” & “Bên hồ Than Thở”
(Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời, VA, USA, 1999).
- NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG (Vancouver, Canada),
“Đà Lạt, nhớ”.
- NGUYỄN TƯỜNG THIẾT, “Nhất Linh và Đà Lạt”
(Giai Phẩm Xuân Giáp Tuất 94, Đà Lạt Bắc Cali, USA, 1994).
“Chai rượu khai xuân” (2009).
- NGUYỄN VĂN BA, “Đà Lạt qua tem thư”
(Việt Nam, CA, USA, số 3398 ngày 12, 11/1999).
- NGUYỄN VĂN HUY, “Đà Lạt, một trăm năm sau nhìn lại”
(Diễn Đàn Phụ Nữ, số 189-191, CA, USA, 1999-2000).
- NGUYỄN VĂN LỤC, “Nam Phương Hoàng Hậu”.
- NGUYỄN VŨ, “Bài thánh ca buồn”.

- NGUYỄN XUÂN HOÀNG, “Đalat khi tôi vừa mới lớn”
(Đà Lạt Giai Phẩm Xuân Giáp Tuất, VA, USA, 1994).
“Giáng sinh hãy chờ” (Đặc San Hội Ái Hữu Bùi Thị Xuân - Trần Hưng Đạo Đà Lạt, CA, USA, 1999).
- NGUYỄN XUÂN THIỆP, “Những ngày Đà Lạt”
(Đặc San Bùi Thị Xuân Đà Lạt, Houston, TX, USA, 2001).
“Tán mạn bên tách Cà Phê” (Trẻ Magazine, 2012).
- NGUY THUYẾT, “Đà Lạt (Đào Thoát, tập truyện, CA, USA, 1998).
- NHẤT TUẤN, “Truyện chứng minh”
(Khai Trí tái bản, SG, VN, 1964).
- NINA, “Anh Lộc của tôi” (Tiếng Sông Hương, TX, USA, 1999).
- PHẠM CAO HOÀNG, “Mơ cùng tôi giấc mơ Đà Lạt” (VA 2013).
- PHẠM CÔNG THIÊN, “Đà Lạt, tưởng niệm dưới mặt đất”
(Đà Lạt Tưởng Niệm Dưới Mặt Đất, CA, USA, 1985).
- PHẠM DUY, “Hồi Ký” (Hồi Ký 1, Thời thơ ấu - Vào đời).
- PHẠM MAI HƯƠNG, “Thảnh thơi cõi đời” & “Âm dương mờ ảo”.
- PHẠM MAI TRANG, “Đà Lạt, tôi và kỷ niệm”.
- PHẠM TÍN AN NINH “Đà Lạt trời mưa”.
- PHẠM, T.M. “Đà Lạt, như một đóm than hồng”
(Ở Một Nơi Nào, CA, USA, 1995).
- PHẠM VIỆT TRANG, “Tâm tình với Dalat” (Đặc San Hội Ái Hữu Bùi Thị Xuân - Trần Hưng Đạo Đà Lạt, CA, USA, 1999).
- PHẠM XUÂN ĐÀI, “Những năm thật là tươi đẹp ở Đà Lạt”
(Đặc San Xuân 2000, Hội Thân Hữu Đà Lạt Nam Cali, CA, USA).
- PHAN NGHỀ, “Đà Lạt trong ký ức tôi”
(Giai Phẩm Xuân Giáp Tuất 94, Đà Lạt Bắc Cali, USA, 1994).
- PHAN THÁI, “Đà Lạt”, Thơ (Tài liệu riêng).
- PHONG VŨ, “Đà Lạt tình ca”, “Xuân Hương hồ mộng” & “Nghĩ về Đà Lạt” (Cõi Thơ Trường Mộng, Thơ, Canada, 2001).
- QUANG (GIÀ CƠ), “Đà Lạt trong trái tim tôi”.
- QUÁCH TẤN, (Quách Giao sưu tầm và biên soạn)
“Bóng Ngày Qua” (Nhà XB Văn Nghệ TP. HCM, VN, 2000).
- QUẢN THUY HOÀI, “Bài thơ hoa cho em”.
- QUỲNH ANH, “Vàng trắng kỷ niệm” & “Giấc mơ hoa”
(Tình Trong Cõi Mộng, Thơ, VA, USA, 1998).
“Đà Lạt trong mơ” (Văn Tập, số 4, Ottawa, Canada, 2001).
- TẠ THỊ BÍCH THỦY, “Đalat trong trái tim tôi”.
- TÂM ĐẠT, “Tôi đi bay”
(Đặc San Kỷ Yếu Trưng Vương Hoa Thịnh Đốn, USA, 2003).
- THẢO CHI, Thơ, “Trang nhật ký cho Đà Lạt”.
- THẨM ĐIỂM HOA, “Dalat lontan”.
- THIÊN HƯƠNG, “Đà Lạt, những hương vị khó quên” (5/2010).

- THỦY TRÚC, “Đà Lạt” (Kỷ Nguyên Mới, số 51, VA, 12/2004).
- TÔN THẤT AN CỰU, “Nam Phương Hoàng Hậu, Bà Hoàng Hậu cuối cùng của triều Nguyễn” (Kỷ Nguyên Mới, số 59, VA, USA, 8/2005).
- TRẦN CAO LĨNH, “Cao nguyên miền Nam thông xanh suối bạc” (Vietnam Quê Hương Muôn Thuở, Gif Sur Yvette, Pháp, 1988).
- TRẦN ĐẠI BẰN, “Văn Học, Đà Lạt và quê hương”.
- TRẦN MỘNG TÚ, “Đường cũ” (Đặc San Xuân 2000, Hội Thân Hữu Đà Lạt Nam Cali, USA).
- TRẦN NGỌC TOÀN, “Đà Lạt xưa và nay” (Tuần báo Đời Nay, Xuân Quý Mùi, VA, USA, 2003).
- TRẦN THỊ DIỆU TÂM, “Nhớ ngày di tản”.
- TRẦN THỊ XUÂN LAN, “Thư của Xuân Lan Trần Thị viết từ Hoa Thịnh Đốn gửi cho người em gái ở Đà Lạt” (Đà Lạt Giai Phẩm Xuân Giáp Tuất, VA, USA, 1994).
- TRẦN UYÊN THI, “Nhân đọc hai bài thơ về một thành phố mù sương.” (Virginia, USA, 2007-2008).
- TRẦN VĂN LỆ, “Hãy giết tôi đi để tôi quên Đà Lạt” (Diễn Đàn Thanh Niên, CA, USA, 1991). “Đà Lạt ơi”, “Đà Lạt buồn ơi” & “Hỏi âm sương” (Thơ).
- TRỊNH CÔNG SƠN, Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.
- TRỊNH THANH THỦY “Đà Lạt và giấc mộng Tây phương của tôi”.
- TRỌNG LỄ, “Nhớ về Đà Lạt” (Đặc San Hội Người Việt Cao Niên Vùng HTĐ, Xuân 2002).
- TRÚC TIÊN, “Sông Vân thi thảo”, VA, USA, 1999.
- TRƯƠNG TOÀN, “Chuyện cũ thầy xưa” (Đà Lạt Giai Phẩm Xuân Giáp Tuất, VA, USA, 1994).
- TRƯỜNG KỶ, “Tuyển Tập Nghệ Sĩ”
- TUẤN HUY, “Đôi Hương trong trí tưởng” (Đà Lạt Tưởng Niệm Dưới Mặt Đất, CA, USA, 1985).
- TỬ KẾ TƯỜNG, “Kỷ niệm về một con đường”.
- TUỆ NGA, “Từ giòng sông trắng”, CA, USA, 2005.
- TUYẾT HỒNG, “Hồi ký”.
- VĂN QUANG, “Đà Lạt xưa và nay” (Vietmercury, số 259 ngày 9, 1/2004).
- VI KHUÊ, “Viếng mộ thi nhân Hàn Mặc Tử” (Nguyệt san Kỷ Nguyên Mới, số 100, VA, USA, 4/2009).
- VI KHUÊ & CHỮ BÁ ANH, “Lịch sử một thiên đàng đánh mất” (Đà Lạt Tưởng Niệm Dưới Mặt Đất, CA, USA, 1985).
- VI SAO, “Nhớ về Đà-Lạt” (Tuần Báo Phố Nhỏ, số 220, VA, USA, ngày 30, 10/1992).

- VIÊN THỨC, “Zen Poetry”, Tập thơ (Tài liệu riêng).
- VIÊN TRÍ, “Đỉnh núi thiêng chim hót” (Nhật cánh vô ưu, Hà Nội, VN, 2005).
- VIỆT TRANG, Thơ và Bài viết (Tài liệu riêng).
- VŨ CHƯỜNG, “Tiểu sử Thục Vũ” (Đặc Trưng).
- VŨ LÂM, “Hình ảnh Đà Lạt trước năm 1975” & “Câu chuyện về đường xe lửa Đà Lạt” (Đặc san Đà Lạt 2009, Hội cựu SVSQ trường VBQGVN, San Diego, USA).
- YÊN HÀ, “Đà Lạt trăm tuổi” (Thế Kỷ 21, CA, USA, 9/1993).

*

- PETIT GUIDE ILLUSTRÉ DE DALAT INDOCHINE FRANCAISE (1930).
- ĐÀ LẠT TƯỞNG NIỆM DƯỚI MẶT ĐẤT 1985, CA, USA, (Nhà xuất bản Thuận Hóa).
- ĐÀ LẠT GIAI PHẪM XUÂN GIÁP TUẤT, 1994, VA, USA.
- ĐÀ LẠT GIAI PHẪM XUÂN GIÁP TUẤT, 1994, CA, USA.
- ĐẶC SAN XUÂN 2000, CA, USA (Hội ái hữu cựu học sinh Bùi Thị Xuân & Trần Hưng Đạo Dalat).
- TIẾNG SÔNG HƯƠNG, 1999, TX, USA.
- ĐÀ LẠT THIÊN ĐƯỜNG DU LỊCH (Mạnh Thường biên soạn) (Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, VN, 2000).
- ĐÀ LẠT NĂM XƯA (Nguyễn Hữu Tranh biên soạn, VN, 2003).
- WEBSITE ĐẶC TRƯNG: dactrung.com

*

Mục Lục

THAY LỜI NÓI ĐẦU

AI LÊN XỨ HOA ĐÀO (1)

- ĐÀ LẠT TRƯỚC 1975 VÀ BÁC SĨ YERSIN.....2
- CAO NGUYỄN LANG BIANG VÀ HUYỀN THOẠI.....13
(Étienne Tardif, Gabrielle M. Vassal, P. Duclaux,
Le Chemineau, Ngọc Giao, Hoàng Anh Tuấn)
- BỘ TỘC LẠCH VÀ CHILL22
(Nguyễn Hữu Tranh, Étienne Tardif)
- THỦ RỪNG ĐÀ LẠT.....26
(Yersin, Nguyễn Hữu Tranh, A. D'André, P. Duclaux)
- NHÀ ĐỒNG BÀO THƯỢNG28
(Nguyễn Văn Ba)
- BÓNG DÁNG NGƯỜI THƯỢNG.....30
(Ngự Thuyết, Vi Sao, Phan Nghè, Trần Cao Lĩnh,
Alan Phan, Đinh Văn Cử)
- CON NGƯỜI ĐÀ LẠT.....35
(J.J. Vassal, Khánh Giang, Nguyễn Văn Huy, Trần Cao Lĩnh,
Nguyễn Anh Tuấn, Kiên Thêm, Khánh Ly, Việt Trang)
- ĐÀ LẠT BÓN MÙA.....40
(Việt Trang, Sư Viên Thức, Tâm Minh, Văn Trí & Hoàng Lang)
- LÊN ĐÀ LẠT BẰNG ĐƯỜNG SẮT.....44
(Nguyễn Ngọc Chính, Minh Vũ Hồ Văn Châm, Quang Già Cơ,
Hồng Thủy, Nguyễn Xuân Thiệp, Trần Văn Lệ)
- LÊN ĐÀ LẠT BẰNG ĐƯỜNG BỘ.....51
(Hứa Hoàn, Hải Vân, Từ Kế Tường, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Trúc Tiên, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Ngọc Chính)
- LÊN ĐÀ LẠT BẰNG MÁY BAY57
(Hoàng Xuân Hân, Ngự Thuyết, Minh Vũ Hồ Văn Châm,
Tâm Đạt, Huy Phương, Khánh Ly, Lê Ngọc Trùng Dương)
- ĐẠO QUANH ĐÀ LẠT MỘT VÒNG.....63
(Minh Ngộ Nguyễn Thái Hai, Trần Ngọc Toàn, Vi Khuê,
Cao Hữu Đạt, Việt Trang)
- THEO BƯỚC CHÂN RONG RÊU.....74
(Khánh Ly, Vi Sao, Alan Phan, Nguyễn Xuân Thiệp,
Trần Đại Bản, Thủy Trúc, Nguyễn Ngọc Chính, Nguyễn Đạt,
Thiên Hương, Nguyễn Quang Tuyền, Phạm Mai Hương,
Quách Tấn, Hàn Mặc Tử, Trụ Vũ)

- BỨC TRANH THỦY MẠC.....	90
<i>(Quách Tấn, Khánh Giang, Trúc Tiên, Lê Uyên Phương, Phan Thái, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Lam Phương, Nguyễn Sỹ Tế, Cam Lĩnh, Việt Trang, Lan Hinh, Tâm Minh, Trần Văn Lệ, Túy Hồng)</i>	
- BÓNG CHIẾC XE LAM.....	100
<i>(Nam Giao)</i>	
- TIẾNG XE THỔ MỘ.....	101
<i>(Lại Văn Long, Quách Tấn, Hàn Mặc Tử, Cam Lĩnh)</i>	
- ĐÔI CAO LŨNG THẤP THÔNG NGÀN.....	104
<i>(P. Munier, Hoàng Xuân Hãn, Nhất Tuấn, Vũ Đức Nghiêm, Tâm Minh, Hà Bình Trung, Trần Cao Lĩnh, Quách Tấn và Hàn Mặc Tử, Mạnh Đăng, Phạm Mạnh Cương, Trường Kỳ, Cam Lĩnh, Lệ Hằng)</i>	
- SUỐI TRONG HỒ LẠNG.....	113
<i>(Thanh Tuyền, Trường Kỳ, Minh Kỳ và Dạ Cẩm, Khánh Ly, Quách Tấn và Hàn Mặc Tử, Cam Lĩnh, Phong Vũ, Việt Trang, Trúc Chi, Trúc Tiên, Tô Giang Tử, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Sư Huyền Không, Hồng Vân, Lê Uyên Phương, Nguyễn Ngọc Chính, Lệ Hằng)</i>	
- THẮC GIỀM NƯỚC BẠC.....	126
<i>(Hứa Hoàn, Quách Tấn và Hàn Mặc Tử, Cam Lĩnh, Việt Trang, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Quý Nhơn)</i>	
- MƯA GIĂNG SƯƠNG PHỦ.....	133
<i>(Vi Khuê, Quách Tấn và Hàn Mặc Tử, Việt Trang, Đức Huy, Nguyễn Xuân Thiệp, Phạm Tín An Ninh, Tâm Minh, Tuyền Sơn, Huệ Thu, Nhất Tuấn, Tuệ Nga, Lê Triều Phương, Trần Uyên Thị, Trần Cao Lĩnh, Ngô Xuân Hậu, Minh Kỳ & Dạ Cẩm, Vũ Thành An)</i>	
- TRĂNG SAO ĐẪM ĐUỐI.....	148
<i>(Quách Tấn và Hàn Mặc Tử, Hà Xuân Tế, Hải Linh, Trần Uyên Thị, Quách Giao)</i>	
- THÀNH PHỐ NGÀN HOA.....	152
<i>(P. Munier, Hoàng Anh Tuấn, Quách Tấn, Tâm Minh, Huệ Thu, Trần Mộng Tú, Tuệ Nga, Phong Vũ, Nguyễn Bá Trạc, Nhất Tuấn, Quán Thụy Hoài, Thiên Hương)</i>	
- HOA ĐÀO ĐÀ LẠT.....	161
<i>(Vi Khuê, Tâm Minh, Ngự Thuyết, Quỳnh Anh, Nguyễn Tường Giang, Phong Vũ)</i>	
- AI LÊN XỨ HOA ĐÀO.....	166
<i>(Vương Trùng Dương, Hoàng Nguyên, Nguyễn Ánh 9)</i>	

- EM LÀ GÁI TRỜI BẮT XẤU.....171
(Lệ Khánh, Nguyễn Mạnh Trinh, Hàng Ngọc Hân,
Nguyễn Thị Hàm Anh, Vũ Chương, Thục Vũ)
- TRUYỆN CHÚNG MÌNH.....178
(Nhất Tuấn)
- THÀNH PHỐ VĂN HÓA.....184
(Vi Khuê, Từ Kế Tường, Việt Trang, Nguyễn Minh Tâm,
Huệ Thu, Miên Du Đà Lạt, Trần Văn Lệ, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Kiêm Thêm, Nghiêu Minh, Nguyễn Nhân Bằng, Từ Công Phụng,
Nguyễn Ngọc Chính, Trần Đại Bản, Mai Thái Lĩnh,
Trần Ngọc Toàn, Trương Toàn, Hoàng Đức, Nguyễn Cúc,
Christiane Đinh Bạch Nga)
- CHUÔNG VỌNG TRẦN GIAN.....203
(Tâm Minh, Nhất Tuấn, Nguyễn Ngọc Chính, Nguyễn Vũ,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Lệ Khánh, Sư Viên Trí, Bác Mù,
Bửu Ân & Nguyễn Đình Tuân)
- CHÚT DUYÊN VĂN NGHỆ.....217
(Sư Tâm Ngộ, Hứa Hoành, Sư Viên Ngộ Lê Trung Trang Nishio,
Phạm Mai Hương, Tâm Minh, Việt Trang, Sư Viên Thức,
Thắm Diễm Hoa)
- CÁC DINH THỰ.....223
(Hứa Hoành)
- VUA BẢO ĐẠI VÀ HOÀNG HẬU NAM PHƯƠNG.....226
(Tôn Thất An Cựu, Bảo Đại, Nam Phương, Nguyễn Văn Lục)
- ĐÀ LẠT ĐẦU THÁNG TƯ 1975.....233
(Mạnh Đăng, Trần Thị Diệu Tâm, Nguyễn Đình Cường)

TÌNH YÊU NHƯ BÓNG MÂY (239)

- Khánh Giang (240) Sư Huyền Không (241) Huệ Thu (242)
- Lê Uyên Phương (246) Bích Đào và Nina (251) Khánh Ly (254)
- Nguyễn Tường Thiết và Nhất Linh (260)
- Chữ Bá Anh và Vi Khuê (269) Chữ Tứ Anh (272)
- Chữ Nhị Anh (273) Trần Đại Bản (274) Nguyễn Minh Diễm (275)
- Trần Cao Lĩnh (276) Trần Văn Lệ (277)
- Nguyễn Thị Ngọc Dung (USA) (280) Bùi Bích Hà (282)
- Hồng Thủy (284) Quỳnh Anh (286) Phạm Duy (289)
- Hà Bình Trung (293) Lê Văn Phúc (296)
- Đình Lang và Diễm Liên (301) Nguyễn Đức Nam (304)
- Vũ Đức Nghiêm (308) Vương Đức Lệ (310) Miên Du Đà Lạt (310)
- Phạm Xuân Đài (312) Vũ Lâm (313) Hà Ly Mạc (314)
- Lam Phương (316) Đỗ Văn (316) Phan Nghè (317)

Lê Thị Ý (319) Nguyễn Quý Nhơn (320) Nguyễn Xuân Hoàng (322)
 Trần Huy Sao (325) Nguyễn Cúc (326) Anh Tâm (328)
 Ngự Thuyết (329) Phạm Mạnh Cường (333)
 Nguyễn Ngọc Chính (333) Anh Bằng (335) Phạm T. M. (336)
 Huỳnh Sơn (338) Hoàng Trọng Hàn (339)
 Trần Thị Xuân Lan (340) Nguyễn Tấn (342) Kiếm Thêm (342)
 Nguyễn Anh Tuấn (344) Phạm Công Thiện (344) Hồng Liên (345)
 Nguyễn Xuân Thiệp (346) Đinh Cường (349) Tuấn Huy (350)
 Hứa Hoàn (351) Tống Nữ Mộng Hoa (352) Bùi Giáng (354)
 Yên Hà (355) Phong Vũ (356) Diệu Hương (358) Lãm Thúy (359)
 Nghiêu Minh (360) Cầu Đất (362) Nguyễn Tất Nhiên (363)
 Thảo Chi (365) Thiên Hương (366)
 Hoàng Trọng & Hồ Đình Phương (368) Trịnh Thanh Thủy (369)
 Duy Khánh (371) Nguyễn Thị Ngọc Dung (Canada) (372)
 Tạ Thị Bích Thủy (374) Dương Tấn Hải (376) Tuyền Sơn (378)
 Đào Thị An (379) Hồ Mỹ Hạnh (381) Mạnh Đăng (382)
 Kim Thanh (383) Lại Văn Long (386) Cao Nguyên (387)
 Phạm Cao Hoàng (388) Hải Vân (389) Phạm Mai Hương (391)
 Phạm Mai Trang (392) Cao Hữu Đạt (394) Bùi Thanh Tiên (395)
 Khương Hữu Điều (397) Hoàng Bạch Mai (399)
 Forget-Me-Not (399) Cô Bé Quảng Khấn Đổ (401)
 Văn Quang (403) Việt Trang (405).

THAY LỜI KẾT LUẬN (411)

*Trịnh Thanh Thủy, Tạ Thị Bích Thủy,
 Khánh Ly, Vi Khuê, Song Ngọc.*

PHỤ BẢN (413)

THƠ: TÌNH NGƯỜI PHỐ NÚI
(Tâm Minh Ngô Tằng Giao)

TÀI LIỆU THAM KHẢO (414)

MỤC LỤC (421)



VÀI HÀNG VỀ SOẠN GIẢ

NGÔ TÀNG GIAO

Luật sư Đà Lạt

Bút hiệu **TÂM MINH**

Sinh tại Hà Nội. Trưởng thành tại Sài Gòn.

Lập nghiệp tại Đà Lạt.

Gia nhập Luật Sư Đoàn Sài Gòn năm 1962

và Ban Giảng Huấn Viện Đại Học Đà Lạt năm 1966.

Rời Đà Lạt vào Trung Thu năm 1988 và sau đó định cư tại Virginia, Hoa Kỳ từ ngày Lễ Tạ Ơn (Thanksgiving) năm 1989.

Liên lạc:

giaongo@msn.com



